

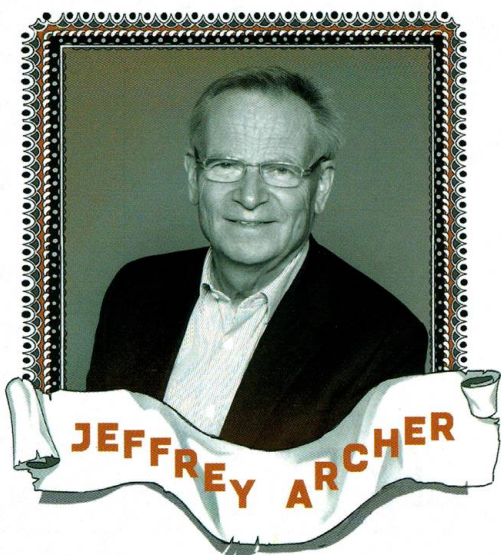
JEFFREY
ARCHER

HAI SÔ PHÂN
KANE & ABEL

NGUYỄN
VIỆT
HÀ I
dịch



vh NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



Sinh ngày 15/4/1940

Ông từng hoạt động chính trị và là thành viên trẻ nhất của Hạ Nghị viện Anh năm 1969. Sóng gió trên chính trường và đời tư đã cung cấp những chất liệu quý giá cho sự nghiệp sáng tác của ông trong giai đoạn sau này.

Jeffrey Archer nổi tiếng với dòng tiểu thuyết trinh thám - hình sự gắn liền với các sự kiện và nhân vật có thật. Năm 1979, tiểu thuyết **HAI SỐ PHẬN** của ông gây tiếng vang mạnh mẽ và đứng vị trí số 1 trong danh sách các tác phẩm ăn khách nhất của The New York Times. Năm 2003, tác phẩm nằm trong danh sách *The Big Read* do BBC bình chọn.

HAI SƠ PHẬN

HAI SỐ PHẦN KANE & ABEL

Kane & Abel

Copyright © 1979, 2009 by Jeffrey Archer

All rights reserved

Originally published in Great Britain in 1971 by Hodder & Stroughton
Limited

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Văn hóa Huy Hoàng



**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia
Việt Nam**

Archer, Jeffrey

Hai số phần : Kane & Abel / Jeffrey Archer ; Nguyễn Việt Hải
dịch. - H. : Văn học ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2020. - 767tr.
; 21cm

ISBN 9786043073508

1. Văn học hiện đại 2. Tiểu thuyết 3. Anh
823.914 - dc23

VHL0276p-CIP

JEFFREY ARCHER

Nguyễn Việt Hải dịch

HAI SÔ PHÂN

K A N E & A B E L



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

- “Cuốn tiểu thuyết tội phạm về cuộc đối đầu giữa những người anh em.”

- *Dan Brown, tác giả “Mật mã Da Vinci”* -

- “Một bậc thầy về nghệ thuật hòa trộn các yếu tố kinh tế, chính trị và quyền lực trong cùng một cuốn tiểu thuyết.”

- *Entertainment Weekly* -

- “Khả năng xây dựng cốt truyện của Archer chỉ có thể được miêu tả bằng hai chữ Thiên Tài.”

- *Daily Telegraph* -

- “Archer xây dựng tình tiết vô cùng khéo léo và khiến bạn không thể buông sách xuống được.”

- *The Boston Globe* -

- “Một trong mười người kể chuyện hay nhất thế giới.”

- *Los Angeles Times* -

Lời tri ân

Tác giả xin được gửi lời tri ân hai người đàn ông đã giúp cho cuốn sách này được ra đời. Cả hai đều tha thiết muốn được giấu tên, vì một người đang viết cuốn tự truyện của đời mình và người còn lại đang là một nhân vật tầm cỡ ở nước Mỹ.

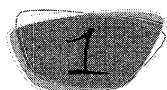
Dành tặng Michael và Jane



PHẦN MỘT

1906-1923





Slonim, Ba Lan

Ngày 18 tháng Tư năm 1906

Tiếng la hét chỉ ngưng khi người phụ nữ đã tắt thở. Và cũng chính lúc đó đứa trẻ bắt đầu cất tiếng khóc. Cậu bé đang săn thỏ trong rừng không rõ đôi tai non nớt của mình bị đánh động bởi tiếng la hét cuối cùng của người phụ nữ hay tiếng khóc đầu tiên của đứa trẻ. Cậu quay ngoắt lại, linh tính có chuyện nguy cấp, hai mắt cậu đảo quanh dò tìm xem có con thú nào bị thương. Nhưng trước giờ cậu chưa từng nghe thấy con thú nào kêu kiểu đó. Cậu thận trọng dò từng bước về phía những âm thanh ấy, tiếng kêu lúc này đã chuyển thành tiếng rên rỉ, nhưng vẫn không giống tiếng những con thú cậu biết. Cậu bé hy vọng con thú này đủ nhỏ để cậu có thể bắt được, như vậy ít nhất bữa tối nay cũng được đổi món, không phải ăn thịt thỏ nữa.

Cậu rón rén đi về phía bờ sông, nơi những âm thanh lạ lùng ấy vẳng lại. Cậu chườn lẹ làng sau từng gốc cây, cảm nhận được sự che chở của thân cây khi áp vai vào chúng. Không được phoi mình ra chỗ trống, cha cậu đã dạy thế. Đến bìa rừng, cậu bé nhìn rõ được cả triển thung lũng dẫn xuống bờ sông, và phải mất một lúc cậu mới nhận ra tiếng kêu quái lạ kia không phát ra từ một con thú bình thường. Cậu bò về phía những tiếng rên rỉ, dù lúc này cậu đã hoàn toàn phoi mình ở ngoài khoảng trống.

Rồi đột nhiên cậu trông thấy người phụ nữ, váy tốc lên quá eo, đôi chân trần dang rộng. Trước giờ cậu chưa từng thấy người phụ nữ nào trong bộ dạng đó. Cậu chạy vội đến, nhìn xuống bụng người đó và sợ đến nỗi không dám chạm vào. Nằm giữa hai chân người phụ nữ là một sinh vật bé bỏng, đỏ hồng, máu me nhóp nhép và gắn liền với cô bằng thứ gì đó trông như sợi dây thừng. Cậu bé thợ săn buông rơi mấy con thỏ mới bắt được và quỳ xuống bên cạnh sinh linh bé bỏng kia.

Cậu sững sờ nhìn chăm chăm vào hình hài ấy một lúc lâu, rồi quay lại nhìn người phụ nữ và ngay lập tức hối hận vì điều đó. Cô đã tái xanh vì lạnh, dù còn trẻ nhưng khuôn mặt mệt mỏi của cô khiến cậu tưởng đó là một người phụ nữ trung tuổi. Không cần nói cậu cũng biết là cô đã chết. Cậu bế thân hình bé nhỏ nhóp nhép nằm trên đám cỏ giữa hai chân người mẹ lên. Không ai hỏi lý do cậu làm vậy, mà nếu có người hỏi cậu sẽ trả lời là do cậu thấy lo lắng khi nhìn những móng tay bé xíu của đứa nhỏ cứ cào vào khuôn mặt nhăn nhoe của nó.

Đứa nhỏ vẫn còn nối liền với người mẹ bởi cái sợi trông như dây thừng kia. Vài ngày trước đây, cậu bé đã chứng kiến một con cừu ra đời, và giờ cậu cố nhớ lại. Phải rồi, bác chăn cừu đã làm như thế! Nhưng liệu cậu có dám làm vậy với một đứa bé mới sinh không? Tiếng rên rỉ đột ngột ngưng lại, cậu bé cảm thấy mình cần phải quyết đoán. Cậu rút con dao nhỏ vừa dùng để lột da thỏ ra, lau nó vào cổ tay áo, do dự một lát rồi cắt đứt sợi dây ở chỗ sát bụng đứa nhỏ. Máu phun ra từ hai đầu vết cắt. Khi con cừu ra đời, bác chăn cừu đã làm gì nhỉ? Bác ấy đã thắt một cái nút để cầm máu. Đương nhiên rồi, thắt nút! Cậu bứt vài cọng cỏ dài trên khoảng đất bên cạnh và buộc vội mẩu dây lại. Rồi cậu ôm lấy đứa bé. Nó lại khóc ré lên. Cậu từ từ đứng dậy, bỏ lại ba con thỏ đã chết và thi thể người mẹ chết khi sinh con. Trước khi quay lưng đi, cậu khép hai chân người mẹ lại và kéo gấu váy xuống đầu gối. Đường như làm vậy mới đúng. “Ôi lạy Chúa!” Cậu thốt lên. Cậu vẫn hay nói câu đó mỗi khi làm được việc rất tốt hoặc rất tệ. Cậu cũng không rõ việc mình đang làm tốt hay xấu nữa.

Cậu bé thọt sấn chạy về ngôi nhà nhỏ, nơi mẹ mình đang nấu bữa tối, chỉ còn chờ món thịt thỏ cậu đem về, mọi thứ khác đã được chuẩn bị sẵn sàng. Chị tự hỏi hôm nay cậu con trai sẽ bắt được mấy con thỏ. Với một gia đình tám miệng ăn, chị cần ít nhất ba con thỏ. Thỉnh thoảng, cậu bé kiếm được con vịt, con ngỗng, hoặc thậm chí là con gà lôi đi lạc từ đất của ngài Nam tước, nơi cha cậu đang làm công. Nhưng tối nay, cậu bé lại bắt được một con vật khác.

Về đến nhà, cậu bé không dám rời tay khỏi chiến lợi phẩm hôm nay, nên đành đá bàn chân trần vào cửa cho đến lúc mẹ ra mở cửa. Cậu nín lặng đưa đĩa nhỏ cho mẹ. Người mẹ không lập tức đưa tay ra đỡ lấy hình hài kia mà đứng sững lại, một tay che miệng, mắt nhìn chằm chằm vào cảnh tượng khốn khổ.

- Ôi lạy Chúa! - Người mẹ nói và làm dấu thánh giá. Cậu bé ngược nhìn mẹ để xem bà vui mừng hay giận dữ, và bất gặp ánh mắt dịu dàng mà cậu chưa bao giờ thấy. Cậu biết chắc chắn mình vừa làm được một việc tốt.

- Một bé trai! - Người mẹ đón lấy đĩa trẻ và hỏi - Con tìm thấy nó ở đâu đấy?

- Dưới bờ sông mẹ ạ. - Cậu bé đáp.

- Còn mẹ nó đâu?

- Chết rồi.

Mẹ cậu lại làm dấu thánh giá.

- Nhanh, chạy đi báo cho cha con biết. Cha sẽ đi tìm bà Urszula Wojnak ở trang trại, và con phải dẫn cả hai đến chỗ người mẹ. Rồi bảo họ quay về đây nhé.

Cậu con trai lau hai tay vào quần, trong lòng hoan hỉ vì đã không bỏ rơi đứa bé đáng thương, rồi hộc tốc chạy đi tìm cha.

Người mẹ ghé vai đẩy cửa khép lại và bảo cô con gái cả là Florentyna bắc nồi lên bếp. Chị ngồi xuống chiếc ghế gỗ, mở cúc áo và đẩy núm vú nhọt nhọt vào cái miệng nhăn nhúm bé xíu kia. Sophia, đứa con gái út sáu tháng tuổi của chị sẽ phải nhịn bữa tối nay. Nghĩ đến đấy, chị nhớ ra cả nhà rồi cũng vậy.

- Để làm gì cơ chứ? - Chị nói to, quấn chiếc khăn quàng quanh người đứa nhỏ - Đến sáng mai thì đứa bé tội nghiệp này cũng sẽ chết thôi.

Nhưng vài giờ sau, khi bà Urszula Wojnak đến, người mẹ không nhắc lại những dự cảm kia nữa. Bà đỡ già tắm rửa cho đứa nhỏ và thắt lại rốn cho nó. Người chồng đứng bên bếp lửa, im lặng nhìn cảnh tượng ấy.

- Đón khách là đón Chúa vào nhà! - Người vợ nhắc lại một câu tục ngữ của Ba Lan.

- Dẫn dịch bệnh vào nhà thì có. Nhà này đủ con rồi. - Chồng chị cầu nhàu.

Người vợ vuốt ve mái tóc đen lưa thưa của đứa bé, làm như không nghe thấy lời chồng.

- Mình đặt tên nó là gì nhỉ? - Chị hỏi.

Anh chồng nhún vai:

- Có gì quan trọng chứ? Cứ để cho nó chết vô danh tính là xong.



Boston, bang Massachusetts
Ngày 18 tháng Tư năm 1906

Vị bác sĩ nắm cổ chân đứa bé mới chào đời, nhấc lên rồi phát vào mông nó. Bấy giờ đứa bé mới khóc. Ở Boston, bang Massachusetts, có một bệnh viện chủ yếu phục vụ những người mắc các chứng bệnh của nhà giàu, và trong một số trường hợp đặc biệt cũng kiêm cả đỡ đẻ khi những đứa bé con nhà giàu chào đời. Những người mẹ ít khi phải kêu khóc, và chắc chắn không phải ăn mặc kín đáo khi sinh con.

Một người đàn ông trẻ tuổi đi đi lại lại bên ngoài phòng hộ sinh. Trong phòng, hai bác sĩ sản khoa và một bác sĩ riêng của gia đình đang làm việc. Người cha này không dám để đứa con đầu lòng gặp rủi ro gì. Hai bác sĩ sản khoa được trả hậu hĩnh để ở bên trợ giúp và giám sát mọi chuyện. Một trong hai

vị bác sĩ đã mặc sẵn đồ dạ hội trong chiếc áo choàng trắng, thà trễ buổi tiệc tối chứ không cho phép mình vắng mặt trong ca sinh nở đặc biệt này. Trước đây, ba người đã rút thăm để xem ai sẽ đỡ đẻ, và bác sĩ MacKenzie, bác sĩ của gia đình đã trúng thăm. Một người chuẩn mực và đáng tin cậy, người cha trẻ tuổi đã nghĩ thế lúc sai bước dọc hành lang.

Nhưng như vậy cũng chưa hết lo. Sáng nay, bác xà ích Roberts đã đánh chiếc xe song mã đưa phu nhân của cậu chủ trẻ tuổi đến bệnh viện, dù theo tính toán của bác sĩ thì đứa bé mới được 8 tháng 28 ngày. Anne đã trở dạ ngay sau bữa sáng, bác sĩ cam đoan cô sẽ không sinh trước lúc ngân hàng của Richard đóng cửa chiều nay. Người cha trẻ tuổi này là người nguyên tắc và không muốn chuyện con chào đời làm xáo trộn cuộc sống quy củ của anh. Tuy thế, anh vẫn cứ đi lại đến chóng mặt. Các y tá và bác sĩ vội vã lướt qua chỗ anh, hạ giọng khi đến gần rồi lại cao giọng khi đi xa anh. Richard không bận tâm, vì ai ở đây cũng hành xử với anh như vậy. Phần lớn người của bệnh viện chưa từng gặp riêng anh, nhưng tất cả đều biết rõ anh là ai. Sau khi con trai anh ra đời, - anh chưa bao giờ nghĩ, dù chỉ trong một tích tắc, đứa bé biết đâu lại là con gái - anh sẽ xây tặng bệnh viện một khu Nhi khoa mới mà bệnh viện đang rất cần. Ông nội anh ngày xưa đã xây tặng một thư viện và cha anh từng tặng một trường học cho địa phương.

Người cha tương lai cố đọc tờ báo buổi tối, đọc không sót chữ nào nhưng chẳng hiểu tờ báo viết gì. Anh đang hồi hộp, thậm chí lo lắng. Những người kia (anh gần như xem tất cả

mọi người là “những người kia”) sẽ không bao giờ biết việc có con trai đầu lòng có ý nghĩa đến mức nào với anh, cậu bé một ngày nào đó sẽ thay anh tiếp nhận cương vị thống đốc và chủ tịch ngân hàng. Anh giở trang thể thao trên tờ *Evening Transcript*. Đội Tất Đỏ Boston đã chiến thắng đội Người Cao Nguyên New York - những người kia chắc sẽ ăn mừng. Rồi anh trông thấy tiêu đề trên trang nhất: *Trận động đất tẽ hại nhất trong lịch sử nước Mỹ*. San Francisco bị phá hủy, có ít nhất 400 người chết, những người còn lại chìm trong tang tóc. Anh thấy khó chịu. Những việc ấy sẽ làm hỏng ý nghĩa của việc con trai anh ra đời. Mọi người sẽ chỉ nhớ đến những sự kiện khác đã xảy ra trong ngày này.

Anh lật sang các trang tài chính và kiểm tra thị trường chứng khoán: chỉ số chứng khoán đã tụt mất vài điểm, trận động đất chết tiệt kia đã lấy mất gần 100 nghìn đô trong tổng giá trị cổ phần của anh ở ngân hàng, nhưng với số tài sản riêng hiện có luôn duy trì dồi dào ở mức trên 16 triệu đô, trận động đất ở bang California kia chưa đáng để anh dùng đến thang đo độ Richter của mình. Rốt cuộc, anh hiện vẫn có thể sống sung túc bằng lợi tức nên số tiền vốn 16 triệu đô kia vẫn được bảo toàn cho đứa con trai chưa ra đời. Anh lại tiếp tục sải bước trong khi vẫn vờ như đang đọc tờ *Transcript*.

Vị bác sĩ sản khoa mặc đồ dạ hội đẩy cánh cửa phòng hộ sinh bước ra thông báo tin mừng. Ông thấy mình phải làm gì đó để chứng minh mình xứng đáng với món thù lao hậu hĩnh và ông là người ăn mặc trang trọng nhất để báo

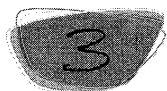
tin. Hai người đàn ông chăm chăm nhìn nhau một lúc. Bác sĩ cũng hơi hồi hộp, nhưng không thể hiện ra trước mặt người cha trẻ tuổi.

- Xin chúc mừng, thưa ngài, ngài đã có con trai. Một quý tử bé bỏng khôi ngô.

Mọi người toàn đưa ra những nhận xét ngớ ngẩn khi một đứa bé chào đời, người cha trẻ thoáng nghĩ, đứa trẻ nào sinh ra mà không bé bỏng? Nhưng tin mừng ấy khiến lòng anh bừng sáng: một bé trai. Anh nghĩ mình phải tạ ơn vị Chúa mà anh vốn chẳng tôn thờ. Ông bác sĩ sản khoa đánh bạo lay động khoảnh khắc tĩnh lặng ấy bằng một câu hỏi:

- Ngài định đặt tên cậu ấy là gì?

- William Lowell Kane. - Người cha đáp không chút do dự.



Nhiệm vui chào đón thành viên mới đã lắng xuống, cả nhà đã ngủ từ lâu, nhưng riêng người mẹ còn thức, ngồi ôm đứa trẻ trong tay. Helena Koskiewicz tin vào sự sống, việc chị đã chín lần sinh nở là minh chứng cho điều đó. Dù đã mất ba đứa con khi chúng còn ẵm ngửa nhưng chị chưa từng dễ dàng để chúng ra đi.

Ở tuổi ba lăm, chị biết anh Jasio tráng kiện ngày xưa sẽ chẳng cho chị thêm đứa con trai hay gái nào nữa. Chúa đã ban cho chị đứa bé này, chắc chắn Người sẽ để nó được sống. Helena là người có đức tin đơn giản, cũng phải thôi, vì định mệnh cũng không cho chị thứ gì khác ngoài một cuộc sống giản đơn. Dù mới ngoài ba mươi, nhưng ăn uống kham khổ và lao động nặng nhọc làm chị già hơn tuổi rất nhiều. Chị gầy và xanh, cả đời chưa từng được mặc những bộ đồ mới. Chị chưa hề một lần oán trách số phận, nhưng những nếp nhăn trên mặt khiến chị giống bà ngoại hơn là mẹ.

Chị đã vắt mạnh hai bên vú, đến nỗi hằn lên những vết đỏ quanh núm vú, nhưng cũng chỉ có vài giọt sữa rỉ ra. Ba mươi lăm tuổi, đã đi nửa cuộc đời, ai trong chúng ta cũng đã có vốn sống nhất định, và Helena Koskiewicz cũng đã tích lũy được khá khá kinh nghiệm.

- Bé út của mẹ! - Chị thì thầm âu yếm với đứa bé và đưa núm vú dính sữa vào cái miệng chúm chím của nó. Mi mắt của đứa bé nhếch lên khi nó cố mút sữa. Cuối cùng người mẹ thiếp đi lúc nào không rõ.

Jasio Koskiewicz là một người đàn ông quê mùa, trắng kiện với bộ ria mép quý phái, điểm duy nhất giúp anh tự tin đôi chút trong cuộc đời làm thuê nhọc nhằn. Tỉnh dậy lúc 5 giờ sáng, anh thấy vợ và đứa nhỏ đang ngủ trên chiếc ghế chao. Anh không nhận ra cả đêm qua vợ không nằm trên giường. Anh nhìn chăm chăm vào đứa bé khốn khổ, tạ ơn Chúa, nó đã ngừng khóc. Nó chết rồi ư? Anh không bận tâm. Chuyện sống chết để đàn bà lo, nhiệm vụ quan trọng nhất của anh là có mặt ở nhà ngài Nam tước khi trời vừa sáng. Anh tu vài ngụm sữa dê rồi dùng cổ tay áo chùi bộ ria. Một tay anh chụp lấy mẫu bánh mì còn tay kia cầm cái bẫy, lặng lẽ ra khỏi nhà vì sợ làm đứa bé tỉnh giấc, nó sẽ lại khóc. Anh sải bước về phía khu rừng, không nghĩ gì về đứa nhỏ không mời mà đến kia nữa, cho rằng đó là lần cuối cùng anh nhìn thấy nó.

Florentyna là người tiếp theo vào bếp, ngay trước khi cái đồng hồ cũ kỹ kịp đổ sáu tiếng chuông. Bao nhiêu năm qua nó chỉ có một nhiệm vụ buồn tẻ là nhắc người trong nhà

biết giờ thức dậy hay đi ngủ. Trong những việc thường nhật của cô bé có việc chuẩn bị bữa sáng, đơn giản chỉ là chia bầu sữa dê và tảng bánh mì đen đủ cho tám người trong nhà. Tuy thế, việc đó cũng đòi hỏi sự khôn ngoan không thua gì vua Solomon¹ để không ai phàn nàn là phần của người khác nhiều hơn của mình.

Florentyna là cô bé xinh xắn, mảnh khảnh, mong manh, khiến những người lần đầu gặp cô cũng phải động lòng. Dù hai năm qua, cô bé chỉ có độc một chiếc váy, nhưng người trong vùng khi nhìn cô đều hiểu tại sao Jasio ngày xưa lại say mê mẹ cô. Mái tóc Florentyna dài óng ả và đôi mắt màu nâu sáng long lanh bất chấp thân phận thấp hèn và cuộc sống khốn khổ.

Cô bé rón rén qua chỗ chiếc ghế chao để nhìn mẹ và đưa bé mà cô đã thấy yêu mến từ cái nhìn đầu tiên. Đã tám tuổi rồi nhưng cô bé chưa từng có được một con búp bê. Thực ra, cô bé chỉ mới nhìn thấy búp bê đúng một lần khi cả gia đình được mời đến bữa tiệc ngày lễ Thánh Nicholas ở lâu đài của ngài Nam tước. Cô cũng chưa được tận tay chạm vào món đồ xinh đẹp ấy, nhưng giờ đây cô lại thấy thôi thúc lạ kỳ ước muốn được bế đứa bé này trong tay. Cô cúi xuống và đỡ lấy đứa bé từ trong lòng mẹ, ngắm nhìn đôi mắt xanh của nó, - đôi mắt rất xanh - và cô bắt đầu ngâm nga một điệu ru. Hơi ấm của vú mẹ bị thay bằng đôi tay lạnh giá của cô gái nhỏ làm đứa bé ré lên khóc. Người mẹ bừng tỉnh giấc, lấy làm ân hận vì đã ngủ quên.

¹ Vua Israel thời cổ đại, nổi tiếng với trí thông minh.

- Ôi lạy Chúa! Nó vẫn còn sống, Florcia ơi! - Người mẹ nói - Con phải chuẩn bị bữa sáng cho các em trong lúc mẹ cho nó bú thêm.

Florentyna miễn cưỡng trao đứa bé cho mẹ và đứng xem mẹ lại vắt hai bên vú đến đau rát. Cô bé như bị mê hoặc.

- Đi làm việc của con đi, Florcia. - Mẹ cô trách - Cả nhà cũng cần phải ăn chứ.

Florentyna đành nghe lời khi bốn cậu em trai đều đã đi xuống từ gác xếp, chỗ chúng ngủ. Chúng hôn tay mẹ và sợ sệt nhìn chằm chằm vào đứa bé lạ mặt. Chúng đều biết rằng đứa em này vốn không phải từ bụng mẹ sinh ra. Sáng hôm đó, Florentyna phấn khích đến mức quên cả ăn sáng, các cậu em liền chia nhau phần thức ăn của chị không chút băn khoăn, để lại phần của mẹ trên bàn. Không ai để ý người mẹ chưa hề ăn chút gì từ khi có em bé về nhà. Helena Koskiewicz hài lòng vì các con chị sớm học được cách tự lo cho bản thân. Chúng biết cho gia súc ăn, vắt sữa dê và chăm sóc vườn rau mà không cần ai giúp hoặc thúc giục.

Khi Jasio về nhà tối hôm đó, Helena vẫn chưa chuẩn bị bữa tối cho anh. Florentyna đã mang ba con thỏ mà cậu em thợ săn Frankc bắt được ngày hôm trước về và đem lột da. Florentyna tự hào khi được chuẩn bị bữa tối, công việc mà cô bé chỉ được giao phó khi mẹ cô không khỏe, và Helena cũng ít khi cho mình đặc quyền ấy. Người cha đã đem về sáu cây nấm và ba củ khoai tây; tối nay sẽ có một bữa tiệc thật sự.

Sau bữa tối, Jasio Koskiewicz ngồi xuống ghế bên lò sưởi và lần đầu tiên anh thực sự quan sát kĩ đứa bé. Bé đứa

bé trên tay, những ngón tay anh xòe rộng đỡ lấy cái đầu yếu ớt của nó, anh nhìn đứa bé bằng đôi mắt của người săn thú. Khuôn mặt nhăn nheo với cái miệng không có răng, chỉ có đôi mắt xanh trong sáng, chưa biết nhìn là đẹp. Trong lúc ánh mắt người đàn ông soi xét trên khắp thân hình bé bỏng, có một chi tiết làm anh chú ý. Anh cau mày khó chịu và cọ cọ hai ngón tay cái lên lồng ngực non nớt kia.

- Mẹ nó đã bao giờ thấy cái này chưa? - Anh vừa nói vừa chỉ vào ngực đứa bé - Thằng nhóc con hoang này chỉ có một núm vú.

Vợ anh cau mày khi ngón tay chị vuốt nhẹ trên da đứa bé, như thể hành động ấy có phép màu làm cho núm vú còn lại xuất hiện. chồng chị nói đúng: có núm vú nhỏ và nhọn nhọt ở bên trái, nhưng ở vị trí đối xứng bên phải thì làn da hoàn toàn phẳng mịn.

Đầu óc mê tín của người đàn bà lập tức bị đánh thức.

- Chúa đã trao nó cho chúng ta. - Chị kêu lên - Hãy nhìn dấu hiệu của Người trên cơ thể nó!

Người chồng tức giận dúi đứa bé sang cho chị.

- Cô ngu ngốc vừa chứ. Mẹ đứa bé này mang thai nó với một gã đàn ông xấu máu. - Anh nhổ nước bọt vào đồng lửa, thể hiện định kiến mạnh mẽ của mình về xuất thân của đứa bé - Dù sao, tôi dám cá thằng con hoang này không sống được đến đêm mai đâu.

Jasio Koskiewicz thực ra cũng chẳng quan tâm nhiều đến chuyện sống chết của thằng bé. Anh vốn không phải kẻ nhẩn tâm, nhưng thằng bé đâu phải con anh, và thêm một

miệng ăn trong nhà chỉ thêm gánh nặng cho anh. Nhưng rồi anh cũng không buồn lục vấn Thượng đế hay nghĩ gì thêm về đứa bé nữa, anh đã chìm sâu vào giấc ngủ.



Nhiều ngày trôi qua, ngay cả Jasio Koskiewicz cũng bắt đầu tin rằng đứa bé có thể sống sót, nếu cá cược trong chuyện này thì chắc anh đã thua. Cậu con trai lớn Frankc, cậu bé thợ săn, đã đóng cho em một cái nôi bằng gỗ gõ cậu nhặt về từ khu rừng của ngài Nam tước. Florentyna cắt quần áo cũ của mình ra rồi khâu thành những bộ đồ trẻ em nhiều màu sắc. Có lẽ cả nhà sẽ gọi đứa bé này là Harlequin nếu họ biết từ đó có nghĩa là *chú hề*. Việc đặt tên cho đứa bé đã gây ra nhiều bất đồng trong nhà hơn bất cứ chuyện gì trong hàng tháng trời, chỉ có người cha là không đưa ra ý kiến gì. Cuối cùng, họ chọn cái tên Wladek.

Chủ nhật sau đó, ở nhà thờ nhỏ trên địa phận của ngài Nam tước, đứa trẻ được rửa tội và đặt tên thánh là Wladek Koskiewicz, người mẹ tạ ơn Chúa đã ban ơn cho cuộc đời mình, còn người cha nhẩn nhịn nuôi thêm một miệng ăn nữa.

Tối hôm đó có một bữa tiệc nhỏ để kỷ niệm lễ rửa tội, có thêm món quà là một con ngỗng từ trang trại của ngài Nam tước. Cả nhà được một bữa thịnh soạn.

Kể từ ngày đó, Florentyna phải học cách chia mọi thứ thành chín phần.



Anne Kane ngủ ngon lành suốt đêm. Sau bữa sáng nhẹ nhàng, cậu con trai William được một nữ y tá bế về phòng riêng của Anne. Cô nóng lòng mong được bế con.

- Chào bà Kane! - Cô y tá mặc đồng phục trắng mau mắn nói - Đã đến lúc cho bé ăn sáng.

Anne ngồi dậy, cảm thấy đau nhức vì hai bầu vú đã căng sữa. Cô y tá hướng dẫn cho hai mẹ con làm quen với việc cho bú. Anne biết là nếu tỏ ra ngượng ngùng thì sẽ bị coi là không biết làm mẹ, cô chăm chú nhìn vào đôi mắt xanh của William, đôi mắt xanh hơn cả mắt của cha cậu bé. Cô mỉm cười mãn nguyện. Ở tuổi hai mốt, cô không còn cần gì hơn nữa. Sinh ra là người họ Cabot, kết hôn với một người trong dòng họ Lowell, và giờ lại hạ sinh được một bé trai để nối dõi tông đường, những điều đó được tóm lược súc tích trên tấm thiệp mà người bạn học cũ Millie Preston đã gửi cho cô:

Ở nơi này, xứ Boston cổ kính,

Là quê hương của cá tuyết, đậu tương,

*Nơi Lowell thề nguyện cùng Cabot,
Và Cabot nguyện cầu trước Chúa linh thiêng.*

Anne thủ thỉ với William suốt nửa tiếng, nhưng cậu bé chưa có phản ứng gì mấy. Cô y tá trưởng đưa cậu bé đi cũng khéo léo như lúc đưa cậu đến. Anne đã chế ngự được cơn thèm đám hoa quả, kẹo bánh do bạn bè và những người chúc phúc gửi tới. Cô quyết tâm đến mùa hè này sẽ mặc lại được tất cả y phục của mình, và trở lại với vị trí xứng đáng của mình trên những trang tạp chí thời trang. Chẳng phải chính Hoàng tử de Garonne đã ca tụng cô là người đẹp duy nhất của Boston đó sao? Mái tóc dài vàng óng, những đường nét thanh tú và vóc dáng mảnh mai ấy khiến cả những người ở các thành phố mà cô chưa từng ghé thăm cũng ái mộ. Anne soi mình trong gương, cô hài lòng với hình ảnh của mình: mọi người gần như không thể tin được cô đã là mẹ của một bé trai bụ bẫm. Tạ ơn Chúa vì đó là một bé trai, cô nghĩ đây là lần đầu tiên cô hiểu được cảm giác của Hoàng hậu Anne Boleyn¹ năm xưa.

Cô thưởng thức bữa trưa nhẹ trước khi chuẩn bị tiếp những người khách sẽ liên tục đến thăm trong buổi chiều. Người đến thăm cô trong những ngày đầu mới sinh đều là người thân hoặc những gia đình quyền quý nhất ở Boston, những người khác sẽ được thông báo là cô chưa sẵn sàng đón khách. Nhưng Boston là một thành phố Mỹ nơi mà mọi

¹ Hoàng hậu nước Anh từ năm 1533 đến năm 1536, vợ vua Henry VIII. Việc bà sinh con gái đầu lòng đã khiến Henry thất vọng vì ông muốn có con trai, hai lần mang thai sau là con trai thì bà đều bị sảy thai.

người đều biết rõ thân phận của mình trong xã hội, không ai muốn mình thành khách không mời mà đến.

Căn phòng cô nằm có thể kê thêm năm chiếc giường nữa nếu nó không có những bó hoa phủ kín. Cũng dễ hiểu nếu người nào đó tình cờ đi ngang qua mà nhầm phòng này là phòng triển lãm nhỏ về nghệ thuật làm vườn nếu không thấy bà mẹ trẻ đang ngồi thẳng trên giường. Anne bật đèn lên. Đèn điện vẫn còn là một thiết bị mới lạ ở Boston, chồng cô đợi cho tất cả những gia đình họ Cabot cùng lắp đèn điện thì mới lắp, khi đó ở Boston, đó là dấu hiệu báo trước việc ánh sáng cảm ứng điện từ sẽ được phổ biến rộng rãi.

Người đầu tiên đến thăm Anne là mẹ chồng cô, bà Thomas Lowell Kane, người chủ gia đình kể từ sau khi chồng bà mất sớm. Ở cuối tuổi trung niên, bà Kane vẫn uyển chuyển, thanh lịch. Bà lướt nhẹ vào với dáng vẻ hoàn toàn hài lòng, trước sự bối rối của chủ nhân căn phòng. Bà mặc chiếc váy lụa dài che kín mắt cá chân, người đàn ông duy nhất từng nhìn thấy mắt cá chân của bà nay đã mất rồi. Bà luôn giữ được vóc dáng mảnh mai. Bà vẫn thường khẳng định một người đàn bà quá béo là do thức ăn tẻ và dòng dõi thấp kém. Giờ bà là người cao tuổi nhất còn sống trong cả hai họ Lowel và Kane. Bởi thế bà, chứ không ai khác, sẽ là người đầu tiên xuất hiện ở bất cứ sự kiện ý nghĩa nào. Nói gì thì nói, chẳng phải chính bà đã sắp xếp lần gặp gỡ đầu tiên của Anne và Richard đó sao? Tình yêu không có ý nghĩa nhiều đối với bà Kane. Bà coi trọng tiền tài, địa vị và thanh thế. Tình yêu cũng rất tuyệt, nhưng tình yêu hiếm

khi chúng tỏ được sự bền vững, trong khi ba thứ kia thì hiển nhiên lâu bền.

Bà hôn lên trán con dâu với vẻ hài lòng. Anne chạm vào nút bấm trên tường và một tiếng rè rè nhỏ vang lên. Âm thanh ấy làm bà Kane ngỡ ngàng vì bà vẫn chưa tin rằng điện bỗng trở nên thời thượng đến như thế. Đứa cháu thừa tự lại được cô y tá đưa trở lại. Bà Kane ngắm nhìn cháu nội rất kĩ, tỏ vẻ hài lòng rồi ra hiệu cho cô y tá ra ngoài.

- Làm tốt lắm, Anne! - Bà nói như thể nàng dâu đã thắng được một giải nhỏ trong cuộc đua thuyền - Chúng ta tự hào về con.

Bà thân sinh của Anne, Edward Cabot, đến thăm ít phút sau đó. Về ngoài cửa bà không khác bà Kane là mấy nên những người nhìn từ xa dễ nhầm hai bà với nhau. Nhưng công bằng mà nói, bà Cabot quan tâm con gái và cháu hơn bà Kane nhiều. Bà chú ý đến số hoa trong phòng.

- Người nhà Jackson mới chu đáo làm sao! - Bà Cabot thì thầm, hẳn bà sẽ bị sốc nếu họ không gửi hoa.

Bà Kane liếc nhìn thật nhanh. Đôi mắt bà lướt qua những bó hoa tinh tế trước khi dừng lại ở các tấm thiệp của người mừng. Bà lẩm nhẩm để nhớ từng tên: nhà Adam, nhà Lawrence, nhà Lodge, nhà Higginson... Không bà nào bình phẩm về những danh tính mình không nhận ra, họ đã qua độ tuổi thích tìm hiểu về những sự vật hay con người mới. Cả hai bà đều hài lòng ra về: một người thừa kế đã ra đời, ngay lần đầu tiên nhìn đứa bé họ đã thấy mãn nguyện. Hai bà đều cho rằng mình đã hoàn thành nghĩa vụ cuối cùng

đối với gia tộc, dù là thông qua người khác, và cả hai từ nay đã có thể an hưởng cuộc sống.

Nhưng cả hai bà đều đã nhầm.

Suốt buổi chiều hôm đó, những người bạn thân và họ hàng của Anne và Richard đến thăm cùng với quà là những món đồ vàng bạc quý giá và những lời chúc tụng hoa mỹ.

Lúc người chồng đến sau giờ làm, Anne đã kiệt sức. Richard dường như đỡ vẻ cứng nhắc hơn thường ngày. Lần đầu tiên trong đời, anh đã uống một cốc sâm banh vào bữa trưa - ông già Amos Kerbes cứ một mực mời anh, hơn nữa cả câu lạc bộ Somerset nhìn vào, anh khó có thể từ chối. Cao trên mét tám, anh dường như bọc trong chiếc áo khoác dài màu đen và quần kẻ sọc, mái tóc đen rẽ ngôi giữa óng mượt dưới ánh sáng của bóng đèn điện cỡ lớn. Không mấy ai đoán đúng được tuổi của anh. Tuổi trẻ chưa bao giờ có ý nghĩa quan trọng với anh, vài người tếu táo còn kháo nhau anh sinh ra đã ở tuổi trung niên. Điều đó không làm anh bận tâm: tài sản và danh tiếng mới quan trọng. Bé William Lowell Kane lại được đưa đến và người cha ngắm con kĩ lưỡng như đang kiểm tra bảng cân đối kế toán vào cuối ngày làm việc. Mọi đường nét đều bình thường: con trai anh có hai chân, hai tay, mười ngón tay, mười ngón chân. Richard không thấy bất cứ đặc điểm nào có thể khiến anh phải hồ thẹn, và bé William lại được đưa đi.

- Tối qua anh đã đánh điện cho ông Hiệu trưởng của trường St. Paul. - Anh thông báo với vợ - William đã có tên trong danh sách nhập học tháng Chín năm 1918.

Anne không bàn luận gì. Rõ ràng Richard đã bắt đầu lên kế hoạch cho tương lai của William rất lâu trước khi cậu bé chào đời.

- À, em yêu, anh hy vọng là em đã hoàn toàn bình phục. - Richard cắt lời - Lần đầu tiên trong đời, anh đã ghé bệnh viện suốt ba ngày.

- Vâng... không... em nghĩ em ổn. - Người vợ rụt rè đáp, cố nén mọi cảm xúc vì sợ khiến chồng không hài lòng. Không nói thêm lời nào, Richard nhẹ nhàng hôn lên má cô rồi ra về. Robert đánh xe đưa anh trở về Dinh thự Đỏ của gia đình anh bên Quảng trường Louisburg. Thêm bé trai mới ra đời và bảo mẫu, cộng với những người làm hiện có trong nhà là chín miệng ăn. Richard cũng chẳng mấy may bận tâm.



William Lowell Kane được ban phước ở Nhà thờ Tin Lành St. Paul trước sự hiện diện của những người Boston, cả những nhân vật quan trọng và không quan trọng. Giám mục William Lawrence làm lễ, J.P. Morgan và A.J. Lloyd, các chủ ngân hàng danh tiếng, đứng bên người bạn học Millie Preston của Anne với tư cách cha mẹ đỡ đầu. Đức giám mục vẩy nước thánh lên đầu William và thốt lên mấy từ: “William Lowell Kane”. Cậu bé không có phản ứng gì. Cậu đã học được cách đón nhận cuộc sống của tầng lớp thượng lưu. Anne tạ ơn Chúa vì đã giúp con trai chào đời thuận lợi, trong khi Richard đứng cúi đầu, anh coi Đấng toàn năng chẳng hơn gì một người ngoại tộc giữ sổ sách có nhiệm vụ

ghi chép việc sinh tử của dòng họ Kane. Tuy nhiên, anh nghĩ nếu có thêm cậu con trai thứ hai thì sẽ chắc chắn hơn, giống như hoàng tộc nước Anh, anh sẽ có cả thái tử lẫn hoàng tử. Anh mỉm cười với vợ, cảm thấy rất hài lòng.



Wladek Koskiewicz chậm lớn. Mẹ nuôi cậu sớm nhận ra con trai luôn có vấn đề về sức khỏe. Cậu bé mắc tất cả những chứng bệnh mà trẻ đang lớn thường gặp, và cả những bệnh không có ở phần lớn những đứa trẻ khác. Cậu cũng lây bệnh lung tung cho những người còn lại trong nhà.

Helena đối xử với Wladek như con đẻ và quyết liệt bảo vệ cậu bé bất cứ khi nào Jasio bắt đầu đổ lỗi cho quỷ sứ, chứ không phải Chúa, đã đem thằng bé đến căn nhà nhỏ bé của họ. Florentyna cũng chăm lo Wladek như thể cậu bé là con mình. Cô bé yêu em ngay từ lần đầu tiên ngắm nhìn, và ngày càng yêu hơn do nỗi sợ sẽ không ai muốn cưới mình, đứa con gái nghèo kiệt xác, con một người chuyên bẫy thú, và cô sẽ không có con. Wladek là con của cô!

Người anh lớn nhất, Frankc, người đã tìm thấy Wladek bên bờ sông, coi đứa em như một món đồ chơi. Cậu chưa bao giờ thừa nhận mình yêu mến đứa em ốm yếu kia, vì như

cha cậu đã nói, trẻ con là chuyện của đàn bà. Dù sao, sang tháng Một năm sau cậu cũng sẽ nghỉ học để bắt đầu đi làm ở chỗ ngài Nam tước. Ba cậu em nhỏ hơn là Stefan, Josef và Jan tỏ ra ít qua tâm đến Wladek, trong khi thành viên còn lại trong nhà, Sophia, chỉ hơn cậu em út sáu tháng, thì chỉ cần được ôm em là đã vui rồi. Điều Helena không dự liệu được là tính cách và trí tuệ đứa bé khác hẳn những đứa con đẻ của chị.

Không ai không nhận ra những khác biệt về thể chất hoặc trí thông minh của chúng. Những đứa trẻ nhà Koskiewicz đều cao, vạm vỡ, tóc đỏ, trừ Florentyna thì tất cả đều mắt màu xám. Wladek thấp đậm, tóc sẫm màu và mắt rất xanh. Đám trẻ nhà Koskiewicz không thích đi học, và chúng rời trường ngay khi vừa lớn hoặc do nghèo túng nên phải nghỉ học. Khác hẳn mọi người, Wladek tuy chậm biết đi nhưng mới mười tám tháng đã nói sõi, biết đọc lúc chưa đầy ba tuổi, dù vẫn chưa biết tự mặc quần áo, và viết được những câu mạch lạc khi lên năm, dù vẫn hay đáí dầm. Cậu bé trở thành nỗi thất vọng trong mắt người cha và là niềm tự hào của mẹ. Cậu bé có bốn năm đầu đời đáng nhớ hơn cả vì bao lần ốm thập tử nhất sinh, cậu hẳn đã chết nếu không có những nỗ lực bền bỉ của mẹ Helena và chị Florentyna. Cậu thường mặc bộ đồ chú hề, chân đất chạy quanh căn nhà gỗ lụp xụp, quanh sân hoặc quán lấy chân mẹ. Khi Florentyna từ trường về nhà, cậu em lại quán lấy chị, không rời nửa bước cho đến lúc cô chị đưa đi ngủ. Khi chia đồ ăn, Florentyna cũng hay cho Wladek thêm nửa phần của mình

hoặc nhường tất cả phần mình cho em khi cậu ốm. Wladek mặc những bộ đồ chị khâu cho, hát những bài hát chị dạy và cùng chị chơi những món đồ chơi và quà tặng chị có.

Vì hầu hết các ngày Florentyna phải đi học nên Wladek cũng muốn đi cùng chị. Ngay khi được phép, cậu bé nắm chắc tay chị sỏi bước suốt quãng đường mười tám *wiorsta*¹ qua khu rừng những cây bạch dương và cây bách bao phủ để đến ngôi trường nhỏ ở Slonim.

Không giống các anh, Wladek thích trường học ngay từ khoảnh khắc đầu tiên, đối với cậu, đi học là thoát khỏi căn nhà nhỏ bé vốn là cả thế giới đối với cậu từ trước đến giờ. Trường học cũng khiến cậu cay đắng hiểu ra người Nga đã chiếm đóng quê hương mình. Cậu được biết người ta chỉ dám lén nói tiếng Ba Lan khi ở nhà, còn ở trường tiếng Nga đã trở thành tiếng mẹ đẻ. Cùng với những đứa trẻ khác, cậu cũng có chung một niềm tự hào mãnh liệt đối với ngôn ngữ và nền văn hóa đang bị đàn áp của mình.

Wladek bất ngờ khi nhận ra thầy giáo Kotowski không hề xem thường cậu như cha cậu. Dù là học sinh nhỏ nhất, cũng như khi ở nhà, nếu không kể đến chiều cao thì cậu bé nhanh chóng vượt qua các bạn ở mọi mặt. Vóc dáng nhỏ bé của cậu làm những bạn đồng trang lứa sai lầm và đánh giá thấp về cậu: trẻ em thường cho rằng lớn nhất là giỏi nhất. Wladek lên năm tuổi đã đứng đầu lớp ở mọi môn học ngoại trừ học làm mộc.

¹ Đơn vị đo lường cổ của Nga, 1 wiorsta = 1,067km.

Buổi tối, trở về căn nhà gỗ nhỏ bé, trong lúc những đứa trẻ khác chăm bón đám violet đang ra hoa ngào ngạt trong khu vườn mùa xuân, đi nhặt quả chín, chế củi, săn thỏ hoặc khâu vá quần áo, Wladek miệt mài đọc sách cho đến lúc đọc sang cả những cuốn sách chưa hề được mở ra của người anh lớn nhất và của chị gái. Helena dần hiểu ra chị đã nhận được nhiều hơn những gì chị cầu xin với Chúa khi Frankc đem về nhà một đứa nhỏ thay vì ba con thỏ. Wladek hỏi những câu chị không sao trả lời được. Chị biết không lâu nữa chị sẽ không thể đối đáp với con, và chị không biết phải làm sao. Nhưng chị có một niềm tin vững chắc vào số phận nên chị không thấy bất ngờ khi mình không còn quyền quyết định nữa.

Bước ngoặt lớn đầu tiên trong đời Wladek xảy ra vào một buổi tối mùa thu năm 1911. Cả nhà đã ăn xong bữa tối như thường lệ với món súp củ cải đường và thịt thỏ. Jasio nằm ngáy bên bếp lửa và Helena đang khâu vá trong khi những đứa trẻ khác chơi đùa. Wladek ngồi đọc sách dưới chân mẹ và phía trên là Stefan và Josef đang cãi nhau âm ỉ tranh giành mấy quả thông mới được tô màu. Cả nhà bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa lớn. Mọi người đều nín lặng. Tiếng gõ cửa luôn khiến người nhà Koskiewicz bất ngờ, gần như không có vị khách nào tìm đến căn nhà nhỏ này.

Cả nhà lo lắng nhìn về phía cửa. Như chưa tin là có người đến, mọi người chờ xem có tiếng gõ nữa không. Lại có tiếng gõ to hơn. Jasio ngái ngủ đứng dậy khỏi ghế, đi ra và thận trọng mở cửa. Khi nhìn thấy người khách đứng đó,

ai nấy đều bật dậy và cúi đầu, chỉ riêng Wladek là không chào mà cứ chăm chăm nhìn con người cao đẹp, oai vệ, quý phái trong chiếc áo khoác lông gấu to sụ. Sự hiện diện của ông khiến đôi mắt cha cậu lập tức ánh lên nỗi sợ hãi. Nhưng nụ cười thân mật của vị khách đã xua tan mọi nỗi lo, và Jasio nhanh chóng đứng tránh sang một bên để nhường đường cho Nam tước Rosnovski bước vào. Không ai nói câu nào. Ngài Nam tước chưa từng đến thăm căn nhà nhỏ của họ, nên họ không biết sẽ phải làm gì.

Wladek đặt cuốn sách xuống, đứng dậy, tiến về phía người khách lạ và đưa tay ra trước khi cha cậu kịp ngăn lại.

- Kính chào ngài ạ!

Nam tước bắt tay cậu, và hai người nhìn sâu vào mắt nhau. Khi Nam tước buông tay cậu bé ra, đôi mắt Wladek dừng lại ở chiếc vòng bạc rất đẹp trên cổ tay ông, trên chiếc vòng có khắc dòng chữ mà cậu không sao đọc được.

- Chắc cháu là Wladek?

- Vâng, thưa ngài! - Cậu bé đáp, dường như không ngạc nhiên khi Nam tước biết tên mình.

- Ta đến gặp cha cháu chính là vì cháu. - Nam tước nói.

Jasio vẫy tay ra hiệu cho những đứa trẻ khác ra ngoài để anh ngồi lại với ông chủ. Hai đứa con gái nhún chân, bốn đứa con trai cúi chào, và cả sáu đứa rút lên gác xép. Wladek ở lại bởi không ai bảo cậu đi cùng những anh chị khác.

- Koskiewicz! - Nam tước vẫn còn đứng vì không ai mời ông ngồi, trước tiên vì họ quá sợ hãi, thứ hai là vì họ cho rằng ông đến để khiển trách - Ta đến để nhờ anh giúp một việc.

- Bất cứ việc gì, thưa ngài, bất cứ thứ gì! - Người cha vừa nói vừa tự hỏi liệu mình có thể giúp gì cho ngài Nam tước trong khi thứ gì mà ông ta chẳng có nhiều gấp trăm lần mình.

Nam tước tiếp tục:

- Con trai ta, Leon, giờ đã sáu tuổi, và đang được hai ông thầy dạy học riêng ở lâu đài, một là người Ba Lan, một là người Đức. Họ nói với ta rằng nó là một đứa trẻ sáng dạ nhưng thiếu sự gan dạ, vì nó chỉ có thể chiến thắng chính nó. Thầy Kotowski ở trường làng nói với ta rằng Wladek là người duy nhất có khả năng cùng gan dạ với nó. Ta đến hỏi xem anh có thể cho con trai anh nghỉ ở trường làng và đến học cùng Leon và các thầy giáo ở lâu đài không?

Trước mắt Wladek xuất hiện hình ảnh tuyệt vời của những cuốn sách, và những người thầy còn giỏi hơn cả thầy Kotowski. Cậu liếc nhanh về phía mẹ. Chị đang nhìn chăm chăm vào ngài Nam tước, khuôn mặt chị pha trộn vẻ kinh ngạc và nỗi buồn. Cha cậu quay sang vợ, và khoanh khắc hai người ngẫm trao đổi ấy dường như kéo dài bất tận đối với cậu bé.

Người bấy thú cục mịch cúi mặt trước Nam tước, nói bằng giọng khàn khàn:

- Chúng tôi rất vinh dự, thưa ngài.

Nam tước quay sang nhìn Helena.

- Đức Mẹ Đồng trinh không cho phép tôi ngăn cản con trẻ, - chị nhẹ nhàng nói - dù chỉ riêng Đức Mẹ biết chúng tôi sẽ nhớ nó nhiều đến mức nào.

- Xin cứ yên trí, chị Koskiewicz, con trai anh chị có thể về nhà bất cứ khi nào cháu muốn.

- Vâng, thưa ngài. Trước hết, tôi mong cháu được như vậy. - Chị định cầu xin thêm điều gì đó, nhưng rồi lại thấy không nên.

Nam tước mỉm cười:

- Tốt. Thế là xong. Phiên anh chị đưa cậu bé đến lâu đài tầm 7 giờ sáng mai. Trong quá trình học, cậu bé sẽ sống cùng chúng tôi, và vào Giáng sinh, cậu bé có thể về với gia đình.

Wladek òa khóc.

- Yên nào, con! - Cha cậu nhắc.

- Con không rời xa mọi người đâu. - Wladek vừa nói vừa quay lại nhìn mẹ, dù cậu thực sự muốn đi.

- Yên nào, con! - Người cha lại nhắc, lần này to tiếng hơn.

- Sao cháu không đi? - Nam tước hỏi bằng giọng thương cảm.

- Cháu sẽ không bao giờ rời xa chị Florcia. Không bao giờ.

- Florcia à? - Nam tước thắc mắc.

- Con gái cả nhà tôi, thưa ngài! - Người cha xen vào - Đừng bận tâm chuyện đó, thưa ngài. Thằng bé sẽ làm theo lời ngài yêu cầu.

Không ai nói một lời nào. Nam tước yên lặng một lát, trong lúc Wladek cố nén những giọt nước mắt.

- Cô bé bao nhiêu tuổi? - Cuối cùng ông hỏi.

- Mười bốn ạ! - Người cha đáp.

- Cháu có biết làm bếp không? - Nam tước hỏi, yên tâm khi thấy Helena Koskiewicz không có vẻ cũng sẽ bật khóc.

- Ô, có, thưa Nam tước, - chị đáp - Florcia biết nấu nướng, và có thể khâu vá và biết cả...

- Tốt rồi, tốt rồi, vậy cô bé có thể đi cùng. Tôi mong cả hai cháu sẽ đến lúc 7 giờ sáng mai.

Nam tước đi ra phía cửa, quay lại nhìn cậu bé và mỉm cười. Lúc ấy Wladek cũng cười lại. Cậu bé đã thắng trong cuộc thương lượng đầu tiên, và để mẹ ôm chặt sau khi Nam tước đi khỏi. Cậu nghe mẹ thì thầm: “Ôi, bé út của mẹ, rồi con sẽ ra sao đây?”

Wladek cũng nóng lòng muốn biết chuyện gì sẽ đến.



Helena dành cả buổi tối để gói ghém đồ đạc cho Wladek và Florentyna, cứ như phải gói đồ cho cả gia đình. 6 giờ sáng hôm sau, cả nhà đứng bên cửa nhìn hai chị em lên đường đến lâu đài, mỗi người ôm một gói đồ trên tay. Florentyna, cao ráo và duyên dáng, ngoảnh lại nhìn mọi người, vừa khóc vừa vẫy tay, còn Wladek, thấp bé và vụng về, không một lần nhìn lại.

Florentyna nắm chặt tay em suốt cả quãng đường. Vị trí của hai chị em đã đảo ngược: từ hôm đó, cô chị sẽ phụ thuộc vào cậu em.

Hai chị em rụt rè gõ lên cánh cửa gỗ sồi khổng lồ. Một người giúp việc oai vệ, mặc bộ chế phục thêu có những chiếc cúc vàng đã đón sẵn. Hai đứa trước đây hay trầm trồ thán phục những bộ đồng phục màu xám của lính canh biên giới Nga - Ba Lan ở gần đó, nhưng cả hai chưa bao giờ trông thấy bộ trang phục nào lộng lẫy như bộ đồ của người đàn ông

cao lớn này, người mà chúng nghĩ chắc hẳn vô cùng quan trọng. Trong sảnh có tấm thảm dày, Wladek chăm chú nhìn những họa tiết xanh đỏ, ngớ ngàng vì nó tuyệt đẹp, tự hỏi liệu có phải bỏ giày ra không, và thấy bất ngờ khi bước lên tấm thảm mà không hề có tiếng động.

Cả hai về đến phòng ngủ ở hành lang phía tây mà vẫn chưa hết choáng ngợp. Ở phòng riêng, làm sao hai đứa có thể ngủ được? May là có một cánh cửa thông hai phòng, nên hai chị em không bị cách biệt, và thực ra nhiều đêm chúng cùng ngủ một giường.

Vừa buông túi đồ xuống, Florentyna được đưa sang nhà bếp và Wladek thì đến phòng giải trí ở phía nam lâu đài để gặp con trai ngài Nam tước. Leon Rosnovski cao lớn hơn so với tuổi, cậu bé rất xinh xắn, dễ mến và thú vị đến nỗi Wladek đẹp ngay thái độ dè chừng đã chuẩn bị sẵn trước lúc gặp. Wladek nhanh chóng nhận ra Leon là đứa trẻ cô đơn, không có ai chơi cùng ngoại trừ cô bảo mẫu - người đàn bà Lithuani tận tụy đã nuôi nấng và luôn chiều chuộng cậu từ khi mẹ cậu mất sớm. Một cậu bạn mạnh mẽ mới ở trong rừng rai! Và điểm đáng nói nhất là hai cậu được coi như ngang hàng.

Leon lập tức đưa Wladek đi tham quan khắp lâu đài. Mọi căn phòng đều rộng lớn hơn cả căn nhà của Wladek. Cuộc khám phá hết trọn buổi sáng, Wladek kinh ngạc trước không gian rộng lớn của lâu đài, đồ nội thất phong phú và phòng nào cũng trải thảm. Wladek thừa nhận cậu chỉ thấy ấn tượng một cách thú vị. Leon nói với bạn phần chính của lâu đài mang phong cách Gothic đời đầu, cứ như thể Wladek

biết rõ phong cách Gothic là gì. Cậu bé gật đầu. Tiếp đó, Leon đưa người bạn mới xuống một cầu thang đá dẫn vào những tầng hầm rộng thênh thang, dưới đó cơ man những chai rượu vang xếp thành hàng bám đầy bụi và mạng nhện. Nhưng Wladek thích nhất là phòng ăn rộng lớn, có mái vòm và những cây cột trụ lớn, nền nhà lát đá phiến và bàn ăn rộng chưa từng thấy. Cậu bé tròn mắt nhìn những đầu thú nhồi gắn trên các bức tường. Leon giải thích đó là bò rừng, gấu, nai sừng tấm, heo rừng và các con thú mà cha cậu đã săn được trong nhiều năm. Phía trên lò sưởi là gia huy của ngài Nam tước. Gia đình Rosnovski có phương châm: *Số phận chỉ tương trợ người can đảm*.

Lúc 12 giờ, một hồi chuông vang lên và những người giúp việc dọn bữa trưa. Wladek ăn rất ít vì còn lóng ngóng và phải quan sát Leon kĩ lưỡng, cố ghi nhớ cách cậu bạn dùng bộ dao nĩa bằng bạc. Sau bữa trưa, cậu gặp hai thầy giáo, cả hai không nhiệt tình chào đón cậu như Leon. Tối hôm ấy, cậu bé leo lên chiếc giường rộng chưa từng thấy, kể lại với chị Florentyna về những cuộc phiêu lưu hôm đó. Cô chị chăm chăm nhìn em bằng đôi mắt ngờ vực, miệng há hốc kinh ngạc, nhất là khi nghe đến chuyện dao và nĩa.

Những bài học bắt đầu vào lúc 7 giờ sáng hôm sau, trước bữa sáng và tiếp tục trong cả ngày, chỉ có thời gian nghỉ để ăn. Thời gian đầu, Leon hiển nhiên trội hơn cậu bạn học mới, nhưng Wladek đã kiên trì, miệt mài đèn sách, và sau nhiều tuần, khoảng cách giữa hai người bắt đầu thu hẹp lại. Tình bạn giữa hai cậu bé phát triển song hành cùng sự ganh

đua. Hai người thầy cảm thấy khó có thể coi hai cậu học trò bình đẳng như nhau - một là con trai của Nam tước, một là đứa con hoang mà Chúa mới biết là con của ai, mặc dù cả hai đều miễn cưỡng thừa nhận ngài Nam tước đã chọn đúng người. Thái độ cứng nhắc của hai người thầy chẳng khiến Wladek bận lòng, vì Leon luôn đối xử bình đẳng với cậu. Nam tước tỏ rõ vẻ hài lòng trước sự tiến bộ của hai đứa trẻ, ông hay thưởng quần áo và đồ chơi cho Wladek. Sự ngưỡng mộ và xa cách ban đầu của Wladek với ngài Nam tước nhanh chóng chuyển thành kính trọng.

Khi Wladek được trở về căn nhà nhỏ trong rừng nghỉ lễ Giáng sinh thì cậu lại buồn vì phải xa Leon. Ban đầu cậu vui sướng vì được gặp lại mẹ, nhưng ba tháng ngắn ngủi sống trong lâu đài của ngài Nam tước đã khiến cậu quen với thế giới lý thú hơn. Cậu thà làm đầy tớ trong lâu đài hơn là làm ông chủ trong căn nhà nhỏ này.

Khi kỳ nghỉ kéo dài, Wladek thấy mình ngột ngạt trong căn nhà nhỏ chỉ có một phòng và gác xép chật cứng, chán ngán việc đồ ăn thiếu thốn và phải ăn bốc: ở lâu đài không ai chia thức ăn thành chín phần cả. Sau vài ngày, Wladek khao khát được trở lại bên Leon và Nam tước. Cứ chiều chiều, cậu đi bộ hơn 6 *wiorsta* đến lâu đài và ngồi nhìn đắm đắm vào những bức tường cao bao quanh lâu đài không được vào khi chưa được phép. Florentyna lâu nay chỉ sống với những người hầu bếp, dễ dàng trở lại với cuộc sống đơn giản vốn có, nên cô không hiểu được tại sao căn nhà nhỏ không bao giờ còn là tổ ấm của Wladek nữa.

Jasio không biết phải đối xử với cậu bé sáu tuổi ra sao, giờ đây cậu ăn mặc chỉnh tề và nói năng chuẩn mực, nói cả những vấn đề mà cha cậu không hiểu, và cũng không muốn hiểu. Tệ hơn là dường như cả ngày Wladek không làm gì ngoài đọc sách. Người thợ săn nghĩ không biết rồi nó sẽ ra sao khi nó không biết cầm rìu bổ củi hoặc đặt bẫy một con thỏ. Nó sẽ làm thế nào để kiếm sống một cách lương thiện? Người cha cũng cầu cho kỳ nghỉ trôi qua nhanh chóng.

Helena tự hào về Wladek, ban đầu chị không dám tự thừa nhận rằng có một rào cản giữa cậu bé và những đứa trẻ khác trong nhà. Nhưng sớm hay muộn, chị cũng không thể lảng tránh điều đó. Một buổi tối, bọn trẻ chơi đánh trận giả, cả Stefan lẫn Frankc, thủ lĩnh của hai phe đều không cho Wladek về phe mình.

- Sao em luôn bị gạt ra thế? - Wladek khóc - Em muốn cùng chơi trận giả.

- Vì mày không còn là em của bọn tao nữa. - Stefan đồng ý - Và mày cũng không phải em ruột của bọn tao.

Tất cả im lặng một lúc lâu trước khi Frankc nói thêm:

- Cha không bao giờ muốn có mày, chỉ mỗi mẹ muốn giữ mày lại thôi.

Wladek nhìn quanh đám trẻ, tìm Florentyna.

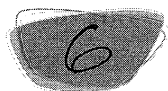
- Stefan nói thế là sao, em không phải em của chị sao?
- Cậu gắng hỏi.

Đến lúc này Wladek mới hỏi về sự ra đời của mình và hiểu tại sao cậu luôn cảm thấy khác biệt so với các anh chị. Cậu thậm chí vui mừng khi khám phá ra mình không bị ảnh

hưởng bởi dòng máu xấu của người thợ săn, cậu xuất thân từ một dòng dõi bí ẩn, chứa đựng trong đó là hạt mầm của một tinh thần có khả năng biến mọi chuyện thành có thể.

Kỳ nghỉ buồn tẻ cuối cùng đã kết thúc, Wladek trở lại lâu đài trước khi trời hửng sáng, Florentyna miễn cưỡng bước từng bước theo sau. Leon nồng nhiệt chào đón bạn trở lại trong vòng tay, đối với cậu, bị cô lập trong sự giàu sang của cha cũng giống như Wladek bị cô lập bởi cảnh nghèo đói của gia đình thợ săn, Giáng sinh của cậu cũng chẳng có gì vui. Từ thời khắc ấy, hai cậu bé trở thành những người bạn thân không thể tách rời.

Khi kỳ nghỉ hè đến, Leon xin cha mình cho phép Wladek ở lại lâu đài. Nam tước đồng ý, vì ông cũng đã trở nên gần gũi với con trai người thợ săn. Wladek vui mừng khôn xiết. Cậu sẽ chỉ trở lại căn nhà gỗ kia thêm một lần duy nhất trong đời.



William Kane lớn nhanh, mọi người từng gặp đều thấy cậu rất đáng yêu. Trong những năm đầu đời, cậu chỉ tiếp xúc với họ hàng thân thích và những người giúp việc suốt ngày xoắn xít cung nụng cậu.

Tầng trên cùng trong tòa nhà xây theo kiểu thế kỷ 18 của nhà Kane ở Quảng trường Louisburg biến thành nhà trẻ, chật cứng những món đồ chơi. Một phòng ngủ và một phòng khách được bố trí cho cô bảo mẫu mới. Nhà trẻ ở cách xa Richard Kane để anh không bị ảnh hưởng bởi những chuyện như con mọc răng, thay tã hay bất cứ lần nào con bồng khóc đòi ăn. Nụ cười đầu tiên, cái răng đầu tiên, bước đi đầu tiên và câu nói đầu tiên, cùng với sự tăng trưởng về chiều cao và cân nặng, tất cả đều được mẹ của William lưu lại trong một cuốn sổ gia đình. Anne bất ngờ khi thấy những con số này không khác biệt nhiều so những đứa trẻ ở Đồi Beacon mà cô biết.

Cô bảo mẫu, được thuê từ Anh quốc, chăm bẵm cậu quý tử theo chế độ dinh dưỡng mà một sĩ quan kỵ binh người Phổ cũng phải hài lòng. Cha của William thường đến thăm cậu mỗi tối vào lúc 6 giờ. Không biết trò chuyện với con bằng ngôn ngữ trẻ thơ nên nhiều khi người cha không biết nói gì, hai cha con cứ ngây ra nhìn nhau. Thỉnh thoảng William nắm chặt ngón tay trỏ của cha, ngón tay vẫn thường kiểm tra những bảng cân đối kế toán, khi đó Richard mới mỉm cười.

Cho đến cuối năm đầu tiên, giờ giấc sinh hoạt của cậu bé đã dần đi vào nề nếp, cậu hay được đưa xuống tầng dưới gặp cha. Richard thường ngồi trên chiếc ghế tựa lưng cao bọc da, ngắm cậu con đầu lòng bò dưới gầm bàn, gầm ghế, rồi lại bắt ngờ lơ đầu ra, anh nói con mình sau này chắc chắn sẽ trở thành một chính trị gia. Lúc mười ba tháng, William chập chững những bước đầu tiên khi đang bám vào đuôi áo bành tô của cha. Cậu nói đầu tiên là "*Cha...a...*" khiến mọi người đều hài lòng, kể cả bà nội Kane và bà ngoại Cabot - hai người vẫn hay để ý soi xét. Hai bà không tự tay đẩy chiếc nôi đưa William đi dạo quanh Boston, nhưng họ chiếu cố tản bộ phía sau cô bảo mẫu trong những buổi dạo chơi chiều thứ Năm, chăm chăm nhìn đám trẻ thiếu kỷ luật khác. Trong lúc những đứa trẻ khác cho đàn vịt ăn trong công viên, William lại được cung nựng đám thiên nga trong hồ cung điện Venetian nguy nga của ngài Jack Gardner.

Hai năm trôi qua, hai người bà bóng gió gợi ý rằng đã đến lúc William nên có em. Anne đành chiều ý các cụ, một lần nữa mang thai, nhưng đến tháng thứ tư thì cô thấy mình

mỗi lúc một yếu. Lúc Anne bị sẩy thai khi được mười sáu tuần, bác sĩ MacKenzie không để cô chiều ý mọi người nữa. Trong bệnh án ông có viết: “Tiền sản giật”, và ông nói với cô: “Bà Kane, lý do lâu nay bà không khỏe là vì huyết áp của bà quá cao, có thể sẽ còn cao hơn khi thai phát triển. Tôi e rằng các bác sĩ vẫn chưa tìm ra thuốc điều trị cao huyết áp, trên thực tế, chúng tôi biết rất ít về vấn đề này, chỉ biết nó rất nguy hiểm, đặc biệt là đối với phụ nữ mang thai.”

Anne cố kìm nước mắt lại khi nghĩ đến việc không thể có thêm con.

- Chắc tình trạng này sẽ không tái diễn nếu tôi lại mang thai chứ? - Cô hỏi, lựa lời để bác sĩ dễ trả lời.

- Bà Kane, thật sự tôi sẽ rất bất ngờ nếu tình trạng ấy không tái diễn. Tôi xin lỗi vì phải nói ra điều này, nhưng tôi kiên quyết khuyên bà không nên có thêm con nữa.

- Nhưng tôi không sợ ốm yếu trong vài tháng nếu như...

- Tôi không nói về chuyện ốm yếu, thưa bà Kane. Tôi đang nói bà không nên mạo hiểm tính mạng của mình một cách vô ích như vậy.

Đây là một đòn nặng nề giáng vào Anne và cả Richard, người đã tin rằng mình sẽ sinh một bầy con để đảm bảo dòng họ Kane trường tồn mãi mãi. Giờ đây trách nhiệm đó truyền lại cho William.



Richard, sau sáu năm ở trong ban giám đốc, đã tiếp quản vị trí Chủ tịch của Ngân hàng và Công ty Tín dụng Kane và Cabot. Ngân hàng có trụ sở tại phố State, là một pháo đài

vững chắc cả về mặt kiến trúc lẫn tài chính và có nhiều chi nhánh ở New York, London và San Francisco. Chi nhánh San Francisco đã trở thành vấn đề đáng lo ngại cho Richard vào đúng ngày William ra đời, bởi nó cùng với Ngân hàng Quốc gia Crocker, Ngân hàng Wells Fargo và California đã bị đổ sập, không phải trên phương diện tài chính, mà theo đúng nghĩa đen, trong cơn động đất khủng khiếp năm 1906. Richard vốn là người cẩn trọng nên tài sản của anh đã được hãng Lloyd's ở London bảo hiểm toàn diện. Điều là giới làm ăn uy tín, họ chi trả đầy đủ cho Richard nên anh vẫn bảo toàn được tài sản. Tuy thế, Richard đã mất một năm vất vả ngược xuôi giữa hai đầu nước Mỹ trên những chuyến tàu bốn ngày trời từ Boston đến San Francisco để giám sát việc tái thiết. Anh khánh thành trụ sở mới ở Quảng trường Liên hiệp vào tháng Mười năm 1907, sau đó lại phải sang ngay bờ biển phía Đông để giải quyết những chuyện mới nảy sinh. Có vấn đề với các ngân hàng tại New York: nhiều cơ sở nhỏ không đủ khả năng đối phó với tình trạng những khoản tiền lớn bị rút ra đột ngột, và một số ngân hàng đã phải đóng cửa. J.P. Morgan, vị chủ tịch huyền thoại của ngân hàng mang tên ông, đã mời Richard liên kết với ông ta để đối phó với thời kỳ khủng hoảng. Richard đồng ý. Sự quá cảm của anh đã được đền đáp và mọi việc dần ổn định lại, nhưng anh cũng nhiều đêm phải mất ngủ.

Trái lại, William luôn ngủ ngon lành, không biết gì về chuyện động đất hay các ngân hàng sụp đổ, sau cả ngày chỉ việc cho đàn thiên nga ăn, sau những cuộc du ngoạn bất

tận qua Milton, Brookline và Beverlery để trình diện những người thân tha thiết muốn gặp.



Vào tháng Mười năm sau đó, Richard Kane nhận được món quà đáp lễ từ việc đầu tư thận trọng cho người đàn ông tên là Henry Ford, người này tuyên bố mình có thể sản xuất được một loại xe hơi phục vụ toàn dân. Ngân hàng mở tiệc trưa để tiếp đãi ông Ford, và người ta thuyết phục Richard mua một chiếc xe mẫu T với cái giá cao sang là 825 đô. Ông Ford bảo đảm với anh rằng nếu ngân hàng ủng hộ ông ta, mức giá cuối cùng có thể hạ xuống 350 đô, và ai cũng sẽ muốn mua xe của ông, đảm bảo những người ủng hộ ông sẽ có lợi nhuận lớn. Richard ủng hộ, đây là lần đầu tiên anh đầu tư hiệu quả vào một người mong muốn giảm một nửa giá thành sản phẩm của mình.

Ban đầu Richard băn khoăn rằng chiếc xe của anh tuy mang màu đen u hoài nhưng có thể chưa được coi là phương tiện đủ trang trọng dành cho thống đốc và chủ tịch của một ngân hàng hàng đầu, nhưng anh được trấn an bởi những ánh mắt ngưỡng mộ của người đi đường bị chiếc xe thu hút. Với tốc độ mười dặm một giờ, chiếc xe gây tiếng ồn hơn một con ngựa, nhưng bù lại nó không “ì” ra đường khi đi giữa phố Núi Vernon. Anh chỉ tranh cãi với ông Ford khi ông không lắng nghe gợi ý của anh về việc sản xuất thêm những chiếc xe nhiều màu sắc khác. Ông Ford một mực cho rằng mọi chiếc xe chỉ nên sơn màu đen để giảm giá thành. Anne nhạy cảm hơn chồng trong giao

tiếp xã hội, cô từ chối ngồi xe cho đến khi nào họ Cabot ai cũng có xe hơi.

Tuy nhiên, William rất thích chiếc “ô tô” ấy, như cái tên báo chí đã đặt cho, và ngay lập tức cho rằng chiếc xe được mua để thay thế chiếc xe nôl rườm rà không có máy móc. Cậu cũng thích người lái xe, với cặp kính râm và chiếc mũ lưỡi trai, hơn cô bảo mẫu. Bà nội Kane và bà ngoại Cabot nói họ sẽ không bao giờ đi trên một cỗ máy kỳ quặc như vậy, và quả thật họ không bao giờ bước lên xe, dù nhiều năm sau bà nội Kane được đưa ma trên một chiếc ô tô, nhưng bà không được biết về điều đó.



Hai năm tiếp theo, cũng giống như William, ngân hàng ngày càng lớn mạnh.

Người dân Mỹ lại tiếp tục đầu tư mở rộng, và nguồn tiền rất lớn lại chảy vào Ngân hàng Kane và Cabot, rồi được tái đầu tư vào những dự án như nhà máy thuộc da Lowell đang phát triển ở thành phố Lowell, bang Massachusetts. Richard chứng kiến sự phát triển của cả ngân hàng và con trai với tâm lý mãn nguyện.

Vào sinh nhật lần thứ năm của William, anh đưa con trai ra khỏi sự bao bọc của những người đàn bà và thuê ông Munro làm thầy giáo riêng cho con với mức lương 450 đô mỗi năm. Đích thân Richard chọn Munro trong danh sách tám ứng viên đã được thư ký riêng của anh sàng lọc. Mục tiêu duy nhất của người cha là đảm bảo cho William sẵn sàng nhập học ở trường St. Paul khi mười hai tuổi. William

lập tức yêu mến ông thầy mà cậu cho là rất già và thông thái. Thực ra, người thầy mới hai mươi ba tuổi và có bằng danh dự hạng hai về Anh ngữ ở Đại học Edinburgh. William học đọc và viết rất nhanh, nhưng cậu đặc biệt hứng thú với những con số. Điều phàn nàn duy nhất của cậu là sao trong sáu tiết học mỗi ngày chỉ có một tiết số học. Cậu nhanh chóng chứng tỏ cho cha thấy rằng một phần sáu số giờ học là chưa đủ cho một người sau này sẽ là thống đốc kiêm chủ tịch của một ngân hàng.

Để bù đắp lại một ông thầy thiếu tầm nhìn xa trông rộng, William kiên nhẫn bám đuôi mọi người thân để hỏi về những bài toán cậu nhầm trong đầu. Bà ngoại Cabot, người chưa bao giờ tin rằng một số nguyên khi chia cho bốn sẽ có cùng kết quả như nhân số đó với một phần tư, nhanh chóng nhận ra cháu ngoại đã giỏi hơn mình. Bà nội Kane, vốn uyên bác hơn lời bà tự nhận nhưng cũng phải vất vả đánh vật với những phân số, lãi kép và phép chia tám chiếc bánh cho chín đứa trẻ. “Bà nội ơi”, William nói với vẻ lễ độ nhưng chắc chắn khi bà nội không tìm được đáp án của câu hỏi hóc búa mới nhất của cậu, “bà hãy cho cháu một cái thước lôga, và cháu sẽ không cần phải làm phiền bà nữa.” Bà nội Kane sững sốt khi đứa cháu thông minh sớm, nhưng bà đã mua cho cậu bé cái thước lôga như cậu xin, và tự hỏi không biết cậu có thực sự biết cách dùng không.

Trong khi đó, những vấn đề Richard gặp phải bắt đầu chuyển nhiều về phía đông. Khi Chủ tịch chi nhánh London qua đời ngay bên bàn làm việc vì đau tim, Richard

thấy mình cần phải lập tức có mặt ở phố Lombard. Anh đề nghị đưa Anne và William đi cùng vì nghĩ chuyến đi sẽ dạy cho con thêm nhiều điều, cậu bé có thể đến thăm tất cả những địa danh mà thầy Munro đã dạy cậu. Anne chưa bao giờ đến châu Âu nên rất hứng thú với chuyến đi, cô xếp những y phục thanh lịch và đắt tiền vào đầy ba chiếc rương gỗ để trưng diện ở Cựu Thế Giới¹. William cho rằng thật bất công khi mẹ không cho cậu mang theo món đồ quan trọng với cậu không kém đồ của mẹ khi đi xa, là chiếc xe đạp.

Gia đình Kane đi xe lửa đến New York để lên tàu *Aquitania* trong hải trình đến Southampton. Anne kinh ngạc với cảnh tượng những người mới nhập cư bán hàng rong khắp hai bên hè phố. William thì lại ngỡ ngàng trước vẻ tráng lệ của New York, trước đó, cậu cho rằng trụ sở ngân hàng của cha là tòa nhà lớn nhất nước Mỹ, nếu không phải là nhất thế giới. Cậu muốn mua một cây kem màu hồng và vàng của một người đàn ông đẩy chiếc xe nhỏ, nhưng cha cậu không nghe thấy, vả lại, anh cũng không bao giờ mang theo tiền lẻ.

Ngay khi trông thấy con tàu khổng lồ, William đã thích mê. Cậu nhanh chóng làm bạn với viên thuyền trưởng có bộ râu trắng, ông chia sẻ với cậu mọi bí mật về con tàu tuyệt tác của công ty đường thủy Cunard Line. Tàu rời khỏi nước Mỹ chưa lâu, Richard và Anne, được sắp xếp ngồi cùng bàn

¹ Thời đó người ta thường gọi châu Mỹ là Tân Thế Giới, còn châu Âu là Cựu Thế Giới.

với thuyền trưởng, anh cảm thấy cần phải xin lỗi vì con trai họ đã làm mất nhiều thời gian của thủy thủ đoàn.

- Cũng không hẳn. - Viên thuyền trưởng đáp - William và tôi đã là bạn thân rồi. Ước gì tôi có thể trả lời mọi câu hỏi của cậu bé về thời gian, vận tốc và khoảng cách. Chính tôi hàng tối cũng phải nghe ông kỹ sư trưởng hướng dẫn để dự đoán ngày hôm sau thì mới sống sót được.

Khi tàu *Aquitania* tiến vào Southampton sau mười ngày vượt biển, William không muốn rời khỏi tàu, và có lẽ đã òa khóc nếu không thấy vẻ lộng lẫy của một chiếc Rolls-Royce *Silver Ghost* đỗ trên bến cảng, hoàn hảo bên người lái xe, sẵn sàng đưa cả nhà đến London. Richard bỗng quyết định sẽ cho chuyển chiếc xe hơi về New York khi chuyến đi kết thúc - một quyết định không giống với bất cứ quyết định nào của anh trong đời. Anh bảo Anne rằng anh muốn cho Henry Ford tận mắt chiêm ngưỡng nó. Henry Ford chưa bao giờ thấy chiếc xe như thế.

Cả gia đình anh luôn ở lại khách sạn Savoy trên phố Strand khi đến London, tiện cho Richard đến văn phòng trong thành phố. Trong lúc vừa ăn tối vừa ngắm sông Thames, Richard kín đáo trao đổi công việc cùng ngài David, còn vợ anh mãi mê nghe bà Lavinia Seymour kể vợ chồng bà đã bố trí thời gian hữu ích thế nào khi ở trong thành phố. Anne vui mừng khi biết Lavinia cũng có một con trai, cậu ta rất nóng lòng được gặp những người Mỹ đầu tiên.

Buổi sáng hôm sau Lavinia quay lại khách sạn Savoy cùng với cậu bé Stuart Seymour. Sau khi bắt tay nhau, Stuart hỏi William:

- Cậu là cao bồi hả?

- Trừ khi cậu là bộ binh Anh! - William trả lời luôn. Hai cậu bé sáu tuổi lại bắt tay nhau.

Hôm ấy, William, Stuart, Anne và bà Seymour cùng đến thăm Tháp London¹, và xem nghi thức Đổi gác ở Cung điện Buckingham. William bảo Stuart là cậu nghĩ mọi thứ đều “rất tuyệt”, ngoại trừ giọng nói của Stuart, cậu thấy khó nghe.

- Sao cậu nói không giống mẹ con tớ nhỉ? - Cậu gắng hỏi và bất ngờ khi mẹ cậu nói câu ấy phải hỏi ngược lại mới đúng, vì “họ” có trước.²

William say sưa ngắm những người lính trong quân phục màu đỏ tươi có hàng cúc đồng to, sáng bóng đứng gác bên ngoài Cung điện Buckingham. Cậu cố trò chuyện với họ, nhưng họ cứ lờ cậu đi, chỉ nhìn chăm chăm vào khoảng không và dường như không bao giờ chớp mắt.

- Ta có thể đưa một chú lính về nhà không mẹ? - Cậu hỏi.

- Không đâu, con yêu, họ phải ở lại London và canh gác cho Đức vua.

- Nhưng Đức vua có nhiều quân lính lắm mà. Con không thể có dù chỉ một chú thôi ư? Trông chú lính ấy sẽ rất cừ khi đứng bên ngoài nhà mình ở Quảng trường Louisburg.



Như một buổi “thết đãi đặc biệt” - theo lời Anne - Richard tự cho mình thành thạo một buổi chiều để đưa

¹ Cung điện và pháo đài của Nữ hoàng, ở Vương quốc Anh, là một di tích lịch sử nằm ở trung tâm London, trên bờ Bắc của sông Thames.

² Ý nói nước Anh có trước nước Mỹ.

William, Stuart và Anne đến khu West End xem một bộ phim câm truyền thống của nước Anh là *Jack và cây đậu thần*, diễn ở rạp *Trường Dưa Ngựa*. William rất thích Jack, mặc dù cậu thấy khó hiểu khi anh ta có đôi chân dài và đi tất dài. Cậu muốn chặt bỏ hết tất cả những cây cối trong tầm mắt cậu, cậu vẫn tưởng tượng rằng mọi thân cây đều có một gã khổng lồ độc ác ẩn nấp. Sau đó, họ đi uống trà ở cửa hàng *Fortnum và Mason* trên đường Piccadilly, Anne cho William mua hai chiếc bánh kem và một loại bánh mà Stuart gọi là *doughnut*¹. Sau đấy, William phải có người hộ tống đến phòng trà ở Fortnum để ăn thêm một chiếc “bánh sữa bột” nữa, như cậu vẫn gọi loại bánh ấy.

William và mẹ thấy thời gian ở London trôi đi quá nhanh, nhưng Richard, hài lòng vì mọi việc ở Lombard đã ổn thỏa và ưng ý với vị chủ tịch mới được bổ nhiệm, đã lên kế hoạch trở lại Mỹ. Điện tín từ Boston gửi đến hàng ngày làm anh nóng lòng trở lại phòng họp Ban giám đốc. Khi có điện báo 2.500 công nhân tại nhà máy sợi ở Lawrence, bang Massachusetts, nơi ngân hàng của anh rút vốn lớn, đã đình công, anh đành đổi lịch cho chuyến trở về.

William cũng đang mong trở về Boston để được kể với thầy Munro mọi điều lý thú cậu đã thấy ở nước Anh và được gặp lại hai người bà. Cậu tin chắc chắn rằng họ không bao giờ được làm gì thú vị như đến một rạp phim sống động cùng đông đảo khán giả. Anne thấy vui vì sắp được về nhà,

¹ Bánh ngọt rán hoặc nướng, thường có hình vòng hoặc hình tròn nhỏ, nhồi nhân bên trong.

dù cô cũng thích chuyển đi không kém gì William, nhiều người Anh đã thể hiện sự ngưỡng mộ đối với y phục và sắc đẹp của cô dù họ không nói ra lời.

Trong buổi chiều đỗi sau cùng vào ngày trước khi họ lên đường, bà Lavinia Seymour mời William và Anne tới tiệc trà ở nhà mình tại Quảng trường Eaton. Trong lúc Anne và Lavinia bàn luận về những mốt mới nhất của London, William được nghe Stuart nói về môn bóng gậy, và cậu cũng cố giải thích về bóng chày cho người bạn mới. Tuy nhiên, buổi tiệc kết thúc sớm khi Stuart bắt đầu cảm thấy mệt. William cũng đồng cảm, cậu nói mình cũng mệt nên cậu và mẹ Anne trở về khách sạn Savoy sớm hơn dự định. Anne không để tâm lắm, vì như vậy cô có thêm chút thời gian để giám sát việc đóng gói những món đồ mới mua vào đầy mấy chiếc rương gỗ lớn, cô nghĩ biểu hiện của William chỉ nhằm làm Stuart vui. Nhưng khi cho con đi ngủ tối hôm đó, Anne thấy cậu bé sốt nhẹ. Sau bữa tối, cô nói lại với Richard.

- Có thể là do phấn khởi vì sắp được về nhà. - Anh nhận định với giọng vô tư.

- Em hy vọng thế! - Anne đáp - Em không muốn con ốm trong chuyến đi này.

- Mai con sẽ khỏi thôi. - Richard cố trấn an vợ.

Khi Anne đánh thức William vào sáng hôm sau, cô thấy khắp người con đầy những nốt nhỏ màu đỏ và sốt hơn ba mươi chín độ. Bác sĩ của khách sạn chẩn đoán là bệnh sởi, và lịch sự khẳng định cậu bé không được phép đi biển, không chỉ vì cậu mà còn vì tất cả những hành khách khác.

Richard không thể chấp nhận trì hoãn thêm, anh quyết định lên đường như kế hoạch. Anne miễn cưỡng đồng ý để cô và William ở lại London cho đến khi con tàu quay lại sau ba tuần. William nài nỉ cha cho mình đi cùng, nhưng Richard đã quyết, anh thuê một bảo mẫu chăm sóc William cho đến lúc hồi phục hoàn toàn. Anne tiễn Richard đi Southampton trên chiếc Roll-Royce mới.

- Em sẽ cô đơn ở London khi thiếu anh, Richard ạ! - Cô rụt rè nói khi họ chia tay, sợ chồng không ưa những chuyện ủy mị.

- Ô, em yêu, anh khẳng định anh cũng cô đơn ở Boston khi không có em. - Anh nói mà tâm trí chỉ nghĩ đến 2.500 công nhân nhà máy đang đình công.

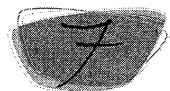
Anne lên xe lửa trở lại London, băn khoăn không biết làm gì trong ba tuần tới.

William đã khá hơn sau một đêm, đến sáng, những nốt đỏ đã dịu đi. Tuy vậy, bác sĩ và bảo mẫu đều khẳng định cậu bé vẫn nên nằm nghỉ. Bốn ngày tiếp theo, Anne chủ yếu dành thời gian viết những bức thư dài cho gia đình. Đến ngày thứ năm, William dậy sớm và rón rén vào phòng mẹ. Cậu trèo lên giường, hai bàn tay lạnh giá của cậu làm mẹ tỉnh giấc, Anne nhẹ nhõm khi thấy con đã hồi phục hoàn toàn, cô bấm chuông gọi bữa sáng đến giường cho hai mẹ con, cha của William sẽ không bao giờ cho phép làm như vậy.

Vài phút sau, có tiếng gõ cửa nhẹ, một người đàn ông trong bộ chế phục vàng pha đỏ bước vào với chiếc khay bạc lớn: trứng, thịt lợn xông khói, cà chua, bánh mì nướng và

mứt cam - một bữa tiệc thực sự. Trong lúc William nhìn đồ ăn mà bụng cồn cào như thể cậu không nhớ nổi lần cuối cùng mình được ăn là khi nào, Anne tình cờ liếc sang tờ báo buổi sáng. Richard luôn đọc tờ *The Times* khi ở London, và ban quản lý khách sạn vẫn tiếp tục chuyển báo đến.

- Ôi, xem này! - William nói, chăm chăm nhìn vào bức ảnh ở một trang bên trong - Ảnh chụp con tàu cha đã đi. Thảm họa là sao hả mẹ?



Khi Wladek và Leon học xong bài trên lớp, hai đứa nhỏ chơi trò chơi trước khi ăn tối. Trò ưa thích của cả hai là *chow anego*, một kiểu chơi trốn tìm, lâu đài có đến bảy mươi hai phòng nên rất hiếm khi phải trốn lại chỗ cũ. Wladek thích nhất là trốn trong những hầm tối, trong đấy chỉ có tia sáng xuyên qua tấm phen sắt nhỏ tít trên cao và phải thấp nển mới nhìn thấy đường ra. Wladek không rõ những hầm tối ấy dùng để làm gì và không ai trong số những người giúp việc nhắc đến những căn hầm ấy, không ai nhớ nổi chúng để làm gì.

Sông Shchara tiếp giáp với lâu đài trở thành sân chơi mở rộng của hai đứa trẻ. Mùa xuân chúng đi câu, mùa hè chúng đi bơi, và mùa đông chúng đeo ván trượt bằng gỗ rồi đuổi nhau trên mặt băng, trong khi Florentyna ngồi trên bờ lo âu cảnh báo những chỗ mặt băng mỏng. Wladek không bao giờ để ý lời cô chị, và luôn là người đầu tiên ngã xuống chỗ băng mỏng.

Leon cao và khỏe, cậu chạy nhanh, bơi giỏi, dường như không biết mệt và không bao giờ đau ốm. Wladek biết mình không có hy vọng theo kịp bạn ở bất cứ môn thể thao nào, dù cả hai ngang nhau trong lớp học. Tệ hơn, khó mà nhìn thấy rốn của Leon, trong khi rốn Wladek lại lòi ra to và xấu giữa cái bụng béo tròn. Wladek thường ở trong phòng riêng hàng giờ để nhìn mình trong gương, tự hỏi tại sao cậu chỉ có một núm vú trong khi mọi cậu bé cậu từng gặp lại có hai núm vú cân xứng như lẽ thường. Thỉnh thoảng cậu thao thức cả đêm, tay mân mê trên ngực mình và những giọt nước mắt tủi thân ướt gối. Cậu cầu nguyện sáng mai thức dậy, núm vú thứ hai sẽ mọc lên. Những lời cầu nguyện của cậu không bao giờ được đáp ứng.

Wladek tập thể dục mỗi đêm. Cậu không để ai chứng kiến những nỗ lực ấy, kể cả chị Florentyna. Cậu quyết tâm tập luyện để mình cao hơn. Cậu chống đẩy để luyện đôi tay và đu xà trong phòng ngủ với hy vọng cách đó sẽ kéo người cậu dài ra. Nhưng Leon vẫn tiếp tục cao lớn hơn, Wladek buộc phải chấp nhận cậu luôn thấp hơn con trai ngài Nam tước ba mươi phân, và sẽ không có phép màu nào, *không có cố gắng nào* tạo ra được núm vú bị thiếu. Leon thích mê Wladek nên không bao giờ bàn luận về bất cứ điểm khác biệt nào giữa hai đứa.

Nam tước Rosnovski cũng ngày một yêu mến cậu bé tóc đen bạo dạn con trai người bầy thú, cậu bé đã thay thế cho đứa em trai đã mất của Leon khi phu nhân Nam tước qua đời lúc sinh con.

Khi Leon tổ chức sinh nhật lần thứ tám, hai cậu bé bắt đầu được dùng bữa với ngài Nam tước trong gian đại sảnh có những bức tường khổng lồ vào mỗi tối. Những ngọn nến nhấp nháy chiếu vào các đầu thú nhồi trên tường tạo thành những bóng hình đáng sợ. Người hầu lặng lẽ đến và đi, mang tới những khay bạc lớn và những chiếc đĩa bằng vàng đựng ngỗng, giăm bông, tôm, hoa quả và đôi khi là chiếc *mazurek*¹ mà Wladek đặc biệt yêu thích. Khi bàn ăn đã được dọn sạch, Nam tước cho người hầu lui xuống và kể cho hai cậu bé nghe những câu chuyện về lịch sử Ba Lan, cho phép chúng uống một ngụm vodka Danzig². Trong chai rượu, những lá vàng lấp lánh dưới ánh nến. Wladek thường xin Nam tước kể lại câu chuyện về Tadeus Kosciuszko³.

- Một người yêu nước và một anh hùng vĩ đại, - Nam tước luôn đáp lại - một biểu tượng cho cuộc đấu tranh giành độc lập của chúng ta. Ông được rèn luyện ở Pháp...

- ... càng ngưỡng mộ và yêu mến những người như ông, chúng ta càng căm hận đám người Nga và người Áo.

- Wladek xen vào, trí nhớ hoàn hảo của cậu về câu chuyện khiến cậu thêm hào hứng.

- Ai đang kể chuyện vậy, Wladek? - Nam tước bật cười - ... Và rồi, sau khi Kosciuszko chiến đấu sát cánh cùng George

¹ Loại bánh truyền thống cho ngày lễ Phục sinh của người Ba Lan.

² Tên cũ của một thành phố bên bờ biển Baltic, thuộc miền Bắc Ba Lan, nay là Gdańsk.

³ Tadeus Kosciuszko (1746-1817) là anh hùng dân tộc Ba Lan, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1794.

Washington ở Mỹ vì tự do và dân chủ, năm 1792, ông trở lại quê hương lãnh đạo người Ba Lan trong trận chiến tại Dubienka. Khi Stanislaw Augustus, vị vua khốn khổ của chúng ta, bỏ lại thần dân chạy theo người Nga, Kosciuszko quay lại quê hương yêu dấu, xóa bỏ ách thống trị của Sa hoàng. Ông chiến thắng trong trận đánh ở đâu, Leon?

- Racławice, thưa cha! - Leon đáp - Và rồi ông tiến quân đi giải phóng Warsaw.

- Tốt lắm, con trai. Nhưng than ôi, người Nga đã tập trung một lực lượng hùng hậu ở Maciejowice, sau cùng ông đã bị đánh bại và bị bắt làm tù binh. Ngày đó, cụ tổ ba đời của ta đã chiến đấu cùng Kosciuszko và về sau lại kề vai với quân đoàn của Dabrowski phục vụ cho Napoleon Bonaparte hùng mạnh.

- Vì những cống hiến cho Ba Lan nên ngài đã được phong Nam tước Rosnovski, một tước hiệu để dòng dõi của ngài sẽ mãi ghi nhớ về những tháng ngày vinh quang.
- Wladek nói.

- Đúng thế. Và đến thời điểm Chúa định sẵn, - Nam tước nói - tước hiệu ấy sẽ truyền lại cho con trai ta, khi ấy nó sẽ trở thành Nam tước Leon Rosnovski.



Vào dịp Giáng sinh, những nông dân trong địa hạt của Nam tước hay đưa cả gia đình đến lâu đài để cử hành Thánh lễ. Đêm Giáng sinh, đám trẻ đã nhịn ăn từ trước, đăm đăm nhìn ra cửa sổ để chờ ngôi sao đầu tiên, dấu hiệu lúc bắt đầu bữa tiệc. Ngay khi mọi người đã ổn định chỗ ngồi, Nam

tước cầu nguyện bằng chất giọng trầm vốn có. Wladek thấy ngại ngùng trước vóc dáng khổng lồ của Jasio Koskiewicz, ông ta ăn ngon lành đủ mười ba món dọn ra, từ món súp củ cải đường cho đến bánh ngọt và những quả mận, chắc chắn ông sẽ lại bị buồn nôn ở giữa rừng trên đường về nhà như những năm trước.

Sau bữa tiệc, Wladek rất thích được phân phát những món quà trên cây thông Noel đầy những ngọn nến và hoa quả cho đám trẻ nông dân còn e dè: một con búp bê cho Sophia, một con dao đi rừng cho Josef, một chiếc váy mới cho Florentyna - món quà đầu tiên Wladek xin ngài Nam tước.

- Có thật là, - Josef hỏi mẹ khi nhận được một món quà từ Wladek - nó không phải em của bọn con không mẹ?

- Không phải em các con, - mẹ cậu đáp - nhưng nó sẽ luôn là con trai mẹ.



Vài năm trôi qua, Leon cao lớn hơn, Wladek khỏe mạnh hơn, và hai cậu đều khôn ngoan hơn. Nhưng rồi đến tháng Bảy năm 1914, không báo trước và cũng không một lời giải thích, ông thầy người Đức rời khỏi lâu đài mà thậm chí không chào tạm biệt. Hai cậu bé chưa bao giờ nghĩ sự ra đi của thầy lại liên quan đến vụ ám sát Thái tử Franz Ferdinand¹ do một sinh viên của phái vô chính phủ mới gây

¹ Franz Ferdinand (1863-1914) là Thái tử của Đế quốc Áo và Hoàng tử Hoàng gia Hungary và Bohemia. Từ năm 1896 đến khi ông mất, ông là người chuẩn bị được kế vị ngai vàng Áo - Hung. Vụ ám sát ở Sarajevo khiến nước Áo tuyên chiến, khởi đầu cho Chiến tranh thế giới thứ nhất.

ra ở Sarajevo, một sự kiện được người thầy kia thuật lại cho chúng nghe bằng giọng trang trọng. Từ đó Nam tước trở nên trầm mặc, không ai lý giải được. Những người hầu trẻ tuổi mà lũ trẻ quý mến bắt đầu lần lượt biến mất, và hai đứa trẻ vẫn không hiểu nguyên nhân.



Một buổi sáng tháng Tám năm 1915, thời tiết ấm áp và có sương mù, Nam tước lên đường đến Warsaw, như lời ông nói là để sắp xếp một số công việc. Ông đi vắng suốt ba tuần rưỡi, Wladek đã đánh dấu hai mươi lăm ngày ấy trên quyển lịch trong phòng ngủ vào mỗi tối. Vào ngày ông trở về như đã định, hai cậu bé đến ga xe lửa Slonim đợi chuyến tàu ba toa hàng tuần để đón ông về. Wladek ngạc nhiên và hoảng hốt khi thấy Nam tước trông mệt mỏi và suy sụp, dù cậu muốn hỏi ông nhiều câu hỏi, nhưng ba người trở về lâu đài trong yên lặng.

Suốt cả tuần sau người ta thấy Nam tước hay có những cuộc nói chuyện dài và căng thẳng với người quản gia và bất cứ khi nào Leon hoặc Wladek bước vào phòng thì những câu chuyện đều ngưng lại, khiến cả hai thấy bứt rứt không biết chúng có phải là nguyên nhân vô tình khiến ông phiền muộn không. Thậm chí Wladek còn sợ Nam tước có thể sẽ gửi trả cậu về căn nhà của người bấy thú - cậu luôn biết mình chỉ là khách trong nhà Nam tước.

Một tối, Nam tước gọi hai cậu bé vào sảnh lớn. Cả hai rón rén, e sợ việc bất thường này. Cuộc trò chuyện ngắn ngủi ấy sẽ còn lưu lại mãi trong ký ức của Wladek đến hết cuộc đời.

- Các con yêu quý của ta, - Nam tước mở lời bằng giọng trầm và ngập ngừng - bọn Đức hiếu chiến và Đế chế Áo - Hung đang ở cửa ngõ thành phố Warsaw một lần nữa, và sẽ sớm đến trước cửa nhà ta.

Wladek nhớ lại những lời ông thầy người Ba Lan đã nói sau khi ông bạn đồng nghiệp người Đức bỏ đi không một lời giải thích: “Phải chăng điều đó có nghĩa là cuối cùng thời khắc của những dân tộc châu Âu bị giày xéo đã đến với chúng ta?”

Nam tước dịu dàng nhìn khuôn mặt ngây thơ của Wladek.

- Tinh thần dân tộc của chúng ta vẫn chưa hề mất đi trong 150 năm bị áp bức. - Ông đáp - Có thể số phận người dân Ba Lan thăng trầm, nhưng chúng ta không có khả năng tác động tới lịch sử. Chúng ta đang ở thế bất lực giữa ba đế quốc hùng mạnh vây quanh, vì vậy ta phải chờ đợi số phận thôi.

- Hai đứa chúng con đều khỏe, chúng con sẽ chiến đấu.
- Leon nói.

- Chúng con có kiếm và khiên. - Wladek thêm vào - Chúng con không sợ bọn Đức hay Nga.

- Các con của ta, vũ khí của các con bằng gỗ, và các con chỉ chơi trận giả được thôi. Cuộc chiến này không phải chuyện trẻ con. Chúng ta phải tìm một nơi yên ổn hơn cho đến khi lịch sử quyết định số phận chúng ta. Chúng ta phải rời đi càng sớm càng tốt. Ta chỉ mong đây không phải là thời khắc cuối cùng trong thời thơ ấu của các con.

Leon và Wladek thấy lạ lùng trước những lời của Nam tước. Chiến tranh đối với chúng giống như một cuộc phiêu lưu thú vị, chúng chắc chắn sẽ bỏ lỡ nếu rời khỏi lâu đài.

Những người hầu mất nhiều ngày để gói ghém tài sản của Nam tước, Wladek và Leon được thông báo rằng họ sẽ rời đến một biệt thự nhỏ của dòng họ ở phía bắc Grodno vào thứ Hai tới. Hai cậu bé, thường không có ai giám sát, tiếp tục việc học và chơi, vì hình như không ai trong lâu đài sẵn lòng trả lời vô số câu hỏi của chúng.

Thứ Bảy hàng tuần, giờ học chỉ diễn ra vào buổi sáng. Hai đứa đang dịch cuốn *Chàng Tadeus* của Adam Mickiewicz¹ sang tiếng Latin thì nghe thấy tiếng súng. Lúc đầu chúng nghĩ đó chỉ là tiếng súng quen thuộc của một người bắn thú trong địa hạt, nên chúng quay lại với thi nhân xứ Czarnotas. Loạt súng thứ hai gần hơn, khiến chúng ngẩng lên, và chúng nghe thấy những tiếng la hét từ dưới tầng. Hai cậu bé nhìn nhau hoang mang nhưng vẫn không sợ, vì trong đời, chúng chưa từng phải trải qua điều gì đáng sợ. Người thầy chạy trốn, bỏ lại hai đứa trẻ, và khi ông ta đã đóng cửa, một phát súng khác vang lên, lần này ở ngay hành lang bên ngoài lớp học. Bấy giờ hai đứa mới hoảng sợ, trốn xuống gầm bàn, không biết phải làm gì.

Đột nhiên cánh cửa bật mở, một người đàn ông không lớn tuổi hơn thầy giáo là mấy, mặc quân phục xám và đội mũ sắt, cầm súng trường, đứng sừng sững trước mặt hai

¹ Adam Bernard Mickiewicz (1798-1855), đại thi hào dân tộc Ba Lan, một trong những nhà thơ lớn nhất của thơ ca lãng mạn thế giới.

đứa. Leon bám vào Wladek, trong lúc Wladek chầm chầm nhìn kẻ đột nhập. Tên lính hét lên với chúng bằng tiếng Đức, hỏi chúng là ai, nhưng không đứa nào đáp lại, dù cả hai thào tiếng Đức như tiếng mẹ đẻ. Một tên lính khác xuất hiện, thộp cổ hai đứa bé như thộp cổ gà và kéo chúng ra ngoài hành lang. Chúng bị lôi đi ngang qua xác người thầy, xuống những bậc đá phía trước lâu đài và vào trong vườn, ở đó chúng thấy Florentyna đang kêu gào hoảng loạn. Hàng dãy xác người, chủ yếu là những người hầu, nằm trên bãi cỏ. Leon không dám nhìn, chúi đầu vào vai Wladek. Wladek như bị thôi miên khi nhìn thấy một xác chết trong số đó, một người vạm vỡ có bộ ria mép rậm. Chính là cha nuôi của cậu. Wladek thấy không đau buồn lắm. Florentyna vẫn tiếp tục kêu gào.

- Cha có ở đây không? - Leon hỏi - Cha đâu rồi?

Wladek lướt qua dãy xác người một lần nữa. Cậu thầm tạ ơn Chúa vì không thấy Nam tước, và định báo cho Leon tin mừng ấy thì một tên lính xuất hiện bên cạnh chúng.

- Đứa nào vừa mở mồm? - Hấn hung hãn quát.

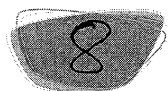
- Là tôi đấy! - Wladek buống bình đáp lại.

Tên lính nhắc khẩu súng trường lên và thúc báng súng xuống bụng Wladek. Cậu khụy chân, sụp xuống đất. Nam tước đang ở đâu? Chuyện gì đang xảy ra vậy? Tại sao mọi người lại bị đối xử như vậy ngay trong nhà mình? Leon vội vàng đề lên Wladek, cố bảo vệ bạn khỏi cú nện thứ hai mà tên lính đang nhắm vào đầu Wladek, nhưng khi báng súng giáng xuống, gáy Leon hứng trọn cú giáng rất mạnh. Hai

cậu bé đều nằm bất động, Wladek bị choáng vì cú đòn và bị thân hình Leon đè nặng trên người, còn Leon bất động vì cậu đã chết.

Wladek nghe thấy một tên lính khác đang mắng mỏ hạ cấp vì đã tra tấn hai đứa trẻ. Chúng cố lôi Leon dậy, nhưng Wladek giữ chặt lấy bạn. Cả hai tên lính mới lôi được xác bạn cậu đi và thô bạo quăng xuống bên những cái xác khác, mặt úp xuống cỏ. Mắt Wladek không rời thân thể bất động của người bạn duy nhất cho đến lúc cậu bị áp giải vào trong lâu đài và bị dẫn xuống những hầm tối cùng một nhóm người sống sót sau thảm họa.

Không ai nói gì vì sợ sẽ chịu chung số phận với những cái xác trên bãi cỏ, cho đến lúc cửa hầm được đóng chốt và những lời cuối của đám lính tắt hẳn khi chúng đã đi xa. Wladek thì thầm: “Lạy Chúa linh thiêng!” vì ở trong một góc hầm chính là ngài Nam tước đang ngồi tựa vào tường, nhìn đăm đăm vào khoảng không, ông vẫn còn sống và không bị thương vì đám lính Đức cần ông để trông coi các tù nhân. Wladek bò về phía ông, trong lúc những người hầu ngồi tránh xa chủ nhân nhất có thể. Hai người chăm chăm nhìn nhau giống như ngày đầu tiên gặp mặt. Wladek lại một lần nữa đưa tay ra và Nam tước nắm lấy. Cậu kể lại chuyện đã xảy ra với Leon. Những giọt nước mắt lăn trên khuôn mặt tự hào của Nam tước. Không ai nói thêm lời nào. Cả hai người đã mất đi người mình yêu thương nhất trên đời.



Khi Anne Kane mới đọc bài báo về vụ chìm tàu *Titanic* trên tờ *The Times* lần đầu tiên, hiển nhiên cô không tin. Chồng cô chắc chắn còn sống. Sau khi đọc lại bài báo đến lần thứ ba, cô òa lên khóc không kìm lại được, William chưa bao giờ thấy mẹ như vậy, cậu không biết phải xoay xử thế nào. Trước khi William kịp hỏi điều gì khiến mẹ đột nhiên đau khổ đến vậy, mẹ đã ôm chặt lấy cậu. Anne biết nói gì với con khi hai mẹ con đã mất đi người mình yêu thương nhất trên đời?



Ít phút sau đó, ngài David Seymour đến khách sạn Savoy cùng vợ. Họ đợi ở phòng chờ trong khi người góa phụ mặc bộ đồ màu tối duy nhất cô mang theo. William tự mặc đồ, vẫn chưa biết rõ thảm kịch là gì. Anne nhờ ngài David giải thích đầy đủ mọi chi tiết về thảm kịch với con trai cô. Khi được biết con tàu khổng lồ ấy đã đâm vào một núi băng và bị đắm, tất cả những lời William nói chỉ là: “Cháu muốn được lên tàu cùng cha, nhưng không ai cho cháu đi.” Cậu

không khóc, vì cậu không tin có điều gì có thể giết cha cậu được. Ông ấy chắc chắn ở trong số những người sống sót. Trong sự nghiệp lâu năm làm chính trị gia, nhà ngoại giao và giờ là Chủ tịch của Kane và Cabot ở London, ngài David chưa bao giờ thấy một đứa trẻ có khả năng giữ bình tĩnh như vậy. “Rất ít người được ban cho khả năng ấy,” nhiều năm sau người ta còn nghe ông nhắc vậy, “khả năng ấy được ban cho Richard Kane, và được truyền lại cho con trai độc nhất của anh ấy.”

Thứ Năm tuần đó, William tròn sáu tuổi, nhưng cậu không mở bất cứ món quà nào của mình.

Anne kiểm tra đi kiểm tra lại tên những người sống sót trên tờ *The Times* mỗi sáng. Richard Lowell Kane vẫn mất tích giữa trùng dương, được xem như đã chết đuối. Nhưng phải thêm một tuần nữa William mới từ bỏ hy vọng cha còn sống. Vào ngày thứ mười lăm, William khóc.

Anne đau đớn khi bước chân xuống tàu *Aquitania*, nhưng William lại có vẻ nôn nóng kì lạ muốn được ra biển ngay. Cậu ngồi hàng giờ bên thành tàu, quan sát làn nước màu xám u ám của đại dương.

- Ngày mai con sẽ tìm thấy cha. - Cậu hứa với mẹ hết lần này đến lần khác, lúc đầu bằng vẻ tự tin, nhưng dần dần thay bằng một giọng cố che giấu sự hoài nghi.

- William, không ai có thể sống sót ba tuần trên Bắc Đại Tây Dương.

- Cả cha con cũng không ư?

- Kể cả cha con.

Khi Anne và William trở lại Boston, hai người bà đang đợi họ ở Dinh Thự Đỏ, lo lắng về bốn phận vừa được giao lại. Anne thụ động chấp nhận vai trò làm chủ của hai bà. Cuộc đời cô không còn gì ý nghĩa ngoài William, số phận của cậu lúc này dường như do hai người bà định đoạt. William lễ độ nhưng bất hợp tác. Suốt ngày cậu ngồi lặng im trong những giờ học của thầy Munro, và buổi tối cậu chỉ nắm tay mẹ, chẳng nói chẳng rằng.

- Những gì nó cần là được ở bên những đứa trẻ khác.
- Bà ngoại Cabot tuyên bố. Bà nội Kane đồng ý. Ngày hôm sau, hai bà cho thầy Munro và cô bảo mẫu nghỉ việc và gửi William đến Học viện Sayre, hy vọng khi được tiếp xúc với thế giới bên ngoài và làm bạn với những đứa trẻ khác sẽ giúp cậu bé bình thường trở lại.

Richard đã để lại phần lớn tài sản cho William, dưới sự ủy thác của gia đình cho đến khi cậu hai một tuổi. Có một điều khoản bổ sung đi kèm chúc thư. Richard mong con trai sẽ xứng đáng trở thành Thống đốc và Chủ tịch ngân hàng. Đó là lời duy nhất trong chúc thư của cha khích lệ William, vì phần còn lại chỉ là quyền thừa kế đương nhiên cậu được hưởng. Anne được nhận số tiền là 500 nghìn đô và lợi tức mỗi năm là 100 nghìn đô sau thuế cho đến hết đời, quyền lợi sẽ chấm dứt khi cô tái hôn. Cô cũng được thừa kế ngôi nhà ở Đồi Beacon, tòa biệt thự nghỉ mát ở Bờ Bắc, biệt thự mùa hè ở Hamptons và một hòn đảo nhỏ ngoài khơi *Mũi Cá Tuyết*, tất cả sẽ được chuyển sang cho William khi cô qua

đòi. Cả hai người bà đều nhận được 250 nghìn đô và những bức thư nêu rất rõ trách nhiệm của hai bà nếu Richard qua đời trước họ. Quyền ủy thác do ngân hàng thực thi cùng các cha mẹ đỡ đầu của William với tư cách những người đồng ủy thác. Lợi tức sẽ được tái đầu tư hàng năm vào những doanh nghiệp vốn có.

Hai người bà dành trọn một năm để tang, và dù Anne mới hai tám tuổi nhưng trông cô đã già hơn tuổi thực. Không giống Anne, hai bà che giấu nỗi đau khổ trước William cho đến khi cậu trách:

- Hai bà không nhớ cha cháu à? - Cậu gắng hỏi, chăm chăm nhìn bà nội Kane, đôi mắt xanh của cậu gọi lại những ký ức về con trai bà.

- Có chứ cháu. Nhưng cha cháu sẽ không muốn chúng ta cứ ngồi một chỗ mà thương xót cho chính mình đâu.

- Nhưng cháu muốn chúng ta luôn nhớ về cha cháu. Luôn luôn! - William xẵng giọng.

- William, bây giờ bà sẽ nói chuyện với cháu như với một người trưởng thành. Chúng ta sẽ luôn luôn trân trọng những kỉ niệm về cha cháu, và cháu sẽ làm đúng vai trò của mình là trở thành người như cha cháu trông đợi. Giờ đây cháu là người chủ gia đình và người thừa kế tài sản. Bởi vậy cháu phải tự chuẩn bị cho bản thân, qua sự siêng năng và khổ luyện chăm chỉ, để làm tròn trách nhiệm, một tinh thần giống như cha cháu khi thực hiện mọi nhiệm vụ.

William không đáp, nhưng cậu lập tức bắt tay thực hiện lời khuyên của bà. Cậu học cách sống mà không than thân

trách phận, từ đó về sau cậu bé kiên trì tập trung vào học tập, chỉ thấy vừa ý khi bà nội Kane có vẻ bằng lòng. Cậu giỏi tất cả các môn học, và trong môn toán, cậu không chỉ đứng đầu lớp mà còn vượt cả những lớp trên. Bất cứ điều gì cha cậu từng đạt được, cậu quyết tâm làm tốt hơn. Càng lớn cậu càng gần gũi mẹ, và hoài nghi tất cả những ai không phải người thân, nên những đứa trẻ cùng tuổi thường nghĩ cậu là đứa bé cô độc. Bất công hơn, chúng coi cậu là kẻ hợm hĩnh.

Hai người bà quyết định khi William tròn tám tuổi sẽ là thời điểm cho cậu nhận biết giá trị của đồng tiền. Họ phát cho cậu 1 đô mỗi tuần làm vốn, nhưng nhấn mạnh rằng cậu cần có bản kê khai mọi khoản cậu chi tiêu. Bà nội Kane tặng cậu một cuốn sổ lớn bọc da màu xanh lá, với giá 95 cent¹, số tiền ấy bà khấu trừ từ tiền vốn tuần đầu tiên của cậu. Từ đó về sau, mỗi sáng thứ Bảy, hai bà lại phát cho cậu 1 đô. William có thể đầu tư 50 cent, tiêu 20 cent, làm từ thiện 10 cent và để dành 20 cent. Cuối mỗi quý, hai bà sẽ kiểm tra sổ và kê khai viết tay của cháu về những khoản chi bất thường.

Ba tháng đầu tiên trôi qua, William đã sẵn sàng giải thích mọi khoản chi. Cậu đã tặng 1,3 đô cho Hội Hướng đạo sinh Mỹ mới được thành lập, nhờ bà nội Kane đầu tư 5,55 đô vào tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng của người cha đỡ đầu của cậu, ông J. P. Morgan. Cậu mua một chiếc xe đạp hết 2,6 đô và để dành 1,6 đô. Cuốn sổ là nguồn vui tuyệt

¹ 1 đô la = 100 cent.

vời của hai bà, dù họ không hài lòng lắm về chiếc xe đạp: William đích thực là con trai của Richard Kane.



Ở trường, William có ít bạn, một phần vì cậu ngại tiếp xúc với bất cứ ai không thuộc gia đình Cabot và Lowell hoặc đám trẻ của những nhà giàu có hơn gia đình cậu. Điều này hạn chế việc chọn bạn của cậu, nên cậu trở thành đứa trẻ trầm tư, khiến mẹ cậu lo lắng. Cô không tán đồng chuyện cuốn sổ hoặc việc đầu tư mà muốn William sống cuộc sống bình thường hơn: có thật nhiều bạn nhỏ hơn là hai người cố vấn già nua, được nghịch bẩn và xây xát, không phải lúc nào cũng ngăn nắp và sạch tinh tươm, đi bắt ếch và rùa hơn là tiếp xúc với những báo cáo về vốn và công ty - tóm lại, giống bất kì bé trai nào. Nhưng cô không bao giờ có can đảm lên tiếng về nỗi lo âu của mình với hai bà, vả lại, hai bà cũng chẳng bao giờ quan tâm đến cậu bé nào khác.



Vào sinh nhật lần thứ chín, William trình cuốn sổ lớn ấy cho hai bà kiểm tra sau một năm. Cuốn sổ bìa da màu xanh cho thấy một năm qua cậu tiết kiệm được 25 đô. Cậu đặc biệt hãnh diện khi chỉ cho các bà thấy một mục đánh dấu “B6”, cho thấy cậu đã rút tiền ra khỏi ngân hàng của ông J.P. Morgan ngay khi nghe tin nhà tài chính đại tài này qua đời, bởi cậu nhớ những cổ phiếu trong ngân hàng của cha đã tụt giá sau khi tin cha cậu qua đời được công bố. Ba tháng sau, William đã tái đầu tư khoản tiền đó, sinh lợi

nhuận lành mạnh. Hai người bà rất cảm động, cho phép William bán chiếc xe đạp cũ và sắm chiếc mới. Theo yêu cầu của cậu, bà nội Kane đầu tư số vốn hiện còn vào Công ty Dầu tiêu chuẩn của New Jersey. William khẳng định giá dầu chỉ có thể tăng vì ông Ford đã bán hết hàng triệu mẫu xe T. Cậu tiếp tục ghi sổ cẩn thận từng ngày cho đến tận sinh nhật lần thứ hai mốt. Nếu hai bà sống được đến lúc đó, hẳn họ sẽ rất tự hào về mục cuối cùng trong cột bên phải được đánh dấu “TÀI SẢN”.



Tháng Chín năm 1915, sau kỳ nghỉ hè trong căn nhà ở Hamptons, William trở lại Học viện Sayre. Ngay khi trở lại trường, cậu đã bắt đầu vào cuộc tranh đua giữa các học sinh lớn hơn mình. Cậu chỉ thỏa mãn khi xuất sắc đứng đầu mọi môn học. Cậu nhận ra phần lớn những người xuất thân danh giá như cậu đều thiếu động lực phấn đấu, sức cạnh tranh mãnh liệt lại có ở những cậu trai không sinh ra trong nhung lụa. Thậm chí cậu còn tự hỏi thiết thòi có phải cũng là một lợi thế không.

Năm 1915, Học viện Sayre có trào lưu sưu tập nhãn diêm. Vài ngày đầu, William thích thú quan sát phong trào này nhưng không tham gia. Trong vòng hai tuần, những nhãn thông thường được trao đổi với giá 1 dime¹, còn những nhãn hiếm hơn phải mất đến 50 cent. William lưu tâm đến chuyện này theo một cách khác, và dù cậu không

¹ 1 dime = 10 cent.

thích là nhà sưu tập, cậu quyết định đây là lúc để trở thành nhà kinh doanh.

Ngày thứ Bảy tiếp theo, cậu đến cửa hàng Leavitt & Pierce, một trong những nhà buôn thuốc lá lớn nhất ở Boston và dành cả buổi chiều ghi chép tên và địa chỉ của những nhà sản xuất bao diêm lớn trên khắp thế giới, làm một bản ghi chép đặc biệt của những quốc gia không tham gia chiến tranh. Cậu đầu tư năm đô mua giấy viết thư, phong bì và tem, rồi viết thư cho chủ tịch hoặc giám đốc của mọi công ty cậu đã lên danh sách. Bức thư của cậu đơn giản và đúng trọng tâm, sau khi đã sửa lại nhiều lần.

Kính thưa ngài Chủ tịch!

Cháu là một người sưu tập nhãn diêm tận tâm, nhưng cháu không đủ khả năng mua hết tất cả các bao diêm. Tiền tiêu vặt của cháu chỉ là 1 đô mỗi tuần, nhưng cháu đã gửi kèm thư một con tem 3 cent làm bưu phí để chứng minh cháu coi trọng sở thích của mình. Cháu xin lỗi đã làm phiền ngài, nhưng cháu chỉ tìm được duy nhất tên ngài để viết thư này.

Bạn của ngài,

William Kane (9 tuổi)

Tái bút: Nhãn diêm của ngài là một trong số những nhãn cháu yêu thích.

Trong vòng hai tuần, William nhận được 55% thư hồi đáp, mang lại 78 nhãn diêm khác nhau. Gần như tất cả những người hồi âm cũng gửi trả con tem 3 cent, đúng như cậu dự đoán. William lập tức mở một chợ nhãn diêm ở trường, cậu

luôn xem kĩ những gì bán tốt thì mới mua. Cậu nhận thấy một số cậu bạn không quan tâm những nhãn diêm hiếm gặp mà chỉ xem chúng có đẹp hay không, với những bạn này, cậu tặng nhãn đẹp để đổi lấy những nhãn hiếm có dành cho những người sưu tập sành sỏi hơn. Thêm hai tuần nữa mua và bán, cậu cảm nhận thị trường này đã đạt đến đỉnh điểm, và nếu không cẩn thận, kỳ nghỉ lễ Giáng sinh đang cận kề, cậu sẽ phải ngừng buôn bán với nhiều nhãn còn dư. Cậu quảng cáo rầm rộ hơn bằng cách in những tờ quảng cáo với giá nửa cent một tờ, đặt trong ngăn bàn của tất cả các nam sinh, thông báo cậu sẽ tổ chức một buổi đấu giá 211 nhãn diêm cậu có. Phiên đấu giá diễn ra trong phòng tắm rửa của trường trong giờ ăn trưa, và số học sinh tham gia còn đông hơn những trận khúc côn cầu của trường.

Sau khi chiếc búa gỗ của phiên đấu giá gõ xuống lần cuối, William thu về tổng cộng 56,32 đô, lãi 51,32 đô. Cậu gửi 25 đô vào ngân hàng với lãi suất 2,5%, mua chiếc máy ảnh giá 10 đô, tặng 5 đô cho Hội Thanh niên Công giáo, Hội đã mở rộng hoạt động giúp đỡ những người từ châu Âu di cư sang Mỹ, mua tặng mẹ một bó hoa hồng và cho 7 đô còn lại vào tài khoản tiền mặt. Thị trường nhãn diêm sụp đổ ít ngày trước khi kết thúc học kỳ. William đã học được cách chiếm lĩnh thị trường. Hai bà gật gù khi nghe chuyện: giống cách chồng các bà gây dựng sự nghiệp trong thời kỳ khủng hoảng năm 1873.

Trong kỳ nghỉ lễ, William không thể cưỡng lại mong muốn tìm được khoản đầu tư lãi khá hơn 2,5% của tài

khoản tiết kiệm. Ba tháng tiếp theo, qua bà nội Kane, cậu đầu tư vào những chứng khoán *The Wall Street Journal* giới thiệu. Trong thời gian đó, cậu thua mất hơn nửa số tiền kiếm được trong thương vụ nhãn diêm. Cậu không bao giờ đặt trọn lòng tin vào ý kiến chuyên môn của *The Wall Street Journal* nữa. Cậu kết luận rằng nếu những phóng viên có được thông tin xác thực, sao họ còn phải làm việc cho một tờ báo?

Bực bội vì mất gần 30 đô, William quyết định phải bù lại trong kỳ nghỉ hè. Sau khi trừ thời gian những bữa tiệc và những buổi họp mặt mẹ muốn cậu tham dự, cậu thấy mình chỉ còn 14 ngày rảnh rỗi, vừa đủ để dấn thân vào một thương vụ mạo hiểm mới. Cậu bán hết tất cả số cổ phiếu còn lại do *The Wall Street Journal* gợi ý, chỉ được 12 đô. Với số tiền đó, cậu mặc cả và mua được một mảnh gỗ, một bộ bánh xe, trục, sợi dây với giá 5 đô. Sau đấy cậu đội chiếc mũ vải mềm và mặc bộ đồ cũ đã chật rồi đi ra ga tàu điện trung tâm. William đứng bên ngoài lối ra, trông vừa đói vừa mệt. Cậu chọn khách du lịch và thông báo với họ rằng những khách sạn lớn tại Boston ở ngay gần nhà ga, họ không cần phải lãng phí tiền bạc để đi taxi hoặc một trong số những chiếc xe ngựa hai bánh còn sót lại, trong khi cậu có thể chuyển hành lý của họ với chỉ giá bằng 20% chi phí đó, cậu còn thuyết phục thêm rằng đi bộ cũng tốt cho họ. Làm việc sáu tiếng một ngày, cậu bỏ túi được khoảng 4 đô.

Năm ngày trước khi năm học mới bắt đầu, William đã thu lại được số tiền thất thoát ban đầu và ghi sổ thêm 9 đô

lợi nhuận. Những tài xế taxi đã bắt đầu khó chịu với cậu. Cậu quả quyết với họ cậu sẽ nghỉ việc khi tròn mười tuổi nếu mỗi tài xế tặng cậu 50 cent để bù vào giá của chiếc xe chở đồ tự chế. Họ đồng ý, và cậu kiếm thêm được 8,5 đô nữa. Trên đường về nhà ở Đồi Beacon, cậu bán chiếc xe chở đồ cho một người bạn học lấy 2 đô, hứa rằng cậu sẽ không trở lại khu vực cũ ở nhà ga. Cậu bạn nhanh chóng phát hiện ra các tài xế taxi sẵn sàng nện cậu ta, thêm nữa trời mưa suốt những ngày còn lại trong tuần. Vào ngày trở lại trường, William gửi lại số tiền vào ngân hàng với lãi suất 2,5%.

Trong năm tiếp theo, cậu theo dõi số tiền tiết kiệm tăng lên đều đặn. Tổng thống Wilson tuyên bố chiến tranh với Đức vào tháng Tư năm 1917 cũng không khiến cậu bận tâm. Cậu khẳng định với mẹ rằng không điều gì và không quốc gia nào có thể đánh bại nước Mỹ. Cậu thậm chí còn đầu tư thêm 10 đô vào trái phiếu tự do để khẳng định phán đoán của mình.



Cho đến sinh nhật thứ 11 của William, cậu tiền gửi ngân hàng trong sổ của cậu đã là con số 412 đô. Cậu tặng sinh nhật mẹ một cây bút máy, tặng hai bà trăm cái áo mua từ cửa hàng trang sức địa phương. Chiếc bút máy loại Parker và đồ nữ trang được chuyển đến nhà hai bà trong những chiếc hộp của hãng Shreve, Crump và Low mà cậu lục được trong thùng rác phía sau cửa hàng nổi tiếng. Cậu không muốn nói dối hai bà, nhưng cậu đã học được bài học từ vụ nhãn diêm là bao bì đẹp sẽ nâng giá trị sản phẩm.

Hai bà để ý những chiếc trâm thiếu dấu tiêu chuẩn của Shreve, Crump và Low, nhưng vẫn hãnh diện cài chúng. Từ lâu họ đã kiên quyết rằng William đã sẵn sàng để theo học trường St. Paul vào tháng Chín năm tới tại Concord, New Hampshire. Đáng quý hơn, cậu đã đem niềm vui lớn về cho hai bà bằng học bổng toàn phần môn toán, tiết kiệm được cho gia đình khoảng 300 đô mỗi năm dù điều đó là không cần thiết. Cậu muốn nhận nhưng hai bà trả lại học bổng để dành cho “một đứa trẻ ít may mắn hơn”.

Anne ghét việc William đi học nội trú xa nhà, nhưng hai bà đã quyết và quan trọng hơn, cô biết, đó chính là điều Richard mong mỏi. Cô thêu tên William lên đồ dùng của con, đánh dấu những đôi giày, rà soát lại quần áo và tự tay đóng gói đồ đạc cho con. Đến lúc con đi, cô hỏi con cần bao nhiêu tiền tiêu vặt cho học kỳ sắp tới.

- Không cần đâu, cảm ơn mẹ. - Cậu đáp lại và không giải thích gì thêm.

William hôn lên má mẹ và sải bước xuống đường, mặc chiếc quần dài đầu tiên, tóc cắt ngắn, mang chiếc va li nhỏ. Cậu leo lên xe và bác xà ích Roberts đưa cậu đi. Cậu không hề ngoảnh lại. Mẹ cậu cứ vẫy tay mãi rồi sau đó bật khóc. William muốn khóc, nhưng cậu biết cha mình không cho phép điều đó.



Với William, điều lạ lùng đầu tiên cậu thấy ở ngôi trường dự bị mới là những cậu bạn khác dường như không biết cậu là ai. Người ta không nhìn cậu thán phục, ngẫm hiểu về

vị thế của cậu. Một cậu bé còn hỏi tên cậu, và tệ hơn, còn không phản ứng gì khi cậu trả lời. Thậm chí một vài cậu bé gọi cậu là “Bill”, cậu phải sửa lại bằng cách giải thích trước kia không ai từng gọi cha mình là “Dick” cả¹.

“Lâu đài” mới của William là một phòng nhỏ có những giá sách bằng gỗ, hai bàn, hai ghế, hai giường và một tràng kỷ bục da đã sờn nhưng thoải mái. Một chiếc ghế, một chiếc bàn và một chiếc giường đã có một cậu bé ở New York tên là Matthew Lester sử dụng, cha cậu này là Chủ tịch của Lester và Công ty, một ngân hàng gia đình lâu đời.

William nhanh chóng quen với nhịp độ ở trường: thức dậy lúc bảy rưỡi, rửa mặt, ăn sáng trong phòng ăn chính cùng những bạn học khác - 220 cậu trai nhóp nhép cháo yến mạch, trứng và thịt lợn xông khói. Xong bữa sáng, vào nhà thờ, rồi đến ba tiết học 45 phút trước khi vào bữa trưa và thêm hai tiết học nữa, đến một tiết học nhạc, tiết mà William ghét vì cậu không thể hát được đúng nốt nhạc và không muốn học để biết chơi bất kì nhạc cụ nào. Cuối cùng cậu đành trở lại với bộ ba thói quen: bóng đá vào mùa thu, khúc côn cầu và bóng quần² vào mùa đông, bơi thuyền và tennis vào mùa xuân, khiến cậu không còn nhiều thời gian rồi. Là học sinh có học bổng môn toán, cậu được ông G. Raglan, giáo viên phụ trách ký túc xá, phụ đạo ba lần một tuần, các cậu bé vẫn gọi là thầy “Rách Rưới” vì vẻ ngoài lôi thôi.

¹ Bill là tên tắt của William, Dick là tên tắt của Richard, nhưng những gia đình giàu có thường không thích gọi tên tắt.

² Môn thể thao có từ thế kỷ 16, sử dụng vợt giống tennis.

Suốt năm học đầu tiên, William đã chứng tỏ mình xứng đáng với học bổng, luôn trong топ những nam sinh đứng đầu lớp ở hầu hết các môn, đặc biệt là môn toán. Chỉ có người bạn mới Matthew Lester là đối thủ xứng đáng với cậu, và càng đáng ganh đua hơn khi hai người cùng ở chung một phòng. William cũng có chút danh tiếng là một chuyên gia tài chính. Mặc dù vụ đầu tư đầu tiên của cậu vào thị trường chứng khoán đã không thành công, nhưng cậu không từ bỏ niềm tin sẽ kiếm được một số tiền đáng kể, đạt được số vốn tầm cỡ trên thị trường là điều rất cần thiết. Cậu thận trọng theo dõi *The Wall Street Journal* và báo cáo của các công ty, bắt đầu thí nghiệm với danh mục đầu tư bằng hồ sơ ảo. Cậu ghi chép mọi cuộc mua và bán ảo, hiệu quả và không hiệu quả, vào một cuốn sổ da khác màu mới mua. Mỗi cuối tháng, cậu so sánh hiệu suất của mình với thị trường. Cậu không bận tâm tới những chứng khoán dẫn đầu mà thay vào đó tập trung vào những công ty ít danh tiếng hơn, một vài trong số đó chỉ giao dịch qua thị trường chứng khoán chưa niêm yết, nên không thể mua nhiều cổ phiếu cùng lúc. William tự quy định 4 điểm trong những vụ đầu tư: bội số thu nhập thấp, tỷ lệ tăng trưởng cao, hỗ trợ tài sản mạnh và triển vọng kinh doanh thuận lợi. Cậu nhận thấy chỉ một số ít cổ phiếu đáp ứng được tất cả những tiêu chí khắc nghiệt này, nhưng khi cậu bắt tay vào đầu tư, tất cả gần như luôn thể hiện lợi nhuận cho cậu.

Thời điểm cậu chứng tỏ mình thường xuyên chiến thắng được chỉ số Dow Jones bằng chương trình đầu tư ảo,

William quyết định đầu tư tiền thật: tiền túi của cậu. Cậu bắt đầu với 100 đô, và suốt một năm sau không ngừng sàng lọc hệ thống của mình. Cậu luôn theo sát lợi nhuận và giảm bớt hao hụt. Ngay khi một chứng khoán tăng giá gấp đôi, cậu sẽ bán đi một nửa số cổ phần, giữ lại một nửa và kinh doanh phần chứng khoán còn lại như tiền thưởng. Một vài khám phá sớm nhất của cậu, chẳng hạn như Eastman Kodak¹ và Dầu tiêu chuẩn, đã trở thành những công ty hàng đầu nước Mỹ. Cậu cũng ủng hộ cả Sears, một công ty kinh doanh qua đường bưu điện, vì tin rằng đó là một xu hướng sẽ phổ biến. Cho đến cuối năm đầu tiên, cậu đã trở thành cố vấn cho nhiều thầy giáo, và thậm chí cả những phụ huynh.

William Kane thấy hạnh phúc khi ở trường.

¹ Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm hình ảnh và thiết bị nhiếp ảnh.



Wladek là người duy nhất trong số đám người còn sống biết rõ đường lối trong những gian hầm tù này. Trong những ngày tháng vô tư chơi trốn tìm cùng Leon, cậu đã có biết bao giờ phút vui vẻ trốn dưới những gian hầm nhỏ bằng đá và biết chắc chắn mình có thể trở lại lâu đài bất cứ lúc nào thích hợp.

Có bốn hầm tù tất cả. Hai trong số đó ở ngang tầm với mặt đất. Căn hầm nhỏ hơn được chiếu sáng le lói bởi ánh nắng mặt trời lờ mờ qua tấm lưới sắt gắn cao tí trên bức tường đá. Xuống dưới năm bậc thang là hai gian hầm đá nửa chìm trong bóng tối bất tận với rất ít dưỡng khí. Wladek dẫn Nam tước lên gian hầm nhỏ phía trên, đến nơi ông lập tức ngồi sụp xuống một góc, câm lặng và bất động nhìn vào khoảng không. Cậu bé chỉ định Florentyna chăm sóc ông.

Trong khi Wladek là người duy nhất dám ở lại cùng một chỗ với Nam tước, hai mươi tư người hầu còn lại không dám hỏi han gì chủ nhân của họ. Vì thế, cậu bé chín tuổi gánh

trách nhiệm hàng ngày đối với những người bạn tù. Những người mới đến hầm tù, bị cảnh giam hãm thống khổ đầy đọa, rõ ràng không thấy lạ gì với việc một cậu bé điều hành cuộc đời họ. Trong hầm tù, Wladek trở thành chủ nhân của họ. Cậu chia số người hầu thành ba nhóm tám người, cố sắp xếp những người trong cùng gia đình ở gần nhau. Cậu cho họ thay phiên nhau đều đặn: tám tiếng ở hầm trên để có ánh sáng, không khí, đồ ăn và được tập thể dục, tám tiếng làm việc trong lâu đài phục vụ bọn xâm lược, và tám tiếng để ngủ ở một trong hai gian hầm dưới. Không ai ngoại trừ Nam tước và Florentyna có thể biết chắc Wladek ngủ lúc nào, cậu luôn có mặt ở cuối mỗi phiên để giám sát những người hầu khi họ đổi phiên. Đồ ăn được phân phát mười hai tiếng một lần. Những tên lính gác hay đem xuống một túi da đựng sữa dê, bánh mì đen, kê hoặc thỉnh thoảng là vài thứ hạt, Wladek luôn đem chia tất cả thực phẩm thành hai mươi tám phần, hai phần dành cho Nam tước, nhưng không bao giờ để cho ông biết.

Ngay khi Wladek bố trí xong một phiên làm việc mới, lập tức cậu quay về chỗ ngồi Nam tước trong căn hầm nhỏ. Ban đầu, cậu đợi sự chỉ dẫn của Nam tước, nhưng ánh nhìn bất động của ông chủ cậu cũng lạnh lùng và ảm đạm như những đôi mắt lạnh lẽo của đám lính Đức. Nam tước không nói một lời nào từ lúc bị bắt giữ trong chính lâu đài của mình. Bộ râu ông đã mọc dài, chuyển sang màu xám, vóc dáng vạm vỡ của ông bắt đầu rạc đi. Ánh mắt đầy tự hào đã được thay thế bằng ánh mắt nhẩn nhục. Wladek gần như

không nhớ nổi giọng nói dịu dàng của ông, và cậu dần quen với ý nghĩ cậu sẽ không bao giờ nghe thấy giọng nói ấy nữa. Sau một thời gian, cậu quen với những mong muốn không nói thành lời của Nam tước, và luôn giữ im lặng khi ở trước mặt Nam tước.

Thời gian sống trong lâu đài trước khi bọn lính Đức ập đến, Wladek có rất nhiều mối bận tâm đến nỗi cậu chưa hề có thời gian nghĩ về ngày hôm trước. Giờ đây cậu thậm chí không thể nhớ nổi một giờ trước đó, vì không có gì thay đổi cả. Những phút giây tuyệt vọng dài như hàng giờ, giờ biến thành ngày, ngày lê thê như tháng. Chỉ thấy thời gian trôi đi khi những người hầu đổi phiên, thức ăn được đưa tới, rồi bóng tối hoặc ánh sáng kéo đến, trong khi ngày ngắn lại, và lớp băng xuất hiện trên tường hầm báo trước sự chuyển mùa. Trong suốt những đêm dài, Wladek dần cảm nhận được mùi hôi thối của cái chết thấm vào cả những góc xa nhất của hầm tù, chỉ dụm bót bởi ánh nắng ban mai, trước một ngọn gió mát hoặc sự cứu rỗi thiêng liêng nhất là tiếng mưa rơi.

Cuối một ngày đông bão triền miên, Wladek và Florentyna tận dụng cơn mưa để tắm rửa trên những vũng nước hình thành do những vết nứt trên nền đá. Hai chị em không nhận thấy đôi mắt Nam tước lấp lánh khi Wladek cởi chiếc áo cũ rách của mình ra và té dòng nước lạnh lên mình. Nam tước bắt chợt lên tiếng:

- Wladek! - Lời nói gần như không thể nghe được - Ta không thể nhìn rõ con. - Giọng ông rời rạc - Đến đây với ta nào, con.

Sau một thời gian dài ông im lặng, Wladek sững sốt vì bất ngờ trước giọng nói của Nam tước và sợ đây là dấu hiệu của chứng điên loạn mà hai người hầu già đã mắc phải.

- Đến đây nào, con! - Nam tước nhắc lại.

Wladek sợ sệt tuân theo và đứng trước mặt Nam tước, đôi mắt yếu ớt của ông nhúu lại thể hiện nỗi xúc động mạnh. Ông dò dẫm về phía cậu bé và lướt một ngón tay trên ngực Wladek trước khi chăm chú nhìn cậu.

- Wladek, con có giải thích được khiếm khuyết này không?

- Không, thưa ngài! - Wladek trả lời ngượng nghịu - Cháu đã như vậy từ lúc sinh ra. Cha cháu bảo đó là dấu hiệu của ma quỷ trên người cháu.

- Tên ngốc! Nhưng thực ra, ông ta cũng đâu phải cha của cháu. - Nam tước nhẹ nhàng nói và lại chìm vào im lặng. Wladek vẫn đứng trước mặt ông, bất động. Khi Nam tước mở lời trở lại, giọng ông mạnh mẽ hơn - Ngồi xuống đi con!

Trong lúc ông ngồi xuống, Wladek một lần nữa nhìn thấy chiếc vòng lớn bằng bạc đang nằm lỏng lẻo trên cổ tay ông. Một tia sáng khiến cho tấm gia huy Rosnovski được chạm khắc tinh xảo sáng lấp lánh trong bóng tối của hầm tù.

- Ta không biết bọn Đức định giam giữ chúng ta ở đây bao lâu nữa. - Nam tước nói tiếp - Lúc đầu ta nghĩ cuộc chiến này sẽ kết thúc trong khoảng vài tuần. Ta đã sai, và chúng ta giờ phải tính đến khả năng cuộc chiến sẽ tiếp tục trong một thời gian rất dài nữa. Nghĩ được như vậy, chúng

ta phải sử dụng thời gian khôn ngoan hơn, ta biết cuộc đời ta sắp kết thúc rồi.

- Không, không! - Wladek phản ứng, nhưng Nam tước tiếp tục nói như thể không nghe thấy lời cậu.

- Cuộc đời con, con trai, vừa mới bắt đầu thôi. Bởi vậy ta sẽ tiếp tục dạy dỗ con.

Ngày hôm đó Nam tước không nói thêm lời nào nữa. Giống như ông đang xem xét toàn bộ những gì liên quan đến lời tuyên bố của mình. Nhưng những tuần tiếp theo, Wladek nhận ra cậu đã có một thầy giáo mới. Họ không đọc hay viết, Wladek học bằng cách nhắc lại mọi điều Nam tước nói. Cậu học từ những đoạn thơ dài của Adam Mickiewicz¹ và Jan Kochanowski, cho đến những đoạn văn dài của sử thi *Aeneid*². Trong phòng học khổ hạnh ấy, Wladek được học địa lý và toán, và bồi dưỡng khả năng thông thạo nhiều thứ tiếng: Nga, Đức, Pháp và Anh. Nhưng giống như trước kia, khoảnh khắc hạnh phúc nhất vẫn là những giờ học lịch sử. Câu chuyện về đất nước qua hàng trăm năm chia cắt, những hy vọng bất thành về đất nước Ba Lan thống nhất, nỗi khổ cực của người dân khi Napoleon đại bại dưới tay quân Nga năm 1812... Cậu được học những câu chuyện hào hùng về những ngày tháng yên hàn hơn, khi Đức vua Jan Casimir hiến dâng nước Ba Lan cho Đức mẹ Đồng trinh sau khi đánh

¹ Adam Bernard Mickiewicz (1798-1855) và Jan Kochanowski (1530-1584), những đại thi hào của Ba Lan.

² *Aeneid* là sử thi tiếng Latin do Virgil sáng tác, kể về câu chuyện anh hùng của Aeneid - một người thành Troy trên hành trình đến Ý và trở thành tổ tiên của người Roma.

đuổi người Thụy Điển ở Czystochowa, và Hoàng tử Radzimill hùng mạnh, một học giả, một lãnh chúa và là người yêu thích săn bắn, thiết triều trong lâu đài gần Warsaw.

Bài học cuối cùng mỗi ngày của Wladek là về lịch sử dòng họ Rosnovski. Cậu được nghe kể đi kể lại - không bao giờ chán - chuyện cụ tổ lấy lòng của Nam tước đã phục vụ dưới quyền tướng Dabrowski năm 1794 và sau đó ở dưới quyền của chính Napoleon năm 1809 rồi được Hoàng đế tặng thưởng nhiều vùng đất mênh mông cùng tước hiệu. Cậu còn biết thêm ông nội của Nam tước nằm trong Hội đồng Warsaw, và cha của Nam tước đã góp phần xây dựng nước Ba Lan mới. Thời gian một lần nữa lại trôi nhanh, bất chấp những cảnh tượng khủng khiếp xung quanh lớp học mới. Nam tước tiếp tục dạy cậu dù khả năng nghe và nhìn của ông ngày một kém. Mỗi ngày Wladek lại phải ngồi gần ông hơn.

Đám lính gác ở lối vào hầm tù cứ bốn tiếng lại đổi phiên một lần, chúng bị cấm nói chuyện với tù nhân. Tuy thế, qua những cuộc trò chuyện vụn vặt, Wladek đã biết về diễn tiến của chiến tranh, về những động thái của Hindenburg và Ludenburg, về cuộc Cách mạng tháng Mười ở nước Nga và Nga đã rút khỏi chiến sự sau Hòa ước Brest-Litovsk. Wladek bắt đầu tin rằng cách duy nhất để thoát khỏi những hầm ngục này là cái chết. Cậu tự hỏi có phải những kiến thức cậu đang trang bị cho mình sẽ là vô dụng khi cậu không bao giờ biết đến tự do nữa.

Florentyna - chị gái, người mẹ, người bạn thân nhất của Wladek - tự lặn xả vào cuộc đấu tranh bất tận để giữ cho

căn hầm của Nam tước được sạch sẽ. Thịnh thoảng đám lính cho cô một xô cát hoặc rơm để trải nền đất, và mùi hôi thối sẽ giảm bớt trong ít ngày. Đám chuột bỏ ẩn nấp trong bóng tối châu chực những mẩu bánh mì hoặc khoai tây rơi vãi, đi kèm với chúng là dịch bệnh và chúng còn là nguyên nhân gây mất ngủ. Mùi chua của nước tiểu, phân người và động vật hành hạ khứu giác của họ, khiến cho Wladek thường bị ốm. Cậu mong lại được tắm rửa, và hay mất hàng giờ dán mắt vào khe hở nhỏ trên tường, nhớ lại những bồn tắm nước nóng và bánh xà phòng thơm cô bảo mẫu mang đến, tắm sạch bụi đất sau một ngày chơi đùa với hàng tràng trách móc của cô về hai đầu gối đầy bùn hoặc những móng tay đầy đất của cậu và Leon. Tất cả ở cách cậu không xa, nhưng thời gian thì đã xa lắm rồi.



Đến mùa xuân năm 1918, chỉ còn 15 trong số 27 người tù còn sống. Nam tước vẫn được mọi người coi như chủ nhân, còn Wladek được xem như quản gia của ông. Wladek thấy buồn cho chị Florentyna yêu quý, giờ đã hai mươi tuổi. Lâu nay cô đã mất hết hy vọng vào cuộc đời. Trước mặt chị, Wladek chưa bao giờ thừa nhận từ bỏ hy vọng, nhưng mặc dù chỉ mới mười hai tuổi, cậu cũng đang bắt đầu tự hỏi liệu có còn tương lai nào khác bên ngoài những ngục tối này không.

Một buổi tối đầu mùa thu, Florentyna đến bên Wladek trong gian hầm lớn bên trên.

- Nam tước gọi em đấy.

Wladek vội bật dậy, giao lại công việc chia thức ăn cho một người hầu tin cậy và đến gặp Nam tước. Nam tước đang trong cơn đau dữ dội, Wladek kinh hoàng khi thấy rõ bệnh tật đã hủy hoại toàn bộ da thịt của ông thế nào, trên khuôn mặt gãy trơ xương của ông lúc này là làn da lốm đốm chấm xanh. Nam tước muốn uống nước, Florentyna giúp ông đỡ khát bằng nửa ca nước mưa vẫn treo trên cây gậy bên ngoài phen sắt trên tường. Khi Nam tước uống xong, ông chậm chạp nói trong nỗi khó nhọc khôn cùng:

- Con đã chứng kiến nhiều người chết rồi, Wladek, và thêm một người nữa chết chắc cũng không khác gì. Ta thú thật là ta không còn sợ phải từ bỏ thế giới này.

- Không, không, không thể nào! - Wladek khóc, lần đầu tiên trong đời cậu ôm lấy ông - Xin Nam tước đừng bỏ cuộc. Cháu đã nghe lắm bọn lính nói chuyện, chiến tranh sắp kết thúc. Chúng ta sẽ sớm được tự do.

- Chúng tôi nói chuyện đó nhiều tháng nay rồi. Dù thế nào, ta cũng không muốn sống trong thế giới mới chúng đang tạo ra. - Ông ngừng lại khi cậu bé bắt đầu nức nở lần đầu tiên trong suốt ba năm bị cầm tù, sau đó ông nói - Gọi người quản gia và người hầu thân cận của ta đến đây.

Wladek lập tức vâng lời, không biết tại sao lại cần gọi họ. Hai người hầu bị đánh thức, tìm đến và đứng im lặng trước mặt Nam tước, đợi ông ra lệnh. Họ vẫn mặc bộ chế phục thêu, nhưng những bộ đồ không còn lại đặc điểm nào cho thấy chúng đã từng kiêu hãnh mang những màu xanh và vàng đầy tự hào của dòng họ Rosnovski nữa.

- Họ đến chưa, Wladek? - Nam tước hỏi.

- Vâng, đến rồi ạ. Ngài có thấy họ không? - Wladek lần đầu tiên nhận ra Nam tước đã mù.

- Bảo họ tiến lại gần để ta có thể chạm vào họ.

Wladek đưa hai người đến gần ông, Nam tước đưa tay chạm lên mặt họ.

- Ngồi xuống đi, hai anh. Các anh nghe thấy lời ta chứ, Ludwik, Alfons?

- Vâng, thưa ngài. - Hai người đáp.

- Tên ta là Nam tước Rosnovski.

- Chúng tôi biết, thưa chủ nhân. - Viên quản gia ngây ngô đáp lại.

- Đừng ngắt lời ta. - Nam tước nói - Ta sắp chết rồi.

Cái chết đã trở nên rất bình thường trong chốn tù ngục này nên hai người đàn ông không có phản ứng gì.

- Ta không đủ sức lập một bản di chúc mới, trong khi ở đây không có giấy, bút hay mực. Bởi vậy ta lập di chúc này trước sự chứng kiến của hai anh, và các anh có thể phụng sự dưới tư cách hai nhân chứng của ta, được công nhận bởi bộ cổ luật của Ba Lan. Các anh hiểu những lời ta đang nói chứ?

- Vâng, thưa ngài! - Hai người đàn ông đồng thanh đáp.

- Con trai đầu lòng của ta, Leon, đã chết. - Nam tước dừng lại - Và vì thế ta để lại toàn bộ đất đai và tài sản cho cậu bé mang tên Wladek Koskiewicz.

Wladek đã không nghe nói đến họ của mình suốt nhiều năm qua, và không hiểu ngay được tầm quan trọng trong những lời nói của Nam tước.

- Để chứng minh cho quyết định của mình, - Nam tước tiếp tục - ta ban cho cậu bé chiếc vòng của gia tộc.

Ông già chậm chạp đưa tay phải lên, gỡ chiếc vòng bạc trên cổ tay và đưa cho Wladek đang ngồi lặng thinh. Ông ôm ghì cậu bé vào mình. “Con trai ta và người thừa kế của ta!” Ông tuyên bố khi đeo chiếc vòng bạc lên cổ tay cậu.

Wladek nằm trong vòng tay của Nam tước suốt đêm cho đến khi cậu không còn nghe thấy tiếng tim ông đập, hai cánh tay ông trở nên lạnh giá và cứng lại quanh người cậu. Đến sáng, thi hài Nam tước được đám lính đưa ra, chúng cho Wladek ra khỏi hầm tù để chôn ông bên cạnh con trai ông, Leon, trong nghĩa trang của dòng họ. Trong lúc thi thể ông được hạ xuống một hố huyết nông do Wladek đào bằng tay không, chiếc áo lụa đã mục nát của Nam tước bật tung ra. Wladek chòng chọc nhìn vào ngực của vị chủ nhân quá cố. Ông chỉ có một núm vú.



Vào một ngày nắng nhẹ, khô ráo cuối mùa thu năm 1918, những người tù nghe thấy nhiều tiếng súng và âm thanh của một cuộc giao tranh nhỏ. Wladek chắc rằng quân đội Ba Lan đã đến giải cứu họ và cậu có thể xác nhận quyền thừa kế của mình. Khi đám lính Đức bỏ vị trí gác ở lối vào hầm tù, những người tù còn lại sợ hãi lặng lẽ co cụm lại trong gian hầm dưới. Wladek đứng một mình ở ngưỡng cửa, xoay chiếc vòng bạc quanh cổ tay, đợi những người giải phóng đến cứu để cậu có thể đòi lại tài sản hợp pháp của mình.

Cuối cùng, những người chiến thắng đã đến, họ nói chuyện với Wladek bằng thứ tiếng Slave rất khó nghe mà cậu đã được học ở trường để thêm lòng căm thù quân Đức. Những kẻ thay thế này dường như không ý thức được rằng cậu bé mười hai tuổi kia là chủ nhân của vùng đất họ vừa tiếp quản. Họ không nói được tiếng mẹ đẻ của cậu. Mệnh lệnh của họ rõ ràng và không được phép phản kháng: giết bất cứ ai chống lại Hòa ước Brest-Litovsk, Hòa ước tách phần đất Ba Lan này chuyển về cho người Nga, những người không chống lại được đưa về Trại 201 ở Siberia. Quân Đức chỉ kháng cự qua loa rồi rút về sau đường biên giới mới, Wladek và những người khác lại theo dõi, chờ đợi, không biết số phận mình sẽ ra sao.

Sau hai đêm nữa, Wladek nhận được tin rằng mình và mọi người sẽ bị bỏ lại dưới hầm tù suốt quãng đời còn lại. Những tên lính mới không nói chuyện với cậu, và cậu bắt đầu nghiệm ra cảnh đọa đày của quân Đức chỉ đơn giản được thay thế bằng của quân Nga. Sang ngày thứ ba, đám lính Nga lao vào những hầm tù và lôi mười bốn con người hốc hác, bần thiêu ra bãi cỏ phía trước lâu đài. Hai trong số những người hầu đồ sụp xuống dưới ánh sáng chói lòa của mặt trời buổi trưa. Wladek phải che mắt lại khi đứng im đợi xem bọn lính sẽ làm trò gì tiếp theo. Có thể là một viên đạn, hoặc sự tự do?

Đám lính bắt họ cởi bỏ quần áo, ra lệnh cho họ xuống sông tắm rửa. Wladek giấu chiếc vòng bạc trong bộ đồ trước khi đi xuống bờ sông, hai chân cậu đã yếu nhũn trước khi

đi đến sông. Cậu nhảy xuống, thở hổn hển vì cái lạnh đột ngột của dòng nước, mặc dù thật tuyệt vời đối với làn da thô nhám của cậu. Những người còn lại cũng nhảy xuống cùng cậu, cố tẩy rửa hết nhơ bẩn của ba năm vừa rồi.

Trong lúc Wladek đang tắm, cậu thấy đám lính vừa cười vừa chỉ vào Florentyna. Có vẻ như không có người phụ nữ nào khác khiến chúng chú ý như vậy. Một tên to béo, đàn độn chop lấy cánh tay Florentyna khi cô đi ngang qua lúc từ bờ sông trở về. Hắn xô cô ra đất và tụt nhanh quần ra. Wladek nhìn chằm chằm, không thể tin nổi khi thấy dương vật đang cương cứng của hắn. Cậu nhảy lên khỏi mặt nước và chạy về phía tên lính đang đè chặt Florentyna xuống đất. Wladek húc thẳng vào bụng tên lính và vùng tay đám. Hắn ta giật nảy mình buông Florentyna ra, nhưng tên lính thứ hai chop lấy Wladek, xô cậu ra đất và thúc mạnh gối vào lưng cậu. Sự lộn xộn khiến những tên lính khác chú ý và tiến lại xem. Tên đang giữ Wladek phá lên cười, tiếng cười oang oang không có chút khôi hài nào.

- Đám luôn thẳng này đi. - Một tên nói.

- Ít nhất hãy cho nó xem đầu vật. - Tên lính đang đè cậu trên mặt đất thêm vào.

Nhiều tiếng cười chen vào giữa những câu bình phẩm mà Wladek không thể hiểu hết. Cậu thấy tên lính trần truồng chậm rãi tiến về phía Florentyna, cô gái đang lặng đi vì sợ. Wladek cố liều mạng thoát ra nhưng vô ích. Tên trần truồng kia nằm đè lên Florentyna một cách thô bạo và bắt đầu hành hạ cô. Khi hắn tát cô, cô gắng chống trả

và tránh. Cuối cùng hắn tiến sâu vào cô. Cô thét lên những tiếng khủng khiếp mà Wladek chưa từng nghe. Những tên lính khác tiếp tục nói chuyện và cười đùa với nhau, một vài tên thậm chí còn không thèm nhìn.

- Mẹ kiếp, gái trinh! - Tên lính nói khi xong việc.

Cả đám lại cười phá lên.

- Vậy là mày đã giúp tao dễ dàng hơn một chút. - Một thằng khác nói.

Chúng cười lớn hơn. Khi Florentyna nhìn trân trân vào mắt Wladek, cậu bé nôn thốc ra. Tên lính đang đề lên cậu không bận tâm lắm, miễn thằng bé không nôn trúng vào bộ quân phục hoặc đôi ủng bóng loáng của nó là được. Tên lính đầu tiên chạy thẳng xuống sông, rú lên đắc thắng khi lao xuống nước. Tên thứ hai bắt đầu cởi tung thắt lưng, trong khi một tên khác đề Florentyna xuống. Tên thứ hai này lâu hơn, dường như hắn được thỏa mãn tột cùng khi đánh đập Florentyna trước khi hãm hiếp cô. Cô lại hét lên, nhưng không to như lúc trước.

- Thôi nào, Vladi, mày hơi lâu rồi đấy.

Tên kia buông cô ra và xuống sông tắm cùng đồng bọn. Wladek không rời mắt khỏi Florentyna. Khắp người cô bầm tím và máu chảy ra giữa hai chân. Tên lính đang giữ cậu lại lên tiếng:

- Đến giữ thằng ranh con này đi, Boris. Tới lượt tao.

Tên lính đầu tiên giữ Wladek. Cậu lại giằng co để thoát ra nhưng chỉ khiến đám lính cười nhiều hơn.

- Giờ chúng tao mới biết toàn lực của chúng mày.

Tràng cười khùng khiếp lại tiếp tục khi một tên khác lao vào Florentyna, lúc này đang nằm đồ đả trước những trò thú vật.

- Tao nghĩ con bé bắt đầu thích rồi đấy. - Nó nói khi thỏa mãn.

Tên lính thứ tư tiến lại Florentyna. Khi đến gần, nó lật sấp cô xuống, đôi tay to lớn của nó lướt nhanh trên thân hình mảnh mai của cô. Tiếng hét của Florentyna giờ chỉ còn là tiếng rên rỉ. Wladek đếm được mười sáu tên lính đã cưỡng hiếp chị mình. Khi tên cuối cùng xong xuôi, hắn ta chửi và gất lên:

- Hình như tao vừa chơi một con đàn bà đã chết.

Câu nói này làm cả lũ cười ngặt nghẽo.

Khi tên lính giữ Wladek cuối cùng buông cậu ra, cậu chạy đến bên Florentyna trong lúc bọn lính nằm trên cỏ uống rượu vang và vodka lấy từ hầm rượu của Nam tước, ngấu nghiến bánh mì và thịt lấy trong bếp.

Được hai người hầu giúp đỡ, Wladek đưa Florentyna đến bờ sông, rầm rứt khóc khi tắm sạch máu và đất cát cho chị. Cậu bọc chị bằng áo khoác của mình, ôm chị và nhẹ nhàng hôn lên môi chị - người phụ nữ đầu tiên cậu từng hôn. Khi những giọt nước mắt lăn dài trên mặt cậu rơi xuống cơ thể thâm tím của chị, cậu thấy chị mềm rũ xuống. Cậu lại khóc trong lúc đưa xác chị lên bờ. Bọn lính cảm lạnh khi thấy cậu đi về phía nhà thờ. Cậu đặt chị xuống bãi cỏ bên cạnh mộ Nam tước và lại một lần nữa bắt đầu đào đất bằng đôi tay trần. Ánh tà dương vẽ một bóng đen

dài trên ngôi mộ lúc cậu chôn chị xong. Cậu làm một cây thập giá nhỏ bằng hai cây gậy, đóng nó lên ngôi mộ. Sau đó cậu gục xuống đất và nhanh chóng ngủ thiếp đi, không cần biết mình có tỉnh lại nữa hay không.

Anne Kane cô đơn vô vô khi William đi học ở trường St. Paul và gia đình chỉ còn lại hai người bà, giờ đây đã già cả.

Vừa qua sinh nhật thứ 30, Anne nhận ra mình không còn khiến những người đàn ông phải ngoái nhìn nữa. Cô quyết định nối lại những mối giao tình với vài người bạn cũ đã xa cách từ sau khi Richard qua đời. Millie Preston, mẹ đỡ đầu của William, bạn lâu năm của cô, bắt đầu mời cô đến những bữa tiệc tối và đi xem kịch, luôn kèm thêm một người đàn ông với hy vọng tìm được tình yêu mới cho Anne. Các lựa chọn của Millie hầu như luôn không phù hợp, và Anne hay cười trước những cố gắng mai mối của bạn. Cho đến một ngày, tháng Một năm 1919, ngay sau khi William trở lại trường, cô được mời đến một bữa tối có bốn người. Millie thú nhận rằng cô chưa bao giờ gặp vị khách kia, Henry Osborne, nhưng cô nghĩ anh đã từng ở Harvard cùng thời điểm John, chồng cô, học ở đó.

- Thành thật mà nói, - Millie thú nhận qua điện thoại - chị yêu ạ, anh John không biết nhiều về anh ấy, chỉ biết anh ấy khá điển trai.

Henry Osborne đã ngồi bên bếp lửa khi Anne bước vào phòng khách. Anh vội đứng dậy để Millie giới thiệu họ với nhau. Vóc dáng khoảng hơn một mét tám, mắt đen, gần như đen huyền, và mái tóc đen gọn sóng, trông anh mảnh dẻ và khỏe khoắn. Anne cảm nhận được một niềm hân hoan thoáng qua khi được ghép đôi với người đàn ông khôi ngô và mạnh mẽ kia tối nay, trong khi Millie tự hài lòng bên người chồng mang vẻ trung niên, anh đang xuống mã trong khi người bạn học cùng tuổi vẫn bảnh bao. Cánh tay Henry Osborne đang treo băng, che kín gần hết chiếc cà vạt Harvard của anh.

- Vết thương trong chiến tranh ư? - Anne xúc động hỏi.

- Không, tai nạn trượt tuyết đấy, cố gắng trượt nhanh trên các con dốc ở bang Vermont. - Anh cười nói.

Gần đây, hiếm khi Anne có bữa tối vui như vậy, từng khoảnh khắc đều trôi đi trong hạnh phúc. Henry trả lời tất cả những câu hỏi tò mò của cô. Sau khi rời Harvard, anh làm việc cho một công ty quản lý bất động sản ở quê hương Chicago của anh, nhưng khi chiến tranh nổ ra, anh không thể cưỡng lại lệnh tổng quân và lên đường sang Đức. Anh có cả một kho những câu chuyện tự giễu về châu Âu và quãng đời anh còn là chàng Trung úy trẻ bảo vệ danh dự nước Mỹ bên bờ sông Marne. Millie và John chưa thấy Anne cười như vậy từ khi Richard mất, và khi Henry đề

nghe được đưa cô về nhà, hai vợ chồng họ mỉm cười ranh mãnh với nhau.

- Giờ anh định làm gì khi trở lại mảnh đất có biết bao anh hùng? - Cô hỏi khi anh lái chiếc Stutz thông dong trên phố Charles.

- Vẫn chưa quyết định chắc chắn. - Anh đáp - May mắn là tôi có một món tiền riêng, nên tôi không cần vội vàng làm bất cứ việc gì. Thậm chí có thể tôi sẽ mở công ty bất động sản của riêng mình ngay tại đây. Tôi đã luôn cảm thấy Boston là nhà từ ngày tôi ở Harvard.

- Sau đấy anh sẽ không trở lại Chicago ư?

- Không, không còn gì khiến tôi quay về nữa. Cha mẹ tôi đều đã qua đời, tôi là con một, nên tôi có thể bắt đầu lại ở bất cứ nơi nào tôi chọn. Rẽ ở đoạn nào nhỉ?

- À, ngã rẽ đầu tiên bên phải. - Anne nói - Chính là ngôi nhà màu đỏ ở góc đường.

Henry đỗ xe và đi cùng Anne đến tận cửa chính. Anh chúc cô ngủ ngon và quay đi ngay trước khi cô kịp nói cảm ơn anh vì đã đưa cô về. Cô nhìn theo chiếc xe chậm chậm lướt xuống dưới Đèn Beacon, cảm thấy mình muốn gặp lại anh.

Khi anh gọi cho cô sáng hôm sau, cô rất mừng dù không hoàn toàn bất ngờ.

- Dàn nhạc giao hưởng của Boston, do vị nhạc trưởng lấy lòng mới đến chỉ huy, nhạc Mozart, thứ Hai tuần sau, tôi có thể mời em cùng đi chứ?

Anne hơi ngạc nhiên khi nhận ra mình vô cùng mong chờ đến buổi hòa nhạc. Dường như rất lâu rồi mới có một người đàn ông đầy hấp dẫn đến quyến rũ cô.

Vài phút sau giờ hẹn, Henry đến Dinh Thự Đỏ. Họ bắt tay nhau khá trang trọng trước khi cô trao cho anh một ly whiskey pha soda kiểu Scotland. Anh có nhận thấy cô còn nhớ loại đồ uống anh thích không nhỉ?

- Hẳn rất dễ chịu khi sống trên Quảng trường Louisburg. Em là một phụ nữ may mắn.

- Vâng, em cho là vậy. Em chưa bao giờ thực sự nghĩ nhiều về điều đó. Em sinh ra và lớn lên trên Đại lộ Cộng Hòa. Em chỉ thấy ở đó hơi tù túng.

- Anh có thể tự mua một ngôi nhà ở Đồi Beacon nếu anh chắc chắn quyết định sẽ định cư tại Boston.

- Người ta không hay rao bán nhà đâu, - Anne nói - nhưng anh có thể gặp may. Chúng ta nên đi ngay nhỉ? Em không thích đi nghe hòa nhạc mà đến muộn rồi phải giẫm lên chân người khác trong bóng tối.

Henry liếc nhìn đồng hồ đeo tay.

- Đúng rồi, anh đồng ý, không nên bỏ lỡ phần dạo đầu của nhạc trưởng. Nhưng em không phải lo giẫm lên chân ai khác ngoại trừ chân anh. Chúng ta ngồi cạnh lối đi.

Sau buổi hòa nhạc, Henry có vẻ khá tự nhiên khi cầm tay cô lúc họ rời nhà hát và đi bộ vào khách sạn Grand. Sau khi Richard qua đời, người duy nhất cầm tay cô như vậy là William, và cô phải thuyết phục con rất nhiều vì cậu cho như thế là ủy mị. Đối với Anne, thời gian lại một lần nữa trôi nhanh: là do thứ âm nhạc mê đắm kia, những món ăn thượng hạng, hay chỉ đơn giản vì có Henry ở bên? Lần này anh khiến cô cười bằng những câu chuyện về Harvard của

anh, và khóc vì những hồi ức chiến tranh của anh. Dù cô biết rõ trông anh trẻ hơn tuổi thật, nhưng anh là người từng trải, đến nỗi cô thấy mình trẻ lại đến lạ kỳ và thơ dại khi ở bên anh. Cô kể về sự ra đi của chồng mình, những giọt nước mắt lại trào ra. Anh nắm tay cô khi cô nói về cậu con trai với vẻ tự hào và tình cảm nồng ấm. Anh nói mình luôn muốn có một cậu con trai. Mặc dù anh hầu như không nói về Chicago hoặc thời gian sống ở quê hương, Anne cảm thấy anh chắc chắn rất nhớ gia đình. Khi anh đưa cô quay lại Quảng trường Louisburg đêm đó, anh ở lại một lát để uống chút rượu và hôn nhẹ lên má cô trước khi về. Anne ôn lại từng giây phút của buổi tối hôm ấy, hy vọng anh cũng vui như cô.

Họ lại đi xem kịch vào thứ Ba, thăm biệt thự mùa hè của Anne ở Bờ Bắc vào thứ Tư, lái xe đi sâu vào vùng quê tuyết phủ của bang Massachusetts vào thứ Năm, đi mua đồ cổ ngày thứ Sáu và đến thứ Bảy họ đã hòa quyện vào nhau. Sau Chủ nhật, hai người hiếm khi rời xa nhau. Millie Preston “vô cùng vui sướng” vì việc mai mối của cô cuối cùng đã thành công, và đi khắp Boston kể với mọi người rằng chính cô đã giúp họ thành đôi.

Thông báo về đám cưới của cô mùa hè năm ấy không làm bất cứ ai bất ngờ, ngoại trừ William. Cậu không ưa Henry Osborne ngay từ lúc Anne giới thiệu hai người với nhau bằng vẻ ngại ngùng. Cuộc trò chuyện đầu tiên của họ diễn ra dưới hình thức những câu hỏi, Henry cố chứng tỏ mình muốn làm thân, trong khi William cứ đáp lại cộc lốc.

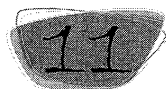
Và cậu bé không hề đổi ý. Trong mắt Anne, sự oán giận của con trai bắt nguồn từ cảm giác ghen tuông dễ hiểu: William lâu nay là tâm điểm trong cuộc đời cô kể từ khi Richard mất. Hơn nữa, trong niềm tôn kính của William, không ai có khả năng thay thế được vị trí của cha cậu. Anne cố thuyết phục Henry rằng thời gian trôi qua, William sẽ nguôi ngoai và sẽ chấp nhận anh.

Anne Kane trở thành bà Henry Osborne vào tháng Mười năm đó. Khi những chiếc lá vàng và đỏ bắt đầu rụng xuống, cô thề nguyện ở Nhà thờ St. Paul, sau khi quen Henry hơn chín tháng. William vờ ốm và ở lại trường để tránh lễ cưới. Hai người bà đến dự, nhưng không thể giấu thái độ phản đối khi Anne tái hôn, nhất là với người có vẻ trẻ hơn cô rất nhiều.

- Cuộc hôn nhân này chỉ có thể kết thúc trong nước mắt. - Bà nội Kane tiên đoán.

Hôm sau, đôi vợ chồng mới cưới đi tàu thủy sang Hy Lạp và mãi đến tuần thứ hai của tháng Mười hai họ mới trở lại Dinh Thự Đỏ trên Đồi Beacon, vừa kịp lúc đón William về nhà trong kỳ nghỉ Giáng sinh. William kinh hoàng khi thấy nhà đã được trang hoàng lại, gần như không còn dấu tích gì của cha cậu. Qua Giáng sinh, thái độ của cậu đối với cha dường như không dịu đi chút nào dù có một món quà, dưới mắt William là đồ hối lộ, là chiếc xe đạp mới. Henry chấp nhận thái độ khước từ ấy bằng vẻ nhẫn nhục đầy khó chịu. Anne đâm buồn khi người chồng mới tuyệt vời không nỗ lực để giành được cảm tình của con trai.

William không còn cảm thấy thoải mái trong nhà của chính mình, và trong khi Henry dường như không có công việc để đi làm, cậu thường xuyên bỏ đi đâu đó suốt ngày. Bất cứ khi nào Anne hỏi cậu bé đi đâu, cô đều nhận được lời giải thích không thỏa đáng. Chắc chắn cả hai người bà cũng không hài lòng, hai bà cũng phàn nàn vì không thấy cậu đâu. Khi những ngày nghỉ kết thúc, William vui sướng khi trở lại trường St. Paul, và Henry không có vẻ buồn khi tiễn chân cậu. Tuy nhiên, Anne bắt đầu thấy lo lắng về cả hai người đàn ông của cuộc đời cô.



Dậy, thằng ranh! Dậy ngay!
Một tên lính thúc báng súng vào mạng sườn Wladek. Cậu giật mình bật dậy, vội nhìn sang những nắm mộ mới đắp của chị gái và ngài Nam tước trước khi quay lại nhìn tên lính.

- Tôi sẽ sống để giết các người. - Cậu nói bằng tiếng Ba Lan - Đây là nhà tôi, và các người đã xâm phạm vào đất của tôi.

Tên lính nhổ vào Wladek rồi đẩy cậu đi về phía cổng lâu đài, những người hầu sống sót đang đứng thành hàng đợi ở đó. Wladek giật mình khi thấy họ, đau đớn không biết chuyện gì sắp xảy ra với cậu. Cậu bị bắt quỳ xuống đất và cúi đầu. Cậu cảm nhận được tiếng lưỡi dao cạo cùn lướt qua đầu mình trong khi đám tóc đen dày của cậu rơi xuống thảm cỏ. Sau mười nhát giống như cạo lông cừu khiến đầu cậu rỉ máu, tóc đã được cạo hết. Cạo đầu xong, cậu bị bắt mặc bộ đồng phục mới, một chiếc áo sơ mi xám và quần

dài. Wladek giấu chiếc vòng bạc vào cổ tay áo xắn lên trong lúc bị đẩy một cách thô bạo vào hàng của những tù nhân.

Khi họ đứng đợi ở đó - lúc này họ mang những con số, không còn tên riêng nữa - Wladek thấy có tiếng động lạ từ xa vọng tới. Hai cánh cổng sắt khổng lồ mở tung, và một cỗ máy tiến vào, không giống bất cứ loại máy nào Wladek từng thấy trước kia. Đó là một chiếc xe lớn, nhưng không có ngựa hay bò kéo. Những người tù đều nhìn chằm chằm vào vật thể đang chuyển động kia, không tin vào mắt mình nữa. Vật thể ấy dừng lại và đám lính lôi những người tù còn đang dùng dằng về phía chiếc xe và bắt họ trèo lên. Rồi cỗ xe không ngựa kéo ấy quay một vòng tròn, trở lại con đường mòn và ra khỏi cánh cổng sắt. Không ai dám nói một lời. Wladek ngồi phía sau chiếc xe và đắm đắm nhìn lại tòa lâu đài cho đến lúc không còn trông thấy những tài sản thừa kế của mình nữa.

Cỗ xe không ngựa này bằng cách nào đó tự di chuyển qua làng Slonim. Wladek sẽ còn băn khoăn về cách thức vận hành của cỗ xe nếu cậu không lo lắng gấp bội vì không biết sẽ bị đưa đi đâu. Cậu nhận ra con đường ngày xưa đi học, nhưng ký ức của cậu đã bị lu mờ sau nhiều năm dưới hầm tù và cậu không thể nhớ ra nó dẫn đến đâu. Sau vài dặm, chiếc xe dừng lại và những người tù bị dồn ra nhà ga xe lửa. Wladek mới đến nhà ga này một lần duy nhất trong đời, khi cậu và Leon đến đón Nam tước trở về sau chuyến đi đến Warsaw. Một người lính gác đã chào họ khi họ bước vào phòng vé. Lần này không có ai đứng chào đoàn người.

Những người tù bị bắt ngồi lại trong sân ga, và được cho uống sữa dê, ăn súp bắp cải và bánh mì đen. Trong số hai mươi lăm người hầu lúc đầu bị giam dưới hầm tối, giờ chỉ còn mười hai người còn sống: mười người đàn ông và hai người đàn bà. Wladek lại nhận trách nhiệm, cẩn thận chia thức ăn cho mọi người. Cậu nghĩ họ phải đợi xe lửa, nhưng màn đêm đã buông xuống và họ ngủ dưới bầu trời đầy sao. Quả là thiên đường so với những hầm tù. Wladek tạ ơn Chúa vì thời tiết ôn hòa. Họ mất cả ngày hôm sau để đợi chuyến xe lửa không bao giờ đến, thêm một đêm không ngủ nữa, lạnh lẽo hơn đêm hôm trước. Đến sáng, đoàn người vẫn chờ đợi. Cuối cùng, một đầu máy xe lửa phì phì vào ga. Những người lính bước xuống, nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ đầy hận thù, nhưng xe lửa khởi hành mà không có đoàn người đáng thương của Wladek. Họ trải qua một đêm nữa ở sân ga. Wladek thao thức tính cách bỏ trốn, nhưng trong đêm, một trong số mười hai người tù trốn chạy qua bên kia đường ray và bị lính gác bắn chết trước khi kịp đi xa khỏi sân ga. Đó là Ludwik, quản gia của Nam tước, một trong hai người làm chứng cho di chúc của Nam tước và tài sản của Wladek. Xác anh ta bị bỏ lại trên đường ray để rắn đe bất cứ ai khác có cùng ý định đó.

Tối ngày thứ ba, một chuyến xe lửa khác chậm chậm vào ga, đầu máy hơi nước khổng lồ kéo theo những toa hành khách và những toa chở hàng lộ thiên có chữ *Gia súc* sơn hai bên sườn, sàn toa phủ kín rơm. Nhiều toa chở đầy tù nhân, nhưng Wladek không biết họ từ đâu đến. Cậu và

nhóm người của mình bị dồn lên một toa để bắt đầu chuyến lưu đày, nhưng đến tận đâu? Sau vài giờ nữa, đoàn tàu bắt đầu di chuyển ra khỏi ga, nhìn hướng mặt trời lặn, Wladek đoán xe lửa đi về hướng đông. Đám lính có vũ khí ngồi vắt chéo chân trên nóc các toa hành khách. Trong hành trình vô tận ấy, thỉnh thoảng một tràng súng bắt ngờ vang lên từ các tay súng bên trên và thêm một xác người nữa bị ném xuống đường ray, mọi ý định trốn chạy biến thành vô nghĩa.

Khi xe lửa dừng ở Minsk, nhóm người được ăn bữa tử tế đầu tiên: bánh mì đen, nước, kê và vài loại hạt, rồi cuộc hành trình lại tiếp tục. Thỉnh thoảng, họ đi suốt ba ngày mà không thấy một ga nào. Nhiều hành khách bất đắc dĩ đã chết vì khát hoặc đói và xác bị ném ra khỏi xe lửa đang chạy, khiến những ai còn sống có thêm một chút không gian. Khi xe lửa đến một ga xép, họ hay phải đợi trong hai ngày để dành đường ray cho xe lửa khác đi về hướng tây. Những chuyến xe lửa này không đi tiếp nữa và luôn luôn chở đầy lính, Wladek sớm nhận ra những chuyến xe lửa quân đội được ưu tiên hơn các phương tiện vận tải khác.

Ý định bỏ trốn luôn thường trực hàng đầu trong tâm trí Wladek, nhưng có hai yếu tố ngăn cậu liều lĩnh. Thứ nhất, nhiều dặm trải dài xung quanh đường ray đều hoang vắng, và thứ hai, những người sống sót ra khỏi hầm tù đều lệ thuộc vào cậu. Có thể cậu là người ít tuổi nhất, nhưng chính cậu là người phân chia đồ ăn và thức uống, cố gắng duy trì lòng ham sống của họ. Cậu là người duy nhất vẫn tin vào tương lai.

Mỗi ngày trôi qua, đoàn người lại bị đưa đi xa hơn về phía đông, thời tiết càng lạnh hơn, xuống đến dưới 0 độ. Họ thường nằm sát vào nhau thành hàng trên sàn toa, người này giữ ấm cho người kia. Wladek thường tự nhẩm lại sử thi *Aeneid* trong khi cố chợp mắt một chút. Họ không thể trở mình trừ khi mọi người đều đồng ý, nên khi nào muốn Wladek sẽ vỗ vào thành toa, mọi người cùng xoay người và quay mặt sang hướng khác. Một đêm, một người đàn bà không trở mình nữa. Wladek báo cho lính gác, bốn người trong đoàn vác cái xác lên và ném ra khỏi xe lửa đang chạy. Đám lính gác còn bắn vào xác bà ta để đảm bảo bà ta không giả chết hòng tìm cách trốn thoát.

Đi xa khỏi Minsk 200 dặm, họ đến thị trấn Smolensk, tại đây họ được ăn súp bắp cải nóng và bánh mì đen. Một nhóm tù nhân mới, nói cùng ngôn ngữ với đám lính, bị tống lên toa của họ. Người tù đứng đầu lớn hơn Wladek nhiều. Wladek và mười một người còn lại vẫn gấn bó, mười người đàn ông và một đàn bà lập tức nghi ngờ những người mới đến, nên họ chia toa tàu làm đôi, mỗi nhóm tự lo cho người của mình.

Một đêm, trong lúc Wladek thao thức nhìn lên những vì sao, cố tìm cách giữ ấm, cậu thấy người thủ lĩnh của nhóm tù Smolenski bò về phía người cuối cùng trong nhóm cậu. Gã Smolenski cầm một đoạn dây thừng, quấn nó quanh cổ Alfons, người hầu thân tín của Nam tước, lúc này đang ngủ. Wladek biết nếu cậu lao đến quá nhanh, tên kia sẽ nghe tiếng và trốn về chỗ đồng bọn để được bảo vệ.

Cậu bò từng bước rất chậm dọc theo hàng người Ba Lan. Những đôi mắt nhìn xoáy vào cậu khi cậu bò qua, nhưng không ai nói lời nào. Khi bò đến cuối hàng, cậu lao vào kẻ địch, làm cho mọi người trong toa tỉnh dậy. Hai nhóm người đều tụ lại phía sau, ngoại trừ Alfons đang nằm bất động trước mặt mọi người.

Tên thủ lĩnh người Smolenski cao và nhanh nhẹn hơn Wladek, nhưng cả hai vẫn khá cân sức khi vật lộn trên sàn toa. Cuộc giao tranh diễn ra vài phút, khiến bọn lính gác chú ý, chúng cười và cá cược kết quả. Một tên lính, thấy phát chán vì không có chút máu nào, bèn ném một lưỡi lê vào giữa toa. Cả hai đấu thủ cùng bò về phía lưỡi lê sáng lóe ấy, tên Smolenski chớp được nó trước. Người phe hấn reo lên trong khi hấn đâm trúng một bên chân Wladek, rút lưỡi dao đầy máu ra và đâm lần nữa. Lần này lưỡi lê cắm chặt xuống sàn gỗ của toa xe lửa đang rung lắc, ngay cạnh tai Wladek. Trong lúc tên người Smolenski rút được lưỡi lê ra, Wladek dồn hết sức lực có được đá thẳng vào hạ bộ của hấn. Địch thủ của cậu ngã ngửa ra sau, buông luôn lưỡi lê. Wladek chụp lấy vũ khí, nhảy lên người tên Smolenski, đâm lưỡi lê vào miệng hấn. Hấn thét lên đau đớn, khiến cả xe lửa choàng tỉnh. Wladek rút lưỡi lê ra, xoáy nó như tên kia đã làm và cứ đâm liên tục, mãi đến lúc hấn ngừng giãy giụa. Wladek quỳ xuống, thở dốc, lúi cái xác đi và ném ra ngoài toa xe lửa. Cậu nghe thấy tiếng hấn rơi huych xuống lề đường, tiếp theo là những phát súng của đám lính bắn bừa vào cái xác.

Wladek tập tễnh đi về chỗ Alfons và quỳ thụp xuống, bất chợt thấy chân mình đau đớn và lạnh. Cậu lay cái xác: người làm chứng thứ hai của cậu đã chết. Giờ ai sẽ tin cậu là người được chọn thừa kế gia sản của Nam tước? Còn lý do gì để sống nữa? Cậu cầm lưỡi lê lên bằng cả hai tay và đưa nó vào bụng. Một tên lính lập tức nhảy xuống toa và giật lưỡi lê khỏi tay cậu.

- Nay, không được đâu. - Hấn càu nhàu - Chúng tao cần những đứa linh hoạt như mày ở khu trại. Đừng mong chúng tao sẽ làm hết mọi việc.

Wladek gục đầu xuống hai bàn tay. Cậu đã mất hết gia tài để đổi lại một tá những kẻ Smolenski nghèo xơ xác.



Cả toa xe này là tài sản của Wladek, giờ cậu có hai mươi người tù phải trông coi. Cậu chia họ ra, sao cho một người Ba Lan sẽ luôn ngủ cạnh một người Smolenski, cậu hy vọng cách đó sẽ giảm bớt khả năng có thêm bất cứ xung đột nào giữa hai nhóm người thù địch. Mỗi ngày cậu đều dành nhiều thời gian học thứ ngôn ngữ mới lạ của những người Smolenski. Trong nhiều ngày, cậu không nhận ra đó chính là tiếng Nga, nó khác nhiều so với ngôn ngữ cổ điển Nam tước đã dạy cậu. Nhưng rồi cậu đã thấy ý nghĩa thực sự của việc này, cậu đã biết con tàu đang đi về nơi nào.

Ban ngày, Wladek chọn ra hai người Smolenski để dạy cậu, và ngay khi họ thấm mệt, cậu sẽ chọn hai người khác, cứ như vậy cho đến khi tất cả đều mệt lử. Không lâu sau cậu đã có thể trò chuyện trôi chảy với những người phụ

thuộc mới của cậu. Cậu phát hiện ra một vài trong số họ là những người lính Nga, sau khi về quê mới bị bắt làm tù binh vì tội đã để cho bọn Đức bắt giữ. Số còn lại là những người dân thường da trắng, tất cả đều gay gắt chống đối Cách mạng.

Con tàu băng qua những vùng đất khô cằn hơn những nơi Wladek từng thấy trước kia, và qua những thị trấn cậu chưa bao giờ nghe tên: Omsk, Novosibirsk, Krasnoyarsk, những cái tên nghe đã thấy sợ. Cuối cùng, sau hai tháng và hơn ba nghìn dặm, đoàn người đã đến Irkutsk, nơi đường ray kết thúc. Tất cả số tù nhân bị đẩy ra khỏi tàu, được cho ăn và được phát những bộ đồ màu xám có những con số sau lưng, những đôi ủng da, áo ngoài và những chiếc áo choàng nặng. Họ tranh cướp nhau những bộ đồ ấm nhất, nhưng những thứ hiếm hoi nhất ấy cũng không bảo vệ họ khỏi gió tuyết là bao.

Có những cỗ xe không ngựa kéo như cỗ xe đã đưa Wladek đi khỏi lâu đài và đám lính quăng ra những sợi xích dài. Những người tù bị còng một tay, năm mươi người vào một sợi xích. Họ phải đi theo sau những chiếc xe trong khi đám lính ngồi phía sau xe. Sau mười hai tiếng, tù nhân được cho nghỉ ngơi hai tiếng để mở khóa bỏ lại những người chết và sắp chết, còn người sống lại phải lên đường. Sau ba ngày, Wladek nghĩ mình sẽ chết vì lạnh và kiệt sức, nhưng khi ra khỏi vùng có dân cư, họ chỉ phải đi ban ngày và đêm được nghỉ ngơi. Mỗi ngày trôi qua, nhà bếp lưu động do những tù nhân trong trại phục vụ lại cho họ ăn thứ súp củ

cải lạnh hơn và bánh mì ôi hơn. Qua những tù nhân này, Wladek được biết điều kiện trong trại còn tệ hơn, nên họ tình nguyện phục vụ bếp ăn lưu động.

Trong tuần đầu tiên, đoàn người không được tháo xích, nhưng sau đó, khi thấy không ai có thể còn ý định bỏ trốn được nữa, họ được mở khóa để ngủ khi đêm đến. Họ đào hố trong tuyết để giữ ấm. Thỉnh thoảng vào những ngày đẹp trời, họ gặp được một khu rừng để ngả lưng: một sự xa hoa lạ lùng. Họ cứ tiếp tục đi, ngang qua biết bao hồ nước mênh mông và những dòng sông đóng băng, đi mãi về hướng bắc, đối mặt với những cơn gió lạnh tai ác và ngập sâu trong tuyết hơn. Vết thương ở chân của Wladek làm cậu đau tê tái triền miên, lại thêm những ngón chân, ngón tay và tai đóng băng cũng đau buốt. Những người già và người ốm yếu đã chết. Những người may mắn chết lặng lẽ trong lúc ngủ. Những người kém may mắn không thể theo kịp đoàn, được mở khóa và bị bỏ lại một mình cho đến lúc chết. Wladek mất hết ý thức về thời gian, chỉ ý thức được sợi xích vẫn lôi mình theo. Cậu cũng không biết cậu đào cái hố tuyết để ngủ trong đêm và sáng hôm sau thức dậy như thế nào nữa. Họ giống như những người đã sắp phải tự đào mộ cho mình.

Sau đoạn đường 900 dặm, đoàn tù nhân sống sót gặp đám người Ostyak trên những chiếc xe trượt tuyết có tuần lộc kéo, họ là dân du mục trên thảo nguyên. Đám tù bị xích vào những chiếc xe kéo và bị dẫn đi. Khi một trận bão tuyết buộc họ dừng lại mất gần hai ngày, Wladek nhân

cơ hội tìm cách liên hệ với những người Ostyak trẻ tuổi trên chiếc xe cậu đang bị xích. Cậu thấy người Ostyak ghét người Nga ở phía nam và phía tây, những người này đối xử với họ tàn tệ gần như đối xử với tù nhân. Đám người Ostyak vô cảm trước những người tù buồn thảm không có tương lai - *những kẻ xui rủi* - như họ vẫn gọi.

Tương lai cũng khiến Anne lo lắng. Những tháng đầu tiên của cuộc hôn nhân rất hạnh phúc, cô chỉ lo lắng khi William ngày càng không ưa chồng mới của cô, và Henry hình như không tìm được việc. Henry rất nhạy cảm với vấn đề này, anh giải thích mình vẫn còn bị mất phương hướng do chiến tranh, và không sẵn sàng lao ngay vào việc gì để sau này có thể phải hối hận. Cô thấy khó có thể hiểu được chuyện này, và cuối cùng chủ đề ấy đã gây ra cuộc tranh cãi đầu tiên giữa họ.

- Em không thể hiểu được, Henry ạ, tại sao anh không gây dựng lại sự nghiệp bất động sản mà anh rất thích từ trước khi mình cưới?

- Chưa phải lúc, em yêu ạ. Thị trường bất động sản hiện không hứa hẹn lắm.

- Anh đã nói câu đó suốt gần một năm nay. Không biết đến bao giờ thị trường ấy mới đủ hứa hẹn đây.

- Chắc chắn sẽ đến lúc. Sự thật là anh cần thêm chút vốn. Hiện tại, nếu em cho anh mượn một phần tiền của em, anh sẽ có thể khởi nghiệp được.

- Không được đâu, Henry. Anh biết các điều khoản trong di chúc của Richard rồi. Tiền trợ cấp của em đã chấm dứt vào ngày em tái hôn, và em chỉ còn lại số vốn riêng.

- Một khoản nhỏ thôi là đủ. Và đừng quên cậu quý tử của em có hơn hai mươi triệu đô tiền ủy thác của gia đình đấy.

- Hình như anh biết rất rõ về tiền của William đấy. - Anne nói.

- Ôi, thôi nào, Anne, hãy cho anh một cơ hội để làm chồng em. Đừng làm anh cảm thấy mình như một vị khách trong chính nhà mình.

- Chuyện gì đã xảy ra với tiền của anh vậy, Henry? Anh luôn làm em tin rằng anh có đủ tiền để lập nghiệp mà.

- Em luôn biết anh không ngang hàng với Richard về mặt tài chính, và Anne ạ, có lần em nói điều ấy không quan trọng: “Em sẽ cưới anh, Henry, dù anh có nghèo kiệt xác”.

Anne bật khóc, và Henry cố gắng an ủi cô. Cả buổi tối còn lại cô ở trong vòng tay anh, hai người không đề cập đến chuyện này nữa. Cô tự thuyết phục rằng mình không công bằng và thiếu sự thấu hiểu. Cô có nhiều hơn số tiền cô cần. Chẳng lẽ cô không nên giao một phần trong đó cho người đàn ông mà cô đã sẵn lòng trao cả cuộc đời sao?

Sáng hôm sau, cô đồng ý cho Henry sử dụng 100 nghìn đô để xây dựng doanh nghiệp bất động sản ở Boston. Trong

vòng một tháng, anh ta thuê một văn phòng mới lịch sự trong khu sang trọng của thành phố, bổ nhiệm một ban có sáu người và bắt đầu công việc. Anh nhanh chóng thiết lập được mối quan hệ với những chính trị gia có tầm ảnh hưởng trong thành phố và lập ra giới bất động sản ở Boston. Họ uống rượu cùng anh ở câu lạc bộ và bàn tán về chuyện đất nông nghiệp đang phát triển mạnh. Họ nói với anh về những vụ đầu tư không thể thua lỗ và cùng anh tham gia đua ngựa. Họ đưa anh đến những câu lạc bộ xa hoa để anh gặp những khách hàng tiềm năng. Số tiền 100 nghìn đô của Anne nhanh chóng tiêu tan.



Khi William tổ chức sinh nhật tròn mười lăm tuổi, cậu đang học năm thứ ba tại trường St. Paul, đứng thứ sáu trong lớp và đứng đầu về môn toán. Cậu cũng trở thành nhân vật nổi bật trong Hội Tranh luận, chỉ có thể thao là không nổi trội.

Cậu viết thư cho mẹ mỗi tuần một lần để báo cho mẹ sự tiến bộ của cậu, nhưng luôn đề thư gửi Richard Kane, như không hề biết đến sự tồn tại của Henry Osborne. Anne không biết có nên nói chuyện với con về việc này không, và cô cẩn thận không để Henry nhìn thấy những phong bì đó. Cô tiếp tục hy vọng William sẽ hồi tâm chuyển ý để chấp nhận chồng cô, nhưng nhiều tháng trời trôi qua, hy vọng ấy rõ ràng không thể thành hiện thực. William ghét Henry Osborne, và mãnh liệt nuôi dưỡng lòng căm ghét ấy, mặc dù cậu không chắc mình sẽ phải làm gì. Cậu thấy hài lòng khi Osborne không bao giờ cùng đi với mẹ đến thăm cậu ở

trường, cậu không phải chịu đựng việc những cậu bạn khác trông thấy mẹ cậu đi cùng người đàn ông đó. Phải sống cùng ông ta ở Boston đã tẻ lắm rồi.

Trong một lá thư, William xin phép được đi nghỉ hè cùng cậu bạn Matthew Lester, trước hết ở một trại hè tại bang Vermont, sau đó đi New York cùng gia đình Lester. Lời đề nghị ấy khiến Anne đau lòng, nhưng cô dễ dàng vượt qua và cho phép con đi. Henry lại tỏ ra rất vui vẻ đồng ý với quyết định của cô.

Lần đầu tiên William mong chờ những ngày nghỉ hè kể từ sau khi mẹ tái hôn.



Chiếc Packard của nhà Lester êm ái đưa William và Matthew đến trại hè ở Vermont. Trên đường đi, Matthew tình cờ hỏi William định làm gì khi học xong ở trường St. Paul.

- Khi ra trường, tớ sẽ là thủ khoa của khóa ta, là lớp trưởng, và sẽ giành được học bổng Hamilton Toán học để vào Harvard. - William đáp không do dự.

- Sao tất cả những thành tích này lại quan trọng vậy? - Matthew ngây ngô hỏi.

- Cha tớ đã đạt được cả ba điều đó.

- Khi cậu làm được những điều đó, tớ sẽ giới thiệu cậu với cha tớ.

William mỉm cười.

Hai cậu bé có sáu tuần sôi nổi và thú vị ở Vermont, tham gia mọi môn thể thao, từ cờ vua đến bóng đá. Khi trại hè kết thúc, hai cậu gói hành lý và bắt xe lửa đi New York nghỉ hè

tháng cuối bên gia đình Lester. Ông quản gia đón hai cậu ở cửa, trình trọng gọi Matthew là “ngài”, và một cô bé mười hai tuổi đầy tàn nhang gọi cậu là “anh Béo”. William bật cười vì bạn mình khá mảnh dẻ, trong khi chính cô bé lại quá béo. Cô bé cười, để lộ hàm răng bị nẹp gần hết.

- Cậu không tin nổi Susan là em gái tớ, đúng không? - Matthew nói với vẻ mỉa mai.

- Không, tớ đâu nghĩ vậy. - William nói và cười với Susan
- Trông cô bé xinh hơn cậu nhiều.

Susan ngưỡng mộ William từ lúc ấy.

William quý cha của Matthew ngay khi gặp mặt, ông có nhiều điểm gọi cho cậu nhớ về cha mình, và cậu xin ông Lester cho cậu đi tham quan ngân hàng rộng lớn mà ông làm Chủ tịch. Charles Lester suy nghĩ kĩ về lời đề nghị này. Trước đó chưa hề có đứa trẻ nào bước chân vào khuôn viên nghiêm ngặt của số 17 phố Broad, kể cả con trai ông. Giống các chủ ngân hàng khác, ông thỏa hiệp và đưa cậu bé đi xung quanh những tòa nhà của Phố Wall vào một chiều Chủ nhật. William bị mê hoặc bởi những cơ quan lớn có rất nhiều tầng, những hầm chứa tiền, phòng giao dịch ngoại hối, phòng họp, nhưng hơn hết là phòng của Chủ tịch. Những hoạt động của Ngân hàng Lester phong phú hơn nhiều so với Kane và Cabot. Nhờ tài khoản đầu tư cá nhân nhỏ, William thường được nhận một bản sao báo cáo chung hàng năm, cậu hiểu Ngân hàng Lester có vốn nền tảng lớn hơn Kane và Cabot rất nhiều. Cậu lặng im suốt quãng đường trở về nhà Lester.

- Thế nào, William, cháu thích đi thăm ngân hàng chứ?
- Charles Lester hỏi.

- Dạ vâng, thưa ngài, - William đáp - chắc chắn là thích rồi ạ! - Cậu ngừng lại một chút trước khi nói thêm - Nhưng cháu thấy cháu nên nói trước với ngài, thưa ngài, mục tiêu của cháu là một ngày nào đó sẽ trở thành Chủ tịch ngân hàng của ngài.

Charles Lester cười. Bữa tối hôm đó, ông kể cho các khách mời nghe về chuyện cậu bé William Kane đi thăm Ngân hàng Lester và Công ty cũng như vị trí mong muốn của cậu sau khi học xong. Khách khứa cười vang. Nhưng William không xem nhận định ấy là trò đùa.



Anne sững sờ khi Henry lại hỏi vay tiền cô.

- Đảm bảo không thể thất bại! - Anh ta quả quyết với cô
- Cứ hỏi Alan Lloyd ấy. Ở cương vị Chủ tịch ngân hàng, ông ấy sẽ luôn coi trọng lợi tức tối ưu của em.

- Nhưng 250 nghìn đô? - Anne hỏi lại.

- Cơ hội cuộc đời đấy em yêu. Em hãy coi đó là một vụ đầu tư sẽ nảy nở gấp đôi sau hai năm.

Sau khi có thêm một cuộc cãi vã với nhiều lời động chạm đến Richard và William, Anne lại một lần nữa chấp thuận và cuộc sống lại yên ổn. Trong lần tiếp theo kiểm tra tài khoản ngân hàng, cô thấy số vốn của mình giờ chỉ còn 150 nghìn đô. Tuy nhiên, Henry dường như gặp được toàn những người đàn ông hoàng và không ngừng nhắc đến chuyện mình sắp ký một hợp đồng “không thể thua lỗ”. Cô định bàn bạc

vấn đề này với ông Alan Lloyd ở Ngân hàng Kane và Cabot, nhưng rồi lại quyết định không làm vậy, dù gì thì làm vậy chẳng khác nào nghi ngờ khả năng suy xét của chồng mình. Và chắc chắn, ngay từ đầu Henry sẽ không bao giờ đưa ra gợi ý đó, nếu anh không biết chắc ông Alan sẽ chấp thuận.

Anne lại bắt đầu đến gặp bác sĩ MacKenzie để xem mình còn khả năng có con nữa hay không, nhưng ông bác sĩ vẫn khuyên cô là không nên. Sau lần cô bị sảy thai vì chứng cao huyết áp, ông không đồng tình khi Anne bắt đầu nghĩ về việc làm mẹ lần nữa ở độ tuổi ba sáu. Anne giải bày ý định đó với hai bà, nhưng họ đồng quan điểm với vị bác sĩ giỏi. Không bà nào đoái hoài nhiều đến Henry, thậm chí họ không muốn có một đứa cháu mang họ Osborne sẽ có ý định đòi chia tài sản nhà Kane sau khi họ từ trần. Anne đành chấp nhận làm mẹ của một đứa con duy nhất, nhưng Henry đã lớn tiếng quy kết cô phản bội, cho rằng nếu Richard còn sống, chắc chắn cô sẽ mang thai lần nữa. Hai người đàn ông ấy khác nhau làm sao, cô nghĩ, và cô không thể giải thích tại sao cô lại yêu cả hai người ấy. Cô cố xoa dịu Henry, cầu cho dự án làm ăn của anh sẽ thành công và anh luôn phải bận rộn, đồng thời bù lại số tiền đang cạn dần của cô. Chắc hẳn anh đã làm việc ở văn phòng đến muộn.

C hín ngày sau, trong thứ ánh sáng nhạt nhòa của một đêm đông đến sớm vùng Bắc Cực, Wladek và đoàn người của mình đến được Trại 201. Wladek chắc không bao giờ tin mình sẽ vui mừng khi thấy một nơi như vậy: hàng tiếp hàng những túp lều gỗ giữa vùng đất hoang vu cằn cỗi, lạnh lẽo. Những túp lều, giống như những người tù, đều được đánh số. Lều của Wladek mang số 33. Có một bếp than nhỏ ở chính giữa, dọc theo vách lều là những chiếc giường gỗ được xếp thành hàng, trên mỗi giường có những tấm đệm bằng rom cứng kèm một chiếc chăn mỏng. Rất ít tù nhân có thể ngủ nổi trong đêm đầu tiên ấy, trong khi trước đây họ đã quen ngủ trên tuyết. Những tiếng rên rỉ và than khóc từ lều 33 còn to hơn tiếng hú của bầy sói bên ngoài.

Sáng hôm sau, rất lâu trước bình minh, đoàn người bị khóa dậy bởi tiếng búa nện vào cái khung sắt hình tam giác. Có một lớp băng dày trên các cửa sổ, Wladek đã nghĩ mình chắc sẽ chết vì lạnh. Bữa sáng trong một nhà ăn tập thể lạnh

buốt chỉ có mười phút, bao gồm một bát cháo còn ấm với vài mẩu cá thối và điểm thêm một lá bắp cải nổi lều bều trong bát. Những người tù mới nhổ xương cá ra bàn trong khi những người tù cũ nhai ngấu nghiến cả xương, thậm chí ăn cả mắt cá.

Sau bữa sáng, những người tù mới lại được cạo đầu một lần nữa rồi mới được giao việc. Wladek trở thành người đốn củi. Cậu bị đưa đi xa nhiều dặm, qua những vùng thảo nguyên trơ trụi để đến một khu rừng, tại đó cậu được lệnh phải chặt mười cây gỗ mỗi ngày. Lính gác bỏ lại cậu với nhóm sáu người và khẩu phần ăn: cháo yến mạch magara vàng nhạt nhẽo và bánh mì. Chúng không sợ đám tù tìm cách trốn, vì nếu họ có biết trốn theo hướng nào đi nữa thì cũng phải đi cả nghìn dặm mới đến được thị trấn gần nhất.

Cuối ngày, lính gác sẽ trở lại và đếm số cây đốn tù đốn được: nếu không chặt đủ số cây yêu cầu, khẩu phần thức ăn hôm sau sẽ bị cắt giảm. Nhưng khi tên lính đến vào lúc 7 giờ thì trời đã tối rồi, hẳn ta không thể biết chính xác họ đã chặt được bao nhiêu cây gỗ mới. Cuối buổi chiều, Wladek đã bày cho những người trong nhóm quét sạch tuyết trên vài thân cây họ đã chặt từ ngày hôm trước và xếp chúng vào cùng những cây chặt hôm nay. Kế hoạch ấy luôn thành công và nhóm của Wladek không bao giờ bị cắt giảm đồ ăn. Thỉnh thoảng, họ tìm cách buộc một mẩu gỗ nhỏ vào chân, giấu dưới ống quần khi trở lại khu trại để đêm có thêm củi sưởi. Phải hết sức thận trọng vì mỗi lần ra vào khu trại đều bị khám

xét kĩ lưỡng, thường phải cởi một hoặc cả hai chiếc ủng ra khi đứng trên nền tuyết đóng băng. Nếu bị bắt gặp mang theo bất cứ thứ gì trên người, hình phạt sẽ là ba ngày bị bỏ đói.

Nhiều tuần trôi qua, chân Wladek cứng lại và đau đớn. Cậu khao khát những ngày nhiệt độ hạ xuống âm 40 độ, công việc ngoài trời phải tạm ngừng, mọi người thường nằm trên giường cả ngày dù ngày nghỉ đó sẽ phải làm bù vào Chủ nhật sau.

Một tối, khi Wladek vẫn đang chở những khúc gỗ qua bãi đất hoang, chân cậu bắt đầu run lên không ngừng. Khi nhìn xuống vết sẹo, cậu thấy nó đã đỏ ửng và sưng tấy. Cậu cho một tên lính gác xem vết thương, anh ta bảo cậu sáng sớm hôm sau báo với bác sĩ của trại. Wladek ngồi cả đêm để hơ chân bên bếp lửa, nhưng hơi nóng không đủ làm dịu cơn đau. Sáng hôm sau, Wladek dậy sớm hơn thường lệ một tiếng. Nếu không đi gặp bác sĩ trước khi đến giờ làm, cậu sẽ phải đợi đến ngày hôm sau. Wladek không thể chịu nổi thống khổ này thêm một ngày nữa. Cậu báo với bác sĩ tên và số tù của mình. Vị bác sĩ hóa ra lại là một ông già nhân ái, đầu hói và lưng gù, Wladek nghĩ ông ấy trông còn già hơn cả Nam tước trong những ngày cuối đời. Ông lặng lẽ khám chân cho Wladek.

- Vết thương sẽ lành phải không bác sĩ? - Wladek hỏi.
- Cháu nói được tiếng Nga à?
- Vâng, thưa ngài.
- Không cần gọi ta là ngài đâu. Ta là Dubien. Ta cũng chỉ là tù nhân giống cháu thôi.

Wladek ngạc nhiên.

- Mặc dù cháu sẽ phải tập tễnh, anh bạn, - ông nói tiếp - chân cháu rồi sẽ khỏi thôi. Nhưng khỏi để làm gì chứ? Sống để đi đốn gỗ ở vùng đất bị Chúa bỏ rơi này à?

- Không, thưa bác sĩ. Cháu định trốn và trở lại Ba Lan. - Wladek nói.

Vị bác sĩ bất thành linh nhìn sang cậu.

- Nói khẽ thôi, ngốc ạ... Cháu phải biết giờ đây bỏ trốn là điều bất khả thi. Ta đã ở đây mười lăm năm rồi, và không ngày nào trôi qua mà ta không mơ được trốn thoát. Không có cách nào đâu, chưa hề có ai trốn thoát và sống sót, và chỉ cần nói đến chuyện đó là sẽ bị phạt giam mười ngày trong xà lim, ở đấy ba ngày mới được cho ăn một lần, không có bếp sưởi. Nếu cháu còn sống ra khỏi xà lim, cháu sẽ ước mình được chết.

- Cháu sẽ trốn! Cháu sẽ trốn, sẽ trốn! - Wladek nói và nhìn ông già chằm chằm. Ông bác sĩ nhìn vào mắt Wladek.

- Anh bạn nhỏ, đừng bao giờ nhắc lại ý định ấy nữa, không chúng sẽ giết cháu đấy. Về đi làm đi, nhớ giữ gìn chân cẩn thận và sáng mai báo lại cho ta.

Wladek trở lại khu rừng, nhưng cơn đau dữ dội đến nỗi cậu chẳng làm được mấy. Sáng hôm sau, ông bác sĩ khám chân cậu cẩn thận hơn.

- Chà, gay rồi đấy. - Ông nói - Cháu bao nhiêu tuổi, cậu bé?

- Năm nay là năm nào nhỉ, bác sĩ Dubien? - Wladek hỏi.

- 1919.

- Vậy cháu mười ba rồi. Ông bao nhiêu tuổi, bác sĩ?

Ông già dường như thấy bất ngờ với câu hỏi.

- Ba mươi tám. - Ông nhẹ nhàng đáp.

- Ôi lạy Chúa tôi! - Wladek thốt lên.

- Cháu cũng sẽ như vậy khi cháu bị tù suốt mười lăm năm, nhóc ạ! - Bác sĩ nói chân thật.

- Sao ông ở đây mãi thế? - Wladek hỏi - Sao chúng không thả ông đi sau ngắn ấy thời gian?

- Thả bác sĩ duy nhất của chúng đi ư? - Ông cười - Ta bị bắt giam ở Moscow năm 1904, ngay sau khi đủ điều kiện trở thành bác sĩ ở Paris. Thời điểm đó ta làm việc ở Đại sứ quán Pháp, và chúng vu ta là gián điệp rồi bắt giam. Sau Cách mạng, chúng đày ta đến chốn địa ngục này mà không cần xét xử. Ngay cả người Pháp cũng đã quên mất sự tồn tại của ta. Dù sao đi nữa, không ai tin lại có một nơi như nơi này. Chưa từng có ai trả xong án ở Trại 201, nên ta sẽ chết ở đây thôi, giống nhưng mọi tù nhân khác, và muốn chết sớm cũng không được.

- Không, ông không được từ bỏ hy vọng, bác sĩ.

- Hy vọng ư? Ta đã vứt bỏ hy vọng của mình từ lâu rồi. Có thể cháu thì không. Nhưng luôn nhớ không bao giờ được nhắc lại ý định đó với bất cứ ai, có những tù nhân sẽ tố cáo cả những chuyện nhỏ nhất để đổi lấy một mẩu bánh mì to hơn hoặc một cái chăn dày hơn. Wladek này, giờ ta sẽ xếp cháu vào công việc làm bếp trong một tháng, nhưng cháu phải tiếp tục đến báo cáo với ta mỗi sáng. Đây là cơ hội duy nhất giúp cháu không mất đi một chân, và ta không muốn

là người cắt nó đi đâu. Chúng ta không có những dụng cụ phẫu thuật tân tiến nhất. - Ông nói thêm, liếc nhìn con dao lạng lạng treo trên tường. Wladek rùng mình.

Bác sĩ Dubien viết tên Wladek lên một mảnh giấy, và sáng hôm sau cậu xuống trình diện nhà bếp, cậu được phân rửa bát đĩa bằng nước lạnh và phụ giúp chuẩn bị đồ ăn. Cậu thấy đó là một thay đổi đáng mừng khi được đổi từ đống gỗ suốt ngày sang phụ bếp: được thêm súp cá, bánh mì đen to hơn với hạt tằm ma nghiền, và được ở lại trong phòng và giữ ấm. Một lần, người đầu bếp thậm chí còn chia cho cậu nửa quả trứng, dù không ai biết đó là trứng chim gì. Chân Wladek mất một thời gian dài mới đỡ và kết quả là cậu phải tập tễnh. Bác sĩ Dubien không làm được gì nhiều cho cậu trong tình trạng thiếu nguồn thuốc cần thiết, chỉ thận trọng để mắt đến tiến triển của cậu.

Nhiều ngày trôi qua, bác sĩ và Wladek trở thành hai người bạn. Mỗi buổi sáng họ lại trò chuyện bằng một ngôn ngữ khác nhau, nhưng Dubien thích nói tiếng Pháp hơn cả, đó là tiếng mẹ đẻ của ông, ông đã không dùng tiếng Pháp suốt mười lăm năm.

- Wladek, trong vòng bảy ngày tới cháu sẽ phải trở lại làm việc trong rừng, bọn lính canh sẽ khám xét chân cháu và ta sẽ không thể giữ cháu ở lại trong thêm bếp nữa. Vậy hãy nghe kĩ đây, ta đã có kế hoạch giúp cháu trốn.

- Cùng trốn, bác sĩ ạ! - Wladek nói. - Chúng ta cùng trốn.

- Không, chỉ mình cháu thôi. Ta quá già để lao vào một hành trình dài như vậy, và mặc dù ta vẫn mơ được trốn đi,

nhưng ta sẽ chỉ gây cản trở cháu thôi. Ta chỉ cần biết có người đã đào thoát được là đủ, và cháu là người đầu tiên ta gặp ở đây thuyết phục được ta rằng cháu có thể thành công.

Wladek lặng yên lắng nghe trong khi bác sĩ phác thảo kế hoạch.

- Trong suốt mười lăm năm qua, ta đã tiết kiệm được 200 rúp, cháu không được trả tiền làm thêm giờ khi làm việc cho người Nga đâu.

Wladek cố cười trước câu đùa xưa nhất của trại.

- Ta giấu kĩ số tiền trong lọ thuốc, bốn tờ 50 rúp. Đến lúc cháu trốn, ta sẽ cột tiền vào trong quần áo của cháu.

- Quần áo nào cơ ạ? - Wladek hỏi.

- Ta có một bộ quần áo, áo sơ mi và mũ. Ta đã đổi chúng với một tên lính bằng một ít thuốc từ mười lăm năm trước, khi đó ta vẫn tin sẽ có ngày ta trốn được. Không hẳn là trang phục hợp thời, nhưng chúng sẽ có ích cho mục đích của cháu.

Mười lăm năm dành dụm được 200 rúp, một chiếc áo sơ mi, một bộ đồ và một chiếc mũ, vậy mà bác sĩ sẵn sàng hy sinh thành quả của mình cho Wladek trong giây lát! Chưa bao giờ Wladek thấy một hành động nhân ái đến vậy.

- Thứ Năm tuần sau là cơ hội duy nhất của cháu. - Bác sĩ nói tiếp - Những tù nhân mới sẽ phải đi xe lửa đến Irkutsk, và những lính gác luôn lấy bốn người trong nhà bếp để lo các xe thức ăn cho tù nhân mới. Ta đã dàn xếp với “bếp trưởng” Stanislav, - ông bật cười với từ đó - cho anh ta ít thuốc để cháu được lên xe thức ăn. Không khó đâu. Không

ai muốn đi một chuyến tới đó rồi quay về, nhưng cháu sẽ đi một chiều thôi.

Wladek vẫn chăm chú nghe.

- Khi tới ga, đợi đến khi xe lửa vào ga. Ngay khi những tù nhân mới xuống hết sân ga, hãy băng qua đường ray và lên xe lửa đi Moscow, chuyến xe này chỉ có thể khởi hành khi chuyến xe chở những tù nhân đến, vì chỉ có duy nhất một đường ray. Cháu phải cầu nguyện cho có hàng trăm tù nhân mới tới, như vậy bọn lính gác sẽ không nhận ra chuyện cháu biến mất. Từ đó trở đi, cháu phải đi một mình. Nếu chúng phát hiện cháu bỏ trốn, chúng sẽ bắn cháu không do dự. Ta chỉ có thể làm giúp cháu thêm một việc nữa. Mười lăm năm trước, khi lên xe lửa, ta đã ghi nhớ và vẽ được bản đồ cho tuyến đường từ Moscow đến Thổ Nhĩ Kỳ. Bản đồ ấy có thể không còn hoàn toàn chính xác nữa, hãy nhớ kiểm tra xem người Nga đã chiếm đóng Thổ Nhĩ Kỳ chưa. Có Chúa mới biết người Nga gần đây làm những gì. Theo những gì ta biết, họ thậm chí có thể kiểm soát cả nước Pháp đấy.

Bác sĩ tiến lại tủ thuốc và lấy ra một lọ thuốc lớn, trông như thể đựng đầy một chất màu nâu. Ông xoay nắp và lấy ra mảnh giấy da cũ. Màu mực đen đã nhạt dần sau nhiều năm. Mảnh giấy được đề tháng Mười năm 1904, vẽ lại lộ trình từ trại tù đến Moscow, từ Moscow đến Odessa, và từ Odessa đến Thổ Nhĩ Kỳ: 1.500 dặm để đến với tự do.

- Tuần này, hãy đến gặp ta vào mỗi sáng, và chúng ta sẽ bàn đi bàn lại kế hoạch. Nếu cháu có thất bại thì chắc chắn không phải do thiếu sự chuẩn bị.



Mỗi đêm Wladek đều thao thức, nhìn chăm chăm vào *trăng sói*¹ ngoài cửa sổ. Cậu nhắm lại những việc sẽ làm trong mọi tình huống, dự liệu trước mọi việc.

Mỗi ngày, cậu đều đến thảo luận cùng bác sĩ. Đến tối hôm trước ngày xe lửa đến, bác sĩ gấp tám bản đồ làm sáu và đút nó vào phong bì cùng bốn tờ 50 rúp để cậu giấu trong ống tay áo. Wladek mặc áo sơ mi và bộ đồ vào. Cậu đã gầy đến nỗi những bộ đồ mặc trên người không khác gì được treo trên một cái giá áo. Trong khi cậu mặc bộ đồ từ ra bên ngoài, bác sĩ nhìn thấy chiếc vòng bạc của Nam tước, lâu nay Wladek luôn kéo nó lên phía trên khuỷu tay vì sợ bọn lính phát hiện và cướp mất.

- Thứ gì đây? - Ông hỏi - Trông có vẻ quý giá.

- Một món quà của cha cháu. - Wladek nói - Cháu có thể tặng nó cho ông thay cho lòng biết ơn chứ? - Cậu cởi nó ra và đưa cho bác sĩ.

Ông bác sĩ ngắm nhìn chiếc vòng bạc một lúc lâu rồi cúi đầu.

- Không đời nào. - Ông nói - Chiếc vòng này chỉ có thể thuộc về một người.

Ông trao chiếc vòng lại cho Wladek và nồng nhiệt bắt tay cậu.

- Chúc may mắn, Wladek. Ta hy vọng chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại.

¹ Theo thần thoại và văn hóa dân gian của một số nước thì kỳ trăng tròn của mỗi tháng đều được đặt một cái tên. Trăng tháng Một thường được gọi là *trăng sói* (Wolf moon).

Hai người ôm chặt lấy nhau, rồi Wladek ra về, cậu cầu mong đây là đêm cuối cùng của cậu ở Lều 33. Đêm đó cậu không ngủ được vì sợ một tù nhân nào đó sẽ phát hiện ra bộ đồ bên dưới bộ tù nhân và báo cho lính gác. Sáng hôm sau, khi chiếc búa nện vào keng sắt hình tam giác, cậu là người đầu tiên trình diện nhà bếp. Bếp trưởng đẩy cậu về phía trước khi đám lính đến chọn bốn người cho đội cấp dưỡng. Wladek là người ít tuổi nhất.

- Sao lại là thằng này? - Một tên lính chỉ vào Wladek.

Wladek lạnh người. Kế hoạch của bác sĩ sẽ thất bại trước cả khi đoàn người rời khỏi trại tù, ít nhất ba tháng nữa mới có một đợt tù khác đến trại. Lúc đó cậu sẽ không còn làm việc trong bếp nữa.

- Nó nấu ăn giỏi lắm. - Stanislaw nói - Nó được đào tạo trong lâu đài của một Nam tước. Lựa chọn tốt nhất để nấu ăn cho lính gác đó.

- Tốt! - Tên lính nói, thói ham ăn đã vượt qua sự nghi ngờ. - Đi nào.

Bốn người tù chạy ra xe, đoàn hộ tống tù nhân lên đường. Chuyển đi trì trệ, gian khổ, nhưng ít nhất lần này Wladek không phải đi bộ, và mùa hè đã đến, gần như không có băng giá.



Mất mười sáu ngày đoàn xe mới đến được Irkutsk. Xe lửa đi Moscow đã chờ trên ga. Nó đã ở đó nhiều giờ nhưng không thể chuyển bánh cho đến khi đoàn xe chở tù nhân mới đến nơi. Wladek ngồi bên rìa sân ga cùng ba người khác

trong đội làm bếp. Đờ dẫn một mỗi sau cuộc hành trình, không ai quan tâm mọi thứ gì xung quanh. Nhưng cậu chú ý đến mọi chuyển động trong khi quan sát xe lửa phía bên kia sân ga. Nhiều cánh cửa đã mở và Wladek cẩn thận nhăm trước một cửa để mình trốn vào khi đúng thời điểm.

- Cậu tìm cách trốn à? - Bếp trưởng đột ngột hỏi.

Wladek toát mồ hôi. Cậu không nói được gì. Stanislaw nhìn cậu chằm chằm.

- Đúng mà.

Wladek vẫn im lặng. Người đầu bếp già tiếp tục nhìn cậu bé mười ba tuổi không chớp mắt, im lặng một lúc rồi mỉm cười.

- Chúc may mắn. Ta sẽ cố để bọn chúng không nhận ra sự mất tích của cậu lâu nhất có thể.

Stanislaw chạm vào tay cậu rồi chỉ. Wladek nhìn thấy xe lửa chở tù từ xa, đang ì ạch tiến về phía họ. Cậu căng thẳng chờ đợi, tim đập loạn xạ, mắt dõi theo từng cử chỉ của những tên lính. Cuối cùng, xe lửa đang đến cũng dần dừng lại, cậu trông thấy hàng trăm tù nhân vô danh kiệt quệ ào xuống sân ga. Khi nhà ga trở thành một khối người hỗn loạn và đám lính bận tối mắt, Wladek chui xuống gầm xe lửa chở tù, chạy qua đường ray và nhảy lên con tàu sắp đi Moscow. Không ai để ý khi cậu lên vào nhà vệ sinh ở cuối toa. Cậu trốn trong đó, đợi và cầu nguyện, mong không có người gõ cửa. Giây phút chờ đợi con tàu ra khỏi ga dường như dài bằng cả cuộc đời. Thực ra, chỉ vùn vùn 47 phút.

- Thế là xong, thế là xong! - Cậu reo lên. Cậu nhìn qua cửa sổ nhỏ của nhà vệ sinh và nhìn lại nhà ga đang nhỏ dần phía xa. Một loạt các tù nhân mới đã bị lôi đi bằng những sợi xích để lên đường tới Trại 201, những tên lính vừa cười vừa xích tay họ lại. Bao nhiêu người sẽ sống sót đến trại? Bao nhiêu người sẽ làm mồi cho chó sói? Mất bao lâu bọn lính mới biết là thiếu mất cậu?

Wladek ngồi trong phòng vệ sinh thêm vài phút, sợ hãi không dám đi đâu, không biết làm gì tiếp theo. Bất ngờ có tiếng đập cửa. Wladek nghĩ rất nhanh: “Lính gác ư? Người soát vé? Quân nhân?” Một loạt những hình ảnh lướt qua tâm trí cậu, hình ảnh sau đó đáng sợ hơn hình ảnh trước. Tiếng đập cửa vẫn vang lên.

- Giải quyết nhanh lên nhé! - Một giọng cục cằn, trầm đục vang lên.

Wladek không có nhiều lựa chọn. Nếu đó là một tên lính, không có cách thoát thân - một người lùn cũng không thể lách qua cửa sổ bé tí kia. Nếu đó không phải một tên lính, cậu sẽ gây chú ý khi trốn trong nhà vệ sinh. Cậu lột bộ đồ tù nhân, cuộn lại thành một cuộn nhỏ và ném ra ngoài cửa sổ. Trước khi mở cửa, cậu lấy chiếc mũ trong túi áo và đội lên cái đầu trọc. Một người đàn ông sốt ruột lao vào, tụt quần xuống trước cả khi Wladek kịp ra ngoài.

Ra đến hành lang, Wladek bỗng cảm thấy cô độc và lạc lõng đến hãi hùng với bộ quần áo lố thời như một quả táo đặt giữa một đồng cam. Cậu đi tìm một nhà vệ sinh trống khác. Khi tìm được, cậu lại trốn vào và rút ra một tờ 50 rúp

trong phong bì giấu trong tay áo. Cậu trở ra hành lang, tìm toa đông người nhất và chui vào một góc. Vài người ở giữa toa đang chơi sập - ngựa để ăn vài rúp. Wladek vẫn thường thắng Leon khi họ chơi trò này trong lâu đài, cậu cũng thích tham gia, nhưng sợ sẽ làm mình bị chú ý. Tuy nhiên, khi họ đang chơi, Wladek nhận thấy một kẻ trong đám sát phạt cứ liên tục thắng dù bài không đẹp. Cậu quan sát kĩ hơn và nhanh chóng nhận ra gã kia gian lận. Một người trong bọn đã thua một số tiền đáng kể, chửi thề và bỏ ván khi hết tiền. Wladek cảm nhận được hơi ấm từ chiếc áo khoác lông cừu dày của người này khi anh ta ngồi xuống cạnh cậu.

- May mắn không mỉm cười với chú rồi. - Wladek nói.

- À, đen quá, - tay cờ bạc nói - gần như ngày nào ta cũng ăn được của bọn nông dân ấy, nhưng ta cạn tiền rồi.

- Chú có muốn bán chiếc áo khoác không?

Tay cờ bạc nhìn Wladek chằm chằm.

- Chú mày không đủ tiền đâu. - Nghe giọng người này nói, Wladek hy vọng mình có thể mua được - Ta sẽ đòi ít nhất 75 rúp.

- Cháu sẽ trả chú 40. - Wladek nói.

- 60 nhé. - Tay cờ bạc nói.

- 50! - Wladek bảo.

- Không. Ta bán ít nhất 60 rúp đó, nó đáng giá hơn 100 rúp cơ.

- Giá đó chắc chắn là từ lâu rồi. - Wladek nói. Cậu không muốn mạo hiểm lấy thêm tiền trong phong bì dưới tay áo,

vì sẽ gây chú ý. Cậu chạm vào cổ chiếc áo lông và nói bằng vẻ khinh khỉnh - Chú đã bị bóp đất rồi chú ơi. 50 rúp, không thêm một xu.

Wladek đứng dậy ra về muốn bỏ đi.

- Đợi đã, đợi đã. - Gã kia nói - Thôi được, ta bán cho chú mày 50 rúp đấy.

Wladek móc túi lấy ra tờ 50 rúp đỏ bần thỉu và đổi lấy chiếc áo khoác. Nó quá rộng so với người cậu, dài gần chạm đất, nhưng nó chính là thứ cậu cần để che đi bộ đồ bất thường và lộ liễu bên trong. Cậu ngồi quan sát tay cò bạc kia một lúc nữa, anh ta lại chơi và lại thua. Cậu rút ra hai bài học: *Không bao giờ đánh bạc khi mọi thứ bất lợi với mình, và khi đã mặc cả đến giới hạn thì nên sẵn sàng bỏ đi.*

Wladek rời khỏi toa đó, cảm thấy an toàn hơn chút vì được chiếc áo khoác mới che chắn, và bắt đầu xem xét cách bố trí các toa tàu. Các toa dường như được phân làm hai loại, những toa thường thì hành khách đều phải đứng hoặc ngồi trên những băng ghế gỗ, còn những toa đặc biệt đều có ghế bọc da. Mọi toa đều kín người, ngoại trừ một trong số những toa đặc biệt, trong đó không hiểu sao chỉ có một người đàn bà đơn độc. Bà này ở tuổi trung niên và ăn mặc sang trọng hơn hầu hết những hành khách khác. Bà ta mặc chiếc váy xanh thẫm và chiếc khăn quàng choàng qua đầu. Khi cậu nhìn bà ta do dự, bà ta mỉm cười khiến cậu tự tin bước vào toa đó.

- Cháu ngồi được không ạ?

- Cháu ngồi đi. - Người đàn bà nhìn kĩ cậu và nói.

Wladek không nói gì thêm, nhưng cậu để ý người đàn bà và đám hành lý. Bà ta có nước da tái xám với những đường nét mệt mỏi, hơi béo quá, có lẽ do đồ ăn của Nga. Mái tóc đen ngắn và đôi mắt nâu cho thấy bà ta có thể đã từng rất cuốn hút. Có hai túi vải ở giá hành lý phía trên đầu bà ta và một va li nhỏ bên cạnh. Dù ngồi đây có thể không an toàn nhưng Wladek chợt cảm thấy mệt rũ. Cậu đang tự hỏi mình có dám ngủ không thì người đàn bà lên tiếng:

- Cháu đang đi đâu vậy?

Câu hỏi làm cậu bất ngờ.

- Moscow ạ!

- Ta cũng thế. - Bà ta nói.

Wladek hối hận vì thông tin ít ỏi cậu nói ra. “Không nói chuyện với bất cứ ai. Hãy nhớ, không tin một ai cả. Những kẻ trên đất Nga đều là gián điệp”, bác sĩ đã cảnh báo cậu vậy.

Để Wladek bớt căng thẳng, người đàn bà không hỏi thêm nữa. Nhưng khi cậu vừa bắt đầu lấy lại sự tự tin, người soát vé xuất hiện. Wladek toát mồ hôi hột dù nhiệt độ là âm 15 độ. Người soát vé lấy vé của người đàn bà kia, xé vé, đưa lại cho bà ta rồi quay sang Wladek.

- Vé, đồng chí. - Ông ta nói bằng giọng đều đều chậm rãi.

Wladek bắt đầu lóng ngóng tìm trong túi áo.

- Nó là con tôi đấy. - Người đàn bà nói đồng dục.

Người soát vé nhìn người đàn bà xong lại nhìn Wladek, rồi cúi chào bà ta và lặng lẽ quay đi.

Wladek nhìn bà ta không chớp mắt. “Cảm ơn bà!” Cậu lấp bắp, không biết nói gì thêm.

- Ta đã trông thấy cháu bò ra từ dưới con tàu chở tù nhân. - Người đàn bà nhẹ nhàng nói. Wladek thấy khó ở - Nhưng đừng lo, ta không tố cáo cháu đâu. Ta có một người em họ còn trẻ bị bắt vào một trong số những trại tù ác nghiệt ấy, và tất cả chúng ta đều sợ có thể một ngày nào đó mình sẽ phải đến đó. - Bà ta nhìn Wladek một lát trước khi hỏi - Cháu mặc gì dưới áo khoác vậy?

Wladek băn khoăn giữa việc thoát nhanh khỏi toa này hay cởi áo khoác. Nếu chạy ra ngoài, không có chỗ nào trên tàu cậu có thể trốn được nữa. Cậu đành cởi chiếc áo khoác ra.

- Không tệ như ta e sợ. - Bà ta nói - Cháu xử lý bộ đồng phục nhà tù thế nào rồi?

- Ném ra ngoài cửa sổ rồi ạ.

- Mong rằng không ai thấy nó trước khi chúng ta đến được Moscow. - Wladek không nói gì - Cháu có chỗ nào để tá túc ở Moscow chưa?

Cậu nghĩ lại lời ông bác sĩ khuyên không được tin ai, nhưng cậu phải tin người đàn bà này.

- Cháu không có nơi nào để đi cả.

- Vậy cháu có thể ở lại với ta cho đến khi tìm được nơi nào đó. Chồng ta là trưởng ga ở Moscow, và toa này chỉ dành cho quan chức chính phủ thôi. - Bà giải thích - Nếu cháu nhầm lẫn như thế này một lần nữa, cháu sẽ đi chuyến tàu tiếp theo về lại Irkutsk đấy.

Wladke nuốt nước bọt.

- Giờ cháu có nên đi không?

- Không, không phải lúc này, người soát vé đã nhìn thấy cháu. Bây giờ cứ ở đây với ta thì cháu sẽ được an toàn. Cháu có bất cứ giấy tờ xác minh nào không?

- Không ạ, giấy tờ gì ạ?

- Sau Cách mạng, mọi công dân Nga phải mang theo giấy xác minh để chứng minh thân phận của mình, sống ở đâu và làm việc ở đâu, nếu không sẽ phải vào tù cho đến khi đưa được giấy tờ ra. Và người nào không bao giờ xuất trình được giấy tờ, người đó sẽ ở tù vĩnh viễn. - Bà thản nhiên nói thêm - Cháu sẽ phải ở sát bên ta khi đến Moscow. Và nhớ đừng mở miệng.

- Bà thật tốt với cháu. - Wladek nói trong lòng vực.

- Bây giờ Sa hoàng đã chết, không ai được sống yên đâu. Ta may mắn vì đã kết hôn với một người có thế lực. Nhưng không có bất cứ người Nga nào không sống trong nỗi sợ hãi triền miên vì có thể bị bắt giữ và đưa vào trại tù, kể cả viên chức chính phủ. Tên cháu là gì?

- Wladek ạ!

- Tốt rồi. Giờ đi ngủ đi, Wladek, vì trông cháu kiệt quệ lắm, đường đi còn dài và vẫn chưa an toàn đâu.

Wladek ngủ ngay.

Vào một ngày thứ Hai của tháng Mười, sau khi họ đã tổ chức kỷ niệm ngày cưới lần thứ hai trong ngày nghỉ cuối tuần, Anne bắt đầu nhận được thư từ một “người bạn” ẩn danh, báo cho cô biết rằng đã thấy Henry đang ve vãn một người phụ nữ khác gần Boston, nhất là một quý bà đặc biệt mà người viết không tiện nêu tên. Lúc đầu, Anne đốt hết những lá thư ấy, dù chúng khiến cô lo lắng, nhưng cô không bao giờ nói với Henry, mỗi lá thư cô đều cầu mong đó là lá thư cuối cùng. Cô thậm chí không thể có đủ can đảm để nêu vấn đề này ra với anh ta khi anh ta đòi cô đưa nốt 150 nghìn đô cuối cùng.

- Anh sẽ mất toàn bộ thương vụ nếu không có tiền ngay, Anne ạ!

- Nhưng đó là tất cả những gì em có, Henry! Nếu đưa thêm tiền cho anh, em sẽ trắng tay.

- Ngôi nhà này trị giá hơn 200 nghìn đô đấy. Ngày mai em có thể thế chấp nó.

- Ngôi nhà thuộc về William.

- William, William, lại William. Lúc nào William cũng là người cản trở thành công của anh. - Henry hét lên khi lao ra khỏi phòng.

Quá nửa đêm anh ta mới trở về nhà, tỏ vẻ hối lỗi và bảo tốt hơn cô cứ giữ tiền và anh ta sẽ chịu phá sản. Ít nhất như vậy họ vẫn còn có nhau. Anne được những lời lẽ ấy xoa dịu và sau đó họ lại làm tình. Sáng hôm sau, cô ký tờ chi phiếu 150 nghìn đô, cố quên đi chuyện mình không còn một đồng nào cho đến khi Henry thực hiện được thương vụ để đòi của mình. Cô không ngừng tự hỏi phải chăng không chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên mà anh ta đòi chính xác số tiền còn lại trong khoản thừa kế của cô.

Tháng sau, Anne tắt kính. Bác sĩ MacKenzie thấy lo lắng nhưng cố không để lộ ra, hai bà thì hoảng hốt và lo ra mặt. Henry lại vui mừng và quả quyết với Anne đây là điều tuyệt vời nhất trong đời anh ta. Anh ta thậm chí còn đồng ý xây một khoa Nhi mới cho bệnh viện, điều Richard định làm trước khi qua đời.

Khi William nhận được tin từ thư mẹ gửi, cậu ngồi một mình suy nghĩ suốt tối, thậm chí không kể cho Matthew điều gì đang khiến mình lo lắng. Thứ Sáu tuần sau đấy, được sự chiếu cố đặc biệt của ông Raglan “Rách Rưới”, giáo viên phụ trách ký túc xá, cậu lên tàu về Boston, và khi về đến nơi, cậu rút 100 đô từ tài khoản tiết kiệm. Sau đó, cậu đến ngay văn phòng luật sư Cohen và Yablon trên phố Jefferson. Ông Thomas Cohen, cố vấn cấp cao, là một người cao lớn, xương

xấu, có xương cằm bạnh và đôi môi dường như không bao giờ cười, không giấu được vẻ ngạc nhiên khi William được đưa vào văn phòng của ông.

- Tôi chưa từng có một khách hàng mười sáu tuổi nào bao giờ. - Ông Cohen mở lời - Chuyện này đối với tôi khá lạ lùng, anh Kane ạ! - Ông do dự - Nhất là khi cha anh... tôi phải nói thế nào nhỉ... là người không cảm thông lắm với đức tin của tôi.

- Cha tôi, - William đáp - là người vô cùng ngưỡng mộ những thành tựu của người Do Thái, và vô cùng trân trọng công ty của ông khi ông làm đại diện cho những đối thủ của ông ấy. Tôi đã thấy cha tôi và ông Lloyd nhiều lần nhắc đến tên ông với vẻ nể trọng. Đó là lý do tôi đã tìm đến ông, ông Cohen, không phải ông tìm tôi.

Ông Cohen nhanh chóng gạt chuyện tuổi tác của William sang một bên.

- Đúng thế, quả có vậy. Tôi chắc rằng chúng ta có thể coi con trai của Richard Kane là ngoại lệ. Giờ tôi có thể giúp gì được anh?

- Tôi cần câu trả lời cho ba câu hỏi, thưa ông Cohen. Thứ nhất, tôi muốn biết nếu mẹ tôi, bà Henry Osborne, sinh một con trai hoặc con gái, đứa trẻ ấy có bất cứ quyền hợp pháp nào đối với tiền ủy thác của gia đình Kane hay không? Thứ hai, tôi có bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào đối với riêng ông Henry Osborne không, vì ông ta đã cưới mẹ tôi? Và cuối cùng, khi nào tôi có quyền yêu cầu ông Henry Osborne rời khỏi nhà mình ở Quảng trường Louisburg?

Ngồi bút trên tay ông Cohen lia nhanh trên tập giấy vàng trước mặt ông, làm vương những giọt mực nhỏ màu xanh lên tờ giấy thấm đã đầy mực. William đặt 100 đô la lên bàn. Ông luật sư ngạc nhiên, nhưng vẫn cầm tập tiền lên đếm.

- Ông Cohen, xin ông hãy dùng tiền thật trọng. Tôi sẽ cần một luật sư giỏi khi tôi rời Harvard và gia nhập ngân hàng của cha tôi.

- Anh đã được nhận vào Harvard rồi ư, anh Kane? Xin chúc mừng! Tôi cũng hy vọng con trai tôi cũng sẽ được nhận.

- Không, tôi vẫn chưa được nhận, - William nói - nhưng chỉ là vấn đề thời gian thôi. - Cậu ngừng lời - Tôi sẽ trở lại sau một tuần nữa, ông Cohen. Nếu tôi có may mắn nghe được một lời về điều này từ bất kì ai khác ngoài ông, ông hãy xem như mối quan hệ giữa chúng ta chấm dứt. Chúc ông một ngày tốt lành.

Ông Cohen có thể đã chúc lại cậu, nếu ông kịp thốt ra câu đó trước khi cánh cửa đóng lại sau lưng William.



Bảy ngày sau, William trở lại văn phòng Cohen và Yablons.

- A, anh Kane, - ông Cohen nói - thật mừng khi gặp lại anh. Anh muốn uống chút cà phê không?

- Không, cảm ơn ông.

- Hay Coca-cola chẳng hạn?

William vẫn giữ vẻ mặt vô cảm.

- Nói chuyện công việc, chuyện công việc. - Ông Cohen nói với chút ngại ngùng - Anh Kane, thay mặt anh, chúng tôi

đã tiến hành điều tra cùng sự giúp đỡ từ một công ty rất uy tín của những điều tra viên bí mật. Tôi nghĩ tôi có thể thận trọng mà nói chúng tôi đã có câu trả lời anh yêu cầu. Con cái của ông Osborne với mẹ anh, sau khi ra đời, có quyền lợi trong khối tài sản nhà Kane, đặc biệt đối với tài sản tín thác cha anh đã để lại cho anh hay không? Câu trả lời đơn giản là không, nhưng đương nhiên bà Osborne có thể để lại bất cứ phần nào trong số 500 nghìn đô cha anh để lại cho bà ấy theo di chúc, cho bất cứ ai mà bà ấy muốn. Tuy nhiên, có chuyện này có thể anh quan tâm, anh Kane ạ, mẹ anh đã rút toàn bộ số tiền trong tài khoản riêng ở Ngân hàng Kane và Cabot trong mười tám tháng qua, dù chúng tôi không thể tìm hiểu số tiền đã được chi tiêu như thế nào. Có khả năng bà ấy đã quyết định gửi số tiền ở ngân hàng khác.

William sửng sốt, về mất kiểm soát đầu tiên ông Cohen thấy ở cậu.

- Bà ấy không có lý do làm vậy. - William nói - Số tiền ấy chỉ có thể bị mất cho một người.

Ông luật sư giữ yên lặng, muốn tìm ra kẻ đó là ai, nhưng William nghĩ lại và không nói thêm gì. Ông Cohen tiếp tục:

- Giờ là câu trả lời cho câu hỏi thứ hai của anh, anh không có nghĩa vụ cá nhân hoặc pháp lý nào đối với ông Henry Osborne. Theo các điều khoản trong di chúc của cha anh, mẹ anh là người được ủy thác đối với khối tài sản của ông ấy cùng với ông Alan Lloyd và bà Millie Preston, hai người là cha mẹ đỡ đầu hiện còn sống của anh, cho đến khi anh đủ hai mốt tuổi.

William vẫn không biểu lộ thái độ gì. Cohen hiểu điều đó nghĩa là ông nên nói tiếp.

- Và thứ ba, thưa anh Kane, anh không thể yêu cầu ông Osborne ra khỏi Đồi Beacon chừng nào ông ta còn quan hệ vợ chồng với mẹ anh và tiếp tục chung sống với bà ta. Tài sản sẽ thuộc sở hữu của anh vào thời điểm bà ấy qua đời, nhưng trước đó thì không. Nếu ông ấy còn sống tại thời điểm đó, anh có thể yêu cầu ông ta rời khỏi nhà. - Ông Cohen ngẩng lên khỏi tập hồ sơ trước mặt mình - Tôi hy vọng đã trả lời được mọi câu hỏi của anh, anh Kane.

- Cảm ơn ông, ông Cohen. - William nói - Tôi biết ơn ông về năng lực và sự thận trọng của ông trong vụ này. Ông có thể cho tôi biết phí dịch vụ là bao nhiêu không?

- 100 đô không đủ chi trả cho hoạt động của công ty đâu, anh Kane, nhưng chúng tôi tin vào tương lai của anh, và...

- Tôi không muốn mình chịu ơn bất cứ ai, ông Cohen. Ông phải coi tôi như một khách hàng mà ông có thể không bao giờ giao dịch lần nữa. Như vậy, tôi còn nợ ông bao nhiêu? Ông Cohen suy tính một lát.

- Anh Kane, trong những trường hợp như thế này, chúng tôi sẽ lấy anh 220 đô.

William lấy sáu tờ giấy bạc 20 đô từ túi áo bên trong và đưa cho ông Cohen. Lần này, ông luật sư không đếm lại nữa.

- Tôi biết ơn sự trợ giúp của ông, ông Cohen. Tôi chắc chúng ta sẽ còn gặp lại. Chúc ông một ngày tốt lành.

- Chào anh, anh Kane! - Ông ngáp ngừng - Tôi có thể nói rằng tôi chưa bao giờ có đặc ân gặp mặt cha anh, nhưng

khi được làm việc với con trai ông ấy, tôi chỉ ước trước đây mình từng có vinh dự đó.

Lần đầu tiên William mỉm cười với ông.

- Cảm ơn, ông Cohen!

Khi Wladek tỉnh dậy, bên ngoài trời đã tối. Cậu chớp mắt nhìn người đàn bà đã che chở cho mình, lúc này bà đang mỉm cười với cậu. Cậu cười lại, cầu nguyện bà ấy là người đáng tin, không báo cho cảnh sát về thân phận của cậu. Hay bà đã làm việc ấy rồi? Bà lấy thức ăn từ túi ra, Wladek ngấu nghiến một chiếc sandwich phết mứt, bữa ăn ngon nhất cậu được ăn trong hơn bốn năm qua. Khi đến ga tiếp theo, gần như tất cả hành khách đã xuống tàu, một số người trở về nhà, người khác xuống để vận động cho chân tay đỡ tê cứng, còn phần lớn là để đi tìm mua đồ uống.

Người đàn bà đứng dậy khỏi ghế.

- Đi theo ta nào. - Bà nói.

Wladek đứng lên và theo bà ta xuống sân ga. Cậu sắp bị đem đi giao nộp ư? Bà đưa tay ra và cậu nắm lấy như những đứa trẻ hay làm khi đi cùng mẹ. Bà đi về phía một nhà vệ sinh nữ. Wladek lưỡng lự, nhưng bà một mực bảo

cậu vào, và khi vào trong bà bảo cậu cởi đồ ra. Trong lúc cậu cởi đồ thì bà mở vòi nước, một dòng nước lạnh màu nâu liu liu chảy ra. Bà thấy ghê nhưng đối với Wladek, thứ nước này còn khá hơn nhiều so với nguồn nước ở trại tù. Bà tắm cho cậu bằng mớ giẻ ướt và co rúm lại khi thấy vết thương ghê gớm trên chân cậu. Bà đã cố kìm cựa nhẹ nhàng, nhưng mỗi lần kìm là một lần đau. Dù vậy, Wladek vẫn không dám kêu rên.

- Khi đưa cháu về nhà, ta sẽ chữa trị vết thương này tốt hơn. - Bà nói - Bây giờ cứ tắm rửa sạch sẽ đã.

Rồi bà ta trông thấy chiếc vòng bạc. Bà xem xét dòng chữ khắc trên đó và rồi nhìn kĩ Wladek. - Cháu lấy trộm chiếc vòng này của ai vậy? - Bà hỏi.

- Cháu không lấy trộm. Cha cháu trao lại cho cháu vào ngày ông qua đời. - Wladek nổi giận.

Ánh mắt bà bỗng trở nên khác lạ. Là sợ hãi hay tôn trọng? Bà cúi đầu.

- Cẩn thận nhé, Wladek. Có những kẻ sẽ giết người để cướp những món đồ quý giá như vậy.

Cậu gạt đầu và mặc nhanh quần áo vào. Họ trở lại toa. Khi con tàu lắc lư đi tiếp, Wladek mừng vì một lần nữa được cảm nhận những bánh xe lửa chuyển động dưới chân mình.

Con tàu mất thêm mười hai ngày rưỡi mới đến được Moscow. Bất cứ khi nào người soát vé xuất hiện, Wladek và người đàn bà đều diễn lại cảnh cũ: cậu bé cố tỏ ra ngây thơ và bé dại, còn bà thể hiện rõ là một người mẹ đúng nghĩa. Người soát vé luôn cúi đầu kính cẩn trước bà khiến Wladek

nghĩ các trưởng ga chắc hẳn phải là những người rất quan trọng ở Nga.

Đến khi họ kết thúc hành trình 900 dặm, Wladek đã hoàn toàn đặt niềm tin vào người đàn bà này. Đoàn tàu dừng lại ở ga xép cuối cùng vào đầu giờ chiều. Dù Wladek vừa trải qua biết bao chuyện, cậu một lần nữa lại thấy sợ trước những người lạ. Cậu chưa từng đến một thành phố lớn, nói gì đến thủ đô của nước Nga. Wladek chưa bao giờ trông thấy nhiều người vội vã đi lại như vậy. Người đàn bà cảm nhận được nỗi sợ của cậu.

- Đi theo ta, đừng nói chuyện và đừng bỏ mũ ra.

Wladek dỡ túi của bà xuống từ giá để đồ, kéo mũ che kín đầu - chân tóc lúc này đã nhú ra - và đi theo bà ta xuống sân ga. Một đám đông đang cố vượt qua một rào chắn nhỏ, mọi người tắc lại thành một khối vì ai cũng phải trình giấy chứng minh của mình với lính gác. Trong lúc tiến về chỗ rào chắn, Wladek có thể nghe tiếng tim mình đập như tiếng trống, nhưng người lính gác chỉ liếc nhìn giấy tờ của người đàn bà.

- Chào đồng chí! - Anh ta nói và chào rồi nhìn sang Wladek.

- Con trai tôi đấy. - Bà giải thích.

- À vâng, chào đồng chí. - Anh ta chào lần nữa.

Wladek đã đến Moscow.



Dù đã đặt trọn niềm tin vào người bạn đường mới quen, bản năng đầu tiên của Wladek là chạy trốn, nhưng cậu biết

150 rúp không đủ để sinh tồn, nên cậu quyết định chờ đợi thời cơ, cậu có thể chạy bất cứ lúc nào. Một con ngựa đứng bên cỗ xe đang đợi hai người ở sân trước nhà ga, chiếc xe ngựa đưa người đàn bà và cậu con nuôi về nhà mới của cậu. Ông trưởng ga không có nhà khi họ về, người đàn bà tự tay dọn riêng một giường cho Wladek. Sau đó, bà đun chút nước nóng, đổ vào cái thùng thiếc lớn rồi bảo cậu bé bước vào. Lần đầu tiên cậu được tắm trong suốt bao năm qua. Bà đun thêm nước nóng và đưa thêm xà phòng, kì lưng cho cậu. Được một lúc, nước đã bắt đầu chuyển màu và sau hai mươi phút, nước đã thành màu đen. Nhưng Wladek biết còn phải tắm nhiều lần nữa mới gột rửa hết bụi bẩn đã tích tụ nhiều năm. Người cậu vừa khô, bà thoa một chút thuốc mỡ lên tay, chân cậu và băng kín những phần thân thể bị thương nặng. Bà nhìn chăm chăm vào núm vú duy nhất của cậu. Cậu nhanh chóng mặc đồ rồi vào bếp cùng bà. Bà đã chuẩn bị một bát súp nóng và thêm vào ít hạt đậu. Wladek háo hức ăn. Không ai nói một lời nào. Khi cậu ăn xong, bà khuyên cậu tốt hơn nên lên giường ngủ và nghỉ ngơi.

- Ta không muốn chồng ta trông thấy cháu trước khi ta kịp giải thích tại sao cháu lại ở đây. - Bà giải thích - Nếu chồng ta đồng ý, cháu có muốn ở lại cùng vợ chồng ta không, Wladek?

- Vâng, có chứ ạ! - Cậu đáp hồn nhiên.

- Vậy đi ngủ đi. - Bà nói.

Wladek lên cầu thang, cầu cho ông chồng sẽ đồng ý cho cậu sống cùng họ. Cậu chậm rãi cởi đồ và lên giường. Cậu

quá sạch sẽ, khăn trải rất mát và nệm cực kì êm ái. Cậu bỏ gối xuống sàn nhà, nhưng cậu mệt đến mức ngủ ngay mà không để tâm đến sự thoải mái của chiếc giường. Khi cậu tỉnh giấc vì có tiếng nói to vọng lên, bên ngoài trời đã tối. Cậu lần ra cửa, khẽ mở cửa và lắng nghe cuộc trò chuyện dưới bếp.

- Em ngốc quá, - Wladek nghe một giọng rít lên - em không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra nếu em bị bắt à? Em có thể sẽ bị giải đến các trại tù, và anh có thể bị mất việc.

- Nhưng giá anh thấy cậu bé lúc đó, anh Piotr. Trông cậu ta như một con thú bị săn đuổi.

- Nên em quyết định biến vợ chồng ta thành những con thú bị săn đuổi. - Ông đáp - Có ai thấy nó chưa?

- Không có ai cả. - Người đàn bà nói - Em nghĩ là không có ai.

- Tạ ơn Chúa! Nó phải rời khỏi đây ngay, trước khi có ai biết nó ở đây, đó là hy vọng duy nhất của chúng ta.

- Nhưng cậu bé có thể đi đâu được, anh Piotr? Nó không còn người thân. Và em luôn muốn có một đứa con trai.

- Anh không quan tâm em muốn gì hoặc nó sẽ đi đâu. Nó không thuộc trách nhiệm của chúng ta. Chúng ta phải tống cổ nó đi, ngay lập tức.

- Nhưng Piotr, em nghĩ cậu bé là con nhà dòng dõi. Em nghĩ cha nó là một Nam tước. Cậu bé đeo một chiếc vòng bạc quanh cổ tay, và trên đó còn khắc chữ...

- Điều đó chỉ làm mọi chuyện tệ hơn thôi. Em có biết những nhà lãnh đạo mới của chúng ta đã ra sắc lệnh gì không? Không có quý tộc, không có đặc quyền. Chúng ta

thậm chí sẽ không bị giải đến các trại tù mà bị xử bắn luôn cũng nên.

- Chúng ta luôn mong có một đứa con trai, anh Piotr. Mình không thể mạo hiểm một lần trong đời sao?

- Có thể trong đời em, nhưng trong đời anh thì không. Anh nói nó phải đi, đi ngay lúc này.

Wladek không cần nghe thêm nữa. Điều duy nhất cậu có thể giúp cho nữ ân nhân là biến mất không dấu vết khi đêm đến. Cậu mặc vội quần áo, nhìn kĩ lại giường, hy vọng không phải mất thêm bốn năm nữa trước khi lại được nằm ngủ đàng hoàng. Cửa chính bất ngờ mở tung khi cậu đang mở chốt cửa sổ và ông trưởng ga bước vào phòng. Ông ta nhỏ nhắn, không cao hơn Wladek, bụng to và đầu hói, chỉ có vài sợi tóc bạc thưa chải vắt ngang qua đầu. Ông ta đeo đôi kính không gọng, hằn bên dưới mỗi bên mắt một quầng hơi đỏ. Ông và Wladek nhìn nhau chằm chằm.

- Xuống dưới nhà! - Ông ta ra lệnh.

Wladek miễn cưỡng đi theo ông xuống bếp. Người đàn bà đang ngồi bên bàn, sụt sịt khóc.

- Giờ hãy nghe đây, nhóc con! - Ông ta nói.

- Tên nó là Wladek. - Người vợ xen vào.

- Giờ hãy nghe đây, nhóc con. - Người đàn ông lặp lại

- Mày đang gặp rắc rối, và tao muốn mày ra khỏi đây và đi càng xa càng tốt. Tao sẽ cho mày biết tao sẵn lòng giúp mày những gì.

Wladek nhìn ông ta, biết rằng ông ta chỉ sẵn sàng giúp chính mình mà thôi.

- Tao sẽ mua cho mày một vé tàu. Mày muốn đi đâu đây?

- Odessa ạ! - Wladek nói dù không biết nơi ấy ở đâu và đến đó tốn bao nhiêu tiền, chỉ biết đó là thành phố tiếp theo trên bản đồ dẫn đến tự do của ông bác sĩ.

- Odessa, ngọn nguồn của tội ác, một đích đến thích hợp đấy. - Ông trưởng ga châm chọc - Mày sẽ được ở cùng đồng loại.

- Hãy để cậu bé ở lại cùng chúng ta, anh Piotr. Em sẽ chăm lo cho nó, em sẽ làm...

- Không, không đời nào. Anh thà bỏ tiền cho thằng con hoang này còn hơn.

- Nhưng làm sao cậu bé có thể tránh được chính quyền?

- Người đàn bà van xin.

- Anh sẽ cấp cho nó một tấm vé và một giấy giấy thông hành ở Odessa. - Người chồng quay lại phía Wladek - Ngay khi mày lên tàu, nếu tao còn trông thấy hoặc nghe thấy mày ở Moscow một lần nữa, tao sẽ tóm cổ mày ngay khi bắt gặp và tống mày vào nhà tù gần nhất. Mày sẽ được lên tàu trở lại những trại tù đó ngay lập tức nếu người ta không bắt mày trước.

Ông ta liếc sang chiếc đồng hồ trên mặt lò sưởi: 7 giờ 5 phút tối. Ông quay sang vợ.

- Có một chuyến tàu đi Odessa lúc nửa đêm. Anh sẽ đưa nó ra ga và tự anh sẽ đưa nó lên tàu. Mày có hành lý gì không, oắt con?

Wladek đang định nói không thì người đàn bà đã nói trước:

- Có đấy, em sẽ đi lấy.

Bà bỏ đi một lúc. Wladek và ông trưởng ga trừng trừng nhìn nhau khinh bỉ. Chiếc đồng hồ điểm một tiếng từ sau khi người vợ đi khỏi, nhưng hai người vẫn không nói gì. Đôi mắt ông trưởng ga không rời Wladek. Khi người đàn bà trở lại, bà mang theo một gói giấy màu nâu lớn được buộc dây. Wladek nhìn chằm chằm gói giấy và định phản đối, nhưng khi ánh mắt hai người chạm nhau, cậu thấy nỗi sợ trong mắt bà, đến nỗi cậu chỉ nói được mấy lời:

- Cảm ơn bà!

- Ăn đi trước khi lên đường. - Bà nói, đẩy bát súp đã nguội về phía cậu.

Cậu nghe lời, và dù cái dạ dày vốn quáts queo của cậu đã đầy, cậu vẫn nuốt bát súp nhanh hết sức, không muốn gây thêm rắc rối cho ân nhân nữa.

- Đồ súc vật! - Người đàn ông lẩm bẩm.

Wladek ngược mắt nhìn ông ta, ánh mắt căm giận. Cậu thấy thương người đàn bà phải chung sống cả đời với một gã đàn ông như vậy. Một nhà tù của riêng bà!

- Đi nào, thằng ranh, đến lúc mày phải đi rồi đấy. - Ông trưởng ga nói - Chúng ta đều không muốn mày lỡ chuyến tàu, phải không?

Wladek đi theo ông ta ra khỏi bếp. Cậu lưỡng lự khi đi ngang qua người đàn bà, khẽ chạm vào bàn tay bà. Ông trưởng ga và cậu bé tị nạn lén qua những con phố của Moscow, đi trong bóng tối cho đến khi đến được nhà ga. Ông trưởng ga kiếm được vé một chiều đi Odessa và đưa mảnh giấy nhỏ màu đỏ ấy cho Wladek.

- Giấy thông hành của cháu đâu? - Wladek nói giọng thách thức.

Ông trưởng ga rút từ túi áo trong ra một tờ giấy theo đúng thể thức, ký nhanh lên đó và miễn cưỡng đưa cho cậu. Wladek đã trông thấy nhiều đôi mắt giống như mắt ông ta trong suốt bốn năm qua: đôi mắt của một kẻ hèn nhát.

- Đùng bao giờ để tao nhìn thấy, hoặc nghe nói đến mày một lần nữa. - Ông trưởng ga nói giọng hống hách.

Wladek định nói, nhưng ông trưởng ga đã vội biến mất vào bóng đêm, ông ta thuộc về nơi đó. Wladek nhìn vào mắt của những người vội vã đi qua cậu. Cùng một đôi mắt, cùng một nỗi sợ hãi, có ai trên thế giới này được tự do không? Cậu ôm chặt gói giấy nâu dưới cánh tay, chỉnh lại chiếc mũ và đi về phía rào chắn. Cậu leo lên xe lửa. Dù sau này cậu không bao giờ gặp lại người đàn bà kia, cậu sẽ luôn nhớ về tấm lòng nhân hậu của bà, người vợ ông trưởng ga, *người đồng chí*... Cậu thậm chí còn không biết tên bà ta.

Anne lúc nào cũng tất bật vì sắp sinh con, cô thấy mình dễ mệt và phải nghỉ ngơi nhiều. Bất cứ khi nào cô hỏi Henry về tình hình kinh doanh, anh ta luôn có những câu trả lời có phần đáng tin để trấn an cô rằng mọi chuyện đều tốt chứ không cho cô biết thêm chi tiết cụ thể nào.

Thế rồi những lá thư nặc danh lại xuất hiện. Lần này chúng cung cấp thêm nhiều chi tiết: họ tên của những người đàn bà liên quan và những nơi họ bị bắt gặp ở cùng Henry. Anne đốt hết chúng trước khi cô có thể ghi nhớ những họ tên hoặc địa điểm. Cô không tin chồng cô có thể là kẻ phản bội trong khi cô đang mang đứa con của anh ta. Có những kẻ ghen tuông hoặc ác cảm với Henry. Chúng chỉ toàn đối trá.

Nhưng những lá thư vẫn tiếp tục đến, đôi khi kèm theo những danh tính mới. Anne vẫn hủy hết chúng, nhưng chúng bắt đầu ám ảnh tâm trí cô. Cô muốn nói chuyện này với ai đó nhưng không nghĩ ra ai có thể tin tưởng. Hai người

bà chắc sẽ phát hoảng, mà họ vốn đã có định kiến với Henry. Cũng không mong ông Alan Lloyd ở ngân hàng có thể hiểu chuyện này, ông ấy chưa từng kết hôn, và William thì còn quá non nớt. Dường như không có ai thích hợp. Anne nghĩ sẽ tham khảo một chuyên gia tâm lý sau khi nghe một bài giảng của Sigmund Freud¹ khi ông đến Boston, nhưng rồi cô quyết định sẽ không bao giờ nghĩ đến việc bàn luận vấn đề gia đình với một người hoàn toàn xa lạ.

Vấn đề cuối cùng đã trở nên trầm trọng theo chiều hướng Anne không thể lường trước được. Một buổi sáng thứ Hai, cô nhận được ba lá thư: một lá của William như thường lệ, đề gửi bà Richard Kane, xin phép lại đi nghỉ hè cùng với cậu bạn Matthew Lester, một lá thư nặc danh cho biết Henry đang tặng tịu với... với... Millie Preston, và thư của ông Alan Lloyd, hỏi cô có sẵn lòng gọi điện và sắp xếp đến gặp ông ở ngân hàng không.

Anne nặng nhọc ngồi xuống, thấy khó thở và buồn nôn, rồi tự ép mình đọc lại cả ba lá thư. Sự thờ ơ xa cách trong thư của William làm cô nhói đau. Cô khó chịu khi biết cậu thích nghỉ hè với gia đình bạn hơn là về nhà mình. Không thể bỏ qua lá thư nặc danh khẳng định Henry đang tặng tịu với người bạn thân nhất của cô. Anne không quên chính Millie là người đã giới thiệu cô với Henry, và cô ta còn là mẹ đỡ đầu của William. Lá thư thứ ba, từ Alan Lloyd, thậm chí

¹ Sigmund Schlomo Freud (1856-1939) nguyên là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học.

còn khiến cô e ngại hơn. Lá thư lần trước của ông gửi cho cô là lời chia buồn về sự ra đi của Richard. Lần này ông ấy muốn gửi lời chia buồn về chuyện gì đây?

Cô gọi đến ngân hàng. Người trực máy nối máy cho cô.

- Alan, anh muốn gặp tôi à?

- Vâng, chị ạ! Tôi muốn nói chuyện với nếu chị có thể thu xếp thời gian.

- Tin xấu à? - Anne hỏi.

- Không hẳn, nhưng tôi nghĩ không nên nói qua điện thoại. - Ông trấn an cô - Chị không có gì phải lo lắng đâu. Nhân tiện, tôi muốn hỏi chị có rảnh để đi ăn trưa không?

- Vâng, tôi rảnh.

- Tốt rồi, chúng ta gặp nhau ở Grand lúc 1 giờ nhé. Tôi mong được gặp chị, chị thân mến.

1 giờ chiều, chỉ ba tiếng nữa. Tâm trí cô cứ chuyển từ Alan sang William, rồi Henry, nhưng cuối cùng vẫn quay về Millie Preston. Có lẽ nào là thật? Cô quyết định đi tắm rửa và mặc chiếc váy mới. Không thay đổi được gì. Cô thấy mình đã bắt đầu nhìn có vẻ nặng nề. Mất cá chân và bắp chân cô lúc trước luôn thanh thoát, mảnh mai, giờ đang biến dạng. Cô hơi sợ khi tưởng tượng cuộc sống có thể trở nên tồi tệ thế nào trước khi đưa bé ra đời. Anne thờ dãi nhìn mình trong gương, cố sửa sang để mình có vẻ hấp dẫn và tự tin.



- Chị đẹp quá, Anne. Nếu tôi không phải là một anh già độc thân thì tôi sẽ không ngần ngại mà buông lời ong bướm

với chị ngay. - Ông Chủ tịch ngân hàng có mái tóc bạc chào đón cô, hôn lên cả hai má cô như thể ông là một vị tướng Pháp. Ông dẫn cô đến bàn ăn quen thuộc.

Khách sạn Grand ở Boston có một quy tắc bất thành văn: bàn ăn trong góc luôn được dành riêng cho Chủ tịch Ngân hàng Kane và Cabot nếu ông ta không ăn trưa ở ngân hàng, nhưng đây là lần đầu tiên Anne ngồi ăn ở đó. Những người phục vụ qua lại xung quanh họ như đàn chim sáo hăng hái, có vẻ như biết rõ khi nào cần lui đi và quay lại mà không làm gián đoạn cuộc trò chuyện.

- Chị Anne, khi nào chị sinh cháu?

-Ồ, không đến ba tháng nữa.

- Tôi hy vọng không có trở ngại gì.

- Ôi, - Anne thừa nhận - bác sĩ khám cho tôi mỗi tuần một lần và tỏ vẻ không hài lòng về huyết áp của tôi, nhưng tôi không quá bận tâm.

- Tôi rất mừng, chị thân mến! - Ông nói và dịu dàng nắm tay chị như bậc cha chú - Trông chị có vẻ khá mệt mỏi. Tôi hy vọng chị không làm mọi việc quá sức.

Anne không đáp. Alan Lloyd hơi ngẩng đầu lên và người bồi bàn xuất hiện bên cạnh ông.

- Chị ạ, tôi muốn nghe lời khuyên từ chị. - Alan nói sau khi họ gọi món. Anne hiểu rõ tài ngoại giao của Alan Lloyd. Ông không mời cô ăn trưa chỉ để xin lời khuyên của cô. Cô chắc chắn rằng ông muốn khuyên cô một cách nhẹ nhàng.

- Chị có ý kiến gì về các dự án bất động sản anh Henry đang làm không?

- Không, tôi không biết. - Anne thừa nhận - Tôi chưa bao giờ tự ý can thiệp vào các hoạt động kinh doanh của anh ấy. Ông khiến tôi nhớ mình cũng chưa từng can thiệp vào công việc của Richard. Sao vậy? Có vấn đề gì đáng lo ngại ư?

- Không, không, ở ngân hàng thì chúng tôi không biết về những chuyện đó. Trái lại, chúng tôi biết anh Henry đang đấu thầu một hợp đồng cỡ lớn của thành phố để xây dựng một khu phức hợp bệnh viện mới. Tôi chỉ hỏi chị vì anh ấy đã vay ngân hàng một khoản 500 nghìn đô.

Anne không nói nên lời.

- Tôi biết chị bất ngờ. - Ông nói - Giờ, chúng tôi biết trong sổ cổ phiếu nắm giữ, chị có gần 20 nghìn đô dự trữ, nhưng đã thấu chi 17 nghìn đô trong tài khoản cá nhân của chị.

Anne đánh rơi thìa súp. Cô không nhận ra cô đã rút quá số tiền mình có. Alan nhận ra sự lo lắng của cô.

- Chị Anne, đó không phải mục đích chính của bữa trưa này. - Ông nói nhanh - Ngân hàng sẵn lòng cho vay số tiền trong tài khoản cá nhân của chị đến hết cuộc đời. William đang kiếm được hơn một triệu đô mỗi năm nhờ số tiền lãi từ tín thác của cậu ấy, nên khoản thấu chi của chị không đáng ngại, ngay cả số tiền 500 nghìn đô anh Henry đang yêu cầu cũng không đáng ngại, nếu có được sự đồng ý của chị dưới tư cách người giám hộ hợp pháp của William.

- Tôi không biết mình có quyền đối với tín thác của William. - Anne nói.

- Chị không có quyền đối với tổng số tiền, nhưng về phương diện pháp lý, số lãi có được từ đó có thể được đầu tư cho bất cứ dự án nào có lợi cho cậu ấy và số lãi đó nằm dưới sự giám hộ của chị và cha mẹ đỡ đầu của cậu ấy, là tôi và Millie Preston, cho đến khi cậu ấy sang tuổi hai mốt. Bây giờ, với danh nghĩa Chủ tịch tài sản tín thác của William, tôi có thể phê duyệt số tiền 500 nghìn đó nếu chị chấp thuận. Millie vừa cho tôi biết chị ấy sẵn lòng chấp thuận.

- Millie đã chấp thuận ư?

- Vâng. Chị ấy chưa bàn với chị sao?

Anne không vội trả lời.

- Ý kiến của anh thế nào? - Cô hỏi, tránh câu hỏi kia.

- Chà, tôi chưa hề biết về tài khoản của Henry, vì anh ấy chỉ đăng ký công ty từ mười tám tháng trước và anh ấy không gửi tiền ở chỗ chúng tôi, nên tôi không biết khoản tiêu dùng nào vượt quá thu nhập trong năm nay, và anh ấy dự kiến thu về bao nhiêu trong năm 1923. Tôi chỉ biết anh ấy đã làm đơn xin hợp đồng xây dựng bệnh viện mới và có tin đồn rằng nó đang được thực hiện nghiêm túc.

- Anh có biết trong mười tám tháng qua tôi đã đưa cho Henry 500 nghìn đô trong số tiền của tôi không? - Anne hỏi.

- Ông quỹ trưởng luôn thông báo cho tôi bất cứ khi nào có một khoản tiền mặt lớn được rút ra khỏi bất kì tài khoản nào. Tôi không biết vợ chồng chị dùng tiền vào việc gì, và rõ ràng đó không phải việc của tôi, chị Anne ạ! Số tiền đó do Richard để lại cho chị, và chị được tiêu khi thấy hợp lý. Còn chuyện lãi suất từ tiền tín thác gia đình thì đó lại là vấn

đề khác. Nếu chị quyết định rút 500 nghìn đô để đầu tư vào công ty của Henry, ngân hàng cần điều tra sổ sách kế toán của anh ấy, vì số tiền được coi là một khoản đầu tư khác vào danh mục đầu tư của William. Anh Richard không cho người được ủy thác quyền tạo ra khoản nợ, chỉ cho đầu tư thay mặt William thôi. Tôi đã giải thích tình huống này với Henry. Nếu chúng ta cứ tiến hành và thực hiện khoản vay này, những người được ủy thác sẽ phải chấp nhận đó là một khoản đầu tư hợp lý.

Tất nhiên William luôn được cập nhật thông tin về những gì chúng ta đang làm với thu nhập của cậu ấy, không có lý do gì để không đáp ứng yêu cầu gửi thông báo đầu tư hàng quý của ngân hàng cho cậu ấy, giống như những người được ủy thác được nhận. Chắc chắn William sẽ có quan điểm riêng về khoản đầu tư đặc biệt này, cậu ấy sẽ được biết đầy đủ sau khi nhận được thông báo hàng quý tiếp theo. Có lẽ chị sẽ thấy thú vị khi biết từ sau sinh nhật tròn mười sáu tuổi, cậu ấy vẫn luôn gửi cho tôi những ý kiến riêng về mọi khoản đầu tư chúng tôi thực hiện. Lúc đầu, tôi chỉ đọc thoáng qua với tư cách của một người giám hộ rộng lượng. Về sau, tôi phải lưu tâm nghiên cứu đáng kể. Đến khi William giữ vị trí trong ban lãnh đạo Ngân hàng Kane và Cabot, có thể ngân hàng này sẽ trở nên quá nhỏ bé với cậu ấy.

- Trước đây tôi chưa bao giờ được hỏi ý kiến về tín thác của William. - Anne thất vọng nói.

- Quả thực chị đã không lưu tâm, dù ngân hàng gửi các báo cáo cho chị vào ngày đầu tiên mỗi quý, và với tư cách

một người được ủy thác, chị luôn luôn có quyền chất vấn về mọi khoản đầu tư chúng tôi thực hiện đại diện cho William.

Ông lấy một mảnh giấy từ túi áo trong ra và không nói gì thêm cho đến khi người rót rượu rót đầy cốc rượu vang thứ hai. Ngay khi người bồi bàn lui ra xa, Alan tiếp tục:

- William hiện có hơn 21 triệu đô được ngân hàng đem đầu tư với lãi suất 4,5%. Mỗi quý, chúng tôi tái đầu tư số lãi cho cậu ấy vào chứng khoán và cổ phiếu. Trước đây, chúng tôi chưa bao giờ đầu tư vào một công ty tư nhân. Chị Anne, chị có thể thấy bất ngờ khi biết chúng tôi đang tiến hành khoản tái đầu tư này trên nền tảng 50-50. 50% theo khuyến nghị của ngân hàng, và 50% theo những đề nghị chính William. Hiện tại chúng tôi vẫn dẫn trước cậu ấy, anh Simmons, Giám đốc Đầu tư của chúng tôi, rất thích thú vì William đã hứa mất cho anh ấy một chiếc Rolls-Royce nếu anh ấy có lợi nhuận vượt cậu ta 10% mỗi năm.

- Nhưng William lấy đâu ra tiền để mua một chiếc Roll-Royce? Nó không được phép động tới tiền trong tài sản tín thác cho đến khi nó được hai mốt tuổi.

- Tôi không biết câu trả lời, chị Anne ạ! Nhưng tôi chắc chắn cậu ấy không giao ước nếu cậu ấy không thể thực hiện. Gần đây chị có trông thấy cuốn sổ nổi tiếng của cậu ấy không?

- Cuốn sổ mà các bà đã tặng nó ư?

Alan Lloyd gật đầu.

- Không, tôi chưa hề trông thấy cuốn sổ ấy từ khi nó đi học ở trường St. Paul. Tôi không nghĩ là cuốn sổ đó vẫn còn đến bây giờ.

- Nó vẫn còn, - ông chủ ngân hàng vừa nói vừa cười khúc khích - và tôi sẵn sàng bỏ một tháng lương để được biết hiện giờ cột ghi tiền gửi ngân hàng đang ở con số bao nhiêu. Tôi cho là chị biết việc cậu ấy đang gửi tiền ở Ngân hàng Lester tại New York chứ không gửi ở chỗ chúng tôi? Họ không nhận những tài khoản cá nhân dưới 10 nghìn đô đâu. Tôi cũng biết khá chắc chắn là họ không có ngoại lệ, kể cả là với con trai của Richard Kane.

- Con trai của Richard Kane! - Anne trầm ngâm.

- Tôi xin lỗi, tôi không có ý thô lỗ, chị Anne.

- Không, không, chắc chắn nó là con trai của Richard Kane. Anh có biết nó chưa hề xin tôi một đồng tiêu vật nào từ năm mười hai tuổi không? - Cô ngừng lời - Tôi nghĩ tôi nên báo trước với anh, Alan, nó sẽ không vui khi biết anh đang tính đầu tư 500 nghìn đô trong quỹ tín thác của nó vào công ty của Henry đâu.

- Hai người họ không ưa nhau à? - Alan nhướn mày hỏi.

- Tôi e là không. - Anne nói.

- Tiếc thật! Chuyện này chắc chắn sẽ khiến giao dịch phức tạp hơn nếu William công khai phản đối. Mặc dù cậu ấy không có thẩm quyền đối với tài sản tín thác cho đến khi được hai mốt tuổi, nhưng chúng tôi vừa biết một việc thông qua các nguồn tin riêng: cậu ấy đã kín đáo đến gặp một luật sư độc lập để hỏi về tư cách pháp lý.

- Ôi trời ơi! - Anne than - Chắc anh nói đùa.

-Ồ, tôi nói nghiêm túc đấy. Nhưng chị không phải lo đâu. Chúng tôi ở ngân hàng còn thấy bất ngờ, và ngay khi

nhận ra những câu hỏi bắt nguồn từ ai, chúng tôi đã báo với họ là chúng tôi sẽ giữ kín thông tin. Vì một số lý do cá nhân mà William rõ ràng không muốn trực tiếp đến gặp chúng tôi.

- Trời đất ơi! - Anne lặp lại - Khi ba mươi tuổi thì nó sẽ còn thế nào nữa!

- Điều đó còn phụ thuộc vào chuyện cậu ấy có may mắn yêu được ai đó đáng yêu như mẹ mình không. Đó luôn luôn là thế mạnh của Richard. - Alan nói.

- Anh đúng là một ông già khéo nịnh, Alan ạ! Chúng ta có thể gác lại chuyện 500 nghìn đô cho đến khi tôi có dịp bàn chuyện đó với Henry được không?

- Dĩ nhiên là được, chị ạ! Như tôi đã nói, tôi chỉ đến đây để xin lời khuyên của chị.

Alan gọi cà phê và dịu dàng nắm tay Anne.

- Và nhớ chăm sóc mình nhé, Anne. Sức khỏe của chị còn quan trọng hơn nhiều so với số phận của một vài nghìn đô đó.



Khi Anne về nhà, cô bắt đầu lo về hai lá thư còn lại mà cô nhận được lúc sáng. Ít nhất giờ cô đã chắc chắn được một chuyện sau những tiết lộ của Alan Lloyd về con trai cô: tốt hơn hết là vui vẻ cho phép William dành trọn kì nghỉ hè sắp tới với Matthew Lester.

Khả năng Henry và Millie đang dấn dứ là vấn đề cô không thể tìm ra một giải pháp đơn giản. Cô ngồi trên chiếc ghế da nâu sẫm, chiếc ghế Richard ưa thích, nhìn đám hoa hồng trắng lẫn đỏ yêu kiều ngoài ô cửa sổ. Cô chìm vào suy

tu, không để ý gì nữa. Anne luôn mất thời gian để đi đến một quyết định, nhưng khi quyết định rồi, cô ít khi đổi ý.

Tối hôm đó, Henry về nhà sớm hơn thường lệ, cô không thể không thắc mắc. Và cô sớm hiểu ra.

- Anh nghe nói hôm nay em đi ăn trưa với Alan Lloyd. - Anh ta nói khi vừa bước vào phòng.

- Ai nói với anh vậy, Henry?

- Anh có tai mắt ở mọi nơi. - Anh ta vừa nói vừa cười.

- Đúng, Alan mời em đi ăn trưa. Anh ấy muốn biết em nghĩ thế nào về việc cho phép ngân hàng đầu tư 500 nghìn đô trong tài sản tín thác của William vào công ty của anh.

- Em nói gì cơ? - Henry cố không tỏ vẻ nghi ngại.

- Em nói là em cần bàn bạc với anh về vấn đề này. Nhưng em không hiểu sao anh không cho em biết anh đã xúc tiến việc này với ngân hàng, Henry? Em cảm thấy mình như một kẻ ngốc khi lần đầu tiên nghe thông tin đó từ Alan.

- Anh không nghĩ em hứng thú với kinh doanh, em yêu. Anh chỉ tình cờ biết em, Alan Lloyd và Millie Preston là những người được ủy thác, và mỗi người đều có quyền đưa ra ý kiến về việc đầu tư số tiền của William như thế nào.

- Làm sao anh biết được chuyện đó, - Anne hỏi - khi chính em còn không biết?

- Em không bao giờ để ý những điều khoản đặc biệt trong chứng thư, em yêu ạ! Thực ra, anh cũng gần đây mới đọc. Vô tình Millie nói với anh về những chi tiết của số tài sản tín thác đó. Cô ấy không chỉ là mẹ đỡ đầu của William,

hình như cô ấy cũng còn là người được ủy thác. Bây giờ, hãy xem chúng ta có thể biến vị trí đó thành lợi thế cho chúng ta và giúp William kiếm được nhiều tiền hơn không. Millie nói cô ấy sẽ nhường quyền cho anh nếu em đồng ý.

Cái tên Millie khiến Anne cảm thấy khó chịu.

- Em không nghĩ chúng ta nên động đến tiền của William. - Cô nói - Em chưa bao giờ trông vào số tài sản tín thác đó. Em thấy tốt hơn là mặc kệ mọi chuyện và để ngân hàng tiếp tục tái đầu tư số lãi như bấy lâu nay.

- Tại sao lại thỏa mãn với chương trình đầu tư của ngân hàng khi anh biết mình sẽ thắng hợp đồng bệnh viện thành phố này? Chắc chắn Alan có thể xác nhận điều đó chứ?

- Em không biết chắc anh ấy thấy thế nào. Anh ấy thường kín đáo, dù anh ấy thực sự đã nói hợp đồng ấy rất tuyệt, và anh có cơ hội tốt để có được nó.

- Chính xác.

- Nhưng Alan cũng nói thêm rằng anh ấy cần xem xét các sổ sách của anh trước khi quyết định chắc chắn, và cũng muốn biết 500 nghìn đô của em đã được dùng vào việc gì.

- Em yêu, 500 nghìn đô của chúng ta đang tiến triển rất tốt, em sẽ sớm thấy thôi. Anh sẽ gửi tất cả sổ sách liên quan đến cho Alan vào sáng mai để anh ấy tự kiểm tra. Anh có thể đảm bảo với em anh ấy sẽ ấn tượng.

- Em hy vọng được như vậy, Henry, vì lợi ích của cả hai ta. - Anne nói - Hãy đợi xem ý kiến của anh ấy thế nào. Anh biết em luôn tin tưởng Alan mà.

- Nhưng không tin anh. - Henry nói.
- Ôi, không, Henry, em không có ý đó...
- Anh chỉ đùa thôi. Anh cho là em tin tưởng chồng mình.
- Em hy vọng là thế, - cuối cùng cô nói - trước đây em chưa bao giờ phải lo lắng về tiền bạc mà giờ đây chỉ toàn phải đối diện với nó. Đứa bé làm em thấy mệt và chán nản quá.

Henry nhanh chóng đổi thái độ quan tâm, âu yếm:

- Anh biết, em yêu, và anh không muốn em phải bận tâm về việc kinh doanh, anh luôn có thể xử lý những việc đó. Xem nào, sao em không đi ngủ sớm đi, và anh sẽ đem khay đồ ăn tối lên cho em? Như vậy anh sẽ tiện quay lại văn phòng và lấy các hồ sơ cần gửi cho Alan vào sáng mai.

Anne đồng ý, nhưng khi Henry đi, cô không tài nào ngủ nổi, cô mệt mỏi nhưng vẫn ngồi dậy đọc sách. Cô biết Henry phải mất tầm mười lăm phút để tới văn phòng, nên đợi hai mươi phút, cô gọi vào đường dây riêng của anh. Tiếng chuông kéo dài gần một phút. Anne thử quay số lần thứ hai sau hai mươi phút nữa, vẫn không có ai nhấc máy. Cứ sau hai mươi phút cô lại gọi, nhưng không có ai ở đầu bên kia. Những lời của Henry về lòng tin bắt đầu vang lên đầy cay đắng trong đầu cô.

Cuối cùng, quá nửa đêm anh ta mới về nhà, ngạc nhiên khi thấy Anne còn thức.

- Em không nên thức đợi anh.

Anh ta nồng nàn hôn cô. Anne nghĩ mình có thể thấy mùi nước hoa, hay cô đã nghi quá?

- Anh phải ở lại lâu hơn anh tưởng, đầu tiên là việc anh không thể tìm được hết các giấy tờ Alan cần. Đứa thư ký ăn hại đã lưu sai tên vài thứ giấy tờ.

- Hẳn anh đã ngồi một mình cô quạnh trong văn phòng lúc nửa đêm. - Anne nói.

- Ôi, cũng không nhàm chán như thế nếu có việc đáng làm. - Henry vừa đáp vừa leo lên giường và ôm lấy Anne - Ít nhất có cái đáng nói: Em có thể làm được nhiều việc hơn vì không bị điện thoại liên tục làm phiền.



Sáng hôm sau, Henry đi làm ngay sau bữa điểm tâm, Anne không còn biết rõ anh ta đi đâu nữa. Cô lật từng trang trong một mục của tờ báo *Boston Globe* mà trước kia cô chưa bao giờ xem. Có nhiều bài quảng cáo về các dịch vụ cô cần tìm. Cô chọn gần như ngẫu nhiên một người, nhấn điện thoại lên và hẹn gặp một ông Ricardo nào đó vào giữa trưa.

Anne bị sốc trước vẻ dơ bẩn của những con phố và cảnh điêu hiu của những tòa nhà. Trước giờ, cô chưa từng đến phía nam của thành phố, nếu không có chuyện gì bất ổn, có thể suốt cuộc đời cô cũng không biết đến sự tồn tại của những nơi như vậy.

Một cầu thang gỗ nhỏ la liệt những que diêm, mẫu thuốc lá và rác rưởi khiến cô phải chạy vội qua để đến cánh cửa có ô kính mờ đề tên GLEN RICARDO bằng những chữ cái màu đen rất lớn, và ở dưới:

THÁM TỬ TU

(Đã đăng ký tại bang Massachusetts)

Anne nhẹ nhàng gõ cửa.

- Xin cứ vào, cửa mở đấy! - Một giọng sắc mùi whiskey vang lên.

Anne bước vào. Một người đàn ông ngồi sau bàn làm việc, hai chân gác lên mặt bàn, ngược lên nhìn. Điều gì gần như rơi ra khỏi miệng khi ông ta nhìn thấy Anne. Lần đầu tiên có một người đàn bà mặc áo khoác lông chồn bước chân vào văn phòng này.

- Chào bà! - Ông ta vừa chào vừa vội vàng đứng dậy - Tôi là Glen Ricardo.

Ông vươn qua mặt bàn và chìa bàn tay ám đầy nicotine về phía Anne. Cô bắt tay ông ta, mừng vì mình đeo găng tay. - Bà có hẹn trước chưa ạ? - Ricardo hỏi, không quan tâm người đàn bà hẹn trước hay không. Ông luôn sẵn lòng tư vấn khi thấy áo khoác lông chồn.

- Vâng, có.

- À, vậy chắc chắn bà là bà Osborne. Tôi có thể cầm áo khoác giúp bà chứ?

- Tôi thích mặc vậy hơn. - Anne vừa đáp vừa đưa mắt nhìn chiếc đinh trên tường.

- Đương nhiên, đương nhiên rồi.

Anne kín đáo nhìn Ricardo khi ông ta ngồi xuống và chăm chú điều gì gần mới. Cô không quan tâm bộ đồ màu xanh sáng, chiếc cà vạt nhiều màu hoặc mái tóc dày bóng nhẫy của ông ta. Cô tin rằng sẽ không có chỗ nào tốt hơn nên cô không bỏ đi.

- Giờ xin cho tôi biết vấn đề là gì? - Ricardo vừa nói vừa gọt mẩu bút chì bằng lưỡi dao cùn. Những vỏ bào vương vãi khắp nơi trừ mỗi cái sọt rác. - Bà vừa bị mất chú cún cưng, nữ trang hay ông chồng?

- Ông Ricardo, trước hết, tôi muốn ông đảm bảo hoàn toàn giữ bí mật. - Anne bắt đầu.

- Đương nhiên, đương nhiên rồi, điều đó khỏi phải nói. - Ricardo đáp, không ngẩng lên khỏi cây bút chì đang gọt.

- Tuy thế, tôi vẫn phải nói điều đó. - Anne nói.

- Đương nhiên, đương nhiên rồi.

Anne nghĩ nếu người này còn nói “đương nhiên” thêm một lần nữa, chắc cô sẽ hét lên. Cô hít một hơi thật sâu.

- Lâu nay tôi nhận được nhiều lá thư nặc danh khẳng định chồng tôi đã dấn dúi với một người bạn thân. Tôi muốn biết ai gửi những lá thư ấy và những lời ấy có chút xác thực nào không.

Cô cảm thấy nhẹ nhõm hơn rất nhiều khi lần đầu tiên nói ra được nỗi sợ của mình. Ricardo bình thản nhìn cô, như thể đây không phải lần đầu tiên ông ta được nghe những chuyện này. Ông luồn tay vào mái tóc đen dài.

- Được rồi. - Ông bắt đầu - Ông chồng thì dễ thôi. Ai gửi những lá thư đó thì khó hơn nhiều. Bà chắc hẳn vẫn giữ những lá thư ấy chứ?

- Chỉ một bức cuối cùng thôi. - Anne nói

Glen Ricardo thở dài và mệt mỏi đưa tay qua bàn. Anne miễn cưỡng lấy thư ra khỏi túi và ngần ngừ một lát.

- Tôi biết cảm giác của bà, bà Osborne, nhưng tôi không thể làm việc khi một tay bị trói ra sau lưng.

- Đương nhiên rồi, ông Ricardo. Tôi xin lỗi!

Anne không thể tin rằng chính cô đã nói “đương nhiên”.

Ricardo đọc lá thư hai hoặc ba lần trước khi hỏi.

- Có phải tất cả thư đều được đánh máy trên cùng một loại giấy và được gửi bằng loại phong bì này?

- Vâng, tôi nghĩ thế. - Anne nói - Tôi nhớ là thế.

- Chà, khi nào có bức thư tiếp theo, hãy nhớ kĩ...

- Sao ông chắc chắn sẽ còn thêm thư nữa? - Anne cắt ngang.

- Sẽ có, tin tôi đi. Vậy nên hãy nhớ giữ nó lại. Bây giờ, tôi sẽ cần vài chi tiết về chồng bà. Bà có ảnh ông ấy không?

- Có. - Cô lại do dự.

- Tôi không muốn phí thời gian đuổi theo nhằm người, đúng không bà Osborne? - Ricardo nói.

Anne mở túi lần nữa và đưa cho ông ta một bức ảnh đã cũ của Henry trong bộ đồng phục Trung úy.

- Ông ấy điển trai đấy. - Vị thám tử nhận xét - Ảnh này chụp khi nào vậy?

- Tám năm năm trước, tôi nghĩ vậy. - Anne trả lời - Tôi chưa quen anh ấy khi anh ấy còn trong quân ngũ.

Ricardo hỏi Anne về nếp sống thường ngày của Henry thêm vài phút nữa. Cô kinh ngạc nhận thấy mình biết rất ít về thói quen của chồng, biết về quá khứ còn ít hơn.

- Không có nhiều dữ liệu để tiếp tục, thưa bà Osborne, nhưng tôi sẽ cố hết sức. Tiền thù lao tôi lấy là 10 đô một ngày cộng với chi phí. Tôi sẽ có báo cáo viết tay gửi bà mỗi

tuần một lần. Xin bà trả trước hai tuần. - Bàn tay ông ta vươn qua mặt bàn lần nữa, háo hức hơn lần trước.

Anne mở túi xách, lấy ra hai tờ 100 đô mới tinh và đưa qua cho ông ta. Ông ta nhìn chúng rất kĩ. Benjamin Franklin¹ nhìn chăm chăm vào Ricardo, rõ ràng đã lâu rồi Ricardo không được nhìn thấy người đàn ông vĩ đại này. Ricardo trả lại 60 đô cho Anne bằng một tệp 5 đô dơ dáy.

- Tôi thấy ông làm việc cả Chủ nhật, ông Ricardo. - Anne nói, hài lòng với phép tính nhẩm của mình.

- Đương nhiên! - Ông ta nói - Nói chung, đó là ngày phổ biến nhất của việc ngoại tình. Giờ này tuần sau bà sẽ đến được chứ, bà Osborne? - Ông ta nói thêm khi bỏ tiền vào túi.

- Đương nhiên! - Anne nói và nhanh chóng ra về để tránh phải bắt tay ông ta lần thứ hai.

¹ Benjamin Franklin (1706-1790) là một chính trị gia, nhà khoa học, tác giả, triết gia, nhà phát minh, nhà hoạt động xã hội, nhà ngoại giao hàng đầu nước Mỹ. Chân dung của ông được in trên đồng 100 đô la Mỹ.

Wladek tìm được chỗ ngồi trong toa dành cho công nhân.

Ngay khi con tàu lăn bánh, cậu đã mở ngay gói giấy người đàn bà dúi vào tay cậu. Cậu bắt đầu lục hết những thứ bên trong: táo, bánh mì, lạc, một chiếc sơ mi, một chiếc quần dài và một đôi giày. Vào nhà vệ sinh gần nhất, cậu thay quần áo mới, chỉ giữ lại chiếc áo khoác 50 rúp ấm áp. Sau khi trở lại chỗ ngồi, cậu cắn trái táo và mỉm cười. Cậu sẽ tiết kiệm phần thức ăn còn lại cho chuyến đi dài tới Odessa. Cậu ăn hết trái táo, kể cả hạt, rồi tập trung vào tấm bản đồ của vị bác sĩ.

Odessa không cách xa Moscow như Irkutsk, bác sĩ minh họa bằng chiều dài ngón tay cái, tầm 700 dặm trên thực tế. Trong lúc Wladek đang nghiên cứu tấm bản đồ thô sơ, cậu lại bị phân tâm bởi một đám chơi sập - ngựa khác tụ tập ngay trong toa. Cậu gấp tấm giấy da lại, bỏ cẩn thận vào túi

áo và bắt đầu chú ý hơn đến trò cờ bạc kia. Một cảnh tượng quen thuộc đang diễn ra, chỉ một người chơi liên tục thắng, trong khi những người khác thua. Rõ ràng một nhóm cờ bạc có tổ chức đang lộng hành trên những chuyến tàu. Wladek quyết định tận dụng khám phá mới này.

Cậu men lại gần và chen vào chiếm một chỗ trong đám cờ bạc. Lần nào tên cờ bạc thua hai lần liên tiếp, Wladek lại ủng hộ anh ta một rúp, làm tăng gấp đôi số tiền đánh cược của anh ta cho đến khi anh ta thắng. Tên cờ bạc thậm chí không hề nhìn qua phía cậu. Đến khi tàu tới ga tiếp theo, Wladek đã thắng mười bốn rúp. Cậu mua cho mình một trái táo khác và một chén súp nóng mất hai rúp trong số đó. Cậu đã có được số tiền đủ dùng cho toàn bộ hành trình đến Odessa, và trong khi leo trở lại xe lửa, cậu mỉm cười với ý nghĩ tiếp tục tham gia trò cờ bạc.

Khi chân cậu vừa bước vào đến toa, một quả đấm giáng trúng một bên đầu và cậu bị đánh bay vào hành lang. Tay cậu bị bẻ quặt sau lưng rất đau đớn và mặt bị ép mạnh vào cửa sổ toa, mũi chảy máu và cậu cảm nhận được một mũi dao chạm vào da tai.

- Nghe rõ không, thằng ranh?

- Vâng! - Wladek sợ chết khiếp.

- Nếu mày quay lại toa của tao một lần nữa, tao sẽ cắt tai mày. Rồi mày sẽ không thể nghe thấy tao nói, đúng không?

- Vâng, thưa ông. - Wladek đáp.

Wladek cảm thấy lưỡi dao khía rách da phía sau tai mình và máu nhỏ từng giọt xuống cổ.

- Đây là lời cảnh cáo cho mày, ranh con.

Một đầu gối bất ngờ thúc vào bụng cậu mạnh đến nỗi Wladek đổ sập xuống sàn. Một bàn tay lục lọi trong túi áo khoác và lấy đi số tiền cậu vừa kiếm được.

- Tiền của tao. - Giọng nói vang lên.

Máu vẫn rỉ ra từ mũi và phía sau tai Wladek. Khi cậu lấy hết can đảm để ngẩng lên, cậu chỉ còn lại một mình, không thấy bóng dáng tên cò bạc đâu, và những hành khách khác chỉ đứng từ xa. Cậu cố đứng dậy, nhưng cơ thể cậu không tuân theo sự điều khiển trí óc nữa, nên cậu vẫn ê ẩm nằm trên hành lang trong nhiều phút. Cuối cùng, khi có thể đứng lên, cậu chậm chạp bước từng bước về phía cuối con tàu, tránh toa của bọn cò bạc xa nhất có thể, dáng vẻ tập tễnh càng lộ rõ đến kì cục. Cậu ngồi xuống ghế ở một toa gần như toàn phụ nữ và trẻ em, rồi chìm sâu vào giấc ngủ.

Ở điểm dừng tiếp theo, Wladek không rời tàu nữa, và khi tàu lăn bánh cậu lại ngủ. Ăn, ngủ, và nằm mơ. Cuối cùng, sau bốn ngày và năm đêm, đoàn tàu vào ga cuối cùng ở Odessa. Vẫn bị kiểm tra ở rào soát vé, nhưng giấy tờ của cậu đều hợp lệ nên lính gác không để ý đến cậu. Wladek giờ chỉ còn một mình. Cậu vẫn có 150 rúp trong tay áo, và cậu quyết định không để lãng phí một đồng nào.

Cậu đi lang thang cả ngày trong thành phố, cố làm quen với quang cảnh nơi này, nhưng cậu vẫn bị hoa mắt bởi những cảnh lạ mắt: những tòa cao ốc, các cửa hiệu có cửa sổ bằng kính, trên đường phố có những người bán hàng rong bán các loại nữ trang đầy màu sắc, đèn bằng ga, có cả

một con khỉ trên cây gậy của người bán rong. Cậu cứ đi cho đến khi tới bến cảng. Đúng rồi, ở đó có biển. Wladek khao khát nhìn khoảng xanh mênh mông ấy: nơi đó có tự do và được giải thoát khỏi nước Nga. Nam tước đã kể với cậu về những con tàu khổng lồ vượt biển lớn đem theo hàng hóa ra nước ngoài, nhưng đây là lần đầu tiên cậu nhìn thấy chúng. Những con tàu ấy lớn hơn nhiều so với hình dung của cậu, và tất cả xếp thành hàng xa dần theo tầm mắt.

Khi mặt trời biến mất dần phía sau những tòa cao ốc, cậu quyết định tìm chỗ ngủ lại đêm nay. Thành phố chắc đã bị nhiều kẻ giày xéo, vì khắp nơi đều có những ngôi nhà xơ xác. Cậu rẽ sang một lối và đi tiếp, trông cậu hẳn rất kì lạ bởi chiếc áo khoác lông cừu gần như chạm đất và gói giấy màu nâu kẹp dưới nách. Không có nơi nào an toàn cho đến khi cậu đến gần đường ray, ở đó có một toa xe lửa đã bị cháy nằm trơ trọi. Cậu cẩn thận nhòm vào trong: tối đen và im lìm, không thấy có người. Cậu ném gói giấy vào trong, vươn thân hình mệt mỏi trèo lên những tấm ván, bò vào một góc và nhanh chóng ngủ thiếp đi.

Cậu mở choàng mắt thì thấy một thân hình đè trên người cậu, và hai bàn tay bóp chặt cổ họng cậu. Cậu gần như không thở nổi.

- Mày là thằng nào? - Một giọng con trai gầm gừ trong bóng tối, nghe có vẻ nó không lớn hơn cậu.

- Wladek Koskiewicz.

- Mày ở đâu đến đây?

- Moscow.

- Được lắm, mày không được ngủ trong toa tàu của tao, thằng Moscow kia. - Giọng nói lại vang lên.

- Tôi xin lỗi. - Wladek thều thào - Tôi không biết mà.

- Có tiền không? - Những ngón tay cái ấn mạnh vào cổ Wladek.

- Ít thôi.

- Bao nhiêu?

- 7 rúp.

- Đưa đây.

Wladek lục lọi trong túi áo khoác trống không của cậu. Thằng bé kia cũng thọc tay vào, cổ họng Wladek được nói lỏng. Wladek lập tức thúc gối vào hạ bộ nó. Nó đau quá ngã ngửa ra sau, ôm chặt lấy háng. Wladek nhảy lên người nó, nện túi bụi. Thằng bé người Odessa không đủ sức đánh lại Wladek - ngủ trong toa xe lửa bỏ không là sang trọng hạng nhất so với cuộc sống trong những hầm tù và trại khổ sai. Wladek chỉ dừng tay khi địch thủ đã nằm bẹp xuống sàn.

- Biến về góc toa đằng kia và ở yên đấy. - Wladek nói - Còn dám ngo nguẩy nữa thì tao giết.

Thằng bé kia bò đi. Wladek ngồi lặng yên và lắng nghe một chốc, không có động tĩnh gì, rồi cậu nằm xuống và chẳng mấy chốc đã ngủ ngon lành.

Khi cậu tỉnh dậy, ánh nắng đang rọi qua những lỗ hổng trên nóc. Cậu quay lại và nhìn sang kẻ địch tối hôm trước. Nó đang nằm co quắp, chằm chằm nhìn cậu từ phía bên kia toa xe.

- Qua đây! - Wladek ra lệnh.

Thằng bé không nhúc nhích.

- Qua đây! - Wladek nhắc lại, gay gắt hơn.

Thằng bé đứng dậy. Đó là lần đầu tiên Wladek nhìn rõ nó. Hai đứa tầm tuổi nhau, nhưng thằng bé kia chắc chắn cao hơn, khuôn mặt tươi tắn và mái tóc bù xù bần thủ.

- Việc đầu tiên, - Wladek nói - là bọn mình tìm thức ăn ở đâu?

- Đi theo tao! - Thằng bé nói, nhảy ra khỏi toa và không nói thêm câu nào. Wladek tập tễnh đi theo nó lên ngọn đồi dẫn vào quảng trường thành phố, chợ sáng đang bắt đầu họp. Cậu chưa từng trông thấy nhiều đồ ăn như vậy từ khi dự những bữa tiệc tuyệt vời trong lâu đài Nam tước: hàng tiếp hàng những quầy hoa quả, rau xanh và các loại hạt cậu thích. Thằng bé kia cũng nhận thấy Wladek choáng ngợp trước cảnh tượng này.

- Giờ tao sẽ dạy mày trò này, - nó bảo - tao sẽ đến quầy hàng góc kia và ăn cắp một quả cam rồi bỏ chạy. Mày kêu to hết sức: “Thằng trộm, đứng lại!” Chủ quầy sẽ đuổi theo tao và khi đó mày chỉ việc đến và nhét đầy túi mình. Đừng tham nhé, lấy đủ cho một bữa thôi. Tao sẽ gặp lại mày ở chỗ này. Hiểu chứ?

- Được, tao nghĩ vậy. - Wladek nói, cố tỏ vẻ tự tin.

- Được rồi, để xem dân Moscow có làm nổi không nhé.

Thằng bé nhìn cậu và nhếch mép cười trước khi vênh váo tiến về phía quầy hàng góc chợ, lấy một quả cam trên đỉnh đồng cam, cố tình để người chủ quầy để ý trước khi chậm chậm chạy đi. Nó ngoái nhìn Wladek, lúc này cậu đã

quên hẳn việc phải kêu “Thằng trộm, đứng lại!”, nhưng dù sao người chủ quầy cũng đã đuổi theo nó. Trong lúc mọi con mắt đều đổ dồn vào tên đồng bọn, Wladek nhanh chóng hành động. Khi người chủ quầy có vẻ sắp bắt được thằng bé, nó ném quả cam lại cho ông ta. Người đàn ông dừng lại nhặt, chửi thề, giờ nắm đấm dọa rồi quay về quầy phàn nàn với với những bạn buôn quanh đó.

Wladek đang khoái chí thì một bàn tay chộp mạnh lên vai cậu. Cậu quay lại, giật mình vì bị tóm.

- Có lấy được gì không, thằng Moscow kia, hay mày chỉ đứng đây ngắm?

Wladek phá lên cười vui vẻ và đưa ra ba quả cam, một quả táo và một củ khoai tây từ những túi áo khoác rất sâu. Thằng bé kia cười.

- Tên mày là gì? - Wladek hỏi.

- Stefan.

- Chúng ta làm lại đi, Stefan.

- Đợi đã, Moscow, đừng tỏ ra quá thông minh. Nếu diễn lại, bọn mình phải đến góc chợ đằng kia và đợi ít nhất một tiếng. Mày đang làm ăn với một tên trộm chuyên nghiệp, nhưng đừng tưởng thỉnh thoảng không bị tóm.

Hai cậu bé lững thững đi về đầu chợ bên kia. Trong khi đi tập tễnh phía sau, Wladek nghĩ sẵn lòng đổi ba quả cam, quả táo, củ khoai tây và thậm chí cả 150 rúp của cậu để lấy dáng đi nghênh ngang của Stefan. Chúng trà trộn vào những người đi chợ buổi sáng, khi Stefan quyết định đã đến lúc hành động, cả hai lập lại trò đó. Sau đó chúng trở lại toa

xe lửa để tận hưởng chiến lợi phẩm: sáu quả cam, năm quả táo, ba củ khoai tây, một quả lê, nhiều loại hạt khác nhau, và một phần thưởng đặc biệt là một quả dưa hấu. Stefan chưa bao giờ có túi đủ lớn để chôn một quả dưa hấu.

- Không tệ nhĩ! - Wladek nhận xét khi cắn ngập răng vào củ khoai tây.

- Mày ăn cả vỏ à? - Người bạn đường mới thắc mắc.

- Tao đã ở những nơi mà có vỏ khoai tây ăn là phúc tổ đấy. - Wladek đáp.

Stefan nhìn cậu với vẻ ngưỡng mộ.

- Vấn đề tiếp theo là chúng ta làm sao để có tiền đây? - Wladek hỏi.

- Mày muốn có tất cả ngay ngày đầu tiên à? - Stefan nói - Cách tốt nhất là ra chỗ đám tù khổ sai ngoài cảng. Chính thế đấy, nếu mày đủ khả năng làm vài việc cho ra hồn, Moscow ạ!

- Chỉ cho tao đi. - Wladek nói.

Khi đã ăn hết nửa số hoa quả và giấu nửa còn lại dưới đồng rơm trong góc toa, Stefan dẫn Wladek trở lại bến cảng.

- Trông thấy con tàu đằng kia chứ, con tàu màu xanh lá ấy? - Stefan nói - Nó chỉ đậu ở đó, nên những gì ta sẽ làm là lấy một cái giỏ, đổ đầy thóc vào, treo lên cầu ván và đổ cả đồng thóc xuống khoang. Bốn chuyến như vậy là mày có được một rúp. Nhớ đếm nhé, Moscow, vì tên khốn phụ trách nhóm sẽ bịp ngay khi thấy mày và ăn bớt tiền đấy.

Hai đứa mất cả buổi chiều gù lưng vác thóc lên cầu ván và đổ vào khoang tàu. Chúng kiếm được hai mươi sáu rúp. Sau bữa tối bằng mấy loại hạt, bánh mì và một củ

hành tây chúng vốn không định lấy trộm, cả hai vui vẻ ngủ cùng nhau ở cuối toa tàu.

Sáng hôm sau, khi Stefan tỉnh dậy, cậu thấy Wladek đang xem một tấm bản đồ.

- Cái gì đấy?

- Đó là tấm bản đồ chỉ đường cho tao thoát khỏi đất Nga.

- Sao mày lại muốn rời khỏi Nga, trong khi mày có thể ở đây và nhập bọn với tao? - Stefan nói - Chúng ta có thể là bạn đồng hành.

- Không, tao phải đến Thổ Nhĩ Kỳ, đến đấy tao sẽ là một người tự do. Sao mày không đi cùng tao, Stefan?

- Tao chưa bao giờ rời khỏi Odessa. Đây là nhà tao, và ở đây có những người bấy lâu nay tao đã biết rõ. Ở đây không tốt lắm, nhưng biết đâu sang Thổ Nhĩ Kỳ còn nhọc nhã hơn. Nhưng nếu mày đã muốn vậy, tao có thể giúp mày.

- Làm thế nào để tìm được xe lửa đi Thổ Nhĩ Kỳ? - Wladek hỏi.

- Dễ! Tao có cách để biết mọi con tàu đang đi đâu. Chúng ta sẽ hỏi Joe “Một Răng”, ông ấy sống ở cuối bến tàu. Nhưng mày sẽ phải cho ông ấy một rúp đấy.

- Tao cá là lão ăn chia tiền với mày.

- Lợi nhuận chia đôi. - Stefan nói - Mày học cũng nhanh đấy, Moscow ạ. - Nó nói thêm khi nhảy ra khỏi toa tàu.

Wladek đi theo bạn, lại một lần nữa ý thức về chuyện những cậu trai khác đi lại dễ dàng thế nào trong khi cậu phải tập tễnh. Khi cả hai đến cuối bến tàu, Stefan dẫn cậu vào một căn buồng nhỏ đầy sách ám bụi và những tờ thời

gian biểu đã cũ. Wladek không thể trông thấy ai, nhưng sau đó cậu nghe thấy giọng nói phía sau một giá sách lớn:

- Muốn gì đấy nhóc? Tao không có thời gian để phung phí với mày đâu.

- Vài thông tin cho bạn của cháu, ông Joe. Chuyển tàu hạng sang tiếp theo đến Thổ Nhĩ Kỳ lúc nào khởi hành?

- Tiền trước đã! - Ông già vừa nói vừa thò đầu ra từ sau những cuốn sách, một khuôn mặt nhăn nheo, phong trần dưới chiếc mũ thủy thủ. Cặp mắt đen láy dò xét Wladek.

- Ông “Một Răng” đã từng là một con chó biển tuyệt vời¹. - Stefan thì thầm đủ lớn để Joe nghe được.

- Đừng có xác xược, ranh con. Tiền tao đâu?

- Bạn cháu cầm ví của cháu rồi. - Stefan nói - Cho ông ấy xem tiền đi, Wladek.

Wladek đưa một đồng xu ra. Joe cắn đồng xu bằng chiếc răng duy nhất, bỏ nó lên tủ sách và mở cuốn sổ lớn màu xanh ra. Bụi bay tứ tung. Ông ta bắt đầu ho từ lúc lật từng trang giấy đầy bụi, ngón tay chai sạn, to và ngắn lướt xuống những cột dài đầy rẫy tên riêng.

- Vào thứ Năm, tàu *Renaska* sẽ đến lấy than, có thể trở lại Constantinople vào thứ Bảy. Nếu nó đi nhanh, nó có thể đến nơi vào đêm thứ Sáu và tiết kiệm được thuế neo đậu phát sinh. Nó sẽ đậu ở Bến 17 đấy.

- Cảm ơn ông “Một Răng”. - Stefan nói - Cháu sẽ xem sắp tới mình có thể dẫn thêm vài ông bạn giàu đến đây được không.

¹ Nguyên văn là *a great sea dog* - một con chó biển (hải cẩu) tuyệt vời. Từ *sea dog* vừa là con hải cẩu, vừa để chỉ người thủy thủ lão luyện.

Joe “Một Răng” giờ nắm đấm lên, chửi thề, trong khi Stefan và Wladek chạy trở lại bến tàu.



Trong ba ngày tiếp theo, hai cậu bé lấy chỉ trộm thức ăn, đi vác thóc và ngủ. Khi con tàu Thổ Nhĩ Kỳ cập cảng ngày thứ Năm, Stefan gần như đã thuyết phục được Wladek tin rằng mình nên ở lại với bạn tại Odessa. Nhưng nỗi sợ của Wladek về những người Nga đang sẵn lòng để đầy cậu trở lại trại tù lẫn át hết những hấp dẫn về cuộc sống mới với Stefan.

Hai cậu đứng trên rìa bến cảng, ngắm nhìn tàu *Renaska* đậu ở Bến 17.

- Làm thế nào tao lên tàu được? - Wladek hỏi.

- Đơn giản. - Stefan nói - Sáng mai chúng ta gia nhập đội khuân vác. Tao sẽ ở ngay sau mày, và khi khoang chứa than gần đầy, mày nhảy vào trong trốn, rồi tao sẽ nhặt giỏ than của mày và đi xuống phía bên kia.

- Và nhận phần tiền của tao hả, chắc chắn luôn! - Wladek nhả răng cười.

- Đương nhiên. - Stefan đáp - Chắc chắn phải có tiền thưởng cho trí tuệ siêu việt của tao chứ. Nếu không làm sao tao có hy vọng giữ vững niềm tin vào chuyện làm ăn tự do nữa?

Hai đứa gia nhập đội khuân vác vào lúc 6 giờ sáng hôm sau, đưa than lên cầu ván và đổ xuống khoang cho đến khi cả hai đều muốn gục xuống mà khoang vẫn chưa đầy. Đến đêm, khoang chỉ mới đầy một nửa, dù Wladek bị ám đen

hơn cả hồi bị tù đầy. Hai đứa đêm đó ngủ ngon lành. Sáng hôm sau chúng lại bắt đầu làm việc, và đến giữa trưa, khi cả khoang gần như đầy ắp, Stefan đá vào mắt cá chân Wladek.

- Hẹn sau này nhé, anh bạn Moscow! - Stefan nói quả quyết.

Khi cả hai đi qua cầu ván, Wladek đổ than xuống, buông chiếc giỏ xuống sàn tàu và nhảy qua một phía của khoang.

- Tạm biệt anh bạn! - Stefan nói - Và chúc may mắn bên đám người Thổ vô thần. - Nó chụp lấy chiếc giỏ của Wladek và quay trở lại cầu ván, vừa đi vừa huýt sáo.

Wladek chui vào một góc của khoang trong khi than tiếp tục được đổ vào. Bụi than khắp nơi: trong mũi và miệng, trong phổi và mắt cậu. Cậu khổ sở cố nhịn ho vì sợ có ai trong đoàn thủy thủ sẽ nghe tiếng. Ngay khi cậu nghĩ không thể chịu đựng được thứ không khí toàn bụi than trong khoang này nữa và quyết định trở lại với Stefan để tìm cách khác trốn đi thì cửa khoang trên đầu cậu sập xuống. Cậu ho như điên loạn.

Một lúc sau, cậu cảm thấy có gì đó cắn vào mắt cá chân. Cậu lạnh toát người khi nhận ra những gì sắp đến: cậu sẽ phải đối phó với rất nhiều chuột bọ trong khoang. Cậu ném một mẩu than vào con quái vật và đuổi nó đi, nhưng con khác lại đến, rồi thêm những con khác. Những con gan lì hơn mon men đến gần chân cậu. Đường như chúng từ hư không hiện ra, đen trũi, to lớn và háu đói đến liều lĩnh. Cậu cúi xuống nhìn kĩ. Cậu trèo lên đỉnh đồng than và đẩy nắp khoang mở ra. Ánh nắng tràn vào, đám chuột lập tức biến

mất vào những hang hốc dưới đồng than. Cậu định trèo ra ngoài nhưng con tàu đã rời cảng. Cậu ngã ngược lại vào khoang, sợ hãi tới cùng. Nếu bị phát hiện, thuyền trưởng sẽ quay lại Odessa và giao nộp cậu, đó sẽ là chuyến đi trở lại Trại 201 cùng bọn Bạch Nga mà không có đường về. Cậu đành chấp nhận ở lại cùng đám chuột đen thui. Ngay khi cậu đóng nắp khoang lại, những cặp mắt đỏ ngầu lại hiện ra. Cậu vội vàng ném những cục than vào đám sinh vật gớm ghiếc kia, những con khác lại xuất hiện. Vài phút cậu lại hé nắp khoang ra để ánh sáng rọi vào, vì dường như ánh sáng là đồng minh duy nhất của cậu.

Trong hai ngày và ba đêm, Wladek vật lộn chiến đấu với lũ chuột, không có một phút được ngủ. Cuối cùng, khi con tàu đến Constantinople và một thủy thủ phụ trách dây neo tàu mở khoang ra, Wladek từ đầu đến gối đen sì bụi than và từ gối đến ngón chân đỏ lừ máu. Người thủy thủ lôi cậu ra. Wladek cố đứng lên, nhưng cậu đổ sập xuống thành một đồng trên sàn tàu.

Sau khi William đọc xong báo cáo tài sản hàng quý của Ngân hàng Kane và Cabot cho biết Henry Osborne... - “Henry Osborn” - cậu đọc to cái tên đó lần nữa để chắc chắn mình không nhầm - yêu cầu vay 500 nghìn đô để đầu tư vào công ty của ông ta, cậu đã có một ngày dài tệ hại. Lần đầu tiên trong bốn năm ở trường St. Paul, cậu đứng thứ nhì trong bài kiểm tra toán. Matthew Lester, người đã vượt qua cậu, hỏi xem cậu có ốm đau gì không. Cậu không đáp.

Tối hôm đó, William gọi điện đến nhà ông Alan Lloyd. Ông Chủ tịch của Ngân hàng Kane và Cabot không bất ngờ khi nghe cậu nói, trước đấy Anne đã bộc bạch về mối quan hệ không êm ấm của cậu với Henry.

- William thân mến! Cậu khỏe chứ, mọi việc ở trường St. Paul sao rồi?

- Cuối kì này tất cả đều tốt, cảm ơn ngài, nhưng đó không phải lý do tôi gọi điện.

- Không, tôi cũng không nghĩ đó là lý do. - Lloyd không đáp - Tôi có thể giúp gì cậu đây?

- Tôi muốn gặp ngài lúc trưa mai.

- Vào Chủ nhật sao, cậu William?

- Vâng, đó là ngày duy nhất tôi có thể thoát khỏi trường học và tôi cần gặp ngài càng sớm càng tốt. - Cậu nói của cậu nghe như cậu đang nhượng bộ trước khi nói thêm - Và dù thế nào thì nào mẹ tôi cũng không được biết về cuộc gặp gỡ này.

- Được rồi, cậu William! - Lloyd đáp.

Giọng William bỗng cứng rắn hơn.

- Ông Lloyd, tôi không cần phải nhắc ông rằng việc đầu tư tiền tín thác của tôi vào công ty của cha dưỡng tôi hiển nhiên là trái với đạo lý cho dù nó không hẳn là bất hợp pháp.

Lloyd im lặng một lát, tự hỏi mình có nên xoa dịu cậu bé không. Cậu bé! Nó đã bao giờ là một cậu bé chưa?

- Được rồi, William. Sao cậu không đến ăn trưa với tôi ở câu lạc bộ Thợ Săn lúc 1 giờ nhỉ?

- Tôi mong được gặp ngài, thưa ngài! - Điện thoại tắt.

“Ít nhất cuộc chạm trán này là ở trên lãnh thổ của mình”, Alan Lloyd thầm nghĩ khi gác máy, thầm rửa ông Bell¹ đã phát minh ra cái máy chết tiệt này.



Lloyd chọn câu lạc bộ Thợ Săn vì ông không muốn cuộc gặp mang vẻ quá riêng tư. Điều đầu tiên William hỏi khi

¹ Alexander Bell (1847-1922), nhà phát minh người Scotland, đã phát minh ra máy điện thoại.

ông đến là hai người có thể chơi một ván golf sau bữa trưa không.

- Sẵn lòng thôi, cậu bé! - Alan đáp và đặt trước một chỗ chơi golf vào lúc 3 giờ.

Ông rất ngạc nhiên khi William không nói về đề xuất của Henry Osborne trong suốt bữa ăn. Thay vào đó, cậu nói chuyện với vẻ am tường về những quan điểm của Tổng thống Harding liên quan đến cải cách thuế quan và sự yếu kém của Charles G. Dawes với tư cách Giám đốc Ngân khố. Alan bắt đầu tò mò, có phải William đã thay đổi suy nghĩ về đề xuất của Henry chẳng. Chà, nếu đó là cách cậu bé muốn chơi, Alan nghĩ, thì ta cũng chấp nhận thôi. Ông mong đợi một buổi chiều chơi golf yên tĩnh. Sau bữa trưa ngon miệng và uống gần hết chai rượu vang, - William chỉ cho phép mình uống một cốc - họ thay đồ trong trụ sở câu lạc bộ và đi bộ ra sân golf.

- Ngài vẫn có điểm chấp¹ là 9 chứ? - William hỏi.

- Có thể nói là thế, cậu bé. Sao vậy?

- Ngài có đồng ý 10 đô một lỗ không?

Alan Lloyd do dự, nhớ rằng golf là môn thể thao William yêu thích.

- Được thôi.

Không ai nói gì khi chơi ở lỗ đầu tiên, Alan bị William dẫn trước một điểm. Alan dễ dàng thắng ở lỗ thứ hai và thứ ba,

¹ Handicap (điểm chấp/chênh) là một lượng điểm mà người chơi được nhận để điều chỉnh khả năng ghi điểm của mình tới mức thông thường của điểm tiêu chuẩn (là điểm chênh 0). Hệ thống điểm chênh cho phép các cầu thủ chơi khá tốt trên mọi sân golf.

ông bắt đầu thư giãn, hài lòng với phần chơi của mình. Đến trận thứ tư, họ đã ở cách câu lạc bộ đến nửa dặm. William đợi đến khi Alan sắp đưa gậy lên.

- Tôi muốn nói rõ, - William mở lời - tôi sẽ không bao giờ đồng ý để ngài đem 500 nghìn đô trong tài sản tín thác của tôi cho bất cứ công ty hay cá nhân nào liên quan đến Henry Osborne vay mượn.

Lloyd đánh một cú rất tệ nên bóng nằm lại ở đường biên bên trái. Tác dụng duy nhất của cú đánh là giúp ông tránh xa khỏi William, lúc này cậu thận trọng đánh bóng xuống giữa sân, ông có được vài phút suy nghĩ xem làm sao để đáp lại cả quan điểm của William lẫn trái bóng. Lloyd đã đánh thêm ba gậy nữa cho đến khi hai người gặp nhau ở bãi cỏ. Ông chịu thua ở lỗ này.

- Cậu William, cậu biết đấy, với tư cách một người được ủy thác, tôi chỉ có một phần ba quyền biểu quyết, và cậu cũng sẽ ý thức được mình không có quyền đối với quyết định tín thác cho đến sinh nhật tròn hai mốt tuổi. Cậu cũng phải biết rằng chúng ta không nên bàn về chủ đề này nữa.

- Tôi hoàn toàn hiểu rõ những ý nghĩa pháp lý, thưa ngài, nhưng cả hai người được ủy thác kia đều đang ngủ với cha dượng tôi...

Cú đánh tiếp theo của Lloyd làm bóng rơi xuống hồ.

- Đừng nói với tôi ngài là người duy nhất ở Boston không biết Millie Preston đang dạn dịu với cha dượng tôi?

Lloyd thua lỗ golf này.

William tiếp tục:

- Tôi muốn chắc chắn mình được ngài ủng hộ, và ngài sẽ làm tất cả trong khả năng để tác động sao cho mẹ tôi phản đối khoản vay này, dù cho có phải nói ra sự thật về cha dượng tôi và bà Preston.

Phát bóng của William trong ván thứ sáu bay thẳng xuống chính giữa đường lăn bóng. Phát bóng của Alan thậm chí còn kém hơn phát bóng trước, rơi xuống bãi cát của hố kế bên. Ông đánh cú tiếp theo vào một bụi cây mà lúc trước ông thậm chí chưa hề nhận ra sự tồn tại của nó, và lần thứ hai trong bốn mươi ba năm qua ông văng ra câu: “Chết tiệt!” (*Ông giấu kín lần văng tục trước đó*).

- Đòi hỏi như vậy là hơi nhiều đấy. - Alan nói khi cùng William ở vùng có cột cờ và lỗ golf.

- Không là gì so với những việc tôi sẽ làm nếu tôi không thể trông cậy vào sự tương trợ của ngài, thưa ngài!

- Tôi không nghĩ cha cậu sẽ tán thành những lời đe dọa, cậu William! - Alan nói khi quan sát William đánh nhẹ quả bóng vào lỗ từ cự ly mười bốn bước chân.

- Điều duy nhất cha tôi không tán thành là Henry Osborne. - William phản bác. Lloyd đánh trượt khi cách lỗ hai bước chân.

- Dù sao, ngài Lloyd, ngài phải biết rõ cha tôi đã thêm vào một điều khoản trong văn bản ủy thác cho biết số tiền đầu tư của những người được ủy thác phải luôn là vấn đề cá nhân, và người hưởng lợi không được biết rằng tiền ấy có liên quan trực tiếp đến gia đình Kane. Đó là điều luật ông ấy không bao giờ phá vỡ trong suốt cuộc đời làm ông chủ ngân

hàng của mình. Theo đó, ông ấy có thể luôn đảm bảo không có xung đột lợi ích giữa những khoản đầu tư của ngân hàng và những khoản đầu tư trong tín thác gia đình.

- Có thể mẹ cậu cảm thấy cần phá vỡ điều luật đó cho một thành viên trong gia đình.

- Henry Osborne không phải người trong gia đình *tôi*, và giống như cha tôi, khi tôi được kiểm soát tài sản, tôi cũng sẽ không bao giờ phá bỏ điều luật đó.

- Cậu có thể sẽ phải hối tiếc vì đã đưa ra một lập trường cứng nhắc như vậy, William ạ! Có thể cậu cần dành chút thời gian xem xét những hậu quả của việc mẹ cậu biết được mối quan hệ giữa bà Preston và cha dượng của cậu.

- Mẹ tôi đã mất 500 nghìn đô trong tài sản sản của bà ấy rồi, thưa ngài! Như vậy chưa đủ cho một ông chồng sao? Tại sao tôi cũng phải mất thêm 500 nghìn đô trong tài sản của tôi?

- Chúng ta chưa biết thế nào mà, cậu William. Đầu tư có thể đem lại số lãi rất lớn, tôi chưa có dịp xem kỹ sổ sách của ông Henry.

William co rúm lại khi Lloyd gọi cha dượng cậu là ông Henry.

- Tôi có thể đảm bảo với ngài, ông ta gần như đã thối bay từng xu của mẹ tôi. Chính xác là ông ta còn lại 33.412 đô trong tài khoản. Tôi đề nghị ngài ít xem sổ sách của Osborne thôi và kiểm tra kỹ hơn toàn bộ lý lịch của ông ta, hồ sơ kinh doanh trong quá khứ và những người cộng sự. Chưa nói tới chuyện ông ta đánh bạc, nghiện nặng bài bạc.

Trong ván thứ tám, trên đường quay về, Alan lại đánh bóng xuống hồ nước khi nãy. Ông lại thua một ván nữa.

- Làm thế nào cậu có được những thông tin này? - Alan hỏi, ngờ rằng thông tin này là từ văn phòng của Thomas Cohen.

- Tôi xin phép không nói ra, thưa ngài!

Alan giấu kín dự định riêng của mình, ông có thể cần phải giữ ưu thế đặc biệt này để sau này ứng phó với William.

- Nếu những lời cậu nói đều chính xác, cậu William, hiển nhiên tôi sẽ phải can gián mẹ cậu về bất kì khoản đầu tư nào vào công ty của Henry, và tôi sẽ có trách nhiệm bàn bạc thẳng thắn với Henry.

- Xin ngài cứ làm vậy.

Alan đánh một cú đẹp hơn, nhưng ông biết đã quá muộn để giành lại chiến thắng.

William nói tiếp:

- Cũng có thể ngài quan tâm, Osborne cần 500 nghìn đô trong tài sản của tôi không phải cho hợp đồng bệnh viện, mà để xóa món nợ dài hạn ở Chicago. Tôi đoán ngài không biết chuyện này, đúng không ạ?

Alan không nói gì, ông chắc chắn không biết. William lại thắng một lỗ golf nữa.

Cho đến khi họ chơi sang ván thứ mười tám, Alan kém hơn tám lỗ và sắp kết thúc trận golf dở nhất mà ông nhớ được. Một cú đánh nhẹ cách lỗ năm bước chân ít nhất cũng giúp ông chia đôi điểm ở lỗ cuối cùng.

- Cậu có thêm bất ngờ nào cho tôi không? - Ông hỏi.

- Nói trước hay sau khi ngài đánh nốt cú này?

Alan cười và quyết định nói dối:

- Nói trước, William ạ! - Ông từ người lên cây gậy.

- Osborn sẽ không có được hợp đồng xây bệnh viện. Có nhiều người cho rằng lâu nay ông ta hối lộ một ủy viên cấp thấp trong Ủy ban Quy hoạch. Người ta không công khai, nhưng công ty của ông ta vừa bị gạt khỏi danh sách cuối cùng. Hợp đồng sẽ được dành cho bên Kirkbride và Carter. Thưa ngài, chi tiết nhỏ cuối cùng này là bí mật. Ngay cả Kirkbride và Carter cũng mãi đến thứ Năm tuần sau mới được thông báo, vì vậy tôi có nghĩa vụ yêu cầu ngài giữ kín thông tin này.

Alan đánh trượt. William đưa bóng vào lỗ, tiến lại và nòng hậu bắt tay Lloyd.

- Cảm ơn ngài vì trận golf. Tôi nghĩ ngài tính được ngài nợ tôi 90 đô.

Lloyd rút ví và trao lại tờ 100 đô.

- William, tôi cho là đã đến lúc cậu đừng gọi tôi là “ngài” nữa. Cậu biết đấy, tên tôi là Alan.

- Cảm ơn ông Alan. - William trả lại ông ta 10 đô.

Khi Wladek tỉnh lại, cậu thấy mình nằm trên giường trong một căn phòng nhỏ, có ba người mặc áo khoác trắng đang khám cho cậu rất cẩn thận. Họ nói thứ ngôn ngữ cậu chưa bao giờ nghe. Trên thế giới có bao nhiêu ngôn ngữ?

Cậu cố ngồi dậy, nhưng người lớn tuổi nhất trong ba người, có khuôn mặt gầy và nhăn cùng bộ râu dê, đẩy cậu nằm xuống. Ông ta nói gì đó với Wladek bằng thứ ngôn ngữ lạ kia. Wladek lắc đầu. Người kia lại thử nói tiếng Nga. Wladek vẫn lắc đầu, trả lời sẽ là con đường nhanh nhất để trở về nơi cậu đã đi. Ngôn ngữ tiếp theo ông bác sĩ cố gắng thử là tiếng Đức, và Wladek nhận ra khả năng tiếng Đức của mình giỏi hơn người đang điều tra mình.

- À, cậu không phải người Nga? - Ông ta hỏi.
- Không ạ!
- Thế cậu đến Nga làm gì?
- Cố gắng trốn ạ!

- À! - Người kia quay sang hai người đồng sự và hình như thuật lại cuộc nói chuyện bằng ngôn ngữ riêng của họ. Cả ba rời khỏi phòng.

Một y tá bước vào và lau chùi sạch sẽ cho Wladek, bà ta không bận tâm lắm đến những tiếng kêu đau đớn của cậu. Bà không thích những thứ bẩn thỉu trong bệnh viện của mình. Cuối cùng, bà ta thoa một lớp thuốc mỡ màu nâu rất dày lên hai chân cậu và để cậu ngủ tiếp. Khi tỉnh dậy lần thứ hai, trong phòng có mình cậu. Cậu nhìn lên trần nhà trắng toát, nghĩ xem tiếp theo phải làm gì.

Cậu trèo ra khỏi giường và băng tới chỗ cửa sổ. Cửa sổ trông ra một khu chợ, không giống khu chợ ở Odessa, ngoại trừ những người đàn ông mặc áo choàng dài màu trắng và có nước da màu sẫm. Họ cũng đeo những thứ sặc sỡ trên đầu, trông như chậu hoa nhỏ màu đỏ úp ngược, chân mang những đôi dép quai hậu rộng. Những người đàn bà đều mặc đồ đen, ngay cả khuôn mặt cũng bị che kín. Cậu chỉ thấy duy nhất đôi mắt của họ. Wladek quan sát cảnh tượng huyền ảo trong khu chợ khi đám đàn bà mặc cả các loại đồ ăn hàng ngày, đó dường như là một đặc điểm chung của khắp nơi trên thế giới.

Mất vài phút cậu mới nhận thấy chạy dọc theo một bên của tòa nhà là một thang thoát hiểm bằng sắt dẫn xuống mặt đất. Cậu thận trọng tiến ra cửa, mở cửa và nhòm ra hành lang. Nhiều người đi lại, nhưng không ai chú ý đến cậu. Nhẹ nhàng đóng cửa phòng lại, cậu đi tìm đồ đạc của mình và thấy mọi thứ trong chiếc tủ tường ở góc phòng, cậu

vội vàng mặc đồ vào. Bộ quần áo của cậu vẫn đen nhem bụi than, mặc vào vẫn thấy sạn sạn. Cậu quay lại chỗ cửa sổ, khẽ khàng mở ra, trèo ra thang thoát hiểm và leo xuống để bỏ trốn. Điều đầu tiên cậu thấy là hơi nóng ập vào. Cậu ước mình không phải mặc chiếc áo khoác nặng nề này.

Chân vừa chạm đất cậu đã cố chạy, nhưng hai chân còn yếu đến mức cậu chỉ có thể bước đi chậm chạp. Cậu cầu mong một ngày nào đó thức dậy có một phép màu sẽ chữa khỏi tật chân tật tay của mình. Cậu không nhìn lại phía bệnh viện cho đến khi lẫn vào giữa đám đông trong chợ.

Những quầy hàng đầy ắp đồ ăn ngon, cậu quyết định mua một quả cam và ít lạc. Cậu thò tay vào lớp vải lót trong áo, nhưng số tiền không còn nữa. Tệ hơn, cậu nhận ra chiếc vòng bạc cũng biến mất. Những người mặc áo khoác trắng chắc đã lấy trộm đồ của cậu. Cậu tính quay lại bệnh viện để lấy lại chúng, nhưng quyết định phải tìm chút gì ăn trước. Có thể vẫn còn vài đồng xu trong túi áo khoác ngoài. Cậu lục áo và tìm ngay ra ba tờ 50 rúp cùng ít tiền xu. Chúng được gói cùng tấm bản đồ của ông bác sĩ và chiếc vòng bạc. Wladek vui mừng khôn xiết. Cậu đeo vòng bạc vào và kéo nó lên quá khuỷu tay.

Cậu lựa một quả cam to nhất trong tầm mắt và một nắm hạt. Người chủ quầy nói gì đó cậu không hiểu. Wladek cảm thấy cách dễ nhất vượt qua rào cản ngôn ngữ là đưa ra một món tiền. Người chủ hàng nhìn tờ 50 rúp, cười vang rồi vung hai tay lên trời. - Allah! - Ông kêu lên, giật lại nắm hạt và quả cam khỏi tay Wladek rồi đuổi cậu đi.

Wladek bỏ đi trong nỗi thất vọng: một ngôn ngữ khác cũng đồng nghĩa với một đồng tiền khác. Ở Nga cậu nghèo rớt, ở đây cậu là kẻ không xu dính túi. Cậu phải lấy trộm ít đồ ăn: nếu không may bị bắt, cậu sẽ ném trả người chủ hàng. Cậu đi về phía đầu kia của chợ bằng vẻ tự tin giống Stefan, nhưng cậu không thể bắt chước dáng điệu nghênh ngang ấy, và cậu chắc chắn không tự tin như vậy. Cậu nhắm đến một quầy ở cuối chợ, khi tin chắc không ai trông thấy, cậu lấy một quả cam và bỏ chạy. Bất ngờ có tiếng quát tháo, dường như cả nửa thành phố đang truy đuổi cậu.

Một người đàn ông to lớn như lực sĩ nhào đến bên Wladek tập tễnh và đè cậu xuống đất. Sáu hoặc bảy người khác tóm chân tay cậu, một nhóm người đông hơn theo sau khi cậu bị lôi về chỗ quầy hàng, một cảnh sát đang đợi sẵn ở đó. Người chủ hàng và viên cảnh sát trao đổi ôm tởm và vung tay loạn lên. Cuối cùng viên cảnh sát quay sang Wladek và cũng hét lên với cậu, nhưng Wladek không hiểu lời nào ông ta nói. Viên cảnh sát nhún vai rồi túm tai Wladek. Nhiều người tiếp tục quát mắng khi cậu bị giải đi, những người khác thì nhổ vào cậu.

Wladek bị tống vào một phòng giam nhỏ trong đồn cảnh sát, ở đó đã có khoảng hai mươi đến ba mươi tên tội phạm: kẻ cướp, kẻ trộm, không biết ai vào ai. Cậu im lặng, đám người cũng không có ý muốn nói chuyện với cậu. Cậu cứ ngồi dựa vào tường suốt một ngày một đêm, sợ đến không dám cử động. Mùi phân người làm cậu nôn mửa đến khi bụng trống rỗng. Cậu chưa bao giờ nghĩ lại

có ngày mà những hằm tù trong lâu đài Nam tước còn có vẻ tự do và yên bình hơn.

Sáng hôm sau, Wladek bị hai lính gác lôi ra khỏi tầng hầm và giải đến một căn phòng, tại đây cậu phải xếp hàng cùng nhiều tù nhân khác. Sau đó tất cả đều bị trói vào nhau bằng dây thừng quấn ngang người và diễu ra phố. Một đám đông đã tụ lại, những tiếng reo hò vang trời làm Wladek cảm giác họ đã chờ đợi đám tù nhân xuất hiện từ lâu rồi. Đám đông đi theo đoàn tù đến tận khu chợ, la hét, vỗ tay và cầu kinh, nhưng Wladek không hiểu tại sao họ lại phấn khích như vậy.

Đám tù dừng lại khi đến chợ. Người tù đầu tiên được cởi trói và đưa đến chính giữa bãi trống, hàng trăm người đã đứng chật cứng, ai cũng hăng máu. Wladek không thể tin nổi cảnh tượng ấy. Ngay khi người tù tiến đến giữa bãi trống, lính gác đánh anh ta quỳ gục xuống. Tay phải anh ta bị buộc bằng dây da vào khối gỗ, một người to lớn vung thanh đao lớn lên quá đầu rồi chém xuống bằng một lực mạnh kinh hồn, nhằm thẳng vào tay người tù. Lần chém đầu tiên, đao phủ chỉ chặt các đầu ngón tay. Người tù hét lên đau đớn khi lưỡi đao vung lên lần nữa. Lần này lưỡi đao chém vào cổ tay nhưng không chặt đứt hoàn toàn, bàn tay người tù lủng lẳng trên cánh tay, máu phun ra như mưa. Thanh đao lại vung lên lần thứ ba, khi nó chém xuống, bàn tay người tù cuối cùng đã rơi xuống đất. Đám đông reo hò tán thưởng. Người tù được cởi trói nhưng gục xuống bất tỉnh. Anh ta bị một tên lính lôi ra ngoài và vứt xuống cạnh

đám đông. Một người đàn bà đang khóc - Wladek đoán là vợ anh ta - vội vã buộc một mảnh vải bẩn thủ để cầm máu cho cổ tay cụt ấy. Người tù thứ hai đã chết vì khiếp sợ trước khi nhát dao thứ tư chém xuống. Gã dao phủ khổng lồ không quan tâm đến người chết nên vẫn tiếp tục phận sự, gã ăn lương chỉ để chặt tay người.

Wladek hoảng hốt nhìn xung quanh, chắc cậu sẽ nôn nếu còn lại chút gì trong dạ dày. Cậu nhón nhác tìm sự cứu giúp hoặc cách nào đó bỏ trốn ở mọi hướng, không ai cảnh báo cậu hình phạt của tội cố ý bỏ trốn theo luật Hồi giáo là sẽ mất một chân. Mất cậu đảo qua hàng loạt khuôn mặt, chỉ dừng lại khi thấy một người đàn ông mặc đồ tối màu, áo sơ mi trắng và đeo cà vạt, cách cậu khoảng gần hai chục mét và đứng nhìn cảnh tượng đó với vẻ ghê tởm. Ông ta không nhìn về hướng Wladek, cũng không nghe thấy tiếng cậu kêu cứu giữa những tiếng huyền não mỗi khi thanh đao chém xuống. Ông ta là người Pháp, Đức, Anh hoặc có thể là người Ba Lan chăng? Wladek không biết chắc, nhưng vì lý do nào đó ông ta đã có mặt để chứng kiến cảnh tượng khủng khiếp này.

Wladek nhìn ông ta chằm chằm, mong ông ta có thể nhìn thấy mình. Cậu vẫy ông ta bằng cánh tay không bị trói, nhưng vẫn không thể khiến người nước ngoài kia chú ý. Cách Wladek một người, tù nhân ấy đã được lính gác cởi trói và lôi lên trước khúc gỗ. Thanh đao lại vung lên, đám đông reo hò, người đàn ông trong bộ đồ màu tối quay mặt đi trong nỗi kinh hoàng. Wladek tiếp tục điên cuồng vẫy ông ta.

Người đàn ông nhìn chăm chăm vào Wladek rồi quay sang nói chuyện với người bạn đi cùng mà Wladek không nhìn thấy. Tên lính gác lúc này đang lôi kéo người tù ngay trước mặt Wladek. Hắn ta trói tay người tù vào khối gỗ, thanh đao vung lên và chém đứt bàn tay chỉ sau nhất đầu tiên. Đám đông có vẻ thất vọng, gần như không reo hò. Wladek nhìn chăm chăm hai người nước ngoài, cả hai có vẻ chú ý đến cậu hơn. Cậu mong họ sẽ làm gì đó, nhưng họ vẫn chỉ đứng nhìn.

Tên lính tiến đến, lột chiếc áo khoác 50 rúp của Wladek và ném xuống đất. Rồi hắn mở cổ tay áo cậu và xắn lên. Wladek chống cự trong vô vọng khi bị lôi qua bãi trống. Cậu không thể chống lại được tên lính vạm vỡ. Khi đến bên khối gỗ, cậu bị đập vào khoeo chân và quỳ sụp xuống đất. Sợi dây được buộc chặt vào cổ tay phải của cậu. Cậu không thể làm gì hơn ngoài nhắm nghiền mắt trong khi thanh đao vung lên không trung. Trong nỗi đau đớn cùng cực, cậu chờ nhất chém ác nghiệt kia, nhưng tất cả bỗng im bật khi chiếc vòng bạc của Nam tước từ khuỷu tay cậu tuột xuống cổ tay và rơi xuống khối gỗ. Bầu không khí tĩnh lặng kỳ diệu bao trùm đám đông khi chiếc vòng sáng lấp lánh dưới ánh nắng.

Gã đao phủ lưỡng lự, chậm rãi hạ đao xuống khi quan sát chiếc vòng bạc. Wladek mở mắt khi tên lính gác cố lột chiếc vòng ra khỏi cổ tay cậu, nhưng hắn không thể gỡ nó ra khỏi sợi dây da. Một người mặc đồng phục vội chạy lên chỗ khối gỗ. Hắn cũng xem xét chiếc vòng và dòng chữ trên đó trước khi chạy đến chỗ một người khác, người này chắc

chấn có chức vị cao hơn, anh ta đang chậm rãi bước đến. Thanh đao vẫn đang nằm trên mặt đất, đám đông bắt đầu la hét và huýt sáo. Viên sĩ quan thứ hai cũng cố kéo chiếc vòng bạc ra, nhưng bị vướng khối gỗ, mà anh ta không có quyền cởi trói. Anh ta quát vào mặt Wladek, cậu không hiểu lời anh ta nói, bèn đáp lại bằng tiếng Ba Lan:

- Tôi không nói được tiếng nước ông.

Viên sĩ quan có vẻ sửng sốt và vung hai tay lên trời, thốt lên: “Allah”, rồi chậm chậm tiến về chỗ hai người mặc trang phục phương Tây. Wladek cầu Chúa - trong những tình huống như vậy ai cũng cầu khẩn tới một vị thần nào đó, dù là người Hồi giáo hay Thiên Chúa giáo. Một trong hai người đàn ông cùng với viên sĩ quan người Thổ Nhĩ Kỳ tiến lại chỗ khối gỗ. Ông ta quỳ gối xuống bên cạnh Wladek, xem xét chiếc vòng bạc rồi nhìn cậu chăm chú. Wladek chờ đợi. Cậu có thể nói năm ngôn ngữ và cầu mong người này biết một trong năm thứ tiếng đó. Tim cậu đập thình thịch khi người đàn ông quay lại viên sĩ quan và nói bằng ngôn ngữ riêng của mình. Đám đông lúc này đang la ó và ném hoa quả thối lên chỗ khối gỗ. Viên sĩ quan gật gù tỏ vẻ đồng ý. Người nước ngoài quay lại và quỳ xuống bên Wladek.

- Cậu nói được tiếng Anh chứ?

Wladek thở phào nhẹ nhõm.

- Vâng, thưa ngài, cũng không tệ. Cháu là người Ba Lan.

- Sao cậu có được chiếc vòng bạc kia?

- Nó là của cha cháu, thưa ngài! Ông ấy đã mất trong hầm tù ở Ba Lan dưới tay đám người Đức, cháu bị bắt rồi

bị đày đến trại tù ở Nga. Cháu trốn thoát và đi tàu đến đây. Cháu không có gì ăn suốt mấy ngày nay. Khi ông chủ hàng không nhận đồng rúp cháu trả để mua cam, cháu đã lấy một quả vì cháu rất, rất đói.

Người Anh đứng dậy, quay sang viên sĩ quan và nói với về quả quyết. Đến lượt người nước ngoài thứ hai, ông ta nói chuyện với gã đao phủ, gã này còn đang có vẻ hồ nghi, nhưng khi viên sĩ quan nhắc lại lệnh đông đặc hơn, gã ta cúi xuống và miễn cưỡng tháo sợi dây da ra. Wladek lại nôn ọe. Người Anh đưa cho mỗi người một đồng tiền bằng bạc, trong khi đó đám đông tiếp tục phản đối. Họ đã bị cướp mất một bàn tay.

- Đi với ta! - Người Anh nói - Và đi nhanh lên, trước khi họ đổi ý.

Vẫn còn bàng hoàng, Wladek vớ lấy áo khoác và đi theo. Đám đông la ó và cười nhạo, tiếp tục ném rau và hoa quả thối vào cậu khi cậu bỏ đi. Tên đao phủ buộc bàn tay tù nhân tiếp theo vào khối gỗ và nhát đao đầu tiên chỉ chặt đi một ngón tay cái. Điều này dường như làm dịu đi đám đông ở dưới.



Người Anh nhanh chóng đưa Wladek thoát khỏi đám đông bát nháo, ra khỏi bãi trống, đến chỗ người bạn đang đợi.

- Có chuyện gì vậy, Edward?

- Thằng bé nói nó là người Ba Lan và vừa trốn khỏi nước Nga. Tôi bảo với tên sĩ quan đang trực rằng nó là người Anh, nên giờ nó thuộc trách nhiệm của chúng ta.

Đưa nó về lãnh sự quán và tìm hiểu xem câu chuyện nó kể có đúng sự thật không.

Wladek nhọc nhằn lắm mới theo kịp hai người đàn ông khi họ vội vã đi xuống phố Bảy Nhà Vua. Cậu có thể nghe thấy tiếng đám đông cuồng nộ kia nhỏ dần sau lưng, mỗi khi lưỡi dao chém xuống họ lại reo hò tán thưởng.

Hai người Anh dẫn Wladek qua một cổng vòm và băng qua khoảng sân rải sỏi dẫn đến một tòa nhà đồ sộ màu xám. Trên cửa có hàng chữ Lãnh sự quán Anh. Vào bên trong tòa nhà, Wladek mới cảm thấy an toàn. Cậu đi theo hai người kia xuống một căn phòng dài rộng, trên tường treo kín tranh vẽ những người mặc đồng phục lạ mắt. Ở đầu bên kia phòng có một bức chân dung tuyệt vời của một ông già mặc đồng phục xanh da trời được tô điểm bằng những tấm huy chương. Bộ râu đẹp của ông ta khiến Wladek nhớ đến Nam tước. Một người lính từ đâu xuất hiện và chào ba người.

- Hạ sĩ Smithers, hãy lo cho đứa bé này, cho nó tắm rửa rồi tìm cho nó vài bộ đồ và cho nó ăn. Khi nó đã ăn no và bớt hôi hám, đưa nó vào phòng tôi.

- Vâng, thưa ngài! - Hạ sĩ đáp và lại chào đúng kiểu quân đội - Đi với tôi nào, cậu bé.

Wladek ngoan ngoãn theo chân anh Hạ sĩ, gần như phải chạy để theo kịp. Cậu được đưa đến một phòng ngủ nhỏ dưới tầng hầm. Phòng chỉ có một cửa sổ khá bé: không có có cơ hội trốn. Anh Hạ sĩ bảo cậu cởi đồ ra rồi bỏ cậu lại đó một mình. Ít phút sau, anh ta trở lại và thấy Wladek vẫn

mặc nguyên quần áo ngồi bên mép giường, đang xoay xoay chiếc vòng bạc quanh cổ tay.

- Nhanh lên nào, nhóc. Em không phải đang đi nghỉ dưỡng đâu.

- Xin lỗi ngài ạ! - Wladek nói.

- Đừng gọi tôi là ngài, cậu nhóc. Tôi là Hạ sĩ Smithers. Em cứ gọi tôi là Hạ sĩ.

- Em là Wladek Koskiewicz. Anh cứ gọi em là Wladek.

- Đừng có đùa với tôi, nhóc. Chúng ta đã có đủ những người vui tính trong quân đội Anh, không cần em gia nhập đội ngũ ấy đâu.

Wladek không hiểu ý người lính. Cậu nhanh chóng cởi đồ.

- Theo sát tôi nhé!

Một phòng tắm có đủ nước nóng và xà phòng làm gọi lại những ký ức của cậu về người đàn bà Nga đã che chở cậu, cậu có lẽ đã trở thành con trai của bà ấy nếu không vì ông chồng. Người lính quay lại, đứng ở cửa với một bộ đồ lạ mắt nhưng sạch sẽ và thơm tho. Bộ đồ này là của con trai ai vậy nhỉ?

Hạ sĩ Smithers đưa Wladek vào bếp và để cậu lại với bà bếp trưởng béo tròn có khuôn mặt hồng hào, khuôn mặt thân thiện nhất Wladek từng thấy từ sau khi rời khỏi Ba Lan. Bà khiến cậu nhớ đến cô bảo mẫu. Wladek cứ luôn tự hỏi vòng bụng của cô ấy sẽ thế nào sau vài tuần ở Trại 201.

- Chào cháu! - Bà cười rạng rỡ - Tên cháu là gì?

Wladek nói tên.

- Chà, Wladek này, có vẻ như cháu có thể ăn một bữa ngon lành kiểu Anh, không phải những thứ đồ bỏ của Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng ta sẽ khai vị bằng chút súp nóng và thịt bò nhé. Cháu sẽ cần ăn chút chất bổ trước khi gặp ông Prendergast. - Bà cười - Hãy nhớ, ông ấy không đáng sợ như vẻ ngoài đâu. Mặc dù là người Anh, nhưng ông ấy có trái tim nhân hậu.

- Bà không phải người Anh sao, bà đầu bếp? - Wladek ngạc nhiên hỏi.

- Lạy Chúa nhân từ, không phải đâu cậu nhóc, ta là người Scotland. Một thế giới khác hẳn. Ta ghét người Anh hơn người Đức. - Bà cười.

Bà dọn một đĩa súp nóng hổi, rất nhiều thịt và rau, đặt trước mặt Wladek. Cậu đã quên mất rằng thức ăn có mùi vị thơm và ngon như vậy. Cậu ăn chậm, sợ rằng đây có thể là bữa ăn ngon cuối cùng trong quãng đời dài về sau.

Viên Hạ sĩ quay lại.

- Em ăn đủ chứ, nhóc?

- Vâng, cảm ơn anh, Hạ sĩ.

Hạ sĩ nhìn Wladek nghi ngờ, nhưng biểu hiện của cậu bé không có vẻ gì hỗn xược.

- Tốt. Xong rồi đi nhé. Trình diện ông Prendergast thì không thể đến muộn.

Hạ sĩ lại biến mất sau cánh cửa nhà bếp. Wladek liếc nhìn bà đầu bếp. Cậu luôn ghét phải nói tạm biệt với ai vừa gặp, nhất là khi người ấy rất tốt.

- Đi đi, cậu bé, nếu cháu muốn những điều tốt cho mình.

- Cảm ơn bà, bà đầu bếp! - Wladek nói - Đồ ăn của bà ngon chưa từng thấy.

Bà mỉm cười với cậu. Cậu lại phải chạy mới theo kịp anh Hạ sĩ, anh đột ngột dừng lại bên ngoài một cánh cửa và Wladek suýt đâm sầm vào anh.

- Phải nhìn đường chứ, nhóc. - Hạ sĩ gõ gõ lên cửa.

- Mời vào! - Một giọng nói vang lên.

Hạ sĩ mở cửa và cúi chào.

- Thưa ngài, theo yêu cầu của ngài, cậu bé Ba Lan đã được tắm rửa, thay đồ và cho ăn.

- Cảm ơn anh, Hạ sĩ. Anh vui lòng gọi ông Grant đến đây cùng chúng tôi.

Edward Prendergast ngẩng lên khỏi bàn làm việc. Ông vẫy Wladek ngồi xuống và tiếp tục xử lý đám giấy tờ. Wladek nhìn ông, rồi nhìn những bức họa trên tường. Có thêm nhiều người mặc đồng phục, nhưng bức chân dung lớn nhất vẫn là vị quý tộc già có râu, lần này ông ta mặc đồ ka ki. Vài phút sau, người Anh còn lại cậu đã gặp trong bãi trống khu chợ bước vào.

- Cảm ơn vì anh đã đến với chúng tôi, Harry. Anh ngồi đi, bạn già. - Ông Prendergast quay sang Wladek - Nào, cháu bé, hãy cho chúng tôi nghe ngọn ngành câu chuyện của cháu, không phóng đại, chỉ kể sự thật. Cháu hiểu chứ?

- Vâng, thưa ngài!

Wladek bắt đầu kể từ những ngày sống trong túp lều của người bẫy thú tại Ba Lan. Cậu phải mất một lúc mới tìm được những từ tiếng Anh chuẩn xác. Hai người Anh thỉnh

thoảng lại ngắt lời cậu và hỏi, gật gù với nhau khi cậu trả lời. Sau một giờ trò chuyện, câu chuyện cuộc đời Wladek mới đến đoạn cậu có mặt trong phòng ông Edward Prendergast, Lãnh sự của Nữ hoàng Anh tại Thổ Nhĩ Kỳ.

- Harry, tôi cho là, - Prendergast nói - chúng ta có nhiệm vụ thông báo cho phái đoàn Ba Lan ngay lập tức, và giao cậu Koskiewicz cho họ. Dù sao, cậu ấy cũng thuộc trách nhiệm của họ.

- Tôi đồng ý. - Người tên Harry nói - Cháu bé, cháu biết đấy, hôm nay cháu suýt nữa đã bỏ trốn. Đạo luật Sharia - chính là thứ luật Hồi giáo cổ cho phép chặt tay kẻ trộm - nói chung đã chính thức bị bác bỏ từ nhiều năm trước. Trên thực tế, theo Bộ luật Hình sự Ottoman, trừng phạt như vậy là tội ác. Tuy thế, đám man rợ này vẫn tiếp tục thực thi nó. - Ông rùng mình.

- Sao tay cháu không bị chặt? - Wladek hỏi, nắm lấy cổ tay mình.

- Ta đã bảo họ có thể chặt tay tất cả những người Hồi giáo họ muốn, nhưng không được chặt tay người Anh. - Ông Lãnh sự nói xen vào.

- Tạ ơn Chúa! - Wladek khẽ nói.

- Tạ ơn Edward Prendergast chú! - Vị Lãnh sự nói, và lần đầu tiên ông cười với cậu - Cháu có thể ở đây đêm nay, sau đấy chúng ta sẽ đưa cháu về với phái đoàn nước cháu vào ngày mai. Ông Lãnh sự Ba Lan là một đồng sự tốt, ông ấy là một người ngoại quốc.

Ông ấn chuông, anh Hạ sĩ lập tức trở lại.

- Thưa ngài!

- Hạ sĩ, đưa cậu Koskiewicz về phòng, sáng mai cho cậu ấy ăn sáng rồi đưa trở lại gặp tôi vào đúng 9 giờ.

- Vâng, thưa ngài! Cậu bé, đi nào, nhanh lên.

Wladek được anh Hạ sĩ dẫn đi. Cậu thậm chí không kịp cảm ơn hai người Anh đã cứu bàn tay của mình, và có thể là cả cuộc đời mình. Trở lại căn phòng nhỏ sạch sẽ, chiếc giường nhỏ được sắp xếp ngăn nắp như thể cậu là một vị khách danh dự, cậu cởi đồ, ném gối xuống sàn và ngủ ngon lành cho đến khi nắng sớm rọi qua ô cửa sổ nhỏ.

- Dậy và sửa soạn nào, nhóc, nhanh lên.

Lại vẫn là anh Hạ sĩ, bộ đồng phục của anh đẹp và thẳng nếp không chê vào đâu được, trông như anh chưa bao giờ nằm ngủ. Wladek vừa tỉnh ngủ, trong một thoáng chốc, cậu nghĩ mình đã trở lại Trại 201, khi anh Hạ sĩ cầm gậy gõ vào khung giường kim loại nghe rất giống tiếng chiếc keng tam giác mà Wladek căm ghét. Cậu trườn ra khỏi giường và ra lấy quần áo.

- Tắm rửa trước, cậu nhóc, tắm rửa trước. Chúng ta không muốn cậu bốc mùi khó chịu làm phiền ông Prendergast khi mới sáng sớm, đúng không?

Wladek không rõ phải rửa chỗ nào trên người, vì cậu chưa bao giờ sạch sẽ đến vậy. Cậu thấy anh Hạ sĩ đang nhìn cậu chằm chằm.

- Chân em làm sao thế nhóc?

- Không sao, không sao ạ! - Wladek nói, quay đi để tránh ánh mắt của anh.

- Được rồi. Anh sẽ trở lại sau ba phút. Ba phút, em nghe rõ chứ, nhóc? Nhớ chuẩn bị sẵn sàng.

Wladek rửa tay và mặt rồi nhanh chóng mặc đồ. Cậu ngồi ở cuối giường, ôm chiếc áo khoác lông cừu khi anh Hạ sĩ trở lại đưa cậu đến chỗ ông Lãnh sự. Ông Prendergast đón cậu, dường như có phần ôn hòa hơn rất nhiều so với buổi gặp hôm qua.

- Chào cháu, Koskiewicz! - Ông nói.

- Xin chào ngài ạ!

- Cháu ăn sáng ngon miệng chứ?

- Cháu không ăn sáng, thưa ngài!

- Tại sao không? - Ông Lãnh sự hỏi rồi nhìn sang anh Hạ sĩ.

- Tôi sợ cậu ấy ngủ quên, thưa ngài! Cậu ấy có thể đến đây muộn.

- Ồ, để xem chúng ta có làm được gì không. Hạ sĩ, anh bảo bà Henderson lấy một trái táo hay chút gì khác được không?

- Vâng, thưa ngài!

Wladek và ông Lãnh sự đi bộ chậm chậm dọc theo hành lang hướng về cửa chính của tòa lãnh sự và băng qua khoảng sân rải sỏi ra chiếc xe đang đợi sẵn, một trong những chiếc xe hiếm hoi ở Thổ Nhĩ Kỳ. Lần đầu tiên Wladek đi trên chiếc xe như vậy. Cậu tiếc vô cùng khi phải rời khỏi Lãnh sự quán Anh. Đó là nơi duy nhất cậu cảm thấy an toàn sau nhiều năm. Cậu tự hỏi sau này không biết còn đêm nào được ngủ trên chiếc giường như vậy nữa không. Hạ sĩ từ trên thềm chạy xuống và ngồi vào ghế tài xế. Anh đưa cho Wladek một quả táo và vài miếng bánh mì nóng giòn.

- Đừng để vụn bánh rơi ra xe nhé, nhóc. Quà của bà đầu bếp gửi đấy.

Xe qua những con phố tất bật và nóng nực với tốc độ chậm như đi bộ vì dân Thổ Nhĩ Kỳ không có ý nhường đường cho con lạc đà có bánh xe của những người Anh. Tất cả cửa sổ đều mở, nhưng Wladek vẫn toát mồ hôi vì nóng. Ông Prendergast ở ghế sau thì vẫn điềm nhiên. Wladek cúi đầu xuống vì sợ có ai chứng kiến sự kiện hôm trước nhận ra cậu và khuấy động đám đông cuồng nộ. Khi chiếc Austin đen dừng lại bên ngoài tòa nhà nhỏ cũ có đề LÃNH SỰ QUÁN BA LAN, Wladek thấy vừa phấn khích vừa nôn nao. Ba người ra khỏi xe.

- Hạt táo đầu, nhóc? - Anh Hạ sĩ hỏi.

- Em ăn cả rồi.

Hạ sĩ cười vang rồi gõ cửa. Một người đàn ông nhỏ nhắn, dễ mến, mái tóc đen và cằm vuông ra mở cửa. Ông mặc giản dị và nước da sạm đen do cái nắng Thổ Nhĩ Kỳ. Ông nói chuyện với ba người bằng tiếng Ba Lan, những tiếng mẹ đẻ đầu tiên Wladek được nghe từ khi rời khỏi trại tù khổ sai. Wladek giải thích nhanh về sự có mặt của mình. Người đồng hương của cậu quay sang ông Lãnh sự người Anh.

- Mời đi lối này, ông Prendergast! - Ông nói tiếng Anh rất chuẩn - Ông đã đích thân đưa cậu bé về đây, thật quý hóa.

Họ trao đổi với nhau vài câu ngoại giao lịch sự trước khi ông Prendergast và anh Hạ sĩ rời khỏi đó. Wladek nhìn theo họ, lóng ngóng bày tỏ một cử chỉ phù hợp hơn câu "Cảm ơn". Prendergast vỗ nhẹ vào đầu cậu như vỗ về trẻ con.

Lúc đóng cửa xe, anh Hạ sĩ quay lại nháy mắt với Wladek: “Chúc may mắn, nhóc. Chúa chứng giám, em xứng đáng với điều đó”.

Vị Lãnh sự Ba Lan giới thiệu mình là Pawel Zaleski. Một lần nữa Wladek được yêu cầu thuật lại toàn bộ câu chuyện cuộc đời mình, kể bằng tiếng Ba Lan dễ hơn bằng tiếng Anh. Zaleski lặng lẽ lắng nghe, lắc đầu thương cảm.

- Cháu bé tội nghiệp! - Ông nói - Còn nhỏ mà cháu đã phải chia sẻ cả nỗi đau của đất nước ta. Giờ chúng ta giúp được gì cho cháu?

- Cháu phải trở lại Ba Lan và xây dựng lại lâu đài của mình. - Wladek nói.

- Ba Lan! - Ông Lãnh sự nói - Nơi nào chứ? Nơi cháu sống vẫn còn đang bị tranh chấp, còn xảy ra chiến tranh ác liệt giữa người Ba Lan và người Nga. Tướng Pilsudski đang làm tất cả để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quê hương ta. Nhưng chỉ có kẻ ngốc mới sa vào chủ nghĩa lạc quan lúc này. Bây giờ Ba Lan chẳng còn lại gì cho cháu đâu. Không, kế hoạch hoàn hảo nhất của cháu phải là bắt đầu một cuộc sống mới trên đất Anh hoặc Mỹ.

- Nhưng cháu không muốn đi Anh hay đi Mỹ. Cháu là người Ba Lan mà.

- Cháu sẽ luôn là người Ba Lan, Wladek ạ! Không ai có thể tước bỏ dòng máu Ba Lan trong cháu, dù cháu sống ở đâu. Nhưng cháu phải thực tế về tương lai của mình khi cháu còn trẻ.

Wladek cúi đầu thất vọng. Cậu đã trải qua tất cả chỉ để được biết mình không bao giờ có thể trở lại quê nhà, không

bao giờ thấy lâu đài của mình nữa sao? Cậu nuốt nước mắt vào trong. Ông Lãnh sự vòng tay ôm lấy hai vai cậu bé.

- Đừng quên cháu là một trong số những người may mắn trốn thoát và sống sót. Cháu phải luôn nhớ người bạn chân thành là bác sĩ Dubien để biết mình nên sống thế nào.

Wladek lặng im.

- Bây giờ cháu phải bỏ qua mọi suy nghĩ về quá khứ và chỉ nghĩ về tương lai, Wladek nhé! Có thể trong đời mình, cháu sẽ còn được trông thấy đất nước Ba Lan trỗi dậy, điều đó còn hơn cả mong đợi.

Alan Lloyd đến ngân hàng vào sáng thứ Hai vì có chút việc chứ không hẳn vì cuộc nói chuyện với William. Ông lập tức cho năm quản lý bộ phận đi xác thực những thông tin William đưa ra. Ông sợ cậu đã biết những cuộc điều tra phơi bày ra điều gì, và cũng vì mối quan hệ của Anne với ngân hàng, ông phải đảm bảo không có bộ phận nào được biết về nhiệm vụ của những bộ phận khác. Chỉ thị của ông với mỗi quản lý đều rõ ràng: mọi báo cáo phải hoàn toàn bí mật, và chỉ Chủ tịch được xem.

Đến thứ Tư, ông đã có năm bản báo cáo sơ bộ trên bàn làm việc. Tất cả dường như đều xác nhận đánh giá của William, mặc dù mỗi quản lý đều yêu cầu thêm thời gian để xác minh từng chi tiết. Alan đã quyết định không bàn luận vấn đề này với Anne cho đến khi có thêm bằng chứng cụ thể. Điều rõ nhất ông thấy mình có thể làm lúc này là tận dụng bữa buffet tối mà vợ chồng Osborne sẽ tổ chức vào tối

thứ Sáu, khi đó ông có thể khuyên Anne không vội vã đưa ra bất cứ quyết định vội vàng nào với món nợ.



Khi Alan đến nhà Anne, ông sốc trước dáng vẻ mệt mỏi và nhợt nhạt của cô, nên đành kìm quyết định của mình lại. Ông tìm cách gặp riêng cô, nhưng họ chỉ có vài phút riêng tư. Ông thầm ước giá mà cô không mang bầu vào lúc này. Anne mỉm cười chào ông:

- Alan, anh bận rộn ở ngân hàng mà vẫn tới, quý hóa quá!

- Tôi không thể bỏ lỡ bữa tiệc của chị, Anne thân mến.

Đó vẫn là lời mời đắt giá nhất ở Boston.

Cô cười:

- Tôi tự hỏi có bao giờ anh nói những lời xấu xa không nhỉ?

- Thường xuyên ấy. Anne, chị có thời gian suy nghĩ về vấn đề chúng ta bàn luận tuần trước chưa?

- Chưa. Tôi bận chuẩn bị cho tối nay, Alan ạ! Các tài khoản của Henry thế nào?

- Ổn, nhưng chúng tôi chỉ tiến hành trên những con số của một năm, nên tôi nghĩ phải nhờ các kế toán viên riêng của mình để kiểm tra lại tất cả giấy tờ đó. Đó là chính sách tiêu chuẩn của ngân hàng với các công ty hoạt động chưa đầy ba năm. Tôi chắc Henry sẽ hiểu.

- Anne thân mến, bữa ăn thật tuyệt! - Một giọng oang oang xen vào từ phía sau Alan. Ông không nhận ra người ấy, có thể là một người bạn chính khách của Henry.

- Bà mẹ tương lai có khỏe không? - Giọng nói lại tiếp tục.

Alan liền lách ra chỗ khác, vậy là ông đã có chút thời gian để nói về chuyện ngân hàng. Có rất nhiều chính khách từ Tòa Thị chính tới bữa tiệc, thậm chí có một cặp vợ chồng nghị sĩ, điều này khiến ông tự hỏi liệu William có nhầm lẫn về hợp đồng bệnh viện không. Ngân hàng cũng không điều tra vụ này, thông báo chính thức từ Tòa Thị chính sẽ đến trong vòng một tuần. Ông lấy chiếc áo khoác đen trong phòng giữ đồ và lách ra ngoài.

- Nếu ta có thể đợi cho đến giờ này tuần sau. - Ông nói to trong khi bước xuống phố Chestnut và đi về nhà.

Trong suốt bữa tiệc, Anne luôn để ý mỗi khi Henry ở gần Millie Preston. Bề ngoài họ không có vẻ đáng ngờ, thực tế Henry dành nhiều thời gian ngồi với John Preston hơn. Anne tự hỏi phải chăng cô đã đánh giá sai chồng mình và nghĩ đến việc hủy hẹn với Glen Ricardo. Bữa tiệc kết thúc muộn hơn Anne đã dự tính hai giờ, cô chỉ hy vọng rằng điều đó có nghĩa là tất cả những vị khách đều thích thú và Henry sẽ được lợi.

- Bữa tiệc thật tuyệt vời, bà Anne, cảm ơn vì đã mời chúng tôi. - Lại một giọng oang oang nữa, người cuối cùng đã ra về. Anne không nhớ tên anh ta, có lẽ là người ở Tòa Thị chính. Anh ta biến mất dưới lối xe vào.

Anne chậm chậm leo lên gác và bắt đầu cởi đồ trước cả khi vào đến phòng ngủ, tự hứa sẽ không tổ chức thêm bất cứ bữa tiệc nào nữa trước khi đưa bé ra đời trong mười tuần nữa. Một lát sau, Henry vào phòng.

- Em có dịp nói chuyện với Alan không, em yêu? - Anh ta hỏi, cố làm ra vẻ tự nhiên.

- Có anh ạ! - Anne đáp - Anh ấy bảo sổ sách của anh đều hợp lệ, nhưng vì công ty chỉ có thể đưa ra các số liệu của một năm, các kế toán viên của ngân hàng sẽ phải kiểm tra lần hai. Đó là chính sách chuẩn của ngân hàng.

- Chính sách chuẩn của ngân hàng cái quái gì. Em không cảm thấy William đứng sau tất cả những chuyện này à? Nó đang tìm cách ngăn khoản vay đó, Anne ạ!

- Sao anh lại nói như vậy được? Alan thậm chí còn không hề nhắc đến William.

- Không hề ư? - Giọng Henry cao vút lên - Anh ta không thèm nói với em rằng William đã ăn trưa cùng anh ta hôm Chủ nhật và họ đã chơi một trận golf ở câu lạc bộ à?

- Cái gì? - Anne nói - Em không tin đâu. William chưa bao giờ về Boston mà không đến gặp em. Chắc chắn anh đã nhầm Henry ạ!

- Em ạ, một nửa số người quen của anh có mặt ở đó, và anh không thể tưởng tượng rằng William lại đi liền năm mươi dặm chỉ để chơi một ván golf với Alan Lloyd. Anne ạ, lúc nào đó, sẽ sớm thôi, em sẽ phải quyết định xem tin William hay chồng em. Em không hiểu rằng anh phải có tiền trước thứ Tư tuần sau à, vì nếu anh không thể chứng minh cho Tòa Thị chính thấy mình có khoản tiền đó, anh sẽ không đủ tiêu chuẩn. Không đủ tiêu chuẩn vì một đứa học sinh không chấp nhận việc em kết hôn với một ai khác ngoài cha nó. Làm ơn đi, Anne, ngày mai em phải gọi cho Alan và bảo anh ta chuyển tiền.

Giọng nói cương quyết của anh ta khiến đầu Anne muốn nổ tung, cô lảo đi và choáng váng.

- Không, không phải ngày mai, Henry. Anh có thể đợi đến thứ Hai không?

Henry cười và ngồi xuống ôm cô trong khi cô trần trụi đứng đó và nhìn mình trong gương. Anh ta xoa cái bụng tròn của vợ.

- Anh chỉ muốn người bạn nhỏ này được trao những cơ hội giống như William.



Sáng hôm sau, Anne tự dặn mình cả trăm lần rằng cô sẽ không đến gặp Glen Ricardo, nhưng ngay trước buổi trưa cô lại uể oải ra xe. Hai mươi phút sau cô lại leo lên những bậc thang gỗ ọp ẹp, lo sợ về những gì mình sắp được biết. Cô ngần ngại trước khi gõ cửa và thậm chí đã nghĩ đến chuyện quay về.

- Mời vào.

Cô mở cửa.

- À, bà Osborne, rất vui vì được gặp lại bà. Bà ngồi đi.

Anne vẫn đứng.

- Tôi sợ là toàn tin không vui. - Ricardo nói và lại luồn tay vào mái tóc đen dài.

Tim Anne chùng xuống, cô sụp xuống chiếc ghế gần nhất.

- Cả tuần qua, không thấy ông Osborne ở cùng bà Preston hoặc bất cứ người đàn bà nào khác.

- Nhưng ông nói là tin xấu mà? - Anne thắc mắc.

- Đương nhiên rồi, bà Osborne. Tôi tưởng bà đang tìm lý do để ly hôn. Những bà vợ đang giận dữ thường không tìm đến tôi với hy vọng tôi chứng minh chồng họ chung thủy.

- Không, không! - Anne nhẹ lòng - Đây là tin tốt nhất tôi có được trong nhiều tuần qua.

- Ôi, thật tuyệt! - Ricardo nói, hơi ngạc nhiên - Vậy hãy hy vọng tuần thứ hai này cũng sẽ không lộ ra tin xấu nào.

- Ông có thể ngừng điều tra ngay lúc này, ông Ricardo. Tôi tin ông sẽ không tìm ra điều gì trong tuần tới.

- Tôi không nghĩ đó là cách hay, bà Osborne. Không phải nói quá, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, đưa ra nhận định cuối cùng mà chỉ dựa trên một tuần theo dõi là rất vội vàng.

- Được rồi, nếu ông nghĩ sẽ chứng minh được điều gì đó thì cứ làm, nhưng tôi vẫn tự tin rằng ông sẽ không tìm ra được điều gì mới.

- Dù sao, - Ricardo tiếp tục nói và nhả khói thuốc, Anne thấy điều thuốc to hơn và có mùi thơm hơn điều thuốc ông ta đã hút trong lần gặp trước - bà cũng đã trả công tôi hai tuần.

- Còn những lá thư thì sao? - Anne hỏi - Tôi cho là chúng đến từ những kẻ ganh ghét với thành quả của chồng tôi.

- Chà, như tôi đã nói với bà trong lần gặp trước, bà Osborne ạ, lần theo kẻ gửi những lá thư nặc danh không dễ. Tuy nhiên, tôi đã có thể xác định của hiệu bán giấy viết và phong bì đó, nó không phổ biến lắm. Nhưng lúc này tôi chưa thể nói rõ về chi tiết đó. Tôi có thể tư vấn thêm cho bà vào tuần tới. Bà có thêm lá thư nào không?

- Không có.

- Tốt. Mọi chuyện có vẻ sắp rõ ràng rồi. Vì lợi ích của bà, hy vọng cuộc gặp lần sau sẽ là lần cuối cùng.

- Vâng! - Anne vui vẻ đáp - Hy vọng vậy. Tôi có thể trả tiền phí vào tuần tới chứ?

- Đương nhiên, đương nhiên.

Anne gần như quên mất câu quen thuộc đó, nhưng lần này nó chỉ khiến cô cười. Cô đồng ý gặp Ricardo vào thứ Năm vì cô chắc chắn đó sẽ là lần gặp cuối. Trong khi lái xe về, Anne quyết định Henry phải được nhận 500 nghìn đô và có cơ hội chứng minh cả William lẫn Alan đều sai. Cô vẫn chưa thể bình tâm sau khi biết William đã về Boston mà không gặp mình và cảm thấy Henry đã hoàn toàn đúng khi cho rằng con trai cô ngấm ngầm chống đối họ.

Trong bữa tối, Henry rất vui khi Anne cho biết quyết định của cô về khoản vay, và sáng hôm sau anh ta đưa ra những tài liệu pháp lý cần chữ ký của cô. Anne không thể không nghĩ rằng anh ta chắc hẳn đã chuẩn bị những giấy tờ ấy từ lâu, nhất là khi Millie Preston đã ký trước rồi. Hay cô lại đang quá đa nghi? Cô gạt ý nghĩ đó đi và đặt bút ký.



Cô đã hoàn toàn sẵn sàng gặp Alan khi ông gọi điện cho cô vào sáng thứ Hai.

- Chị Anne, sao chúng ta không hoãn mọi thứ lại đến thứ Năm nhỉ? Sau đó ít nhất chúng ta sẽ biết ai có được hợp đồng bệnh viện.

- Không, anh Alan, tôi nghĩ lại rồi. Henry cần số tiền lúc này. Anh ấy phải chứng minh với Tòa Thị chính là mình đủ khả năng tài chính để thực hiện hợp đồng, và anh ấy cũng

đã có chữ ký của hai người được ủy thác, nên quyền đưa quyết định không còn ở anh nữa.

- Ngân hàng luôn có thể bảo đảm vị trí của Henry mà không cần chuyển tiền vào lúc này. - Alan nói - Tôi chắc Tòa Thị chính sẽ chấp nhận thôi. Dù sao, tôi vẫn không có đủ thời gian tổng kiểm tra mọi tài khoản của công ty anh ấy.

- Nhưng anh đã có đủ thời gian ăn trưa và chơi một trận golf với William vào Chủ nhật trước mà không thèm nói với tôi.

Đầu dây bên kia im lặng một lát.

- Anne, tôi...

- Đừng nói rằng anh không có cơ hội báo với tôi. Anh đến bữa tiệc ở nhà tôi vào tối thứ Sáu, và có thể dễ dàng đề cập chuyện đó với tôi. Anh đã cố tình không nói ra, dù anh có đủ thời gian khuyên tôi hoãn lại quyết định đối với khoản vay của Henry.

- Anne, tôi xin lỗi. Tôi có thể hiểu được chuyện đó và tại sao chị lại buồn, nhưng có lý do, hãy tin tôi. Tôi có thể đến và giải thích mọi chuyện không?

- Không, Alan, anh đừng đến. Hai người đang hòa vào chống lại chồng tôi. Không ai muốn cho anh ấy cơ hội chứng minh bản thân. Được thôi, tôi sẽ cho anh ấy cơ hội đó.

Anne bỏ máy xuống, tự thấy hài lòng và cảm thấy mình trung thành với Henry như vậy là một cách để chuộc lỗi việc trước đây cô đã từng nghi ngờ chồng. Alan Lloyd gọi lại, nhưng Anne bảo người hầu nói cô đi vắng cả ngày. Khi

Henry về nhà đêm đó, anh ta rất mừng khi nghe về những lời cương quyết của Anne với Alan.

- Tất cả sẽ tốt đẹp, em yêu ạ, em sẽ thấy. Vào sáng thứ Năm anh sẽ có được hợp đồng, em có thể hôn và hòa giải với Alan, tuy nhiên, từ nay đến lúc đó, em nên tránh mặt anh ta. Nếu em thích, chúng ta có thể liên hoan buổi trưa ở khách sạn Grand vào thứ Năm, và đứng từ bên này phòng ăn để vẫy anh ta.

Anne cười. Cô nhớ cô đã định đi gặp Glen Ricardo vào 12 giờ trưa hôm đó. Tuy nhiên, cô vẫn có đủ thời gian để có mặt tại Khách sạn Grand trước 1 giờ, khi đó cô có thể ăn mừng cả hai chiến thắng.



Alan tìm mọi cách tiếp cận Anne, nhưng người hầu gái luôn có sẵn lý do. Giấy tờ vay nợ đã được cả hai người được ủy thác ký nên ông không thể không chấp nhận giao tiền sau hai tư tiếng. Điều khoản ấy tiêu biểu cho mọi thỏa thuận hợp pháp do Richard Kane thảo ra, không có kẻ hờ nào để lách luật. Khi tờ chi phiếu 500 nghìn đô được gửi đi vào trưa ngày thứ Ba, Alan viết một lá thư dài cho William, giải thích tại sao ông không còn cách nào khác, buộc phải chuyển số tiền, chỉ không nói về những kết quả chưa được xác nhận của những báo cáo của các bộ phận. Ông cũng gửi cho mỗi giám đốc ngân hàng một bản sao lá thư đó, biết rằng dù ông hành xử đúng đắn, ông đã tự công khai mình với những bản cáo trạng về tội che giấu.

William nhận thư của Alan Lloyd ở trường St. Paul vào sáng thứ Năm khi cậu đang ăn sáng cùng Matthew.



Bữa sáng ở Đồi Beacon vào sáng thứ Năm như thường lệ có trứng với thịt lợn xông khói, bánh mì nướng, cháo yến mạch để lạnh và một bình cà phê nóng. Henry có vẻ vừa căng thẳng vừa vui sướng, búng tay ra hiệu với người hầu gái, bông đùa với một chính khách trẻ tuổi của thành phố gọi điện đến xác nhận việc Thị trưởng thành phố sẽ thông báo công ty giành được hợp đồng xây bệnh viện trong một buổi họp báo vào lúc 10 giờ. Anne gần như chỉ đang mong đến lần gặp cuối cùng với Glen Ricardo. Cô lướt qua tờ *Vogue*, cố tỏ ra không nhận thấy bàn tay Henry đang run lên trong khi anh ta đọc tờ *Boston Globe*.

- Sáng nay em sẽ làm gì? - Henry bắt chuyện.

-Ồ, không làm gì nhiều trước khi mình liên hoan buổi trưa. Anh vẫn định đặt tên Richard cho khoa Nhi để tưởng niệm à? - Anne hỏi.

- Không phải để tưởng niệm Richard, em yêu ạ! Đây là thành quả của anh, nên anh sẽ đặt tên thành quả ấy để vinh danh em. Khoa Nhi của bà Henry Osborne! - Anh ta nói thêm với vẻ huênh hoang.

- Ý tưởng hay đấy! - Anne đặt tờ tạp chí xuống và cười với chồng - Anh không được để em uống quá nhiều sâm banh vào bữa trưa nhé. Em đã hẹn gặp bác sĩ MacKenzie chiều nay, và em không nghĩ ông ta đồng ý để em say rượu lái xe trong khi chỉ ít tuần nữa là con mình ra đời. Khi nào anh sẽ biết chắc bản hợp đồng thuộc về mình?

- Anh mới biết rồi. - Henry nói - Thư ký của anh vừa nói đã chắc 100%, nhưng phải đến 10 giờ mới là tin chính thức.

- Điều đầu tiên anh phải làm, Henry ạ, là gọi cho Alan và báo cho anh ấy tin vui. Em đang bắt đầu cảm thấy mình khá có lỗi trong cách cư xử với anh ấy hôm thứ Hai.

- Em không cần phải áy náy, em yêu. Dù sao anh ta đã không muốn báo cho em về cuộc gặp giữa anh ta và William.

- Không, nhưng sau đó anh ấy có cố giải thích, Henry ạ, nhưng em không cho anh ấy cơ hội.

- Được rồi, được rồi, em nói sao cũng được. Nếu việc đó làm em vui, anh sẽ gọi cho anh ta lúc 10 giờ 5 phút, sau đó em có thể viết thư và báo với William rằng anh vừa kiếm cho nó một triệu đô nữa. - Anh ta nhìn đồng hồ - Đến lúc anh phải đi rồi. Chúc anh may mắn đi!

- Em nghĩ anh không cần thêm may mắn nữa mà. - Anne nói.

- Không cần, không, chỉ là một cách nói thôi mà. Hẹn gặp em ở khách sạn Grand lúc 1 giờ nhé. - Anh ta hôn trán vợ - Đến tối nay em sẽ có thể cười vào Alan, William và số hợp đồng, và xem tất cả như những chuyện đã qua, tin anh đi. Tạm biệt em yêu!



Bữa sáng còn nguyên vẫn bày trước mặt Alan Lloyd. Ông đang đọc các trang tài chính của tờ *Boston Globe*, và để ý thấy một đoạn nhỏ trong cột bên phải cho biết vào lúc 10 giờ sáng hôm đó Thị trường sẽ thông báo công ty nào được trao hợp đồng xây bệnh viện giá năm triệu đô. Alan đã quyết định những việc phải làm nếu Henry không thể đảm bảo cho bản hợp đồng đó và mọi chuyện William đã

cảnh báo là chính xác. Ông sẽ thực hiện đúng như những gì Richard sẽ làm trong mọi trường hợp: chỉ hành động dựa trên lợi ích tối ưu của ngân hàng. Những báo cáo mới nhất về tài chính cá nhân của Henry khiến ông vô cùng lo lắng. Osborne thực sự là tay nghiện cờ bạc nặng và không có dấu hiệu nào cho thấy số tiền 500 nghìn đô tín thác đã được chuyển cho công ty của anh ta.

Alan nhấm nháp cốc nước cam, không động đến phần còn lại của bữa sáng. Ông xin lỗi người quản gia và đi bộ đến ngân hàng. Đó là một ngày nắng đẹp.



- William, chiều nay cậu có muốn chơi tennis không?

Matthew đợi William trả lời, nhưng cậu vẫn tiếp tục đọc lá thư của Alan Lloyd.

- Cậu bảo gì cơ?

- Cậu nặng tai à, hay bị chứng suy giảm trí nhớ?

Vẫn không có câu trả lời. Matthew hỏi lại lần nữa:

- Tớ sẽ cho cậu toi bờ khói lửa trong trận tennis chiều nay nhé?

- Không, không phải chiều nay, Matthew. Tớ phải làm nhiều việc quan trọng hơn.

- Hiển nhiên rồi, ông cụ non, tớ quên mất cậu sẽ đến Nhà Trắng hàng tuần để tư vấn cho Tổng thống Harding về các vấn đề tài chính của đất nước. Để ý nhé, cậu không thể làm ra trò gì tồi hơn cái gã Charles G. Dawes giả vờ ngốc đầu nhé.

William không đáp.

- Nói với Tổng thống cậu sẽ tiếp tục tư vấn cho ông ta miễn là ông ta chỉ định Matthew Lester làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhiệm kì tới.

William vẫn không đáp lại.

- Mình biết mình đùa hơi nhạt, nhưng mình cho là ít nhất cũng đáng để bình luận chứ? - Matthew nói, chăm chú nhìn người bạn đang im lặng - Tại món trứng đó phải không? Mùi vị giống như chúng vừa được lấy ra từ trại tù của bọn Nga vậy.

- Matthew, mình cần cậu giúp. - William nói khi bỏ lại lá thư của Alan vào phong bì.

- Cậu vừa nhận được thư của em gái mình, và nó nghĩ cậu quyến rũ hơn cả Rudolph Valentino¹?

William đứng dậy.

- Đừng đùa nữa Matthew. Nếu ngân hàng của cha cậu bị cướp, liệu cậu có ngồi mà đùa giỡn chuyện đó không?

Vẻ mặt William khiến Matthew biết chắc bạn mình đang rất nghiêm túc.

- Không, tớ sẽ không làm vậy. - Cậu nhẹ nhàng đáp.

- Đúng rồi. Vậy đi nào, tớ sẽ giải thích tất cả trên đường.

- William bảo.

- Trên đường đi đâu? - Matthew vô tư hỏi.

- Boston.



¹ Rudolph Valentino (1895-1926) là diễn viên người Italia, một biểu tượng tình dục và là ngôi sao nhạc pop.

Anne rời khỏi Đồi Beacon vào lúc hơn 10 giờ để đi mua sắm trước khi đến gặp Glen Ricardo. Điện thoại reo khi cô biến mất dưới con phố Chestnut. Người hầu gái nghe máy và nhìn ra cửa sổ nhưng không thấy bóng dáng nữ chủ nhân nữa. Nếu Anne cầm máy, chắc cô sẽ được biết quyết định của Tòa Thị chính về hợp đồng bệnh viện, thay vì đi mua mấy đôi tất lụa và thử loại nước hoa mới. Cô đến văn phòng Glen Ricardo lúc hơn 12 giờ trưa, hy vọng nước hoa mới có thể át được mùi khói thuốc lâu ngày.

- Tôi hy vọng mình không đến muộn, ông Ricardo. - Cô bắt đầu nhanh gọn.

- Mời bà ngồi, bà Osborne!

Ricardo có vẻ không vui, nhưng Anne nghĩ ông ta có bao giờ vui đâu. Cô nhận thấy ông ta không hút loại xì gà như thường lệ. Ông ta mở một tập tài liệu màu nâu lịch sự, món đồ mới duy nhất Anne có thể thấy trong văn phòng này, và rút ra vài tờ giấy.

- Chúng ta hãy bắt đầu với những lá thư nặc danh này nhé, bà Osborne?

Anne không thích giọng nói ấy.

- Vâng, được thôi. - Cô kiềm chế.

- Chúng được gửi đi từ một bà Ruby Flowers nào đó.

- Ai cơ? Tại sao? - Anne hỏi, mất hết kiên nhẫn với những câu trả lời cô không muốn nghe.

- Tôi ngờ rằng một trong số những lý do là bà Flowers hiện đang kiện chồng bà.

- chà, lý do đó nói lên tất cả. - Anne nói - Bà ta chắc hẳn muốn trả thù. Bà ta khẳng định Henry nợ mình bao nhiêu?

- Bà ta không nói về chuyện nợ nần, thừa bà Osborne.
- Ôi, vậy bà ta muốn gì?

Ricardo đẩy mình ra khỏi ghế, như thể phải dùng đến sức của cả hai cánh tay để nâng được thân hình mệt nhọc của mình dậy. Ông ta đi ra cửa sổ và nhìn ra cảng Boston đông đúc.

- Bà ta đang kiện ông ấy vì đã vi phạm hôn ước, thừa bà Osborne.

- Nhưng không thể có chuyện đó. - Anne nói.

- Đường như họ đã đính hôn và chuẩn bị cưới tại thời điểm ông Osborne gặp bà lần đầu tiên, và hôn ước bất ngờ bị chấm dứt mà không có lý do rõ ràng.

- Kể đào mỏ. Bà ta chắc muốn có số tiền của Henry.

- Không, tôi không cho là vậy. Bà phải biết bà ta tương đối khá giả. Đương nhiên không phải thuộc tầng lớp của bà, nhưng khá giả so với mặt bằng chung của người dân. Chồng trước của bà ta sở hữu một công ty đóng chai nước giải khát và để lại toàn bộ tài sản cho bà ta.

- Chồng trước ư? Bà ta bao nhiêu tuổi?

Ricardo quay lại bàn và lật một, hai trang trong tập hồ sơ trước khi lướt ngón tay trên từng trang.

- Bà ta sẽ tròn năm ba tuổi vào tháng Bảy này.

- Ôi, lạy Chúa tôi! - Anne nói - Người đàn bà tội nghiệp! Bà ta chắc chắn căm ghét tôi.

- Có thể lắm, bà Osborne ạ, nhưng điều đó không giúp ích gì cho ta cả. Giờ tôi phải chuyển sang những hoạt động khác của chồng bà.

Những ngón tay ám chất nicotine lật sang vài trang nữa. Anne bắt đầu thấy nôn nao. Tại sao cô lại trở lại đây? Tại sao cô không buông bỏ vì cố gắng cũng đâu cải thiện được gì? Cô không cần phải biết. Cô không muốn biết. Cô muốn đứng dậy bỏ đi. Cô mong Richard ở bên mình biết bao. Cô thấy mình không thể đi nổi, Ricardo và những nội dung trong tập hồ sơ mới kia đã làm cô chết đứng.

- Tuần trước, ông Osborne có hai lần ở cùng bà Preston hơn ba tiếng...

- Điều đó không chứng minh được gì. - Anne bắt đầu tuyệt vọng - Tôi biết họ đang bàn bạc một giao dịch tài chính rất quan trọng.

- Trong một khách sạn nhỏ ở phố La Salle, lúc 8 giờ tối. Anne không ngắt lời nữa.

- Trong cả hai lần đó, người ta thấy họ đi bộ vào khách sạn, thì thầm và cười. Đương nhiên chưa thể kết luận chắc chắn nhưng chúng tôi có một số bức ảnh chụp họ đang đi vào và rời khỏi khách sạn cùng nhau.

- Hủy chúng đi. - Anne lặng lẽ nói.

Glen Ricardo chớp mắt.

- Nếu bà muốn vậy, bà Osborne. Tôi e còn nhiều hơn. Những điều tra của tôi cho thấy ông Osborne chưa bao giờ ở Harvard, cũng chưa từng là sĩ quan trong Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ. Có một ông Henry Osborne ở Harvard, cao hơn một mét tám, tóc màu hung và quê ở Alabama. Ông ta bỏ mạng ở trận Somme năm 1917. Tôi cũng phát hiện

chồng bà trẻ hơn rất nhiều so với lời ông ấy khẳng định, tên thật ông ta là Vittorio Togna và ông ta đã phục vụ...

- Dừng lại. Tôi không muốn nghe thêm nữa. - Nước mắt đã đầm đìa hai má Anne - Tôi không muốn nghe thêm nữa.

- Đương nhiên, bà Osborne, tôi hiểu mà. Tôi xin lỗi vì tin tức của tôi thật buồn. Trong nghề của tôi, đôi khi...

Anne cố nén để bình tĩnh lại.

- Cảm ơn ông Ricardo. Tôi đánh giá cao những việc ông đã làm. Tôi còn nợ ông bao nhiêu?

- Bà đã trả trước hai tuần rồi. Mức phí của tôi lên đến 73 đô.

Anne đưa tờ 100 đô và đứng dậy khỏi ghế.

- Đừng quên tiền thừa, bà Osborne. - Ricardo nói khi cô quay đi.

Anne dường như không nghe thấy ông ta.

- Bà có ổn không, bà Osborne? Trông bà hơi nhợt nhạt đấy. Tôi rót cho bà cốc nước hoặc cái gì đó mạnh hơn nhé?

- Không, cảm ơn. Tôi ổn. - Anne nói dối.

- Bà cho phép tôi lái xe đưa bà về nhà chứ?

- Không, cảm ơn ông Ricardo. Tôi có thể tự về. - Cô quay lại và mỉm cười với vị thám tử tư - Ông thật tốt vì đã quan tâm.

Glen Ricardo lặng lẽ đóng cửa phía sau lưng vị khách, chậm chậm đi lại chỗ cửa sổ, cắn đứt đầu mẩu của điều xì gà cuối cùng và nhổ ra. Ông nguyên rửa cái nghề của mình trong khi nhìn bà Osborne leo lên taxi. Một phụ nữ đẹp như vậy mà...



Anne dùng ở chân cầu thang đầy rác, bám chặt vào lan can, gần như muốn ngã. Đứa bé trong bụng đạp làm cô thấy buồn nôn. Cô gọi chiếc taxi ở góc đường và nằm nhào ra ghế sau, khóc nức nở không kìm được, không biết phải làm gì nữa. Ngay khi về đến Dinh Thự Đỏ, cô vào phòng ngủ trước khi những người giúp việc kịp trông thấy dáng vẻ đau buồn của cô. Điện thoại reo đúng lúc cô vào phòng. Cô nhấc máy vì thói quen hơn là tò mò người gọi là ai.

- Tôi có thể nói chuyện với bà Osbrone được không?

Cô nhận ra ngay giọng gãy gọn của Alan. Giọng nói mệt mỏi, chán ngắt.

- Chào Alan. Anne đây mà!

- Anne yêu quý, tôi rất tiếc khi nghe tin sáng nay.

- Sao anh biết vậy Alan? Sao anh có thể biết được? Ai nói với anh?

- Tòa Thị chính gọi cho tôi và thông báo chi tiết ngay sau 10 giờ. Tôi cố gọi cho chị nhưng cô hầu gái nói chị đã ra ngoài mua sắm.

- Ôi, Chúa ơi! Tôi quên khuấy mất chuyện hợp đồng. - Cô ngồi xuống, thở nặng nhọc.

- Chị ổn chứ, Anne?

- Vâng, tôi ổn. - Cô cố nén tiếng nức nở mà không được - Tòa Thị chính thông báo gì vậy?

- Hợp đồng bệnh viện được trao cho Công ty Kirkbride và Carter. Rõ ràng Henry thậm chí không hề nằm trong ba đơn vị được xem xét. Cả buổi sáng tôi đã cố liên lạc nhưng

có vẻ anh ta đã rời khỏi văn phòng ngay sau 10 giờ, và từ lúc đó không ai thấy anh ta. Tôi cho là chị cũng không biết anh ta ở đâu, phải không Anne?

- Không, tôi không biết gì hết.

- Chị muốn tôi đến đó không, chị thân mến? Tôi có thể ở bên chị ít phút.

- Không, cảm ơn Alan. - Anne ngừng lại để thở sâu - Xin tha lỗi cho tôi vì đã cư xử với anh như mấy ngày qua. Nếu Richard còn sống, anh ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi.

- Đừng ngốc thế, Anne. Chúng ta là bạn nhiều năm nay rồi, chuyện nhỏ như vậy không đáng bận tâm đâu.

Những lời thân ái của ông lại khiến cô bật ra một tràng nước mắt mới. Anne lão đảo đứng dậy.

- Tôi phải đi đây, Alan. Tôi nghe tiếng ai đó ngoài cửa chính, có thể đó là Henry.

- Giữ gìn nhé, Anne, và đừng lo lắng. Chừng nào tôi còn là Chủ tịch, ngân hàng sẽ luôn đứng về phía chị. Đừng ngại gọi nếu có việc gì tôi giúp được.

Anne bỏ máy. Hơi thở bỗng trở nên dồn dập, và những cơn co thắt dữ dội làm cô yếu hẳn. Cô ngã xuống sàn. Một lát sau, người hầu gái gõ cửa. Cô hầu nhìn vào và thấy bà chủ nằm trên sàn. Cô ta chạy vào, đúng lúc William cũng đến. Lần đầu tiên cậu vào phòng ngủ của mẹ từ khi mẹ kết hôn với Henry Osborne. Anne co giật bất thường, không biết có người bên cạnh. Một chút bọt trào ra quanh môi cô. Vài giây sau cơn đau qua đi và cô nằm yên, rên rỉ khóc.

- Mẹ, - William nói khẩn thiết - có chuyện gì vậy?

Anne mở mắt và ngậy đại nhìn con.

- Richard! - Cô nói - Tạ ơn Chúa, anh đã về.

- Con, William đây mẹ.

Ánh mắt cô vẫn đờ đẫn.

- Em không còn chút sức lực nào nữa, Richard. Em phải trả giá cho sai lầm của mình. Hãy tha lỗi...

Giọng cô chuyển sang tiếng rên rĩ khi một cơn co thắt nữa kéo đến.

- Chuyện gì đang xảy ra vậy? - William hỏi trong vô vọng.

- Tôi nghĩ chắc là do đứa bé, - người hầu gái nói - dù phải hơn hai tháng nữa mới sinh.

- Gọi bác sĩ MacKenzie ngay! - William nói khi chạy ra cửa phòng và gào lên - Matthew! Lên đây mau.

Matthew phóng lên cầu thang và cùng William vào phòng.

- Giúp tớ đưa mẹ xuống xe.

Hai cậu thanh niên đỡ Anne dậy, nhẹ nhàng đưa cô xuống cầu thang và ra xe. Cô hỗn hển và rên rĩ, rõ ràng cô đang trong cơn đau khủng khiếp. William chạy trở lại và chụp lấy điện thoại từ tay cô hầu gái trong khi Matthew đợi trong xe.

- Bác sĩ MacKenzie đó ạ?

- Vâng, ai vậy?

- Cháu là William Kane, ngài không biết cháu đâu ạ!

- Không biết cậu ư, chàng trai? Tôi đã đỡ đẻ khi cậu ra đời đấy. Tôi có thể giúp gì cậu nào?

- Cháu nghĩ mẹ cháu sắp sinh. Cháu sẽ đưa bà ấy đến viện ngay. Chúng cháu sẽ có mặt ở đó sau ít phút nữa.

Giọng bác sĩ MacKenzie thay đổi:

- Được rồi, William, đừng lo. Tôi sẽ chờ, mọi thứ sẽ sẵn sàng khi cậu đến.

- Cảm ơn ngài. - William do dự - Mẹ cháu hình như bị co giật. Có bình thường không bác sĩ?

Những lời của William làm bác sĩ ớn lạnh. Ông cũng ngần ngại.

- Chà, không bình thường đâu. Nhưng mẹ cậu sẽ ổn sau khi sinh. Đưa bà ấy đến đây càng nhanh càng tốt.

William bỏ máy xuống, chạy ra khỏi nhà và lao lên chiếc Roll-Royce. Matthew chỉ mới được cha dạy lái chiếc Roll-Royce một lần. Cậu lái xe cẩn thận, không sang số, và lái một mạch đến tận cổng bệnh viện. Hai cậu nhẹ nhàng đưa Anne ra khỏi xe và đặt cô lên chiếc cáng đã chờ sẵn. Một y tá nhanh chóng dẫn họ qua khoa Sản, bác sĩ MacKenzie đã đứng chờ ở lối đi của phòng hộ sinh. Ông tiếp nhận và yêu cầu hai người ở lại bên ngoài.

William và Matthew lặng yên ngồi trên chiếc ghế băng nhỏ trong hành lang và chờ đợi. Những tiếng kêu khóc và la hét kinh hoàng vang lên từ phòng hộ sinh, họ chưa bao giờ nghe những âm thanh như vậy. Lần đầu tiên trong đời, William cảm thấy bất lực tột cùng. Hai cậu ngồi trên băng ghế hơn một giờ đồng hồ, không nói với nhau lời nào. Cuối cùng, bác sĩ MacKenzie mệt mỏi xuất hiện. Khi hai người đứng dậy, bác sĩ nhìn Matthew.

- William à? - Ông hỏi.

- Không, thưa ngài, cháu là Matthew Lester. Đây mới là William.

Ông bác sĩ quay sang và đặt một tay lên vai William.

- William à, tôi xin lỗi. Mẹ cậu đã mất cách đây ít phút...

Và đứa bé, một bé gái, đã chết yếu.

Hai chân William sụp xuống và cậu rơi phịch xuống ghế.

- Chúng tôi đã làm tất cả trong khả năng để cứu hai mẹ con họ, nhưng đã quá muộn. - Ông lắc đầu mệt nhọc.

William ngồi lặng đi. Sau cùng cậu thì thầm:

- Sao mẹ cháu *có thể* chết được? Sao ngài lại để bà ấy chết?

Bác sĩ ngồi xuống bên cạnh cậu.

- Bà ấy không nghe lời tôi. - Ông nói - Tôi đã cảnh báo bà ấy nhiều lần sau lần sảy thai là đừng mang thai nữa, nhưng sau khi tái hôn, bà ấy và cha dượng cậu không xem trọng lời cảnh báo của tôi. Khi cậu đưa bà ấy đến đây hôm nay, không hiểu sao huyết áp của bà ấy đã lên cao đến độ mắc chứng sản giật.

- Chứng sản giật?

- Những cơn co giật. Đôi khi bệnh nhân có thể sống sót sau nhiều cơn chấn động. Nhưng cũng có khi họ tắt thở luôn.

William bắt đầu khóc và gục đầu vào bàn tay. Không ai nói một lời nào trong vài phút. Cuối cùng William đứng dậy và Matthew dìu cậu đi dọc hành lang. Bác sĩ đi theo hai người. Khi đến lối vào, ông nhìn sang William.

- Huyết áp của bà ấy đột ngột tăng lên. Đó là điểm bất thường nhất, có vẻ bà ấy không cố gắng gượng, dường như bà ấy buông xuôi. Thật lạ, gần đây có chuyện gì làm bà ấy đau khổ không?

William ngẩng khuôn mặt rờn rờn nước mắt lên.

- Không có *chuyện gì*, - cậu giận dữ nói - mà chỉ có một *người*.



Alan Lloyd đang ngồi trong góc phòng khách khi hai cậu thanh niên quay lại Dinh Thự Đỏ. Ông đứng dậy khi họ bước vào.

- William, - ông nói ngay - tôi có lỗi vì đã chấp nhận khoản vay nợ đó.

William nhìn chăm chăm vào ông, không nói lời nào. Matthew lặng lẽ bước vào.

- Tôi không nghĩ điều đó còn quan trọng nữa, thưa ngài!
- Matthew lặng lẽ nói - Mẹ của William vừa mất khi sinh, đứa bé cũng chết yểu.

Alan Lloyd tái mét, cố vịn vào lò sưởi để đứng vững và quay mặt đi. Lần đầu tiên cả hai cậu trông thấy một người lớn tuổi khóc thút thít.

- Đó là lỗi của tôi. - Ông chủ ngân hàng nói - Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân. Tôi đã không nói cho chị ấy mọi điều tôi biết. Tôi yêu quý chị ấy rất nhiều nên tôi không bao giờ muốn chị ấy phải đau khổ.

Nỗi thống khổ của ông ta khiến William bình tâm lại.

- Không phải lỗi của ông, ông Alan. - Cậu nói rần rỏi - Ông đã làm tất cả trong khả năng của mình, tôi biết mà, và giờ tôi chính là người sẽ cần ông giúp.

Alan Lloyd lấy lại tinh thần.

- Osborne đã biết mẹ cậu mất chưa?

- Tôi không biết và cũng không quan tâm.
- Tôi đã cố gắng tìm anh ta cả ngày để hỏi về hợp đồng xây bệnh viện. Anh ta đã rời khỏi văn phòng ngay sau 10 giờ sáng nay và từ đó không ai thấy anh ta.
- Không sớm thì muộn ông ta cũng sẽ quay lại. - William nói nghiêm nghị.



Sau khi Alan Lloyd đi khỏi, William và Matthew ngồi bên nhau trong phòng khách suốt đêm, ngủ gà ngủ gật, nói chuyện rất ít. 4 giờ sáng, trong lúc William ngồi đếm tiếng chuông từ chiếc đồng hồ đứng, cậu nghĩ mình nghe thấy tiếng gì đó dưới phố. Cậu ngẩng lên và thấy Matthew nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ, liền bước lại chỗ cậu ta với vẻ kiên quyết. Cả hai thấy Henry Osborne đang loạng choạng đi qua Quảng trường Louisburg, tay cầm chai rượu, một chùm chìa khóa ở tay kia. Hấn lóng ngóng với chùm chìa khóa vài lần và cuối cùng bước vào hành lang, hai mắt hấp háy ngạc nhiên trước hai người.

- Tôi muốn gặp Anne, không phải cậu. Sao cậu không ở trường? Tôi không muốn nhìn thấy cậu. - Hấn nói bằng giọng lẽ nhè và nhịu khi lướt qua chỗ William và đi vào phòng khách. - Anne đâu?

- Mẹ tôi chết rồi. - William lặng lẽ nói.

Osborne nhìn cậu đầy hoài nghi. Hấn đi sang chỗ tủ và tự rót một ly whiskey, hành động đó làm William không kiềm chế được nữa.

- Ông đã ở đâu khi mẹ tôi cần chồng? - Cậu quát lên.

Osborne không buông chai rượu xuống.

- Đứa bé thì sao?

- Chết non, một bé gái.

Osborne ngồi sụp xuống ghế, những giọt nước mắt của kẻ say xỉn bắt đầu trào xuống khuôn mặt hần.

- Cô ấy đánh mất con tôi ư?

William gần như lắp bắp trong cơn giận dữ.

- Con ông ư? Đừng có chỉ nghĩ cho bản thân! - Cậu gào lên - Ông biết bác sĩ MacKenzie đã khuyên bà ấy không nên mang thai nữa.

- Chúng ta cũng là chuyên gia trong chuyện đó giống như mọi chuyện khác à? Nếu cậu chỉ để tâm đến việc của cậu thì tôi đã có thể lo cho vợ tôi mà không bị cậu xen ngang.

- Và hình như chăm lo cả tiền của bà ấy.

- Tiền à? Mày là thằng khốn bần xỉn. Tao cá là mất tiền thì mày còn đau hơn là mất mẹ đấy.

- Đứng lên! - William quát hần.

Osborne gượng đứng dậy và đập chai rượu vào cạnh bàn, chai whiskey vỡ tung tóe ra đầy thảm. Hần quay lại phía William, giơ cái chai vỡ lên. William đứng sững người. Matthew lao vào giữa hai người và dễ dàng gỡ cái vỏ chai khỏi tay kẻ say. William đẩy bạn sang một bên và tiến sát mặt Osborne.

- Bây giờ, ông nghe kĩ đây. Tôi muốn ông xéo khỏi căn nhà này ngay lập tức. Nếu tôi còn nghe về ông lần nữa, tôi sẽ điều tra pháp lý đầy đủ về số tiền nửa triệu đô mẹ tôi đầu tư vào công ty ông, và tôi sẽ lật lại những hồ sơ điều tra về con người thật của ông cùng những hành vi trước đây ở

Chicago. Trái lại, nếu tôi không còn nghe về ông nữa, tôi sẽ xem như chuyện này đã khép lại. Giờ cúť ngay khỏi đây trước khi tôi không làm chủ được mình.

Osborne lão đảo đi ra. Không ai nghe thấy lời đe dọa của hắn khi cánh cửa sập lại.



Sáng hôm sau, William đến ngân hàng. Người ta lập tức đưa cậu vào phòng Chủ tịch. Alan Lloyd đang xếp vài tài liệu vào va li. Ông trao một mẩu giấy cho William mà không nói gì. Đó là một bức thư ngắn xin từ chức Chủ tịch ngân hàng ông gửi cho mọi thành viên trong Ban giám đốc.

- Ông có thể mời thư ký của ông cùng vào đây không? - William hỏi.

- Nếu cậu muốn.

Alan bấm nút bên góc bàn, và một phụ nữ trung niên, ăn mặc theo lối cũ, bước vào phòng.

- Chào anh Kane! - Bà chào khi thấy William - Tôi xin chia buồn về chuyện của mẹ anh.

- Cảm ơn bà! - William nói - Có ai khác đọc thư này chưa?

- Chưa, thưa anh! - Bà thư ký trả lời - Tôi đã định đánh máy ra mười hai bản để ông Lloyd ký.

- Thôi, đừng làm thế. - William nói - Và làm ơn quên lá thư này đi nhé.

Bà nhìn vào đôi mắt xanh của cậu trai mười sáu tuổi. Giống hệt cha cậu ta, bà trầm nghĩ.

- Vâng, anh Kane! - Bà ra ngoài và đóng cửa. Alan Lloyd trông rất bối rối.

- Kane và Cabot không cần một chủ tịch mới vào lúc này, ông Alan. - William nói - Trong cùng một hoàn cảnh, cha tôi và ông đều có những quyết định giống nhau.

- Không dễ như thế đâu. - Alan nói.

- Dễ như vậy mà. - William nói - Chúng ta có thể thảo luận lại chuyện này khi tôi hai mốt tuổi, trước đấy thì không. Cho đến lúc đó, tôi sẽ rất biết ơn nếu ông tiếp tục điều hành ngân hàng với sự cẩn trọng và trí thông minh thường thấy ở ông. Tôi không muốn người ta bàn tán những điều đã xảy ra bên ngoài căn phòng này. Ông hãy hủy mọi thông tin ông có về Henry Osborne và xem như chuyện này đã khép lại.

William xé lá thư từ chức và bỏ các mảnh vụn vào lò sưởi. Cậu vòng tay ôm vai Alan.

- Giờ tôi không còn gia đình nữa rồi, ông Alan, chỉ còn lại ông. Vì Chúa, xin đừng bỏ tôi!



Khi William trở lại Đồi Beacon, bà nội Kane và bà ngoại Cabot đang ngồi lặng lẽ trong phòng khách. Họ đứng cả dậy khi cậu vào. Lần đầu tiên, William nhận ra mình giờ đã là chủ gia đình Kane.

Bốn ngày sau, đám tang được tổ chức lặng lẽ tại nhà thờ St. Paul, chỉ mời người nhà và những người bạn thân, riêng Henry Osborne vắng mặt. Khi những người đến đưa tang ra về, họ đều chào William rất trịnh trọng. Hai người bà đứng ngay sau cậu như những người hộ vệ, quan sát và hài lòng với vẻ điềm tĩnh, trang nghiêm của cậu. Khi mọi người về

hết, William cùng Alan Lloyd ra xe. Ông Chủ tịch vui khi nghe William đề nghị:

- Ông biết đấy, ông Alan, mẹ tôi luôn có ý định xây một khoa Nhi cho Bệnh viện Đa khoa Massachusetts để tưởng nhớ cha tôi. Tôi muốn mong ước của bà thành hiện thực.

Wladek ở lại trong Lãnh sự quán Ba Lan tại Constantinople hơn một năm chứ không ít ngày như cậu tưởng. Cậu làm việc ngày đêm cùng Pawel Zaleski, trở thành một phụ tá, đồng nghiệp và bạn thân của ông ta. Không có gì quá khó với cậu, và Zaleski sớm phải tự hỏi mình sẽ xoay xở ra sao khi Wladek đi. Chàng trai trẻ đến thăm Lãnh sự quán Anh mỗi tuần một lần để được vào bếp dùng bữa cùng Henderson, bà đầu bếp người Scotland và được ngồi cùng ông Lãnh sự của Nữ hoàng Anh trong phòng ăn.

Quanh họ, những truyền thống của Hồi giáo cổ xưa đang dần bị xóa bỏ, và Đế chế Ottoman bắt đầu lung lay. Mustafa Kemal¹ là cái tên luôn được mọi người nhắc đến. Cảm giác về một cuộc đổi thay trước mắt khiến Wladek thêm bồn chồn. Tâm trí cậu cứ luôn nghĩ đến ngài Nam

¹ Mustafa Kemal Atatürk (1881-1938) là sĩ quan quân đội, nhà cách mạng và là Tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ.

tước và những người cậu yêu mến ở lâu đài. Cuộc vật lộn để tồn tại qua từng ngày ở Nga làm cậu quên đi, nhưng ở Thổ Nhĩ Kỳ, họ lại lặng lẽ xuất hiện trong tâm trí cậu: Nam tước, Leon, Florentyna... Thỉnh thoảng cậu thấy họ cười và vui đùa: Leon bơi trên sông, Florentyna chơi trò “cái nôi của mèo” trong phòng ngủ, khuôn mặt Nam tước mạnh mẽ và đầy tự hào dưới ánh nến buổi tối. Cậu cố lưu giữ nhưng những khuôn mặt đáng nhớ, đáng mến ấy luôn nhạt nhòa dần và hết lần này đến lần khác tái hiện thành những hình ảnh cuối cùng của họ: Leon nằm chết trên mặt đất, Florentyna đầy máu trong con hấp hối, Nam tước mù cả hai mắt và kiệt quệ.

Wladek bắt đầu thấy mình có thể không bao giờ trở lại vùng đất đầy ám ảnh ấy cho đến khi cậu gây dựng được sự nghiệp của mình. Với suy nghĩ duy nhất ấy, cậu quyết tâm di cư sang châu Mỹ, giống như người đồng hương Tadeusz Kosciuszko trước kia, Nam tước đã kể lại những câu chuyện vô cùng thú vị về ông ta. Nước Mỹ, như lời ông Pawel Zaleski mô tả, là một Tân Thế Giới. Tên gọi ấy truyền cảm hứng cho Wladek với hy vọng về tương lai, và thậm chí có thể cả cơ hội để một ngày nào đó trở lại Ba Lan trong vinh quang.

Ông Pawel là người cung cấp tiền cho chuyến di cư tới Mỹ của cậu. Họ gặp khó khăn khi xin giấy nhập cư, và phải sắp xếp trước ít nhất một năm. Wladek thấy dường như cả Đông Âu đang cố trốn đi và bắt đầu lại cuộc đời ở Tân Thế Giới.



Mùa xuân năm 1921, Wladek Koskiewicz lên tàu *Mũi Tên Đen* đi về hướng đảo Ellis, bang New York. Cậu đem theo mình một chiếc va li đựng tất cả đồ đạc và một bộ giấy tờ do ông Pawel Zaleski cấp cho. Ông Lãnh sự Ba Lan tiễn cậu đến bến tàu, ôm triu mến và tạm biệt.

- Đi theo Chúa nhé, con trai!

- Hãy sống cùng Chúa! - Cậu trả lời truyền thống của người Ba Lan tự nhiên bật ra từ sâu trong ký ức của Wladek.

Tối đầu bên kia cầu ván, Wladek nhớ lại chuyến đi kinh hoàng từ Odessa đến Constantinople một năm trước. Lần này không có đồng than nữa, chỉ có những người di cư ở khắp mọi nơi: Ba Lan, Litva, Estonia, Ukraina, Slave và cả những người mà cậu không biết họ mang quốc tịch nào. Cậu giữ chặt va li và xếp hàng chờ đợi, đây là lần chờ đợi đầu tiên trong số nhiều lần chờ đợi dai dẳng cậu phải chịu đựng trước khi được phép bước chân vào nước Mỹ.

Một viên chức giám sát những người Thổ Nhĩ Kỳ trốn tránh nghĩa vụ quân sự kiểm tra giấy tờ của cậu kĩ lưỡng, nhưng những tài liệu của Pawel Zaleski rất hoàn hảo. Wladek thầm cầu nguyện cho người đồng hương của mình trong khi quan sát những người bị bắt quay lại.

Tiếp theo là đến thủ tục tiêm chủng, rồi khám sức khỏe nhanh, Wladek có lẽ đã không vượt qua được nếu không được ăn uống đầy đủ suốt một năm qua. Cuối cùng, mọi thủ tục hoàn tất, cậu được cho xuống những khoang dưới, nơi có những gian riêng dành cho nam, nữ và những cặp vợ chồng. Wladek đến thẳng khu dành cho nam, cậu gặp

một nhóm người Ba Lan tập trung trên một khu giường sắt hai tầng lớn. Mỗi giường có một đệm rom mỏng, chăn nhẹ và không có gối. Wladek không bận tâm vì thiếu gối, cậu chưa bao giờ ngủ được khi nằm gối từ sau khi thoát khỏi Trại 201. Cậu chọn một giường bên dưới một chàng trai tầm tuổi mình.

- Tớ là Wladek Koskiewicz.

- Tớ là Jerzy Nowak, ở Warsaw, - anh chàng kia đưa tay ra và giới thiệu bằng tiếng Ba Lan - tớ sẽ đi tạo dựng vận mệnh cho mình trên đất Mỹ.

Wladek và Jerzy ngồi kể cho nhau nghe những trải nghiệm trước khi tàu rời bến, cả hai đều mừng khi có người cùng chia sẻ nỗi cô đơn, và đều không muốn thừa nhận mình hoàn toàn mù tịt về những gì sẽ xảy ra khi đến nước Mỹ. Jerzy đã mất cha mẹ trong chiến tranh nhưng lại không được nhận tiền bồi thường thỏa đáng. Cậu bị cuốn hút bởi những câu chuyện của Wladek: con trai của một Nam tước, lớn lên trong lầu của người bầy thú, bị người Đức và người Nga cầm tù, trốn thoát khỏi Siberia và thoát được tên đao phủ người Thổ Nhĩ Kỳ nhờ có chiếc vòng bạc do cha để lại cho mình. Đối với Jerzy, dường như trong mười lăm năm đó Wladek đã trải nghiệm nhiều hơn cả một đời người.

Sáng hôm sau, tàu *Mũi Tên Đen* nhổ neo. Wladek và Jerzy tựa vào lan can và nhìn Constantinople xa dần phía chân trời xanh ngắt của eo biển Bosphorus. Sau vẻ bình yên của biển Marmara, biển Aegean sóng dập dềnh làm hầu hết hành khách khó chịu vì nôn nao khôn tả. Hai phòng vệ sinh

cho những hành khách hạng chót có mười bồn rửa mặt mỗi phòng, sáu buồng vệ sinh và vòi nước mặn lạnh buốt, người ta phải xếp hàng vào ban ngày và tranh giành cả đêm. Sau hai ngày, mùi hôi thối làm Wladek nhớ đến những hầm tù trong lâu đài ở Slonim.

Đồ ăn được dọn ra trên những chiếc bàn gỗ dài trong một phòng ăn dơ dáy: súp nóng, khoai tây, cá, thịt bò luộc và bắp cải, bánh mì đen hoặc nâu. Wladek đã biết mùi những thức ăn tồi tệ hơn, nhưng từ khi thoát khỏi Seberia thì không, và cậu rất vui mừng với số đồ ăn dự trữ bà Henderson đã chuẩn bị cho mình: xúc xích, vài loại hạt và thậm chí cả một chút rượu mạnh. Cậu và Jerzy kín đáo chia nhau bữa ăn trong góc giường. Hai người ăn cùng nhau, khám phá con tàu cùng nhau, và đến đêm lại ngủ giường trên giường dưới.

Ngày thứ ba trên biển, Jerzy dẫn một cô gái Ba Lan đến bàn của họ lúc ăn tối. Cậu vô tình cho Wladek biết tên cô ấy là Zaphia. Lần đầu tiên trong đời Wladek nhìn một cô gái đến hai lần, và từ khoảnh khắc ấy cậu không thể ngừng ngắm nhìn cô. Cô gọi lại những ký ức về chị Florentyna. Đôi mắt màu xám ấm áp, mái tóc dài hoe vàng trải xuống vai, giọng nói êm ái và dịu dàng. Cậu bỗng muốn chạm vào cô. Thỉnh thoảng cô mỉm cười với Wladek, cậu cay đắng khi nhận ra rõ ràng Jerzy đẹp trai hơn mình rất nhiều. Cậu đi theo khi Jerzy đưa cô về khu dành cho nữ. Jerzy quay lại nhìn cậu, hơi khó chịu.

- Cậu không thể tìm được một cô gái cho riêng mình à? Cô ấy là của tớ mà.

Wladek không dám nhận mình không biết phải làm sao để tìm được cô gái cho riêng mình.

- Có đủ thời gian cho các cô gái khi chúng ta đến Mỹ. -
Cậu nói với vẻ khinh khỉnh.

- Sao phải đợi tới lúc đến Mỹ? Tớ muốn có càng nhiều cô càng tốt ngay trên tàu này.

- Cậu làm thế nào? - Wladek hăm hở muốn biết mà không thừa nhận sự non nớt của mình.

- Chúng ta có hơn mười hai ngày nữa trên con tàu cũ kĩ bẩn thỉu này, và khi chúng ta đến được đất Mỹ, tớ định sẽ có đủ mười hai cô em. - Jerzy khoe khoang.

- Cậu làm gì với mười hai cô em ấy? - Wladek hỏi.

- Đương nhiên là làm tình.

Wladek có vẻ bối rối.

- Lạy Chúa nhân từ! - Jerzy nói - Đừng nói với tớ rằng người đàn ông từng sống sót qua tay bọn Đức, trốn khỏi bọn Nga, giết người vào năm mười hai tuổi và suýt bị bọn Thổ man rợ chặt tay mà lại chưa bao giờ ngủ với phụ nữ nhé? - Cậu cười lớn đến nỗi một đàn hợp xướng bằng đủ mọi ngôn ngữ từ những chiếc giường xung quanh rộ lên bắt cậu im miệng.

- Chà, - Jerzy tiếp tục thì thầm - đã đến lúc mở rộng tầm mắt cho cậu rồi, vì cuối cùng thì tớ đã tìm ra một môn nào đó tớ có thể dạy cậu. - Cậu ta ngó qua một bên giường, dù cậu ta không thể trông thấy khuôn mặt Wladek trong bóng tối. - Zaphia là cô gái thông minh. Tớ dám chắc cô ấy có thể đồng ý giúp cậu hiểu biết thêm một chút. Tớ sẽ xem mình có thể sắp xếp chuyện đó không nhé.

Wladek không đáp. Hai người không nói thêm về chủ đề đó nữa, nhưng hôm sau Zaphia bắt đầu tỏ ra quan tâm hơn đến Wladek. Cô ngồi cạnh cậu trong bữa ăn và họ nói chuyện hàng giờ về cuộc sống đã qua cũng như những hy vọng của mình. Cô là trẻ mồ côi ở Poznan, đang trên đường đến đoàn tụ với các anh chị em họ ở Chicago. Wladek bảo cô rằng mình sẽ đến New York và có thể sẽ sống cùng Jerzy.

- Em hy vọng New York không cách xa Chicago. - Zaphia nói.

- Em có thể đến gặp anh khi anh làm thị trưởng. - Jerzy cười mở.

- Anh cũng là người Ba Lan, Jerzy ạ! Anh không thể nói tiếng Anh tốt như Wladek. - Cô khịt mũi chê bai.

- Anh sẽ học. - Jerzy nói tự tin - Và anh sẽ bắt đầu bằng cách đặt tên Mỹ cho mình. Từ hôm nay, anh sẽ là George Novak. Rồi anh sẽ không gặp khó khăn nữa. Mọi người ở nước Mỹ sẽ nghĩ anh là người Mỹ. Còn cậu thì sao, Wladek Koskiewicz? Cậu sẽ chẳng làm được gì nhiều với cái tên như vậy?

Wladek nhìn sang chàng George mới được đặt tên thánh trong nỗi phần uất thâm kín về chính họ tên của mình. Không thể nhận danh xưng mà cậu thấy mình là người thừa kế hợp pháp, cậu ghét cái tên Koskiewicz, nó chỉ nhắc lại xuất thân không chính đáng của cậu.

- Tớ sẽ xem xét. - Cậu nói - Thậm chí tớ sẽ giúp cậu học tiếng Anh nếu cậu muốn.

- Và tớ sẽ giúp cậu tìm một cô gái.

Zaphia cười khúc khích.

- Anh không phải lo đâu, anh ấy đã tìm được một cô rồi đấy.

Jerzy, hay như bây giờ cậu khẳng khái đòi người ta gọi mình là George, sau mỗi bữa tối lại lui vào một trong những chiếc xuống cừu hộ được che chắn bằng vải bạt cùng một cô gái khác. Wladek khao khát muốn biết cậu ta làm gì ở đó, mặc dù một vài cô gái George lựa chọn không chỉ dơ dáy mà rõ ràng không hấp dẫn, kể cả khi đã tắm rửa.

Một tối, sau khi ăn xong, George lại biến mất, Wladek và Zaphia ra boong tàu ngồi. Cô quàng cánh tay ấm áp qua cổ cậu và hôn. Cậu mạnh mẽ áp môi lên môi cô, cảm giác thật lạ lùng, và cậu không biết phải làm gì tiếp theo. Cậu sửng sốt và lúng túng khi lưỡi cô đưa qua giữa hai môi cậu. Sau những khoảnh khắc e sợ, Wladek cảm thấy môi cô gái mở ra đầy mê đắm mãnh liệt, và cậu hoảng hốt khi cảm nhận được mình đang cương cứng lên. Cậu cố gắng rút lại và không muốn làm cho Zaphia bối rối, nhưng dường như cô không bận tâm. Cô bắt đầu nhẹ nhàng áp sát cơ thể mình vào cậu một cách nhịp nhàng và kéo tay cậu xuống hông cô. Cậu gần như không thể kiềm chế nổi rạo rực ham muốn. Cô ngừng hôn và thì thầm vào tai cậu.

- Em nghĩ đến lúc cởi đồ rồi đấy, Wladek. - Cô buông cậu ra và phá lên cười khi cậu ngây ra.

- À, có lẽ nên để ngày mai. - Cô nói, đứng dậy khỏi sàn tàu trước khi hôn cậu.

Trong nỗi bàng hoàng, Wladek lóng ngóng trở về giường, nhất định cậu sẽ không biến mình thành gã ngốc

thêm lần nữa. Ngay khi cậu an vị trên giường và tưởng tượng những chuyện có thể xảy ra nếu cậu cởi quần, một bàn tay to lớn nắm tóc cậu và lôi cậu ra khỏi giường, quăng xuống sàn. Trong một tích tắc, những ý nghĩ về Zaphia biến mất. Hai gã đàn ông sừng sững trước mặt cậu, cậu chưa bao giờ gặp chúng. Chúng lôi cậu vào một góc và đẩy cậu vào tường. Một trong hai kẻ bóp chặt miệng Wladek và giết dao vào cổ cậu.

- Cấm kêu, thằng Ba Lan! - Gã cầm dao thì thầm khi giết lưỡi dao vào Wladek - Chúng tao chỉ muốn cái vòng bạc thôi.

Wladek sợ bị mất đi báu vật không kém gì bị mất đi bàn tay. Trước khi cậu kịp phản ứng, tên còn lại đã lột chiếc vòng khỏi tay cậu. Bất ngờ có ai đó nhào lên lưng tên cầm dao. Wladek thừa cơ giáng một đấm vào tên đang ghì cậu vào tường. Những người di cư đang thiu thiu ngủ quanh đó bắt đầu thức giấc và để ý việc đang xảy ra. Hai tên lưu manh không chống lại được đấm người Ba Lan và vội tẩu thoát nhanh nhất có thể, nhưng George đã kịp đâm một dao vào sườn một tên.

- Đồ chết dịch! - Wladek chửi khi quay về chỗ.

- Tớ không nghĩ chúng dám trở lại ngay đâu. - George nói. Cậu nhìn xuống chiếc vòng bạc đang nằm trong đống mùn cưa trên sàn. - Thật tuyệt! - Cậu nói với vẻ cung kính - Sẽ luôn có những kẻ tìm đến vì món đồ quý này.

Wladek nhặt chiếc vòng lên và đeo lại vào cổ tay.

- Suýt nữa thì cậu mất nó nhé. - George nói - May cho cậu tối nay tớ về hơi muộn.

- Sao cậu về muộn? - Wladek hỏi.
- Tớ thấy một tên gốc khác trong buồng cứu hộ của tớ tối nay, nó đã tụt quần xuống. Tớ vội tống cổ nó luôn.
- Cậu làm thế nào? - Wladek hỏi khi leo lên giường.
- Tớ bảo cô gái mà nó đang cưới bị bệnh giang mai. Tớ chưa từng thấy thằng nào mặc quần nhanh như thế.
- Cậu làm gì khi ở trong buồng cứu hộ? - Wladek hỏi.
- Làm tình. Cậu nghĩ tớ làm gì? - George nói rồi lăn ra giường và ngủ.

Nằm trên giường mà không ngủ nổi, Wladek mân mê chiếc vòng bạc và nghĩ về những lời George nói, nghĩ mãi không biết “làm tình” với Zaphia như thế nào.

Sáng hôm sau, con tàu gặp bão, mọi hành khách bị yêu cầu xuống khỏi boong. Mùi hôi của quá nhiều người ở gần nhau dường như ngấm vào từng tắc trong khoang của họ, cộng thêm với hệ thống sưởi của con tàu, và một số người nôn mửa dữ dội.

- Điều tệ nhất là, - George rên rỉ - giờ tớ sẽ không thể làm tròn con số mười hai nữa.

Khi đông tố dịu đi, bất cứ người nào còn có thể đi lại đều lên boong. Wladek và George lách qua lối đi đông kín, cảm tạ vì được hít thở không khí trong lành. Nhiều cô gái mỉm cười với George, trong khi chẳng ai buồn nhìn Wladek đến lần thứ hai. Một cô tóc đen, hai má ửng hồng vì gió, mỉm cười khi đi ngang George. Cậu quay sang Wladek.

- Tối nay tớ sẽ có được cô nàng.
- Wladek nhìn cô gái không chớp mắt và nhận ra cách cô ta nhìn George.

- Tối nay nhé! - George nhắc lại khi cô gái đến gần. Cô giả vờ không nghe thấy, bước đi nhanh hơn.

- Quay lại đi, Wladek, và hãy xem có phải cô ấy vẫn nhìn tớ không.

Wladek quay lại.

- Đúng, đang nhìn cậu. - Cậu ngạc nhiên nói.

- Tối nay cô ấy là của tớ. - George nói - Cậu đã có gì với Zaphia chưa?

- Chưa. - Wladek nói - Tối nay cơ.

- Đến lúc rồi. Tóm lại, cậu sẽ không bao giờ gặp lại cô ấy nữa khi chúng ta đến New York.

Tối hôm đó, George đi ăn cùng cô gái tóc đen họ đã gặp trên boong. Wladek và Zaphia rời khỏi bàn, lên boong tàu và đi dạo quanh con tàu vài lần. Wladek liếc nhìn sang thấy cô nhìn nghiêng rất đáng yêu. Phải là lúc này hoặc sẽ không bao giờ nữa. Cậu dẫn cô vào một góc tối gần một trong những chiếc xuồng cứu hộ và hôn cô. Đôi môi cô khẽ mở đáp lại nụ hôn, và ngả người ra sau cho đến khi hai vai tựa lên tấm vải bạt. Hai người nghe thấy tiếng rên rỉ từ bên trong chiếc xuồng. Không hề gì. Wladek áp sát vào cô và cô kéo tay cậu nhẹ nhàng lên ngực cô. Cậu ngập ngừng khi chạm vào cặp vú, sưng sờ trước cảm giác mềm mại. Cô mở liền hai cúc áo và đưa tay cậu vào trong. Cảm giác đầu tiên của cậu là da thịt cô thật hấp dẫn.

- Chúa ơi, tay anh lạnh quá! - Zaphia nói.

Wladek thu vội tay lại, miệng khô cứng, hơi thở nặng nề. Cô hơi giạng chân ra và Wladek vụng về ngã lên cơ thể

cô, cậu thấy còn vương nhiều lớp quần áo nữa. Cô âu yếm cậu thêm vài phút rồi đẩy cậu ra.

- Không phải ở trên sàn. - Cô nói - Tìm một cái xuống nhé.

Ba chiếc xuống đầu tiên họ kiểm tra đều đã có người, nhưng cuối cùng họ tìm được một chiếc còn trống và chui vào dưới vải bạt. Trong bóng tối đen như hắc ín, Wladek có thể nghe thấy cô đang chỉnh sửa lại quần áo. Sau đó cô nhẹ nhàng kéo cậu lên người mình. Cô không mất nhiều thời gian để khiến Wladek hào hứng trở lại, dù vẫn chưa cởi hết đồ. Cậu đẩy mình vào giữa hai chân cô, và khi đang phấn khích thì cô lại đẩy cậu ra.

- Sao anh không cởi quần ra? - Cô thì thầm.

Cậu vội vã cởi tung hàng cúc, tiến sâu vào bên trong cô và nhanh chóng đạt đến đỉnh điểm khoái lạc. Cậu nằm xuống trong mê mị và xáo trộn đột ngột, rồi thấy những khe gỗ của chiếc xuống đâm vào khuỷu tay, đầu gối cậu rất đau và khó chịu.

- Đây là lần đầu tiên anh làm tình với một cô gái à? - Zaphia hỏi, cô muốn cậu lại nằm lên người mình.

- Không, đương nhiên là không rồi.

- Anh có yêu em không, Wladek?

- Có, anh yêu em. - Cậu nói - Ngay khi định cư ở New York, anh sẽ đến Chicago tìm em.

- Wladek, em mong điều đó. - Cô vừa nói vừa mặc lại chiếc váy - Em cũng yêu anh.



- Cậu chén cô ấy rồi à? - George hỏi câu đó trước tiên khi Wladek quay lại.

- Ừ.

- Thích không?

- Không tệ, - Wladek nói - nhưng tớ có cô khác rồi.



Buổi sáng, hai người bị đánh thức bởi tiếng ồn do những hành khách khác đang ăn mừng ngày cuối cùng trên tàu *Mũi Tên Đen*. Một vài người đã lên boong tàu từ rất lâu trước bình minh, hy vọng được nhìn thấy hình ảnh đầu tiên của đất liền.

Wladek xếp đồ đạc vào va li, mặc bộ đồ duy nhất, đội mũ, cùng Zaphia và George lên boong. Ba người nhìn ra xa, yên lặng chờ để lần đầu tiên được thấy bóng dáng nước Mỹ.

- Kia kìa! - Một hành khách reo lên từ trên boong tàu, và tiếng reo vui vỡ òa khi càng lúc càng có nhiều hành khách nhìn ra dải đất Long Island màu xám phía chân trời. Một tàu kéo nhỏ hối hả lướt bên sườn tàu *Mũi Tên Đen*, dẫn con tàu đi giữa Brooklyn và Staten Island vào cảng New York. Tượng Nữ thần Tự do như đang chào đón họ và giờ ngọn đuốc vươn cao giữa bầu trời buổi sớm. Wladek sững sờ trước những đường nét của Manhattan đang hiện dần ra. Cuối cùng, con tàu bỏ neo gần những tòa nhà màu đỏ hình tháp và có dạng xoắn ốc gần đảo Ellis. Những hành khách hạng nhất và hạng hai - những người có phòng riêng và khoang riêng - được lên bờ trước. Đến tận sáng hôm nay Wladek mới trông thấy họ. Hành lý của họ được phu khuân vác mang giúp, họ được chào đón bằng những khuôn mặt rạng rỡ trên bến tàu. Wladek biết không có khuôn mặt rạng rỡ nào chào đón cậu.

Sau khi một số ít người được chiếu cố cho lên trước, thuyền trưởng thông báo trên loa phóng thanh: những hành khách còn lại sẽ không được rời tàu trong vài giờ nữa. Mỗi khi thông báo được dịch ra một ngôn ngữ khác thì lại có một tràng rên rỉ thất vọng vang lên. Zaphia ngồi xuống sàn tàu và òa khóc. Wladek cố dỗ dành cô. Sau chót, một sĩ quan phụ trách nhập cư xuất hiện với những tấm thẻ có đánh số, ông ta đeo chúng vào cổ những hành khách. Trên cổ Wladek là số B.127, tấm thẻ nhắc cậu nhớ về lần cuối cùng cậu bị đánh số. Liệu nước Mỹ có tồi tệ hơn những trại tù ở Nga không?

Đến tận giữa buổi chiều, đoàn người vẫn không được cung cấp thức ăn, cũng không có thêm thông tin gì. Một thông báo trên loa phóng thanh cho biết họ có thể lên bờ. Wladek, George và Zaphia hòa mình vào dòng người chậm chậm đổ xuống cầu ván để đặt chân lên đất Mỹ lần đầu tiên. Lập tức, đàn ông bị tách khỏi đàn bà và được đưa đến một lán khác. Wladek hôn Zaphia và không muốn để cô đi, cứ giữ cô lại trong hàng. Một sĩ quan tách họ ra.

- Được rồi, cứ đi đi, - ông ta nói - hai người sẽ có thể gặp lại ở bờ bên kia. - Wladek không còn trông thấy Zaphia nữa khi cậu và George bị đẩy về phía trước.

Họ trải qua đêm đầu tiên trên đất Mỹ trong một lán trại ẩm thấp. Không ai ngủ nổi khi những thông dịch viên đi lại giữa những hàng giường kín người, trợ giúp những người nhập cư còn đang hoang mang.

Đến sáng, tất cả xếp hàng để kiểm tra sức khỏe. Wladek bị yêu cầu trèo lên một cầu thang dốc, ông bác sĩ mặc y

phục xanh bắt cậu thực hiện đến hai lần, quan sát tỉ mỉ đôi chân của cậu. Wladek cố gắng hết sức để khắc phục tối đa chứng tập tễnh cho đến khi ông bác sĩ thấy hài lòng. Tiếp theo, Wladek bị yêu cầu bỏ mũ và cổ áo, người ta kiểm tra khuôn mặt, mắt, tóc, tay và cổ cậu cẩn thận. Người đứng phía sau cậu bị sút môi, bác sĩ ngăn anh ta lại ngay, đánh dấu chữ thập lên vai phải anh ta và yêu cầu anh ta sang đầu bên kia khu lán.

Khám thân thể xong, Wladek cùng George đứng trong một hàng khác bên ngoài Phòng khám công cộng, mỗi người được phỏng vấn trong năm phút. Wladek tự hỏi mọi người sẽ bị hỏi những gì. Ba tiếng sau, George được dẫn vào một phòng nhỏ. Khi ra, cậu cười nhả nở.

- Dễ thôi, - cậu nói - kể cả với gã khờ như cậu. - Wladek thấy hai bàn tay đổ mồ hôi khi cậu bước lên trước và đi theo người sĩ quan vào một căn phòng nhỏ tuềnh toàng. Có hai người đang ngồi sau bàn ghi tốc ký trên loại giấy giống như những giấy tờ thể thức.

- Anh nói được tiếng Anh không? - Người thứ nhất hỏi.

- Có, thưa ngài, tôi nói khá tốt. - Wladek đáp, ước là mình đã thực hành tiếng Anh nhiều hơn trong hải trình vừa rồi.

- Tên anh là gì?

- Wladek Koskiewicz, thưa ngài!

Người thứ hai chuyển cho cậu một cuốn sách lớn màu đen.

- Anh biết đây là sách gì không?

- Có, thưa ngài, là Kinh thánh.
- Anh có tin vào Chúa không?
- Có, thưa ngài, tôi tin.
- Đặt tay anh lên Kinh thánh và thề anh sẽ trung thực trả lời những câu hỏi của chúng tôi.

Wladek đặt tay phải lên cuốn Kinh thánh và thề: “Tôi xin thề sẽ nói sự thật”.

- Anh mang quốc tịch gì?
- Ba Lan ạ!
- Ai chi trả cho chuyến đi của anh?
- Tôi tự trả bằng số tiền tôi kiếm được ở Lãnh sự quán Ba Lan tại Constantinople.

Người viên chức thứ nhất đọc giấy tờ của Wladek, gật đầu rồi hỏi:

- Anh có nơi nào để đến chưa?
- Có rồi, thưa ngài! Tôi ở nhà ông Peter Novak. Ông ấy là bác của bạn tôi. Ông ấy sống ở New York.
- Tốt. Anh có công việc chưa?
- Có rồi, thưa ngài! Tôi đi làm ở tiệm bánh nướng của ông Novak.

- Anh đã bao giờ bị bắt giữ chưa? - Người còn lại hỏi. Nước Nga thoáng hiện lên trong tâm trí Wladek. Không cần nói đến điều đó. Thổ Nhĩ Kỳ - cậu sẽ không đề cập đến.

- Chưa, thưa ngài, chưa bao giờ.
- Anh là người vô chính phủ à?
- Không, thưa ngài!
- Anh sẵn lòng tuân thủ pháp luật của nước Mỹ chứ?

- Vâng, thưa ngài!

- Anh có tiền chứ?

- Vâng, thưa ngài!

- Chúng tôi có thể xem không?

- Được, thưa ngài! - Wladek đặt gói tiền giấy và một ít tiền xu lên bàn.

- Cảm ơn anh! - Người thẩm vấn nói - Anh có thể cất tiền đi được rồi.

- 21 cộng 24 bằng bao nhiêu? - Người thứ hai hỏi.

- 45. - Wladek đáp không do dự.

- Một con bò có bao nhiêu chân?

Wladek không tin vào tai mình.

- Bốn chân, thưa ngài! - Cậu tự hỏi đó có phải một câu hỏi mẹo không.

- Còn một con ngựa?

- Bốn chân, thưa ngài! - Wladek nói và vẫn còn ngờ vực.

- Anh sẽ ném thứ gì xuống biển nếu anh ở trên một chiếc thuyền quá tải giữa đại dương và cần làm thuyền nhẹ bớt, ném bánh mì hay tiền?

- Tiền, thưa ngài! - Wladek đáp.

- Tốt. - Người thẩm vấn cầm một tấm thẻ có đề “Chấp nhận” và đưa cho Wladek - Sau khi anh đổi số tiền của anh sang đồng đô, hãy đưa thẻ này cho sĩ quan của Sở Di trú xem. Cho ông ta biết họ tên đầy đủ của anh và ông ta sẽ cấp cho anh thẻ đăng ký. Sau đó anh sẽ được cấp giấy chứng nhận nhập cảnh. Nếu anh không phạm tội trong vòng năm năm, và vượt qua bài kiểm tra đọc và viết bằng

tiếng Anh cũng như đồng ý tuân thủ Hiến pháp, anh sẽ được hưởng đầy đủ quyền công dân Hoa Kỳ. Chúc may mắn, Wladek!

- Cảm ơn ngài.

Ở quầy đổi tiền, Wladek đưa hết số tiền Thổ Nhĩ Kỳ tiết kiệm được trong một năm và ba tờ 50 rúp. Cậu được trao lại 47 đô và 20 cent khi đổi số tiền Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cậu được họ cho biết những tờ rúp là vô giá trị. Cậu nghĩ về bác sĩ Dubien và mười lăm năm miệt mài dành dụm.

Khâu cuối cùng là gặp sĩ quan của Sở Di trú, ông ta ngồi sau một bàn làm việc gần rào chắn của lối ra, ngay dưới một bức ảnh của Tổng thống Harding. Wladek và George tiến đến trước mặt ông ta.

- Họ tên đầy đủ? - Người sĩ quan hỏi George.

- George Novak. - Cậu trả lời chắc chắn. Ông sĩ quan viết họ tên cậu lên một tấm thẻ.

- Còn địa chỉ? - Ông ta lại hỏi.

- 286 phố Broome, New York.

Viên sĩ quan đưa một tấm thẻ cho George.

- Đây là giấy phép nhập cư của anh. MDL21871707 - George Novak. Chào mừng đến nước Mỹ, anh George. Tôi cũng đến từ Ba Lan. Tôi nghĩ anh sẽ sống tốt ở Mỹ. Xin chúc mừng anh, và chúc may mắn, anh George.

George cười và bắt tay người sĩ quan rồi đứng một bên đợi bạn mình. Người sĩ quan chú ý đến Wladek, cậu vừa đưa tấm thẻ đề “Chấp nhận” ra.

- Họ tên đầy đủ? - Người sĩ quan hỏi.

Wladek ngần ngừ.

- Tên anh là gì? - Ông ta nhắc lại to hơn.

Wladek không thể thốt ra được từ nào. Cậu ghét cái tên quê mùa của mình làm sao!

- Lần cuối, tên anh là gì? - Ông ta nhấn mạnh.

George nhìn Wladek chăm chăm. Rất nhiều người khác đang đứng đợi sau cậu cũng nhìn. Wladek vẫn không nói. Người sĩ quan tiến vươn tới chụp cổ tay cậu, nhìn kĩ dòng chữ trên chiếc vòng bạc, viết gì đó xuống một tấm thẻ và đưa cho Wladek.

- Đây là giấy phép nhập cư của anh, MDL21871708 - Nam tước Abel Rosnovski. Chào mừng đến với nước Mỹ. Xin chúc mừng anh, và chúc may mắn, anh Abel.

PHẦN HAI

1923-1928



T háng Chín năm 1923, William được bầu làm lớp trưởng lớp nhất của trường St. Paul, vừa đúng 33 năm sau khi cha anh có được vị trí ấy. William được bầu không phải vì anh là vận động viên giỏi nhất hoặc nam sinh nổi tiếng nhất trong trường. Matthew Lester, bạn thân nhất của anh, chắc chắn sẽ thắng mọi cuộc tranh tài dựa trên các tiêu chuẩn ấy. Đơn giản vì William là nam sinh ấn tượng nhất trong trường và về mặt này Matthew không thể đấu lại bạn mình. Trường St. Paul cũng ghi nhận William là ứng viên cho học bổng Toán học Hamilton để vào Harvard, và William cất lực tập trung cho mục tiêu đó hàng ngày hàng giờ.

Khi trở lại Dinh Thự Đỏ để đón Giáng sinh, anh mong một chuỗi ngày không bị gián đoạn để thấu hiểu *Nguyên lý Toán học*. Nhưng không như anh muốn, có nhiều lời mời tới dự các bữa tiệc và những buổi khiêu vũ chờ anh đến. Đối với phần đông những người ấy, anh có thể trả lời

bằng thư xin lỗi lịch thiệp, nhưng có những người hoàn toàn không thể tránh được. Bà nội và bà ngoại anh đã bố trí một buổi khiêu vũ, tổ chức ở tại Dinh Thự Đỏ. William không biết đến năm bao nhiêu tuổi anh mới có thể để gia đình mình thoát khỏi sự can thiệp của hai cụ già này, rồi kết luận giờ vẫn chưa phải lúc. Anh có rất ít bạn thân ở Boston, nhưng điều đó cũng không ngăn được hai người bà ngồi soạn một danh sách khách mời dài lê thê. Để đánh dấu sự kiện này, họ tặng William bộ âu phục dạ tiệc đầu tiên, kiểu mới nhất, có hai lần ngực. Anh làm bộ nhận món quà với vẻ lãnh đạm, nhưng sau đó khi hãnh diện đi lại quanh phòng ngủ, anh tự ngưỡng mộ hình ảnh của mình trong gương.

Hôm sau, William gọi một cuộc điện thoại đường dài đến New York và mời Matthew cùng anh đến “sự vụ khủng khiếp” này. Em gái Matthew cũng muốn đến, nhưng mẹ cô không nghĩ đến bữa tiệc đó là “phù hợp”, trừ khi có người giám hộ.

William đứng trên sân ga chào đón khi Matthew bước ra khỏi tàu.

- Thử nghĩ xem nào, - Matthew nói khi người tài xế chở họ về Đồi Beacon - chẳng phải đã đến lúc cậu cần hò hẹn rồi sao, William? Ở Boston không có cô nào ra hồn sao?

- Sao vậy Matthew, cậu ngủ với cô nào rồi à?

- đương nhiên, tháng Mười hai năm ngoái, ở New York.

- Lúc đó tớ đang làm gì?

- Có thể đang học đòi Bertrand Russell¹.
- Cậu chưa hề kể với tớ về cô ấy.
- Không có gì nhiều để mà kể. Tất cả xảy ra tại tiệc Giáng sinh của nhân viên trong ngân hàng. Thực ra, nói chính xác sự kiện đó là thế này, tớ đã bị một trong số những thư ký của giám đốc lợi dụng, một cô gái dễ thương tên Cynthia có bộ ngực khủng cứ đóng đũa đưa khi...

- Cậu có thích không?
- Có, nhưng tớ không rõ Cynthia có thích không. Cô ấy quá say nên không nhận ra tớ có mặt lúc ấy. Tuy nhiên, tớ phải có *lần đầu tiên* ở một nơi nào đó, và cô ấy sẵn lòng giúp con trai của sếp.

Hình ảnh về bà thư ký trung niên, đoan trang của Alan Lloyd lướt qua tâm trí William.

- Tớ không nghĩ cơ hội có chuyện ấy lần đầu với thư ký của chủ tịch đều đầy hứa hẹn. - Anh lơ đãnh.

- Cậu sẽ ngạc nhiên đấy. - Matthew tỏ vẻ hiểu biết - Những người bước đi với hai chân khép chặt đôi khi lại là những người nồn nóng khi cần giạng chân.

- Matthew, chỉ căn cứ vào một lần say rượu đó thì cậu chưa có quyền coi mình là một nhà tiên tri được. - William nói khi chiếc xe dừng lại bên ngoài Dinh thự Đỗ.

- Ô, cậu ghen tị với người bạn thân nhất của cậu! - Matthew thở dài chế giễu khi họ bước vào nhà - Chà! Chắc hẳn cậu đã thay đổi một số thứ từ sau lần cuối cùng tớ

¹ Bertrand Arthur William Russell (1872-1970) là triết gia, nhà logic học, nhà toán học người Anh thế kỷ 20.

ở đây. - Anh nói thêm, trong lòng ngưỡng mộ bộ đồ mây hiện đại và lớp giấy dán tường mới có họa tiết cánh hoa. Chỉ có chiếc ghế da sẫm màu là vẫn nằm nguyên vị trí cũ.

- Nơi này cần sáng hơn chút nữa, - William nói - giống như sống ở thời kì Đồ đá vậy. Bên cạnh đó, tớ không muốn nó gọi nhắc đến... Thôi nào, đây đâu phải lúc đi loanh quanh tán nhảm về trang trí nội thất.

- Mấy giờ khách sẽ đến dự tiệc?

- Khiêu vũ, Matthew ạ! Hai bà của tớ cứ một mực gọi buổi hôm nay là khiêu vũ.

- Chỉ có duy nhất một thứ có thể được xem là khiêu vũ trong những dịp này.¹

William cười và nhìn đồng hồ.

- Khách có thể bắt đầu đến trong hai tiếng nữa. Giờ phải đi tắm và thay đồ. Cậu có nhớ mang theo âu phục dạ tiệc không?

- Có. Nếu lỡ quên tớ vẫn có thể mặc đồ ngủ. Tớ thường quên một trong hai loại ở nhà, nhưng tớ chưa bao giờ quên cả hai thứ cùng lúc.

- Tớ không nghĩ bà tớ sẽ cho cậu xuất hiện ở buổi khiêu vũ trong bộ đồ ngủ đâu.



Những người phục vụ đồ ăn đến vào lúc 6 giờ, hai mươi ba người tất cả, và hai người bà đường hoàng trong những chiếc váy ren màu đen dài quét đất, đến vào lúc 7 giờ để giám sát công việc chuẩn bị. William và Matthew cùng họ vào phòng khách lúc gần 8 giờ. William định lấy quả anh đào đỏ trên đỉnh

¹ Chữ "ball" là khiêu vũ, nhưng khi ở dạng số nhiều (balls) cũng mang nghĩa là tình hoàn. Nhân vật Matthew luôn thích nói đến chuyện tình dục.

chiếc bánh kem tuyệt đẹp thì nghe tiếng bà nội Kane ngay phía sau.

- Đừng động vào đồ ăn, William, không dành cho cháu đâu.

Anh quay lại.

- Vậy dành cho ai? - Anh hỏi và hôn má bà.

- Đừng trẻ con như thế, William. Dù cháu đã cao hơn một mét tám cũng không có nghĩa ta sẽ không đánh đòn cháu.

Matthew cười ngất.

- Bà nội, cháu xin giới thiệu người bạn thân nhất, Matthew Lester!

Bà nội Kane dò xét Matthew kĩ lưỡng qua đôi kính trước khi hỏi:

- Thế nào cháu, chàng trai trẻ?

- Rất hân hạnh được gặp bà, bà Kane. Cháu tin bà biết ông cháu.

- Biết ông cháu? Caleb Longworth Lester? Ông ấy đã từng cầu hôn ta, hơn năm mươi năm trước. Đương nhiên ta đã làm ông ta thất vọng. Ta bảo ông ấy uống rượu quá nhiều và điều đó sẽ đưa ông ấy xuống mồ sớm. Và ta đã đúng, nên đừng noi gương ông ta nhé, cả hai cháu. Hãy nhớ, rượu sẽ hủy hoại đầu óc.

- Chúng cháu gần như không có nhiều dịp uống rượu khi đã có Lệnh Cấm Rượu. - Matthew vô tư đáp.

Bà Kane phớt lờ lời bình luận ấy và chú ý đến danh sách khách mời. Những vị khách bắt đầu xuất hiện sau 8 giờ,

nhiều người William thấy lạ hoắc, nhưng anh rất mừng khi thấy Alan Lloyd trong số những người đến sớm.

- Trông cậu được đấy, chàng trai! - Alan nhận ra đây là lần đầu tiên mình đến thăm William.

- Ông cũng vậy. Thật mừng vì ông đã đến.

- Mừng sao? Cậu quên người mời tôi là hai bà của cậu à? Tôi có thể đủ can đảm để từ chối một người, nhưng cả hai thì...

- Ông mà cũng vậy ư, Alan? - William cười - Ông có thể cho tôi chút thời gian không?

Anh dẫn ông Chủ tịch vào một góc yên tĩnh và trao đổi nhanh:

- Tôi muốn thay đổi kế hoạch đầu tư của mình một chút, và bắt đầu mua cổ phiếu của Ngân hàng Lester bất cứ khi nào chúng được bán ra thị trường. Tôi muốn giữ 5% trong công ty khi hai mốt tuổi.

- Sẽ không dễ đâu nhé. - Alan đáp - Cổ phiếu Lester không mấy khi được bán ra, vì đều nằm trong tay tư nhân cả. Nhưng tôi sẽ xem mình có thể làm được gì không. Tôi có thể hỏi cậu đang suy tính gì không, William?

- Xem nào, kế hoạch dài hạn của tôi là...

- William!

William quay lại thấy bà ngoại Cabot đã đến bên hai người, vẻ mặt cương quyết.

- William, đây là buổi khiêu vũ, không phải họp hội đồng, tối nay bà chưa thấy cháu khiêu vũ.

- Đúng đấy! - Alan nói - Bà ngồi cạnh tôi nhé, bà Cabot, tôi sẽ đá cậu chàng này ra ngoài thế giới thực. Chúng ta có thể xem khiêu vũ và thưởng thức âm nhạc.

- Nhạc ư? Đó đâu phải nhạc, ông Alan. Chẳng khác gì mớ tạp âm không có vần điệu.

- Bà yêu quý, - William nói - đó là bài *Vâng, chúng ta không có chuối*, bài hát đình đám nhất gần đây của...

- Vậy thì đã đến lúc bà phải rời bỏ thế giới này rồi. - Bà ngoại Cabot nhăn nhó nói.

- Không đời nào, thưa bà. - Alan Lloyd lịch lãm đỡ lời.

William ra phía ngoài và nhảy với hai cô gái mà anh nhớ mang máng đã gặp trước kia nhưng không nhớ tên. Khi nhìn ra Matthew đang ngồi trên chiếc sofa trong góc, anh mừng rỡ lấy cớ xin phép cáo lui. Anh không để ý cô gái ngồi bên cạnh bạn mình cho đến khi anh đến trước mặt họ. Khi cô gái ngẩng lên, anh cảm thấy đầu gối bủn rủn.

- Cậu có biết Abby Blount không? - Matthew hỏi.

- Không. - William đáp, mắt không thể rời khỏi cô gái.

- Đây là chủ nhà, anh William Lowell Kane.

Cô gái e thẹn nhìn xuống khi William ngồi xuống cạnh cô. Matthew đã nhận ra vẻ mặt của William và đứng dậy bỏ đi tìm chút rượu.

- Sao bao lâu nay anh sống ở Boston mà mình chưa hề gặp nhau nhỉ? - William hỏi.

- Chúng mình đã gặp nhau một lần rồi, anh Kane. - Abby nói - Lần đó anh đẩy em xuống hồ nước ở công viên Common. Cả hai chúng ta lúc đó mới ba tuổi. Chuyện đã mười bốn năm rồi, và em vẫn chưa tha thứ cho anh.

- Anh xin lỗi! - William nói sau khi ngừng một lúc để tìm câu trả lời dí dỏm hơn mà không được.

Abby cười, cố giúp anh đỡ bối rối.

- Nhà anh thật đẹp, William ạ! - Cô nói.

Anh lại im lặng một lúc nữa.

- Cảm ơn em! - William trả lời yếu ớt. Anh liếc sang, cố không để lộ ra mình đang nhìn cô chăm chú. Cô mảnh dẻ - quá mảnh mai - với đôi mắt to màu nâu, lông mi dài và nét mặt khiến bất cứ người đàn ông nào cũng muốn ngắm nhìn cô lâu hơn. Mái tóc nâu vàng của cô được uốn theo kiểu anh vốn không ưa, nhưng từ nay trở đi anh sẽ thích.

- Matthew bảo em năm tới anh sẽ đến học ở Harvard. - Cô hỏi lại.

- Đúng thế. Ý anh là em có muốn nhảy không?

- Cảm ơn anh! - Cô đáp.

Nhưng khiêu vũ ít phút trước anh còn thấy dễ dàng thì giờ dường như lại khó khăn. Anh giẫm vào chân Abby và liên tục khiến cô va vào những người khác. Anh xin lỗi và cô mỉm cười. Anh ôm cô gần hơn chút nữa trong lần nhảy thứ tư.

- Dường như cô gái đó đã độc chiếm William suốt một tiếng đồng hồ vừa qua? - Bà ngoại Cabot hỏi trong nghi ngờ.

Qua ô cửa sổ, bà nội Kane giương mục kính ngắm nghía cô gái đi cùng William ra bãi cỏ.

- Abigail Blount! - Bà nội Kane khẳng định.

- Cháu gái đô đốc Blount hả? - Bà ngoại Cabot hỏi.

- Đúng thế.

Bà ngoại Cabot khẽ gật đầu, tỏ vẻ ưng thuận.

William dẫn Abby đến cuối vườn và dừng lại bên cây dẻ lớn hồi nhỏ anh hay leo trèo.

- Anh luôn tìm cách hôn một cô gái trong lần đầu gặp gỡ à? - Abby hỏi.

- Nói thật là, - William thú nhận - anh chưa bao giờ hôn con gái cả.

- Em thấy rất hãnh diện đấy. - Abby cười.

Cô xoay một bên má ửng hồng ra cho anh, nhưng rồi lại bảo ở ngoài quá lạnh và đòi được vào nhà. Hai người bà thấy họ trở lại thì cố tỏ ra hài lòng. Cuộc vui kết thúc, các vị khách ra về hết, hai chàng trai đi dạo trong vườn, trò chuyện về buổi tối.

- Bữa tiệc không đến nỗi nào. - Matthew nói - Đáng để đi từ New York về tỉnh lẻ, dù cậu đã cướp mất cô gái của tớ.

- Cậu nghĩ cô ấy sẽ giúp tớ vào đời à? - William hỏi, phớt lờ câu trách đùa của bạn.

- Cậu có hai tuần để tìm hiểu mà. Nhưng tớ e rằng cậu sẽ nhận ra cô ấy cũng vẫn còn trong trắng.

- Sao cậu chắc chắn vậy? - William hỏi.

- Cứ xem cách cô ấy nhìn cậu thôi. Trinh nữ luôn đỏ mặt. Tớ sẵn lòng cá năm đô rằng cô ấy không xiêu lòng, ngay cả trước bùa mê của William Lowell Kane.

Hai người bắt tay nhau.



William lập chiến thuật rất cẩn thận. Vào đời là một chuyện, nhưng mất năm đô cho Matthew Lester còn quan

trọng hơn. Sau buổi khiêu vũ đó, anh gần như ngày nào cũng gặp lại Abby, tận dụng việc lần đầu tiên anh được sở hữu nhà và xe riêng. Anh bắt đầu cảm thấy mình sẽ tiến triển nhanh hơn nếu cha mẹ Abby không thận trọng kèm sát cô, họ hình như luôn giữ khoảng cách nhất định và anh không thể gần mục tiêu hơn cho tới tận ngày cuối cùng của kì nghỉ.

Quyết không để mất năm đó, sáng hôm đó, anh gửi Abby một bó hoa hồng. Buổi tối anh đưa cô ra ngoài ăn bữa tối sang trọng ở nhà hàng Joseph và cuối cùng đêm đó đã kéo được cô về Dinh thự Đỏ.

- Làm thế nào mà anh có được một chai whiskey? - Abby hỏi.

- Không khó nếu em quen biết đúng người. - William khoác lác.

Sự thật là anh đã giấu một chai whiskey của Henry Osborne trong phòng ngủ ngay sau khi ông ta bỏ đi, và giờ anh thấy mừng vì mình đã không đổ hết chúng như lúc đầu anh định làm. Rượu làm William thở hổn hển và mắt Abby đắm nước. Anh ngồi xuống bên cạnh cô và tự tin quàng tay qua vai cô. Cô ngã vào vòng tay anh.

- Abby, anh thấy em đẹp vô cùng! - Anh thì thầm qua những lọn tóc nâu vàng. Cô nhìn anh chăm chú, đôi mắt nâu mở to.

- Ôi, William, - cô thở ra - còn em thấy anh thật tuyệt.

Cô ngửa ra sau, nhắm mắt lại và để cho anh hôn lên môi lần đầu tiên. William trở nên táo bạo, lướt bàn tay từ cổ tay cô lên ngực cô và dừng ở đó như viên cảnh sát giao

thông đang ngăn đoàn xe mỗi lúc một đông. Cô giận dữ gạt “viên cảnh sát” đi để đoàn xe được lưu thông.

- William, anh không được làm thế chứ.

- Sao lại không? - William gắng gượng làm lại màn dạo đầu.

- Vì anh không thể nói trước chuyện này sẽ kết thúc thế nào.

- Anh có ý này rất hay.

Trước khi anh kịp đổi mới bước tiến này, Abby vội đứng dậy khỏi sofa và chỉnh lại quần áo.

- Em nghĩ em nên về nhà, William ạ!

- Nhưng em chỉ vừa mới đến mà.

- Em không muốn mẹ biết những gì em vừa làm.

- Em có thể không nói với mẹ.

- Và em nghĩ tốt nhất là nên làm vậy. - Cô đáp.

- Nhưng mai anh sẽ trở lại... - anh tránh nói “trở lại trường” - và anh sẽ không gặp em suốt ba tháng.

- Ôi, anh có thể viết thư cho em mà, William.

Không giống anh chàng Rudolph Valentino quyến rũ kia, William biết khi nào mình thất bại.

- Ừ, dĩ nhiên rồi. - Anh nói. Anh đứng dậy, chỉnh lại cà vạt, nắm tay Abby rồi đưa cô về.

Hôm sau, trở lại trường St. Paul, Matthew Lester nhận năm đô la bạn đưa và giả vờ nhướn chân mày lên ngạc nhiên.

- Nói gì đi, Matthew, rồi tớ sẽ cầm gậy bóng chày đuổi đánh cậu chạy quanh trường.

- Tớ không thể nghĩ được câu gì diễn tả hết nỗi cảm thông sâu sắc với cậu.

- Matthew, - anh cảnh cáo, - quanh trường luôn đầy nhé.



William quen vợ của thầy giáo phụ trách ký túc xá trong kì cuối ở trường St. Paul. Bà Raglan đẹp, có một chút bụng và hông hơi xệ nhưng vòng ngực tuyệt đẹp, mái tóc đen dày búi trên đỉnh đầu mới điểm ít sợi bạc. Một ngày thứ Bảy, khi William bị bong gân cổ tay vì chơi khúc côn cầu, bà Raglan băng bó cho anh bằng miếng gạc lạnh, bà đứng gần quá mức, khiến tay William cọ vào bộ ngực của bà. Anh thích cảm giác đó. Một lần khác, khi anh bị sốt và phải nằm trong phòng y tế ít ngày, bà đích thân mang đồ ăn cho anh và ngồi bên giường. Trong khi anh ăn, thân hình bà chạm vào chân anh qua lớp chăn mỏng. Anh cũng thích cảm giác đó. Nghe đồn bà là vợ hai của ông Raglan “Rách Ruối”. Không một nam sinh nào có thể hình dung ông “Rách Ruối” đã tìm cách kìm kẹp vợ như thế nào và bà Raglan thỉnh thoảng phải dùng đến những tiếng thở dài và những phút lặng yên tinh tế để đáp lại những hoài nghi của đám học sinh về số phận bà.

Một phần trong nhiệm vụ của lớp trưởng là William phải đến báo cáo với ông “Rách Ruối” mỗi đêm lúc 10 giờ rưỡi rằng đã tắt hết đèn và chuẩn bị đi ngủ. Một tối thứ Hai, khi anh gõ cửa phòng ông “Rách Ruối”, anh sững sờ khi nghe giọng bà Raglan bảo anh vào. Bà đang nằm trên chiếc ghế đệm dài, mặc chiếc áo choàng lụa lả lơi giống kiểu áo Nhật. William nắm chặt tay vào nắm cửa lạnh lẽo.

- Đèn đã tắt hết và tôi đã khóa cửa chính, bà Raglan. Chúc ngủ ngon!

Bà khỏa chân xuống đất, thoáng để lộ đùi trần thấp thoáng dưới lớp lụa.

- Cậu luôn vội vàng như thế à, William? Cậu không thể đợi để vào đời sao? - Bà tiến đến một bên bàn - Sao cậu không ở đây và dùng chút sôcôla nóng nhỉ? Dở dẩn thật, tôi có pha đủ sôcôla cho hai người, tôi quên là ông Raglan đến tận sáng thứ Bảy mới về. - Bà nhấn mạnh rõ ràng từ “thứ Bảy”.

Bà đem một tách nóng hổi đến chỗ William và nhìn anh xem lời nói của bà đã tác động đến anh chưa. Mãn nguyện, bà cười và đưa tách cho anh, hai tay chạm vào nhau. Anh khuấy đều cốc sôcôla nóng.

- Gerald đang tham gia một cuộc hội thảo. - Bà tiếp tục. Đây là lần đầu tiên anh nghe tên của ông Raglan - Đóng cửa vào đi, William, rồi đến đây ngồi.

William do dự, anh ra đóng cửa, nhưng anh cảm thấy mình không thể ngồi trên ghế của ông “Rách Rưới”, và cũng không muốn ngồi cạnh bà Raglan. Trong hai điều không muốn ấy, anh quyết định chọn ngồi ghế của ông “Rách Rưới”, và anh tiến lại đó.

- Không, không! - Bà nói và vỗ vỗ xuống chỗ bên cạnh bà ta.

William đổi hướng và hồi hộp ngồi xuống bên bà ta, nhìn chằm chằm vào tách của mình để giữ bình tĩnh mà không được. Anh uống hết chỗ sôcôla, nóng bỏng cả lưỡi. Anh thấy đỡ căng thẳng khi bà Raglan đứng dậy. Bà lại đổ

đầy sôcôla vào tách, không quan tâm những lời thì thầm từ chối của anh, rồi lặng lẽ đi qua một bên phòng, khởi động chiếc loa Victrola và đặt kim vào đĩa nhạc. Anh vẫn mãi nhìn xuống sàn nhà khi bà ta quay lại.

- Cậu sẽ không để một phụ nữ nhảy một mình chứ William?

Bà bắt đầu xoay theo nhạc. William đứng lên và đặt tay lên hông bà ta rất đúng điệu, như thể họ đang ở giữa một buổi khiêu vũ đông người. Sau vài điệu, bà lại gần William hơn, và anh chăm chú nhìn qua vai phải bà để vờ rằng mình không thấy tay trái bà ta lẩn từ vai xuống lưng anh. Khi nhạc dừng, William nghĩ mình đã thoát và có thể trở về với cốc sôcôla nóng, nhưng bà đã lật mặt đĩa nhạc và trở lại trong vòng tay anh trước khi anh kịp ngồi xuống.

- Bà Raglan, tôi nghĩ mình nên...

- Thư giãn chút đi, William.

Cuối cùng anh có đủ can đảm để nhìn vào mắt bà. Anh cố trả lời nhưng không thể nói được gì. Tay bà lẩn mò khắp lưng anh và anh cảm thấy đùi bà cọ nhẹ vào háng anh. Anh siết chặt vòng tay mình.

- Tốt rồi. - Bà nói.

Họ xoay tròn trong căn phòng, quấn lấy nhau, chậm chậm chậm, đắm trong điệu nhạc trong khi đĩa nhạc nhẹ nhàng quay hết. Khi đĩa dừng, bà buông anh ra và đi tắt điện. William đứng gần đó, bất động trong bóng tối, nghe tiếng sột soạt khi bà trút bỏ quần áo.

Những bản tình ca dịu nhẹ đã kết thúc, cây kim vẫn cọ xát khi chiếc đĩa tiếp tục quay. William đứng im giữa

phòng. Bà Raglan cởi áo khoác của anh rồi dẫn anh quay lại chiếc ghế đệm dài. Anh sờ soạng bà ta trong bóng tối, những ngón tay ngại ngần của chàng trai mới lớn chạm vào từng phần trên cơ thể bà, nhưng anh không thấy giống như mình tưởng tượng. Anh vội rút tay lại khi chạm đến ngực bà. Những ngón tay bà giống như biết nói và anh bắt đầu có những cảm giác mà trước đây có mơ anh cũng không thấy được. Anh muốn hét lên nhưng kìm lại, sợ đánh thức những nam sinh đang ngủ ở tầng trên. Người đàn bà đã cởi tung cúc và kéo tuột quần anh xuống.

William không biết phải làm thế nào để không tỏ ra là mình hoàn toàn chưa có kinh nghiệm. Không dễ như anh tưởng, và càng loay hoay anh càng vựng về hơn. Những ngón tay bà ta lướt qua bụng anh và hướng dẫn anh rất thành thực. Nhưng trước khi thâm nhập vào được, anh đã nhũn người ra.

- Tôi xin lỗi! - William nói, không biết làm gì tiếp theo. Anh nằm yên trên người bà một lúc trước khi bà lên tiếng.

- Ngày mai sẽ tốt hơn, William. Đừng quên ông “Rách Ruối” đến tận thứ Bảy mới về.

Anh lại nghe thấy tiếng kim sọt soạt trên đĩa hát.

Suốt cả ngày hôm sau, bà Raglan luôn ám ảnh tâm trí William. Đêm đó, bà thở dài. Sang đêm thứ Tư, bà thở hổn hển. Vào thứ Năm, bà rên rỉ. Đến thứ Sáu, bà sung sướng phát khóc.

Sáng thứ Bảy, ông Raglan “Rách Ruối” từ hội thảo trở về, lúc đó khóa học của William đã hoàn thành.



Cuối kì nghỉ Lễ Phục sinh, chính xác là vào ngày Thăng thiên, Abby Blount cuối cùng đã chịu thua trước bùa yêu của William. Matthew mất năm đô và Abby mất đi sự trong trắng. Sau bà Raglan, cô lại là một kết thúc đáng thất vọng. Đó chỉ là sự việc duy nhất đáng nói trong kì nghỉ, bởi vì Abby đã đi bãi biển Cây Cọ cùng cha mẹ, và William thì chủ yếu dành thời gian đóng cửa đọc sách, chỉ ở nhà cùng các bà và ông Alan Lloyd. Trong khi ông Raglan “Rách Ruối” không đi dự thêm hội thảo nào nữa, William trở lại trường St. Paul, tiếp tục tập trung vào sách vở. Anh và Matthew hay ngồi nghiên cứu trong nhiều giờ, không nói chuyện với nhau trừ khi Matthew có phương trình toán học không giải được.

Những kì thi được mong đợi từ lâu cuối cùng đã đến và kéo dài suốt một tuần nhọc nhằn. Những ngày thi kết thúc, hai chàng trai đều thấy nhẹ nhõm, nhưng khi từng ngày chờ đợi kết quả trôi qua, cả hai lại bết lác quan dân. Học bổng Toán học Hamilton để đến Havard hoàn toàn dựa trên kết quả kì thi cuối cùng, và công khai cho mọi nam sinh ở nước Mỹ. William hình dung được mình sẽ phải ganh đua gay go thế nào. Một tháng sau, khi vẫn chưa biết thêm thông tin gì, anh bắt đầu nghĩ đến điều xấu nhất, thậm chí đã tự hỏi Harvard có phải dành cho anh không.

Điện tín đến đúng lúc William ra ngoài chơi bóng chày với vài học sinh lớp dưới để giết thời gian trong mấy ngày còn lại trước khi rời trường. Những tối mùa hè được hâm nóng

lên khi nhiều nam sinh có khả năng bị đuổi học vì say rượu, phá cửa sổ hoặc tìm cách ngủ với con gái hoặc vợ của các thầy giáo. William đang lớn tiếng tuyên bố rằng anh chuẩn bị đánh một cú ngoạn mục.

- *Babe Ruth*¹ của trường St. Paul! - Matthew nhận định. Nhiều cậu hòa theo lời tuyên bố ấy. Một học sinh năm thứ hai trao bức điện cho William. Trận bóng chày lập tức bị lãng quên. Anh buông cây gậy và xé chiếc phong bì nhỏ màu vàng. Những thành viên của đội bóng nôn nóng khi anh chậm rãi đọc bức điện.

- Đội Tất Đỏ muốn ký hợp đồng với cậu à? - Một học sinh kêu lên, không mấy khi có một bức điện được đưa đến trong một trận bóng.

Matthew từ khung thành chạy lên chỗ bạn, cố xem đó là tin vui hay buồn. William đưa bức điện cho anh. Anh đọc xong nhảy cẫng lên, thả rơi mảnh giấy xuống đất và cùng William đuổi nhau chạy quanh sân như lúc chạy đuổi theo bóng. Cầu thủ bắt bóng nhặt bức điện lên, đọc xong thì ném luôn găng tay lên khán đài với nỗi vui sướng. Mẩu giấy nhỏ màu vàng tiếp tục được nôn nóng chuyển qua tay tất cả các cầu thủ. Người cuối cùng đọc nó là cậu học sinh năm hai, người đã đưa đến niềm vui khôn cùng mà không nhận được lời cảm ơn nào, cậu cho rằng mình xứng đáng được biết nội dung trong đó.

¹ George Herman “Babe” Ruth, Jr. (1895-1948) là cầu thủ bóng chày người Mỹ, từng chơi hai mươi hai mùa tại Major League Baseball (1914-1935).

Bức điện tín gửi cho anh William. Trong đó viết: *Chúc mừng anh William Lowell Kane đã giành được học bổng Toán học Hamilton vào trường Harvard, thông tin đầy đủ sẽ được gửi sau. Abbot Lawrence Lowell, Hiệu trưởng.*

William lần đầu tiên được các cầu thủ chặn bóng vây kín xung quanh bởi anh chưa bao giờ ghi được một bàn thắng ngoạn mục và kịp về tới đĩa bóng của đội nhà. Matthew say sưa chung vui với thành công của người bạn thân nhất, nhưng anh lại buồn khi nghĩ đến chuyện cả hai sẽ xa nhau. William cũng cảm nhận được điều đó nhưng không nói gì. Hai người phải đợi thêm chín ngày nữa mới biết Matthew cũng đỗ vào Harvard.

Tiếp theo tin mừng đó, một bức điện nữa đến, bức này của ông Charles Lester, chúc mừng con trai và bảo anh cùng William đến buổi tiệc trà ở khách sạn Plaza tại New York. Hai người bà cũng gửi lời chúc mừng tới William, nhưng khi bà nội Kane báo cho Alan Lloyd, bà nói quả quyết:

- Thằng bé đã làm được không ít hơn những gì mọi người mong đợi và cũng không nhiều hơn những gì xưa kia cha nó đã làm được.



Hai chàng trai trẻ thơ thẩn tản bộ trên Đại lộ 5 vào một buổi chiều êm dịu. Vẻ điển trai của họ thu hút ánh mắt của các cô gái nhưng họ làm như không để ý. Khi bước vào khách sạn Plaza lúc 3 giờ 59 phút, họ bỏ chiếc mũ rơm ra rồi vô tư đi vào sân Cây Cọ, ở đó gia đình đang đợi họ. Hai bà của William đưa đến thêm một bà cụ nữa, anh cho rằng

đó là bà nội Lester. Ông bà Charles Lester, cô bé Susan chưa bao giờ rời mắt khỏi William, và ông Alan Lloyd đều đã có mặt đông đủ, chỉ còn lại hai chiếc ghế trống đang đợi William và Matthew.

Bà nội Kane đưa bàn tay đeo găng lên vẫy gọi người bồi gần nhất.

- Làm ơn cho một bình trà mới và thêm bánh nhé.

Người bồi bàn vội chạy vào bếp.

- Một bình trà và bánh kem, thưa bà! - Anh ta nói khi trở lại.

- Cha cháu chắc chắn rất tự hào về cháu, William! - Người đàn ông lớn tuổi nói với người cao lớn hơn trong hai chàng trai.

Người bồi bàn không rõ chàng trai trẻ khôi ngô kia đã đạt được điều gì để được nhận lời khen ngợi ấy. William sẽ không chú ý đến người bồi bàn nếu không thấy chiếc vòng bạc trên cổ tay anh ta. Món đồ này có thể được mua từ cửa hàng trang sức Tiffany, sự đối lập này khiến anh thấy khó hiểu.

- William, - bà nội Kane nói - hai chiếc bánh là đủ rồi đấy, đây không phải bữa ăn cuối cùng trước khi cháu đi Harvard đâu.

Anh cười âu yếm với bà và quên ngay chiếc vòng bạc.

Đêm đó, Abel nằm thao thức trong căn phòng nhỏ ở khách sạn Plaza, anh nghĩ về chàng trai trẻ mình đã phục vụ chiều nay, cha anh ta nếu còn sống chắc hẳn sẽ rất tự hào. Lần đầu tiên trong đời anh nhận ra mình thực sự hy vọng đạt được điều gì. Anh muốn được xem trọng như mọi William trên thế giới này.

Abel đã phải vật lộn với cuộc sống khi đến New York. Anh buộc phải chung phòng với George và hai người em họ của anh ta. Vì chỉ có hai giường, anh chỉ được ngủ khi một trong hai chiếc giường trống. Bác của George vẫn không thể tìm được việc cho anh, và sau vài tuần lo lắng khi số tiền tiết kiệm đã chi gần hết để duy trì cuộc sống, anh tìm tòi từ Brooklyn đến Queens, cuối cùng tìm được công việc ở một cơ sở thịt hộp lớn bên vùng Hạ phía đông thành phố. Họ trả anh chín đô cho một tuần làm việc sáu ngày rưỡi và cho anh ngủ trên khu nhà phụ. Cửa hàng nằm ở trung tâm một cộng đồng người Ba Lan độc lập,

nhưng Abel nhanh chóng hết kiên nhẫn với sự tách biệt của những người đồng hương, nhiều người không chịu cố gắng nói tiếng Anh.

Anh gặp George và hàng loạt bạn gái của anh ta vào cuối tuần, nhưng anh chủ yếu dành các buổi tối trong tuần ở trường bỏ tức buổi tối để nâng cao khả năng đọc viết tiếng Anh. Trong vòng hai năm, anh đã luyện cho mình trôi chảy thứ ngôn ngữ mới, chỉ còn lại chút âm sắc Ba Lan không đáng kể. Giờ anh thấy đã sẵn sàng rời khỏi cửa hàng thịt hộp, nhưng đi đâu, làm gì, sống thế nào?

Ba tháng sau, anh đã tìm được câu trả lời.

Một buổi sáng, Abel đang chuẩn bị cái chân cừu cho khách thì nghe tiếng một trong số những khách hàng lớn nhất của cửa hiệu, vị quản lý phục vụ của khách sạn Plaza, phàn nàn với chủ cửa hàng là ông ta vừa sa thải một người phục vụ trẻ vì tội ăn cắp vặt.

- Làm sao tôi tìm được người thay trong lúc cấp bách đây? - Ông giám đốc than phiền.

Chủ hàng không đưa ra được giải pháp nào. Abel chớp lấy thời cơ. Anh mặc bộ com lê duy nhất, đi bộ qua bốn mươi bảy khu nhà lên phố trên và được giao công việc phục vụ bàn ở sân Cây Cọ, lương mười đô một tuần, được cấp một phòng ở. Ngay khi an vị tại khách sạn Plaza, anh tham gia ngay một khóa học buổi tối về tiếng Anh nâng cao ở Đại học Columbia. Anh đi học chuyên cần mọi tối, một tay cầm cuốn từ điển *Webster* cũ, một tay cầm bút viết không nghỉ. Các buổi sáng, giữa những lúc phục vụ bữa sáng và chuẩn

bị bữa trưa, anh chép các bài xã luận từ tờ *The New York Times*, tra cứu trong từ điển những từ anh không rõ nghĩa.

Trong hai năm, Abel làm việc suốt ngày đêm ở khách sạn Plaza - *giờ làm thêm* (overtime) là từ anh không cần phải tra từ điển - cho đến khi anh được nâng lên vị trí phục vụ ở phòng Cây Cọ. Lúc này anh đã kiếm được 25 đô mỗi tuần, bao gồm cả tiền thưởng thêm. Trong thế giới của riêng mình, anh không thiếu thốn gì.

Thầy giáo của Abel ở Đại học Columbia ấn tượng với anh học trò siêng năng đến mức khuyên anh tham gia thêm một khóa học nữa, đó sẽ là bước đầu tiên tiến tới tấm bằng Cử nhân Văn chương. Anh miệt mài dành thời gian rỗi để đọc các loại sách từ ngôn ngữ học đến kinh tế, và bắt đầu sao chép các bài xã luận trên *The Wall Street Journal* thay vì các bài trên *The Times*. Các đối tượng nghiên cứu mới này cuốn hút anh vô cùng. Ngoại trừ George, anh nhanh chóng đứt liên lạc với những người bạn Ba Lan đã quen từ những ngày đầu đến New York.

Mỗi ngày, Abel cẩn thận nghiên cứu một bản danh sách những người đặt bàn trước trong phòng Cây Cọ - những người mang họ Baker, Loeb, Whitney, Morgan và Phelps - rồi cố tìm hiểu tại sao những người giàu lại khác biệt. Anh đọc sách của H.L. Mencken, báo *The American Mercury*, sách của Scott Fitzgerald, Sinclair Lewis và Theodore Dreiser với lòng ham hiểu biết vô tận. Anh đọc *The Wall Street Journal* trong khi những người bồi bàn khác chỉ lướt qua tờ *Mirror*, đọc *The New York Times* trong giờ nghỉ giữa

ca trong khi những người kia ngủ gà ngủ gật. Anh không rõ những hiểu biết mới có được sẽ đưa anh đến đâu, nhưng anh chưa bao giờ nghi ngờ câu châm ngôn của Nam tước: *Không gì thay thế được một nền giáo dục đúng đắn.*

Một ngày thứ Hai tháng Tám năm 1926, anh nhớ rõ sự kiện đó vì là ngày Rudolph Valentino qua đời, và rất nhiều quý cô đi mua sắm ở Đại lộ 5 mặc đồ đen, Abel phục vụ một bàn trong góc, bàn này luôn được đặt trước cho những doanh nhân tầm cỡ muốn kín đáo dùng bữa trưa mà không bị ai để ý. Anh thích phục vụ bàn này vì anh thường thu lượm được những mẩu thông tin khi họ trò chuyện. Buổi trưa, sau khi nhà hàng đóng cửa, Abel thường kiểm tra giá cổ phiếu công ty của những người vừa dùng bữa, nếu họ nói chuyện bằng giọng lạc quan, anh sẽ đầu tư một khoản tiền nhỏ vào công ty đó. Nếu đến cuối bữa, vị khách gọi xì gà, Abel sẽ đầu tư một khoản tiền lớn hơn. Bảy trên mười lần, giá trị cổ phiếu anh lựa chọn đều tăng gấp đôi trong sáu tháng, thời gian đó anh tự cho phép mình nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Dùng cách này, anh chỉ bị mất tiền có ba lần trong suốt bốn năm làm việc ở khách sạn Plaza.

Chuyện khác thường trong ngày đặc biệt này là hai vị khách ở bàn ăn trong góc lại gọi xì gà trước khi ngồi xuống. Sau đó, có thêm nhiều vị khách cùng đến ngồi với họ, họ gọi thêm xì gà và mấy chai sâm banh. Abel nhìn lên tên vị khách trên sổ đặt chỗ của ông chủ: Woolworth. Gần đây, Abel đã trông thấy danh tính này trên những cột báo về tài chính, nhưng anh không thể nhớ ngay tại sao tên người này

lại hay xuất hiện. Một vị khách khác là ông Charles Lester nào đó, một khách hàng quen thuộc của khách sạn Plaza, Abel đã biết người này là một chủ ngân hàng xuất sắc. Những vị khách hoàn toàn không chú ý đến người bồi bàn chu đáo của họ nên Abel chăm chú lắng nghe. Abel không thấy chi tiết đặc biệt nào, nhưng anh có nghe được về một vài giao dịch đã được chốt sáng nay và tối nay sẽ được thông báo sau khi kết thúc ngày giao dịch. Rồi anh nhớ ra. Anh đã trông thấy tên người này trên *The Wall Street Journal*. Cha của ông Woolworth đã xây dựng cửa hàng quy mô nhỏ đầu tiên, giờ đây con trai ông cụ đang đầu tư tiền để mở rộng. Trong khi những vị khách đang thưởng thức món tráng miệng, - phần lớn các vị này đều chọn bánh pho mát dâu tây (do Abel gợi ý) - anh tận dụng cơ hội rời khỏi phòng ăn một lát để gọi cho nhà môi giới chứng khoán của mình trên Phố Wall.

- Chứng khoán Woolworth đang bán ở mức bao nhiêu vậy? - Anh hỏi.

Đầu dây bên kia im lặng một lát.

- 2,125 đô. Gần đây có khá nhiều hoạt động, không rõ tại sao nữa. - Bên kia đáp lại.

- Nếu cuối ngày ông nghe thông báo từ công ty của ông Woolworth thì lấy hết tài khoản của tôi ra mua nhé.

- Thông báo sẽ nói gì đấy? - Nhà môi giới bối rối.

- Tôi xin phép không tiết lộ. - Abel đáp.

Nhà môi giới thấy ấn tượng: những kết quả của Abel trước đây đã khiến ông không cần điều tra quá kĩ lưỡng về

nguồn thông tin của anh. Abel vội vã trở lại phòng Cây Cọ vừa kịp lúc để đem cà phê lên cho khách. Họ nhâm nhi rượu mạnh thêm một lúc nữa và Abel chỉ trở lại bàn đó khi họ chuẩn bị ra về. Người đàn ông cầm biên lai cảm ơn Abel vì anh đã phục vụ chu đáo, quay sang những người bạn rồi lại hỏi anh:

- Cậu muốn tiền thưởng chứ, chàng trai?
- Xin cảm ơn ngài! - Abel đáp.
- Mua cổ phiếu Woolworth đi nhé.

Các vị khách đều cười ầm lên. Abel cũng cười, nhận tờ năm đô người kia đưa cho và cảm ơn ông ta. Anh cũng nhận thêm 2.412 đô tiền lãi từ chứng khoán Woolworth sau sáu tuần.



Abel được công nhận có đầy đủ quyền công dân Mỹ sau sinh nhật hai mốt tuổi vài ngày và quyết định kỷ niệm sự kiện này. Anh mời George và bạn gái mới nhất của anh ta, Monika, và một cô gái tên Clara, một trong số những người yêu cũ của George, đi xem John Barrymore vào vai *Don Juan* rồi đi ăn tối ở Bigo. George vẫn là người học việc ở cửa hàng bánh của bác mình, kiếm tám đô một tuần, và dù Abel vẫn xem George là người bạn thân nhất, anh đã nhận ra sự khác biệt ngày một lớn giữa chàng George nghèo xơ xác và chính mình. Abel lúc này có hơn 8 nghìn đô trong tài khoản ngân hàng và đang học năm cuối Đại học Columbia, theo ngạch Cử nhân về Kinh tế. Anh biết chính xác mình sẽ đi đến đâu, trong khi George đã ngừng huênh hoang với mọi người rằng một ngày nào đó sẽ trở thành Thị trưởng New York.

Bốn người có một buổi tối đáng nhớ, chủ yếu là do Abel biết chính xác nhà hàng nào ngon. Mấy người bạn của anh đều được ăn uống thỏa thuê, và khi người ta đem hóa đơn thanh toán đến, George sửng sốt khi thấy số tiền còn lớn hơn số tiền anh kiếm một tháng. Abel trả tiền mà không thắc mắc câu nào. *Nếu ai đó phải trả tiền, hãy luôn xem như số tiền đó không đáng kể. Nếu còn bận tâm, lần sau đừng đi ăn nhà hàng nữa. Dù thế nào cũng đừng than vãn hay tỏ vẻ bất ngờ*, đó là đôi điều những người giàu đã dạy anh.

Bữa tiệc kết thúc lúc khoảng hai giờ sáng, George và Monika trở lại khu Hạ phía đông thành phố. Abel cảm thấy mình đã chinh phục được Clara và mời cô trở lại khách sạn Plaza. Anh lén đưa cô qua lối phục vụ, vào thang máy chuyên chở đồ giặt rồi lên phòng anh. Cô không cần phải khơi gợi nhiều, và Abel không phải mất thời gian cho màn dạo đầu vì nhớ mình phải ngủ một chút trước khi trình diện để chuẩn bị bữa sáng. Anh trở mình tỉnh dậy lúc 3 giờ sáng, hoàn toàn mãn nguyện và lại chìm vào giấc ngủ không mộng mị cho đến khi chuông báo thức vang lên lúc 6 giờ. Anh chỉ còn đủ thời gian để làm tình với Clara lần thứ hai trước khi mặc đồ. Clara buồn bã nhìn khi anh thắt chiếc nơ trắng hình con bướm, trước khi anh tạm biệt cô bằng một nụ hôn chiếu lệ.

- Hãy nhớ ra bằng lối em đã vào nhé, nếu không em sẽ khiến anh gặp rắc rối đấy. - Anh dặn - Khi nào gặp lại em được?

- Anh sẽ không gặp lại em đâu. - Clara lạnh lùng.

- Tại sao không? - Abel ngạc nhiên hỏi - Anh đã gây ra chuyện gì à?

- Vì anh đã không làm vài việc nên làm. - Cô nhảy ra khỏi giường và mặc nhanh quần áo.

- Anh không làm cái gì? Em muốn ngủ với anh, đúng vậy không?

Cô quay lại, đứng đối mặt với anh.

- Em nghĩ em đã muốn vậy, cho đến khi em nhận ra anh chỉ có một điểm chung với Rudolph Valentino là cả hai đều đã chết. Anh có thể là nhân vật thông minh nhất mà khách sạn Plaza từng có trong một năm tồi tệ, nhưng trên giường, anh thật đáng thất vọng.

Mặc đồ xong, Clara dừng lại trước cửa, công kích thêm trước khi từ biệt:

- Nói đi, anh đã bao giờ rủ rê được bất cứ cô gái nào lên giường với mình lần thứ hai chưa?

Abel sững sờ tròn mắt nhìn cánh cửa đóng sầm lại phía sau cô gái. Anh mất cả ngày hôm đó để nghĩ về những lời buộc tội của Clara. Anh không thể nghĩ ra ai để hỏi về chuyện này, George sẽ chỉ cười vào mặt anh, còn nhân viên của Plaza đều nghĩ anh biết mọi thứ. Giống như bất cứ chuyện gì anh đã va chạm trong đời, anh kết luận vấn đề này chỉ có thể được giải quyết thông qua học tập hoặc kinh nghiệm.

Sau bữa trưa hôm đó, anh đến hiệu sách Scribner ở Đại lộ 5. Hiệu sách này trước đây đã giải quyết mọi vấn đề về ngôn ngữ và kinh tế của anh, nhưng không thể tìm ra bất cứ cuốn nào trên giá sách có thể trợ giúp các vấn đề về tình dục của anh. Những cuốn sách về phép tắc đều vô dụng khi

anh đã biết cầm dao và đĩa như thế nào, và *Lưỡng đề Đạo đức* hóa ra lại hoàn toàn không phù hợp.

Abel rời khỏi hiệu sách mà không mua cuốn nào, mất cả buổi chiều ở phố Broadway dơ dáy tồi tàn, không phải để xem phim mà để đi tìm giải pháp cho điều Clara nói. Bộ phim, một câu chuyện tình yêu có sự góp mặt của Greta Garbo và Errol Flynn, mãi đến đoạn cuối mới có một cảnh hôn nhau, và cũng không giúp anh thông suốt hơn hiệu sách Scribner.

Khi Abel rời khỏi rạp chiếu phim, trời đã sẩm tối, một cơn giá lạnh tràn xuống Broadway. Abel vẫn thấy ngạc nhiên khi bất cứ thành phố nào vào đêm cũng gần như náo nhiệt và sáng hơn ban ngày. Anh bắt đầu đi bộ hướng lên Đường 59, hy vọng không khí trong lành có thể làm dịu tâm trí anh. Anh dừng lại ở góc Đường 52 và mua tờ báo tối để kiểm tra giá cổ phiếu cuối ngày.

- Tìm gái hả? - Một giọng nói vang lên từ góc tường gần quầy báo.

Abel quay lại. Cô ta chắc phải tầm ba lăm, trang điểm đậm và tô son hồng thời trang nhất. Chiếc áo choàng lụa trắng của cô mở sẵn hai nút, cô mặc váy dài màu đen, tất dài và giày đen.

- Chỉ năm đô thôi, đáng giá đến từng xu. - Cô gái nói, ưỡn hông ra, khiến cho khe hở trên váy mở rộng và lộ ra phần trên cùng của đôi tất.

- Chúng ta đi đâu đây? - Abel hỏi.

- Em có một chốn bé xinh của riêng mình ở khu nhà bên cạnh.

Cô ta nghiêng đầu, ra hiệu về hướng mình muốn nói, và lần đầu tiên anh thấy rõ khuôn mặt cô ta dưới ánh đèn đường. Cô ta không hề xấu. Abel gạt đầu đồng ý. Cô nàng ôm tay anh.

- Nếu cảnh sát có chặn đường và hỏi, - cô ta nói - anh sẽ là người bạn cũ, và tên em là Joyce.

Họ đi bộ sang khu bên cạnh và bước vào một căn hộ nhỏ tồi tàn. Abel phát sợ trước căn phòng dơ dáy, chỉ có một bóng đèn trơ trọi, một chiếc ghế, một chậu rửa và một chiếc giường đôi nhàu nhĩ, nhìn rõ ràng chiếc giường đã được dùng nhiều lần trong ngày hôm đó.

- Cô sống ở đây à? - Anh hồ nghi.

- Lạy Chúa nhân từ, không đâu. Em chỉ dùng chỗ này để làm việc.

- Tại sao cô làm nghề này? - Abel hỏi, vẫn tự hỏi mình có nên thực hiện kế hoạch không.

- Em có hai đứa con phải nuôi và không có chồng. Anh có nghĩ ra lý do nào tốt hơn không? Bây giờ, anh có muốn em không?

- Có, nhưng không phải theo kiểu cô đang nghĩ. - Abel nói.

Cô ta nhìn anh thận trọng.

- Anh không phải một kẻ kì dị, một kẻ ngưỡng mộ Hầu tước de Sade¹ đấy chứ?

¹ Donatien Alphonse François (1740-1814) là nhà quý tộc, nhà văn và nhà cách mạng người Pháp. Ông nổi tiếng nhất với những tiểu thuyết mang tính khổ dâm và bạo dâm, mô tả những cảnh tình dục mang tính tàn bạo, trong đó nhân vật bị tra tấn, hành hạ đau đớn.

- Chắc chắn không. - Abel nói.
- Anh sẽ không châm xì gà vào em chứ?
- Không, không phải vậy đâu. Tôi chỉ cần được dạy cách làm tình. Tôi muốn học.

- Học ư? Anh đùa à? Chàng trai, sao anh nghĩ đây là lớp bổ túc chuyện chăn gối?

- Đại khái thế. - Abel nói. Anh ngồi xuống một góc giường và kể cho cô ta nghe những lời Clara đã nói hồi sáng.
- Cô nghĩ cô có thể giúp được tôi không?

Cô gái ăn sương dò xét Abel cẩn thận hơn, tự hỏi hôm nay có phải ngày Cá tháng Tư không.

- Chắc chắn rồi, - cô ta nói - nhưng sẽ vãn tổn của anh năm đô cho 30 phút đấy.

- Đắt hơn học Cử nhân ở Đại học Columbia. - Abel nói
- Cô nghĩ tôi cần bao nhiêu bài học?

- Còn tùy theo anh là người học nhanh cỡ nào, đúng không? - Cô ta nói.

- Chà, vậy bắt đầu ngay đi. - Abel nói và lấy tờ năm đô ra khỏi túi áo trong. Cô gái điểm dứt tiền vào phần trên của tất, một dấu hiệu đảm bảo cô không bao giờ cởi tất ra.

- Trước hết, anh cởi đồ ra đi. - Cô ta nói - Anh sẽ không học được nhiều nếu ăn mặc rườm rà.

Khi anh đã trần truồng, cô nhìn anh bằng vẻ phê phán.

- Anh không hẳn là Douglas Fairbanks¹, đúng không? Đừng lo về việc đó, ngay khi đèn tắt thì ngoại hình anh thế

¹ Douglas Fairbanks (1883-1939), là diễn viên người Mỹ, biên kịch, đạo diễn và nhà sản xuất phim.

nào cũng chẳng thành vấn đề, quan trọng là anh có thể làm được gì.

Abel lắng nghe cẩn thận khi cô ta dạy anh làm sao để âu yếm một cô gái. Cô ta ngạc nhiên khi biết anh thực sự không muốn cô, và thậm chí ngạc nhiên hơn khi anh tiếp tục quay lại vào buổi trưa trong suốt ba tuần tiếp theo.

- Khi nào tôi biết mình đã giỏi chuyện đó? - Một hôm anh chợt hỏi.

- Anh sẽ biết thôi, chàng trai. - Joyce đáp - Nếu anh có thể làm cho em *tới bến* thì anh cũng làm cho một ả xác ướp Ai Cập *tới bến* được.

Trước tiên, cô ta dạy anh đầu là những phản xạ cảm trên cơ thể một người đàn bà, rồi tỏ ra nhẫn nại khi dạy anh cách làm tình, và những dấu hiệu cho thấy anh đang làm cô ta thỏa mãn. Abel nghe kĩ, và làm theo mọi hướng dẫn của cô ta đến từng chữ, ban đầu hơi quá máy móc. Dù cô ta có bảo đảm anh đang tiến bộ vượt bậc, anh vẫn không biết cô ta có đang nói sự thật hay không, cho đến tận một buổi chiều, sau khoảng ba tuần và mất một trăm mười đô, trước sự bất ngờ của Abel, Joyce bất chợt trở nên sống động trong vòng tay anh. Cô ghì chặt anh khi anh hôn vào ngực cô. Khi anh tấn công vùng giữa hai chân cô, lần đầu tiên anh thấy ướt đầm, và sau khi anh vào được bên trong thì cô rên rỉ, một âm thanh anh chưa nghe bao giờ và khiến anh phấn khích mãnh liệt. Cô cào lên lưng anh, van xin anh đừng dừng lại. Tiếng rên rỉ lại tiếp tục, có lúc dữ dội, có lúc lại êm ái. Cuối cùng, cô kêu lên đến chói tai, ghì chặt lấy anh rồi rã rời buông ra.

Khi nằm thở dốc, cô ta nói:

- Anh yêu, anh vừa đỡ thủ khoa rồi đó.

Abel thậm chí chưa thấy thỏa mãn.



Abel tổ chức kỷ niệm ngày nhận bằng tốt nghiệp bằng cách mua vé chợ đen để đi xem đội *Yankee New York* của Babe Ruth đánh bại đội *Cướp biển Pittsburgh* trong trận quyết đấu giải Thế giới. Anh mời George, Monika cùng đi vào buổi tối, có cả Clara. Sau trận đấu, Clara cảm thấy bồn chồn của mình không có gì nên làm hơn là qua đêm với Abel, chẳng phải anh đã dành cả tháng lương cho cô sao?

Sáng hôm sau, ngay trước khi ra về, Clara nói.

- Khi nào em có thể gặp lại anh?



Khi tốt nghiệp Đại học Columbia, Abel lập tức thấy không còn thỏa mãn với cuộc sống ở khách sạn Plaza, nhưng anh không biết phải làm sao để tận dụng những chuyên môn mới của mình. Dù anh phục vụ cho một số vị khách giàu có và thành công nhất trên đất Mỹ, anh lại không thể tiếp xúc trực tiếp với bất cứ ai trong số đó, làm vậy rất có khả năng anh sẽ bị mất việc. Mặt khác, các vị khách như vậy đều không có ý để mắt tới những khát khao của một anh bồi bàn.

Một lần, khi ông bà Ellsworth Statler¹ đến ăn trưa ở phòng Edwardian của khách sạn Plaza, anh nghĩ cơ hội đã

¹ Ellsworth M. Statler (1863-1928), được coi là người đi đầu trong ngành công nghiệp lưu trú, nổi tiếng giàu có và là người đã phát triển các chuỗi khách sạn Statler.

đến. Anh làm mọi việc anh nghĩ có thể gây ấn tượng với người chủ khách sạn nổi tiếng, và bữa ăn rất suôn sẻ. Khi ra về, Statler nồng hậu cảm ơn Abel và thưởng cho anh mười đô, nhưng ông không nói thêm lời nào. Khi Abel nhìn theo ông bước ra khỏi cánh cửa xoay của khách sạn Plaza, anh không thể ngừng tự hỏi mình có nên ngừng việc này không.

Khi anh trở lại công việc, Sammy - trưởng bộ phận - vỗ vai anh.

- Cậu nhận được gì của ông Statler?

- Không gì cả. - Abel nói.

- Ông ấy không thưởng cậu à?

- Ồ, có chứ, chắc chắn là có. - Abel nói và đưa số tiền ra - Mười đô.

- Có thể chứ. - Sammy nói - Tôi đã tưởng cậu định lòn tôi, Abel. Mười đô đó, ngay cả với ông Statler cũng đáng quý. Cậu chắc hẳn đã gây ấn tượng với ông ta.

- Không, không hề.

- Ý cậu là sao?

- Không quan trọng đâu. - Abel nói và bỏ đi.

- Đợi chút, Abel. Quý ông ở bàn số 17, ông Leroy, muốn nói chuyện riêng với cậu.

- Về chuyện gì ạ?

- Sao tôi biết được? Ông ta có thể nghe nói cậu là một nhân vật tầm cỡ và hy vọng cậu sẽ cho ông ta vài lời khuyên về tài chính.

Abel liếc sang bàn số 17, bàn đó chỉ dành cho những người hiền lành không đòi hỏi hoặc những người không có

tên tuổi, vì nó được bố trí gần cửa dẫn vào bếp và bàn đồ luôn được sử dụng sau cùng. Abel thường tìm cách tránh phục vụ các bàn ở góc đó.

- Ông ta là ai vậy? - Anh hỏi.

- Tôi không biết. - Sammy nói, không buồn ngẩng lên
- Tôi không quan tâm đến câu chuyện cuộc đời của mọi khách hàng như cậu. Cho họ một bữa ăn ngon miệng, đảm bảo mình được thưởng thêm hậu hĩnh và hy vọng họ sẽ trở lại. Cậu có thể nghĩ đó là một triết lý đơn giản nhưng đối với tôi thì như vậy là được rồi. Có thể ở Đại học Columbia họ quên dạy cậu kiến thức căn bản. Giờ thì lại đăng đó đi, và nếu có tiền thưởng thêm, nhớ đem ngay lại đây nhé.

Abel mỉm cười với Sammy và đến bàn số 17. Có hai người đang ngồi sẵn, một người đàn ông mặc chiếc áo vest kẻ sọc sẫm, loại áo Abel thấy phát sợ, và một cô gái trẻ xinh đẹp với mái tóc vàng quăn khiến anh trong thoáng chốc bỗng ngỡ ngàng. Abel cho rằng cô ấy là người bạn gái New York của ông áo vest kẻ sọc sẫm kia. Anh nở một *nụ cười xin lỗi*, tự cá với mình một đờ rằng người đàn ông sẽ câu bản vì bị xếp vào cửa bếp và tìm cách đổi bàn khác để gây ấn tượng với cô tóc vàng yêu kiều này. Không ai thích ngồi gần thứ mùi của bếp và liên tục có tiếng gót chân bồi bàn thúc vào cửa, nhưng không thể tránh được việc dùng bàn này khi cả khách sạn đã đông khách và những khách hàng quen thuộc, tất cả đều xem những vị khách đến sau là những kẻ không mời mà đến. Sao Sammy luôn dành những khách hàng khó tính lại cho anh? Abel cẩn trọng tiến lại người mặc áo vest kẻ sọc sẫm.

- Thưa ngài, ngài muốn nói chuyện với tôi ạ?

- Đúng vậy, - một giọng Texas vang lên - tôi là Davis Leroy, và đây là con gái tôi, Melanie.

Abel quay sang nhìn Melanie, đó là một sai lầm đại dột, vì anh không thể rời mắt khỏi cô.

- Tôi đã quan sát anh, Abel, trong suốt năm ngày gần đây. - Leroy tiếp tục bằng giọng ề ề của vùng Texas - Tôi rất ấn tượng với những gì mình được thấy tận mắt. Anh rất đẳng cấp, đẳng cấp thực sự, đó là điều tôi luôn tìm kiếm. Ellsworth Statler là một tên ngốc nên mới không cho anh một công việc xứng đáng.

Abel quan sát ông Leroy kĩ hơn. Đôi má đỏ ửng cho thấy rõ ông ta đã không đoái hoài gì đến Lệnh Cấm Rượu, và chiếc đĩa sạch nhẵn trước mặt ông giải thích cho cái bụng to như trái bóng rổ, nhưng cả tên lẫn khuôn mặt ông đều không có ý nghĩa gì với anh. Trong giờ ăn trưa thông thường, Abel biết rõ thân thế của hầu hết khách hàng ở ba mươi chín bàn ở phòng Edwardian. Nhưng anh vẫn chưa biết gì về ông Leroy. Ông Leroy vẫn tiếp tục nói:

- Hiện giờ, tôi không phải một trong số những triệu phú thường ngồi ở những bàn trong góc của anh khi đến ăn ở khách sạn Plaza.

Abel ngạc nhiên. Một vị khách bình thường sẽ không thể biết rõ giá trị khác nhau của những bàn khác nhau.

- Nhưng tôi làm ăn cũng không tệ đâu. Trên thực tế, khách sạn lớn nhất của tôi một ngày nào đó có thể sẽ phát triển lớn mạnh không kém gì khách sạn này, anh Abel.

- Tôi tin chắc vậy, thưa ngài! - Abel nói, tìm cách kéo dài thời gian. *Leroy, Leroy, Leroy*. Cái tên vẫn không gọi lên điều gì.

- Cho phép tôi vào vấn đề chính. Khách sạn hàng đầu trong Tập đoàn của tôi cần một trợ lý điều hành mới để chịu trách nhiệm về các nhà hàng. Nếu anh quan tâm, hãy đến phòng tôi ở khi anh xong việc.

Ông đưa cho Abel một tấm thiệp khắc chữ chìm.

- Cảm ơn ngài. - Abel nói và liếc tấm thiệp: *Davis Leroy. Tập đoàn Khách sạn Richmond, thành phố Dallas*. Bên dưới có đề một phương châm: *Sẽ có ngày phủ khắp các tiểu bang*. Họ tên ông ta vẫn không gọi lên ý nghĩa nào với anh.

- Tôi mong được gặp anh. - Leroy nói.

- Cảm ơn ngài. - Abel đáp. Anh cười với Melanie, cô không đáp lại cử chỉ ấy. Anh trở lại chỗ Sammy, anh ta vẫn đang cúi đầu đếm số tiền thu được.

- Sammy, anh đã bao giờ nghe đến Tập đoàn Khách sạn Richmond chưa?

- Rồi chứ, em trai tôi đã từng là phục vụ ở đó. Tập đoàn đó có tới tám hay chín khách sạn, chủ yếu ở phía nam, do một gã Texas điên rồ điều hành, nhưng tôi không nhớ rõ tên. Sao cậu muốn biết vậy? - Sammy ngờ vực hỏi.

- Chẳng có lý do gì đặc biệt. - Abel nói.

- Với cậu thì luôn có lý do, Abel ạ! Bàn số 17 cần gì vậy?

- Cầu nhàu vì bị xếp chỗ gần bếp. Cũng không trách họ được.

- Ông ta muốn tôi làm gì nào, cho ông ta ra hiện ngòi nhé? Thằng cha đó nghĩ mình là ai nhỉ, John D. Rockefeller¹ à?

Abel để Sammy đếm tiền, và dọn bàn nhanh nhất có thể. Sau đó, anh về phòng và bắt đầu tìm hiểu về Tập đoàn Richmond. Chỉ gọi vài cuộc điện thoại là anh có đủ dữ liệu để thỏa mãn sự tò mò. Tập đoàn này có tổng cộng mười một khách sạn, khách sạn sang trọng nhất là khách sạn cấp cao có 324 phòng ở Chicago, mang tên Richmond Continental. Abel quyết định không ngần ngại gọi điện cho ông Leroy và Melanie. Anh kiểm tra số phòng của Leroy - số 85 - một trong những phòng nhỏ sang trọng hơn cả. Anh gõ cửa vào lúc hơn bốn giờ, và thất vọng khi thấy Malanie không có mặt cùng ông.

- Rất vui vì anh đã đến, Abel. Mời anh ngồi.

Lần đầu tiên Abel ngồi cạnh một vị khách trong suốt bốn năm làm việc ở Plaza.

- Anh được trả lương thế nào? - Leroy hỏi.

Câu hỏi bất ngờ ấy làm Abel ngỡ ngàng.

- Tôi nhận được khoảng hai mươi lăm đô mỗi tuần kèm tiền thưởng.

- Tôi trả anh luôn ba mươi lăm đô một tuần, và anh có thể nhận tiền thưởng thêm.

- Khách sạn nào ạ? - Abel hỏi.

¹ John Davison Rockefeller cha (1839-1937) là nhà công nghiệp người Mỹ, đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập công ty Standard Oil, được xem là một trong những người giàu nhất lịch sử.

- Nếu tôi là một người giỏi xét đoán, anh Abel ạ, tôi sẽ nói rằng anh đã xong nhiệm vụ bởi bàn lúc tầm 3 giờ 30 phút và dùng ba mươi phút tiếp theo để tìm hiểu khách sạn mình lưu tâm. Tôi nói đúng chứ?

Abel bắt đầu thích người đàn ông này.

- Khách sạn Richmond Continental ở Chicago? - Anh mạo hiểm đáp.

Leroy cười vang:

- Tôi đã nghĩ đúng về anh.

Abel suy nghĩ rất nhanh.

- Có bao nhiêu người trên quyền tôi?

- Chỉ có người quản lý và tôi thôi. Người quản lý hơi thủ cựu và sắp nghỉ hưu, và trong khi tôi phải lo cho mười khách sạn khác, tôi không nghĩ anh sẽ gặp quá nhiều phiền phức từ tôi. Mặc dù phải thú nhận rằng khách sạn ở Chicago là khách sạn yêu thích của tôi, nhưng khách sạn đầu tiên của tôi nằm ở miền Bắc. Và từ khi Melanie đi học ở Chicago, tôi thấy mình dành nhiều thời gian ở Thành phố Gió¹ hơn cần thiết.

Abel vẫn đang suy tính.

- Đừng bao giờ phạm sai lầm của hầu hết người dân New York là đánh giá thấp Chicago. Họ nghĩ nơi đó chỉ là một con tem trên một chiếc phong bì rất lớn, và họ là chiếc phong bì đó.

Abel mỉm cười.

¹ Biệt danh của Chicago.

- Khách sạn hiện hoạt động hơi kém hơn. - Leroy thừa nhận - Người trợ lý điều hành cuối cùng đã bỏ đi mà không báo trước, nên tôi cần một người năng lực tốt thay thế anh ta. Giờ anh nghe nhé, Abel, tôi đã quan sát anh cẩn thận trong năm ngày qua, và tôi biết anh chính là người tôi cần. Anh có sẵn lòng chuyển đến Chicago không?

- Bốn mươi đô một tuần và 10% lợi nhuận gia tăng, tôi sẽ nhận việc.

- Cái gì? - Davis kinh ngạc - Không ai trong số quản lý của tôi được trả phần trăm lợi nhuận cả. Những người khác sẽ nổi khùng nếu họ biết chuyện.

- Tôi sẽ không nói cho họ biết nếu ông không nói. - Abel nói. Davis im lặng một lát.

- Giờ tôi biết tôi đã chọn đúng người, dù anh ta còn trả giá giỏi hơn một gã Yankee có sáu cô con gái. - Ông vỗ vào thành ghế - Tôi đồng ý mọi đề nghị của anh, anh Abel.

- Ông có cần cần tham khảo gì thêm không, ông Leroy?

- Tham khảo ư? Tôi biết rõ xuất thân và lý lịch của anh từ khi anh rời khỏi châu Âu sang đây cho đến khi lấy bằng kinh tế ở Đại học Columbia. Anh nghĩ mấy ngày qua tôi làm gì? Tôi sẽ không để một người cần kiểm tra lý lịch thành người đứng thứ hai trong khách sạn tốt nhất của tôi đâu. Khi nào anh bắt đầu làm việc được?



Rời khỏi New York và khách sạn Plaza, ngôi nhà đứng nghĩa đầu tiên của anh từ sau khi phải lìa xa Nam tước, hóa ra còn đau lòng hơn Abel tưởng. Chào tạm biệt

George, Monika và những người bạn mới ở trường Đại học Columbia, anh hẳn khoản không biết mình quyết định đúng không. Sammy và những người bồi bàn khác tổ chức tiệc chia tay anh.

- Tôi tin chắc chúng tôi vẫn chưa thấy được đích cuối cùng của cậu, Abel Rosnovski ạ! - Sammy nói - Thực ra, tôi sẽ không lấy làm lạ nếu cậu kế nhiệm tôi.



Abel yêu Chicago ngay từ khoảnh khắc anh bước xuống tàu, nhưng cảm xúc ấy không dành cho khách sạn Richmond Continental, mặc dù khách sạn tọa lạc trên Đại lộ Michigan, trung tâm của một trong những thành phố phát triển nhanh nhất nước Mỹ. Vị trí đó khiến Abel hài lòng, anh luôn tâm niệm câu châm ngôn của Ellsworth Statler: *Có ba điều thực sự có ý nghĩa với một khách sạn: vị trí, vị trí và vị trí.*

Anh sớm nhận ra khách sạn Richmond cũng chỉ được mỗi địa điểm đẹp thôi. Davis Leroy đã không nói hết khi ông ta bảo khách sạn đang hoạt động kém hơn. Desmond Pacey, người quản lý, không phải kiểu người cổ lỗ như Leroy nhận định, mà còn chúa lười, và không coi trọng Abel khi xếp người trợ lý mới của mình vào một phòng nhỏ trong khu nhà phụ của nhân viên ở bên kia đường thay vì ở trong khách sạn chính. Rà soát nhanh toàn bộ sổ sách của khách sạn Richmond, Abel thấy tỉ lệ thuê phòng hàng ngày đang giảm xuống dưới 40%, và nhà hàng không bao giờ có đến nửa số khách, chủ yếu là do đồ ăn không ra gì. Nhân

viên nói chuyện bằng sáu, bảy ngôn ngữ khác nhau nhưng không phải tiếng Anh, và họ rõ ràng không tỏ ý chào đón một người Ba Lan đến từ New York. Không khó để nhận ra vì sao người trợ lý điều hành trước đây lại bỏ đi vôi vàng như vậy. Nếu khách sạn Richmond là khách sạn tốt nhất của Davis Leroy, Abel thấy lo cho mười khách sạn còn lại trong Tập đoàn, dù ông chủ mới của anh là người *có túi tiền sâu* của Texas.

Thông tin tốt mà Abel phát hiện trong tuần đầu tiên đến Chicago: Melanie Leroy là con một.

William và Matthew bắt đầu học năm thứ nhất tại Đại học Harvard vào mùa thu năm 1924. William nhận Học bổng Toán học Hamilton,

anh tự thưởng cho mình một chiếc *Daisy*, mẫu T Ford hiện đại mới nhất, với số tiền 290 đô và chiếc xe đã trở thành tình yêu đích thực đầu tiên trong đời anh, dù hai người bà đều không đồng ý. Anh sơn chiếc *Daisy* thành màu vàng óng, điều đó làm giảm một nửa giá trị chiếc xe, nhưng lại nhân đôi số bạn gái của anh. Calvin Coolidge¹ đắc cử với số phiếu lớn và trở lại Nhà Trắng - hai người bà thất vọng ê chề vì cả hai đều bầu cho John W. Davis - và khối lượng giao dịch trên thị trường chứng khoán New York đạt mức kỷ lục trong năm năm với 2.336.160 cổ phiếu.

Cả hai chàng trai - “chúng ta không thể xem hai đứa như những đứa trẻ nữa”, bà ngoại Cabot bảo vậy - vẫn

¹ John Calvin Coolidge, Jr. (1872-1933) là tổng thống Hoa Kỳ thứ 30.

đang mong được đi học đại học. Sau một mùa hè sôi nổi chỉ đuổi theo trái bóng golf và các cô gái, cả hai thứ đều gây ra những rắc rối, hai chàng trai cuối cùng đã sẵn sàng để theo đuổi những điều quan trọng hơn. William khởi động mọi việc ngay hôm anh đến căn phòng mới ở *Bờ Biển Vàng*, một bước tiến đáng kể so với hồi ở trường St. Paul, trong khi Matthew đi tìm hiểu cậu lạc bộ đua thuyền của trường Đại học. Anh được bầu làm đội trưởng của đội năm nhất, mỗi chiều Chủ nhật William luôn xếp sách vở lại để đứng bên bờ sông Charles xem bạn đua thuyền. Anh thầm thích thú trước thành công của Matthew, nhưng ngoài mặt lại tỏ ra gay gắt:

- Cuộc sống không chỉ xoay quanh tám gã vai u thịt bắp cầm những thanh gỗ méo mó nhọc nhằn chèo trên mặt nước bập bênh trong khi một gã nhỏ con hơn hò reo cổ vũ họ. - Anh hóm hỉnh tuyên bố.

- Đi mà nói thế với bọn trường Yale nhé. - Matthew bảo.

William nhanh chóng chứng minh cho các giáo sư toán thấy anh nhiều lần đứng đầu trong lĩnh vực của mình giống như Matthew. Anh trở thành Chủ tịch Hội Tranh biện của sinh viên năm đầu, và giới thiệu với ông chú của anh, Hiệu trưởng Lowell, về kế hoạch bảo hiểm Đại học đầu tiên, theo đó các sinh viên tốt nghiệp Harvard sẽ được bảo hiểm suốt đời chỉ với một nghìn đô, chỉ định chính trường Đại học làm bên hưởng lợi nhuận. William ước lượng nếu có 40% sinh viên tham gia hệ thống này, từ năm 1950 trở đi, Harvard sẽ có nguồn thu nhập được bảo đảm rơi vào khoảng 3 triệu đô

một năm. Ông Hiệu trưởng rất ấn tượng, và hoàn toàn ủng hộ cho kế hoạch này. Một năm sau, ông mời William tham gia vào ban điều hành của Hội đồng Phát triển Quỹ Đại học. William hãnh diện tiếp nhận, không biết rằng sự bổ nhiệm ấy sẽ dành cho anh cả cuộc đời.

Hiệu trưởng Lowell cho bà nội Kane biết rằng ông đã chiếm giữ được một trong số những bộ óc tài chính siêu việt nhất trong thế hệ này mà không phải trả tiền. Bà nội Kane kín đáo nói với ông em họ:

- Mọi việc đều đem lại kết quả của nó, và cơ hội này sẽ dạy cho William biết tự ý thức trong lĩnh vực của mình.



Năm thứ nhất vừa bắt đầu cũng chính là lúc để lựa chọn (hoặc bị lựa chọn) một trong số những câu lạc bộ Finals đang có tầm ảnh hưởng lớn đối với vị thế xã hội của những sinh viên thành công nhất tại Harvard. William bị “thúc” vào câu lạc bộ Porcellian, câu lạc bộ lâu đời nhất, độc đáo nhất và ít phô trương nhất. Trong hội quán tại Đại lộ Massachusetts, trụ sở được bố trí khá phi lý phía trên tiệm cà phê rẻ tiền Hayes-Bickford, anh hay ngồi trên một chiếc ghế bành dễ chịu, nghiên cứu định lý bản đồ bốn màu¹, thảo luận các vấn đề liên quan đến vụ án Loeb-Leopold và vấn đề vướng phở xá bên dưới qua ô cửa kính tiện lợi trong khi lắng nghe chiếc đài lớn mới được lắp đặt.

¹ Định lý bản đồ bốn màu cho rằng đối với bất kì mặt phẳng nào được chia thành các vùng phân biệt, chẳng hạn như bản đồ hành chính của một quốc gia, chỉ cần dùng tối đa bốn màu để phân biệt các vùng lân cận với nhau.

Kì nghỉ Giáng sinh đến, William bị Matthew thuyết phục đi trượt tuyết ở Vermont, để rồi lại mất một tuần hỗn hển leo dốc theo chân người bạn sung sức hơn mình.

- Nói tở nghe, Matthew, có ý nghĩa gì khi mất cả giờ leo lên một ngọn đồi chỉ để trượt xuống cùng ngọn đồi ấy trong vài giây, liều lĩnh dẫn đến mất mạng và gãy chân què tay?

Matthew cầu nhàu:

- Chắc chắn tở thấy thích thú hơn những lý thuyết đồ thị, William ạ! Tại sao cậu không thừa nhận là mình không giỏi trèo lên hoặc trượt xuống?

Hai người trải qua đủ mọi hoạt động trong suốt năm đầu tiên, mặc dù khái niệm của họ về “trải qua” lại rất khác nhau. Trong hai tháng đầu tiên của kì nghỉ hè, họ làm việc với tư cách những nhân viên quản lý cấp thấp ở Ngân hàng Charles Lester tại New York, cha của Matthew đã không còn tìm cách ngăn William đến với cơ ngơi của ông.

Khi những ngày chớm bão của tháng Tám đến, hai chàng trai chủ yếu dành thời gian lướt qua vùng quê New England trên chiếc *Daisy*, dong buồm trên sông Charles với càng nhiều cô gái khác nhau càng tốt, và tham gia mọi buổi tiệc tại nhà riêng mà họ được mời. Hai người nhanh chóng trở thành hai nhân vật được quan tâm nhất ở trường Đại học, được coi là *Học giả* và *Khổ luyện*. Trong xã hội Boston, cũng dễ hiểu khi nói cô gái nào cưới William Kane hoặc Matthew Lester thì sẽ không phải lo về tương lai. Tuy nhiên, khi các bà mẹ đầy hy vọng đến cùng với những cô con gái tươi trẻ, bà nội Kane và bà ngoại Cabot đều thẳng thừng từ chối họ.

Vào ngày mười tám tháng Tư năm 1927, William tổ chức sinh nhật lần thứ hai mươi mốt bằng cách tham dự cuộc họp cuối cùng của những người được ủy thác tài sản của anh. Alan Lloyd và Tony Simmons đã chuẩn bị mọi tài liệu cho anh ký.

- Ôi, William thân mến, - Millie Preston nói, như thể một gánh nặng khổng lồ vừa được trút khỏi vai bà - tôi chắc anh sẽ đủ khả năng đảm đương mọi việc như chúng tôi đã từng làm.

- Tôi hy vọng vậy, bà Preston. - William đáp - Nhưng nếu tôi cần mất nửa triệu đô trong một đêm, tôi sẽ gọi cho bà.

Millie Preston đỏ bừng mặt và không bao giờ nói chuyện với William nữa.

Khối tài sản ủy thác lúc này đã hơn ba mươi hai triệu đô, và William đã có kế hoạch phát triển số tiền. Nhưng anh cũng tự đặt mục tiêu tự kiếm ra một triệu đô nữa trước khi rời khỏi Harvard. Đó không phải một số tiền lớn so với tổng tài sản của anh, nhưng của cải thừa kế không ý nghĩa bằng tài khoản riêng của anh ở Ngân hàng Lester.

Hè năm đó, hai người bà sợ các cô gái lại ồ ạt kéo đến nên đã cho William và Matthew một chuyến du lịch sang trọng đi châu Âu. Chuyến đi ấy lại rất đáng giá với hai chàng trai. Vượt qua mọi rào cản ngôn ngữ, Matthew luôn tìm được một cô gái xinh đẹp ở các thủ đô lớn khắp châu Âu - anh khẳng định với William rằng tình yêu là một hàng hóa quốc tế. William có được lời giới thiệu đến gặp các giám đốc

ở hầu hết các ngân hàng lớn khắp châu Âu. Anh khẳng định với Matthew rằng tiền cũng là một hàng hóa quốc tế, và ít thất thường hơn.

Từ London đến Berlin, rồi Rome, hai chàng trai trẻ để lại dọc đường những trái tim tan vỡ và ấn tượng cho những ông chủ ngân hàng. Khi trở lại Harvard vào tháng Chín, hai người đã sẵn sàng lao vào sách vở cho năm học cuối cùng.



Trong mùa đông khắc nghiệt năm 1927, bà nội Kane qua đời, thọ tám lăm tuổi, và lần đầu tiên William khóc kể từ sau cái chết của mẹ anh.

- Thôi nào, - Matthew nói sau khi chia sẻ nỗi sầu thảm ấy trong nhiều ngày - bà cụ đã sống cuộc sống tốt đẹp, và đợi rất lâu để khám phá xem Chúa là người nhà Cabot hay Lowell.

William nhớ những lời chỉ trích sắc sảo của bà nội mà trước nay anh đã không để tâm, và đứng ra tổ chức lễ tang long trọng đến mức hẳn bà sẽ phải tự hào nếu có mặt. Quý bà vĩ đại được đưa đến nghĩa trang trong chiếc xe tang Packard - *"Một cỗ máy kì cục, nếu ta còn sống thì đừng hòng"* - nhưng lời chỉ trích duy nhất của bà về tang lễ do William tổ chức sẽ chỉ là về cách di chuyển không như ý muốn này thôi. Sự ra đi của bà là động lực cho William tập trung cao độ trong suốt năm cuối cùng ở Harvard, và anh dồn sức để có được giải thưởng Toán học hàng đầu của trường Đại học để tưởng nhớ bà.

Bà ngoại Cabot mất sau bà nội Kane năm tháng, William nói có thể vì bà không còn ai để tâm sự nữa.



Tháng Hai năm 1928, William được đội trưởng Nhóm Tranh biện của trường Đại học đến thăm. Tháng sau sẽ có một cuộc tranh biện quan trọng về bản kiến nghị *Chủ nghĩa Xã hội hay Chủ nghĩa Tư bản cho tương lai của nước Mỹ*, và anh ta yêu cầu William trình bày về chủ nghĩa tư bản.

- Nếu tôi nói tôi chỉ sẵn lòng phát biểu đại diện cho quần chúng bị áp bức thì sao? - William vặn hỏi vị đội trưởng đang sưng sờ, anh có chút bực dọc vì nghĩ rằng người ngoài thường cho rằng vị trí lý tưởng của anh chỉ đơn giản là do anh được kế thừa dòng dõi thế phiệt và một ngân hàng ăn nên làm ra.

- Chà, tôi phải nói thế này, William ạ, chúng tôi đã nghĩ anh sẽ ưu tiên cho... ờ...

- Chính là điều tôi vừa nói. Tôi chấp nhận lời mời của anh. Tôi nghĩ rằng mình được tự do lựa chọn người đồng sự?

- Cứ tự nhiên.

- Tốt rồi. Vậy tôi chọn Matthew Lester. Tôi có thể biết đối thủ của chúng tôi sẽ là ai không?

- Trước ngày tranh biện anh sẽ biết, khi đó các áp phích thông báo sẽ được dán ở sân trường.

Tháng sau, Matthew và William đọc tên các trưởng nhóm ở mọi tờ báo quan trọng của cả cánh tả lẫn cánh hữu trong lúc ăn sáng và dành các buổi tối cho các buổi hội đàm chiến lược chuẩn bị cho cuộc Đại Tranh biện. William quyết định để Matthew làm chủ những buổi đó.

Ngày Tranh biện đến, ai cũng biết rõ những học sinh, giáo sư và thậm chí một số người có danh vọng ở Boston

và Cambridge có động cơ chính trị sẽ tham gia. Buổi sáng trước hôm đó, William và Matthew đi qua sân trường để tìm hiểu các đối thủ là ai.

- Leland Crosby và Thaddeus Cohen. Hai cái tên này có gợi cho cậu điều gì không, William? Tôi cho rằng Crosby chắc chắn là một trong những Crosby ở Philadelphia.

- Đúng rồi. “Gã đồ điên rồ trên Quảng trường Rittenhouse” như bà cô của anh ta đã từng mô tả. Anh ta là nhà cách mạng tận tụy nhất trong trường. Anh ta thích gồng gánh và chủ yếu tiêu tiền cho các mục đích bình dân cấp tiến. Tôi đã nghe về khởi đầu của anh ta. William nhại lại giọng the thé của Crosby: *Ngay từ đầu tôi đã biết rõ sự tham lam và vô lương tâm của tầng lớp người Mỹ giàu có.* Nếu tất cả khán giả chưa nghe về những quan điểm của anh ta đến 50 lần thì sẽ thấy anh ta sẽ là một đối thủ ghê gớm.

- Còn Cohen?

- Chưa bao giờ nghe về anh này. Có thể là một người Do Thái.

Tối hôm sau, họ băng qua trận tuyết và những cơn gió tê tái, những chiếc áo khoác nặng nề bay phần phật sau lưng, vượt qua những hàng cột bóng loáng của thư viện Mở rộng, giống như cha của William lúc bước xuống tàu *Titanic*, để tới hội trường Boylston.

- Với thời tiết kiểu này, nếu mình có trốn tránh thì cũng không có nhiều người đơm đặt chuyện đâu. - Matthew nói trong hy vọng.

Nhưng trong khi đến góc phía bắc của thư viện, họ thấy dòng người đông đúc đang bước rầm rập lên từng nhíp cầu

thang và đổ vào hội trường. Sau khi chọn chỗ ngồi trên bục diễn thuyết, William nhận ra vài người trong đám thánh giá đông nghịt: Hiệu trưởng Lowell ngồi kín đáo ở hàng giữa, cựu giáo sư môn thực vật Newbury St. John, hai nữ văn sĩ phố Brattle anh đã biết từ những buổi tiệc ở Dinh Thự Đỏ, và bên phải anh, một nhóm nam nữ thanh niên có vẻ ngoài giống những người Bohemian, vài người thậm chí không thắt cà vạt, họ quay sang và bắt đầu vỗ tay khi diễn giả của họ - Crosby và Cohen - bước lên bục Tranh biện.

Crosby ấn tượng hơn trong hai người, cao gầy như trong tranh biếm họa, ăn vận như kẻ đăng trí - hoặc quá cẩn thận - với bộ đồ vải tweed xù lông, áo sơ mi là phẳng và một tẩu thuốc lủng lẳng ở môi dưới. Thaddeus Cohen thấp hơn, đeo kính không gọng và bộ đồ len tối màu ngay ngắn quá mức. William có thể sẽ chửi thề nếu trước đây anh chưa từng thấy khuôn mặt đó.

Chuông của nhà thờ vang lên bảy lần, nghe mơ hồ và xa xăm.

Bốn diễn giả bắt tay nhau cẩn thận trước khi luật Tranh biện được nêu ra.

- Diễn giả đầu tiên sẽ là anh Leland Crosby. - Đội trưởng Tranh biện thông báo.

Bài diễn thuyết của Crosby không khiến William băn khoăn cho lắm. Anh đã biết trước giọng nói the thé của Crosby, những quan điểm thái quá gần như kích động mà anh ta sẽ tập trung vào. Anh ta thuật lại những thứ bùa ngải của chủ nghĩa cấp tiến kiểu Mỹ: Thảm sát Haymarket, Độc

quyền Tiền tệ, Liên hợp Standard Oil, thậm chí cả Diễn văn *Cây Thánh Giá Vàng*¹. William nghĩ Crosby chỉ nhằm phô trương bản thân, dù anh ta có được sự tán thưởng như mong đợi từ một số ít người ủng hộ riêng mình. Khi anh ta trở lại chỗ ngồi, anh ta chắc chắn có thêm rất ít người ủng hộ mới, và có vẻ anh ta sẽ mất đi một số người trước kia ủng hộ.

Matthew trình bày đồng dục và đúng trọng tâm, làm say lòng thánh giả khi thể hiện là hiện thân của sự rộng lượng hào sảng. William lắc tay bạn nông hậu khi anh trở lại và được hoan hô nồng nhiệt.

- Mọi việc ổn cả rồi. - Anh thì thầm. Nhưng đó là trước khi họ được nghe Thaddeus Cohen nói.

Chàng trai trẻ vô danh làm mọi người bất ngờ. Anh có phong thái nhẹ nhàng, nhỏ nhẹ và phong cách dễ gây cảm tình. Những liên hệ và trích dẫn của anh đều có màu sắc Công giáo, sắc sảo và rõ ràng. Không xa cách người nghe, anh truyền tải đạo đức một cách nghiêm túc, khiến cho người ta thấy thật phi lý khi không hỗ trợ những người kém may mắn hơn mình. Anh sẵn lòng thừa nhận những sự cực đoan của cánh tả và những thiếu sót của vài người đứng đầu, nhưng anh cho người nghe thấy rõ ràng: dù còn nhiều hạn chế, nhưng không có lựa chọn nào khác ngoài

¹ Diễn văn *Cây Thánh Giá Vàng* do William Jennings Bryan, cựu đại biểu Mỹ ở Nebraska, trình bày tại Hội nghị Toàn quốc Đảng Dân chủ ở Chicago ngày 9 tháng 7 năm 1896. Trong diễn văn này, Bryan ủng hộ chế độ hai bản vị trong kinh tế vì tin chế độ này sẽ giúp quốc gia thịnh vượng, đồng thời công kích tiêu chuẩn của vàng. Bài phát biểu của Bryan đã giúp ông nằm trong danh sách đề cử của Đảng Dân chủ cho vị trí Tổng thống. Đây được xem là một trong số những diễn văn chính trị nổi tiếng nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Chủ nghĩa Xã hội để nhân loại được tiến bộ. “Sau cùng thì sự bình đẳng còn quan trọng hơn sự công bằng”. Anh ngồi xuống trong tiếng vỗ tay rào rào của cả hai phía.

William bối rối. Nếu tấn công trực tiếp vào lập trường chính trị của đối phương thì sẽ chỉ là guồng gạo chống lại bài phát biểu lịch thiệp và đầy thuyết phục của Cohen. Tuy nhiên, nếu vượt mặt anh ta như một diễn giả đầy niềm tin và hy vọng trong tinh thần nhân đạo thì cũng là bất khả thi. Trước tiên anh tập trung vào bác bỏ những tuyên bố có tính xúc phạm nhất của Crosby, rồi tìm cách phản biện lại những luận điểm của Cohen bằng một tuyên bố về niềm tin của anh vào khả năng của chế độ nước Mỹ nhằm tạo ra những kết quả tốt nhất thông qua tính cạnh tranh cả về trí tuệ lẫn kinh tế. Anh thấy mình đã chơi tốt một trận phòng ngự, nhưng cũng chỉ như vậy, và anh ngồi xuống với cảm giác mình đã bị Cohen đánh bại.

Crosby là diễn giả thích bài bác đối thủ của mình. Anh ta mở đầu rất táo tợn, như thể lúc này anh ta cần hạ gục chính Cohen hơn là William và Matthew, anh hỏi có ai có thể vạch mặt *kẻ thù của nhân dân* trong số những người ở đây tối nay không. Anh ta đảo mắt quanh phòng khá lâu trong khi thính giả lúng túng trong sự im lặng ngưng đọng, và thậm chí những người ủng hộ hăng hái nhất của anh ta cũng cúi mặt nhìn xuống chân. Rồi anh ta gào to:

- Kẻ đó đứng trước mặt các bạn. Anh ta vừa phát biểu trước các bạn đó. Tên anh ta là William Lowell Kane.

Anh ta chỉ tay về phía William, nhưng không nhìn vào anh, rồi hét lên như sấm:

- Ngân hàng của anh ta sở hữu nhiều hầm mỏ, ở đó, những công nhân phải chết để đem về cho đám chủ thêm một triệu tiền lãi mỗi năm. Ngân hàng của anh ta hỗ trợ cho nền độc tài đẫm máu và tham nhũng ở Mỹ Latin. Thông qua ngân hàng, Quốc hội Mỹ đã ăn hối lộ để diệt nông dân nghèo. Ngân hàng của anh ta...

Tràng đả kích kéo dài nhiều phút. William ngồi lặng như đá, lâu lâu lại ghi một câu bình phẩm vào tập giấy vàng của anh. Một vài thành viên trong đám thánh giả bắt đầu la lớn: “Không đúng!” Những người ủng hộ Crosby trung thành đáp trả: “Đúng rồi!” Các ủy viên của hội bắt đầu có vẻ khó chịu.

Phần thời gian của Crosby đã hết. Cuối cùng, anh ta giờ nắm đấm lên và nói:

- Thưa quý vị, tôi cho rằng ở cách căn phòng này không quá hai trăm thước, chúng ta sẽ có được câu trả lời về tình cảnh của nước Mỹ. Đó là thư viện Mở rộng, thư viện tư lớn nhất trên thế giới. Những trí thức nghèo đói và nhập cư, cùng với những người Mỹ được giáo dục toàn diện nhất, đi qua cánh cửa đó để nâng tầm hiểu biết về thế giới. Nhưng tại sao lại có thư viện đó? Bởi vì mười sáu năm trước có một tay chơi giàu có bạc phận đã bước lên một con tàu trụ lạc mang tên *Titanic*. Thưa các anh chị và các bạn, tôi cho rằng khi người Mỹ chưa trao cho từng kẻ trong giới cầm quyền một tấm vé vào phòng riêng trên tàu *Titanic* của chủ nghĩa tư bản, thì nên giải phóng tất cả số tài sản tích lũy của lực địa khổng lồ này để hiến dâng cho tự do, bình đẳng và tiến bộ.

Trong khi Matthew lắng nghe bài diễn thuyết của Crosby, xúc cảm trong anh chuyển từ nỗi hoan hỉ cho rằng bài phát biểu sai lầm này sẽ khiến chiến thắng thuộc về phe anh, sang sự phẫn nộ vì việc liên hệ đến tàu *Titanic*. Anh không biết William sẽ phản ứng thế nào với những lời khiêu khích như vậy. Khi hội trường đã tĩnh lặng trở lại, đội trưởng Tranh biện bước lên bục và mời:

- Anh William Lowell Kane.

William chậm rãi bước lên và nhìn về phía khán giả. Cả căn phòng nín lặng.

- Theo ý tôi, những quan điểm anh Crosby vừa nêu ra không đáng để đáp lại.

Anh lại ngồi xuống. Theo sau một khoảng lặng lạ lùng là những tiếng vỗ tay tán thưởng vang như sấm. Đội trưởng trở lại bục, nhưng dường như không biết phải làm gì tiếp. Một giọng nói từ phía sau anh phá vỡ sự căng thẳng.

- Nếu có thể, thưa đội trưởng, tôi muốn hỏi anh Kane liệu tôi có thể sử dụng khoảng thời gian của anh ấy không.

Đó là Thaddeus Cohen. William gật đầu đồng ý.

Cohen bước lên bục và chớp mắt thân thiện với khán giả.

- Thực sự bấy lâu nay, - anh bắt đầu - trở ngại lớn nhất cho thành công của chủ nghĩa xã hội dân chủ ở nước Mỹ là chủ nghĩa cực đoan từ một số nhân tố của chủ nghĩa này. Không gì minh họa chuẩn xác hơn cho sự thật đáng buồn này bằng bài phản biện của bạn tôi tối nay. Xu hướng hủy hoại động cơ của sự tiến bộ bằng cách kêu gọi tiêu diệt những người đối lập có thể hiểu là của một người nhập cư

bị ám ảnh bởi chiến tranh, một cựu binh của những trận chiến xa lạ chứ không phải của chúng ta. Cách làm đó ở Mỹ là không thể dung thứ được. Về phần tôi, tôi xin gửi lời tạ lỗi chân thành đến anh Kane.

Lần này, những lời tán thưởng vang lên ngay lập tức. Gần như toàn bộ thánh giả đều đứng dậy vỗ tay. William lẫn Matthew đều không ngạc nhiên khi họ chiến thắng trong cuộc Tranh biện với hơn một trăm năm mươi phiếu. Trong khi những người đến dự từng hàng đổ ra khỏi hội trường, trò chuyện sôi nổi chưa từng thấy, William bước qua bắt tay Thaddeus Cohen.

- Sao anh biết cha tôi có mặt trên tàu *Titanic*? - Anh hỏi.

- Vì cha tôi đã kể chuyện đó nhiều năm trước.

- Đương nhiên là thế. - William nói - Anh chắc chắn là con trai ông Thomas Cohen. Sao anh không đi uống chút gì với chúng tôi nhỉ?

- Cảm ơn anh! - Cohen nói.

Ba người đi cùng nhau từ Đại lộ Massachusetts, gần như bị vùi lấp dưới trời tuyết. Họ dừng lại bên ngoài một cánh cửa lớn màu đen, gần đối diện với Hội trường Boylston. William lấy chìa khóa mở cửa và ba người bước vào tiền sảnh.

Trước khi cánh cửa đóng lại sau lưng mình, Cohen nói:

- Tôi sợ ở đây tôi sẽ không được chào đón.

William có vẻ giật mình, ngỡ ngàng vài giây.

- Vô lý. Anh đi cùng tôi mà.

Matthew liếc nhìn bạn để cảnh báo, nhưng thấy William vẫn kiên quyết.

Họ lên cầu thang, bước vào một căn phòng lớn, ấm cúng nhưng không có đồ đạc sang trọng, ở đó có khoảng hơn mười chàng trai trẻ ngồi trên ghế bành hoặc đứng thành từng tốp hai hoặc ba người. William vừa xuất hiện trước cửa, những lời chúc mừng vang lên.

- Cậu thật cừ khôi, William ạ! Đây mới chính là cách để xử lý hạng người đó.

- Vinh quang thay, người đã hạ gục đám Ba Lan.

Cohen tụt lại phía sau, nhưng William không quên anh.

- Các quý anh, tôi xin phép giới thiệu đối thủ xứng tầm của tôi, anh Thaddeus Cohen.

Cohen ngần ngại bước lên.

Tất cả ngừng bật. Một số người ngoảnh mặt đi như thể họ đang mãi nhìn những cây du dưới sân với cành lá trĩu xuống vì tuyết. Tầm ván lót sàn kêu cọt két khi một chàng trai rời khỏi phòng ở cánh cửa đằng xa. Mỗi lúc lại có thêm nhiều người bỏ đi. Không vội vàng, không nói một lời, mọi thành viên khác đều lần lượt bỏ đi. Người cuối cùng ra đi còn nhìn William khá lâu rồi quay đi và biến mất sau cánh cửa.

Matthew hoảng hốt nhìn bạn. Thaddeus Cohen đỏ mặt đứng cúi đầu. Mối William mím chặt trong nỗi phẫn uất đầy thất vọng và căng thẳng giống bạn, y như lúc Crosby trích dẫn về tàu *Titanic*. Matthew khẽ nắm tay bạn.

- Chúng mình nên đi khỏi đây.

Ba người lê bước trở về phòng của William và lặng lẽ uống rượu brandy, trao đổi những câu chuyện mà không cần người ngoài lắng nghe.

Sáng hôm sau, khi William thức dậy, một phong bì đã được nhét bên dưới cánh cửa. Anh bóc ra và thấy lời nhắn ngắn gọn từ Chủ tịch câu lạc bộ Porcellian, nhắc nhở rằng hy vọng anh “sẽ không tái diễn lại chuyện không hay tối qua”.

Trước bữa trưa, Chủ tịch đã nhận được hai lá thư xin ra khỏi câu lạc bộ.



Sau vài tháng chuyên cần, William và Matthew gần như đã sẵn sàng cho những bài thi cuối kì - chưa ai từng nghĩ mình thật sự sẵn sàng. Trong sáu ngày, họ trả lời mọi câu hỏi và điền hết các trang trong cuốn sách ôn thi nhỏ màu xanh lam, và ngay khi viết xong dòng cuối cùng, cả hai nhẩn nại chờ đợi, nhưng không hề uống công.

Một tuần sau kì thi, William được thông báo đã giành giải thưởng Toán học của Hiệu trưởng. Matthew xoay sở được “hạng C”¹, như vậy anh cũng được nhẹ lòng, và không ai thấy đó là bất ngờ lớn. Cả hai đều không có chút hứng thú nào kéo dài sự học, hai người ước được gia nhập thế giới “thực” càng sớm càng tốt.

Tám ngày trước khi rời khỏi Harvard, tài khoản ngân hàng của William tại New York đã có thêm một triệu đô nữa. Lần đầu tiên anh bàn bạc với Matthew về kế hoạch lâu dài để có được quyền điều hành Ngân hàng Lester bằng

¹ “Hạng C” là thứ hạng được trao cho sinh viên có gia đình giàu có, thay vì đánh trượt, thường là do gia đình có đóng góp nhiều cho trường.

cách hợp nhất nó với Ngân hàng Kane và Cabot. Matthew hào hứng với ý tưởng này và thú nhận:

- Đây chính là cách duy nhất để tớ mở mang thêm những gì ông già tớ đã đạt được trong đời.

Tháng Sáu năm 1928, Alan Lloyd, lúc này đã sáu mươi tuổi, đến Harvard dự lễ tốt nghiệp. William ước cha mình còn sống để chứng kiến buổi lễ.

Sau đó, anh mời ông Alan ra quảng trường uống trà. Ông Chủ tịch ngân hàng nhìn chàng trai trẻ cao lớn bằng vẻ cảm mến.

- Và giờ anh định làm gì sau khi rời khỏi Harvard?

- Tôi sẽ về với ngân hàng của ông Charles Lester ở New York. Tôi muốn có thêm kinh nghiệm trước khi về Ngân hàng Kane và Cabot trong vài năm tới.

- Nhưng rõ ràng anh đã sống ở Ngân hàng Lester từ lúc cậu mười hai tuổi mà, William. Tại sao anh không về ngay với chúng tôi? Chúng tôi sẽ cử anh làm giám đốc ngay lập tức.

Không có câu trả lời.

- Ôi, William, tôi phải nói là anh im lặng như vậy thì không giống anh chút nào.

- Nhưng tôi chưa bao giờ tưởng tượng ông lại mời tôi tham gia vào Ban giám đốc trước khi tôi tròn hai mươi tuổi. Cha tôi...

- Đúng là cha anh hai mươi tuổi mới được bầu làm giám đốc. Nhưng không có lý do gì khiến anh không được tham gia vào Ban giám đốc trước tuổi đó nếu những giám đốc khác ủng hộ ý kiến của tôi, và tôi biết họ sẽ ủng hộ. Dù thế

nào, có những lý do cá nhân khiến tôi muốn thấy anh tham gia ban lãnh đạo càng sớm càng tốt. Năm năm nữa là tôi về nghỉ hưu, chúng tôi phải đảm bảo bầu được một Chủ tịch xứng đáng. Anh sẽ ở vị trí vững chắc hơn để có tầm ảnh hưởng tới quyết định đó nếu anh làm việc cho Ngân hàng Kane và Cabot trong những năm đó, hơn là làm một công chức sáng giá của Ngân hàng Lester. Ôi, anh bạn! Anh sẽ tham gia vào Ban giám đốc chứ?

Đó là lần thứ hai trong ngày William ước cha mình vẫn còn sống.

- Tôi rất vui mừng nhận lời, thưa ngài!

- Đây là lần đầu tiên anh gọi tôi là “ngài” kể từ khi chúng ta chơi golf cùng nhau, và lần đó tôi đã không chiến thắng.

William cười.

- Tốt lắm, - Alan nói - vậy là ổn rồi. Anh sẽ làm phó Giám đốc Đầu tư, làm việc trực tiếp dưới quyền Tony Simmons.

- Tôi có thể chỉ định trợ lý riêng chứ? - William hỏi.

- Chắc hẳn là Matthew Lester hả?

- Vâng.

- Không. Tôi không muốn anh ta làm ở ngân hàng của chúng ta những việc mà anh vốn định làm ở ngân hàng của họ.

William không bình phẩm gì thêm, nhưng anh không bao giờ đánh giá thấp Alan Lloyd nữa.

PHẦN BA

1928-1932



Abel mất tầm ba tháng để hiểu hết toàn bộ vấn đề khách sạn Richmond Continental phải đổi mặt, cũng như lý do khách sạn này đang tổn thất rất nhiều tiền. Sau mười hai tuần *giữ cho đôi mắt mở to và miệng khép chặt lại*, khiến những nhân viên tưởng rằng mình luôn ngủ gà ngủ gật, anh đưa ra một kết luận đơn giản: toàn bộ lợi nhuận của khách sạn đơn giản đang bị đánh cắp. Các nhân viên của Richmond đang cấu kết với quy mô lớn tới mức chính Abel trước đó cũng không ngờ tới. Tuy nhiên, hệ thống này đã không đánh giá đúng trọng lý điều hành mới, người đã từng phải ăn cắp bánh mì của người Nga để sống qua ngày. Vấn đề đầu tiên của Abel là không để bất cứ ai biết những gì anh nắm được cho đến khi anh có được cơ hội kiểm tra mọi bộ phận trong khách sạn. Anh không mất nhiều thời gian để nhận ra mỗi bộ phận đều đã tự hoàn thiện quy trình bòn rút tiền bạc.

Trò đối trá bắt đầu từ quầy tiếp tân, các nhân viên ở đó chỉ ghi tên tám phần mười số khách đến, và bỏ túi tất cả số tiền mặt mà hai phần mười còn lại đã trả. Cách làm của họ rất đơn giản. Nếu bất cứ ai áp dụng lối đó ở khách sạn Plaza tại New York, hẳn sẽ bị phát giác trong vài phút và bị đuổi việc ngay trong ngày hôm đó. Nhân viên trưởng quầy thường chọn một cặp vợ chồng già nào đó từ một bang khác đến, đặt phòng cho một đêm duy nhất, và những người này trước đó chưa từng đến khách sạn. Tiếp theo, sau khi cẩn thận tìm hiểu để biết rõ họ không có những mối quan hệ công việc trong thành phố, anh ta dễ dàng lừa đi việc đăng ký phòng của họ. Nếu sáng hôm sau họ trả tiền mặt, số tiền sẽ bị bỏ túi riêng. Nếu họ không ký sổ thì không có biên bản nào chứng minh họ từng ở lại khách sạn. Từ lâu, Abel nghĩ rằng các khách sạn cần ghi tên tất cả các khách đến giống như khách sạn Plaza đã làm.

Trong phòng ăn, hệ thống này tinh vi hơn. Tất cả tiền mặt thu về từ những vị khách không ở qua đêm, chỉ đến ăn trưa hoặc ăn tối, đều bị bòn rút. Abel đã lường trước chuyện này, nhưng anh mất nhiều thời gian khi kiểm tra toàn bộ hóa đơn nhà hàng và xác minh được quầy tiếp tân đang bắt tay với người của phòng ăn để những vị khách không được ghi tên sẽ không có hóa đơn. Trong quầy bar, thủ đoạn họ dùng còn ngang nhiên hơn. Người phục vụ quầy bar đem bán những chai rượu của riêng mình và bỏ túi tiền kiếm được trong khi số rượu của khách sạn vẫn còn nguyên. Trên hết, có một đường dây chặt chẽ làm giả những đồ đạc bị vỡ và những thứ cần sửa chữa, những dụng cụ thất lạc, lương

thực thất thoát, khăn trải giường bị mất, thậm chí cả đệm nằm cũng thỉnh thoảng biến đâu mất. Abel kết luận có hơn nửa số nhân viên của khách sạn Richmond dính líu đến âm mưu này, và không một bộ phận nào có bản báo cáo hoàn toàn trung thực.

Khi anh đến khách sạn này lần đầu tiên, anh thắc mắc tại sao người quản lý, Desmond Pacey, không nhận thấy những điều đang xảy ra ngay trước mắt mình. Anh lầm tưởng người đàn ông này chỉ lười biếng và không buồn tìm hiểu những lỗi nhỏ vụn vặt. Ngay đến Abel cũng không sớm nhận ra người quản lý này thực chất là kẻ chỉ đạo phía sau toàn bộ quá trình đó, và quá trình đó diễn ra suôn sẻ là do đâu. Pacey đã làm việc cho Tập đoàn Richmond suốt hơn ba mươi năm qua. Ông ta từng nắm giữ vị trí quản lý cấp cao tất cả các khách sạn đơn lẻ trong Tập đoàn, điều này khiến Abel lo sợ về khả năng chinh đốn toàn hệ thống khách sạn. Hơn thế, Pacey là bạn thân của Leroy, và đã trở thành người đại diện tin cậy nhất của ông. Abel tính được, riêng với việc mất cắp, khách sạn Richmond ở Chicago đang mất hơn ba mươi nghìn đô mỗi năm, tình trạng này có thể được giải quyết nhanh gọn bằng cách sa thải phần lớn nhân viên, bắt đầu từ Desmond Pacey. Giải pháp này có một trở ngại là trong vòng ba mươi năm, Davis Leroy rất hiếm khi sa thải ai. Ông nhẹ nhàng cho qua những hành vi vô ý thức của họ với hy vọng một lúc nào đó họ sẽ tự ra đi. Abel cho rằng người của Tập đoàn Richmond sẽ còn thoải mái lấy trộm cho đến khi họ miễn cưỡng nghỉ hưu.

Abel quyết định cách duy nhất để đảo ngược tình thế của khách sạn là phải bàn luận dứt khoát với Davis Leroy, nhưng phải đợi đến khi anh thu thập được mọi bằng chứng cụ thể. Trong ngày nghỉ cuối tuần kế tiếp, Abel đáp tàu Great Express từ Trung tâm Illinois đến St. Louis rồi lại đi tàu của Missouri Pacific đến Dallas. Trong tay anh có tập báo cáo hai trăm trang, anh đã mất ba tháng để ngồi soạn ra trong căn phòng áp mái ở chái nhà phụ của khách sạn. Khi Davis Leroy đọc xong tập bằng chứng ấy, ông ngồi im lặng, nhìn Abel với vẻ hồ nghi.

- Những người này là bạn tôi! - Câu mở đầu của ông như vậy - Một vài người trong số đó đã ở với tôi trong ba mươi năm qua. Chết tiệt! Luôn luôn có chuyện ăn cắp vặt trong hoạt động kinh doanh khách sạn, nhưng giờ anh lại cho tôi biết lâu nay họ đã ăn cắp sau lưng tôi một cách có hệ thống ư?

- Nói cách khác, tôi ngờ rằng trong ba mươi năm qua ngày nào cũng có ăn cắp. - Abel nói.

- Vậy tôi sẽ phải làm sao đây?

- Tôi có thể ngăn chặn sự thối nát này nếu ông sẵn lòng sa thải Desmond Pacey, và cho tôi quyền loại bỏ bất cứ ai lâu nay bắt tay với ông ta.

- Chao ôi, anh Abel, tôi mong chỉ đơn giản như thế!

- Chỉ đơn giản thế thôi. - Abel nói - Và nếu ông không để tôi xử lý mọi thủ phạm, ông có thể nhận đơn từ chức của tôi trước khi tôi lên tàu trở về Chicago, vì tôi không thích trở thành một phần của khách sạn đồi bại nhất trên đất Mỹ.

Tôi chỉ thấy lạ khi Al Capone¹ không phải giám đốc của Tập đoàn này.

- Tôi giáng chức Desmond Pacey xuống làm trợ lý điều hành được không? Tôi sẽ đưa anh lên làm quản lý và chuyện này cứ thế qua đi. Dù sao thì ông ta cũng sắp nghỉ hưu trong vòng đôi ba năm nữa.

- Từng đó đủ lâu để làm ông phá sản. - Abel nói - Và tôi tệ hơn, tôi ngờ là mọi khách sạn khác của ông cũng đang được điều hành bằng lối bừa bãi tương tự. Nếu ông muốn mọi thứ ở Chicago thay đổi, ông sẽ phải đưa ra một quyết định cứng rắn cho Pacey ngay bây giờ, hoặc ông có thể một mình liều lĩnh chống đỡ vì tôi có những điều tốt đẹp hơn phải làm cho cuộc đời mình.

- Người dân Texas chúng tôi có tiếng là bộc trực, anh Abel ạ, nhưng chúng tôi chắc không thể sánh với anh được. Được rồi, được rồi, tôi sẽ cho anh quyền sa thải Pacey, như vậy bây giờ anh là quản lý của khách sạn Richmond tại Chicago. Chúc mừng anh, bạn của tôi! - Leroy đứng dậy, vỗ lên lưng người quản lý mới và nói tiếp - Đừng nghĩ tôi là kẻ vô ơn nhé. Anh đã làm việc ở Chicago rất tốt, và từ giờ trở đi tôi sẽ xem anh là cánh tay phải của tôi. Chân thành mà nói, anh Abel ạ, lâu nay tôi làm ăn rất khá trên thị trường chứng khoán mà thậm chí không nhận ra những thất thoát của Tập đoàn. Tạ ơn Chúa, tôi đã có một người

¹ Alphonse Gabriel - Al-Capone (1899-1947) là một gangster người Mỹ, dẫn đầu một tổ chức tội phạm chuyên về buôn lậu và mại dâm ở Chicago từ đầu những năm từ 1920 đến 1931.

bạn chân thành. Tại sao anh không ở lại đêm nay và ăn tối với tôi nhỉ?

- Tôi rất hân hạnh, thưa ông Leroy. Tôi đang hy vọng dành cả đêm nay ở lại khách sạn Richmond Dallas để tìm hiểu xem họ hoạt động thế nào.

- Anh sẽ không để cho bất cứ kẻ nào lọt lưới, đúng không Abel?

- Không đời nào, nếu tôi biết kẻ đó được đào tạo cùng một trường kinh doanh như Desmond Pacey.

Tối hôm đó, Abel và Davis Leroy ăn thịt nướng và uống hơi nhiều whiskey, thứ rượu dân Texas vẫn dùng để thể hiện lòng hiếu khách của người miền Nam. Ông cũng thú thực với Abel rằng mình vẫn đang xem xét việc mời ai đó gánh vác cả Tập đoàn Richmond để ông có thể rảnh rang hơn một chút.

- Ông có chắc là muốn một gã Ba Lan ngớ ngẩn nhận việc đó không? - Abel lấp bắp.

- Anh Abel, tôi mới chính là kẻ ngớ ngẩn. Nếu anh không dọn dẹp hết đám trộm cắp ấy, tôi chắc chắn sẽ phá sản. Nhưng giờ tôi biết sự thật rồi, chúng ta sẽ cùng nhau xử lý đám người đốn mạt ấy, và tôi sẽ cho anh cơ hội giúp Tập đoàn Richmond lấy lại danh tiếng.

Abel run run nâng cốc của mình lên.

- Tôi xin uống vì ngày đó, và vì tình bạn lâu bền, vì thắng lợi của hai ta.

- Xử chúng đi, bạn của tôi.

Abel mất cả đêm ở khách sạn Dallas Richmond, dùng một họ tên giả và bảo quầy tiếp tân là anh chỉ muốn ở lại

một đêm. Đến sáng, anh thấy bản biên lai duy nhất chứng tỏ khách sạn thu tiền của anh đã nằm trong thùng giấy lộn. Những nghi ngờ của anh đã được xác thực. Vấn đề hiển nhiên không phải chỉ ở riêng khách sạn tại Chicago mà đã lan ra toàn Tập đoàn. Anh quyết định phải làm cho rõ chuyện ở Chicago trước khi gặp thêm bất cứ tên Desmond Pacey nào khác, anh gọi cho Davis Leroy và báo cho ông ta biết ung nhọt đã lây lan trầm trọng.

Abel trở lại bằng con đường mình đã đi. Nằm buồn rầu phía ngoài cửa sổ con tàu là thung lũng Mississippi tiêu điều sau những trận lũ năm ngoái. Trong đầu Abel lúc này thì chỉ nghĩ về những cơn lũ mình sẽ gây ra khi anh trở lại khách sạn Richmond Chicago.

Khi bước qua những cánh cửa xoay của khách sạn, không thấy người gác đêm đâu cả, chỉ có một nhân viên đang trực. Anh quyết định để tất cả có một đêm ngon giấc trước khi nói lời giã từ với họ. Một thanh niên giúp việc vật mở cửa chính của chái nhà phụ cho anh.

- Chuyến đi tốt chứ ạ, ông Rosnovski?
- Tốt lắm, cảm ơn cậu. Mọi việc ở đây thế nào?
- Ổ, rất ổn.

Cậu sẽ còn thấy ổn hơn nữa vào giờ này ngày mai, Abel nghĩ, khi cậu là người duy nhất vẫn còn có việc làm. Abel bỏ hành lý xuống và gọi một bữa ăn nhẹ từ bộ phận phục vụ phòng. Mất hơn một tiếng đồ ăn mới đến, và lúc đó chúng đã nguội lạnh. Uống cà phê xong, anh tắm bằng nước lạnh và lên kế hoạch cho ngày hôm sau. Anh đã chọn được thời

điểm hợp lý trong năm cho cuộc thanh tẩy của mình. Lúc đó là đầu tháng Hai, khách sạn chỉ có khoảng một phần tư số phòng có người thuê. Anh tin chắc mình có thể điều hành Richmond chỉ với một nửa số nhân viên hiện nay. Anh leo lên giường, ném chiếc gối xuống sàn và ngủ ngon lành như một nhân viên vô tư lự.



Desmond Pacey, được mọi người ở Richmond gọi là Pacey *Lười Biếng*, đã sáu ba tuổi. Ông ta quá béo và hơn nữa lại di chuyển chậm chạp do hai chân ngắn. Ông đã chứng kiến bảy trợ lý điều hành đến và đi trong suốt thời gian ở khách sạn Richmond. Vài kẻ tham lam muốn “hưởng” quá nhiều, số còn lại dường như không hiểu hệ thống khách sạn này hoạt động ra sao. Ông ta nghĩ gã Ba Lan kia chỉ đơn giản là một thằng ngốc, giống như tất cả đám dân Ba Lan. Pacey vừa ngân nga trong miệng vừa đi sang văn phòng của Abel để dự cuộc họp thường nhật lúc 10 giờ sáng. Lúc đó đã là 10 giờ 17 phút.

- Xin lỗi đã để anh đợi! - Ông nói không có vẻ gì là biết lỗi - Tôi mắc vài việc ở quầy tiếp tân, anh biết thế nào rồi mà.

Abel biết chính xác mọi việc ở quầy tiếp tân ra sao. Anh chậm rãi mở ngăn kéo bàn và bày ra bốn mươi hóa đơn khách sạn nhàu nát, vài tờ đã bị xé làm đôi, những hóa đơn anh đã lấy lại từ thùng rác và gạt tàn thuốc lá, số hóa đơn của những khách hàng đã trả tiền mặt và không được ghi lại. Anh quan sát viên quản lý to béo, ti tiện đang cố đọc ngược những tờ giấy đó, dần dà nhận ra chúng là cái gì.

Pacey không bận tâm. Ông ta không phải lo gì cả. Nếu gã Ba Lan ngu ngốc này đã tham gia vào hệ thống, anh ta có thể được hưởng phần của mình hoặc là phải bỏ việc. Có thể một căn phòng tử tế trong khách sạn sẽ khiến gã im miệng.

- Hôm nay anh mời tôi đến có việc gì vậy, anh Abel? - Ông ta hỏi ngay khi định ngồi xuống.

- Ông bị sa thải, ông Pacey. Tôi muốn ông rời khỏi Tập đoàn này trong vòng một tiếng.

Desmond Pacey không đáp lại ngay, vì ông ta không thể tin vào điều vừa nghe.

- Anh vừa nói gì cơ? Tôi không nghĩ mình nghe rõ lời anh.

- Ông nghe rõ lời tôi mà. - Abel nói - Ông bị sa thải.

- Anh đâu thể sa thải tôi được. Tôi là quản lý. Tôi đã làm ở Tập đoàn Richmond hơn ba mươi năm. Nếu phải sa thải ai thì đó là quyền của tôi. Nhân danh Chúa, anh nghĩ mình là ai thế?

- Tôi là quản lý mới.

- Là *cái* gì cơ?

- Quản lý mới. - Abel nhắc lại - Ông Leroy đã chỉ định tôi hôm qua, và quyết định đầu tiên tôi cần thực hiện là sa thải ông, ông Pacey.

- Vì chuyện gì?

- Vì tội ăn cắp. - Abel xoay lại số hóa đơn để Pacey đọc rõ hơn - Tất cả các vị khách này đã thanh toán hóa đơn, nhưng không một đồng nào được chuyển vào tài khoản của Richmond. Và tất cả các hóa đơn có một điểm chung, chúng đều có chữ ký của ông.

- Điều đó đâu chứng minh được gì.

- Tôi biết. Ông đã điều hành một hệ thống đầy lợi ích. Xem nào, ông có thể rời khỏi đây và điều hành hệ thống đó ở nơi nào khác, vì vận may của ông chấm dứt tại đây. Ông Pacey, Ba Lan có một câu châm ngôn cổ: *Bình có quai thì mới xách được nước*. Quai bình gãy rồi. Ông đã bị đuổi việc.

- Anh không có quyền đuổi tôi. - Pacey lấp bắp, trán lấm tấm mồ hôi - Davis Leroy là bạn thân của tôi. Ông ta là người duy nhất có thể đuổi tôi. Anh mới chỉ xuất hiện vài tháng trước. Tôi sẽ khiến anh phải cuốn xéo khỏi khách sạn sau một cuộc điện thoại.

- Xin mời ông! - Abel nói và nhấc điện thoại, yêu cầu người trực máy cho gặp Davis Leroy ở Dallas. Hai người chăm chăm nhìn nhau trong lúc chờ đợi. Mồ hôi bắt đầu nhỏ xuống từ chóp mũi Pacey. Trong một thoáng, Abel bỗng tự hỏi liệu ông Leroy có đổi ý không.

- Chào buổi sáng, ông Leroy, tôi là Abel Rosnovski, gọi từ Chicago. Tôi vừa sa thải ông Desmond Pacey, và ông ta muốn nói chuyện với ông.

Run lẩy bẩy, Pacey cầm lấy điện thoại. Ông ta nghe một lúc.

- Nhưng Davis à, tôi... Tôi có thể làm gì đây? Tôi thề với anh đó không phải sự thật... Chắc chắn có nhầm lẫn nào đó...

Abel nghe thấy tiếng dập máy.

- Một giờ nhé, ông Pacey. - Abel nói - Hoặc tôi sẽ giao số hóa đơn này cho Sở Cảnh sát Chicago.

- Đợi chút đã, đừng hành xử hấp tấp. - Giọng nói và thái độ của Pacey chợt thay đổi - Chúng tôi có thể đưa anh vào toàn hệ thống. Anh có thể kiếm được thu nhập khá hơn nếu chúng ta cùng nhau điều hành khách sạn, không ai có thể khôn ngoan hơn. Tiền anh kiếm được sẽ cao hơn nhiều so với lương trợ lý điều hành, và tất cả chúng ta đều biết Davis có thể chấp nhận được những thất thoát...

- Tôi không còn là trợ lý điều hành nữa rồi. Ra khỏi đây ngay, ông Pacey, trước khi tôi ném ông ra ngoài.

- Thằng khốn kiếp! - Ông cựu quản lý nhận ra chiêu bài cuối cùng của mình đã bị lật tẩy - Tốt hơn hết mày hãy chống mắt lên mà xem, thằng Ba Lan kia, vì tao sẽ cho mày biết mày thực sự là ai.

Ông ta sập cửa bỏ đi. Trước bữa trưa, Pacey đã phải ra đường cùng với quản lý bồi bàn, bếp trưởng, trưởng ban phòng ốc, trưởng quầy tiếp tân, trực cửa và mười bảy thành viên khác của khách sạn Richmond, những người Abel cảm thấy không thể tha thứ được. Trưa hôm đó, anh triệu tập những nhân viên còn lại đến họp, giải thích cho họ chi tiết những việc anh đã làm, và quả quyết công việc của họ sẽ không gặp khó khăn gì.

- Nhưng nếu tôi tìm ra *một* đồ, - Abel nói - tôi nhắc lại, *một* đồ nằm sai vị trí, thì người liên quan sẽ bị sa thải ngay lập tức, không cần xem xét. Mọi người nghe rõ chứ?

Không ai nói lời nào.

Nhiều nhân viên khác bỏ đi trong suốt vài tuần tiếp theo, ngay khi họ nhận ra Abel Rosnovski không có ý định

duy trì hệ thống của Desmond Pacey. Có những người khác nhanh chóng thế chỗ họ.



William bắt đầu giữ vị trí Phó Giám đốc của Kane và Cabot vào tháng Chín năm 1928. Anh bắt đầu sự nghiệp tại ngân hàng trong một văn phòng nhỏ cạnh văn phòng của Tony Simmons, Giám đốc Đầu tư của ngân hàng. Từ ngày William về, dù không nói ra, anh biết dẫu e dè hay không thì Simmons vẫn đang hy vọng được kế nhiệm vị trí Chủ tịch ngân hàng từ Alan Lloyd.

Simmons chịu trách nhiệm toàn bộ chương trình đầu tư của ngân hàng. Ông ta ủy thác cho William một phần công việc, phụ trách mảng đầu tư tư nhân đặc biệt vào kinh doanh quy mô nhỏ, đất đai và các hoạt động đấu thầu bên ngoài khác. Trong số những nhiệm vụ của William có việc soạn báo cáo hàng tháng cho Ban giám đốc về bất cứ hoạt động đầu tư nào anh muốn đề xuất. Mỗi tháng mười bảy thành viên Ban giám đốc họp mặt một lần trong căn phòng lớn ốp gỗ sồi, hai đầu phòng treo đầy những bức chân dung, một trong số đó là cha của William, một người nữa là ông nội anh. William chưa bao giờ gặp ông nội, nhưng luôn đoán rằng ông mình phải là một người ghê gớm cỡ nào thì mới lấy bà nội Kane. Còn lại một khoảng tường trống dành cho chân dung của chính anh.

William thận trọng nghiêm khắc với mình suốt những tháng đầu tiên ở ngân hàng. Không lâu sau, những thành viên khác trong Ban giám đốc đã trân trọng khả năng suy

xét của anh và hầu như luôn luôn chấp thuận những đề xuất đầu tư của anh. Hãn hữu có những trường hợp người ta không nghe theo lời cố vấn của anh và họ luôn phải hối hận. Lần thứ nhất, một ông Mayer nào đó muốn vay tiền của ngân hàng để đầu tư vào “những bức tranh biết nói”, nhưng Ban lãnh đạo không tin rằng lĩnh vực đó có giá trị hoặc tương lai. Lần khác, một ông Paley đến gặp William với một kế hoạch đầy tham vọng về mạng lưới phát thanh. Alan Lloyd, người vốn rất trân trọng thuật điện báo như đối với khả năng ngoại cảm, đã phớt lờ kế hoạch đó. Ban giám đốc ủng hộ quan điểm của ông. Louis B. Mayer về sau đã sáng lập MGM¹, và William Paley trở thành Giám đốc Điều hành của CBS². William tin vào những phán đoán của mình và ủng hộ cả hai người bằng tiền riêng của anh, không thông báo cho ngân hàng cũng như những người được anh trợ giúp. Đó là một vấn đề cá nhân.

Một trong số những điều gây khó chịu hơn trong những công việc hàng ngày của William là giải quyết thanh toán nợ và những vụ phá sản của các khách hàng, những người đã vay một số tiền lớn của ngân hàng và sau đó thấy mình không đủ khả năng trả nợ. William vốn không phải người mềm yếu, gã Henry Osborne đã biết cái giá phải trả, nhưng đối với những khách hàng cũ và khả kính, đã thanh toán hết cổ phần của mình và thậm chí bán cả nhà cửa, thì đó luôn là một trải nghiệm đáng buồn. Anh sớm nhận ra những khách

¹ Xưởng phim Metro-Goldwyn-Mayer.

² Hệ thống Phát thanh Columbia.

hàng đó rơi vào hai dạng riêng biệt: những người xem việc phá sản như một lời bào chữa để trốn tránh trách nhiệm và những người hoảng sợ mỗi khi nghĩ đến phá sản và sẽ dành phần đời còn lại tìm cách trả hết từng xu đã vay. Được Tony Simmons miễn cưỡng hỗ trợ, William thấy dễ dàng để cứng rắn với kiểu người thứ nhất, nhưng lại thường nói tay nhiều hơn với kiểu thứ hai.

Khách hàng yêu cầu được gặp anh sáng hôm đó rõ ràng là kiểu người thứ hai. Max Brookes, trước đây đã vay hơn một triệu đô của Ngân hàng Kane và Cabot để đầu tư vào hoạt động bất động sản ở Florida năm 1925, một vụ đầu tư mà William sẽ không bao giờ ủng hộ nếu anh làm cố vấn cho ngân hàng thời điểm đó. Tuy nhiên, Max Brookes nổi tiếng ở Massachusetts là một trong số những người lái máy bay và khinh khí cầu gan dạ và là bạn thân của Charles Lindbergh. Chiếc máy bay nhỏ anh lái đã đâm vào một thân cây chỉ cách điểm xuất phát một trăm thước, cái chết đầy bi kịch của anh được công bố trên báo chí khắp nước Mỹ, anh trở thành anh hùng dân tộc. Nhân danh ngân hàng, William lập tức tịch biên tài sản của nhà Brookes nhưng vẫn không đủ để trả nợ. Anh đóng tài khoản và tìm cách ngăn chặn mọi thất thoát của ngân hàng bằng cách bán hết đất đai Brookes sở hữu ở Florida, ngoại trừ hai mẫu đất có nhà riêng của anh ta. Thiệt hại của ngân hàng vẫn lên đến hơn 300 nghìn đô.

Ngay khi William thanh toán xong mọi khoản ngân hàng giữ dưới tên Max Brookes, anh mới chú ý đến cô

Brookes, người đã ký bảo lãnh cá nhân cho những món nợ của người chồng quá cố. Dù William luôn tìm cách củng cố những bảo lãnh như vậy đối với bất cứ khoản vay nào được ngân hàng công nhận, nhưng anh không bao giờ đề xuất đảm trách một nghĩa vụ như vậy với bạn anh, dù họ có cảm thấy tự tin đến đâu về sự mạo hiểm này, vì thất bại luôn gây ra cảnh khốn quẩn tồi tệ cùng cho người bảo đảm, và quan trọng hơn là cho gia đình của người ấy.

William viết một lá thư rất trang trọng cho cô Brookes, đề nghị cô hẹn gặp để bàn về vai trò của cô. Từ hồ sơ của nhà Brookes, anh biết cô mới hai mươi hai tuổi và là thành viên trong một gia đình quý tộc lâu đời ở Boston: con gái của Andrew Higginson và cháu gái Henry Lee Higginson, người sáng lập Dân Giao hưởng Boston. Anh cũng nhận thấy cô có nhiều tài sản riêng có giá trị. Anh không hề nghĩ đến chuyện yêu cầu cô giao nộp hết tất cả cho ngân hàng, nên anh chuẩn bị cho một cuộc gặp không mấy vui vẻ.

Buổi sáng bắt đầu thật tệ hại bởi sự bất đồng căng thẳng với Simmons về khoản đầu tư lớn về đồng đỏ và thiếc mà anh đã muốn được đề xuất với Ban giám đốc. Nhu cầu công nghiệp về hai kim loại này đã tăng đều đặn và William tin rằng chắc chắn toàn thế giới sẽ thiếu hụt, cơ hội ấy đảm bảo cho ngân hàng một khoản lợi nhuận lớn. Simmons không đồng ý với nhận định của William, ông thấy ngân hàng cần đầu tư mạnh hơn vào thị trường chứng khoán. William vẫn đang mãi suy nghĩ vấn đề ấy thì thư ký của anh dẫn cô Brookes vào văn phòng.

Với một nụ cười xã giao, cô gái đã xóa hết đồng hồ, thiếc và mọi sự thiếu hụt khác trên thế giới khỏi tâm trí anh. Trước khi cô ngồi xuống, anh đứng dậy, đi vòng sang phía bên kia bàn và mời cô ngồi xuống ghế, đơn giản chỉ để tự trấn an mình là cô sẽ không biến mất như một ảo ảnh do anh quá tập trung suy nghĩ. William chưa bao giờ gặp một người phụ nữ đẹp bằng một nửa Katherine Brookes. Mái tóc dài hoe vàng buông xuống mềm mại, những sóng tóc xoắn lạ lùng rủ trên vai, vài lọn tóc nghịch ngợm lộ ra khỏi chiếc mũ và bám quanh thái dương cô. Tang chế không làm giảm vẻ đẹp của vóc dáng thon thả, thân hình yêu kiều quý phái của cô cho thấy vẻ đẹp ấy sẽ còn mãi với thời gian. Đôi mắt nâu rất to. Đôi mắt có vẻ e ngại trước những điều anh sắp nói với cô. William cố dùng giọng của nhà kinh doanh:

- Cô Brookes, tôi xin được chia buồn khi biết chuyện của anh nhà, người mà tất cả chúng tôi ngưỡng mộ, và tôi rất lấy làm tiếc khi phải mời cô đến đây hôm nay.

Hai lời nói dối trong một câu, dù năm phút trước thì cả hai đều là thật. Anh đợi nghe cô nói.

- Cảm ơn anh, anh Kane. Tôi biết rõ nghĩa vụ của mình với ngân hàng, - cô nói bằng giọng êm ái, nhu mì - và tôi đảm bảo mình sẽ làm mọi việc có thể để hoàn thành nghĩa vụ.

William không nói, hy vọng cô sẽ nói tiếp. Khi cô ngừng lại, anh kĩ càng suy tính một kế hoạch cho tài sản của Max Brookes. Cô lắng nghe, đôi mắt nhìn xuống.

- Cô Brookes, cô là người đảm bảo cho khoản nợ của người chồng quá cố, và điều đó buộc chúng tôi phải hỏi đến

tài sản riêng của cô. - Anh xem tập hồ sơ - Cô có 80 nghìn đô trong những khoản đầu tư, tôi tin là tiền gia đình, và 17.456 đô trong tài khoản riêng.

Cô nhìn lên. Giọng nói của cô có chút rung động rất khê:

- Anh nắm rõ tài chính của tôi còn chi tiết hơn tôi đấy, anh Kane. Tuy nhiên, anh nên thêm vào Buckhurst Park, nhà của chúng tôi ở Florida, mang tên Max. Tôi cũng sở hữu riêng một số nữ trang có giá trị. Nếu tôi nắm rõ mọi tài sản của mình, thì chúng cũng đủ để trả 300 nghìn đô các anh yêu cầu, và tôi vừa chuẩn bị để trả rồi.

- Cô Brookes, ngân hàng không muốn lấy đi của cô những tài sản cuối cùng. Với sự đồng ý của cô, chúng tôi sẽ bán cổ phiếu và công trái của cô. Tất cả những thứ cô nói đến, bao gồm căn nhà, chúng tôi sẽ giữ nguyên trong khối tài sản của cô.

Cô ngần ngừ.

- Tôi hiểu lòng khoan dung của anh, anh Kane. Tuy thế, tôi không muốn mình còn nợ bất cứ nghĩa vụ nào đối với ngân hàng của anh, hay để cho tên tuổi chồng tôi còn chút vẩn đục. - Giọng nói lại khê rung lên nhưng nhanh chóng nén lại - Dù thế nào, tôi cũng vừa quyết định bán căn nhà ở Florida và trở về nhà cha mẹ tôi sớm nhất có thể.

Trong lòng William rộn ràng khi biết cô sẽ trở về Boston.

- Trong trường hợp đó, có thể chúng tôi sẽ đi đến một vài thỏa thuận về tiền lãi bán căn nhà.

- Đương nhiên rồi. - Cô thẳng thừng - Dù sao, ngân hàng có quyền đối với toàn bộ số tiền.

William gợi ý một cuộc gặp khác.

- Xin đừng quyết định vội vàng, cô Brookes. Tôi nghĩ tôi sẽ tham vấn các đồng nghiệp của tôi và bàn bạc về phản hồi của họ với cô vào lần tới.

Cô khẽ nhún vai.

- Cứ theo ý anh đi, anh Kane. Dù sao tôi cũng thực sự không quan tâm đến tiền bạc, và tôi không muốn đặt anh vào tình thế bất lợi.

William chớp mắt.

- Cô Brookes, xin thú thật là tôi thấy ngạc nhiên trước vẻ bình thản của cô trong tình cảnh nan giải như vậy. Ít nhất hãy cho tôi vinh dự được mời cô ăn trưa nhé.

Cô cười, bất chợt để lộ lúm đồng tiền trên má phải. William ngắm nhìn như bị thôi miên và tìm mọi cách để khiến lúm đồng tiền ấy xuất hiện trở lại trong suốt bữa trưa ở khách sạn Ritz-Carlton, tại chính bàn cha anh ngồi ngày xưa. Đến khi anh trở lại bàn làm việc, lúc ấy đã hơn 3 giờ chiều.

- Ăn trưa lâu nhỉ, William. - Simmons bình phẩm.

- Vâng. Công việc của nhà Brookes hóa ra lại phức tạp hơn tôi tưởng.

- Lúc tôi liếc qua sổ giấy tờ đó, tôi thấy rõ ràng chẳng có gì phức tạp. - Simmons nói - Cô ta không than phiền về đề nghị của chúng ta, đúng không? Sau khi đã cân nhắc tất cả, tôi nghĩ chúng ta đã khá hào phóng.

- Đúng vậy, cô ấy cũng nghĩ thế. Tôi đã phải nói chuyện để lấy đến đồng cuối cùng của cô ấy để bổ sung vào tiền dự trữ của chúng ta.

Simmins tròn mắt.

- Không giống William Kane chúng tôi biết chút nào. Chưa bao giờ gặp lúc thuận lợi hơn để ngân hàng ta tỏ ra cao thượng như lúc này đâu.

William nhăn mặt. Từ ngày anh về đây, anh và Simmons đã bất đồng về hướng đi của thị trường chứng khoán. Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones vẫn tăng đều đặn từ khi Herbert Hoover được bầu vào Nhà Trắng vào tháng Mười một năm 1928. Trên thực tế, mười ngày sau đó, Sàn Giao dịch Chứng khoán New York đã công bố con số kỷ lục bán ra, hơn sáu triệu cổ phiếu được bán trong một ngày. Nhưng William tin rằng xu hướng tăng nhờ vào dòng tiền cho vay chỉ gây ra lạm phát dẫn đến mất ổn định. Trái lại, Simmons tin chỉ số còn tiếp tục tăng, và khi William thận trọng đề xuất trong các cuộc họp của Ban giám đốc, anh vẫn luôn bị yếu thế. Tuy thế, điều đó không ngăn được việc anh bán một phần cổ phần và tái đầu tư vào đất, vàng, các loại hàng hóa và thậm chí là một số tranh vẽ được chọn lọc cẩn thận như tranh của Manet, Monet và Matisse, dù anh vẫn không chắc chắn về dòng tranh mới nhất: tranh của Picasso.

Khi Ngân hàng Dự trữ Liên bang tại New York đưa ra pháp lệnh tuyên bố sẽ không bù các khoản nợ của những ngân hàng bỏ tiền ra cho các khách hàng có mục đích đầu cơ, William cho rằng chiếc đinh đầu tiên đã được đóng vào quan tài của những kẻ đầu cơ. Anh lập tức duyệt lại chương trình cho vay của ngân hàng, ước lượng Ngân hàng Kane và Cabot có hơn 26 triệu nợ còn tồn tại trong những khoản vay

như vậy. Trong cuộc họp tiếp theo của Ban giám đốc, anh khuyên Ban giám đốc thu hết các khoản tiền ấy về nhanh nhất có thể, chắc chắn với sự điều chỉnh để thay thế của chính phủ như vậy, giá cổ phiếu chắc hẳn sẽ giảm xuống trong một thời gian dài.

- William, anh quá cẩn thận với lợi ích của riêng anh rồi. - Simmons nói - Anh không thấy chúng ta không đủ khả năng để nhảy ra khỏi cỗ xe lớn này và hãy để mọi ngân hàng cùng có lợi nhuận, thay vì chỉ riêng Kane và Cabot hay sao?

- Còn ông không thấy thị trường đang dày đặc các khoản vay nợ, khi nào đó sẽ phải được thanh toán sao? Và đó là khi bánh của cỗ xe rơi rụng, nó sẽ vỡ tan tành trước khi khựng lại và chính chúng ta phải chịu tổn thất nặng nề.

- Không, tôi không thấy. - Giọng Simmons cao vút lên.

- Các quý ông, quý ông! - Alan Lloyd cắt ngang - Đây là phòng của Ban giám đốc, không phải sàn đám bốc. Tôi đề nghị biểu quyết. Người được ủng hộ...

William thua vì chỉ được hai trong số mười hai người ủng hộ.

C ho đến cuối năm đó, Abel đã mời được bốn người từ khách sạn Plaza về làm cho anh ở Chicago. Họ có ba điểm chung: trẻ trung, nhiều hoài bão và trung thực. Trong vòng sáu tháng, chỉ còn ba mươi bảy trong số một trăm mười nhân viên cũ còn làm việc cho Richmond.

Đến cuối năm thuế¹, Abel mở một chai sâm banh lớn cùng Davis Leroy để ăn mừng doanh thu năm đó của khách sạn Richmond Chicago. Họ tuyên bố lợi nhuận là 3.468 đô, tuy ít, nhưng là lần đầu tiên khách sạn có lợi nhuận trong ba mươi năm tồn tại. Abel dự kiến vào năm 1929 lợi nhuận sẽ là 25 nghìn đô.

Davis Leroy nâng ly lên.

- Anh Abel, ngay khi anh giúp cho nơi này phát triển tốt, có lẽ anh nên chú ý đến phần còn lại của Tập đoàn.

¹ Financial year: Năm tài chính là khoảng thời gian có độ dài tương đương một năm (tức là mười hai tháng hoặc năm mươi hai đến năm mươi ba tuần) dùng cho công tác kế hoạch ngân sách của tổ chức hoặc quốc gia. Năm tài chính còn được gọi là tài khóa. Ở Mỹ, năm tài chính còn được gọi là năm thuế.

- Tôi sẽ không đi đâu cho đến khi tôi tìm được người phù hợp để thay thế tôi.

- Tùy ý anh! - Davis đáp khi Abel rút đầy cốc của ông.



Davis bắt đầu đi Chicago đều đặn hơn, ông cùng Abel thường cùng nhau đi chơi bóng chày và đua ngựa. Một lần, khi Davis mất 700 đô trong sáu cuộc đua đầu tiên, ông quàng tay ôm lấy Abel và bảo:

- Sao tôi phải buồn bực với trò đua ngựa nhỉ? Anh là số tiền đánh cược lý tưởng duy nhất tôi từng có.

Bất cứ khi nào Melanie Leroy ăn tối ở khách sạn cùng cha, Abel đều không thể rời mắt khỏi cô, dù cô chưa bao giờ chú ý đến anh. Và trong những lần hiếm hoi, khi họ trò chuyện, cô không đồng ý cho anh đổi thành *Melanie* thay vì gọi cô *Leroy*. Cứ như vậy cho đến khi cô biết anh là người có trong tay bằng Kinh tế của Đại học Columbia và hay đọc Kafka cũng như Fitzgerald. Cô thù mị hơn khi anh trở thành quản lý của khách sạn Richmond ở Chicago và dần dần đã đi ăn tối cùng anh ở khách sạn, khi đó cô hay thảo luận với anh về những việc mình cần làm để lấy được tấm bằng Nghệ thuật tự do ở Đại học Chicago. Bạo dạn hơn, anh mời cô đi nghe hòa nhạc, rồi nửa tháng sau là đi xem kịch. Anh thậm chí đã bắt đầu có cảm giác ghen tuông vào những lần cô dẫn một người đàn ông khác đi ăn tối ở khách sạn, dù cô không bao giờ đi cùng một người bạn trai đến lần thứ hai.

Các món ăn được cải thiện tuyệt vời nhờ chế độ mới của Abel, đến nỗi những người sống ở Chicago trong ba

mười năm mà không biết đến sự tồn tại của khách sạn này giờ lại thường xuyên đặt bữa tối vào mọi tối thứ Bảy. Trong suốt năm thứ hai, Abel trang hoàng lại toàn bộ khách sạn - lần đầu tiên suốt hai mươi năm qua - và trang bị những bộ đồng phục mới màu lục pha vàng cho các nhân viên. Mười năm qua, có một vị khách năm nào cũng ở lại khách sạn Richmond trong một tuần, lúc này ông ta quay lại và ra khỏi cửa vì nghĩ mình đã vào nhầm khách sạn. Khi Al Capone đặt trước một bữa tiệc tối cho mười sáu người trong một phòng riêng để kỷ niệm sinh nhật lần thứ ba mươi, Abel biết mình đã thành công.



Tài sản riêng của Abel cũng gia tăng trong thời kì thị trường chứng khoán thịnh vượng. Anh đã rời khách sạn Plaza với 8 nghìn đô từ mười tám tháng trước, và trong tài khoản môi giới của anh hiện có hơn 30 nghìn đô. Anh thấy tự tin khi thị trường chứng khoán tiếp tục lớn mạnh nên luôn tái đầu tư các khoản lợi nhuận. Những nhu cầu cá nhân của anh vẫn chừng mực. Anh có ba bộ com lê mới và hai đôi giày da nâu tinh xảo. Nơi ở và đồ ăn của anh do khách sạn cung cấp, anh có rất ít những chi phí bên ngoài.

Ngân hàng Tín thác Continental đã nắm giữ tài khoản của Richmond từ hơn ba mươi năm qua nên Abel chuyển tài khoản riêng của mình vào đó khi anh mới đến Chicago. Mỗi sáng, anh hay đến ngân hàng và gửi số tiền khách sạn thu được hôm trước. Một buổi sáng nọ, sau khi thu tiền xong, người thủ quỹ hỏi anh có thể dành ít phút để gặp Giám đốc

được không. Abel không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Anh biết tài khoản cá nhân của anh không bao giờ bị rút quá, nên anh cho rằng cuộc gặp này liên quan đến Richmond. Nhưng ngân hàng khó có thể phàn nàn về việc lần đầu tiên tài khoản của khách sạn có tiền để thanh toán nợ trong nhiều năm qua. Người thủ quỹ dẫn Abel qua một loạt hành lang rối rắm, đến một cánh cửa gỗ đóng kín. Anh khẽ gõ cửa và được đưa vào.

- Xin chào, anh Rosnovski. Tên tôi là Curtis Fenton.

- Giám đốc nói. Ông ta bắt tay Abel trước khi chỉ cho anh chiếc ghế da màu xanh lục có gắn những chiếc cúc ở phía bên kia bàn làm việc. Ông Giám đốc lùn, mập mập, đeo kính hình bán nguyệt và cổ áo màu trắng không tì vết cùng cà vạt đen đi kèm bộ đồ ba mảnh của giám đốc ngân hàng.

- Cảm ơn ông! - Abel hồi hộp đáp. Anh vẫn giữ vẻ lo sợ vốn có trước người lạ từ những ngày ở đất Nga.

- Đúng ra tôi sẽ mời anh đi ăn trưa, anh Rosnovski...

Nhịp tim Abel đã bắt đầu đập. Anh phần nào tin rằng các giám đốc ngân hàng không cần phải mất những bữa ăn miễn phí khi họ cần truyền đạt những hung tin.

- ... nhưng có việc phát sinh buộc tôi phải có mặt ngay lập tức, nên tôi hy vọng anh không phiền nếu tôi bàn bạc vấn đề này luôn với anh không chậm trễ.

Abel không vội nói, những người Nga đã dạy anh điều đó. Fenton tiếp tục:

- Tôi sẽ vào thẳng vấn đề, anh Rosnovski. Một trong số những khách hàng tôi tôn trọng nhất, một bà đứng tuổi, bà

Amy Leroy - cái tên khiến Abel ngồi thẳng dậy ngay lập tức - sở hữu 25% cổ phiếu của Tập đoàn Richmond. Bấy lâu nay, nhiều lần bà ta đã muốn chuyển số tài sản này sang cho anh trai mình, ông Davis Leroy, nhưng ông anh luôn miễn cưỡng từ chối. Tôi có thể hiểu lời khước từ của ông Leroy. Ông ấy sở hữu 75% công ty và tôi dám nói ông ấy cảm thấy mình không phải lo lắng về 25% còn lại, một phần cũng vì đó là tài sản thừa kế từ người cha quá cố của họ. Tuy vậy, bà Leroy vẫn mong nhượng lại số cổ phiếu ấy, vì nó không hề tạo ra lãi.

Abel không thấy lạ với những gì nghe được.

- Ông Leroy vừa nói qua rằng mình không phản đối việc bà em bán cổ phiếu cho bên thứ ba, trong khi bà ta lại thấy ở tuổi mình thì không nên tiêu nhiều tiền mặt. Tôi nghĩ tôi nên cho anh biết về trường hợp này, anh Rosnovski ạ, phòng trường hợp anh biết ai đó muốn mua số cổ phiếu đó.

- Bà Leroy đang hy vọng thu về được bao nhiêu từ số cổ phiếu đó? - Abel hỏi.

-Ồ, tôi tin là bà ấy sẵn lòng cho số cổ phiếu ấy ra đi với giá chỉ tầm 65 nghìn đô thôi.

- 65 nghìn đô còn là cao so với một cổ phiếu không sinh lợi, - Abel nói - và không có triển vọng trong nhiều năm tới.
- Anh nói thêm.

- À, - Curtis Fenton nói - nhưng anh phải nhớ rằng người ta còn xem xét giá trị của mười một khách sạn nữa.

- Nhưng công việc điều hành công ty vẫn nằm trong tay ông Leroy, điều đó khiến cho 25% cổ phần của bà Leroy chỉ là một mớ giấy lộn.

- Nào, nào, anh Rosnovski, 25% của mười một khách sạn sẽ là số tài sản vô cùng quý giá, mà chỉ đổi bằng 65 nghìn đô thôi.

- Trong lúc ông Leroy vẫn toàn quyền điều hành thì không đâu. Đề nghị với bà Leroy mức giá 40 nghìn đô, ông Fenton nhé, và tôi có thể sẽ tìm được người muốn mua.

- Anh không nghĩ người đó có thể cân nhắc trả giá cao hơn à? - Chân mày ông Fenton nhướn lên khi nói đến chữ *cao hơn*.

- Không thêm một đồng nào đâu, thưa ông Fenton.

Những đầu ngón tay của ông giám đốc ngân hàng đan lại rất khéo léo, ông biết rõ Abel đã gửi bao nhiêu tiền ở ngân hàng.

- Trong bất cứ trường hợp nào, tôi chỉ có thể hỏi bà Leroy về câu trả lời cho một đề nghị như vậy. Tôi sẽ liên lạc lại với anh ngay khi bà ấy báo tin cho tôi.

Sau khi rời khỏi văn phòng ông Curtis Fenton, Abel nhanh chóng trở lại khách sạn để kiểm tra lại sổ cổ phần riêng của anh. Tài khoản môi giới của anh nằm ở con số 33.112 đô và tài khoản cá nhân là 3.008 đô. Anh thấy khó để tập trung vào những công việc thường nhật, bản khoản không rõ bà Leroy sẽ phản ứng thế nào với mức giá anh đưa ra và mơ mộng về những gì anh sẽ làm nếu anh nắm được 25% lợi nhuận của Tập đoàn Richmond.

Đôi lần, anh nghĩ sẽ báo cho Davis Leroy biết, sợ rằng ông già Texas hiền lành này sẽ xem anh như một mối họa. Nhưng sau hai ngày, anh nhận định: lý tưởng nhất là gọi điện cho ông chủ và cho ông biết chính xác suy nghĩ của anh.

- Tôi muốn ông biết tại sao tôi làm điều này, ông Davis. Tôi tin Tập đoàn Richmond có một tương lai huy hoàng, và ông có thể tin chắc Tập đoàn sẽ hoạt động mạnh hơn nếu tôi biết tiền riêng của mình cũng được tham gia vào tương lai ấy. - Anh dừng lại - Nhưng nếu ông muốn tự nhận cả 25% đó, đương nhiên tôi sẽ rút phần tiền của mình lại.

Anh ngạc nhiên khi không phải tính đến phương án rút lui.

- Xem nào, hãy xem nhé, anh Abel, nếu anh có niềm tin vào Tập đoàn, anh cứ việc tiến hành thôi, và mua hết phần của Amy. Tôi tự hào vì có người chung sức là anh. Thế là xong rồi đấy. Tiện đây tôi nói luôn, tuần tới tôi sẽ đi xem trận đấu bóng chày giữa hai đội Reds và Cubs. Anh muốn đi cùng không?

- Chắc chắn rồi ạ, - Abel nói - và xin cảm ơn ông, ông Davis, ông sẽ không bao giờ phải hối hận về quyết định hôm nay.

- Chắc chắn không hối hận.

Một tuần sau Abel trở lại ngân hàng. Lần này, chính anh là người đòi gặp giám đốc. Một lần nữa anh lại ngồi trên chiếc ghế da màu lục có gắn những chiếc cúc và nhấn nài đợi ông Curtus Fenton nói chuyện.

Ông Fenton mở lời, hoàn toàn không có vẻ bất ngờ:

- Tôi thấy bất ngờ khi biết bà Leroy sẽ chấp nhận số tiền 40 nghìn đô cho 25% tài sản ở Tập đoàn Richmond. Vì giờ tôi chịu trách nhiệm cho thỏa thuận của bà ấy, nên tôi phải hỏi có phải anh giữ nhiệm vụ công khai người mua không?

- Đúng vậy. - Abel đáp tự tin - Tôi sẽ là người ủy nhiệm.

- Tôi hiểu, anh Rosnovski. - Ông vẫn không hề tỏ vẻ ngạc nhiên - Cho tôi được hỏi anh dự định trả 40 nghìn đô bằng cách nào?

- Tôi sẽ thanh toán những cổ phiếu của mình và lấy hết số tiền mặt còn lại trong tài khoản riêng, tổng tiền sẽ còn thiếu tầm 4 nghìn đô đấy. Tôi hy vọng ngân hàng sẽ sẵn lòng cho tôi vay số tiền, nếu ông tin rằng cổ phiếu Tập đoàn Richmond bị đánh giá thấp. Dù sao, 4 nghìn đô đó cũng tương đương với tiền hoa hồng của ngân hàng trong thương vụ này.

Curtis Fenton chớp mắt và cổ không cau mày. Những người lịch sự thường không buông những câu bình phẩm kiểu đó trong văn phòng của ông, điều đó gây khó chịu hơn vì Abel đã nói chính xác số tiền.

- Anh sẽ cho tôi thời gian để xem xét đề nghị này chứ, anh Rosnovski?

- Nếu ông để lâu, tôi sẽ không cần vay nữa đâu. - Abel nói - Hiện nay, với lối leo thang của thị trường, những khoản đầu tư khác của tôi sẽ sớm đạt được đủ 40 nghìn.

Abel phải đợi thêm một tuần trước khi được báo Ngân hàng Tín thác Continental đồng ý hỗ trợ anh. Anh vội rút sạch tiền trong hai tài khoản và vay thêm gần 4 nghìn đô nữa để bù vào cho đủ 40 nghìn đô.

Trong vòng sáu tháng, anh đã trả xong số nợ 4 nghìn đô nhờ biết cẩn trọng trong hoạt động mua và bán cổ phiếu từ tháng Ba đến tháng Tám năm 1929 - những ngày tháng giá cổ phiếu tăng cao chưa từng thấy trên thị trường chứng

khoản. Cho đến trước tháng Chín năm 1929, cả hai tài khoản của anh đã đầy tiền trở lại, và anh thậm chí còn có đủ tiền dư để mua một chiếc Buick mới cho xứng với 25% trong Tập đoàn Richmond. Tài sản của anh trong kế chế của Davis Leroy cũng cho anh thêm tự tin để theo đuổi con gái ông và 75% còn lại.

Một tuần sau, anh mời Melanie đi nghe hòa nhạc Mozart ở Phòng Giao hưởng Chicago. Diện bộ đồ mới nhất, bộ đồ nhắc cho anh biết mình đang lên cân, đeo chiếc cà vạt bằng lụa đầu tiên, anh thấy tự tin khi nhìn mình trong gương vì buổi tối hôm đó chắc chắn sẽ như ý muốn. Sau buổi hòa nhạc, Abel không về Richmond, dù đồ ăn ở đó rất ngon, mà đưa Melanie đến khách sạn Loop ăn tối. Anh đặc biệt khéo léo gọi cho cô nói về những chủ đề cô cảm thấy thích thú: sự nghiệp sắp tới của cô, cha cô, dù cho cô dường như cũng thấy thích thú với những thành quả gần đây của khách sạn. Anh bạo dạn mời cô về phòng anh uống nước. Đó là lần đầu tiên cô trông thấy căn phòng đó, và sững sờ trước những giá sách đầy ắp và rất nhiều tranh trên tường.

Abel rót Coca-cola như cô muốn, bỏ vào hai viên đá lạnh và cảm thấy sự tự tin mới lạ từ nụ cười cô ban tặng cho anh khi anh đưa cốc nước cho cô. Anh không ngừng liếc nhìn say đắm vào đôi chân mảnh mai đang bắt chéo của cô. Anh rót cho mình một ly whiskey ngô và bật bản *Tiểu dạ khúc*¹ do dàn Giao hưởng Chicago thể hiện.

¹ *Eine kleine Nachtmusik* (Tiểu dạ khúc), K. 525, là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Wolfgang Amadeus Mozart.

Abel ngồi xuống bên cô và trầm ngâm xoay ly rượu.

- Nhiều năm rồi anh không nghe nhạc. Khi nghe nhạc, anh thấy như Mozart nói chuyện với trái tim anh, không nhà soạn nhạc nào làm được điều đó.

- Đôi lúc anh thật giống người châu Âu, Abel ạ! - Cô kéo tà váy lụa bị Abel ngồi lên - Ai nghĩ là một quản lý khách sạn lại nghe Mozart chứ?

- Một cụ tổ của anh, Nam tước Rosnovski đời thứ hai, - Abel đáp - đã từng gặp vị nhạc sư này, và trở thành bạn thân của gia đình Mozart, nên anh vẫn luôn cảm thấy nhạc sư là một phần của đời mình.

Nụ cười của Melanie đầy bí ẩn. Abel ghé vào và hôn lên má cô, ngay dưới tai, chỗ những lọn tóc hoe vàng được chải ngược về sau.

- Frederick Stock bắt nhịp cho đoạn thứ ba thật tuyệt vời, em thấy không? - Anh hỏi.

Abel định hôn cô lần thứ hai. Lần này cô quay gương mặt mình về phía anh và để anh hôn lên môi. Rồi cô lại quay đi.

- Em nghĩ em phải quay lại trường Đại học.

- Nhưng em chỉ vừa đến đây thôi mà. - Abel nói.

- Đúng, em biết, nhưng em phải về cho kịp buổi học đầu giờ sáng.

Abel hôn cô lần nữa. Cô ngửa người ra sau khi anh định đưa tay lên ngực cô. Cô vội tránh xa.

- Em phải đi bây giờ, Abel. - Cô kiên quyết.

- Ô, thôi nào, - anh nói - em chưa phải đi đâu.

Một lần nữa anh lại kéo cô vào người mình. Lần này cô đẩy anh ra rất dứt khoát.

- Abel, anh nghĩ mình đang làm gì vậy? Chỉ vì anh đưa em đi nghe hòa nhạc và thỉnh thoảng mời em một bữa thì cũng không có nghĩa là anh có quyền làm vậy với em.

- Nhưng mình đã đi cùng nhau mấy tháng nay. - Abel nói - Anh nghĩ em không khó chịu.

- Chúng ta không hề đi cùng nhau mấy tháng nay nhé, Abel. Em thỉnh thoảng đi ăn với anh ở khách sạn của cha em, nhưng anh không nên hiểu là giữa hai ta có điều gì khác.

- Anh xin lỗi! - Abel nói - Anh không hề muốn em nghĩ là anh đang đi quá xa. Anh chỉ đơn giản muốn em biết những cảm xúc của anh.

- Em không bao giờ có ý muốn bắt đầu mối quan hệ tình cảm với một người đàn ông mà em sẽ không cưới làm chồng. - Cô đáp.

- Nhưng anh thực sự muốn cưới em. - Abel lặng lẽ đáp.
Malanie cười phá lên.

- Có gì đáng cười à? - Anh hỏi và ngồi thẳng lên.

- Đừng ngây ngô thế chứ, Abel, em không bao giờ cưới anh đâu.

- Tại sao không? - Abel gắng hỏi, anh thấy sốc trước tuyên bố của cô.

- Một quý cô miền Nam không bao giờ có ý định cưới một người Ba Lan nhập cư thế hệ đầu tiên. - Cô vừa nói vừa chỉnh lại bộ váy lụa cho ngay ngắn.

- Nhưng anh là một Nam tước đấy. - Abel nói có chút ngạo mạn.

Malanie lại cười phá lên.

- Anh nghĩ có người tin anh à, Abel? Anh không nhận ra tất cả đám nhân viên đều cười sau lưng anh mỗi khi anh nhắc đến tước hiệu đó à?

Abel choáng váng, mặt anh trắng bệch ra. - Họ cười sau lưng anh ư? - Anh nhắc lại, giọng nói nhẹ nhàng thường ngày bỗng trở nên cứng rắn.

- Đúng. - Cô nói - Chắc chắn anh biết biệt danh của anh ở khách sạn là Nam tước Chicago.

Abel nín lặng.

- Bây giờ, hãy thôi ngây ngô và tự ý thức về điều đó nhé, Abel. Em nghĩ anh đã làm được những điều tuyệt diệu cho cha em, và em biết anh ngưỡng mộ em, nhưng em sẽ không bao giờ lấy anh đâu.

- *Em sẽ không bao giờ lấy anh.* - Abel nhẹ tênh.

- Đương nhiên là không. Cha quý anh, nhưng ông ấy không muốn một gã Ba Lan làm con rể mình đâu.

- Anh xin lỗi đã xúc phạm em! - Abel nói, đứng dậy khỏi sofa.

- Không đâu, Abel! Em cho thế là mình được quý trọng. Hãy quên đi như anh chưa từng gọi ra chuyện đó nhé. Anh có vui lòng đưa em trở lại trường không?

Anh vẫn cố bước đến và giúp Melanie mặc áo choàng. Anh ý thức hơn về bên chân tập tễnh của mình trong khi đưa cô xuống hành lang. Họ xuống bằng thang máy và không nói với nhau câu nào khi anh lái xe đưa cô về trường Đại học. Anh đỗ xe và đi cùng cô về cổng ký túc xá, hôn tay cô.

- Em hy vọng sau chuyện hôm nay chúng ta vẫn có thể tiếp tục làm bạn. - Melanie nói.

- Đương nhiên rồi. - Anh cố xoay sở.

- Cảm ơn anh đã đưa em đi nghe hòa nhạc, Abel. Em chắc chắn anh sẽ không khó để tìm được một cô gái Ba Lan xinh đẹp làm vợ. Chúc anh ngủ ngon!

- Tạm biệt em! - Abel nói.



Ngày 21 tháng Ba năm 1929, Blair và Công ty thông báo hợp nhất với Ngân hàng châu Mỹ, vụ sáp nhập ngân hàng thứ ba trong một loạt những vụ hợp nhất này dường như cho thấy một ngày mai tươi sáng hơn. Ngày 25 tháng Ba, Tony Simmons gửi cho William một bản ghi chép cho thấy thị trường chứng khoán đã một lần nữa phá mọi kỷ lục và tiếp tục đầu tư nhiều tiền của ngân hàng hơn vào chứng khoán. Thời điểm đó William đã bán 75% số chứng khoán của anh, một quyết định đã lấy đi của anh hai triệu đô, và rõ ràng nó khiến Alan Lloyd lo lắng.

- Tôi cầu trời cậu biết mình đang làm gì, William.

- Ông Alan, tôi đã tham gia thị trường chứng khoán từ năm mười bốn tuổi, và tôi luôn giành phần thắng nhờ biết phát triển theo những cách không ngờ.

Nhưng thị trường tiếp tục lên cao suốt mùa hè năm 1929, William thậm chí đã dừng bán và bắt đầu tự hỏi có phải nhận định của Tony Simmons lâu nay vẫn đúng hay không.

Sắp đến ngày Alan Lloyd nghỉ hưu, tham vọng của Simmons hòng kế nghiệp ông ở vị trí Chủ tịch bắt đầu thể

hiện rõ rệt như *một việc đã rồi*. Viễn cảnh đó làm William băn khoăn, anh vẫn xem những suy tính của Simmons là quá tầm thường. Ông ta luôn tụt hậu so với thị trường mà thị trường thì vẫn ổn trong suốt những năm kinh tế phát triển khi đầu tư thuận lợi, nhưng có thể nguy hiểm trong những giai đoạn đầy tính cạnh tranh và yếu kém hơn. Theo quan điểm của William, một nhà đầu tư sắc sảo không chạy theo đám đông, tiếng vang, mà phải tính trước được số đông sẽ rẽ sang hướng nào tiếp theo. William vẫn cảm thấy thị trường chứng khoán có phần mạo hiểm, trong khi Simmons tin là nước Mỹ đang bước vào một kỷ nguyên vàng.

Một rắc rối khác của William là Tony Simmons chỉ mới bốn mươi ba, và nếu ông ta được chỉ định làm Chủ tịch của Kane và Cabot, William không còn hy vọng giữ vị trí đó trong ít nhất hai mươi năm nữa. Gần như không giống những lời trường Harvard đã mô tả về “sự nghiệp kiểu mẫu của một con người”.

Dù anh đang rất rối trí, hình ảnh Katherine Brookes vẫn tiếp tục làm gián đoạn những suy nghĩ của anh. Anh thường đều đặn viết thư cho cô khi có thể, nói về việc bán chứng khoán và cổ phiếu: những lá thư đánh máy chuẩn mực luôn được đáp lại bằng những lá thư hồi âm viết tay trang trọng. Chắc chắn cô nghĩ anh là ông chủ ngân hàng tận tâm nhất ở Phố Wall. Sau đó, đến đầu mùa thu, cô viết thư kể rằng mình đã tìm được người mua khu đất ở Florida. William viết thư đề nghị cô để anh nhân danh ngân hàng đàm phán các điều khoản khi bán. Cô bằng lòng.

William lên tàu đến Florida một tuần sau đó. Trong suốt chuyến đi, anh đã bắt đầu băn khoăn tự hỏi có phải hình ảnh cô Brookes của anh chỉ là ảo giác, anh bước xuống tàu với chút e sợ, anh chỉ ngỡ ngàng khi cô xuất hiện và đẹp hơn cả trong trí nhớ của anh. Những cơn gió nhẹ thổi chiếc váy đen bó sát vào thân hình khi cô đứng đợi anh trên sân ga, tạo nên một dáng hình khiến bất cứ người đàn ông nào cũng sẽ phải dõi nhìn theo cô thật lâu. Mất William không thể nào rời khỏi cô.

Cô vẫn đang chịu tang, cách cư xử của cô với anh rất dè dặt và chuẩn mực đến mức William ngay từ đầu đã phải hối hận vì muốn gây ấn tượng. Anh kéo dài cuộc thương lượng với người nông dân đang mua khu Buckhurst Park lâu nhất có thể và thuyết phục Katherine giữ lại một phần ba giá bán còn ngân hàng giữ hai phần ba. Cuối cùng, sau khi những giấy tờ pháp lý đã được ký, anh không có lý do gì để không trở lại Boston. Anh mời cô đi ăn tối ở khách sạn trong buổi tối trước khi về, quyết tâm thổ lộ tình cảm với cô. Không phải lần đầu tiên cô làm anh ngỡ ngàng. Trước khi anh nói đến chuyện đó, cô xoay chiếc cốc trong tay để tránh nhìn thẳng vào anh, rồi hỏi anh có muốn ở lại Buckhurst Park vào cuối tuần không.

- Một cơ hội để chúng ta nói về những vấn đề khác ngoài chuyện tài chính. - Cô đề nghị.

William vẫn im lặng. Cuối cùng, cô có động lực để tiếp tục câu chuyện.

- Thật lạ vì em thấy dường như mình thích thú những ngày qua hơn bất cứ quãng thời gian nào em từng có. -

Mặt cô lại đỏ ửng lên - Em nói dở quá, chắc anh sẽ nghĩ xấu về em.

Tim William đập rộn ràng.

- Katherine, anh muốn nói dở được như vậy trong suốt tám tháng vừa rồi.

- Vậy anh sẽ ở lại vài ngày chứ?

- Anh sẽ ở lại. - William nói và cầm tay cô.

Đêm đó, cô bố trí cho anh ở phòng ngủ của khách tại Buckhurst Park. William luôn nhớ lại những ngày tháng vàng son đó trong suốt cuộc đời. Anh đi đua ngựa cùng Katherine và cô nhảy xa hơn anh. Đi bơi cùng cô và cô bỏ xa anh. Đi bộ cùng cô, và luôn phải quay về trước. Cuối cùng, anh đành rủ cô đánh bài và thắng cô 3,5 triệu đô vào cuối tuần.

- Anh sẽ lấy chi phiếu chứ? - Cô hỏi đang hoàng.

- Em quên à, anh biết giá trị của em mà, cô Brookes. Nhưng anh sẽ thỏa thuận với em. Em phải tiếp tục chơi bài cho đến khi em thắng lại hết.

- Có thể mất thời gian đấy.

- Với anh thì ổn mà. - William đáp.

Anh đã thổ lộ với Kate những câu chuyện khó quên trong quá khứ, những điều anh thậm chí chưa bao giờ nói với Matthew: niềm tôn kính với cha mình, tình thương với mẹ, nỗi căm hận với Henry Osborne, những tham vọng của anh đối với Kane và Cabot. Đến lượt cô kể cho anh về thời thơ ấu của cô ở Boston, những ngày đi học ở Virginia và cuộc hôn nhân đầu tiên với Max Brookes.

Khi tạm biệt nhau ở nhà ga, lần đầu tiên anh hôn cô.

- Kate, anh sẽ nói nhiều điều rất táo bạo đấy. Anh hy vọng một ngày nào đó em cũng dành tình cảm cho anh như với Max.

- Em đã như vậy rồi. - Cô nhẹ nhàng nói.

William khẽ vuốt má cô.

- Đừng xa anh thêm tám tháng nữa nhé.

- Em không thể, anh đã bán căn nhà của em rồi mà.



Trên đường về Boston, trong lòng hạnh phúc và bình an hơn bất cứ khi nào từ sau sự ra đi của người cha, William phác thảo một báo cáo về việc bán khu đất ở Buckhurst Park, tâm trí anh cứ liên tục quay về với Kate và những ngày vừa qua. Ngay trước khi tàu vào Ga Phương Nam, anh đã ghi tốc kí được ít dòng.

Kate!

Anh thấy nhớ em rồi, mà chỉ mới vài giờ thôi. Nhớ viết thư và cho anh biết khi nào em đến Boston. Trong lúc đó, anh sẽ đi làm trở lại và suốt quá trình ấy rất có thể sẽ quên mất em trong nhiều khoảng thời gian (có thể tầm 5-15 phút).

Yêu em!

William

Tái bút: Em vẫn nợ anh 17,5 triệu đô nhé.

Anh vừa bỏ phong bì vào hòm thư ở phố Charles thì mọi kỷ niệm về Kate bị đẩy ra khỏi tâm trí anh bởi tiếng rao của cậu bé bán báo:

- Phố Wall sụp đổ rồi!

William chớp lấy một tờ báo và lướt nhanh qua trang đầu. Thị trường đã sụt giảm mạnh từ đêm qua. Một số nhà tư bản tài chính đang cho rằng đây chỉ đơn giản là sự điều chỉnh. William thấy đây là khởi đầu cho quá trình tuột dốc anh đã dự đoán từ nhiều tháng qua. Anh vội vã trở về ngân hàng, gần như chạy thẳng vào phòng Chủ tịch.

- Tôi tin là thị trường sẽ hồi phục trong ít tuần tới. - Alan Lloyd nhẹ nhàng.

- Không, không có chuyện đó đâu. - William nói - Thị trường đã đạt đến giới hạn. Quá nhiều những nhà đầu tư nhỏ lẻ nghĩ mình sẽ nhanh có lợi nhuận và giờ sẽ phải tìm cách xoay sở. Ông không thấy quả bóng sắp nổ tung ư? Tôi sẽ bán hết cổ phần trong tài sản của mình. Cho đến cuối năm nay, thị trường sẽ không còn đứng vững nữa. Tôi đã cảnh báo Ban giám đốc từ tháng Hai rồi, ông Alan.

- Tôi vẫn không đồng tình với anh, William, nhưng tôi sẽ triệu tập một cuộc họp đủ mặt Ban giám đốc ngay bây giờ, chúng ta có thể bàn bạc thật chi tiết về ý kiến của anh.

- Cảm ơn ông! - William đáp. Anh trở lại phòng mình và vội chớp lấy điện thoại trên bàn.

- Tôi quên chưa nói, ông Alan. Tôi đã gặp người phụ nữ mà tôi sẽ cưới.

- Cô ấy có biết điều đó không?

- Không.

- Tôi hiểu rồi. - Alan nói - Rồi đám cưới của anh sẽ rất giống sự nghiệp ngân hàng của anh. Bất cứ ai trực tiếp liên quan sẽ được thông báo sau khi anh ra quyết định.

William cười vang, nhấc một máy điện thoại khác lên và ra lệnh bán số cổ phần còn lại của anh. Tony Simmons đang đứng trước cửa khi anh bỏ máy xuống. Về mặt ông ta cho thấy ông ta nghĩ William đã điên mất rồi.

- Anh có thể mất nốt cả chiếc áo đang mặc nếu ném tất cả cổ phần ra thị trường trong tình trạng hiện nay.

- Tôi sẽ mất nhiều thứ hơn chiếc áo này nếu tôi còn giữ chúng. - William đáp.

Những thất thoát anh phải chịu trong suốt tuần tiếp theo lên đến hơn một triệu đô, số tiền đó có thể đã giết chết một người đàn ông kém kiên định. William tái đầu tư vốn của anh vào bất cứ nguyên liệu nào khởi sắc: vàng, bạc, niken và thiếc.

Trong cuộc họp Ban giám đốc ngày hôm sau, với tám người phản đối và sáu người ủng hộ, anh cũng thất bại khi đưa ra đề xuất nhằm thanh toán nhanh mọi chứng khoán của ngân hàng. Tony Simmons thuyết phục Ban giám đốc rằng nếu không cầm cự thêm thì quả là vô trách nhiệm. Thắng lợi nhỏ bé duy nhất William có được là thuyết phục các thành viên của Ban giám đốc tin rằng ngân hàng không nên mua thêm bất cứ cổ phiếu nào nữa.

Thị trường tăng thêm vài điểm vào ngày hôm sau, William nhờ đó có cơ hội bán gần hết chỗ cổ phiếu còn lại của anh. Cho đến cuối tuần, khi chỉ số liên tiếp tăng lên trong bốn ngày liền, William thậm chí còn bắt đầu tự hỏi có phải anh đã phản ứng hơi quá không, nhưng tất cả kinh nghiệm trong quá khứ và trực giác cho anh biết anh

đã quyết định đúng. Alan Lloyd không nói lời nào, số tiền William đang mất không liên quan đến ông, và dù sao ông cũng đang mong được yên ổn nghỉ hưu.

Ngày 22 tháng Mười, thị trường thất thoát nặng nề hơn và William lại xin Alan thanh toán nhanh trong khi vẫn còn có cơ hội. Lần này Alan đã nghe anh và cho phép William ra lệnh bán một số cổ phần chính của ngân hàng. Hôm sau, thị trường sụt giá do khắp nơi đua nhau bán ra, lúc này ngân hàng bán cũng không còn ai mua nữa. Trong suốt tuần kế tiếp, chứng khoán bán hạ giá đã trở thành phong trào tự phát khi mọi nhà đầu tư nhỏ lẻ khắp nước Mỹ đều phải chấp nhận bán để tìm cách tháo thân càng nhanh càng tốt. Người ta sợ máy ghi giá chứng khoán không thể giữ tốc độ kịp với những giao dịch. Chỉ khi Sàn giao dịch mở cửa vào sáng hôm sau, sau khi những nhân viên đã làm việc suốt đêm, những doanh nhân mới được biết thị trường đã mất bao nhiêu.

William đã bán gần hết mọi cổ phần trong tài sản của anh, và thiệt hại của riêng anh là tỷ lệ nhỏ hơn rất nhiều so với của ngân hàng. Sau khi mất hơn 3 triệu đô trong bốn ngày, ngay cả Tony Simmons cũng đã hành động theo lời khuyên của William.

Ngày 29 tháng Mười, sau này được gọi là *Ngày thứ Ba đen tối*, thị trường lại bắt đầu tụt giá. 16.610.030 cổ phiếu được bán ra. Dù ít người thừa nhận, nhưng thực tế là mọi tổ chức tài chính trên đất Mỹ đều không thể trả nợ. Nếu bất cứ ai trong số khách hàng đòi tiền mặt, hoặc nếu họ lần lượt

tìm cách thu hồi mọi khoản cho vay thì cả hệ thống ngân hàng sẽ đổ sập sau một đêm.

Cuộc họp hội đồng tổ chức ngày 9 tháng Mười một dành một phút mở đầu để tưởng niệm John J. Riordan, Thống đốc Ngân hàng Tín dụng Hạt và là một Giám đốc của Kane và Cabot, hôm trước ông đã tự sát bằng súng. Đó là vụ tự sát thứ mười một trong giới ngân hàng ở Boston trong vòng hai tuần, người chết vốn là bạn thân của Alan Lloyd. Alan tiếp tục thông báo: Kane và Cabot giờ đã mất gần 4 triệu đô. Hầu như những nhà đầu tư nhỏ của ngân hàng đã lụn bại, và phần lớn những nhà đầu tư lớn hơn đang gặp vấn đề với dòng chảy tiền mặt bất khả kháng.

Đám đông giận dữ bắt đầu tập trung bên ngoài các ngân hàng trên Phố Wall, và những bảo vệ già nua phải được thay thế bởi đội đặc vụ Pinkerton.

- Thêm một tuần nữa, tất cả chúng ta sẽ bị xóa sổ. - Alan nói. Ông đưa ra quyết định từ chức nhưng các giám đốc không chịu. Vị trí của ông không khác gì chủ tịch của các ngân hàng trọng yếu trên đất Mỹ. Tony Simmons cũng xin từ chức, nhưng một lần nữa các giám đốc thậm chí không buồn biểu quyết. Trong lúc Simmons không còn tỏ vẻ là một ứng viên sáng giá muốn thay thế Alan Lloyd thì William vẫn mang vẻ trấn tĩnh đầy cao thượng.

Như một lời thỏa hiệp, Simmons được biệt phái sang London để nắm giữ mọi trọng trách trong công tác điều hành ngân hàng ở châu Âu. Tất cả đã yên ổn, William nghĩ, sau khi Ban giám đốc chỉ định anh là Giám đốc Đầu tư mới.

Anh lập tức mời Matthew Lester cùng làm việc với tư cách phó giám đốc của anh. Lần này Alan Lloyd thậm chí không hề nhướn mày, khiến William tự hỏi phải chăng anh nên cương quyết mời Matthew cùng vào Ban giám đốc, nhưng thời điểm đó đã qua rồi. Cho đến tận đầu mùa xuân năm sau Matthew mới có thể đến làm, chỉ đến lúc đó cha anh mới cho anh được tự do. Ngân hàng Lester không phải không có những khó khăn riêng.

Mùa đông năm 1929 không thể tồi tệ hơn, và William cố bình tĩnh khi thấy các công ty lớn và nhỏ lụn bại như nhau, chúng đều được điều hành bởi những người Boston anh quen biết từ lâu. Anh lo lắng không biết Kane và Cabot có thể vượt qua được không.

Đến Giáng sinh, anh dành trọn một tuần tuyệt diệu ở Florida cùng Kate, giúp cô thu xếp đồ đạc vào va li và hòm để cô trở lại Boston. “Ngân hàng Kane và Cabot đã cho em được giữ những thứ này”, cô đùa. Những món quà Giáng sinh của William xếp đầy một chiếc hòm khác, khiến cô cảm thấy có lỗi trước sự hào phóng của anh.

- Một góa phụ không xu dính túi có thể hy vọng đáp lại anh bằng điều gì đây? - Cô giễu.

William trở về Boston đầy phấn chấn, hy vọng khoảng thời gian ở bên Kate của anh báo hiệu cho khởi đầu của một năm tốt đẹp hơn.

Abel bước vào phòng ăn của khách sạn và ngạc nhiên khi thấy Melanie đang ngồi ở bàn của cha cô. Trông cô không có vẻ quý phái như thường lệ mà có vẻ mệt mỏi và sợ hãi. Anh đã định đến hỏi cô mọi chuyện có ổn không, nhưng nhớ về cuộc gặp lần trước nên dần lòng lại. Trong lúc quay lại văn phòng, anh thấy Davis đang đứng ở bàn tiếp tân. Ông mặc chiếc áo khoác kẻ ca rô quen thuộc như lần đầu tiên Abel gặp ông ở khách sạn Plaza.

- Melanie có trong phòng ăn không? - Davis hỏi.

- Có ạ! - Abel đáp - Tôi không biết hôm nay ông đến đây, ông Davis. Tôi sẽ chuẩn bị Phòng Chủ tịch cho ông ngay.

- Chỉ một đêm thôi nhé, Abel, và lát nữa tôi muốn nói chuyện riêng với anh.

- Được ạ!

Abel không thích dùng từ “riêng”, không biết có phải Melanie đã phản ánh với cha về anh không. Phải chăng đó

là lý do anh không nói chuyện được với Davis suốt nhiều ngày qua?

Davis vội vàng vào phòng ăn, còn Abel trở lại bàn tiếp tân để kiểm tra xem các Phòng Chủ tịch còn trống không. Anh đặt phòng cho Davis rồi đợi ở bàn tiếp tân suốt hơn một tiếng. Anh thấy Melanie rời phòng ăn, mặt đỏ bừng như thể vừa khóc nhiều. Cha cô trở ra sau vài phút.

- Anh đi lấy một chai bourbon nhé, Abel. Đừng nói chúng ta không còn chai nào. Rồi vào phòng với tôi.

Abel lấy liền hai chai trong tủ sắt của anh, vào cùng Davis, lên tầng 17, trong lòng vẫn băn khoăn không rõ có phải Melanie đã mách với cha rồi không.

- Mở rượu và rót cho tôi một ly lớn nhé, Abel. - Davis bảo.

Một lần nữa Abel lại thấy sợ trước một điều chưa biết. Lòng bàn tay anh bắt đầu đổ mồ hôi. Chắc anh sẽ không bị đuổi việc vì đã muốn cưới con gái của ông chủ chứ? Anh thầm nghĩ mình và Davis đã là bạn từ hơn một năm nay, những người bạn thân thiết.

- Và anh cũng nên rót đầy ly của mình, Abel.

Abel làm theo lời ông chủ, nhưng anh ngồi mân mê ly rượu trong lúc đợi Davis nói.

- Abel à, tôi phá sản rồi. - Davis dừng lại, uống một ngụm rượu và tự rót một ly khác.

Abel không nói gì, một phần vì anh không nghĩ ra lời nào để nói. Sau khi nhấp một ngụm, anh mới lựa lời.

- Nhưng ông vẫn còn sở hữu mười một khách sạn.

- Đã từng sở hữu, - Davis Leroy nói - giờ đó là chuyện của quá khứ rồi, Abel. Tôi không còn sở hữu bất cứ khách

sạn nào nữa, ngân hàng đã chiếm hữu chúng từ thứ Năm tuần trước.

- Nhưng chúng thuộc về ông, chúng là của gia đình ông từ hai thế hệ rồi. - Abel nói.

- Đúng, nhưng giờ không còn nữa. Giờ chúng thuộc về một ngân hàng. Không có lý gì mà không cho anh biết toàn bộ sự thật, Abel ạ, rút cục, một thảm cảnh chung đã đổ xuống gần như mọi người dân nước Mỹ, dù giàu hay nghèo. Tầm mười năm trước, tôi đã vay hai triệu đô từ ngân hàng, dùng các khách sạn làm vật ký quỹ. Tôi đầu tư rất thận trọng tất cả tiền vào cổ phiếu và chứng khoán, chỉ những công ty tầm cỡ. Tôi xây dựng vốn lên đến gần 5 triệu đô, đó là một trong số những lý do thất thoát của các khách sạn không ảnh hưởng quá nhiều đến tôi, chúng được khấu trừ thuế đối với những lợi nhuận tôi kiếm được trên thị trường. Hôm nay, tôi không thể bán nổi số cổ phiếu ấy đi. Chúng ta có thể đem chúng đi làm giấy vệ sinh cho khách sạn được rồi. Trong ba tuần nay, tôi đã bán đi nhanh nhất có thể, nhưng ngoài kia không còn ai mua nữa. Ngân hàng đã tịch thu tài sản để thế nợ từ thứ Năm tuần trước. Đa phần những người bị ảnh hưởng bởi vụ phá sản này chỉ có những mảnh giấy đảm bảo cho những thiệt hại của họ, nhưng với tôi, ngân hàng hỗ trợ cho tôi lại nắm giữ mọi chứng thư của các khách sạn làm giấy tờ đảm bảo để đối phó với khoản nợ gốc. Nên khi thị trường sụp đổ, người ta lập tức tịch biên mọi tài sản. Những tên khốn ấy sẽ bán chúng ngay khi tìm được người mua.

- Thật điên rồ. - Abel nói - Họ sẽ chẳng có được gì lúc này đâu, nhưng nếu họ hỗ trợ ta, ta có thể cho họ thấy một sự đền đáp đáng giá đối với việc họ đầu tư.

- Tôi biết *anh* có thể làm được, Abel, nhưng họ chiếm những thành quả trước đây của tôi để ném lại vào mặt tôi. Tôi đã lên trụ sở chính của họ ở Boston và kể cho họ về anh rồi. Tôi quả quyết tôi sẽ cống hiến tất cả thời gian cho Tập đoàn, chỉ cần họ tương trợ chúng ta trong thời gian ngắn, nhưng họ không chấp nhận. Họ đánh đồng tôi với một vài gã trẻ ranh non choẹt, những kẻ đọc hết các câu trả lời về dòng tiền trong sách giáo khoa, không có nền tảng vốn và giới hạn tín dụng. - Davis dừng lại làm một hớp rượu - Lúc này đây, những gì tốt nhất ta có thể làm là ngồi uống rượu, vì tôi đã tàn lực, trắng tay, phá sản.

- Vậy thì tôi cũng vậy thôi. - Abel nhẹ nhàng nói.

- Không, anh có một tương lai rộng mở phía trước, anh bạn trẻ. Bất cứ ai tiếp quản Tập đoàn này cũng không thể phát triển mà thiếu anh.

- Ông quên là tôi sở hữu 25% trong Tập đoàn sao?

Davis Leroy nhìn anh chòng chọc.

- Ôi lạy Chúa, Abel ôi! Tôi mong anh không bỏ *tất cả* tiền vào chỗ tôi. - Giọng ông đã trở nên lè nhè.

- Bỏ từng xu. - Abel nói - Nhưng tôi không hối hận, Davis ạ! *Thưa cùng một người khôn còn tốt hơn thắng cùng một tên đần.* - Anh tự rót cho mình một ly khác.

Davis chan hòa nước mắt.

- Anh biết đấy, Abel, anh là người bạn tốt nhất tôi từng có. Anh đã đưa khách sạn của tôi vào khuôn khổ, anh đã

đầu tư bằng tiền của mình, tôi lại làm anh trắng tay, và anh thậm chí không trách tôi. Đã thế, con gái tôi lại từ chối làm vợ anh.

- Ông không trách tôi đã ngỏ lời với cô ấy ư? - Abel nói, thấy tự tin hơn trước khi uống ly thứ ba.

- Ngu ngốc thật, kẻ hợm mình ảo tưởng không hề biết đã gặp được điều tốt lành. Nó muốn cưới mấy gã chủ ngựa quý tộc miền Nam có ít nhất hai đời làm tướng, hoặc nếu nó cưới một gã miền Bắc thì cụ tổ ba đời của anh ta phải đến đây trên thuyền *Hoa Tháng Năm*¹ cơ. Nếu tất cả những gã tuyên bố mình có họ hàng trên con thuyền đó lên thuyền cùng nhau, thì con thuyền đáng nguyên rửa ấy đã chìm ngấm trước khi nó kịp rời khỏi nước Anh. Thật chán là tôi không có thêm đứa con gái nào khác để gả cho anh, Abel ạ! Tôi chắc sẽ tự hào nếu có chàng rể là anh. Anh và tôi sẽ là một nhóm xuất chúng, nhưng tôi vẫn cho là một mình anh có thể chơi lại tất cả bọn chúng. Anh còn trẻ, anh vẫn còn tất cả ở phía trước.

Ở tuổi hai tư, Abel chợt thấy mình rất già nua.

- Cảm ơn lòng tin của ông, ông Davis. - Anh nói - Mà kẻ nào thêm quan tâm đến thị trường chứng khoán chứ? Ông nên biết ông là người bạn tốt nhất tôi từng có.

Abel lại rót ly nữa và uống một hơi cạn sạch. Đến gần sáng, hai người đã uống hết gần hai chai rượu. Khi Davis

¹ Con tàu đã đưa những người theo Kitô giáo độc lập với Anh giáo và nhiều người xuất thân từ vùng Trung Anh, di cư sang Mỹ để bắt đầu đời sống mới năm 1620.

ngủ gật trên ghế, Abel lão đảo xuống phòng mình dưới tầng 10, cởi đồ và nằm vật ra giường.

Anh bình tỉnh khỏi giấc ngủ sâu vì tiếng đập cửa ầm ầm. Đầu anh vẫn còn quay cuồng, nhưng tiếng đập cửa vẫn dồn dập mỗi lúc một lớn hơn. Anh mò mẫm tìm đường ra mở cửa. Đó là cậu bé giúp việc vật.

- Nhanh lên, ông Rosnovski, xuống nhanh lên. - Cậu bé vừa chạy xuống vừa gọi.

Abel choàng vội chiếc áo ngủ và xỏ dép đi trong nhà rồi lão đảo xuống hành lang cùng cậu bé, cậu ta đang giữ cửa thang máy cho anh.

- Nhanh lên, ông Rosnovski. - Cậu bé nhắc lại.

- Sao phải nhanh? - Abel hỏi, đầu anh vẫn đau nhói khi thang máy chậm chạp đi xuống.

- Có người vừa nhảy ra khỏi cửa sổ.

Abel tỉnh rượu ngay.

- Khách à?

- Vâng, cháu nghĩ thế, - cậu bé đáp - nhưng không chắc lắm.

Thang máy dừng lại ở tầng dưới cùng. Abel kéo mạnh cánh cửa sắt và lao ra phố. Xe cảnh sát đang đổ vòng quanh khách sạn, đèn pha sáng trưng, còi báo động réo rất. Anh sẽ không nhận ra thân thể giập nát đang nằm trên vỉa hè kia là ai nếu không nhờ có chiếc áo khoác ca rô. Một cảnh sát đang ghi biên bản chi tiết. Một người mặc thường phục bước đến chỗ Abel.

- Anh là quản lý khách sạn?

- Vâng, thưa ông.
- Ông có biết người đàn ông này là ai không?
- Có! - Abel liú ríu - Ông ấy là Davis Leroy.
- Ông có biết nơi ở của ông ấy, hoặc có cách nào liên lạc với người thân của ông ấy không?

Abel quay đi, không nhìn vào xác Davis nữa và trả lời như cái máy:

- Ông ấy ở Dallas, có con gái là cô Melanie Leroy. Cô ấy là sinh viên sống trong khu trường Đại học.

- Chúng tôi sẽ cử người đến chỗ cô ấy ngay.
- Không, đừng làm thế. Tôi sẽ đích thân gặp cô ấy. - Abel nói.
- Cảm ơn anh. Sẽ tốt hơn nếu họ không phải nghe tin từ một người lạ.

- Thật là một điều khủng khiếp, mà không nhất thiết phải làm thế này. - Abel nói, lại đưa mắt nhìn xác người bạn.

- Ông ấy là người thứ bảy ở Chicago trong ngày hôm nay. - Viên sĩ quan thẳng thừng nói khi gấp cuốn sổ nhỏ lại - Sau đây, chúng tôi sẽ cần kiểm tra phòng ông ấy. Đừng cho thuê phòng đó cho đến khi chúng tôi điều tra xong xuôi.

Viên cảnh sát tiến về phía chiếc xe cứu thương vừa hú còi vừa dừng lại. Abel đứng nhìn những người khiêng cáng đem xác Davis Leroy khỏi vỉa hè. Anh chợt thấy lạnh, khuỷu gối xuống và đau bụng dữ dội. Một lần nữa anh lại mất đi người bạn gần bó nhất. Nếu anh uống ít hơn và nghỉ nhiều hơn, có thể anh đã cứu được ông ấy. Anh đứng dậy, trở về phòng, tắm nước lạnh rất lâu và lập cập mặc quần áo. Anh gọi cà phê đen và miễn cưỡng trở lại Phòng Chủ tịch. Chẳng còn

lại gì ngoài hai vỏ chai rượu bourbon, dường như không còn lại dấu vết nào của những gì chỉ vừa xảy ra ít phút trước. Anh thấy những lá thư trên cạnh bàn, kế bên là chiếc giường vẫn còn nguyên nếp. Lá thư thứ nhất gửi cho Melanie, lá thư hai cho một luật sư ở Dallas và thư ba cho Abel Rosnovski. Anh bóc thư ra, tay anh không ngừng run lên.

Abel thân mến!

Sau quyết định của ngân hàng, tôi chỉ còn lối thoát duy nhất này. Tôi không còn lý do gì để sống nữa, và tôi đã quá già để bắt đầu lại tất cả. Tôi muốn anh biết rằng tôi tin anh là người duy nhất có thể gây dựng lại điều gì đó từ tình trạng hỗn độn khủng khiếp này.

Tôi đã lập một di chúc mới, trong đó tôi để lại cho anh 75% cổ phần của tôi ở Tập đoàn Richmond. Tôi biết chúng vô giá trị, nhưng ít nhất chúng sẽ đảm bảo vị trí của anh với tư cách người chủ hợp pháp của Tập đoàn. Khi anh có can đảm mua 25% bằng tiền riêng của mình, anh xứng đáng có quyền xem xét thương lượng với ngân hàng như thế nào. Tôi để lại tất cả những thứ khác cho Melanie. Làm ơn hãy báo cho con bé.

Tôi sẽ rất tự hào nếu có một chàng rể như anh, đồng sự ạ.

Bạn của anh!

Davis

Abel đọc lại lần nữa trước khi bỏ lá thư vào ví.

Anh chậm chậm lái xe đến trường Đại học ngay khi trời vừa hửng sáng. Khi báo tin cho Melanie, anh cố nhẹ nhàng

nhất có thể. Anh lo lắng ngồi trên ghế, không biết mình nên nói thêm điều gì sau tin báo tử khủng khiếp ấy. Cô lắng nghe bằng vẻ bình tĩnh đến phát sợ, như thể cô đã biết chuyện đó sẽ xảy ra, dù cô không che giấu được nỗi xúc động. Nhưng không có giọt nước mắt nào trước mặt Abel - có thể sau đây cô sẽ khóc khi không có anh. Lần đầu tiên trong đời, anh thấy thương cảm cho cô.

Ngày 4 tháng Một năm 1930, Abel Rosnovski lên tàu đến Boston. Anh bắt taxi từ ga đến Ngân hàng Kane và Cabot và đến sớm vài phút. Anh ngồi ở phòng tiếp tân, căn phòng lớn hơn và được trang trí cầu kỳ hơn bất cứ phòng ngủ nào ở khách sạn Richmond Chicago. Anh bắt đầu đọc *The Wall Street Journal*, tờ báo đang cổ vũ khẳng định với độc giả năm 1930 sẽ thuận lợi hơn. Anh nghi ngờ điều đó. Một người đàn bà trung niên nghiêm nghị bước vào phòng.

- Ông Kane sẽ gặp ông bây giờ, thưa ông Rosnovski.

Abel đứng dậy và theo bà ta xuống hành lang dài dẫn vào một phòng ốp gỗ sồi. Phía sau chiếc bàn làm việc lớn phủ da là một người đàn ông cao lớn, ưa nhìn, Abel nghĩ anh ta chắc chỉ tầm tuổi mình. Đôi mắt anh ta màu xanh dương như mắt Abel, nhưng đó là điểm giống nhau duy nhất. Trên bức tường phía sau có ảnh một người đàn ông lớn tuổi hơn, rất giống người đàn ông ngồi sau bàn làm việc

này. Abel chưa chát nghĩ: Hẳn đó là cha anh ta. Chắc chắn anh ta sẽ qua được cơn khủng hoảng này, các ngân hàng luôn thắng, bất kể điều gì xảy ra.

- Tôi là William Kane, - người đàn ông đứng dậy và đưa tay ra - mời anh ngồi, anh Rosnovski.

- Cảm ơn anh! - Abel lạnh lùng nắm tay anh ta.

- Xin anh cho phép tôi thông báo về tình trạng hiện nay, như tôi được biết. - William nói.

- Đương nhiên.

- Cái chết vội vã và bi thảm của ông Leroy... - William mở lời, anh ghét phải dùng những từ ngữ hoa mỹ.

Vì thái độ nhấn tâm của các người đấy, Abel nghĩ.

- ...rõ ràng đã để lại cho anh trách nhiệm trước mắt là điều hành Tập đoàn Richmond cho đến khi ngân hàng tìm được người mua những khách sạn ấy. Dù mọi cổ phần trong Tập đoàn hiện mang tên anh, tài sản, cụ thể là mười một khách sạn, được xem như tài sản thế chấp cho số nợ của ông Leroy quá cố là hai triệu đô, về mặt pháp lý sẽ thuộc quyền sở hữu của chúng tôi. Nếu anh muốn tách mình khỏi toàn bộ quy trình này, chúng tôi cũng có thể thông cảm.

Một lời đề nghị xác xược, William nghĩ, nhưng cũng cần phải nói ra.

Những gì một ông chủ ngân hàng mong một người đàn ông thực hiện là bỏ đi ngay khi khó khăn xuất hiện, Abel nghĩ.

William tiếp tục:

- Cho đến khi số khoản nợ ngân hàng hai triệu đô được thanh toán, tôi sợ là chúng tôi phải xem xét những tài sản

của ông Leroy quá cố. Ngân hàng chúng tôi hiểu sự gắn bó riêng của anh với Tập đoàn, và chúng tôi chưa hề có động thái nào trong việc xử lý các khách sạn cho đến khi có cơ hội nói chuyện riêng với anh. Chúng tôi nghĩ có thể anh sẽ biết một vài bên muốn mua lại số tài sản đó, những cao ốc, đất đai và công việc kinh doanh hiển nhiên cũng là những tài sản giá trị.

- Nhưng không đủ giá trị để ngân hàng xem xét giúp đỡ tôi. - Abel nói. Anh mặt mũi nhăn nhó vào mái tóc đen dày. William không đáp. - Các ông cho tôi bao lâu để tìm người mua?

William do dự một lát khi thấy chiếc vòng bạc trên cổ tay Abel Rosnovski. Anh đã trông thấy nó ở đâu đó, nhưng anh không thể nhớ là ở đâu.

- Ba mươi ngày. Anh phải hiểu là ngân hàng vẫn đang phải chịu tổn thất từng ngày cho mười trong số mười một khách sạn. Duy nhất khách sạn Richmond Chicago là hiện đang đem lại một số lãi nhỏ.

- Nếu anh cho tôi đủ thời gian, anh Kane, tôi sẽ biến tất cả các khách sạn thành những cỗ máy sinh lợi nhuận. Tôi biết mình có khả năng. Chỉ cần cho tôi cơ hội chứng minh tôi có thể làm điều đó, thưa anh. - Abel cảm thấy nghẹn họng khi nói câu sau cùng này.

- Khi ông Leroy đến gặp chúng tôi vào mùa thu năm ngoái, ông ta khẳng định với chúng tôi là anh xứng đáng được trợ giúp. - William nói - Nhưng đang thời kì khó khăn. Không ai nói trước được là kinh doanh khách sạn có phát

triển hay không, và chúng tôi không phải những chủ khách sạn, anh Rosnovski ạ, chúng tôi là những chủ ngân hàng.

Abel đang bắt đầu mất bình tĩnh với “tên nhãi” ăn mặc chải chuốt này.

- Thậm chí còn là thời kì khó khăn hơn cho các nhân viên của chúng tôi, - anh nói - họ sẽ làm gì đây nếu các anh bán mất mái nhà trên đầu họ? Anh có hình dung được chuyện gì sẽ xảy ra với họ không?

- Tôi e rằng họ không thuộc trách nhiệm của chúng tôi, anh Rosnovski. Tôi phải hành động dựa trên lợi ích tối đa của ngân hàng.

- Anh không có ý nói là lợi ích tối đa *của anh* đấy chứ, anh Kane? - Abel gắt.

Ông chủ ngân hàng tỏ vẻ xúc động.

- Đó là một nhận xét không công bằng, anh Rosnovski, và tôi sẽ rất bức nếu tôi không biết anh sắp phải trải qua điều gì.

- Tệ nhất là anh không thấu hiểu cho ông Leroy. - Abel nói - Anh đã giết ông ấy, anh Kane ạ, rõ ràng chính các anh đã đẩy ông ấy ra khỏi cửa sổ. Anh và đám đồng nghiệp “thích phỉ tay” của anh, ngồi trong văn phòng khang trang trong khi chúng tôi đổ mồ hôi sôi nước mắt để các anh có thể vợ được tất cả khi bỏ ăn và đề đầu cuời cổ chúng tôi khi khó khăn.

William cũng đang nổi giận, nhưng không giống Abel, anh không thể hiện ra.

- Cuộc tranh luận này sẽ chẳng đưa chúng ta đến đâu, anh Rosnovski ạ! Tôi phải cảnh báo anh: Nếu anh không thể

tìm được người mua Tập đoàn trong vòng ba mươi ngày, tôi sẽ không còn lựa chọn nào khác là đành đem toàn bộ khách sạn ra đấu giá trên thị trường công khai.

- Rồi anh sẽ khuyên tôi tiếp tục đi vay ở một ngân hàng khác chứ gì? - Abel mỉa mai - Anh *biết rõ* những thành quả của tôi và vẫn không giúp tôi, vậy thì tại sao ai đó lại phải chịu rủi ro nhỉ?

- Bây giờ, lựa chọn thế nào hoàn toàn là quyền của anh, anh Rosnovski. Những chỉ thị của Ban giám đốc chỉ đơn giản là giải quyết số tài sản đó, đóng tài khoản nhanh nhất có thể, và tôi định làm điều đó. Nếu có thể, anh vui lòng liên lạc lại với tôi sớm hơn, - anh liếc vào lịch ghi nhớ - ngày 4 tháng Hai, để cho tôi biết anh có tìm được người mua hay không. Chúc anh một ngày tốt lành, anh Rosnovski.

William đứng dậy và lại đưa tay ra. Lần này Abel không bắt tay William nữa. Abel bước ra cửa, nhưng dừng lại trước khi rời khỏi văn phòng đó.

- Anh Kane ạ, tôi đã nghĩ sau cái chết của ông Davis Leroy, có thể anh sẽ cảm thấy xấu hổ mà giúp đỡ tôi. Tôi đã nhầm. Anh chỉ thích lợi lộc thôi, nhưng đêm nay khi anh ngủ, hãy nhớ nghĩ đến tôi nhé, anh Kane, vì tôi sẽ không bao giờ ngừng nghĩ về kế hoạch tôi dành cho anh.

William đứng cau mày trước cánh cửa đã đóng lại. Chiếc vòng bạc đó khiến anh rối trí - lúc trước anh đã thấy nó ở đâu rồi nhỉ?

Thư ký của anh bước vào phòng.

- Một người đàn ông nhỏ bé mà ghê gớm. - Chị ta nói.

- Không, không hẳn. - William nói - Anh ta nghĩ chúng ta phải chịu trách nhiệm về cái chết của người bạn đồng sự, và giờ chúng ta đang giải tán công ty của anh ta mà không nghĩ đến những người làm công, chưa nói đến bản thân anh ta, trong khi anh ta thực sự chứng minh được tài năng của mình. Anh Rosnovski đã rất lịch sự trong hoàn cảnh như vậy. Tôi tiếc là Ban giám đốc đã không nghe lời khuyên của tôi và hỗ trợ anh ta.

William ngồi xuống ghế, đột nhiên cảm thấy kiệt sức.

Tối muộn hôm đó Abel mới trở lại Chicago, trong lòng vẫn còn tức giận vì cách William Kane cư xử với mình. Anh đã không kịp nghe chính xác những tin tức thằng bé bán báo đang rao ở quây báo trong góc phố khi anh gọi một chiếc xe và leo lên ghế sau.

- Đến khách sạn Richmond.

- Anh là cánh báo chí à? - Người tài xế hỏi khi lái xe qua phố State.

- Không. Sao ông hỏi vậy?

-Ồ, vì anh yêu cầu đến khách sạn Richmond, các nhà báo đang bu kín nơi đó.

Abel không thể nhớ ra trong lịch của Richmond có buổi họp nào thu hút báo giới.

Người tài xế tiếp tục:

- Nếu anh không phải nhà báo, có lẽ tôi nên đưa anh đến khách sạn khác.

- Tại sao? - Abel càng lúng túng hơn.

- Chà, anh sẽ không ngủ ngon đâu nếu anh đặt phòng ở đó.

- Tại sao chứ? - Abel gặng hỏi.

- Vì khách sạn Richmond đã bị thiêu rụi.

Chiếc xe rẽ sang phố Drake, và Abel đối diện với bức tường còn đang cháy âm ỉ của khách sạn Richmond Chicago. Có nhiều xe cảnh sát, xe cứu hỏa, những thanh gổ cháy thành than và nước tràn ngập đường phố, trong khi những người đứng xem đang ngó vào từ sau thanh rào chắn. Abel đứng trân trân nhìn phần còn lại trong đầu tàu của Davis Leroy đã cháy sạch.

- Cửa anh hết hai đô. - Người tài xế nói.

Người Ba Lan thường khôn ngoan sau khi tai họa đã xảy ra, Abel vừa nghĩ vừa siết chặt nắm tay và dấn mạnh vào bên chân bị tật của mình. Anh không thấy đau, không còn gì để đau nữa.

- Lũ khốn! - Anh gào lên - Trước đây tao đã từng thấp kém hơn bây giờ, nhưng rồi tao sẽ tiêu diệt từng đứa chúng mày. Bọn Đức, đám người Nga, lũ người Thổ, thằng Kane khốn kiếp, và giờ là bọn này. Tất cả chúng mày. Tao sẽ diệt tất cả. Không ai giết được Abel Rosnovski.

Người trợ lý điều hành thấy Abel đang vung tay cạnh chiếc xe liền chạy đến chỗ anh. Abel cố giữ bình tĩnh.

- Mọi người đều thoát ra an toàn chứ? - Đó là câu đầu tiên của Abel.

- Vâng, tạ ơn Chúa. Khách sạn lúc đó gần như trống trơn, may mắn là ngọn lửa bốc lên giữa buổi chiều, nên dễ

dàng đưa mọi người thoát ra ngoài. Có một hoặc hai người bị thương và bỏng nhẹ, ba người đã được đưa đến bệnh viện Đa khoa Chicago, nhưng ông không phải lo gì đâu.

- Tốt, vậy cũng đỡ. Tạ ơn Chúa, khách sạn đã có bảo hiểm, hơn một triệu đô, nếu tôi nhớ chính xác. Chúng ta vẫn có thể biến thảm họa này thành có lợi.

- Sẽ không được đâu, nếu những gì người ta nói ra trên báo ra hôm nay là sự thật.

- Ý anh là sao? - Abel hỏi.

- Tôi nghĩ ông nên tự đọc, thưa ông chủ.

Abel lại quảy báo đó và trao cho thằng bé hai cent để lấy ấn bản mới của tờ *Tribune Chicago*.

Dòng lớn nhất ở trang đầu đủ nói lên tất cả: KHÁCH SẠN RICHMOND BỊ CHÁY - NGHI NGỜ DO CỐ Ý ĐỐT PHÁ.

Abel lắc đầu, không thể tin nổi.

- Còn gì có thể tệ hơn nữa? - Anh lẩm bẩm.

- Ông gặp chuyện gì ạ? - Cậu bé bán báo hỏi.

- Có một chút chuyện. - Abel nói và trở lại chỗ người trợ lý.

- Ai chịu trách nhiệm điều tra của cảnh sát?

- Viên sĩ quan đứng đằng kia, người đang tựa vào chiếc xe tuần tra. - Người trợ lý nói và chỉ vào một người đàn ông hơi đầu sớm có đôi mắt trũng sâu. - Ông ta là Trung úy O'Malley.

- Được rồi. - Abel nói - Bảo với các nhân viên tôi sẽ gặp tất cả ở khu nhà phụ lúc 10 giờ sáng mai. Nếu có ai muốn gặp tôi trước thời điểm đó, cứ tìm tôi ở khách sạn Stevens.

- Tôi nhớ rồi, ông chủ.

Abel lại chỗ Trung úy O'Malley và tự giới thiệu. Ông cảnh sát khẽ gật đầu chào và bắt tay anh.

- À, ông cựu quản lý mất tích đã quay về với đồng than còn sót lại.

- Tôi không thấy chuyện đó đáng để đùa, thưa ông. - Abel nói.

- Tôi xin lỗi. - Ông nói - Không đáng đùa. Một đêm thật dài. Giờ đi uống chút gì nhé.

Ông ta kéo khuỷu tay Abel và dẫn anh qua Đại lộ Michigan, đến một quán ăn nhỏ trong góc phố, gọi hai cốc sữa trứng. Abel cười lớn khi hỗn hợp trắng nổi bọt được đặt trước mặt anh. Đây là cốc sữa trứng đầu tiên kể từ sau khi tuổi thơ của anh chấm dứt.

- Tôi biết thật nực cười, mọi người dân trong thành phố đang lén lút uống bourbon và bia, - ông cảnh sát nói - nên có những người phải ngồi uống thật đàng hoàng. Dù sao, lệnh cấm cũng không kéo dài mãi mãi, và rồi rắc rối của tôi sẽ bắt đầu, vì bọn cướp sẽ khám phá ra tôi thật sự rất thích sữa trứng.

Abel lại phá lên cười.

- Giờ sang chuyện của anh, Rosnovski. Trước tiên, tôi phải cho anh biết tôi không nghĩ anh có cơ hội giành được tiền bảo hiểm cho khách sạn đâu. Các chuyên gia cứu hỏa đã kiểm tra phần còn lại của tòa nhà và phát hiện trong đó đầy dầu hỏa. Thậm chí người phóng hỏa còn chẳng thèm che giấu. Khắp tầng hầm cũng đầy dấu vết của dầu hỏa. Một que diêm là đủ để tòa nhà bùng cháy như một ngọn pháo hoa.

- Ông có biết kẻ nào làm vụ này không? - Abel hỏi.

- Tôi phải hỏi câu đó mới đúng. Anh có biết kẻ nào có thù oán với khách sạn hoặc với cá nhân anh không?

Abel lẩm bẩm.

- Tầm năm mươi người, thưa ông Trung úy. Tôi thật sự đã dọn sạch một ổ rắn độc khi mới về đây. Tôi có thể cho ông một danh sách, nếu ông nghĩ nó giúp ích.

- Có thể, nhưng nghe lối mọi người bàn tán ngoài kia, tôi có thể sẽ không cần đến nó. Nếu anh có được bất cứ thông tin rõ ràng nào, báo cho tôi nhé, anh Rosnovski, vì tôi cảnh báo trước, anh có rất nhiều kẻ thù.

- Cụ thể là những kẻ nào? - Abel hỏi.

- Có người cho rằng chính anh đã đốt vì anh đã mất tất cả trong vụ phá sản vừa rồi và cần số tiền bảo hiểm.

Abel đứng bật dậy khỏi ghế.

- Bình tĩnh, cứ bình tĩnh. Tôi biết anh đã ở Boston cả ngày hôm qua, và quan trọng hơn, anh có tiếng ở Chicago vì đã gây dựng các khách sạn chứ không phải làm chúng lụn bại. Nhưng có kẻ đã châm lửa đốt Richmond và anh có thể hoàn toàn tin tưởng tôi sẽ tìm ra kẻ đó. Giờ cứ để mọi chuyện đó đã. - Ông ta xoay người trên ghế - Để tôi mời sữa trứng nhé, anh Rosnovski. Sau này, tôi có thể sẽ nhờ anh giúp đỡ đấy.

Trong lúc hai người bước ra cửa, ông cảnh sát cười với cô phục vụ đã đem trả ông 50 cent tiền thừa, khen cô có mắt cá chân đẹp và chê mẫu mới của những chiếc váy dài.

- Giữ lấy tiền thừa nhé, cô em. - Ông nói.

- Cảm ơn ông! - Cô gái đáp.

- Không ai khen tôi cả. - Trung úy nói.

Abel lại bật cười lần thứ ba, nửa tiếng trước anh còn nghĩ mình không còn cười nổi.

- Tiện đây nói luôn, - O'Malley nói thêm khi ra đến cửa - người của bên bảo hiểm đang tìm anh. Tôi không nhớ tên người đó, nhưng tôi đoán ông ta sẽ sớm tìm được anh. Đừng nổi giận với ông ta nếu ông ta cho rằng anh liên quan đến vụ cháy. Ai trách được ông ta! Nhớ giữ liên lạc nhé, anh Rosnovski, tôi mong sẽ gặp lại anh, khi đó anh trả tiền sữa trứng đấy nhé!

Abel nhìn theo ông ta hòa vào đám đông những người đang đứng xem, rồi chậm chậm lê bước về phía khách sạn Stevens và đặt một phòng qua đêm. Nhân viên tiếp tân, người đã ghi tên cho hầu hết khách của Richmond chạy sang, không kìm được một nụ cười khi đặt phòng cho cả quản lý khách sạn.

Khi còn lại một mình trong phòng, Abel ngồi xuống và viết ngay một lá thư dài cho William Kane, tường thuật lại mọi chi tiết anh biết về vụ hỏa hoạn, cho anh ta biết anh định sử dụng thời gian tự do không mong đợi này để đi một vòng các khách sạn trong Tập đoàn. Anh thấy thật vô ích khi cứ loanh quanh ở Chicago để ngồi sưởi với đồng than hồng của Richmond trong nỗi hy vọng hão huyền sẽ có người đến và bảo lãnh cho anh.

Sáng hôm sau, sau một bữa sáng thượng lưu ở khách sạn Stevens, Abel luôn hài lòng khi ở trong một khách sạn

được điều hành tốt, anh rút 5 nghìn đô tiền mặt trong tài khoản khách sạn và trả cho mỗi nhân viên hai tuần lương, bảo họ có thể ở lại trong chái nhà phụ ít nhất một tháng, hoặc cho đến khi họ tìm được việc mới. Rồi anh đến Ngân hàng Tín thác Continental để nói cho ông Curtis Fenton biết về thái độ của Ngân hàng Kane và Cabot, chính xác hơn là thái độ của William Kane. Anh nói thêm rằng tuy không có nhiều hy vọng, nhưng anh đang tìm người mua Tập đoàn Richmond với giá hai triệu đô.

- Ngọn lửa ấy sẽ không giúp ích cho chúng ta, nhưng tôi sẽ xem mình làm được gì. - Fenton nói với vẻ quả quyết hơn Abel tưởng - Thời điểm anh mua 25% từ bà Leroy, tôi đã nói tôi nghĩ các khách sạn là tài sản có giá trị. Dù có vụ phá sản vừa rồi, tôi vẫn không thay đổi quan điểm của mình, anh Rosnovski ạ! Tôi đã quan sát anh điều hành khách sạn gần hai năm nay, và tôi sẽ hỗ trợ anh nếu quyết định là của riêng tôi, nhưng tôi e là ngân hàng sẽ không bao giờ đồng ý hỗ trợ cho Tập đoàn Richmond. Chúng tôi đã biết tình hình tài chính của Tập đoàn quá lâu rồi nên không còn niềm tin vào tương lai của Tập đoàn, và ngọn lửa ấy là trở ngại cuối cùng. Tuy thế, tôi có một số hợp đồng bên ngoài, và tôi sẽ xem những hợp đồng ấy có giúp ích được gì không. Trong thành phố này, có nhiều người khâm phục anh hơn anh tưởng đấy, anh Rosnovski.

Abel lái xe theo hướng nam trên chiếc Buick anh mua ngay trước khi thị trường sụp đổ. Anh quyết định bắt đầu chuyến đi thăm toàn bộ Tập đoàn từ khách sạn Richmond St. Louis.

Chuyến đi đến các khách sạn trong Tập đoàn kéo dài gần bốn tuần, và dù phần lớn các khách sạn đều yếu kém, khách sạn nào cũng thất thoát, nhưng theo quan điểm của Abel, không có khách sạn nào đến mức vô phương cứu chữa. Tất cả đều có vị trí tốt, một số thậm chí còn có vị trí đắc địa nhất trong thành phố. Ông cụ Leroy chắc chắn phải là một người khôn ngoan hơn con trai mình, Abel nghĩ. Anh kiểm tra cẩn thận chính sách bảo hiểm của mọi khách sạn, không có vấn đề gì. Cuối cùng, khi anh đến Richmond Dallas, điểm dừng chân cuối cùng trong hành trình của anh, anh tin chắc bất cứ ai mua Tập đoàn này với giá hai triệu đô thì người đó đã có một khoản đầu tư vững chắc, và nếu họ quyết định thuê anh, anh biết chính xác những gì cần làm để sinh lời cho Tập đoàn.

Trở lại Chicago, một lần nữa anh đặt phòng ở khách sạn Stevens. Có nhiều tin tức đang đợi anh. Trung úy O'Malley muốn anh liên lạc lại với ông thật sớm. Cả William Kane, Curtis Fenton cũng vậy, và còn có một ông Henry Osborne nào đó. Anh bắt đầu với mảng luật pháp và chuẩn bị đến gặp O'Malley ở quán ăn trên Đại lộ Michigan.

Abel ngồi trên chiếc ghế quay lưng về phía quầy tính tiền, nhìn chăm chú sang đồng hồ treo tường của khách sạn Richmond bên kia phố trong khi đợi ông Trung úy. O'Malley đến muộn vài phút, không cả buồn nói xin lỗi khi ngồi xuống ghế bên cạnh và xoay người sang phía Abel.

- Anh còn thiếu nợ tôi đấy, - ông Trung úy nói - và không ai ở Chicago dám bỏ đi trong khi nợ O'Malley một cốc sữa trứng.

Abel gọi hai cốc, một cốc rất to, một cốc bình thường.

- Ông đã tìm được điều gì? - Abel hỏi khi anh đưa cho vị thám tử hai chiếc ống hút có sọc trắng và đỏ.

- Các anh ở Sở Cứu hỏa đã đúng, có kẻ cố ý gây hỏa hoạn. Chúng tôi đã bắt giữ một kẻ tên là Desmond Pacey, hóa ra ông ta chính là quản lý cũ của Richmond. Đó là lúc anh đã nắm quyền, đúng không?

- Tôi e là vậy. - Abel nói.

- Sao anh lại nói thế? - Ông Trung úy nói.

- Tôi đã đuổi Pacey vì tội biển thủ. Ông ta nói ông ta sẽ trả thù tôi cho đến hơi thở cuối cùng. Tôi không để ý lời ông ta, tôi đã phải đối mặt với quá nhiều lời đe dọa trong đời

nên không coi những lời ấy ra gì, ông Trung úy ạ, nhất là lời của một kẻ như Pacey.

- Chà, xin thưa rằng chúng tôi đã phải thận trọng với lão ta, và bên bảo hiểm cũng vậy, vì họ sẽ không trả một xu cho đến khi chúng mình được anh và Pacey không thông đồng.

- Đó là tất cả những gì tôi cần lúc này. - Abel nói - Nhưng sao ông dám chắc chính là Pacey?

- Ông ta xuất hiện ở phòng cấp cứu của bệnh viện gần nhất, cùng ngày với vụ cháy, trên tay và ngực có nhiều vết bỏng nặng. Ông ta nhanh chóng khai ra ngay, nhưng cho đến tận lúc này tôi mới biết chắc chắn động cơ của ông ta là gì. Vụ vụ này kết thúc rồi, anh Rosnovski.

Ông Trung úy hút cho đến khi những tiếng sồn sột cho biết ông đã uống đến giọt cuối cùng.

- Cốc nữa nhé? - Abel nói.

- Không, vậy là đủ rồi. Tôi đã hứa với vợ là sẽ giảm dần món này. - Ông ta đứng dậy - Chúc may mắn, anh Rosnovski. Nếu anh có thể chứng minh với bên bảo hiểm mình không dính líu đến gã Pacey, anh sẽ có được tiền. Tôi sẽ làm tất cả trong khả năng để giúp anh nếu vụ này phải ra tòa. Nhớ giữ liên lạc nhé.

Abel nhìn vị thám tử biến mất sau cánh cửa. Anh đưa cho cô hầu bàn một đô. Khi ra vỉa hè, Abel đứng lại và nhìn chăm chăm vào khoảng không trước mặt, hơn một tháng trước nơi đó là khách sạn Richmond. Anh quay đi và rảo bước về khách sạn Stevens. Một tin nhắn nữa từ ông Henry Osborne, anh vẫn chưa có thêm thông tin về danh tính của

ông ta. Chỉ có một cách để tìm ra. Abel gọi lại vào số điện thoại và được nối máy với Thanh tra của công ty Bảo hiểm Tai nạn Great Western. Anh đặt lịch hẹn gặp Osborne vào buổi trưa. Sau đó, anh gọi cho William Kane ở Boston và báo cho anh ta tình hình mọi khách sạn trong Tập đoàn.

- Tôi phải nhắc lại, anh Kane, tôi có thể biến tất cả những thiệt hại của các khách sạn thành lợi nhuận, chỉ cần ngân hàng của anh cho tôi cơ hội. Từ những gì tôi đã làm được ở Chicago, tôi biết mình có thể áp dụng cho những khách sạn còn lại trong Tập đoàn.

- Có thể anh làm được, anh Rosnovski, nhưng tôi sợ đó sẽ không phải là tiền của Ngân hàng Kane và Cabot. Tôi xin nhắc anh: Anh chỉ còn vài ngày để tìm người hỗ trợ thôi đấy. Chúc anh may mắn.

- Đồ hợm hĩnh! - Abel thốt lên câu đó khi bên kia dập máy - Tao không xứng tầm với tiền của mày à? Sẽ có ngày, thằng khốn ạ...



Nhân vật tiếp theo Abel định gặp là người của công ty bảo hiểm.

Henry Osborne cao lớn, ưa nhìn, mắt đen và mái tóc đen đã hoa râm ở vùng thái dương, cách cư xử hòa nhã, thoải mái. Ông ta bổ sung thêm chút ít vào thông tin O'Malley đã cung cấp cho Abel. Công ty Bảo hiểm Tai nạn Great Western không có ý trả bất cứ đồng nào khi cảnh sát đang đòi truy tố Desmond Pacey về tội cố ý phóng hỏa, cho đến khi chứng minh được rằng Abel không liên

quan. Tuy vậy, dường như Osborne thông cảm với toàn bộ vấn đề.

- Tập đoàn Richmond có đủ tiền để tái thiết lại khách sạn chứ? - Ông ta hỏi.

- Không còn một xu. - Abel nói - Phần còn lại của Tập đoàn đã bị thế chấp hết sạch, và ngân hàng đang hối thúc tôi bán.

- Tại sao lại là anh? - Osborne nói.

Abel giải thích đầu đuôi chuyện anh nắm giữ các cổ phiếu của Tập đoàn nhưng lại không thực sự sở hữu khách sạn.

- Chắc chắn ngân hàng có thể thấy rõ anh đã điều hành khách sạn này tốt thế nào. Mọi doanh nhân ở Chicago đều biết anh là quản lý đầu tiên đã tạo ra lợi nhuận cho Davis Leroy. Tôi thấy các ngân hàng đang trải qua thời kì khó khăn, nhưng họ nên biết khi nào cần có ngoại lệ, nhất là trong quyền lợi của họ.

- Không phải ngân hàng này.

- Ngân hàng Tín dụng Continental à? - Osborne hỏi

- Tôi vẫn luôn thấy ông già Curtis Fenton hơi cứng nhắc, nhưng vẫn dễ làm việc mà.

- Không phải Ngân hàng Continental nữa. Các khách sạn giờ do một ngân hàng tên Kane và Cabot ở Boston sở hữu.

Henry Osborne mặt trắng bệch và ngã người ra sau.

- Ông ổn chứ?

- Vâng, tôi ổn.

- Trước đây ông đã làm việc với Kane và Cabot ư?

- Giữ kín chuyện này nhé. Đúng, công ty của tôi đã đối mặt với họ một lần, kết quả là chúng tôi mất sạch từng xu.

- Mọi chuyện thế nào?

- Tôi không thể tiết lộ mọi chi tiết. Một vụ làm ăn bản thủ, kiểu như một giám đốc đã lợi dụng một hợp đồng được trình bày khôn khéo.

- Giám đốc nào thế? - Abel nói

- Lần đó anh làm việc với giám đốc nào?

- William Kane.

- Hãy cẩn thận. - Osborne nói trong khi sắc mặt vẫn chưa khá hơn - Hắn là tên khốn hèn hạ nhất trên đời. Tôi có thể cho anh biết sự thật về hắn, nhưng phải là khi tuyệt đối tin tưởng nhau, vì hắn không phải tay vừa đâu.

- Tôi định ăn thua đủ với hắn, - Abel nói - nên tôi sẽ liên lạc đều đặn. Tôi có một món nợ cần giải quyết đối với Kane.

- Được, anh có thể tin tưởng vào sự giúp đỡ của tôi nếu đó là chuyện có liên quan đến William Kane, - Osborne nói và đứng dậy - nhưng đây là chuyện tuyệt mật giữa hai ta. Và nếu tòa án điều tra được Desmond Pacey phóng hỏa đốt Richmond và không có ai khác liên quan, công ty tôi sẽ thanh toán đầy đủ yêu cầu bồi thường của anh ngay ngày hôm đó. - Ông ta mở cửa cho Abel - Có thể chúng tôi sẽ có thêm việc với các khách sạn khác của anh.

- Có thể lắm. - Abel nói.

Abel trở lại khách sạn Stevens xem còn tin nhắn nào đang đợi anh. Một ông David Maxton nào đó đang hỏi anh có thời gian gặp ông ta ăn trưa lúc 1 giờ không.

- David Maxton! - Anh nói to, một lễ tân ngẩng lên - Tôi quen ông này sao?

- Ông ấy sở hữu khách sạn này, ông Rosnovski.

- À, đúng rồi. Làm ơn báo cho ông Maxton là tôi rất hân hạnh được ăn trưa với ông ta. - Abel liếc nhìn đồng hồ - Và báo ông ấy là tôi đến chậm vài phút, được chứ?

- Được ạ, thưa ông. - Nhân viên lễ tân đáp.

Abel lên phòng và mặc chiếc sơ mi mới màu trắng, tự hỏi ông David Maxton cần gì ở anh.

Phòng ăn đã đông kín khi anh bước vào. Trưởng phục vụ chỉ cho anh một bàn riêng trong góc, ông chủ của khách sạn Stevens đang ngồi một mình ở đó. Ông ta đứng dậy chào anh.

- Tôi là Abel Rosnovski, thưa ông.

- Vâng, tôi có biết anh. - Maxton nói - Đúng hơn, tôi biết anh nhờ danh tiếng của anh. Anh ngồi đi, rồi ta dùng bữa.

Abel vốn ngưỡng mộ khách sạn Stevens. Đồ ăn và phục vụ, mọi thứ đều sánh ngang với khách sạn Plaza. Nếu anh điều hành khách sạn sang trọng nhất ở Chicago, khách sạn này sẽ là tiêu chuẩn để anh soi chiếu.

Người trưởng phục vụ quay lại với thực đơn. Abel xem thực đơn cẩn thận, anh lịch sự từ chối món khai vị và chọn món thịt bò, cách nhanh nhất để xem khách sạn có hợp tác với nhà cung cấp thịt chất lượng hay không. David Maxton không nhìn thực đơn, chỉ gọi món cá hồi.

- Anh Rosnovski, anh chắc chắn đang thắc mắc tại sao tôi mời anh ăn trưa. - Maxton hỏi.

- Tôi cho là, - Abel cười - ông sẽ mời tôi tiếp quản khách sạn Stevens.

- Hoàn toàn chính xác, anh Rosnovski.

Abel lặng thinh. Đến lượt ông Maxton cười phá lên. Người phục vụ đẩy chiếc xe có món thịt bò ngon nhất đến cũng không khiến anh mở lời. Người phục vụ liếc lưỡi dao cho sắc. Ông Maxton vắt chanh lên món cá hồi và tiếp tục nói:

- Năm tháng nữa quản lý của tôi sẽ nghỉ hưu sau hai mươi hai năm trung thành phục vụ, và người trợ lý điều hành cũng sẽ sớm ra đi ngay sau đó, nên tôi đang tìm một nhân tố mới.

- Theo tôi, nơi này khá tốt đấy chứ. - Abel nói.

- Nhưng không có nghĩa là nơi này không thể phát triển hơn, anh Rosnovski ạ! Đừng bao giờ thỏa mãn với sự ổn định. - Maxton thêm vào - Tôi đã quan sát kỹ lưỡng mọi hoạt động của anh trong hai năm qua. Khi anh tiếp quản Richmond thì nơi đó mới được xem là một khách sạn. Trước đó nó chỉ là một nhà nghỉ khổng lồ. Trong hai hoặc ba năm tới, nơi ấy chắc sẽ là đối thủ của Stevens nếu một tên ngốc nào đó không thiêu rụi nó.

- Ông dùng khoai tây chứ ạ?

Abel ngẩng lên nhìn cô phục vụ xinh xắn. Cô gái mỉm cười với anh.

- Không, cảm ơn. Tôi thấy rất hân hạnh trước những nhận xét và lời đề nghị của ông, ông Maxton.

- Tôi nghĩ ở đây anh sẽ được hài lòng, anh Rosnovski. Khách sạn Stevens là một khách sạn hoạt động ổn định và tôi sẵn lòng trả mức lương khởi điểm cho anh là 50 đô một tuần và 2% lợi nhuận. Anh có thể bắt đầu ngay khi cảm thấy thuận tiện.

- Tôi sẽ cần ít ngày để suy nghĩ kỹ, ông Maxton ạ, - Abel nói - dù thú thật tôi rất muốn. Nhưng tôi vẫn có một số chuyện cần giải quyết ở Richmond.

- Ông dùng đậu hay bắp cải? - Vẫn là cô phục vụ ấy, vẫn nụ cười ấy.

Khuôn mặt ấy quen thuộc. Abel dám chắc trước đây mình đã gặp cô gái ấy ở đâu đó. Có thể cô ấy đã từng làm việc ở Richmond.

- Cho tôi bắp cải.

Anh nhìn theo cô gái vừa quay đi. Rõ ràng ở cô ấy có nét gì đó rất quen.

- Tại sao anh không làm khách ở lại khách sạn của tôi vài ngày, - Maxton nói - và xem chúng tôi điều hành khách sạn thế nào. Như vậy sẽ giúp anh dễ đưa ra quyết định.

- Cũng không cần thiết đâu, thưa ông Maxton. Chỉ sau một ngày làm khách, tôi đã hiểu khách sạn được điều hành thế nào rồi. Khó khăn của tôi là tôi làm chủ Tập đoàn Richmond.

Gương mặt David Maxton lộ rõ vẻ ngạc nhiên.

- Tôi không biết, - ông nói - tôi cứ ngỡ con gái của Davis Leroy sẽ thừa kế tài sản của cha.

- Đó là một câu chuyện dài, - Abel nói, và anh mất liền hai mươi phút để giải thích cho Maxton về chuyện mình đã thành người sở hữu Tập đoàn như thế nào và vị trí của anh lúc này. - Những điều tôi thực sự muốn làm là tự tay kiếm được hai triệu đô và xây dựng Tập đoàn của tôi thật xứng đáng.

- Tôi hiểu rồi. - Maxton nói khi người bồi bàn dọn cái đĩa hết nhãn của ông.

Một nữ phục vụ đem cà phê đến. Vẫn là cô gái lúc nãy. Vẫn vẻ quen thuộc ấy. Abel bắt đầu để ý đến cô.

- Và anh nói ông Curtis Fenton ở Ngân hàng Tín dụng Continental đang đại diện anh để tìm người mua Tập đoàn?

- Ông ấy đã tiến hành từ gần một tháng nay rồi. - Abel nói - Thực ra, đến cuối giờ chiều hôm nay tôi sẽ biết ông ấy có thành công hay không, nhưng tôi không lạc quan lắm.

- Chà, đó là điều thú vị nhất. Tôi không biết Tập đoàn Richmond đang tìm người mua lại. Anh có thể cho tôi biết chi tiết được không? Ngân hàng cho anh bao lâu để kiếm hai triệu đô?

- Chỉ còn vài ngày nữa thôi, nên tôi sẽ sớm cho ông biết quyết định của tôi.

- Cảm ơn anh! - Maxton nói và đứng dậy - Tôi rất hân hạnh được gặp anh, anh Rosnovski. Chắc chắn tôi sẽ rất vui nếu được làm việc với anh. - Ông nồng hậu bắt tay Abel.

Cô phục vụ lại mỉm cười với Abel khi anh đi ngang qua cô và ra khỏi phòng ăn. Khi đến chỗ trưởng phục vụ, anh dừng lại và hỏi tên cô gái.

- Tôi xin lỗi, thưa ông, chúng tôi không được phép tiết lộ tên của bất cứ nhân viên nào với khách hàng, điều đó hoàn toàn trái với chính sách của khách sạn. Nếu ông có phản ánh gì, xin ông vui lòng nói với tôi.

- Không phản ánh gì đâu, - Abel nói - trái lại, bữa trưa rất tuyệt.

Với lời mời làm việc vừa rồi, Abel cảm thấy tự tin hơn khi đi gặp ông Curtis Fenton. Anh dám chắc ông chủ ngân

hàng sẽ không tìm được người mua Tập đoàn, nhưng dù sao anh vẫn đến Ngân hàng Tín dụng Continental với tâm trạng phấn khởi hơn. Anh thích ý tưởng trở thành quản lý cho khách sạn bậc nhất ở Chicago. Có thể anh sẽ biến nó thành khách sạn bậc nhất nước Mỹ. Ngay khi đến ngân hàng, anh được dẫn vào phòng ông Curtis Fenton. Ông chủ ngân hàng mời Abel ngồi, một nụ cười nồng hậu hiện ra trên khuôn mặt luôn trang nghiêm của ông. Hình như ngày nào ông ta cũng mặc bộ đồ đó, hay là ông ta có ba bộ giống hệt nhau nhỉ?

- Anh Rosnovski, thật mừng vì được gặp lại anh. Nếu anh đến vào sáng nay, tôi vẫn không có tin tức gì cho anh, nhưng chỉ ít phút trước, tôi đã nhận được cuộc gọi từ một bên có quan tâm đến Tập đoàn của anh.

Tim Abel đập gấp trong sự bất ngờ và vui mừng.

- Ông có thể cho tôi biết đó là ai không?

- Tôi e là không. Bên này có chỉ thị cho tôi rất nghiêm ngặt, ông ta sẽ giấu tên, vì giao dịch là một cuộc đầu tư riêng có khả năng xung đột với công việc làm ăn của cá nhân ông ta.

- David Maxton, - Abel lẩm bẩm - cầu Chúa phù hộ cho ông ấy.

- Như tôi đã nói, anh Rosnovski ạ, tôi không có quyền...

- Đúng đúng! - Abel tán đồng - Ông ách chừng xem sau bao lâu thì ông có quyền cho tôi biết về quyết định của quý ông đó?

- Có thể tôi sẽ có thêm thông tin cho anh trước thứ Hai.

- Fenton nói - Nếu anh tiện ghé qua...

- Tiện ghé qua ư? - Abel nói - Ông đang nói chuyện về tương lai của tôi đấy.

- Vậy có thể chúng tôi sẽ chốt lịch hẹn vào lúc 10 giờ sáng thứ Hai.

Abel vừa huyết sáo bài *Stardust* vừa bước xuống Đại lộ Michigan để về khách sạn Stevens. Anh lên thang máy về phòng và gọi cho William Kane để xin gia hạn thêm đến thứ Hai tuần sau, thông báo anh có thể tìm được người mua. Kane đồng ý ngay.

- Dù sao thì mày cũng thắng, đúng không? - Abel nói khi gác điện thoại lên giá.

Abel ngồi trên giường, những ngón tay anh gõ xuống thành giường, và ngẫm nghĩ xem từ giờ đến thứ Hai sẽ thế nào. Anh thơ thẩn đi xuống hành lang khách sạn. Lại vẫn là cô gái ấy, cô gái đã phục vụ anh lúc trưa, giờ đang phục vụ trà ở Vườn Nhiệt Đới. Sự tò mò thôi thúc Abel hơn. Anh đến ngồi ở một góc khá xa trong phòng.

- Chào ông! - Cô gái chào. Vẫn nụ cười quen thuộc ấy. - Ông muốn dùng trà không ạ?

- Chúng ta biết nhau đúng không nhỉ?

- Đúng, chúng ta biết nhau, anh Wladek.

Abel sống người khi nghe cái tên ấy. Mặt hơi đỏ lên, anh nhớ ra mái tóc ngắn vàng hoe này ngày trước đã từng dài và xoăn như thế nào, và đôi môi cũng rất mời gọi.

- Zaphia. Chúng ta đã cùng nhau đến nước Mỹ trên tàu *Mũi Tên Đen*. Đúng rồi, em đi Chicago. Em làm gì ở đây vậy?

- Em làm việc ở đây, như anh đã thấy đấy. Ngài muốn dùng trà chứ, thưa ngài? - Giọng Ba Lan của cô làm anh ảm áp.

- Tối nay em đi ăn với anh nhé.

- Em không thể, Wladek ạ! Chúng em không được phép đi ra ngoài cùng khách hàng. Nếu làm vậy, chúng em sẽ lập tức mất việc.

- Anh không phải khách hàng, - Abel nói - anh là bạn cũ của em.

- Một người bạn cũ đã định đến thăm em ở Chicago ngay khi an cư ở New York, - Zaphia trách - và rồi khi anh đến, anh thậm chí không nhớ em đã đến đây.

- Anh biết! Thứ lỗi cho anh, Zaphia. Tối nay đi ăn với anh nhé. Chỉ lần này thôi.

- Chỉ lần này thôi. - Cô nhắc lại.

- Gặp anh ở nhà hàng Brundage lúc 7 giờ nhé. Giờ đó có tiện cho em không?

Zaphia ngại khi nghe tên đó. Đó là nhà hàng đẳng cấp nhất trong thành phố, trở thành nữ phục vụ ở đó đã là điều quá sức của cô, chưa nói đến việc trở thành khách ở đó.

- Không, đến chỗ nào đỡ xa hoa hơn nhé, anh Wladek.

- Chỗ nào?

- Anh có biết nhà hàng Xúc Xích ở góc Đường 43 không?

- Không, nhưng anh sẽ tìm ra. 7 giờ em nhé.

- 7 giờ, anh Wladek ạ! Nhân tiện, anh có muốn uống trà không?

- Không, có lẽ anh thôi.

Cô mỉm cười và quay đi. Cô xinh hơn nhiều so với trong ký ức của anh. Sau tất cả, có lẽ không quá khó để giết thời gian từ giờ đến thứ Hai.



Nhà hàng Xúc Xích gọi lại mọi ký ức tăm tối nhất của Abel về những ngày đầu tiên đến nước Mỹ. Anh nhăm nháp một cốc bia gừng lạnh trong khi ngồi đợi Zaphia và quan sát tất cả bằng óc phê bình chuyên nghiệp khi những người phục vụ đang làm việc. Anh không thể nhận định thứ gì kém hơn: cách phục vụ hay đồ ăn ở đây.

Abel quay lại và thấy Zaphia đang đứng trước cửa với vẻ hồi hộp và ngượng ngịu. Cô mặc chiếc váy dài màu vàng, trông như thể gần đây đã được nói xuống một chút cho hợp với mốt mới nhất, nhưng nó vẫn tôn lên vóc dáng cân đối của cô. Cô tìm kiếm qua các bàn trong vài giây và má cô ửng hồng khi thấy ánh mắt của rất nhiều khách nam ngắm nhìn cô. Cô vội vã bước lại chỗ Abel.

- Chào anh, Wladek! - Cô nói bằng tiếng Ba Lan trong khi ngồi xuống cạnh anh.

- Anh rất vui vì em đến được. - Abel nói bằng tiếng Anh.

- Em xin lỗi đã đến muộn. - Cô đáp lại bằng tiếng Anh sau một khoảnh khắc do dự.

- Không sao đâu. Em muốn uống gì không, Zaphia?

- Em uống Coca-cola thôi.

Cả hai cùng im lặng một lát, rồi cùng nhìn vào mắt nhau.

- Anh đã quên mất em đẹp thế nào! - Abel nói.

- Sao anh có thể... - Zaphia đáp. Cô cười bên lên. Abel bỗng muốn chạm vào cô. Anh nhớ mình đã có cảm giác tương tự như trong lần đầu gặp cô, đã hơn tám năm rồi.

- Anh George thế nào ạ? - Cô hỏi.

- Anh không gặp cậu ấy mấy năm rồi. - Abel thừa nhận và cảm thấy có lỗi - Anh làm việc ở một khách sạn tại Chicago, và rồi...

- Em biết, - Zaphia nói - có kẻ đã đốt nó.

- Sao em không hề đến và chào anh một câu?

- Em không nghĩ anh còn nhớ, Wladek ạ! Và em đã đúng.

- Sao em lại nhận ra anh? - Abel nói - Anh đã béo lên nhiều.

- Chiếc vòng bạc. - Cô điềm nhiên đáp.

Abel nhìn xuống cổ tay và bật cười.

- Anh phải cảm ơn chiếc vòng rất nhiều, giờ anh có thể nói rằng nó đã giúp ta gặp lại nhau.

Cô tránh ánh mắt của anh.

- Giờ anh làm gì khi không còn được điều hành khách sạn nữa?

- Anh đang tìm việc, - Abel nói, không muốn làm cô e sợ khi có khả năng mình trở thành ông chủ của cô trong vài tuần nữa.

- Sắp có một công việc tạm cử ở khách sạn Stevens đấy. Bạn trai em nói thế.

- Bạn trai em? - Abel nhắc lại cụm từ không mấy dễ chịu ấy.

- Vâng. Khách sạn sẽ sớm tìm một trợ lý điều hành mới. Sao anh không ứng tuyển vị trí đó? Em chắc anh sẽ có cơ hội tốt để nhận vị trí đó, Wladek ạ! Em luôn biết là anh sẽ thành công trên đất Mỹ.

- Có thể anh sẽ thử. - Abel nói - Thật tốt khi em cho anh biết tin này. Bạn trai em có ứng tuyển không?

-Ồ, không, anh ấy còn quá non nớt, anh ấy chỉ là bồi bàn trong phòng ăn thôi.

- Chúng ta ăn tối chứ? - Abel cười và hỏi.

- Em không quen ăn ngoài. - Zaphia thú nhận, nhìn vào tờ thực đơn với vẻ chán nản. Abel thắc mắc có phải cô vẫn không biết đọc tiếng Anh không, và anh gọi món cho cả hai.

Cô ăn tất cả các món bày ra trước mặt mình và liên tục nói cảm ơn, kể cả khi người phục vụ làm rớt nước sốt lên váy cô. Abel nhận ra sự nhiệt tình hồn nhiên của cô là một liều thuốc bổ sau vẻ cầu kì đáng chán của Melanie. Họ kể cho nhau nghe nhiều chuyện, những chuyện đã xảy ra từ khi đặt chân lên đất Mỹ. Zaphia đã làm giúp việc gia đình rồi làm phục vụ cho khách sạn Stevens, và làm việc tại đó suốt sáu năm qua. Abel tiếp tục nói về những trải nghiệm của anh cho đến lúc cô liếc nhìn đồng hồ.

- Xem mấy giờ rồi này, anh Wladek. Đã hơn 11 giờ, và em làm ca bữa sáng đầu tiên lúc 6 giờ sáng mai.

Abel không để ý thời gian trôi nhanh. Anh sẽ còn vui vẻ nói chuyện với Zaphia đến hết đêm, anh thấy êm dịu khi cô thể hiện lòng ngưỡng mộ với anh rất tự nhiên.

- Chúng ta có thể gặp lại nhau không, Zaphia? - Anh hỏi khi họ tay trong tay trở về khách sạn Stevens.

- Nếu anh muốn, Wladek ạ!

Họ dừng chân tại lối vào của người giúp việc ở phía sau khách sạn.

- Đến lúc em phải tạm biệt anh rồi. - Cô nói - Nếu anh trở thành trợ lý điều hành, Wladek, anh sẽ được phép đi vào bằng lối cửa chính.

- Em có thể gọi anh là Abel được không? - Anh hỏi cô.
- Abel? - Cô thử gọi tên ấy như thể thử đeo một chiếc
găng tay mới - Nhưng tên anh là Wladek mà.

- Ngày trước là vậy, nhưng cái tên đó không còn nữa.
Tên anh là Abel Rosnovski.

- Abel, - cô lặp lại có chút ngập ngừng - em không thể
nhớ ra Abel là người đã giết Cain hay Cain là người đã giết
Abel nữa¹.

Abel thì nhớ.

- Cảm ơn anh vì bữa tối. Em rất mừng vì được gặp lại
anh. Chúc anh ngủ ngon... Abel.

- Chúc ngủ ngon, Zaphia. - Anh chào tạm biệt và cô đi mất.

Abel chậm rãi bước vòng qua khu nhà và về khách sạn
bằng lối cửa chính.

Anh dành trọn ngày nghỉ cuối tuần để nghĩ về Zaphia
và những ký ức gắn với cô: mùi hôi thối ở những khoang
hạng chót, đoàn người nhập cư lộn xộn ở đảo Ellis, và hơn
tất cả là giây phút ngắn ngủi mà mê đắm ở khoang chứa
xuồng cứu hộ. Anh chỉ dùng bữa trong phòng ăn của khách
sạn để được gần cô trong khi vẫn để mắt đến bạn trai của
cô, anh nghĩ người này là một gã trai trẻ non nớt mặt đầy
trúng cá. Anh hy vọng mặt anh ta đầy mụn. Đúng, anh ta có

¹ Theo Kinh Thánh, Eva sinh ra hai người con trai. Abel là em, làm nghề chăn
cừu; Cain là anh, làm nông. Chúa yêu thích lễ vật của Abel mà không đoái
hoài tới lễ vật của Cain, Cain giận dữ giết Abel. Chúa phán Cain phải chịu lời
nguyền, phải lưu lạc và bị loài người ruồng bỏ. Cain cho rằng hình phạt này
quá nặng và sợ khi Chúa không thương xót thì mình có thể bị bất cứ ai giết
chết. Chúa phán rằng: "Kẻ giết Cain sẽ bị trừng phạt nặng nề". Rồi Ngài đánh
dấu trên người Cain để mọi người nhận ra anh khi thấy dấu này và không giết
hại Cain.

mụn trứng cá, nhưng Abel phải thừa nhận anh ta đẹp trai nhất trong số đám bồi bàn, dù có hay không có mụn.

Abel mời Zaphia đi ăn vào tối thứ Bảy, nhưng cô lại làm việc ca đêm. Anh thu xếp cùng cô đến nhà thờ vào sáng Chủ nhật, và trong nỗi nhớ quê hòa vào niềm cảm phần, anh lắng nghe vị giáo sĩ Ba Lan ngâm những ngôn từ không thể quên của Thánh Lễ và giảng đạo về lòng trinh bạch. Đó là lần đầu tiên Abel đi nhà thờ từ sau những ngày sống ở lâu đài. Hồi đó, anh đã phải trải qua những cảnh ác nghiệt để đến nỗi bây giờ anh không thể tin vào lòng nhân từ của thánh thần nữa. Phần thưởng cho buổi đi nhà thờ là Zaphia để anh nắm tay cô khi đi bộ quay về khách sạn.

- Anh đã suy nghĩ thêm về vị trí ở khách sạn Stevens chưa? - Cô hỏi.

- Ngày mai anh có một cuộc hẹn để quyết định tất cả.

-Ồ, em rất mừng đấy, Abel. Em chắc anh sẽ trở thành một trợ lý giỏi.

- Cảm ơn em! - Abel nhận thấy họ đang nói về những chuyện khác nhau.

- Anh có muốn đi ăn tối cùng em và mấy người anh em họ của em tối nay không? - Zaphia hỏi - Em luôn dành tối Chủ nhật cho họ.

- Có chứ, anh rất muốn.

Những người anh em họ của Zaphia sống ở trung tâm của cộng đồng người Ba Lan. Họ rất ấn tượng khi cô đến với một người bạn lái chiếc Buick mới. Gia đình, như Zaphia gọi họ, gồm hai chị em gái, Katya và Janina, và chồng Katya là Janek. Abel tặng hai cô gái một bó hồng và trả lời mọi câu

hỏi của họ về những triển vọng trong tương lai của mình bằng tiếng Ba Lan trôi chảy. Zaphia ngại ngùng, nhưng Abel biết bất cứ chàng trai nào đến thăm một gia đình người Mỹ gốc Ba Lan lần đầu tiên đều sẽ bị hỏi những điều tương tự. Nhận ra vẻ đố kỵ trong mắt Janek, anh cố gắng tỏ ra khiêm tốn bằng cách kể chuyện từ những ngày đầu tiên làm ở cửa hàng thịt hộp. Katya nấu một bữa ăn Ba Lan đơn giản có *pierogi* và *bigos*¹, nếu là mười lăm năm trước thì Abel sẽ thích thú và ăn hai món này rất nhiều. Anh tránh Janek, và tập trung vào các chị em. Có thể họ ủng hộ cho anh chàng mặt mụn.

Trên đường trở về khách sạn Stevens, trong một giây nũng nịu mà anh vẫn nhớ, Zaphia hỏi anh có thấy an toàn khi vừa lái xe vừa cầm tay một cô gái không. Abel cười và thu tay về tay lái.

- Ngày mai em có thời gian để gặp anh không? - Anh hỏi.

- Em hy vọng là có, anh Abel. - Cô đáp - Có thể sau đó anh sẽ là quản lý của em.

Anh mỉm cười một mình khi nhìn theo cô đi vào bằng cửa sau, tự hỏi Zaphia sẽ cảm thấy thế nào nếu cô biết kết quả chính xác của buổi gặp ngày mai. Anh cứ đứng yên đó cho đến khi cô biến mất qua lối vào của nhân viên.

- Trọ lý điều hành! - Anh trầm ngâm, rồi cười phá lên trong lúc leo lên giường và ném chiếc gối xuống sàn.



¹ Hai món đặc sản của Ba Lan.

Abel tỉnh giấc lúc gần 5 giờ sáng hôm sau. Lúc anh gọi điện đặt ấn bản đầu tiên của tờ *Tribune*, bên ngoài vẫn còn tối. Anh đọc qua những mục về tài chính trước rồi mới mặc đồ và xuống ăn sáng khi phòng ăn mở cửa lúc 7 giờ. Zaphia không đi làm sáng hôm đó, nhưng anh bạn trai mặt mụn của cô lại có mặt, Abel xem đó là một điềm rủi. Sau bữa sáng, anh trở về phòng và đi lại loanh quanh trong khi chờ đợi thời gian trôi qua. Anh chỉnh lại cà vạt trước gương đến mười hai lần và một lần nữa nhìn đồng hồ. Anh ước lượng nếu đi bộ thật chậm, anh sẽ đến ngân hàng đúng lúc ngân hàng mở cửa. Thực tế, anh đến sớm năm phút, và phải đi bộ một vòng quanh khu nhà, nhìn vu vơ vào cửa sổ của những cửa hiệu bán đồ trang sức đắt tiền, radio và quần áo cắt may, tự hỏi mình đã bao giờ mua được một bộ com lê may tay chưa. Anh trở lại ngân hàng lúc 10 giờ 4 phút.

- Ông Fenton hiện đang có cuộc gọi đường dài, - người thư ký cho anh biết - ông có thể trở lại sau nửa giờ nữa, hoặc xin ông vui lòng đợi?

- Tôi sẽ trở lại. - Abel nói, không muốn xuất hiện với vẻ quá lo lắng. Đó là ba mươi phút lâu nhất anh nhớ từ sau lần lên tàu đi Moscow. Anh ngắm nghía cửa sổ của các cửa hiệu trên phố La Salle, kể cả hiệu đồ nữ, nơi đó chỉ khiến anh nghĩ về Zaphia.

Khi anh trở lại Ngân hàng Tín dụng Continental, người thư ký vội dẫn anh vào phòng ông Fenton. Anh không muốn bắt tay ông Giám đốc vì tay anh đang đổ mồ hôi.

- Chào anh Rosnovski. Mời anh ngồi.

Ông Curtis lấy một tập hồ sơ từ ngăn kéo bàn làm việc. Abel thấy dòng chữ *Tuyệt mật* viết ngoài bìa.

- Bây giờ, - ông Fenton nói, - tôi hy vọng anh sẽ thấy tin tức của tôi rất thú vị. Người quan tâm đã sẵn sàng mua luôn tất cả các khách sạn.

- Không thể tin được. - Abel nói.

- Anh vẫn chưa nghe đến những điều khoản, - Fenton nhìn Abel và cười - nhưng tôi nghĩ anh sẽ thấy những điều khoản này đầy hứa hẹn. Người bỏ tiền sẽ bỏ ra trọn vẹn hai triệu đô cần có để thanh toán hết món nợ của ông Leroy, và cùng lúc đó ông ta sẽ thành lập một công ty mới, trong đó các cổ phần sẽ được chia cho ông ta là 60%, và 40% cho anh. Do vậy 40% của anh sẽ được định giá 800 nghìn đô, số tiền này được xem như một khoản mà công ty mới cho vay với thời hạn không kéo dài quá mười năm, lãi suất 4% và có thể trả bằng lợi nhuận của công ty. Có thể nói, nếu công ty có lợi nhuận 100 nghìn đô mỗi năm, 40 nghìn đô của lợi nhuận sẽ được áp vào số nợ 800 nghìn đô của anh, cộng với 4% lãi suất. Nếu anh trả hết nợ trong mười năm, anh sẽ có quyền mua 60% còn lại của công ty với giá 3 triệu đô. Như vậy sẽ giúp ông khách của tôi quay vòng vốn vụ đầu tư của ông ta, và anh có cơ hội sở hữu toàn bộ Tập đoàn Richmond.

Abel muốn nhảy ra khỏi ghế, nhưng cố ngồi vững để ông Fenton nói tiếp.

- Thêm vào đó, anh sẽ nhận mức lương 5 nghìn đô mỗi năm, và vị trí Chủ tịch Tập đoàn của anh sẽ cho anh khả năng

kiểm soát trọn vẹn công ty. Anh sẽ chỉ phải hỏi ý kiến tôi về các vấn đề liên quan đến tài chính. Tôi đã được giao phó nhiệm vụ báo cáo trực tiếp với người bỏ tiền, và ông ta cũng yêu cầu tôi đại diện cho quyền lợi của ông ta trong Ban giám đốc của Tập đoàn Richmond mới. Tôi sẽ rất vui vẻ tuân theo đề nghị đó nếu anh cũng thấy thỏa đáng. Khách hàng này của tôi muốn nhấn mạnh rằng: Ông ta không muốn trực tiếp liên quan. Như tôi đã đề cập trước đó, rất có thể sẽ có xung đột trong lợi ích đối với ông ta nếu các đồng sự của ông ta biết những việc ông ta làm, tôi chắc anh sẽ hiểu. Ông ta cũng kiên quyết muốn anh đừng mất thời gian tìm hiểu danh tính của mình. Ông ta sẽ cho anh mười bốn ngày để xem xét các điều khoản, sẽ không có đàm phán thêm về các điều khoản này đâu, vì ông ta cho rằng các điều khoản này đều công bằng, và tôi phải nói rằng mình cũng tán thành.

Abel không nói được lời nào.

- Nói gì đi chứ, anh Rosnovski?

- Tôi không cần đến mười bốn ngày để ra quyết định. -

Cuối cùng Abel cất lời - Tôi chấp nhận các điều khoản của ông ấy mà không cần bàn bạc thêm. Xin cảm tạ ông ấy, và xin thưa với ông, đương nhiên tôi sẽ trân trọng quyết định muốn ẩn danh của ông ấy và tôi rất hân hạnh khi ông sẽ đại diện cho ân nhân của tôi trong Ban giám đốc.

- Thật tuyệt vời! - Fenton cho phép mình nở một nụ cười hiếm hoi - Bây giờ, còn vài điểm thứ yếu nữa. Các tài khoản ngân hàng của mọi khách sạn trong Tập đoàn sẽ nằm tại các chi nhánh của Ngân hàng Tín dụng Continental và tài

khoản chính sẽ đặt tại văn phòng này dưới quyền kiểm soát trực tiếp của tôi. Tôi sẽ nhận một nghìn đô một năm với tư cách một giám đốc của công ty mới.

- Rất vinh hạnh được làm việc cùng ông, ông Fenton.

- Người giúp anh cũng đã đặt 250 nghìn đô tiền gửi trong ngân hàng này, để dùng cho các chi phí hàng ngày của khách sạn trong nhiều tháng tới. Khoản này cũng sẽ được coi là một khoản cho vay với lãi suất 4%. Anh hãy báo cho tôi nếu tổng số tiền này bị thiếu. Tuy nhiên, tôi tin rằng số tiền sẽ nâng vị thế của anh lên ngang hàng ông ta nếu anh thấy 250 nghìn đô là đủ.

- Hơn cả những gì tôi mong đợi. - Abel nói.

- Rất tốt! - Ông Fenton vừa nói vừa mở ngăn kéo bàn và đưa ra một chiếc xì gà Cu Ba lớn.

- Anh hút thuốc nhé?

- Vâng. - Abel chưa bao giờ hút thuốc trong đời.

Abel ho suốt dọc đường qua phố La Salle trở về khách sạn Stevens. David Maxton đang đứng trong phòng giải lao khi anh về đến nơi. Cảm thấy nhẹ lòng hơn, Abel dập nửa chiếc thuốc và bước đến chỗ ông.

- Anh Rosnovski, sáng nay trông anh rất hạnh phúc.

- Tôi rất hạnh phúc, thưa ông, tôi chỉ lấy làm tiếc khi phải nói rằng tôi sẽ không làm việc cho ông ở vị trí quản lý khách sạn được.

- Tôi rất tiếc khi phải nghe điều đó, anh Rosnovski, nhưng rõ ràng thông tin này không làm tôi bất ngờ.

- Cảm ơn ông vì tất cả! - Abel dồn thật nhiều tình cảm vào câu nói và cái bắt tay kèm theo.

Anh vào phòng ăn và tìm Zaphia nhưng cô không đi làm. Anh lên thang máy về phòng, châm lại điều thuốc, từ tốn phả từng hơi khói thuốc và ngồi đợi một lát trước khi gọi cho Ngân hàng Kane và Cabot. Một thư ký nổi máy cho anh gặp William Kane.

- Anh Kane, tôi thấy có khả năng đạt được số tiền yêu cầu để tiếp quản Tập đoàn Richmond. Một ông tên là Curtis Fenton ở Ngân hàng Tín dụng Continental sẽ liên hệ với ông trong hôm nay để cung cấp cho ông thông tin chi tiết. Bởi vậy, không cần phải rao bán các khách sạn trên thị trường công khai nữa.

Bên kia yên lặng một lát, trong lúc đó, với vẻ miễn cưỡng, Abel nghĩ William Kane sẽ tức tối thế nào khi biết tin này.

- Cảm ơn đã báo cho tôi, anh Rosnovski. Phải nói tôi rất vui vì anh đã tìm được người hỗ trợ. Tôi mong anh đạt được mọi thành công trong tương lai.

- Tôi còn mong anh được hơn thế, anh Kane.

Abel đặt máy xuống, nằm nhoài ra giường và nghĩ về tương lai ấy.

- Một ngày nào đó, - anh nhìn lên trần nhà và tự hứa - tao sẽ bắt mày phải nhảy ra khỏi phòng ngủ khách sạn ở tầng 17.

Anh lại cầm máy lên và nhờ cô gái ở tổng đài cho anh gặp ông Henry Osborne ở Công ty Bảo hiểm Great Western.

William thấy buồn cười hơn là tức giận trước thái độ hung hăng của Rosnovski. Anh thấy tiếc khi mình đã không thể thuyết phục ngân hàng hỗ trợ cho gã Ba Lan kiêu ngạo, kẻ mãnh liệt tin rằng mình có thể xoay chuyển Tập đoàn Richmond. Anh đành hoàn thành nốt phần trách nhiệm còn lại bằng cách báo tin cho Ủy ban Tài chính về việc Abel Rosnovski đã tìm được người trợ giúp và chuẩn bị các hồ sơ pháp lý cho người tiếp quản khách sạn trước khi đóng các hồ sơ của ngân hàng về Tập đoàn Richmond.

Vài ngày sau, Matthew Lester đến Boston để đảm nhận vị trí Giám đốc Đầu tư của ngân hàng. Cha anh không giấu giếm sự thật rằng ông thấy bất cứ trải nghiệm nào có được từ phe đối thủ cũng đều giá trị trong công cuộc chuẩn bị lâu dài của Matthew cho vị trí Chủ tịch của Ngân hàng Lester. Khối lượng công việc đồ sộ của William lập tức giảm đi một nửa khi có Matthew cùng góp sức, nhưng về thời gian thì anh còn

bận kín lịch hơn trước. Dù làm ra vẻ phản đối, William thấy mình bị lôi kéo vào các trận tennis và đi hồ bơi bất cứ lúc nào rảnh rỗi, chỉ có lời đề nghị đi trượt tuyết ở Vermont của Matthew là anh kiên quyết nói “Không”. Nhưng ít nhất thì cường độ hoạt động tăng lên cũng giúp anh quên đi nỗi nôn nóng mong được gặp lại Kate. Rõ ràng Matthew đã nghi ngờ.

- Mình phải gặp được cô gái đã khiến William Kane mơ màng ngay trong cuộc họp mà Ban giám đốc đang bàn xem ngân hàng có nên mua thêm vàng không.

- Hãy đợi đến khi cậu gặp cô ấy nhé, Matthew.�ớ nghĩ cậu cũng sẽ đồng ý rằng cô ấy là vàng nguyên chất.

-�ớ tin cậu.�ớ chỉ không muốn mình là người phải nói chuyện với em gái tẻ. Nó vẫn nghĩ cậu đang đợi nó.

William cười ầm lên. Anh gần như đã quên hẳn Susan Lester.

Tập thư của Kate cứ mỗi tuần lại dày lên, tất cả nằm trong ngăn kéo bàn làm việc khóa kín của William ở Dinh Thự Đỏ. Anh đọc đi đọc lại những lá thư ấy cho đến khi anh gần như thuộc lòng. Cuối cùng, lá thư anh mong đợi bấy lâu đã đến, được đề ngày tháng rõ ràng.

Buckhurst Park

Ngày 14 tháng Hai năm 1930

William yêu quý!

Cuối cùng em đã gói ghém đồ đạc, bán hết, cho hết hoặc nếu không thì bỏ đi hết những gì còn lại ở đây, và em sẽ đến Boston vào ngày 19. Lòng dạ cứ bồn chồn khi em nghĩ sắp được gặp lại anh. Nếu lỡ tất cả niềm say mê kỳ

điều này vỡ tan như bong bóng trong mùa đông giá lạnh của Bờ Biển Đông thì sao? Lay Chúa, em hy vọng sẽ không như vậy. Em không chắc mình sẽ phải vượt qua những tháng ngày đơn độc này như thế nào nếu thiếu anh.

Em mong được gặp anh!

Yêu anh!

Kate

Đêm trước ngày cô đến, William tự hứa rằng sẽ không vội vã bất cứ điều gì khiến cả hai sau này phải hối hận. Như anh đã nói với Matthew, không thể xác định được tình cảm cô dành cho anh có thể ở mức độ nào do cô dễ tổn thương tình cảm sau sự ra đi của người chồng.

- Tớ chưa bao giờ nghe về những chuyện nhảm nhí như vậy. - Matthew nói - Cậu đang yêu, và đó là kết quả của tình yêu.



Khoảnh khắc William nhận ra Kate bước xuống con tàu từ Miami đến và trông thấy nụ cười tỏa nắng đang thấp sáng khuôn mặt cô, anh quên hết những ý định cẩn trọng. Anh chen vào đám đông hành khách và ôm chặt lấy cô.

- Mừng em về nhà, Kate.

Anh định hôn cô thì cô bỗng lùi lại khiến anh ngạc nhiên.

- William, em nghĩ anh vẫn chưa gặp cha mẹ em.

Tối hôm đó, William dùng bữa cùng gia đình Higginson. Khi gặp cha mẹ Kate, anh hình dung ra rằng sau này khi Kate nhiều tuổi thì cô vẫn rất đẹp. Họ tranh thủ mọi khoảnh khắc để ở bên nhau, bất cứ khi nào William trốn được công

việc ở ngân hàng và những trận tennis của Matthew. Khi Matthew gặp cô lần đầu, anh đề nghị cho William tất cả số vàng của mình để đổi lấy một mình Kate.

- Tớ không bao giờ bán rẻ thứ gì, - William đáp - và không giống cậu, Matthew ạ, tớ chưa bao giờ quan tâm tới số lượng, chỉ có chất lượng thôi.

- Vậy hãy nói cho tớ biết, - Matthew hỏi - tớ sẽ tìm ở đâu được mặt hàng hiếm có như vậy?

- Trong ban Thanh toán nợ của ngân hàng. - William đáp.

- Hãy biến cô ấy thành tài sản riêng đi, William, nhanh lên, nếu không cậu hãy cẩn thận, sẽ có người làm việc ấy thay cậu.



Lần thứ hai Abel đập điều Corona, anh thề sẽ không đốt thêm điều xì gà nào nữa cho đến khi thanh toán xong hai triệu đô anh cần để có được toàn quyền điều hành Tập đoàn Richmond. Giờ không phải lúc hút xì gà Cu Ba, khi chỉ số Dow Jones đang ở điểm thấp nhất trong lịch sử và mọi thành phố trên nước Mỹ đều có những đoàn người thất nghiệp dài dằng dặc chờ được phát đồ ăn miễn phí. Anh đắm đắm nhìn lên trần nhà và xem mình cần ưu tiên làm gì trước. Trước hết, anh cần giữ được những nhân viên tốt nhất ở khách sạn Richmond Chicago.

Anh xuống khỏi giường, mặc áo khoác và đi ra khu nhà phụ của khách sạn Richmond, phần đông những người chưa tìm được việc làm từ sau vụ hỏa hoạn vẫn sống tại đó. Abel giao việc ở mười khách sạn còn lại cho tất cả những người

anh tin tưởng và sẵn lòng rời khỏi Chicago. Anh nói rõ trong thời kì khó khăn này, công việc của họ chỉ được đảm bảo nếu Tập đoàn bắt đầu có lợi nhuận. Anh biết các khách sạn khác đang được quản lý bằng những phương pháp bất lương không khác gì khách sạn Richmond Chicago trước kia. Anh quả quyết với họ tất cả sẽ thay đổi, thay đổi nhanh chóng. Anh cắt đặt ba trợ lý điều hành cũ gánh vác trách nhiệm ở Richmond Dallas, Richmond Miami và Richmond St. Louis và chỉ định các trợ lý điều hành mới cho bảy khách sạn còn lại - ở Houston, Mobile, Charleston, Atlanta, Memphis, New Orleans và Louisville.

Abel thiết lập trụ sở của anh ở gian nhà phụ của Richmond Chicago và quyết định mở một nhà hàng nhỏ ở tầng trệt. Đặt cơ sở ở gần người giúp đỡ anh và vị Giám đốc ngân hàng sẽ hợp lý hơn việc ở cố định tại một trong số các khách sạn miền Nam. Và quan trọng là Zaphia cũng ở Chicago, Abel bắt đầu thấy tin tưởng rằng trong thời gian tới, anh có thể thay thế được anh chàng mặt mụn kia.

Đến lúc anh sẵn sàng đi New York tuyển thêm nhân viên, Zaphia khẳng định với anh cô không còn chút hứng thú nào với anh bạn mặt mụn nữa. Đêm trước khi anh đi xa, họ yêu nhau lần thứ hai. Sau trải nghiệm đầu tiên trong khoang chứa xuống cứu hộ, kĩ năng âu yếm và sự thuần thục của anh làm cô bất ngờ.

- Sau khi rời khỏi tàu *Mũi Tên Đen*, anh đã có thêm bao nhiêu cô gái? - Cô trêu anh.

- Không có cô gái nào khiến anh thực sự quan tâm. - Anh đáp.

- Đủ để anh quên em.

- Anh không bao giờ quên em. - Anh nói dối và cúi xuống hôn cô vì anh không muốn tiếp tục nói về chuyện đó.



Thất thoát thực tế của Ngân hàng Kane và Cabot năm 1929 lên đến hơn 7 triệu đô, tương đương với tổn thất của các ngân hàng cùng quy mô khác. Nhiều cơ sở nhỏ hơn đã lụn bại và William thấy anh luôn phải chịu áp lực khi phải quản lý quá trình vận hành duy trì hoạt động.

Khi Franklin D. Roosevelt đắc cử Tổng thống Mỹ bằng tấm vé cứu trợ, hồi phục và cải cách, William sợ Chính sách mới sẽ không đem lại nhiều cơ hội cho Kane và Cabot. Công việc tiến triển chậm chạp và anh thấy cần bắt tay vào lập kế hoạch mở rộng ngân hàng. Trong khi đó, Tony Simmons đã hoàn thành xuất sắc nhiều vụ mua bán ở London và vượt quá cả mức lợi nhuận dự kiến cho Kane và Cabot trong hai năm đầu tiên. Những thành quả của ông càng có vẻ ấn tượng hơn khi so với những thành quả của William, người đã đưa ngân hàng vượt qua thời kì suy thoái.

Mùa thu, Alan Lloyd gọi Simmons về Boston để báo cáo chi tiết với Ban giám đốc về các hoạt động của ngân hàng ở London. Trong cuộc họp, Simmons thông báo rằng các số liệu trong năm của văn phòng London sẽ lần đầu tiên thể hiện mức lợi nhuận hơn một triệu đô. Ông cũng tỏ ý muốn ứng cử vị trí Chủ tịch khi Alan nghỉ hưu. William thật sự bất ngờ vì anh tưởng đã loại bỏ được cơ hội của Simmons lúc ông ta bị điều sang bên kia bờ Đại Tây Dương. Có vẻ như

không thể giải thích rằng bất ổn được giải quyết không phải do sự sắc bén của Simmons, mà đơn giản là do nền kinh tế nước Anh ít bị tê liệt hơn nước Mỹ. Tony Simmons đột ngột có lại lợi thế khiến William không còn nhiều thời gian để thuyết phục Ban giám đốc ủng hộ mình trước khi đối thủ của anh có đà phóng vọt tới vị trí Chủ tịch.

Kate lắng nghe vấn đề của William với vẻ đồng cảm, cô thường đưa ra những nhận xét sắc sảo và chỉ thỉnh thoảng trách anh quá bi quan. Matthew, giữ vai trò tai mắt của William, cho biết Ban giám đốc đã chia làm hai phe, một phe cho rằng William quá trẻ để giữ một vị trí trách nhiệm cao như vậy, và một phe quy lỗi cho Simmons về mức độ thiệt hại của ngân hàng năm 1929. Dường như phần lớn các thành viên không điều hành của Hội đồng quản trị, những người không trực tiếp làm việc với William, đều bị ám ảnh bởi khoảng cách tuổi tác giữa hai đối thủ hơn là các yếu tố khác. Hết lần này đến lần khác, Matthew nghe được câu: “Sẽ đến thời của William”. Một lần, anh phán như thánh sống:

- Với tất cả cổ phần của cậu ở ngân hàng, William ạ, cậu có thể chỉ định thêm ba thành viên mới cho Ban giám đốc và bảo họ bầu cậu là xong.

William bác bỏ ý kiến đó vì nó không đáng xét đến. Anh muốn trở thành Chủ tịch dựa trên thực lực của chính mình. Tóm lại, đó chính là cách cha anh đã có được vị trí của ông, và anh biết Kate cũng mong mỗi điều đó ở anh.

Tháng Một năm 1932, Alan Lloyd gửi thông báo cho mọi thành viên trong Ban giám đốc về cuộc họp được tổ

chức đúng ngày sinh nhật lần thứ 65 của ông. Ông thông báo cho họ, mục đích duy nhất chính là bầu ra người kế nhiệm. Càng gần ngày diễn ra cuộc họp quyết định, Matthew gần như phải một mình gánh vác bộ phận đầu tư, trong khi William lao mình vào chiến dịch giành cương vị Chủ tịch.



Khi Abel đến New York, ngay lập tức anh đi tìm George Novak. Anh không thấy lạ khi biết bạn mình đã thất nghiệp và sống trong một gác xép ở Đường số 3 phía đông thành phố. Abel đã quên mất những ngôi nhà trong vùng này trông thế nào, một vài nhà có đến hai mươi gia đình cùng ở. Mùi thực phẩm ôi thiu lan ra mọi phòng, nhà vệ sinh không có nước giội và giường thì có ít nhất ba người thay nhau ngủ. Hiệu bánh mì đã bị đóng cửa, bác của George giờ làm trong một nhà máy xay lớn ở ngoại ô New York. Nhà máy không đủ khả năng nhận thêm George. Khi Abel rủ bạn về làm, George nhanh nhẩu nhận luôn để được cùng làm với bạn cũ ở Tập đoàn Richmond - dù ở bất cứ vị trí nào.

Abel tuyển thêm được nhiều người Ba Lan khác, George đảm bảo họ sẽ làm việc vào bất cứ giờ nào, dù có những khó khăn riêng nhưng họ cực kì trung thực, anh chọn được một đầu bếp bánh ngọt, một nhân viên trực bàn giấy và một trưởng phục vụ. Phần lớn các khách sạn ở Bờ Đông đã cắt giảm nhân viên xuống mức tối thiểu nên anh dễ dàng lựa chọn được những người có kinh

nghiệm, ba người trong số đó từng làm việc với anh ở khách sạn Plaza.

Tuần sau đó, Abel và George lên đường đến thăm tất cả các khách sạn của Tập đoàn. Abel mời Zaphia cùng về làm, thậm chí còn cho cô được chọn làm ở bất cứ khách sạn nào, nhưng cô không đồng ý rời xa Chicago, nơi duy nhất ở nước Mỹ cô thấy như nhà mình. Cô thỏa thuận rằng sẽ đến phòng của Abel ở dãy nhà phụ của khách sạn Richmond bất cứ khi nào anh ở Chicago. George đã thẩm nhuần tư tưởng của tầng lớp trung lưu khi nhập quốc tịch Mỹ nên anh khuyên Abel về những lợi ích của đời sống vợ chồng, dù dường như chính anh cũng không để tâm đến lời khuyên ấy.

Abel không thấy lạ khi những khách sạn còn lại trong Tập đoàn vẫn đang được quản lý rất kém và hầu hết là bất lương, nhưng phần lớn nhân viên vì lo sợ cho công việc của mình trong thời kì thất nghiệp tràn lan nên họ đã chào đón anh như một đấng cứu tinh đầy quyền năng đối với vận mệnh của Tập đoàn. Anh thấy không cần thiết phải sa thải nhân viên theo cái cách ghê gớm anh đã thực thi khi mới đến Chicago. Trong một số trường hợp, Abel thấy chỉ cần chuyển toàn bộ nhân sự từ một khách sạn này sang một khách sạn khác là đã ngăn chặn sự thối nát. Phần lớn những người biết rõ danh tiếng của anh và sợ bị xử lý đều đã bỏ đi. Nhưng một số đáng loại bỏ vẫn phải giữ lại vì họ gắn bó với Tập đoàn trong nhiều năm và họ không thể, hoặc sẽ không thay đổi cách làm việc chỉ vì Davis Leroy không còn điều hành nữa.



Tất cả mười bảy thành viên trong Ban giám đốc đều có mặt để dự sinh nhật lần thứ 65 của Alan. Ông Chủ tịch khai mạc buổi họp và có bài diễn văn chia tay kéo dài chỉ mười bốn phút nhưng William tưởng như nó dài vô tận. Tony Simmons thì sốt ruột gõ cây bút lên tập giấy vàng, thỉnh thoảng lại liếc sang William. Hai người không ai lắng nghe những lời của Alan. Kết thúc, Alan ngồi xuống, mọi người vỗ tay rất lớn, hoặc cũng đủ lớn với mười sáu ông chủ ngân hàng ở Boston. Khi những tiếng vỗ tay ngưng hết, Alan tuyên bố lần cuối dưới cương vị Chủ tịch của Kane và Cabot:

- Và bây giờ, thưa các ngài, chúng ta phải bầu ra người tiếp nhận cương vị của tôi. Ban giám đốc đã được giới thiệu hai ứng viên sáng giá, ông Tony Simmons - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng hải ngoại, và ông William Kane, Giám đốc Ngân hàng đầu tư trong nước. Thưa các ngài, các ngài đều đã biết rõ cả hai, tôi sẽ không nói nhiều về thành quả của từng người. Thay vào đó, tôi sẽ mời từng ứng viên trình bày trước Ban giám đốc về các kế hoạch cho tương lai của Ngân hàng Kane và Cabot khi họ được bầu vào chức vụ Chủ tịch ngân hàng.

William đứng dậy trình bày trước, theo thứ tự bắt thăm bằng cách tung đồng xu từ hôm trước. Anh nói trong vòng hai mươi phút, giải thích từng chi tiết trong kế hoạch mở rộng nền tảng ngân hàng bằng cách tập trung sang các lĩnh vực mà Kane và Cabot trước đó chưa dám mạo hiểm. Anh cũng muốn phát triển mạnh hơn mối liên kết với New York

và đề cập đến khả năng mở một công ty cổ phần chuyên về hoạt động thương mại của ngân hàng. Một số thành viên lớn tuổi trong Ban giám đốc đã lắc đầu, không giấu nổi vẻ bất đồng. Anh chốt lại bằng ý muốn ngân hàng được phát triển, thách thức thể hệ các nhà tư bản mới đang dẫn đầu nước Mỹ. Anh hy vọng Ngân hàng Kane và Cabot sẽ bước vào nửa sau của thế kỷ 20 như một trong số những thể chế tài chính lớn nhất cả nước. Khi ngồi xuống, anh thấy phấn chấn hơn nhờ những tiếng xì xào tán đồng, anh tựa vào ghế và lắng nghe bài phát biểu của đối thủ.

Khi Tony Simmons đứng lên, ông đưa ra phương pháp bảo thủ hơn nhiều, tập trung vào tuổi nghề cũng như kinh nghiệm của mình, William công nhận đó là chiêu bài giá trị của ông ta. Ngân hàng nên củng cố vị trí cho những năm tiếp theo, ông nói, bằng cách thận trọng đi vào những mảng đầu tư có chọn lọc và gắn bó với các phương thức truyền thống của ngành ngân hàng đã đem lại danh tiếng như ngày nay. Ông đã có được bài học trong suốt thời kì suy thoái năm 1929 và mối lo chính của ông, ông nói thêm - với những người đang cười ông - là chắc chắn Kane và Cabot sẽ vững chắc bước vào nửa sau của thế kỷ 20. Khi Simmons kết thúc, William không sao biết Ban giám đốc sẽ ủng hộ cho bên nào, dù anh tin phần đông sẽ nghiêng về lựa chọn phát triển hơn là giữ vững.

Alan Lloyd cho các giám đốc biết ông và hai ứng viên sẽ không tham gia bầu chọn. Mười bốn thành viên còn lại được phát các lá phiếu, họ chỉ việc điền vào và nộp

lại cho Alan. Ông bắt đầu chậm rãi đếm. William thấy mình không dám ngẩng lên khỏi tập giấy đã kín những nét nguệch ngoạc, trên đó cũng in đầy vết mồ hôi tay của anh. Khi Alan đã tính xong, cả phòng họp nín lặng. Ông công bố có sáu người bầu cho Kane và sáu người bầu cho Simmons, có hai người bỏ phiếu trắng. Mọi người bàn tán rì rầm, Alan phải yêu cầu trật tự. William hít một hơi thật sâu trong không gian yên tĩnh sau đó, không biết ông Chủ tịch sẽ làm gì tiếp theo.

Alan Lloyd tiếp tục nói:

- Tôi thấy trong hoàn cảnh này, tốt nhất là bầu lại lần hai. Nếu ai trong số hai người bỏ phiếu trắng lần đầu giờ thấy mình có thể bầu cho một ứng viên thì như vậy một trong hai ứng viên mới có đa số phiếu được.

Những mảnh giấy nhỏ lại được chuyển đi. Lần này, William thậm chí không dám nhìn dù anh vẫn phải nghe tiếng ngòi bút gạch trên những mảnh giấy. Một lần nữa, những lá phiếu lại được chuyển về cho Alan Lloyd. Ông lại từ tốn mở từng lá phiếu, nhưng lần này ông đọc to kết quả. Bảy người bầu William, sáu người đã bầu cho Simmons. Đối với William, dường như Alan mất cả cuộc đời để mở lá phiếu cuối cùng.

- Tony Simmons. Số người bầu cho hai ứng viên là ngang nhau, thừa các vị.

Dù Alan chưa bao giờ nói với bất cứ ai về người ông lựa chọn cho chiếc ghế Chủ tịch, nhưng mọi người trong phòng đều biết giờ ông sẽ phải đưa ra lá phiếu quyết định.

- Khi hai lần bầu chọn đều có kết quả ngang nhau và tôi cho rằng không có thành viên nào trong Ban giám đốc có ý muốn thay đổi lựa chọn, tôi đành phải đưa ra lá phiếu của mình về ứng viên tôi thấy đủ tiêu chuẩn nhất để kế thừa vị trí Chủ tịch Ngân hàng Kane và Cabot. Đó là ông Tony Simmons.

William không tin vào tai mình nữa, còn Simmons cũng gần như bị sốc. Ông ta đứng dậy trong tiếng vỗ tay rào rào, đi lên vị trí của Alan Lloyd ở đầu bàn, lần đầu tiên được phát biểu trước Ban giám đốc với tư cách Chủ tịch ngân hàng. Ông cảm ơn sự ủng hộ của Ban giám đốc và khen ngợi William đã không tận dụng lợi thế của anh về số cổ phần lớn mạnh và lịch sử gia đình ở ngân hàng để gây ảnh hưởng đến cuộc bầu chọn. Ông mời William làm Phó Chủ tịch và đề nghị Matthew Lester giữ vị trí của Alan Lloyd làm một giám đốc, cả hai đề xuất đều nhận được sự tán đồng. William chỉ nghĩ nếu lúc trước đồng ý để Matthew được chỉ định vào Ban giám đốc ngay khi bạn anh mới về ngân hàng thì giờ chắc anh đã là Chủ tịch.



Cho đến cuối năm đầu tiên Abel giữ cương vị Chủ tịch, Tập đoàn Richmond vận hành chỉ với một nửa số nhân viên đã thuê năm 1929, và số tiền thâm hụt trên toàn hệ thống chỉ còn hơn 100 nghìn đô. Không có nhiều nhân viên tự ý bỏ việc, không phải chỉ vì họ sợ không tìm được việc khác mà vì giờ họ tin vào tương lai của Tập đoàn. Abel đặt mục tiêu phải bứt phá vào năm 1932. Anh thấy cách duy nhất có

thể đạt được mục tiêu này là phải để mọi quản lý trong Tập đoàn chịu trách nhiệm với khách sạn của mình, cho họ cổ phần trong lợi nhuận nhiều ngang với con số Davis Leroy đã đưa ra khi Abel mới về Richmond Chicago.

Trong nhiều tháng, anh dành thời gian ngược xuôi giữa các khách sạn, không bao giờ ở lại khách sạn nào quá vài ngày. Anh không cho phép bất cứ ai được biết anh sẽ đến khách sạn nào tiếp theo, ngoại trừ anh bạn George đáng tin cậy, tai mắt đại diện của anh ở Chicago. Anh chỉ phá bỏ nguyên tắc khắc nghiệt ấy khi thỉnh thoảng dành một đêm với Zaphia, hoặc đến thăm ông Curtis Fenton ở ngân hàng.

Sau khi đánh giá toàn bộ tình hình tài chính của Tập đoàn, Abel phải đưa ra một số quyết định không mấy dễ dàng. Quyết định cứng rắn nhất là đóng cửa hai khách sạn ở Mobile và Charleston, đang làm thất thoát nhiều tiền đến nỗi anh sợ hai nơi đó sẽ là cửa cống thất thoát dòng tiền của cả Tập đoàn mà không sao ngăn được. Nhân viên ở các khách sạn khác được chứng kiến công cuộc chặt hạ cây mục ấy và đã làm việc tích cực hơn. Mỗi khi anh trở lại văn phòng nhỏ của mình ở Chicago đều có một tập thư báo yêu cầu lưu ý ngay: đường ống rò rỉ trong phòng tắm, gián trong phòng ngủ, cái lộn trong bếp, và chắc chắn có khách hàng không hài lòng đe dọa sẽ kiện.



Henry Osborne lại bước vào cuộc đời Abel với tấm chi phiếu chào mừng trị giá 750 nghìn đô từ công ty Bảo hiểm

Great Western, ngay khi họ xác định hoàn toàn không có bằng chứng nào cho thấy anh liên quan đến vụ hỏa hoạn ở khách sạn Richmond tại Chicago. Các bằng chứng của Trung úy O'Malley đã thể hiện được tính thuyết phục, nhất là khi ông còn nói mình sẵn lòng trình bày lại những điều tra của mình trước tòa. Abel nhận ra mình đã nợ vị thám tử không chỉ một cốc sữa trứng, và vui vẻ khi giải quyết với Great Western mức bồi thường mà anh coi là mức giá hợp lý. Tuy vậy, Henry Osborne đề nghị anh đưa ra yêu cầu khoản bồi thường lớn hơn và chia sẻ phần trăm chênh lệch với ông ta. Abel từ chối và không còn tôn trọng Osborne nữa. Nếu ông ta sẵn lòng phản lại công ty của mình thì chắc chắn ông ta cũng không ngại ngần mà đâm sau lưng Abel khi có cơ hội.



Mùa xuân năm 1932, Abel bất ngờ khi nhận được thư của Melanie Leroy, lời lẽ chân tình hơn khi gặp trực tiếp. Anh thấy thích thú, thậm chí phấn khích và gọi cho cô để hẹn ăn tối tại khách sạn Stevens, một lựa chọn khiến anh phải hối hận ngay khi hai người vừa bước vào phòng ăn và thấy Zaphia đang làm việc, trông cô có phần mệt mỏi khi sắp kết thúc ca làm. Trái lại, Melanie làm say lòng người khác với chiếc váy màu cam làm lộ từng đường nét cơ thể. Đúng ra anh nên đưa cô đến nhà hàng khác. Điều gì đã khiến anh chọn nhà hàng Stevens? Sao anh khéo léo trong công việc bao nhiêu thì lại vụng về trong đời tư bấy nhiêu?

- Thật tuyệt khi thấy anh vẫn rất ổn, Abel ạ! - Melanie nhận xét khi ngồi xuống ghế - Đương nhiên tất cả mọi người đều biết anh đang xoay chuyển Tập đoàn Richmond giỏi như thế nào.

- Tập đoàn Nam Tước. - Abel nói.

- Em không biết anh đã đổi tên cho Tập đoàn. - Melanie ngỡ ngàng.

- Đúng thế, anh mới đổi gần đây thôi. - Abel nói dối. Thực ra ngay chính khoảnh khắc ấy anh mới quyết định mọi khách sạn trong Tập đoàn sẽ mang tên khách sạn Nam Tước trong tương lai. Anh tự hỏi tại sao trước đó mình chưa bao giờ nghĩ đến việc đổi tên.

- Một danh xưng xứng đáng. - Melanie cười.

Abel biết Zaphia đang nhìn hai người chằm chằm từ phía bên kia căn phòng, nhưng đã quá muộn để thay đổi mọi chuyện.

- Em không đi làm à? - Anh hỏi dò khi viết nguệch ngoạc mấy chữ *Tập đoàn Nam Tước* lên phía sau tờ thực đơn.

- Không, hiện giờ thì không. Một cô gái có bằng Nghệ thuật tự do trong thành phố này phải ngồi chờ đến khi tất cả đàn ông có việc làm trước khi mình có hy vọng tìm được việc.

- Nếu em muốn làm việc cho Tập đoàn Nam Tước, - Abel nói, hơi nhấn mạnh vào danh xưng Tập đoàn - em chỉ cần cho anh biết.

- Không, không, - Melanie nói - em ổn mà.

Cô vội vã đổi chủ đề sang âm nhạc và kịch. Nói chuyện với cô là một thách thức mới lạ và thú vị đối với Abel, cô vẫn hay trêu đùa anh, nhưng bằng những cách thông minh, khiến anh tự tin hơn ngày trước khi đi cùng cô. Mãi đến sau 11 giờ họ mới uống cà phê, lúc đó Zaphia đã tan làm. Anh đưa Melanie về căn hộ của cô và bất ngờ khi được cô mời vào nhà uống rượu. Anh ngồi trên sofa trong khi cô rót cho anh một ly whiskey thuộc hàng bị cấm và cho đĩa hát vào máy.

- Anh không ở lại lâu được đâu, - anh nói - ngày mai anh bận lắm.

- Em cũng định nói vậy. - Melanie nói - Làm ơn đừng vội về. Tối nay thật vui, giống hết buổi tối lần trước.

Cô ngồi xuống cạnh anh, váy cô đã kéo lên quá đầu gối. Không giống lần trước chút nào, Abel nghĩ. Anh không tìm cách cưỡng lại khi cô ngồi sát vào người anh. Trong vài giây anh đã hôn cô, hay cô đang hôn anh nhỉ? Tay anh chu du trên đôi chân cô và rồi trên ngực cô, lần này dường như cô sẵn lòng đáp lại. Cuối cùng, chính cô là người cầm tay anh dẫn vào phòng ngủ của mình, gấp khăn trải giường lại, xoay lưng và nhờ anh kéo khóa chiếc váy cho cô. Abel làm theo lời cô mà vẫn bồn chồn không tin nổi, anh tắt điện. Melanie chắc chắn không thiếu kinh nghiệm, và anh tin cô đã rất sung sướng. Sau khi ân ái, Abel vẫn thao thức trong khi Melanie ngủ quên trong tay anh.

Sáng hôm sau, họ ân ái thêm lần nữa.

- Em sẽ lại có hứng thú khi dõi theo Tập đoàn Nam Tước, - cô nói khi anh bắt đầu mặc đồ - có ai nghi ngờ Tập đoàn này sẽ không thành công lẫy lừng đâu cơ chứ.

- Cảm ơn em! - Abel nói.

- Có thể chúng mình sẽ gặp lại nhau đấy.

- Tại sao lại không nhỉ? - Abel nói.

Cô hôn lên má anh như một người vợ hôn lúc chồng sắp đi làm.

- Em muốn biết rồi anh sẽ cưới người phụ nữ như thế nào. - Cô nói với vẻ ngây thơ khi giúp anh mặc áo choàng.

Anh nhìn cô và mỉm cười ngọt ngào.

- Khi anh có quyết định cưới vợ, Melanie ạ, em có thể yên tâm là anh sẽ không quên lời khuyên giá trị của em.

- Ý anh là sao? - Melanie rụt rè.

- Chắc chắn anh sẽ tìm cho mình một cô gái Ba Lan xinh đẹp.



Một tháng sau đó, Abel và Zaphia làm đám cưới ở trụ sở Hội Truyền giáo Ba Lan. Anh rể Janek của Zaphia đưa dâu và George là phù rể. Tiệc cưới được tổ chức ở khách sạn Stevens, tiệc rượu và khiêu vũ linh đình đến tận đêm. George không ngừng chạy tới chạy lui quanh phòng để chụp ảnh các vị khách ở mọi tư thế và mọi góc. Theo truyền thống, mỗi vị khách nam sẽ phải trả một khoản tiền để khiêu vũ cùng Zaphia và mãi đến lúc nửa đêm, khi kết thúc bữa tiệc, các món *barszcz*, *pierogi* và *bigos* được bày ra cùng rượu vang, rượu mạnh và vodka Danzig đã hết, Abel và Zaphia mới được về phòng tân hôn nghỉ ngơi.

Abel thấy lạ lùng đầy thú vị khi sáng hôm sau ông Curtis Fenton cho anh biết bữa tiệc ở khách sạn Stevens đã được ông Maxton thanh toán và xem đó như món quà cưới. Abel dùng số tiền anh định dùng để thanh toán bữa tiệc làm tiền đặt cọc cho ngôi nhà nhỏ ở phố Rigg. Lần đầu tiên trong đời, Abel có tổ ấm của riêng mình.

PHẦN BỐN

1932-1941



William quyết định đi Anh nghỉ một tháng trước khi đưa ra bất cứ quyết định chắc chắn nào cho tương lai của mình. Anh thoáng nghĩ đến ý định thôi việc ở Ngân hàng Kane và Cabot nhưng Matthew thuyết phục bạn rằng làm vậy không có ích lợi gì, dù sao cha anh nếu còn sống cũng sẽ không đồng ý.

Matthew dường như còn buồn chán cho thất bại của bạn hơn chính William. Trong tuần sau đó, hai lần anh đến ngân hàng khi còn chệnh choáng hơi men và ra về sớm trong khi các công việc quan trọng còn bỏ dở. William lơ mơi chuyện đi mà không bình luận một lời nào, và vào ngày thứ Sáu, anh mời Matthew đến ăn tối cùng mình và Kate. Matthew từ chối, nói rằng anh có cả núi công việc dồn lại cần giải quyết. William sẽ không có ý nghĩ khác nếu tối hôm đó anh không bắt gặp Matthew đang ăn tối ở nhà hàng Ritz-Carlton cùng một cô gái xinh xắn, William biết chắc người này là vợ của một trong số các quản lý bộ phận của

Ngân hàng Kane và Cabot. Kate không bình phẩm gì, chỉ nói trông Matthew không được khỏe.

William chỉ hy vọng Matthew có đủ khả năng để xử lý hết công việc của cả hai người trong khi anh đi vắng. Đó là khoảnh khắc anh tin mình không thể ở suốt một tháng tại nước Anh mà không có Kate, anh muốn cô đi cùng.

- Đi nước ngoài một tháng với người ngoài, - cô bên lên đặt tay lên môi - nếu còn sống, hai bà của anh sẽ nói sao nhỉ?

- Nói em không khác gì một ả phóng đảng.



William và Kate đi trên tàu *Mauretania*, ngủ trong hai phòng riêng. Ngay khi đến khách sạn Savoy, ở phòng riêng, chính xác hơn là ở hai tầng riêng biệt, William báo cho chi nhánh London của Kane và Cabot trên phố Lombard, và anh xem lại kế hoạch các hoạt động ở châu Âu của ngân hàng, làm như đó là mục đích của chuyến đi này. Anh thấy ở đây tinh thần làm việc rất cao, Tony Simmons được các nhân viên ở London yêu thích và ngưỡng mộ, nên anh chỉ còn biết lặng lẽ công nhận ông ta.

William và Kate dành một tháng tuyệt diệu ấy ở London, đi nghe nhạc kịch, đến sân khấu Old Vic và phòng hòa nhạc Albert vào buổi tối, còn ban ngày anh đưa cô đến Tháp London, khu Fortnum và Hộc viện Hoàng gia, ở đó anh mua một bức tranh của William Sickert. Kate chụp ảnh cạnh một lính gác ngoài Cung điện Buckingham. Lần này William không cố làm phiền họ, họ vẫn không chớp mắt. Tất cả gọi lại những ký ức về mẹ anh. William và Kate tay

trong tay bước đi trên đường Whitehall và chụp ảnh đứng bên ngoài Nhà số 10 phố Downing¹.

- Giờ chúng mình đã thực hiện được mọi điều mà một người Mỹ đầy tự tôn mong muốn.

- Trừ việc đến thăm Oxford. - Kate nói - Cha em là một học giả Rhodes² và em rất muốn đến thăm trường cũ của ông.

Sáng hôm sau, William thuê một chiếc Bullnose Morris và băng qua những con đường uốn lượn cùng những làn đường vùng quê dẫn đến Oxford. William dừng xe bên ngoài tòa nhà Radcliffe, họ dành thời gian còn lại của buổi sáng đi dạo quanh các trường: trường Magdalen đồ sộ bên dòng sông, trường Giáo hội Christ kì vĩ nhưng không có tu viện, trường Balliol là nơi cha Kate đã dành hai năm học nhàn rồi, và trường Merton là nơi họ ngồi mơ mộng trên thảm cỏ.

- Không được ngồi lên cỏ, thưa ông. - Một nhân viên của trường nói.

Cả hai cùng cười vang, đứng dậy và lại tay trong tay như một cặp sinh viên đi bên nhau đến chỗ trường Isis, tại đó, họ đứng xem tám “anh chàng Matthew” đang cố hết sức chèo thuyền.

Sau bữa trưa muộn, họ lên đường về London, dừng lại ở thị trấn Henley-on-Thames uống trà và ngắm sông ở khách sạn Quả Chuông. Sau khi dùng bánh nướng và một bình trà đặc kiểu Anh, Kate gợi ý nên lên đường sớm nếu vẫn muốn

¹ Nơi ở của các vị Thủ tướng kể từ khi Arthur Balfour nhậm chức Thủ tướng Anh vào năm 1902.

² Học giả Rhodes là những người đạt học bổng Rhodes - giải thưởng sau đại học hỗ trợ đặc biệt sinh viên toàn diện tại Đại học Oxford. Đây có lẽ là chương trình học bổng quốc tế lâu đời và có uy tín nhất trên thế giới.

trở lại khách sạn Savoy trước chiều tối. Nhưng khi William cố nổ máy chiếc Bullnose Morris, anh không tài nào khởi động được. Cuối cùng anh đành bỏ cuộc. Trời đang tối dần, anh quyết định ở lại Henley đêm nay. Anh trở lại quầy tiếp tân trong khách sạn Quả Chuông và đặt hai phòng.

- Xin lỗi ông, chúng tôi hiện chỉ còn một phòng đôi thôi ạ! - Nhân viên lễ tân nói.

- Chúng tôi sẽ đặt phòng đó. - William nói sau một lát do dự.

Kate cố gắng giấu vẻ ngạc nhiên, nhưng không nói lời nào. Nhân viên lễ tân nhìn cả hai với vẻ nghi ngờ.

- Ông và bà...?

- Ông bà William Kane. - William quả quyết - Chúng tôi sẽ trở lại sau.

- Tôi đem hành lý của ông bà lên phòng nhé? - Người phục vụ nói.

- Chúng tôi không có hành lý. - William mỉm cười đáp.

- Tôi hiểu, thưa ông! - Chân mày anh ta nhướn lên.

William dẫn Kate còn đang bối rối lên Đại lộ Henley rồi rẽ xuống con đường dẫn đến nhà thờ của giáo khu.

- Em có thể được biết mình đang làm gì không, William?

- Làm những việc phải làm từ lâu rồi, em yêu.

Trong phòng họp của nhà thờ xứ Norman, William thấy người trông coi nhà thờ đang sắp xếp một ít sách thánh ca.

- Tôi có thể gặp cha xứ ở đâu ạ? - William hỏi.

- Chắc chắn là ở trong nhà nguyện rồi.

- Nhà nguyện ở đâu ạ? - William lại hỏi.

- Anh là quý tộc người Mỹ, đúng không?

- Vâng. - William đáp, cố không tỏ ra sốt ruột.

- Nhà nguyện thì phải ở ngay bên cạnh nhà thờ, đúng không?

- Tôi mong là thế. - William đáp - Bác có thể ở lại đây trong mười phút nữa được không ạ?

- Sao tôi lại phải ở lại?

William rút ra một đồng 5 bảng lớn màu trắng từ túi áo trong và đưa cho ông ta.

- Cứ coi như mười lăm phút cho chắc ăn, bác ạ!

Người trông nhà thờ ngắm kĩ tờ bạc trước khi cất đi. - Những người Mỹ! - Ông thì thầm.

William vội vã dẫn Kate ra khỏi nhà thờ. Khi đi ngang qua bảng thông báo trước cổng, anh đọc: *Đức cha Simon Tukesbury, MA (Đại học Cambridge), cha xứ của Giáo khu, và bên cạnh đó, treo trên cây đinh là lời kêu gọi quyên góp làm mái nhà thờ mới: Mỗi đồng lẻ sẽ giúp tạo nên số tiền 500 bảng cần có* - một lời kêu gọi không quá thô thiển. William vội vã sang chỗ ở của cha xứ, Kate theo sát phía sau anh. Một người đàn bà mập mạp, hai má ửng hồng tươi cười ra mở cửa sau những tiếng gõ cửa dữ dội của anh.

- Bà Tukesbury phải không ạ? Tôi có thể nói chuyện với chồng bà được không?

- Ông ấy đang uống trà. Anh có thể quay lại sau ít phút được không?

- Tôi e việc này rất cấp bách. - William tha thiết.

Kate vẫn không nói gì.

- Chà, nếu vậy thì tôi nghĩ là anh nên vào nhà.

Nhà của cha xứ mang phong cách thế kỷ 16, căn phòng nhỏ rạng rỡ phía trước ấm áp nhờ có lò sưởi. Cha xứ, dáng người cao ráo và thanh mảnh, đang ăn bánh sandwich kẹp những lát dưa chuột muối. Ông đứng dậy chào hai người.

- Xin chào, anh...

- Kane, thưa cha, William Kane ạ!

- Tôi có thể giúp gì được anh, anh Kane?

- Kate và con, - William nói - muốn cưới nhau.

Kate tròn mắt nhưng không nói nên lời.

- Ôi, thật tuyệt! - Bà Tukesbury nói.

- Vâng, quả là vậy. - Cha xứ nói - Anh là người trong giáo khu này ư? Tôi không nhớ ra...

- Không, thưa cha, con là người Mỹ. Con đi lễ ở nhà thờ St. Paul tại Boston.

- Tôi mạo muội đoán là ở bang Massachusetts, không phải ở Lincolnshire. - Đức cha Tukesbury nói.

- Đúng rồi ạ! - William nói, lần đầu tiên anh nhớ ra ở nước Anh cũng có một Boston.

- Thật quá tốt! - Cha nói, hai tay ông đưa lên cao như thể ông sắp ban phước lành - Và khi nào hai người định kết hôn?

- Hôm nay, thưa cha!

- Hôm nay sao? - Cha hỏi.

- Hôm nay sao? - Kate lặp lại.

- Tôi không rõ truyền thống của nước Mỹ về việc tổ chức một lễ cưới trang trọng, thiêng liêng và gắn kết như thế nào, anh Kane ạ, - cha xứ sững sốt nói - dù đã đọc về một số chuyện rất kì lạ liên quan đến những người dân ở bang Nevada. Tuy nhiên, tôi có thể cho anh biết, những tập

tục ấy không có ở thị trấn Henley-on-Thames đâu. Ở Anh, anh phải sống trọn vẹn một tháng trong giáo khu trước khi anh có thể làm đám cưới trong nhà thờ giáo khu, và những thủ tục công bố hôn nhân ở nhà thờ phải được thông báo ba lần, trừ khi có những trường hợp vô cùng đặc biệt và cần giảm bớt thủ tục. Kể cả với những trường hợp như vậy, tôi vẫn phải xin quyết định miễn trừ từ Giám mục, và tôi cần ít nhất ba ngày để hoàn tất.

Lúc này Kate mới nói:

- Giáo khu cần bao nhiêu tiền để nâng cấp mái nhà thờ ạ?

- À, chuyện mái nhà. Giờ đang có một câu chuyện buồn, nhưng lúc này tôi sẽ không lật lại đâu. Từ đầu thế kỷ mười một, anh chị biết đấy...

- Giáo khu cần bao nhiêu ạ? - William hỏi, nắm chặt lấy tay Kate.

- Chúng tôi hy vọng thu được 500 bảng. Bấy lâu nay chúng tôi đã hoạt động rất hiệu quả, chúng tôi vừa đạt đến con số 27 bảng 4 shilling và 4 pence chỉ trong bảy tuần.

- Không, ông ơi, - bà Tukesbury nói - ông đã quên 1 bảng 11 shilling và 2 pence tôi có được từ hoạt động bán đồ từ thiện tuần trước.

- Đúng là tôi quên. Tôi lại khinh suất đến mức quên mất đóng góp riêng của bà. Như vậy, tất cả là... - Đức cha Tukesbury bắt đầu cộng nhẩm các con số, ông ngược mắt nhìn lên trời như để tìm nguồn động lực.

William rút ví ra từ túi áo trong ra và viết một tấm chi phiếu 500 bảng và trao cho Đức cha Tukesbury mà không nói một lời nào.

- Tôi... à... tôi thấy có những trường hợp đặc biệt, anh Kane ạ! - Cha nói, giọng ông đã thay đổi - Hai người đã làm đám cưới bao giờ chưa?

- Rồi ạ! - Kate nói - Chồng con đã qua đời trong một tai nạn máy bay bốn năm trước.

-Ồ, thật khổ cho cô, - bà Tukesbury nói - tôi xin chia buồn, tôi không...

- Yên nào, bà ơi! - Cha xứ nói, lúc này ông chú ý đến mái của nhà thờ hơn là cảm xúc của vợ - Còn anh thì sao?

- Con chưa bao giờ làm đám cưới. - William nói.

- Tôi sẽ phải gọi điện cho Giám mục. - Cầm chắc tờ chi phiếu của William, Đức cha Tukesbury quay vào phòng làm việc của mình.

Bà Tukesbury mời Kate và William ngồi, rồi mời họ vài miếng sandwich kẹp dưa chuột muối và một cốc trà. Bà nói chuyện nhưng William và Kate không nghe thấy lời bà nói vì họ còn mãi nhìn nhau. Lát sau, cha xứ trở lại với ba chiếc sandwich kẹp dưa chuột muối.

- Thật không đúng nguyên tắc, không đúng chút nào, nhưng Giám mục đã đồng ý, anh Kane ạ! Có điều anh phải xác nhận tình trạng hôn nhân với Đại sứ quán Mỹ vào sáng ngày mai, và sau đó Giám mục của anh ở nhà thờ Thánh Paul tại Boston, bang Massachusetts, sẽ phải làm lễ cầu ban phước khi anh trở về.

- Lúc này chúng ta cần hai người làm chứng. - Cha xứ vẫn cầm chắc tờ chi phiếu 500 bảng và nói tiếp - Vợ tôi là một và chúng ta hy vọng người gác nhà thờ vẫn đang làm việc, ông ấy có thể là người làm chứng thứ hai.

- Ông ấy vẫn còn làm việc. - William nói.

- Sao anh dám chắc vậy, anh Kane?

- Con đã mất cho ông ấy 1%.

- 1% ư? - Đức cha Tukesbury bối rối.

- Cửa cái mái nhà thờ. - Kate giải thích.

Cha xứ dẫn William, Kate và vợ ông ra khỏi nhà, xuống con đường nhỏ dẫn đến nhà thờ, ở đó người gác nhà thờ vẫn đang đợi.

- Quả thật, ông Sprogget vẫn còn đang làm việc... Ông ấy chưa từng như vậy với tôi, rõ ràng anh có cách riêng để làm việc với ông ta, anh Kane ạ!

Simon Tukesbury mặc lễ phục và áo choàng vào trong khi ông gác nhà thờ đứng nhìn với vẻ hoài nghi. William quay sang Kate và hôn cô nhẹ nhàng.

- Anh biết giờ đây là một câu hỏi thừa thãi, em yêu, nhưng em sẽ lấy anh chứ?

- Lạy Chúa nhân từ! - Đức cha Tukesbury thốt lên, ông chưa bao giờ nói năng báng bổ suốt năm mươi bảy năm cuộc đời - Ý anh là thậm chí anh chưa hề cầu hôn sao?



Hai mươi phút sau, ông bà William Kane rời khỏi nhà thờ giáo khu ở Henley-on-Thames, Oxfordshire. Phút cuối, khi bà Tukesbury phải trao nhẫn, bà gỡ lấy chiếc vòng từ thanh sắt treo rèm cửa nhà thờ. Chiếc vòng rất vừa tay. Đức cha Tukesbury đã có được mái nhà thờ mới, ông Sprogget đã có một câu chuyện để kể ở quán Người Xanh, trong khi đó, sau khi đã hỏi ý kiến chồng, bà Tukesbury quyết định sẽ không

báo cho tổ chức về quá trình gây dựng số tiền làm mái mới cho nhà thờ. Ra đến cửa, cha xứ đưa cho William một tờ giấy.

- Xin ông 2 shilling và 6 pence.

- Tiền gì thừa cha? - William hỏi.

- Giấy đăng ký kết hôn, anh Kane ạ!

- Cha nên mở ngân hàng nhé! - William nói và đưa cho cha Tukesbury một nửa đồng curon¹.

William và cô dâu mới hạnh phúc cùng lặng lẽ quay về khách sạn Quả Chuông. Họ có một bữa tối nhẹ nhàng trong căn phòng lát gỗ sồi của thế kỷ 15, và vài phút sau, khi chiếc đồng hồ cổ to lớn trong phòng điểm chín tiếng, họ về phòng nghỉ. Khi họ đi khuất trên chiếc cầu thang gỗ cọt kẹt để về phòng, người lễ tân quay sang người phục vụ và nháy mắt:

- Nếu hai người đã kết hôn, tôi sẽ là vua nước Anh.

William bắt đầu ngân nga bài *Chúa Trời phù hộ Nhà vua*².



Sáng hôm sau, vợ chồng Kane ung dung ăn bữa sáng trong khi chiếc xe được đem sửa ở một ga ra trong vùng. Người phục vụ trẻ rót cà phê cho họ.

- Em muốn cà phê đen không, hay anh sẽ thêm chút sữa nhé? - William vô tư hỏi.

Một cặp vợ chồng già ở bàn bên cạnh mỉm cười hiền hậu với họ.

- Cho em thêm sữa. - Kate nói và dịu hiền đặt tay lên tay William. Anh mỉm cười, anh biết cả phòng đang nhìn hai vợ chồng anh.

¹ Tương đương 2 shilling và 5 pence.

² Bài hát *God Save the King* - Quốc ca của nước Anh.

Họ trở lại London trên chiếc xe mui trần và thoải mái tận hưởng bầu không khí mùa xuân mát lành khi lái qua Henley, qua sông Thames, đô thị Beaconsfield và vào London.

- Em có để ý thấy ánh mắt người giúp việc nhìn em sáng nay không, em yêu? - William nói.

- Có. Có lẽ chúng ta nên cho anh ấy thấy giấy đăng ký kết hôn.

- Không, không, như vậy thì em sẽ làm hỏng mất hình ảnh tự do của đàn bà Mỹ mất. Tối nay khi về nhà, anh ta sẽ không muốn nói với vợ mình là hai chúng ta thực sự đã cưới nhau đâu.

Họ về đến khách sạn Savoy đúng giờ ăn trưa, quản lý quầy ngạc nhiên khi được yêu cầu hủy phòng của Kate. Sau đó, mọi người nghe thấy ông ta bình luận thế này: “Anh Kane trẻ tuổi đó cư xử như một quý ông thực thụ. Người cha lỗi lạc đã mất của anh ấy cũng không bằng”.

William và Kate lên tàu *Aquitania* trở lại New York, nhưng trước đó họ đã trình diện Đại sứ quán Mỹ ở Công viên Grosvenor Gardens để thông báo với Đại sứ về tình trạng hôn nhân của họ. Lãnh sự cấp cao cho một tờ khai rất dài để điền, thu của họ 1 bảng và để họ chờ đợi hơn 1 tiếng đồng hồ. Có vẻ như Đại sứ quán không cần một mái nhà mới. William muốn đến tham quan cửa hàng quà tặng Cartier ở phố Bond và mua cho Kate một chiếc nhẫn cưới bằng vàng, nhưng cô không hề để tâm đến chiếc nhẫn đó, không chiếc nhẫn nào khiến cô từ bỏ chiếc vòng treo rèm bằng đồng thau.

Khi nước Mỹ vẫn nằm trong gọng kìm của Đại Khủng hoảng, Abel ý thức hơn về tương lai của Tập đoàn Nam Tước. Hai nghìn ngân hàng đã ngừng hoạt động trong suốt hai năm qua, và mỗi tuần lại có thêm nhiều ngân hàng đóng cửa. Chín triệu người đã thất nghiệp, như vậy cũng đồng nghĩa với việc Abel không gặp khó khăn khi tìm kiếm nhân sự có kinh nghiệm cho tất cả các khách sạn. Dù vậy, Tập đoàn Nam Tước đã mất 72 nghìn đô trong năm 1932, năm mà Abel dự đoán sẽ là năm bứt phá. Anh bắt đầu băn khoăn không rõ số tiền vốn và lòng nhẫn nại của người giúp anh có còn đủ bền bỉ để cho anh cơ hội xoay chuyển tất cả hay không.

Gần đây, Abel tích cực quan tâm đến chính trị, bắt đầu từ chiến dịch thành công của Anton Cermak để trở thành Thị trưởng Chicago. Cermak đã thôi thúc Abel tham gia đảng Dân chủ, đảng này đã tiến hành một chiến dịch ác liệt chống lại Lệnh Cấm Rượu. Abel ủng hộ triệt để phía sau

ứng viên này vì Lệnh Cấm Rượu đã gây thiệt hại cho kinh doanh khách sạn. Cemark là người nhập cư từ Tiệp Khắc và chuyện đó lập tức tạo ra sợi dây kết nối giữa hai người đàn ông. Abel rất mừng khi anh được chọn làm đại biểu đi dự Hội nghị Toàn quốc đảng Dân chủ tổ chức ở Chicago năm 1932, tại đó Cemark đã khiến những người dự chen chúc nhau đứng dậy tung hô anh nồng nhiệt sau lời phát biểu: *Đúng là tôi không đến đây trên tàu Hoa Tháng Năm, nhưng tôi đã đến đây ngay khi có thể.*

Trong hội nghị, Cemark giới thiệu Abel với Franklin D. Roosevelt, ông vốn đã có ấn tượng với anh từ lâu. Cuối năm đó, Franklin D. Roosevelt dễ dàng đắc cử trong cuộc bầu cử Tổng thống, đưa ứng viên đảng Dân chủ vào các văn phòng trên khắp cả nước. Một trong số những Ủy viên Hội đồng thành phố mới được bầu ở Tòa Thị chính Chicago là Henry Osborne.



Năm 1933, tổng thiệt hại của Tập đoàn Nam Tước chỉ còn 23 nghìn đô và một trong số các khách sạn là Nam tước St. Louis đã có lợi nhuận. Ngày 12 tháng Ba, khi bài nói chuyện với nhân dân đầu tiên của Tổng thống Roosevelt được phát trên khắp các sóng, Abel dâng trào niềm tin, anh quyết định tái hoạt động hai khách sạn anh đã đóng cửa năm 1929.

Zaphia bắt đầu phàn nàn khi anh đi vắng lâu ngày, anh chỉ ở Charleston và Mobile trong thời gian thiết lập lại công việc ở cả hai khách sạn. Cô không bao giờ muốn anh giữ

trọng trách nào khác ngoài một phó quản lý của khách sạn Stevens. Nhiều tháng trôi qua, cô dần hiểu ra mình đang không theo kịp những tham vọng của chồng, thậm chí cô sợ anh đang dần mất hứng thú với cô. Cô cũng khắc khoải lo âu khi mình không cho Abel được một đứa con dù bác sĩ khẳng định không có yếu tố nào cản trở cô mang thai. Ông gợi ý có thể chồng cô cần đi khám, nhưng Zaphia không nói với Abel, cô biết anh sẽ xem điều đó như một vết nhơ trong phẩm giá của anh. Cuối cùng, khi cô gần như từ bỏ mọi hy vọng và khi câu chuyện mang thai trở nên nặng nề đến nỗi họ luôn gặp khó khăn mỗi khi đề cập đến thì Zaphia tắt kinh. Lòng đầy hy vọng, cô đợi thêm một tháng nữa trước khi báo cho Abel và đi khám. Một tháng sau, bác sĩ xác nhận cô đã mang thai.

Zaphia sinh con gái vào ngày đầu năm mới 1934. Hai người đặt tên cho con là Florentyna để tưởng nhớ chị gái của Abel. Abel mê đắm cô bé ngay từ lúc anh trông thấy con, Zaphia biết ngay rằng mình không còn là tình yêu duy nhất của đời anh nữa. George và một người chị họ của Zaphia trở thành cha mẹ đỡ đầu cho cô bé. Abel tổ chức một bữa tiệc gồm mười món ăn truyền thống của Ba Lan trong buổi tối hôm làm lễ rửa tội. Mọi người tặng cô bé rất nhiều quà, có cả một chiếc nhẫn cổ rất đẹp từ người vô danh đã giúp đỡ Abel. Anh cũng có một chiếc nhẫn tặng lại người đó khi Tập đoàn Nam Tước được lãi 63 nghìn đô vào cuối năm đó. Chỉ duy khách sạn Nam Tước Mobile là vẫn còn thua lỗ.

Sau khi Florentyna ra đời, Abel ngày càng dành nhiều thời gian ở nhà hơn, anh biết đã đến lúc xây dựng một khách sạn Nam Tước mới ở thành phố Gió - Chicago. Anh dự tính biến khách sạn mới này thành đầu tàu cho cả Tập đoàn để tưởng nhớ Davis Leroy. Công ty vẫn sở hữu mảnh đất trên Đại lộ Michigan, dù rất nhiều người hỏi mua khu đất đó nhưng Abel vẫn kiên quyết giữ lại, anh hy vọng một ngày nào đó mình sẽ có tiềm lực tài chính đủ mạnh để xây dựng lại Tập đoàn Richmond ngày xưa. Dự định này đòi hỏi phải có vốn, Abel rất mừng khi anh chưa động đến số tiền bảo hiểm 750 nghìn đô từ công ty Great Western. Abel nói với ông Curtis Fenton ý định của mình trong cuộc họp của Ban giám đốc hàng tháng, anh còn đưa ra thêm điều kiện duy nhất: Anh sẽ từ bỏ toàn bộ dự án nếu ông David Maxton không muốn có một đối thủ cạnh tranh với khách sạn Stevens. Ít ngày sau, ông Curtis Fenton quả quyết với Abel rằng người giúp đỡ anh không hề phản đối ý tưởng có một khách sạn Nam Tước ở Chicago.

Abel mất mười lăm tháng để kiến thiết khách sạn mới với sự giúp đỡ của Henry Osborne, Ủy viên Hội đồng thành phố, ông này nhanh chóng có được mọi giấy phép mà Tòa Thị chính yêu cầu trong thời gian ngắn nhất có thể. Tháng Năm năm 1936, Thị trưởng Edward J. Kelly khai trương khách sạn Nam Tước Chicago, ông là người đứng đầu đảng Dân chủ ở Illinois sau khi Anton Cermak bị ám sát. Để tưởng nhớ Davis Leroy, khách sạn này không có tầng 17, truyền thống này được Abel áp dụng cho mọi khách sạn anh xây dựng thêm trong Tập đoàn Nam Tước.

Khách sạn Nam Tước Chicago được ca ngợi bởi ấn tượng về kiến trúc cũng như tốc độ xây dựng. Abel phải chi mất hơn một triệu đô cho khách sạn mới này và dường như từng xu đều được sử dụng hiệu quả. Các phòng chung đều rộng và khang trang, trần nhà cao trát bằng vữa stucco và trang trí những bức tranh phấn màu xanh lá cây êm đềm và dịu nhẹ, những tấm thảm dày và sang trọng. Khắp nơi trên tường đều chạm nổi một chữ “B”¹ màu xanh thẫm kín đáo, tô điểm cho tất cả từ lá cờ pháp phôi trên lối vào của tòa nhà 42 tầng cho đến từng ve áo tinh xảo của người nhân viên khuôn vác trẻ tuổi nhất. Cả hai Thượng nghị sĩ của Illinois đều có mặt để phát biểu trước hai nghìn khách tề tựu trong buổi khai trương chính thức. Ông Maxton ngồi giữa những vị khách với vẻ bối rối không hiểu sao mình lại được mời ngồi hàng đầu.

- Thừa các bạn của tôi, khách sạn này có đầy tiềm năng thành công, - J. Hamilton Lewis, Thượng nghị sĩ cấp cao phát biểu - không phải vì tòa nhà này, mà chính là vì một người đàn ông sẽ luôn được biết đến với danh xưng “Nam tước Chicago”.

Abel rạng rỡ hân hoan khi hai nghìn người tán thưởng vang dội. Khi đứng lên đáp lễ, trước tiên anh nói lời cảm ơn ông Thị trưởng, các Thượng nghị sĩ và hơn mười nghị sĩ khác đã đến dự lễ khai trương. Anh kết thúc phần phát biểu của mình bằng câu khẩu hiệu nổi tiếng: *Quý vị vẫn chưa thấy hết điều tuyệt vời nhất đâu.*

¹ Viết tắt của từ *Baron* (Nam tước).

George đã được chỉ đạo hướng dẫn mọi người vỗ tay hoan nghênh. Anh không cần phải dẫn dắt vì tất cả đều đứng dậy khi Abel kết thúc. Anh mỉm cười. Anh bắt đầu cảm thấy thoải mái khi ở giữa những doanh nhân lớn và những chính trị gia cấp cao vì họ cư xử với anh như với một người ngang tầm. Zaphia cứ băn khoăn đi lại ở hậu trường trong suốt lễ khai trương xa hoa: Sự kiện này hơi quá trang trọng đối với cô và cô thấy không thoải mái với một số người bạn mới của Abel. Cô không hiểu và không quan tâm đến những nấc thang thành công của chồng, và dù lúc này cô có thể mua được một tủ những quần áo đắt tiền nhất, cô vẫn thấy mình cổ lỗ và lạc lõng, cô biết rõ việc này sẽ làm Abel khó chịu. Cô đứng một bên trong khi anh nói chuyện với Ủy viên Hội đồng thành phố - ông Henry Osborne.

- Đây chắc chắn là đỉnh cao trong cuộc đời anh. - Osborne vừa nói vừa vỗ vào lưng Abel.

- Đỉnh cao ư? Tôi chỉ mới ba mươi tuổi. - Abel đáp.

Một máy quay lướt qua trong khi anh khoác vai Henry. Abel rạng rỡ, lần đầu tiên anh biết thế nào là niềm hứng khởi khi được đối đãi như một nhân vật của công chúng. - Tôi sẽ xây dựng hệ thống khách sạn Nam Tước trên Boston Globe. - Giọng anh đủ lớn để các phóng viên nghe lén có thể nghe rõ - Mục đích của tôi ở nước Mỹ cũng giống như mục đích của Cesar Ritz ở châu Âu. Bất cứ khi nào một người Mỹ đi du lịch, anh ta chắc chắn phải xem khách sạn Nam Tước như ngôi nhà thứ hai của mình.

William thấy khó có thể ngồi yên ở Ngân hàng Kane và Cabot dưới quyền vị Chủ tịch mới. Những hứa hẹn về Chính sách mới của Franklin D. Roosevelt đã nhanh chóng đi vào luật với tốc độ không ngờ, và William cũng như Tony Simmons không thể thống nhất được việc đầu tư là tốt hay không. Nhưng ý định mở rộng - ít nhất trên một lĩnh vực - không thể không thực hiện khi Kate thông báo cô đã có bầu ngay sau khi họ trở về từ nước Anh, tin vui khiến cha mẹ và chồng cô vô cùng vui mừng. William cố gắng giảm bớt giờ làm việc để làm tròn vai trò mới là một người đàn ông đã có gia đình. Thông thường, anh làm việc suốt những đêm hè nóng bức. Kate, bình thản và hạnh phúc trong chiếc áo thêu hoa của bà bầu, giám sát việc trang hoàng nhà trẻ ở Dinh thự Đỏ. Trong khi đó, lần đầu tiên trong cuộc sống hối hả công việc của mình, William thấy mình không còn muốn là người cuối cùng rời khỏi văn phòng vào buổi tối nữa.

Đứa bé sẽ ra đời vào Giáng sinh. Trong lúc Kate và con đem đến cho William hạnh phúc tốt cùng khi ở nhà thì Matthew lại làm anh càng thêm bất an trong công việc. Matthew đi uống rượu với những người bạn mà William không biết và đi làm muộn không có lý do. Nhiều tháng trôi qua, William thấy anh không thể tin vào óc phán đoán của bạn nữa. Ban đầu anh không nói, hy vọng đó chỉ là một phản ứng khi Lệnh Cấm Rượu bị bãi bỏ. Nhưng rồi sự thật không phải vậy, tình trạng này ngày càng tồi tệ hơn.

Giọt nước cuối cùng làm tràn ly là vào một buổi sáng, khi Matthew đi làm muộn hai tiếng, trông rõ ràng vẫn còn đang chệnh choáng. Sau đó, anh lại phạm một lỗi không đáng có là bán hết vốn đầu tư quan trọng, gây ra thiệt hại nhỏ cho một khách hàng lâu nay vẫn hy vọng có được một khoản lợi nhuận lớn. William biết cuối cùng đã đến lúc phải có một cuộc chất vấn đầu tiên, dù không vui vẻ nhưng bắt buộc phải có. Khi William nói hết những lời đanh thép, Matthew thừa nhận lỗi lầm và luôn miệng xin lỗi. William thấy mừng vì vừa tránh được một cuộc cãi vã và đang định rủ bạn cùng đi ăn trưa thì người thư ký của anh lao vào phòng.

- Thừa ông, vợ ông, bà ấy vừa được đưa vào viện.
- Tại sao? Có chuyện gì vậy? - William hỏi.
- Tôi nghĩ là do cháu bé. - Thư ký nói.
- Nhưng còn ít nhất sáu tuần nữa mới sinh cơ mà. -

William nói.

- Tôi biết, thưa ông, nhưng bác sĩ MacKenzie có vẻ lo lắng và muốn ông đến bệnh viện ngay lập tức.

Một lúc trước Matthew còn như một mũi tên gãy, giờ anh vội lấy lại tinh thần và lái xe đưa William đến viện. Những ký ức về cái chết của mẹ William và bé gái chết yểu ùa về trong lòng hai người khi Matthew lái xe vào bãi đỗ xe của bệnh viện.

William không cần ai dẫn vào khoa Sản của bệnh viện Richard Kane, nơi này được Kate chính thức khai trương chỉ mới một tháng trước. Anh gặp một y tá đứng bên ngoài phòng hộ sinh, cô cho biết bác sĩ MacKenzie đang ở trong cùng vợ anh, cô đã mất rất nhiều máu. William đi đi lại lại vô vọng trong hành lang, lặng người chờ đợi, hết như cha anh nhiều năm trước. Giờ đây, việc trở thành Chủ tịch ngân hàng thật chẳng có gì quan trọng nữa khi so với điều đáng lo là mất đi Kate. Lần cuối cùng anh nói “Anh yêu em” với cô là khi nào nhỉ?

Matthew ở bên William, bước từng bước cùng William, đứng bên William, nhưng không nói một lời. Không có gì để nói. Thỉnh thoảng có một y tá chạy ra chạy vào phòng hộ sinh. Từng giây từng phút, rồi từng giờ cứ thế trôi qua. Sau cùng, bác sĩ MacKenzie xuất hiện, chiếc khẩu trang của bác sĩ mở che kín nửa khuôn mặt ông, trán ông lấp lánh những giọt mồ hôi. William không thể nhận ra vẻ mặt ông bác sĩ cho đến khi ông gỡ bỏ chiếc khẩu trang trắng, lộ ra một nụ cười rạng rỡ.

- Xin chúc mừng, anh William. Anh đã có một cậu con trai và Kate vẫn ổn.

- Tạ ơn Chúa! - William thở phào, tay anh bám vào Matthew.

- Tôi vô cùng đội ơn quyền năng của Thượng đế, - bác sĩ MacKenzie nói - tôi tự thấy mình không làm được gì nhiều cho ca sinh đặc biệt này.

- Tôi có thể gặp Kate chứ? - William cười.

- Không, giờ chưa phải lúc. Tôi đã cho cô ấy uống thuốc an thần, cô ấy đang ngủ. Cô ấy mất nhiều máu, nhưng sẽ ổn sau một đêm nghỉ ngơi. Cơ thể hơi yếu, nhưng sáng mai cô ấy có thể gặp anh ngay khi tỉnh dậy. Ngay bây giờ anh có thể ngắm cậu quý tử của mình. Đừng bất ngờ vì vóc dáng của cậu ấy, hãy nhớ, cậu ấy vừa lọt lòng.

Bác sĩ MacKenzie dẫn William và Matthew qua hành lang đến một căn phòng, họ nhìn qua ô cửa kính và thấy một hàng sáu đứa trẻ quần tã, lộ ra cái đầu đỏ hồng nằm trong nôi.

- Cậu nhóc đấy. - Bác sĩ MacKenzie chỉ tay vào đứa bé cuối hàng.

William chăm chú nhìn khuôn mặt nhỏ bé nhăn nheo, hình dung của anh về đứa con trai xinh xắn, khỏe mạnh, sau này sẽ trở thành Chủ tịch tiếp theo của ngân hàng nhanh chóng biến mất.

- Nay, tôi có lời muốn nói về tên quý con này, - bác sĩ MacKenzie vui vẻ nói - hẳn ưa nhìn hơn cha hẳn lúc ở tuổi đó.

William yên tâm cười.

- Anh sẽ đặt tên cậu ấy là gì?

- Richard Higginson Kane.

Ông bác sĩ trều mến vỗ nhẹ lên vai anh.

- Tôi hy vọng tôi sẽ sống được đến lúc cậu Richard có đứa con đầu lòng.

Cùng buổi chiều hôm đó, William đánh điện cho hiệu trưởng trường St. Paul để ghi tên cho cậu bé đi học vào tháng Chín năm 1945. Chuẩn bị xong bước đầu tiên cho sự nghiệp của Richard, người cha trẻ tuổi và Matthew đi uống một trận say mềm, ngủ quên và sáng hôm sau đến viện gặp Kate bị muộn. William đưa Matthew vào ngắm Richard thêm lần nữa.

- Thằng nhóc xấu nhỉ. - Matthew nói - Hoàn toàn không giống bà mẹ xinh đẹp của nó.

- Tớ cũng nghĩ thế. - William nói.

- Nhưng lại giống hệt cậu.

William trở lại căn phòng đầy hoa của Kate.

- Anh thích con mình chứ? - Kate hỏi chồng - Nó giống anh lắm đấy.

- Anh sẽ đánh người tiếp theo nói câu đó. - William vừa nói vừa cười nhăn nhở - Nó là đứa nhóc xấu xí nhất anh từng thấy.

- Ôi, không! - Kate vờ giận dỗi - Nó xinh mà!

- Một khuôn mặt mà chỉ mẹ nó mới yêu được. - William ôm cô và nói.

Cô ôm chặt lấy anh và bảo:

- Bà nội Kane sẽ nói sao khi đứa con đầu lòng của chúng mình chào đời khi mình cưới nhau chưa được tám tháng nhỉ?

- Tôi không muốn tỏ ra hà khắc, - William bắt chước giọng bà nội - nhưng bất cứ đứa trẻ nào ra đời khi cha mẹ kết hôn chưa đủ mười lăm tháng thì chắc chắn sẽ bị coi là có dòng dõi không minh bạch. Chưa đủ chín tháng thì rõ

ràng không được xã hội chấp nhận và chúng sẽ bị đuổi ra đường... Tiện đây, anh quên chưa nói với em vài lời trước khi người ta đưa em vào viện.

- Gì vậy ạ?

- Anh yêu em!

Kate và bé Richard phải ở lại viện trong gần ba tuần, đến trước Giáng sinh cô mới hoàn toàn khỏe mạnh. William trở thành nam nhân họ Kane đầu tiên thay tã lót và đẩy xe nôi. Anh bảo Matthew đã đến lúc anh phải tìm cho mình một người phụ nữ tốt và gắn bó.

- Cậu rõ ràng sắp bước sang tuổi trung niên rồi. Tớ sẽ xem cậu có tóc bạc không. - Matthew cười chống chế.

Có vài sợi tóc bạc đã xuất hiện từ lúc anh tranh đấu giành chức chủ tịch, nhưng Matthew không bình luận gì.



William không rõ mối quan hệ giữa anh và Tony Simmons trở nên tồi tệ là khi nào. Simmons bắt đầu bác bỏ những kiến nghị về chính sách của anh và thái độ phủ nhận đối với bất cứ đề xuất nào của anh khiến William nghiêm túc tính đến phương án rời bỏ vị trí thành viên của Ban giám đốc. Matthew không còn là người giúp sức nữa vì đã ngựa quen đường cũ. Giai đoạn chấn chỉnh kéo dài không quá vài tuần, lúc này anh ta thậm chí nghiện rượu nặng hơn trước và mỗi sáng đều đi làm muộn. William không rõ phải xử lý tình hình này thế nào, anh vẫn phải tiếp tục làm hết phần việc của bạn. Cuối mỗi ngày, anh đều kiểm tra lại thư của Matthew và hồi đáp mọi cuộc gọi chưa được trả lời.

Đến mùa hè năm 1934, Chính sách Kinh tế mới của Tổng thống Roosevelt được thi hành, các nhà đầu tư bắt đầu lấy lại niềm tin và lấy số tiền giấu kỹ ra để gửi ngân hàng. Một số người xuất hiện với những chiếc va li đầy ắp tiền mặt. William thấy có thể đã đến thời điểm thử quay lại với thị trường chứng khoán và thậm chí phải bắt tay vào mở rộng danh mục đầu tư, nhưng Simmons lại bác bỏ ý kiến cho rằng ngân hàng cần làm theo chỉ dẫn của anh bằng một công văn nội bộ gửi thẳng cho Ủy ban Tài chính. William lao thẳng vào phòng Simmons mà không cần gõ cửa và hỏi có phải ông ta muốn anh từ chức không.

- Đương nhiên là không, William ạ! Nhưng anh biết đấy, điều hành ngân hàng này bằng phương thức thận trọng sẽ luôn là phương hướng hành động của tôi. Tôi sẽ không sẵn lòng hấp tấp tấn công vào thị trường chứng khoán và đánh liều với số tiền của các nhà đầu tư.

- Nhưng chúng ta đang mất rất nhanh các thương vụ vào tay các ngân hàng khác khi ngồi ngoài cuộc. Các ngân hàng những năm trước chúng ta không xem là đối thủ sẽ sớm vượt mặt chúng ta.

- Vượt mặt ta về mảng nào, William? Không phải về danh tiếng. Lợi nhuận nhanh thì may ra, nhưng không phải danh tiếng.

- Nhưng ta cũng phải để ý đến lợi nhuận. - William nói - Nhiệm vụ của ngân hàng là đem lại nhiều lợi nhuận cho các nhà đầu tư, không phải ngồi không đợi chờ với vẻ lịch thiệp.

- Tôi thà giữ vững còn hơn để mất danh tiếng mà ngân hàng này đã xây dựng từ thời ông nội và cha anh suốt giai đoạn huy hoàng của nửa thế kỷ qua.

- Vâng, nhưng hai người họ luôn cởi mở với những ý tưởng mới để mở rộng các hoạt động của ngân hàng.

- Trong những thời điểm thuận lợi. - Simmons nói.

- Và cả khi không thuận lợi.

- Tại sao anh có vẻ khó chịu thế, William? Anh vẫn có quyền tự do trong công tác điều hành bộ phận riêng của mình mà.

- Tự do cái quái gì. Ông đã chặn hết những gì người khác đề nghị kinh doanh rồi.

- Hãy thành thật với nhau đi nào, anh William. Một trong số những lý do khiến tôi gần đây phải tỏ ra đặc biệt cẩn trọng là khả năng suy xét của Matthew không còn đáng tin nữa.

- Bỏ Matthew ra khỏi chuyện này đi. Ông đang ngăn cản chính tôi. Tôi là trưởng bộ phận.

- Tôi không thể gạt Matthew ra khỏi chuyện này được. Tôi ước gì mình làm thế được. Trách nhiệm tổng thể đối với hoạt động của bất cứ ai trước Tập đoàn là trách nhiệm của tôi, và anh ấy ở vị trí số hai trong bộ phận quan trọng nhất của chúng ta.

- Vậy thì anh ấy là trách nhiệm của tôi, vì tôi ở vị trí số một trong bộ phận đó.

- Không, William, việc Matthew đến văn phòng lúc 11 giờ sáng trong tình trạng say xỉn không thể chỉ là trách

nhệm của riêng anh, dù tình bạn của hai anh có lâu bền đến đâu.

- Đừng thổi phồng quá đáng.

- Tôi không thổi phồng, William ạ! Từ hơn một năm nay, ngân hàng này đã dung nạp Matthew, lý do duy nhất không cho phép tôi đề cập chuyện này với anh từ trước đến giờ chính là mối quan hệ khăng khít của riêng anh với anh ta và gia đình anh ta. Tôi sẽ không thấy tiếc nếu thấy anh ta nộp đơn từ chức đâu. Một người đàn ông chín chắn hơn thì sẽ từ chức từ lâu rồi, và một người bạn thân sẽ bảo bạn mình phải làm điều đó.

- Không bao giờ. - William nói - Nếu anh ấy đi, tôi cũng sẽ đi.

- Cứ vậy đi, William. Trách nhiệm đầu tiên của tôi là với các nhà đầu tư, không phải với bạn học cũ của anh.

- Ông sẽ phải hối hận về quyết định này, Tony. - William đáp. Anh lao ra khỏi phòng Chủ tịch và trở về phòng mình trong cơn cuồng nộ.

- Ông Lester đâu rồi? - Anh hỏi khi đi ngang qua chỗ thư ký.

- Ông ấy còn chưa đến, thưa ông.

William bực tức nhìn đồng hồ.

- Bảo ông ấy tôi muốn nói chuyện ngay khi ông ấy đến.

- Vâng, thưa ông.

William vừa đi đi lại lại trong văn phòng vừa chửi thề. Những lời Simmons nói về Matthew đều đúng cả, quả nhiên vấn đề mỗi lúc một trầm trọng hơn. Anh nghĩ lại thời

điểm Matthew bắt đầu những chiều rượu và tìm kiếm lời giải thích. Những ý nghĩ của anh bị gián đoạn bởi người thư ký.

- Ông Lester vừa đến, thưa ông.

Matthew bước vào phòng với vẻ mặt khá ngượng ngùng, toát lên đủ dấu hiệu dư vị của một cơn say. Anh đã già đi nhiều từ một năm nay, nước da mất hết nét khỏe khoắn của vận động viên. William suýt nữa không nhận ra anh chính là người bạn thân nhất suốt gần hai mươi năm qua của mình.

- Matthew, cậu đã ở chỗ quái nào thế?

- Tôi ngủ quên thôi mà. - Matthew đáp rất tự nhiên và gãi gãi lên mặt - Hình như đêm qua tôi thức khuya.

- Ý cậu là cậu đã uống quá nhiều.

- Không, tôi không uống nhiều. Tại cô bạn gái mới quen bắt tôi thức suốt đêm. Cô ấy không sao thỏa mãn được.

- Khi nào cậu mới thôi hả Matthew? Cậu gần như đã ngủ với mọi cô gái ở Boston rồi đấy.

- Đừng có làm quá lên thế, William. Phải còn sót một hoặc hai cô chứ, ít ra tôi cũng hy vọng như vậy. Và đừng quên hàng nghìn cô đã có chồng.

- Không phải lúc đùa đâu, Matthew.

-Ồ, thôi nào, William. Cho tôi nghỉ ngơi đi.

- Cho cậu nghỉ? Tôi vừa không cho Simmons phê phán cậu, mà hơn nữa ông ta phê phán đúng. Phán đoán của cậu chẳng còn hiệu quả nữa. Cậu sẽ ngủ với bất cứ thứ gì mặc váy, tệ hơn, cậu sẽ uống say đến chết. Tại sao, Matthew? Giải thích đi. Phải có lời nào giải thích chứ. Cho đến một năm trước cậu còn là một trong số những người đáng tin

cậy nhất tớ gặp trong đời. Chuyện gì thế, Matthew? Tớ sẽ phải nói thế nào với Simmons đây?

- Bảo ông ta im miệng đi và tập trung vào việc của mình.

William không giấu nổi cơn giận dữ.

- Matthew, nói cho công bằng, thì đó *chính là* việc của ông ấy. Chúng ta điều hành một ngân hàng, không phải một cái nhà thổ, và cậu về đây để làm một giám đốc dưới lời giới thiệu của cá nhân tớ.

- Và giờ tớ không đạt được tiêu chuẩn cao mà cậu đề ra, cậu định nói thế phải không?

- Không, tớ không định nói vậy.

- Vậy cậu định nói cái quái gì?

- Bắt tay vào làm việc gì đó trong vài tuần tới. Rồi mọi người sẽ quên nhanh chuyện này.

- Cậu muốn vậy hả?

- Đúng.

- Tớ sẽ làm theo lệnh cậu, ông chủ ạ. - Matthew nói và rập gót giày vào nhau rồi bước ra khỏi phòng.

- Ôi, điên thật. - William vừa than vừa buông mình xuống ghế.

Chiều hôm đó, William cần xét danh mục đầu tư của một khách hàng cùng Matthew, nhưng không ai có thể thấy anh ta đâu. Anh ta không trở về văn phòng sau bữa trưa và ngày hôm đó không ai gặp lại anh. Tối hôm đó, ngay cả niềm vui được đưa bé Richard đi ngủ cũng không thể làm William quên sự lo lắng về Matthew. William đang tìm cách dạy con học đếm, nhưng không hiệu quả.

- Nếu con không biết đếm, Richard ơi, làm sao con có hy vọng trở thành chủ ngân hàng. - William đang nói chuyện thì Kate bước vào phòng.

- Có khi con mình lại làm được những việc đáng giá. - Kate nói.

- Có gì đáng giá hơn công việc ngân hàng đây?

-Ồ, nó có thể là một nhạc sĩ, vận động viên bóng chày, thậm chí là Tổng thống nước Mỹ?

- Trong ba nhân vật đó, anh muốn làm vận động viên bóng chày hơn - nghề duy nhất được trả lương xứng đáng. - William vừa nói vừa quán chần cho Richard.

- Anh yêu, trông anh có vẻ mệt mỏi. Em mong anh chưa quên là tối nay chúng mình sẽ uống rượu mừng với ông Andrew MacKenzie.

- Thôi chết, anh quên biến mất. Ông ấy hẹn mình lúc nào nhỉ?

- Tầm 1 tiếng nữa.

- Ôi, trước hết anh phải tắm nước nóng một lúc lâu mới được.

- Em nghĩ đó là đặc quyền của phụ nữ chứ? - Kate nói.

- Tối nay anh cần được nuông chiều một chút. Anh đã có một ngày muốn điên cả đầu.

- Tony Simmons lại gây khó dễ à?

- Phải, nhưng anh e là lần này ông ta đúng. Ông ta không ngừng phàn nàn về chuyện Matthew uống rượu. Anh chỉ thấy may vì ông ta không đề cập đến thói háo sắc. Giờ đây không tài nào đưa Matthew đi đâu trừ khi đi uống rượu và

cô con gái của nhà đó phải được giấu thật kĩ trước khi cậu ta đến, chưa kể thỉnh thoảng là cả bà vợ.

William ngâm mình trong bồn tắm suốt hơn nửa tiếng và Kate phải kéo anh ra trước khi anh ngủ gật. Dù cô có thúc giục, hai người vẫn đến nhà MacKenzie chậm mất 25 phút, khi đến đã thấy Matthew sắp say khướt và đang tìm cách tán tỉnh vợ của một nghị sĩ. William muốn can thiệp nhưng Kate ngăn anh lại.

- Anh đừng nói gì cả. - Cô bảo.

- Anh không thể đứng đây nhìn người bạn thân nhất trở nên sa đọa ngay trước mắt mình. - William nói - Anh phải làm gì đó.

Nhưng cuối cùng anh vẫn nghe lời khuyên của Kate và mất trọn buổi tối buồn bã đứng nhìn Matthew mỗi lúc một say hơn. Từ phía bên kia phòng, Tony Simmons đang liếc nhìn William đầy vẻ châm chọc, anh chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi Matthew ra về sớm, dù là về cùng với người đàn bà duy nhất đến dự tiệc một mình. Ngay khi Matthew đi khỏi, William mới được thực sự thư giãn ngày hôm đó.

- Bé Richard thế nào rồi? - Bác sĩ MacKenzie hỏi.

- Nó vẫn chưa biết đếm. - William nói.

- Tin tốt đấy. Có khi sau này nó lại làm được những việc đáng giá hơn.

- Đó chính xác là những gì tôi nói. - Kate nói - William này, con mình có thể trở thành bác sĩ, một ý tưởng hay đấy.

- Cậu ấy có thể làm được điều đó. - MacKenzie nói - Tôi không quen nhiều bác sĩ biết đếm đâu.

- Trừ lúc gửi các hóa đơn. - William nói.

MacKenzie cười.

- Cô muốn uống thêm không, Kate?

- Không, cảm ơn ông Andrew. Đến giờ chúng tôi phải về rồi. Nếu chúng tôi ở thêm, sẽ chỉ còn lại Tony Simmons và William, và chúng ta sẽ phải nghe họ nói chuyện về ngân hàng suốt cả đêm.

- Cảm ơn vì bữa tiệc, ông Andrew. - William nói - Nhân tiện, tôi xin lỗi vì cách cư xử của Matthew.

- Tại sao chứ?

- Ô, thôi nào, ông Andrew, không chỉ chuyện say xỉn mà anh ấy còn tán tỉnh không chừng một người đàn bà nào.

- Tôi cũng có thể sẽ làm ra những chuyện tương tự nếu tôi ở trong tình cảnh của anh ta.

- Sao ông lại nói thế? Ông không thể cố xúy cho lối sống đó chỉ vì anh ta độc thân.

- Không, tôi không cố xúy, mà tôi tìm cách thấu hiểu, tôi nhận ra mình cũng có thể trở nên vô trách nhiệm nếu đối diện với những vấn đề tương tự.

- Ý ông là sao?

- Ôi, lạy Chúa tôi! Anh là bạn thân của anh ấy mà anh ấy không nói gì sao?

- Nói gì cơ? - Cả Kate và William cùng thốt lên.

Bác sĩ MacKenzie nhìn cả hai bằng đôi mắt ngờ vực:

- Tốt hơn, cả hai nên đến phòng làm việc của tôi. Cả hai người nhé.

William và Kate theo ông vào một căn phòng nhỏ, gần như từ sàn đến trần đều xếp kín các loại sách y học, điểm

xuyết đầu đó là các bức ảnh của ông MacKenzie trong những dịp đặc biệt hồi còn đi học ở Cornell và tấm bằng tốt nghiệp đóng khung đã vẹo vọ.

- Mời ngồi! - Ông nói - William, tôi không biện bạch cho những điều tôi sắp nói, nhưng tôi dám chắc Matthew mắc bệnh rất trầm trọng, bệnh ung thư hạch. Anh ta biết về tình trạng bệnh của mình từ hơn một năm nay.

William đổ sụp xuống ghế, mất một lúc không nói nên lời.

- Ung thư hạch?

- Một chứng viêm, gần như luôn là ác tính, có các u hạch phát triển. - Bác sĩ giải thích.

William lắc đầu hoài nghi:

- Nhưng tại sao anh ấy không nói với tôi?

- Anh ấy quá kiêu ngạo nên không muốn bệnh tình của mình thành gánh nặng cho bất cứ ai. Anh ấy thà chết theo cách của mình hơn là để người khác biết mình đang phải trải qua điều gì. Tôi khẩn khoản mong anh ta nói cho cha mình từ sáu tháng trước, và rõ ràng tôi đã phá vỡ lời hứa của người trong ngành khi cho anh biết, nhưng tôi không thể để anh tiếp tục trách móc bạn mình vì lối hành xử đó mà không biết sự thật.

- Cảm ơn ông Andrew! - William nói - Sao lâu nay tôi lại mù mờ và ngu ngốc đến thế nhỉ?

- Đừng tự trách mình, - bác sĩ MacKenzie nói - làm sao anh biết được chứ.

- Thực sự không còn hy vọng ư? - Kate hỏi.

- Không. Tôi không dám chắc về khoảng thời gian còn lại.

- Không có bệnh viện, chuyên gia nào sao? Tiền bạc không thành vấn đề.

- Tiền không thể mua được tất cả, William ạ! Tôi đã tham khảo ba bác sĩ phẫu thuật giỏi nhất nước Mỹ, thậm chí cả một bác sĩ ở Thụy Sĩ. Tôi e là tất cả bọn họ đều đồng ý với chẩn đoán của tôi. Y học vẫn chưa tìm ra phương pháp chữa ung thư hạch.

- Anh ấy còn sống được bao lâu nữa? - Kate thì thầm.

- Tôi ước chừng sáu tháng là tối đa, nhưng có vẻ chỉ còn có ba tháng.

- Thế mà tôi đã nghĩ tôi gặp rắc rối. - William nói. Anh nắm chặt bàn tay Kate - Giờ chúng tôi phải đi, ông Andrew. Cảm ơn ông đã cho chúng tôi biết.

- Hãy làm những gì có thể cho anh ấy. - Bác sĩ nói - Nhưng vì Chúa, hãy thấu hiểu. Cứ để anh ấy làm những điều mình muốn. Đây là những tháng cuối cùng của Matthew, không phải của hai người. Và đừng cho anh ấy biết chính tôi đã nói với hai người.

William và Kate lên xe về nhà trong im lặng. Vừa về đến Dinh Thự Đỏ, William đã gọi ngay cho người đàn bà đã rời khỏi bữa tiệc cùng Matthew.

- Tôi có thể nói chuyện với Matthew Lester không?

- Hắn không có ở đây. - Giọng nói có phần tức tối - Hắn lôi tôi đến câu lạc bộ Revue, và sau vài chén hắn lại bỏ đi cùng người đàn bà khác. - Cô ta đập máy.

Câu lạc bộ Revue! William tra cứu trên danh bạ điện thoại rồi lái xe về phía bắc của thành phố, và sau khi hỏi một tài xế taxi, anh đã tìm được câu lạc bộ ấy. Anh gõ cửa. Một ô cửa trượt mở ra.

- Anh là thành viên câu lạc bộ à?

- Không. - William đáp rần rỏi và đưa tờ mười đô qua tấm lưới sắt.

Ô cửa đóng lại và cánh cửa mở ra. William bước vào giữa sàn nhảy, trông có vẻ bất hợp lý trong bộ đồ của ông chủ ngân hàng. Các vũ công quần lấy nhau và thản nhiên lắc lư. William đảo mắt quanh căn phòng đầy khói thuốc để tìm Matthew nhưng anh ta không ở đây. Cuối cùng, anh nhận ra một trong số những cô bạn gái gần đây của Matthew, đang ngồi trong góc cùng một thủy thủ. William đến chỗ cô ta.

- Xin lỗi quý cô.

Cô ta ngẩng lên nhưng không nhận ra William.

- Cô ấy đi với tôi. Mời anh đi cho. - Gã thủy thủ nói.

- Cô có gặp Matthew Lester không?

- Matthew nào? - Cô gái nói.

- Tao đã bảo mày cút mà! - Gã thủy thủ đứng bật dậy.

- Thêm một câu nữa là anh sẽ trở lại boong tàu đấy. -

William đe dọa.

Trong đời, gã thủy thủ đã một lần từng trông thấy con giện dữ như vậy trong mắt một người đàn ông, và suýt mất một mắt trong lần đó. Gã đành ngồi xuống.

- Matthew đâu?

- Tôi không biết ai tên Matthew, thưa quý ông. - Giờ đây cô ta có vẻ sợ hãi.

- Tầm hơn một mét tám, tóc vàng, ăn mặc giống tôi và có vẻ say xỉn.

-Ồ, ý anh là anh Martin? Ở đây anh ta xưng là Martin, không phải Matthew. - Cô thở phào.

- Giờ cho tôi biết, tối nay anh ấy ra ngoài cùng ai?

Cô gái quay về phía quầy bar và gọi người phục vụ:

- Terry, Martin rời khỏi đây cùng ai vậy?

Người phục vụ bỏ mẫu thuốc đã tắt ở một bên miệng xuống. - Jenny! - Anh ta lại ngậm điếu thuốc chưa châm lửa vào đúng vị trí cũ.

- Jenny, đúng rồi! - Cô gái nói - Giờ để tôi xem nào, con bé đó tiếp khách nhanh lắm. Không bao giờ nó cho đàn ông nhiều hơn nửa tiếng đâu, hai người họ sẽ quay về sớm thôi.

- Cảm ơn cô! - William đáp.

Anh chọn một ghế ở quầy bar và gọi một ly rượu mạnh pha rất nhiều nước, anh cảm thấy mình thật lạc lõng ở nơi này. Đến khi người phục vụ, trên miệng vẫn ngậm điếu thuốc chưa châm, hất hàm về phía một cô gái vừa bước qua cửa.

- Đó là Jenny, nếu anh vẫn muốn cô ta. - Anh ta nói. Nhưng không thấy Matthew đâu. Người phục vụ vẫy Jenny lại. Một cô gái mảnh dẻ, thấp, da ngăm, không quá đẹp, nháy mắt với William và đi theo anh, dáng vẻ lảng lơ.

- Anh yêu, tìm em sao? Được rồi, em sẵn sàng, nhưng 10 đô cho nửa giờ nhé.

- Không, tôi không muốn cái khoản đó. - William nói.

- Đáng yêu chưa! - Jenny nói.

- Tôi đang tìm người đàn ông đã đi cùng cô. Matthew, ý tôi là Martin.

- Martin? Anh ta say đến nỗi phải dùng cần cẩu mới dựng dậy được, nhưng anh ta trả 10 đô rồi, luôn như thế. Một quý ông thực thụ.

- Giờ anh ta ở đâu? - William mất kiên nhẫn.

- Tôi không biết. Anh ta nói sẽ đi bộ về nhà.

William chậm chậm lái xe qua những con phố mưa tầm tã, theo con đường hướng về căn hộ của Matthew, nhìn kĩ những người anh đi ngang qua. Một số vội vã bước đi khi thấy anh nhìn họ chằm chằm, số khác cố tìm cách bắt chuyện với anh. Anh dừng ở một đèn giao thông bên ngoài một tiệm ăn mở qua đêm khi trông thấy bóng dáng Matthew qua ô cửa sổ ướt nhòe, đang len lỏi giữa các bàn ăn với chiếc cốc trong tay. William đỗ xe, bước vào tiệm và ngồi xuống ghế đối diện. Matthew đã gục xuống bàn bên cạnh một cốc cà phê còn nguyên.

- Matthew, là tớ đây. - William nhìn người bạn trong bộ dạng thảm hại. Nước mắt anh trào xuống hai bên má.

Matthew ngẩng lên và làm đổ một ít cà phê.

- Cậu đang khóc, anh bạn. Lạc mất cô gái của cậu à?

- Không, mất người bạn thân nhất.

- À, họ không đến được vì bận thôi.

- Tớ biết. - William nói.

- Tớ có một cậu bạn tốt. - Matthew lấp bắp - Cậu ấy luôn đứng về phía tớ cho đến khi chúng tớ cãi nhau lần đầu

tiên. Dù đó là lỗi của tớ. Cậu thấy không, tớ đã làm cậu ấy vô cùng thất vọng.

- Không, không hề! - William nói.

- Sao cậu biết được? - Matthew giận dữ - Cậu thậm chí không biết cậu ta mà.

- Về nhà đi, Matthew.

- Tên tớ là Martin. - Matthew nói.

- Tớ xin lỗi, Martin, về nhà nhé.

- Không, tớ muốn ở đây. Sẽ có một cô nàng đến đây. Tớ nghĩ giờ mình sẵn sàng với cô ta rồi.

- Tớ có vài chai whiskey cũ nấu từ mạch nha. - William nói - Sao cậu không về chỗ tớ nhỉ?

- Có cô em nào ở chỗ cậu không?

- Có nhiều lắm.

- Thế thì được, tớ sẽ đi.

William dựng Matthew dậy và mãi mới dẫn được anh ra cửa. Trong lúc đi ngang qua hai người cảnh sát đang ngồi ở quầy tính tiền, William nghe một trong hai người chửi:

- Mẹ kiếp, bọn đồng tính.

Anh đỡ Matthew ra xe rồi quay về Đồi Beacon. Kate vẫn đang đợi họ.

- Đúng ra em nên đi ngủ, em yêu.

- Em không ngủ được. - Cô nói.

- Anh sợ là cậu ấy không còn biết gì nữa rồi.

- Đây là cô gái cậu đã hứa với tớ đó hả? - Matthew nói.

- Ừ, cô ấy sẽ chăm sóc cậu. - William nói trong khi anh và Kate giúp Matthew lên phòng dành riêng cho khách và đặt anh ta xuống giường. Kate tháo bỏ đồ cho anh.

- Em yêu, em cũng phải cởi đồ ra chứ. - Anh ta nói - Anh đã trả 10 đô rồi mà.

- Anh cứ lên giường đã. - Kate dịu dàng.

- Tại sao trông em buồn thế, cô em xinh tươi? - Matthew nói.

- Vì em yêu anh! - Kate nói, mắt cô bắt đầu ướt đẫm.

- Đừng khóc. Không có gì đáng khóc cả. Lần này anh sẽ làm được, em sẽ thấy.

Khi hai người cởi bỏ đồ của Matthew xong, William dùng tấm khăn trải giường và chiếc chăn đắp kín người bạn. Kate tắt đèn.

- Em đã hứa sẽ ngủ cùng anh mà. - Matthew nói trong cơn mê sảng.

Cô lặng lẽ đóng cửa.

William ngủ trên chiếc ghế bên ngoài phòng của Matthew vì sợ bạn sẽ tỉnh dậy lúc nửa đêm và tìm cách bỏ đi. Đến sáng, Kate đánh thức anh trước khi mang đồ ăn sáng vào cho Matthew.

- Anh đang làm gì ở đây vậy, Kate? - Đó là câu đầu tiên của Matthew khi cô mở tung những tấm rèm và anh nháy mắt liên tục trước ánh nắng buổi sớm.

- Anh về nhà cùng vợ chồng em sau bữa tiệc ở nhà ông Andrew MacKenzie tối qua mà. - Kate yếu ớt đáp.

- Không, đâu có. Anh đến câu lạc bộ Revue cùng một cô em xấu xí, Patricia hay em nào đó, nhưng may mắn là Jenny đã ở đó, cô em ấy không phải nhọc công mà vẫn kiếm được 10 đô. Chúa ơi, anh thấy ngứa ngáy như người có rận.

Cho anh một cốc nước cà chua được không? Anh không muốn thất lễ, nhưng anh chẳng muốn ăn sáng đâu.

- Đương nhiên rồi, Matthew! - Kate đem chiếc khay đi.

William bước vào. Anh và Matthew lặng lẽ nhìn nhau trong giây lát.

- Cậu biết rồi phải không? - Matthew lên tiếng trước.

- Đúng. - William nói - Lâu nay tớ là một thằng ngốc, và tớ hy vọng cậu sẽ tha lỗi.

- Đừng khóc, William. Tớ chưa hề thấy cậu khóc từ năm mười hai tuổi, lúc bị thằng Covington nện cho và tớ phải lôi nó ra. Nhớ không? Tớ đang tự hỏi thằng Covington giờ thế nào? Có thể đang điều hành một nhà thổ ở Tijuana, nó chỉ hợp làm nghề đó thôi. Phiền cậu nhé, nếu thằng Covington đang quản lý nhà thổ, chỗ đó sẽ vô cùng tốt, cậu dẫn tớ đến đó đi. Đừng khóc, William. Đàn ông trưởng thành ai lại khóc. Không giải quyết được gì đâu. Tớ đã gặp tất cả các chuyên gia từ New York đến Los Angeles, cả Zurich, họ cũng phải bó tay. Cậu có phiền nếu tớ trốn việc sáng nay? Tớ vẫn cảm thấy một kinh khủng. Kate có thể đánh thức tớ nếu tớ ngủ quá lâu, hoặc nếu tớ quá phiền hà thì tớ sẽ tìm đường về.

- Bây giờ đây là nhà cậu. - William nói.

Giọng Matthew thay đổi.

- Cậu sẽ nói với cha tớ à, William? Tớ không thể đối diện với ông ấy. Cậu là con một, cậu hiểu chuyện này mà.

- Ừ! - William nói - Ngày mai tớ sẽ đến New York và cho ông ấy biết nếu cậu hứa sẽ ở lại đây. Tớ sẽ không ngăn cậu

uống rượu nếu cậu muốn uống, hoặc ngủ với nhiều đàn bà cậu thích, nhưng phải ở đây nhé.

- Lời đề nghị hay nhất trong nhiều tuần, William ạ! Giờ tớ nghĩ mình nên ngủ thêm. Tớ thấy mệt quá.

William nhìn Matthew chìm sâu vào giấc ngủ và gỡ chiếc cốc đã uống hết một nửa khỏi tay anh. Một vết nước cà chua hằn trên tấm chăn.

- Đừng chết nhé! - Anh lặng lẽ nói - Xin cậu đừng chết, Matthew. Cậu đã quên chúng ta sẽ điều hành ngân hàng lớn nhất nước Mỹ à?



Sáng hôm sau, William đến New York để gặp ông Charles Lester. Người đàn ông lồi lạc ấy co rúm người lại trên ghế và già đi trông thấy sau tin báo của William.

- Cảm ơn cháu vì đã đến và đích thân báo cho bác, William ạ! Bác biết chắc chắn có chuyện không hay khi Matthew không về thăm bác mà không một lời báo. Bác sẽ đến Boston mỗi cuối tuần. Bác rất mừng vì nó có cháu và Kate ở bên, bác sẽ cố để không tỏ ra quá đau đớn khi nghe tin đó. Có Chúa chứng giám, nó đã làm ra chuyện gì để phải gánh chịu hậu quả này? Từ lúc mẹ nó mất, bác đã gây dựng tất cả cho nó và giờ không biết để lại mọi thứ cho ai.

- Bác cứ đến Boston bất cứ khi nào bác muốn, cháu sẽ luôn chào đón bác.

- Cảm ơn cháu vì những gì đang làm cho con trai bác, William ạ! - Ông già ngẩng lên nhìn anh - Bác ước gì cha cháu còn sống để chứng kiến con trai mình xứng đáng với

dòng họ Kane thế nào. Giá mà bác có thể đổi chỗ cho con trai mình để nó được sống...

- Cháu phải trở về với cậu ấy sớm, bác ạ!

- Đúng rồi, đương nhiên. Bảo nó là bác yêu nó, bảo nó là bác vẫn kiên cường khi nghe tin đó.

- Vâng ạ!

William trở lại Boston đêm đó và thấy Matthew vẫn ở nhà mình cùng Kate, đang ngồi ở hiên đọc cuốn tiểu thuyết Mỹ mới nhất: *Cuốn theo chiều gió*. Anh ngẩng lên khi William vào.

- Phản ứng của ông già thế nào? - Anh hỏi ngay khi William bước vào phòng.

- Ông ấy khóc. - William nói.

- Chủ tịch Ngân hàng Lester khóc ư? - Matthew nói - Tôi hy vọng không ai kể với các cổ đông.

Matthew ngừng uống rượu, trở lại làm việc và làm việc miệt mài hết sức cho đến những ngày cuối cùng trong đời. William kinh ngạc trước quyết tâm của anh và luôn tìm cách tiết chế anh. Nhưng Matthew luôn hoàn thành tốt công việc và còn hay chọc ghẹo William bằng cách kiểm tra cả thư *của anh* mỗi buổi cuối ngày. Các buổi tối, trước khi đi xem kịch hoặc ăn tối, Matthew hay chơi tennis cùng Kate hoặc chèo thuyền vượt qua William trên sông Charles.

- Khi không thể vượt qua cậu là lúc tớ biết mình chết.

- Anh đùa.

Matthew không vào viện, anh thích ở lại Dinh Thự Đỏ hơn. Đối với William, từng tuần trôi qua vừa chậm và vừa

nhanh, mỗi sáng tỉnh dậy anh lại tự hỏi Matthew còn sống hay không.

Matthew mất vào thứ Năm, vẫn còn bốn mươi trang chưa đọc trong tiểu thuyết *Cuốn theo chiều gió*.



Đám tang của Matthew được cử hành ở Nhà thờ St. Patrick tại New York, William và Kate ở lại bên ông Charles Lester. Những tháng gần đây, ông trở nên già nua, khi ông đứng bên mộ của vợ và đưa con trai độc nhất, ông bảo William mình không còn mục đích sống nữa. William không nói, không một lời nào của anh có thể giúp được người cha đang đau buồn.

Hôm sau, William và Kate trở lại Boston. Dinh thự Đồ đường như trống vắng đến lạ kì khi không có Matthew. Những tháng vừa qua chính là khoảng thời gian hạnh phúc nhất và cũng bất hạnh nhất trong đời William. Căn bệnh của Matthew đã khiến anh gần bó hơn với bạn mình và Kate, cuộc sống bình lặng lúc trước không thể làm được điều đó.

Khi William trở lại ngân hàng, anh thấy rất khó để quay lại với bất cứ công việc thường nhật nào. Anh đã quen đứng dậy và ngó về phía phòng Matthew để hỏi han công việc hoặc cười, nhưng giờ Matthew không còn ở đó nữa. Phải mất nhiều tuần William mới chấp nhận là căn phòng đó không có người. Tony Simmons có vẻ đã thấu hiểu hơn, nhưng tình hình không khá lên được. William đã mất tất cả sự quan tâm dành cho ngân hàng, thậm chí cả với Kate và Richard, hàng tháng trời rầu rĩ sau sự ra đi của Matthew.

Anh luôn coi mình và Matthew cùng chung một số mệnh, như hai người đã lớn lên cùng nhau. Không ai bàn luận khi công việc của William không đạt hiệu quả cao như thường lệ, dù Kate dần lo lắng hơn khi William hay ngồi một mình hàng giờ. Rồi một sáng, cô thức dậy và thấy anh đang ngồi bên giường, chăm chú nhìn cô. Cô chớp mắt:

- Có chuyện gì sao, anh yêu?
- Không. Anh chỉ đang ngắm nhìn tài sản lớn nhất của mình để biết chắc mình không bao giờ xem thường tài sản ấy.

Vào lúc ăn sáng, Kate chỉ vào một mục nhỏ trên trang mười bảy của tờ *Boston Globe*: khách sạn Nam Tước ở Chicago vừa khai trương.

William mỉm cười khi đọc bài báo. Kane và Cabot lâu nay thật đại dột vì không nghe anh khi anh khuyên họ nên hỗ trợ cho Tập đoàn Richmond. Anh thấy sung sướng khi phán đoán của anh về Rosnovski đã đúng dù ngân hàng đã lỗ mất thương vụ này. Nụ cười anh rạng rỡ hơn khi anh đọc đến tên *Nam tước Chicago*. Rồi anh chợt thấy khó chịu. Anh xem bức ảnh trong bài báo kĩ hơn, nhưng anh không lắm, chú thích trên bức ảnh đã nói đúng vào nỗi e ngại lớn nhất của anh: *Abel Rosnovski, Chủ tịch Tập đoàn Nam Tước, đang nói chuyện với ông Mieczyslaw Szymczak, một Thống đốc của Hội đồng Dự trữ Liên bang, và ông Henry Osborne, Ủy viên Hội đồng thành phố.*

William buông tờ báo xuống bàn, không uống hết được ly cà phê. Anh lặng lẽ rời khỏi nhà. Vừa đến văn phòng, anh

đã gọi ngay cho Thomas Cohen ở văn phòng luật Cohen và Yablons.

- Lâu quá rồi nhỉ, anh Kane! - Cohen mở lời - Tôi xin được chia buồn khi nghe tin bạn anh, anh Lester, qua đời. Vợ và con anh thế nào? Tên cháu là Richard nhỉ?

William luôn cảm phục Cohen vì ông ta luôn nhớ rõ họ tên và những mối quan hệ của mình.

- Vợ con tôi khỏe, cảm ơn ông Cohen. Anh Thaddeus thế nào?

- Anh ấy vừa trở thành một thành viên của công ty và vừa cho tôi lên chức ông nội. Tôi giúp gì được anh đây, anh Kane? - Thomas Cohen cũng nhớ rằng William có thể chỉ cần một câu cho một cuộc trò chuyện ngắn ngủi.

- Tôi muốn thông qua ông, sử dụng các dịch vụ của một thám tử tư đáng tin. Tôi không muốn tên mình sẽ gắn với các hoạt động điều tra nhưng tôi cần một bản thông tin đầy đủ và mới nhất về Henry Osborne, kẻ đó hình như hiện đang là một Ủy viên Hội đồng thành phố ở Chicago. Tôi muốn biết mọi chuyện hắn đã làm từ khi rời khỏi Boston, đặc biệt là có hay không có mối quan hệ cá nhân hoặc công việc giữa hắn và Abel Rosnovski, người đứng đầu Tập đoàn Nam Tước.

Ông luật sư im lặng một lát rồi nói:

- Tôi hiểu.

- Ông có thể báo lại cho tôi sau một tuần không?

- Cho tôi hai tuần nhé, anh Kane, hai tuần! - Cohen nói.



Thomas Cohen vẫn đáng tin cậy như trước đây, một bản báo cáo đầy đủ đã xuất hiện trên bàn làm việc của William trước buổi sáng của ngày thứ mười lăm. Anh đọc tập tài liệu đó nhiều lần, gạch chân những đoạn đáng lưu ý. Không có mối quan hệ công việc chính thức giữa Abel Rosnovski và Henry Osborne. Đường như Rosnovski xem Osborne là một người hữu dụng khi giải quyết các vấn đề chính trị, nhưng cũng chỉ có vậy. Osborne đã chuyển hết công việc này đến các công việc khác từ khi rời khỏi Boston, cuối cùng về làm ở phòng bồi thường của công ty Bảo hiểm Tai nạn Great Western. Có thể nhờ đó hẳn ta có quan hệ với Rosnovski khi khách sạn Richmond Chicago được công ty Great Western chi trả bảo hiểm. Lúc khách sạn bị thiêu rụi, công ty bảo hiểm lúc đầu đã từ chối đáp ứng các quyền lợi. Desmond Pacey - cựu quản lý của khách sạn, đã phải ngồi tù mười năm sau khi nhận tội cố ý phóng hỏa. Lúc đầu có nghi vấn cho rằng Rosnovski có thể có liên quan, nhưng không có bằng chứng và công ty bảo hiểm đã giải quyết ba phần tư trong số một triệu đô. Bản thông báo còn cho biết Osborne giờ là Ủy viên Hội đồng thành phố và Chính trị gia thường trực ở Tòa Thị chính. Ai cũng biết hẳn ta hy vọng trở thành nghị sĩ tiếp theo đại diện cho bang Illinois. Mới đây, hẳn cưới cô Marie Maxton - con gái của một nhà sản xuất dược phẩm giàu có và vẫn chưa có con.

William đọc bản báo cáo thêm lần nữa để đảm bảo mình không bỏ sót bất kỳ thông tin nào, dù là nhỏ nhất.

Dù giữa hai người này không có quan hệ trong những thương vụ lớn, nhưng anh vẫn luôn cảm thấy mối giao thiệp giữa Abel Rosnovski và Henry Osborne tiềm ẩn nguy hiểm khi cả hai đều cảm hận anh vì những lý do hoàn toàn khác nhau. Anh gửi một tờ chi phiếu cho Thomas Cohen và yêu cầu ông ta cập nhật hồ sơ này mỗi quý. Nhưng khi nhiều tháng trôi qua, các bản thông báo hàng quý không có thông tin mới, anh đã ngừng lo lắng, anh nghĩ có thể mình đã phản ứng hơi quá khi thấy tấm ảnh trên tờ *Boston Globe*.



Kate sinh cho William một cô con gái vào mùa xuân năm 1936, hai người đặt tên cho con là Virginia. William lại được thay tã cho con và anh mê mẩn “cô chủ nhỏ” đến nỗi Kate phải giành phần bế con mỗi tối vì sợ cô bé sẽ không được ngủ. Richard giờ đã ba tuổi, không quan tâm nhiều đến con người mới xuất hiện, thời gian và bộ tàu điện mới đã làm dịu đi nỗi ghen tị của cậu.

Cho đến cuối năm đó, bộ phận của William ở Ngân hàng Kane và Cabot đã tạo ra một mức lợi nhuận hấp dẫn cho ngân hàng. Anh đã thoát khỏi tình trạng lơ đãng kể từ sau cái chết của Matthew và nhanh chóng lấy lại danh tiếng của mình - nhà đầu tư sắc sảo trên thị trường chứng khoán, nhất là khi “Smith Bán Khống”¹ thừa nhận ông ta chỉ hoàn thiện phương pháp nhờ William Kane ở Boston. Ngay cả hướng đi của Tony Simmons cũng bớt khó khăn. Tuy thế,

¹ Ben Smith, một chuyên gia về Bán khống trên thị trường chứng khoán những năm 1930.

dù không nói ra, William vẫn nản lòng khi biết anh chỉ có hy vọng trở thành Chủ tịch của Kane và Cabot khi Simmons về hưu sau mười lăm năm nữa, anh thậm chí không dám chắc mình có hy vọng đó không.

Ba năm sau khi Matthew qua đời, ông Charles Lester đã già hơn nhiều, trong giới tài chính có tin đồn ông đã mất hết hứng thú với công việc, ít khi thấy ông ở ngân hàng. Vì vậy, William hoàn toàn không bất ngờ khi đọc về sự ra đi của ông trên *The New York Times*.

Người nhà Kane đến New York dự đám tang. Dường như mọi người đều có mặt, có cả John Nance Garneer, Phó Tổng thống Mỹ. Sau đám tang, William và Kate lên tàu trở về Boston, anh chờ đến khi biết mình vừa mất đi mối gắn kết gần gũi cuối cùng với gia đình Lester.

Ba tháng sau, William nhận được thư của Sullivan và Cromwell, hai luật sư danh tiếng ở New York, hỏi anh có sẵn lòng tham gia buổi công bố di chúc của ông Charles Lester quá cố ở văn phòng của họ tại Phố Wall hay không. William quyết định đến buổi công bố đó, vì lòng chung thủy với gia đình Lester hơn là vì muốn xem ông Charles Lester để lại cho anh thứ gì. Anh hy vọng đó là một vật kỷ niệm

nhỏ để gọi nhớ về Matthew và cùng với giải thưởng “Tay chèo Harvard” treo trên tường phòng làm việc của anh ở Dinh Thự Đỏ. Anh cũng muốn có cơ hội nối lại mối thân tình với rất nhiều thành viên trong gia đình Lester, những người anh quen biết trong suốt thời đi học và các kì nghỉ ở trường đại học.

Anh lái chiếc Daimler mới mua đến New York vào đêm trước buổi công bố và ở lại câu lạc bộ Harvard. Bản di chúc được công bố vào 10 giờ sáng hôm sau, anh rất bất ngờ khi đến văn phòng của Sullivan và Cromwell thì hơn năm mươi người đã có mặt. Nhiều người liếc nhìn khi anh bước vào phòng, anh chào các anh chị em họ và các cô dì của Matthew, họ già hơn so với trong trí nhớ của anh, chắc chắn họ cũng nghĩ về anh như vậy. Anh đảo mắt khắp phòng tìm cô em gái của Matthew là Susan, nhưng không thấy. Anh cho rằng lúc này cô hẳn đã lấy chồng và có một đàn con nhỏ.

Đồng hồ vừa điểm mười tiếng, ông Arthur Cromwell bước vào, đi cùng người trợ lý mang theo chiếc cặp da màu nâu. Mọi người yên lặng trong vẻ đợi chờ đầy hy vọng. Mở đầu, ông luật sư giải thích rằng phải đến thời điểm hiện tại, ba tháng sau khi ông Charles Lester qua đời, bản di chúc mới được công bố theo đúng lời di huấn đặc biệt của ông. Không còn con trai để trao lại tài sản, ông muốn sau khi mình mất mọi thứ đều bình ổn trở lại trước khi những di nguyện cuối cùng của ông được làm rõ. William nhìn quanh phòng và quan sát mọi người, nhiều khuôn mặt lộ rõ vẻ chăm chú trước mọi chi tiết ông luật sư đang đọc.

Arthur Cromwell mất gần một tiếng mới đọc xong bản di chúc viết tay. Sau khi tường thuật những điều khoản thông thường dành cho những người giúp việc, các khoản từ thiện và một phần quyền góp lớn cho Đại học Harvard, ông tiếp tục cho biết Charles Lester đã chia số tài sản còn lại theo các mối quan hệ, ít hay nhiều phụ thuộc vào mức độ liên quan. Con gái Susan của ông nhận được phần tài sản lớn nhất, còn năm người cháu trai và ba người cháu gái mỗi người nhận được một phần bằng nhau trong số còn lại. Tất cả số tiền và cổ phần của họ đều được ngân hàng lưu giữ dưới dạng tín thác cho đến khi họ ba mươi tuổi. Nhiều người anh em họ, cô dì và những họ hàng xa đều nhận được tiền mặt.

William ngạc nhiên khi ông Cromwell thông báo:

- Đó là toàn bộ tài sản của ông Charles Lester để lại.

Mọi người bắt đầu nhốn nháo và tiếng xì xào bàn tán đầy lo lắng lan ra khắp phòng.

- Tuy nhiên, di chúc của ông Lester không kết thúc ở đó. - Ông luật sư điềm tĩnh nói. Mọi người ngưng bật, lo lắng trước những tin bất ngờ không mong muốn sau cùng.

Ông Cromwell tiếp tục:

- Giờ tôi sẽ đọc tiếp lời của ông Lester: Tôi luôn cho rằng một ngân hàng và danh tiếng của nó phụ thuộc vào những người phụng sự cho ngân hàng đó. Ai cũng biết tôi đã hy vọng con trai mình là Matthew sẽ kế thừa tôi ở vị trí Chủ tịch Ngân hàng Lester, nhưng thật đáng buồn là con tôi đã ra đi vội vã và bi thảm. Cho đến giờ, tôi chưa bao

giờ tiết lộ về người kế nghiệp tôi đã lựa chọn. Bởi vậy, tôi công bố cho mọi người biết, tôi mong muốn anh William Lowell Kane - con trai một người bạn thân nhất của tôi, ông Richard Lowell Kane quá cố, hiện đang là Phó Chủ tịch của Ngân hàng Kane và Cabot - trở thành Chủ tịch Ngân hàng và Công ty Tín dụng của gia đình Lester sau cuộc họp toàn Ban giám đốc sắp tới.

Trong phòng lập tức náo động. Mọi người nhìn quanh phòng để tìm kiếm nhân vật William Lowell Kane bí ẩn kia, có rất ít người biết đến người này, ngoại trừ những người thân trong nhà Lester.

- Tôi vẫn chưa nói xong. - Arthur Cromwell nhẹ nhàng nói.

Sự yên lặng lại bao trùm. Một vài người thừa kế trông có vẻ e ngại. Ông luật sư tiếp tục:

- Tất cả những khoản trợ cấp và những phần chứng khoán được chia nói trên trong Ngân hàng Lester và Công ty còn phụ thuộc tuyệt đối vào việc những người thụ hưởng sẽ bầu cho anh Kane trong buổi họp tổng kết thường niên sắp tới và tiếp tục bầu cho anh ta trong ít nhất năm năm sau đó, trừ khi chính anh Kane cho biết mình không muốn nhận quyền Chủ tịch.

Tiếng ồn ào lại thay thế cho những tiếng thì thầm kín đáo. William ước gì mình ở cách xa nơi này một triệu dặm, anh không biết mình đang sung sướng đến điên cuồng hay phải thừa nhận mình chính là kẻ bị căm ghét nhất trong căn phòng này.

- Bản di chúc của ông Charles Lester đến đây là kết thúc. - Ông Cromwell nói, nhưng chỉ có những người ngồi hàng đầu

nghe được lời ông. William ngẩng lên, thấy Susan Lester đang bước lại gần anh. Không còn là cô gái béo tròn nữa nhưng các vết tàn nhang duyên dáng vẫn còn nguyên. Anh mỉm cười nhưng cô đi ngang qua anh mà phớt lờ sự hiện diện của anh.

Trong lúc William đi ra cửa, một người cao lớn đã theo kịp anh, người này có mái tóc màu xám, mặc bộ com lê kẻ sọc và đeo cà vạt màu bạc.

- Ông là William Kane phải không?

- Vâng, là tôi. - William bồn chồn đáp.

- Tên tôi là Peter Parfitt. - Người lạ mặt nói.

- Một trong số những Phó Chủ tịch của Ngân hàng. - William tiếp lời.

- Vâng, thưa ông. Tôi không biết ông nhưng tôi có nghe về danh tiếng của ông, và tôi lấy làm may mắn khi được quen biết người cha lỗi lạc của ông. Nếu ông Charles Lester nghĩ ông là người xứng đáng với chức vụ Chủ tịch Ngân hàng thì tôi cũng cho là hợp lý.

William chưa bao giờ được tin tưởng như vậy trong đời.

- Ông đang ở nơi nào tại New York? - Parfitt hỏi.

- Tôi ở câu lạc bộ Harvard.

- Tuyệt. Tối nay ông có rảnh để đi ăn tối không?

- Tôi đã định trở lại Boston ngay tối nay, - William đáp - nhưng giờ có lẽ tôi sẽ phải ở lại New York trong vài ngày nữa.

- Tốt rồi. Sao ông không đến nhà ăn tối cùng vợ chồng tôi nhỉ, 8 giờ nhé?

Ông ta trao cho William tấm danh thiếp có địa chỉ nhà bằng chữ đồng chạm nổi in nghiêng.

- Tôi rất hân hạnh khi có cơ hội trò chuyện cùng ông trong không gian đầm ấm hơn, và được biết các kế hoạch của ông cho tương lai của ngân hàng.

- Cảm ơn ông! - William đáp, bỏ tấm danh thiếp vào túi trong khi những người khác xúm lại quanh anh. Vài người nhìn anh với vẻ thù hằn, những người khác lại muốn chúc mừng anh.

Khi William tìm cách ra được bên ngoài và trở lại câu lạc bộ Harvard, anh lập tức gọi điện báo ngay cho Kate biết tin. Cô nói rất bình thản:

- Anh yêu, Matthew sẽ rất vui vì anh.

William không đáp, anh biết đúng ra Matthew phải là chủ tịch kế nhiệm.

- Khi nào anh về nhà?

- Có trời mới biết. Tối nay anh sẽ đi ăn với một ông tên Peter Parfitt, một Phó Chủ tịch của Ngân hàng Lester. Ông ấy chúc mừng anh được bổ nhiệm, bước ngoặt này có thể khiến cuộc đời suôn sẻ hơn. Đêm nay anh sẽ ở lại câu lạc bộ và lúc nào đó ngày mai anh sẽ gọi cho em để em biết tình hình ở đây thế nào.

- Được rồi, anh yêu!

- Bờ Biển Đông vẫn ổn chứ?

-Ồ, Virginia vừa mọc răng và có vẻ cần được chăm sóc đặc biệt, Richard bị bắt đi ngủ sớm vì dám hỗn với bảo mẫu, cả nhà đều nhớ anh.

William cười.

- Em làm anh thấy vấn đề của anh khá bình thường rồi đấy. Mai anh sẽ gọi cho em, em yêu.

- Vâng, nhớ nhé. Nhân tiện, chúc mừng anh. Em ủng hộ quyết định của bác Charles Lester, dù chúng ta có phải chuyển đến New York.



William đến nhà Peter Parfitt ở Đường 64 phía Đông ngay sau 8 giờ tối hôm đó và ngỡ ngàng khi thấy chủ nhà ăn mặc rất trịnh trọng. William thấy không thoải mái trong bộ com lê tối màu thường mặc đi làm của mình, anh thanh minh với bà chủ nhà là mình vốn định trở lại Boston tối nay. Diana Parfitt là vợ hai của Peter, vô cùng yêu kiều và dường như cũng vui mừng không kém chồng vì William sẽ là Chủ tịch kế nhiệm của ngân hàng. Trong suốt bữa tối tuyệt vời đó, William không thể không hỏi Parfitt nghĩ phản ứng của những thành viên còn lại trong Ban giám đốc trước quyết định gây tranh cãi của Charles Lester sẽ như thế nào.

- Họ đều tán thành cả thôi. - Parfitt nói - Tôi đã nói chuyện với họ rồi. Sáng thứ Hai có một cuộc họp toàn Ban giám đốc để xác nhận chức vụ của ông, tôi chỉ thấy một đám mây mù nhỏ ở phía chân trời thôi.

- Điều gì vậy? - William hỏi, cố không tỏ ra lo lắng.

- Chà, nói riêng với anh, vị Phó Chủ tịch khác tên là Ted Leach cũng đang mong được bổ nhiệm làm Chủ tịch. Thực ra, tôi nghĩ có thể khẳng định rằng ông ta nghiêm nhiên tự cho mình là người kế nhiệm. Chúng tôi được thông báo không có đề cử nào được xem xét cho đến khi bản di chúc được công bố, nhưng những di nguyện của Charles chắc chắn có phần khiến Ted bị sốc.

- Ông ta sẽ tranh đấu ư? - William hỏi.

- Tôi e là thế, nhưng ông không phải lo lắng đâu.

Diana Parfitt vừa nói vừa nhìn vào món bánh trước mặt bà:

- Tôi phải nói luôn là tôi chưa bao giờ ưa Ted Leach.

- Nào, em yêu, - Parfitt trách - chúng ta không được nói bất cứ điều gì sau lưng Ted trước khi ông William có dịp tự đánh giá. Anh tin chắc Ban giám đốc sẽ xác nhận chức vụ được bổ nhiệm của ông William trong buổi họp vào thứ Hai, thậm chí có khả năng Ted sẽ từ chức.

- Tôi không muốn bất cứ người nào cảm thấy vì tôi mà phải từ chức. - William nói.

- Một thái độ rất đáng trọng! - Parfitt nói - Nhưng đừng bận tâm về chuyện vật ấy. Tôi tin là toàn bộ chuyện này đều được kiểm soát tốt. Ông cứ trở lại Boston, tôi sẽ báo tin cho ông về tình hình ở đây.

- Nếu tôi đáo qua ngân hàng vào ngày mai thì có thể sẽ lợi hơn. Các đồng nghiệp của ông sẽ không tò mò nếu tôi cố tình tránh mặt họ chứ?

- Không, tôi không nghĩ nên làm chuyện đó dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Thực ra, nếu ông chờ đến khi Ban giám đốc công nhận chức vụ của ông rồi mới xuất hiện thì sẽ có lợi hơn. Họ có vẻ muốn được thoải mái như lúc trước, một số người có thể sẽ cảm thấy mình có quyền tự ứng cử hơn. Nghe lời tôi đi, Bill, ông cứ quay về Boston. Tôi sẽ đem tin mừng đến cho ông vào tầm trưa thứ Hai.

William miễn cưỡng đồng ý và tiếp tục dành cả buổi tối êm đềm để bàn với vợ chồng Parfitt xem anh và Kate sẽ có

thể tìm nhà ở nơi nào tại New York. Anh hơi thấy lạ khi Peter Parfitt dường như không muốn bàn luận về ý kiến riêng của ông ta cho hướng đi của ngân hàng, nhưng lại làm như vì có vợ ở đó nên không tiện. Buổi tối kết thúc bằng những ly rượu mạnh và mãi hơn 1 giờ sáng William mới trở lại câu lạc bộ Harvard.

Trở lại Boston, trước hết anh thông báo cho Tony Simmons biết những chuyện vừa xảy ra ở New York, anh không muốn ông ta nghe tin anh được bổ nhiệm từ bất cứ ai khác. Simmons nghe tin ấy lại có vẻ e ngại.

- Tôi rất lấy làm tiếc vì anh sẽ rời bỏ chúng tôi, William ạ! Ngân hàng Lester có thể phải lớn gấp hai, ba lần quy mô của Kane và Cabot, nhưng chúng tôi sẽ rất khó tìm người thay thế anh. Tôi hy vọng anh sẽ xem xét kĩ lưỡng trước khi chấp nhận lời đề nghị ấy.

William thấy lạ trước phản hồi của Tony.

- Ông Tony, thẳng thắn mà nói, tôi nghĩ ông sẽ vui nếu tôi không quay lại.

- William à, khi nào anh sẽ thừa nhận mối quan tâm hàng đầu của tôi luôn là ngân hàng này? Anh là một trong số những cố vấn đầu tư xuất sắc nhất nước Mỹ, tôi chưa bao giờ may mắn nghi ngờ điều này. Nếu anh rời Kane và Cabot lúc này, nhiều khách hàng quan trọng nhất của ngân hàng cũng sẽ muốn đi theo anh.

- Tôi thậm chí sẽ không chuyển quỹ tín dụng của riêng tôi sang Ngân hàng Lester mà, - William nói - cũng không mong bất cứ khách hàng nào của ngân hàng chuyển tài khoản của họ đi chỉ vì tôi rời khỏi đây.

- Đương nhiên anh sẽ không dụ dỗ họ đi theo anh, William, đó không phải phong cách của anh, nhưng một số người sẽ muốn anh tiếp tục quản lý danh mục đầu tư của họ. Như cha anh và ông Charles Lester, họ rất có lý khi tin rằng hoạt động ngân hàng chỉ phụ thuộc vào con người và danh tiếng.

Suốt ngày nghỉ cuối tuần, William và Kate căng thẳng chờ đợi một cuộc gọi từ ông Peter Parfitt cùng kết quả của cuộc họp Ban giám đốc ở New York. William bồn chồn ngồi trong văn phòng cả sáng thứ Hai, đích thân trả lời mọi cuộc điện thoại, nhưng từ sáng đến chiều anh vẫn không có thêm thông tin gì. Anh thậm chí không rời văn phòng để đi ăn trưa. Cuối cùng, Parfitt đã gọi vào lúc sau 5 giờ.

- Tôi e là đã có diễn tiến bất ngờ, Bill ạ! - Ông ta mở lời.

William lặng người.

- Không có gì phải lo cả, nhưng Ban giám đốc muốn có quyền phản đối việc ông được bổ nhiệm và cử ra ứng viên của họ. Một trong số đó đã đưa ra các ý kiến pháp lý cho rằng điều khoản trong bản di chúc không có giá trị pháp lý. Tôi được giao một nhiệm vụ không mấy dễ chịu là hỏi xem ông có sẵn lòng ra tranh cử với người của Ban giám đốc không.

- Ứng viên trong Ban giám đốc là ai? - William hỏi.

- Chưa được phép công bố danh tính lúc này, nhưng tôi tin đó sẽ là Ted Leach. Không có ai khác thể hiện ý muốn chống đối lại ông.

- Tôi cần chút thời gian để suy nghĩ. - William đáp - Khi nào có cuộc họp tiếp theo của Ban giám đốc?

- Sau đúng một tuần nữa. Nhưng ông đừng đến và bắt mình phải đối đầu với Ted Leach, tôi vẫn tin ông sẽ dễ dàng chiến thắng. Tôi sẽ thông báo khi có thêm bất cứ biến chuyển nào.

- Ông muốn tôi đến New York không, Peter?

- Không, giờ không phải lúc. Tôi nghĩ đến đây cũng chẳng giải quyết được gì.

William cảm ơn ông ta và gác máy, rồi anh cầm chiếc cặp da cũ và rời khỏi văn phòng, trong lòng thấy hơi chán nản. Tony Simmons, tay xách va li, theo kịp anh khi ra đến bãi đỗ xe của Giám đốc.

- Tôi không biết là ông cũng sắp đi vắng, Tony.

- Chỉ là một bữa tối định kì mỗi tháng cùng một ông chủ ngân hàng tại New York thôi. Tôi sẽ trở lại trước trưa ngày mai. Tôi nghĩ mình có thể an tâm rời khỏi Kane và Cabot trong hai mươi tư tiếng khi có bàn tay tài ba của tân Chủ tịch Ngân hàng Lester.

- Tôi có thể đã là cựu chủ tịch rồi, - William cười và kể cho ông ta về diễn biến mới nhất. Một lần nữa anh lại thấy lạ lùng trước phản ứng của Simmons.

- Đúng là Ted Leach luôn hy vọng sẽ là chủ tịch tiếp theo của Lester. - Ông nói - Trong giới tài chính ai cũng biết rõ tham vọng đó. Nhưng ông ta là một đầy tớ trung thành của ngân hàng và tôi không tin ông ta dám phản đối những điều ông Charles Lester đã quyết định.

- Tôi không nghĩ ông biết ông ta. - William nói.

- Tôi không biết rõ ông ta. - Tony đáp - Ông ta học trên tôi một khóa ở Đại học Yale, thỉnh thoảng tôi vô tình gặp

ông ta ở những buổi chiều dài ghê gớm như hôm nay, anh sẽ phải đến các bữa tiệc kiểu đó ngay khi trở . Ông ta cũng sắp đến đó tối nay. Tôi sẽ nói chuyện với ông ta nếu anh muốn.

- Vâng, xin ông giúp cho, nhưng hãy cẩn trọng được không? - William nói.

- William thân mến, anh đã mất mười năm cuộc đời để trách tôi quá cẩn thận đấy.

- Tôi xin lỗi, Tony. Khi phải đối mặt với một vấn đề riêng thì óc suy xét của tôi bị ảnh hưởng lạ lùng như vậy đấy, tuy nhiên khi giải quyết vấn đề của người khác thì lại được xem là sáng suốt. Tôi sẽ giao mình vào tay ông và làm theo mọi lời khuyên của ông.

- Tốt lắm. Cứ để đó cho tôi. Để tôi xem Leach phải tự nói gì về mình, tôi sẽ gọi cho anh ngay khi trời sáng.



Tony Simmons gọi về từ New York ngay sau nửa đêm, kéo William khỏi giấc ngủ chập chờn.

- Tôi có đánh thức anh không vậy, William?

- Có đấy, nhưng không sao đâu, Tony. - William bật đèn ngủ và nhìn sang đồng hồ báo thức - Chà, ông đã nói sẽ gọi ngay khi trời sáng.

Simmons cười:

- Tôi sợ rằng những điều tôi phải nói với anh không phải chuyện chơi đâu. Đối thủ tranh chức Chủ tịch Ngân hàng Lester của anh là Peter Parfitt.

- *Cái gì?* - William tỉnh táo ngay lập tức.

- Lâu nay, sau lưng anh, ông ta vận động Ban giám đốc ủng hộ cho mình. Như tôi đã dự liệu, Ted Leach ủng hộ anh vào ghế Chủ tịch. Tuy nhiên, Ban giám đốc đã chia làm hai phe.

- Khốn thật. Trước hết xin cảm ơn ông, Tony, và thứ hai, tôi phải làm gì bây giờ?

- Nếu anh muốn là chủ tịch kế tiếp của Ngân hàng Lester, tốt nhất anh nên đích thân đến đây thật nhanh. Một số thành viên trong Ban giám đốc đang hỏi tại sao anh cứ trốn ở Boston như vậy. Đó là lời Parfitt đã nói với họ nhiều ngày nay.

- Tên khốn.

- Giờ anh nói câu đó, tôi không thể xác minh dòng dõi của hần nữa rồi. - Simmons nói - Hãy đến và ở lại câu lạc bộ Yale nhé. Chúng ta có thể nói rõ hết mọi chuyện vào sáng sớm.

- Tôi sẽ đến đó nhanh nhất có thể.

Anh gác máy và nhìn sang Kate đang ngủ rất ngon lành vì chưa biết những chuyện vừa xảy ra. Giờ anh lại ước mình cũng được ngủ ngon như vậy. Chỉ cần tắt rèm khẽ lay động do một cơn gió là anh sẽ thức giấc. Cô có thể ngủ xuyên qua thời khắc Chúa trở lại trong ngày phán xét cuối cùng. Anh viết vội vài dòng nhắn lại và đặt tờ giấy xuống mặt bàn cạnh giường, rồi mặc quần áo, xếp đồ đạc - lần này anh mang cả áo khoác dự tiệc - và lên đường đi New York.

Sáng nay, mọi con đường đều thông thoáng, anh chưa bao giờ chạy chiếc Daimler nhanh như bây giờ. Anh đến New York vào giờ những lao công, người đưa thư, đám trẻ bán báo bắt đầu xuất hiện và mặt trời vừa lên. Lúc đó là 6 giờ 15. Anh

dỡ đồ xuống và quyết định nghỉ ngơi một tiếng trước khi đánh thức Tony Simmons, nhưng sau đó anh nghe có tiếng gõ cửa dồn dập. Vẫn còn buồn ngủ, anh ra mở cửa và thấy Simmons đứng ngoài hành lang.

- Đồ ngủ đẹp đấy, William! - Ông ta cười.

- Chắc tôi đã ngủ thiếp đi. Nếu ông đợi một chút, tôi sẽ đâu vào đấy để đi cùng ông. - William nói.

- Không, không, tôi phải bắt tàu trở về Boston đây. Phải có người quản lý văn phòng chứ. Anh đi cứ tắm và mặc đồ trong lúc ta nói chuyện.

William vào phòng tắm và để cửa mở.

- Vấn đề chính của anh bây giờ... - Simmons bắt đầu.

William thò đầu ra khỏi cửa nhà tắm.

- Tôi không thể nghe rõ trong khi nước chảy.

Simmons đợi đến khi nước chảy xong.

- Peter Parfitt là khó khăn chính. Hắn ta cho rằng mình sẽ trở thành chủ tịch tiếp theo và tên hắn đúng ra phải được xuất hiện trong di chúc của Charles Lester. Từ sau đó, hắn chơi các thủ đoạn chính trị và tìm cách vận động các giám đốc chống lại anh. Ted Leach muốn anh đi ăn trưa cùng ông ta hôm nay ở câu lạc bộ Metropolitan, khi đó ông ta sẽ cho anh biết đầy đủ chi tiết. Ông ta có thể sẽ đưa đến hai hoặc ba thành viên của Ban giám đốc mà anh có thể tin tưởng. Tôi nói luôn, Ban giám đốc có vẻ vẫn đang chia làm hai phe.

William bị dao cạo râu cắt phải.

- Chết tiệt! Ông nói câu lạc bộ nào nhỉ?

- Câu lạc bộ Metropolitan, qua Đại lộ 5, trên Đường 60 phía Tây.

- Sao lại ở đó mà không phải chỗ nào khác trên Phố Wall?

- William, khi anh phải đương đầu với những tên Peter Parfitt trong cuộc đời này, đừng đánh động cho ai biết về ý định của anh. Hãy thật sáng suốt và chơi thật lạnh lùng. Từ thông tin Leach cho tôi biết, ông ta nghĩ anh vẫn có thể thắng.

William trở lại phòng ngủ với chiếc khăn tắm quấn ngang hông.

- Tôi sẽ cố gắng. - Anh nói - Thật lạnh lùng, như thế này. Simmons cười.

- Giờ tôi phải trở lại Boston. Chuyến tàu sẽ rời ga Grand Central trong mười phút nữa. - Ông nhìn đồng hồ - Chết, còn sáu phút thôi. - Ông dừng lại trước cửa phòng ngủ - Anh biết đấy, cha anh không bao giờ tin tưởng Peter Parfitt. “Thật uyển chuyển”, ông ấy luôn nói vậy. Không có gì hơn, chỉ cần “thật uyển chuyển”. Chúc may mắn nhé, William!

- Tôi biết cảm ơn ông thế nào đây, Tony?

- Anh không thể cảm ơn đâu. Cứ xem như tôi đã chuộc lỗi cho cách cư xử gay gắt của mình với Matthew. Nhưng thẳng thắn mà nói, vì Kane và Cabot, tôi hy vọng anh sẽ thua.

William vừa mỉm cười vừa nhìn cánh cửa đóng lại. Trong lúc gần khuy móc vào ổ cửa, anh thấy thật lạ lùng biết bao khi bao nhiêu năm anh làm việc kề cận Tony Simmons mà không hề thực sự hiểu ông ta, nhưng chỉ sau ít ngày bản thân gặp khủng hoảng, anh lại thấy yêu mến và tin tưởng người đàn ông ấy. Anh xuống phòng ăn và dùng

bữa sáng đặc trưng của câu lạc bộ: trứng luộc đã để nguội, một miếng bánh mì nướng, bơ và mứt cam kiểu Anh của ai đó để lại ở bàn bên cạnh. Người phục vụ đưa cho anh tờ *The Wall Street Journal*, trong đó có một trang nói qua về những sự kiện không suôn sẻ ở Ngân hàng Lester sau khi William Kane được chỉ định làm chủ tịch kế nhiệm. Tờ báo hình như không biết đối thủ của anh là ai.

William trở về phòng và hỏi tổng đài một số điện thoại ở Boston. Anh đợi thêm vài phút trước khi được nối máy.

- Tôi xin lỗi, anh Kane. Tôi không biết là anh gọi. Tôi xin được chúc mừng anh vì đã được chỉ định làm Chủ tịch Ngân hàng Lester. Tôi hy vọng tin vui này cũng có nghĩa là văn phòng chúng tôi ở New York sẽ được chứng kiến nhiều thành quả của anh hơn trong tương lai.

- Điều đó có thể sẽ phụ thuộc nhiều vào ông, ông Cohen.

- Tôi không hiểu lắm. - Ông luật sư đáp.

William giải thích mọi chuyện đã xảy ra trong nhiều ngày qua và tiết lộ các điều khoản xác đáng trong di chúc của ông Charles Lester.

- Ông có nghĩ mong muốn của ông ấy sẽ đứng vững nếu đưa ra trước tòa không? - Anh hỏi.

- Ai biết được? Tôi không thể nghĩ ra một tiền lệ nào cho trường hợp như vậy. Ở thế kỷ 19, một nghị sĩ Anh đã từng dẫn lại cử tri của mình trong một bản di chúc và không ai phản đối, và người thụ hưởng tiếp tục trở thành Thủ tướng. Nhưng đó là hơn một trăm năm trước, và ở nước Anh. Còn giờ, trong trường hợp này, nếu Ban giám đốc quyết định

tranh cãi về di chúc của ông Lester và anh đưa tất cả ra tòa, tôi không hình dung được thẩm phán sẽ khó xử thế nào. Huân tước Melbourne không phải đấu tranh với một người đại diện cho Hạt New York. Tuy thế, đây là một câu đố pháp luật thú vị đấy, anh Kane.

- Ông sẽ tư vấn thế nào?

- Tôi là một người Do Thái, anh Kane ạ! Tôi đến đất nước này trên một con tàu của người Đức trong thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ, tôi luôn phải đấu tranh cho bất cứ điều gì tôi muốn. Trở thành Chủ tịch của Ngân hàng Lester quan trọng đến cỡ nào?

- Rất quan trọng, ông Cohen ạ!

- Vậy anh nên lắng nghe một ông già, người nhiều năm qua đã nhìn anh bằng ánh mắt vô cùng nể trọng, và có thể nói là cả bằng lòng yêu mến nữa. Tôi sẽ nói cho anh biết chính xác những gì tôi sẽ làm nếu tôi ở vào hoàn cảnh của anh.

Một giờ sau, William bỏ máy xuống. Vẫn còn chút thời gian, anh lên Đại lộ Công viên và nghĩ về những lời khuyên xác đáng của Cohen. Trên đường đến câu lạc bộ Metropolitan, anh đi qua một khoảnh đất có một tòa nhà khổng lồ đang thi công. Một bảng thông báo cho biết: *Khách sạn Nam Tước tiếp theo sẽ ở New York. Khi có ngài Nam tước làm chủ khách sạn, bạn sẽ không bao giờ muốn nghỉ lại ở bất cứ nơi nào khác.* Anh cười và bước từng bước nhẹ nhàng đến nơi đã hẹn ăn trưa.

Ted Leach là một người thấp nhỏ nhưng sang trọng, có mái tóc nâu hoa râm và bộ ria sáng màu hơn, ông đang đứng

ở phòng nghỉ đợi anh và nồng hậu bắt tay anh. William thấy ngưỡng mộ trước phong cách thời Phục hưng của câu lạc bộ, Leach cho anh biết nơi này do Otto Kuhn và Stanford White xây dựng năm 1891. J.P. Morgan đã lập ra nơi này khi một trong số những người bạn thân nhất của ông không được bầu ở câu lạc bộ Liên hiệp. Leach kể chuyện đó khi hai người ra quầy rượu.

- Thật là một cử chỉ ngông cuồng, kể cả là với một người bạn rất thân. - William gọi mở cuộc nói chuyện.

- Hẳn là thế! - Leach nói - Bây giờ ông muốn uống gì nào, ông Kane?

- Cho tôi một ly sherry nguyên chất. - William nói.

Vài phút sau, một cậu bé mặc đồng phục màu xanh lam lịch sự quay lại với ly sherry nguyên chất và một ly scotch cùng nước lọc, cậu ta không cần hỏi ông Leach về đồ uống.

- Uống vì chủ tịch kế nhiệm của Ngân hàng Lester nhé!
- Leach nói và nâng cốc.

William còn do dự.

- Đừng uống, ông Kane. Như ông biết đấy, ông không bao giờ nên uống vì chính mình.

William cười, không biết nói sao. Lát sau, hai người đàn ông lớn tuổi hơn bước đến chỗ quầy bar và ngồi cùng hai người, cả hai đều cao ráo và tự tin trong bộ đồng phục ngân hàng màu xám, cổ cồn cứng và cà vạt cùng một màu tối. Nếu bọn họ đi tản bộ trên Phố Wall, William chắc sẽ không buồn để mắt đến họ. Ở câu lạc bộ Metropolitan, anh quan sát họ kĩ hơn khi Leach giới thiệu.

- Ông Alfred Rodgers và ông Winthrop Davies. Cả hai đều là thành viên Ban giám đốc.

Nụ cười của William có vẻ dè dặt, giờ anh chưa rõ hai người này ở phe nào. Hai người mới đến quan sát anh với vẻ thích thú. Trong một lát, không ai nói với nhau câu nào.

- Chúng ta bắt đầu từ đâu nhỉ? - Rodgers hỏi, trông kính rơi ra xuống khỏi mắt khi ông ta nói.

- Từ chỗ đi ăn trưa. - Leach nói.

Ba người cùng quay ra, rõ ràng họ biết rõ cả nhóm sẽ đi đâu. William đi theo. Phòng ăn trên tầng hai rất rộng, trần nhà cao trắng lè. Người chủ xếp cho họ chỗ ngồi gần cửa sổ, nhìn ra Công viên Trung tâm, ở đó không ai có thể nghe lén cuộc trò chuyện của họ.

- Hãy gọi đồ đã, rồi chúng ta nói chuyện. - Leach nói.

Qua cửa sổ, William có thể trông thấy Khách sạn Plaza. Những ký ức ngày kỉ niệm của anh cùng hai bà và Matthew ủa về, và còn điều gì khác nữa... Anh cố nhớ lại bữa tiệc trà hôm đó ở khách sạn Plaza...

- Ông Kane, chúng ta để danh thiếp lên bàn nhé. - Leach nói - Thắng thắn và chân thành mà nói, quyết định của Charles Lester chỉ định ông làm chủ tịch ngân hàng khiến chúng tôi đều bất ngờ. Nhưng nếu Ban giám đốc phớt lờ những mong mỏi của ông ấy, ngân hàng sẽ chìm sâu vào hỗn loạn và không ai trong chúng tôi muốn vậy. Ông ấy là người lão luyện sắc sảo và hẳn sẽ có những lý do riêng khi muốn ông trở thành chủ tịch ngân hàng. Với tôi vậy là đủ.

Lúc trước William đã được nghe những lời cảm mến ấy, từ Peter Parfitt.

- Cả ba người chúng tôi, - Davies tiếp lời - nợ Charles Lester tất cả những gì chúng tôi có, và chúng tôi sẽ thực hiện ước muốn của ông ấy kể cả đó là những công việc cuối cùng chúng tôi được thực hiện ở cương vị thành viên Ban giám đốc.

- Có thể sẽ là cuối cùng đấy, - Leach nói - nếu Parfitt trở thành chủ tịch.

- Tôi xin lỗi, thưa các ông, - William nói - vì đã khiến các vị có quá nhiều bất ngờ. Nếu việc tôi được chỉ định làm chủ tịch khiến các vị bất ngờ, thì với tôi đó cũng là tiếng sét lúc trời quang. Khi đến buổi công bố di chúc, tôi hình dung mình sẽ nhận được một ít đồ kỷ niệm riêng nhỏ bé để tưởng nhớ đến con trai ông Lester, chứ không phải cơ hội được điều hành ngân hàng của ông ấy.

Leach cười khi nghe đến từ “cơ hội”.

- Chúng tôi hiểu vị trí ông được giao phó, ông Kane, và ông phải tin chúng tôi khi chúng tôi nói mình đứng về phía ông. Chúng tôi biết ông có thể sẽ thấy khó chấp nhận sau khi ông đứng phải chiêu trò của Peter Parfitt.

- Tôi phải tin ông, ông Leach, vì tôi không có lựa chọn nào ngoại trừ việc giao phó bản thân cho ông. Ông tóm lược tình hình hiện tại như thế nào?

- Tình hình đã rõ ràng, - Leach nói - chiến dịch của Parfitt được tổ chức bài bản và hiện giờ ông ta đang có ưu thế. Ông Kane, tôi cho rằng ông cũng muốn tranh đấu.

- Nếu không muốn, tôi đã không ở đây, thưa ông Leach. Và giờ ông đã tổng kết tình thế rất súc tích, xin ông cho phép tôi đề xuất phương hướng chúng ta sẽ dùng để đánh bại Parfitt.

- Chắc chắn rồi. - Leach nói.

Ánh mắt của ba giám đốc ngân hàng đổ dồn vào William.

- Các ông hoàn toàn đúng khi cho rằng Parfitt thấy mình đang nắm thế mạnh, vì cho đến giờ ông ta luôn là kẻ tấn công, biết rõ chuyện gì xảy ra tiếp theo. Đã đến lúc chúng ta tấn công vào địa điểm và thời điểm ông ta không ngờ tới nhất: trong phòng họp của chính ông ta.

- Ông Kane, ông tính chúng ta sẽ phải làm thế nào? - Davies hỏi.

- Tôi sẽ giải thích nếu trước tiên các ông cho tôi hỏi hai câu hỏi. Có bao nhiêu giám đốc có quyền bỏ phiếu?

- Mười sáu. - Leach đáp ngay.

- Và lúc này, họ ủng hộ cho ai?

- Đây không phải câu hỏi dễ đâu, ông Kane! - Davies xen vào. Ông ta rút một chiếc phong bì nhàu nhĩ trong túi áo ra và xem kỹ mặt sau của nó trước khi nói tiếp - Tôi ước chừng chúng ta có thể chắc chắn có sáu phiếu, và Parfitt có thể ăn chắc năm phiếu. Nhưng tôi giật mình khi biết sáng nay Rupert Cork-Smith - người bạn lâu năm nhất của Charles Lester - không có ý muốn ủng hộ ông. Thật kì quặc, vì tôi biết ông ta không quan tâm đến Parfitt. Như vậy mỗi bên được sáu phiếu.

- Do vậy, cho đến thứ Năm, chúng ta phải đảm bảo có thêm ba phiếu nữa. - Leach nói.

- Tại sao lại là thứ Năm? - William hỏi.

- Đó là ngày diễn ra cuộc họp tiếp theo của Ban giám đốc, - Leach vuốt hàng ria mép - và Mục 1 trong chương trình nghị sự là bầu chủ tịch mới.

- Tôi được thông báo cuộc họp Ban giám đốc sắp tới phải đến tận thứ Hai mới diễn ra. - William ngạc nhiên nói.

- Ai nói?

- Peter Parfitt. - William đáp.

- Chiêu trò của ông ta, - Leach bình luận - thật chẳng đáng mặt một quý ông.

- Tôi đã biết đủ về quý ông đó, - William vừa nói vừa mỉa mai - để hiểu ra mình sẽ phải giao chiến với ông ta.

- Nói thì dễ, làm mới khó, ông Kane ạ! Rất có khả năng lúc này ông ta đang ngồi ở vị trí cầm lái, - Davies nói - và tôi không rõ chúng ta sẽ lôi ông ta xuống khỏi chiếc ghế ấy bằng cách nào.

- Chuyển đèn giao thông sang màu đỏ. - William đáp. Ba người kia đều tỏ vẻ bối rối, nhưng không ai bình luận gì - Ai có quyền triệu tập cuộc họp Ban giám đốc? - Anh tiếp tục.

- Trong khi Ban giám đốc không có Chủ tịch, hai Phó Chủ tịch có quyền, - Ted Leach nói - tức là Parfitt và tôi.

- Theo quy định, cần bao nhiêu thành viên để biểu quyết một vấn đề?

- Chín người. - Davies nói.

- Và ai là thư ký của Ban giám đốc?

- Là tôi. - Alfred Rodgers, gần như đến lúc này mới thấy ông ta nói, đúng là một trong số những phẩm chất William luôn tìm kiếm ở một thư ký.

- Ông phải báo trước bao lâu để triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của Ban giám đốc, ông Rodgers?

- Mỗi giám đốc phải được thông báo trước ít nhất hai mươi tư tiếng, dù thực tế không có cuộc họp khẩn cấp nào diễn ra từ sau cuộc khủng hoảng năm 1929. Charles Lester luôn cố gắng tổ chức họp trong thời hạn ít nhất sáu ngày.

- Nhưng các điều luật của ngân hàng có cho phép tổ chức một cuộc họp khẩn cấp trong thời hạn hai mươi tư tiếng không? - William hỏi.

- Có đấy, ông Kane! - Rodgers khẳng định, trông kính duy nhất của ông ta lúc này ở yên vị trí và tập trung nhìn vào William.

- Tuyệt đấy. Vậy triệu tập cuộc họp Ban giám đốc của chúng ta thôi.

Ba ông chủ ngân hàng tròn mắt nhìn như thể họ chưa nghe rõ lời anh.

- Nghĩ đi nào, các quý ông! - William nói tiếp - Ông Leach, dưới tư cách Phó Chủ tịch, triệu tập cuộc họp Ban giám đốc, và ông Rodgers, dưới tư cách thư ký của Ban giám đốc, khẩn trương thông báo cho các giám đốc khác.

- Ông muốn cuộc họp diễn ra lúc nào? - Leach hỏi.

- 3 giờ chiều mai.

- Lạy Chúa nhân từ, như vậy thì gấp quá! - Rodgers than

- Tôi không chắc đâu...

- Chỉ gấp với Parfitt thôi, ý ông là thế nhỉ? - William hỏi.

- Công bằng đấy. - Leach nhận xét - Và ông đã có kế hoạch gì cho cuộc họp này rồi?

- Cứ để đó cho tôi. Chỉ cần đảm bảo đây là cuộc họp được triệu tập hợp pháp và mọi giám đốc được biết trước ít nhất hai mươi tư tiếng.

- Tôi đang không biết Parfitt sẽ phản ứng thế nào.

- Tôi không quan tâm, - William nói - đó chính là lỗi sai bấy lâu nay chúng ta luôn phạm phải. Cứ để ông ta bắt đầu lo lắng về sự thay đổi của chúng ta. Chừng nào ông ta được thông báo về thời hạn hai mươi tư tiếng trọn vẹn và ông ta là giám đốc cuối cùng được thông báo, chúng ta sẽ không có gì phải lo sợ. Chúng ta không để ông ta có nhiều hơn thời gian cần thiết để dàn xếp cuộc phản công. Và thưa các ông, đừng tỏ ra bất ngờ trước bất cứ hành động hay tuyên bố nào của tôi ngày mai. Hãy tin vào phán đoán của tôi, chỉ cần các vị có mặt để hỗ trợ tôi.

- Ông không cảm thấy chúng tôi cần được biết ông đang nghĩ gì sao?

- Không, ông Leach ạ! Ông phải thể hiện như mình vô can và chỉ cần thực hiện nhiệm vụ của mình như một giám đốc của ngân hàng. Tuy nhiên, ông Rodgers sẽ có nhiệm vụ quan trọng hơn là phải hoàn toàn sẵn sàng để điều hành cuộc bỏ phiếu như thể ông không hề biết trước mọi việc.

Ted Leach và hai đồng nghiệp bắt đầu vỡ lẽ tại sao Charles Lester lại chọn William Kane làm chủ tịch kế nhiệm. Bốn người rời khỏi câu lạc bộ Metropolitan vài phút sau đó, trong lòng tự tin hơn lúc họ đến, dù hoàn toàn mù mờ về kế hoạch của William cho buổi họp Ban giám đốc họ sắp triệu tập. Mặt khác, William đã thực hiện phần đầu tiên trong

những chỉ dẫn của Cohen về nhiệm vụ của anh, hiển nhiên anh mong mỗi đến phần thứ hai khó khăn hơn.

Anh mất gần trọn buổi chiều và tối trong phòng của mình ở câu lạc bộ Yale, ghi chép rất nhiều và suy nghĩ về chiến thuật của mình trong buổi họp ngày mai. 6 giờ tối, anh tranh thủ gọi về cho Kate.

- Anh yêu, anh đang ở đâu? - Cô hỏi - Biến mất lúc nửa đêm mà em không biết đi đâu.

- Đến gặp người tình ở New York. - William nói.

- Khổ thân cô ta quá! - Kate nói - Cô ta khuyên anh đổi phỏ với lão Parfitt ranh ma thế nào?

- Không có thời gian để hỏi cô ấy, bọn anh bận bù đầu với những việc khác. Em sẽ khuyên anh thế nào khi anh gọi cho em lúc này?

- Đừng làm ra những việc mà Charles Lester và cha anh không chấp nhận. - Giọng Kate chột nghiêm túc.

- Hai người chắc đang chơi golf với nhau trên tầng mây thứ mười tám và đang đánh cược, trong khi vẫn dõi theo anh mọi lúc.

- William ạ, dù anh làm gì đi nữa, cùng đừng làm ra những việc sai trái nếu anh còn nhớ họ vẫn đang dõi theo anh.

Tời vừa bừng sáng, William đã thức dậy, cố ngủ nhưng chỉ chập chờn. Anh trở dậy lúc hơn 6 giờ một chút, tắm nước lạnh, đi dạo một lúc lâu quanh Công viên Trung Tâm để đầu óc được thư thái và trở về câu lạc bộ Yale để ăn nhẹ. Có điện tín của vợ đang đợi anh ở phòng tiếp tân. Anh đọc và cười vang: *Nếu anh không quá bận, anh mua cho Richard một chiếc mũ bóng chày Yankees ở New York được không?*

Anh cầm tờ *The Wall Street Journal* lên, tờ báo vẫn đang xoay quanh câu chuyện về những xích mích trong phòng họp Ban giám đốc của Ngân hàng Lester về cuộc bầu chọn chủ tịch mới. Lúc này, báo đã có thêm bài tường thuật các sự kiện của Parfitt, có nói bóng gió đến buổi họp Ban giám đốc ngày thứ Năm để xác nhận vị trí được bổ nhiệm của ông ta. William tự hỏi bài tường thuật của ai sẽ được đăng trên số báo ngày mai. Anh rất mong được đọc tờ *The Wall Street Journal* ngày thứ Sáu.

Sau khi gọi thêm một cuộc nữa cho Thomas Cohen, anh dành cả buổi sáng để kiểm tra lại các điều khoản về hợp nhất và nội quy của Ngân hàng Lester. Anh bỏ bữa trưa để đến cửa hiệu F.A.O. Schwarz mua cho con trai chiếc mũ chơi bóng chày.

2 giờ rưỡi, anh bắt xe đến Ngân hàng Lester ở Phố Wall, đến trước cửa ngân hàng lúc 3 giờ kém vài phút. Người gác cửa trẻ tuổi hỏi anh đã có lịch hẹn với ai.

- Tôi là William Kane.

- Vâng, thưa ngài. Ngài sẽ vào phòng họp của Ban giám đốc.

Lạy Trời, William nghĩ, mình thậm chí còn không biết phòng đó ở đâu.

Người gác cửa nhận ra vẻ ngại ngùng của anh.

- Theo lối hành lang bên trái, thưa ngài, và đến cửa thứ hai bên phải.

- Cảm ơn anh! - William đáp và chậm rãi bước theo hành lang. Đến thời điểm đó anh mới biết rõ thế nào là cảm giác bồn chồn trong dạ, đứng ngồi không yên. Anh thấy rõ ràng nhịp tim dồn dập hơn cả tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trên tường, anh chắc sẽ không bất ngờ khi nghe thấy mình đổ chuông lúc 3 giờ.

Ted Leach đang đứng ở lối vào phòng họp.

- Sẽ nan giải đấy. - Ông nói.

- Cũng không bất ngờ đâu. - William nói - Nhưng ông Charles Lester lại thích như vậy vì ông ấy luôn đối diện với khó khăn trước mắt.

William sai bước vào căn phòng ốp gỗ sồi rất đẹp mắt, có nhiều người đang đứng thành các nhóm hai hoặc ba người, mải mê trò chuyện. Anh không cần đếm số người để biết tất cả các giám đốc đều đã có mặt. Đây không phải một trong số những cuộc họp mà một giám đốc dám bỏ lỡ. Tiếng trò chuyện rì rầm ngừng lại khi William vào phòng. Anh ngồi vào vị trí của chủ tịch ở đầu chiếc bàn dài trước khi Peter Parfitt kịp nhận thấy chuyện gì đang diễn ra.

- Xin mời các ông ngồi. - Anh nói, hy vọng giọng mình có uy quyền.

Ted Leach và một số giám đốc khác lập tức ngồi xuống ghế, những người khác dường như còn lưỡng lự.

- Trước khi ai đó phát biểu, - William bắt đầu - nếu các vị cho phép, tôi xin được có đôi lời mở đầu, sau đó các vị có thể quyết định mình sẽ tiếp tục thế nào. Tôi thấy đó là điều tối thiểu chúng ta có thể làm để tuân theo những di nguyện của ông Charles Lester quá cố.

Một hoặc hai giám đốc còn lưỡng lự cũng đã ngồi xuống. Mọi con mắt trong phòng đều đổ dồn vào William.

- Cảm ơn các ông. Để bắt đầu, tôi xin được nói để các vị biết rõ: Tôi vốn hoàn toàn không có ham muốn trở thành chủ tịch của Ngân hàng này, - anh dừng lại để mọi người rõ - trừ khi đó là ý nguyện của phần đông các giám đốc ngân hàng. Thưa các ông, tôi hiện là Phó Chủ tịch Ngân hàng Kane và Cabot và sở hữu 51% cổ phần ngân hàng đó. Kane và Cabot được ông nội tôi thành lập và tôi nghĩ nó có thể sánh ngang với Ngân hàng Lester về mặt danh tiếng, nếu

không nói đến quy mô. Nếu tôi buộc phải rời khỏi Boston và chuyển đến New York để trở thành chủ tịch tiếp theo của ngân hàng này, tuân theo đúng di nguyện của ông Charles Lester, như vậy sẽ không thuận lợi cho bản thân tôi hoặc gia đình tôi. Tuy nhiên, như những gì ông Charles Lester mong muốn tôi sẽ thực hiện, - và ông ấy không phải là người dễ dàng đưa ra một quyết định như vậy - tôi chắc chắn sẽ nghiêm túc thực hiện các di nguyện của ông ấy. Tôi cũng muốn nói thêm, con trai ông ấy là Matthew Lester, là bạn thân nhất của tôi trong hơn mười lăm năm qua, tôi xem tấn bi kịch vừa qua là của tôi, người hôm nay đang nói chuyện với các ông dưới tư cách chủ tịch tương lai, không phải bi kịch của anh ấy.

Một số giám đốc gạt đầu tán thành.

- Thừa các ông, nếu tôi đủ may mắn để có được sự ủng hộ của các ông hôm nay, tôi sẽ sẵn lòng hy sinh tất cả những gì tôi có ở Boston để phục vụ cho mọi người ở đây. Tôi hy vọng tôi không cần phải cho các vị xem bản khai chi tiết về kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng của mình. Tôi sẽ xem như mọi người đã gặp khó khăn khi tìm hiểu tại sao Charles Lester lại nghĩ tôi là người xứng đáng kế nghiệp ông. Ông Chủ tịch của tôi, Tony Simmons, nhiều người trong các vị cũng đã biết, đã yêu cầu tôi ở lại với Ngân hàng Kane và Cabot, khước từ ý muốn của Charles Lester.

Hôm qua, tôi đã định báo cho ông Peter Parfitt về quyết định của mình, nếu ông ta chịu khó gọi điện cho tôi. Tuần trước tôi đã có vinh dự được ăn tối cùng ông bà Parfitt ở nhà

ông bà, và hôm đó, ông Parfitt đã cho tôi thấy ông ta không quan tâm đến việc trở thành chủ tịch tiếp theo của ngân hàng. Theo lời ông ta, đối thủ duy nhất của tôi là ông Leach, và ông ta còn cho biết ông ta luôn ủng hộ tôi nhận ghế chủ tịch. Bởi thế, tôi cho rằng cả hai Phó Chủ tịch đều đang ủng hộ tôi. Nhưng sau khi đọc *The Wall Street Journal* sáng nay, tôi đã không còn tin vào những dự đoán của tờ báo này từ năm tôi lên tám, - anh khẽ cười - tôi cảm thấy mình nên có mặt trong buổi họp hôm nay để đảm bảo mình không mất đi sự ủng hộ của cả hai vị Phó Chủ tịch, và bài tường thuật của tờ báo là không chính xác. Ông Leach đã triệu tập cuộc họp này, giờ tôi phải hỏi ông ấy có còn ủng hộ tôi kế nhiệm Charles Lester ở vị trí chủ tịch mới của ngân hàng hay không.

William nhìn sang Leach, ông ta đang cúi đầu. Khoảng thời gian chờ đợi tuyên bố của ông ta dường như kéo dài vô tận, dù thực ra chỉ là vài giây. Một dấu hiệu phản đối từ ông cũng sẽ như một lệnh xử tử của phe Parfitt dành cho phe ủng hộ William.

Leach chậm rãi ngẩng đầu lên và nói:

- Thưa Ban giám đốc, tôi hoàn toàn ủng hộ ông Kane.

William nhìn thẳng vào Peter Parfitt lần đầu tiên trong ngày hôm đó. Ông ta đang toát mồ hôi như tắm, và khi nói, ông ta không ngẩng lên khỏi tập giấy vàng trước mặt.

- Một số người trong Ban giám đốc, - ông bắt đầu - cảm thấy tôi nên tuyên bố tham gia tranh cử...

- Và chuyện đó diễn ra từ sau lần chúng ta nói chuyện tuần trước, khi ông bảo ông sẵn lòng đáp ứng các mong

muốn của Charles Lester? - William ngắt lời, cố làm cho giọng mình có vẻ ngạc nhiên đôi chút.

Parfitt hơi ngẩng đầu lên.

- Trường hợp này không đơn giản thế, ông Kane.

-Ồ, đúng rồi đấy, ông Parfitt. Ông đã đổi ý sau khi tôi đến ăn tối ở nhà ông, hay ông vẫn ủng hộ tôi?

- Tôi được cho biết mong muốn của nhiều giám đốc là muốn tôi đứng ra chống lại ông.

- Dù mới một tuần trước ông đã nói ông không hứng thú với vị trí chủ tịch?

- Tôi mong có thể nói ra lập trường riêng của mình, - Parfitt nói - trước khi ông cho là tôi nói quá nhiều. Đây chưa phải là phòng họp của ông, ông Kane.

- Xin mời ông nói, ông Parfitt.

Cho đến lúc này, buổi họp vẫn diễn ra chính xác như William đã dự tính. Phần phát biểu của anh đã được chuẩn bị kĩ lưỡng và lúc này Parfitt đang vật lộn trong bất lợi vì đã mất đi thế chủ động, chưa nói đến chuyện ghê gớm nhất là bị công khai tố giác tội hai mặt.

- Thừa các vị, - ông ta bắt đầu giống như đang tìm từ ngữ để diễn tả - xem nào...

Mọi ánh mắt giờ đổ dồn vào Parfitt, tạo cơ hội cho William có được chút rảnh rỗi để quan sát vẻ mặt của các giám đốc khác.

- Nhiều thành viên trong Ban giám đốc đã đến gặp riêng tôi sau khi tôi ăn tối cùng ông Kane, - Parfitt nói - và tôi cảm thấy nhiệm vụ của tôi chính là tôn trọng mong muốn

của họ và đứng ra ứng cử. Tôi chưa bao giờ muốn chống lại những di nguyện của ông Lester, người tôi vô cùng ngưỡng mộ và quý trọng. Tất nhiên, đứng ra tôi sẽ thông báo cho ông Kane về dự định của tôi trước cuộc họp đã được lên lịch vào ngày thứ Năm, nhưng tôi xin thú thật có chút bất ngờ vì những sự việc hôm nay.

Ông ta hít một hơi thật sâu.

- Tôi đã phục vụ cho Ngân hàng Lester hai mươi hai năm qua, có sáu năm là Phó Chủ tịch. Bởi thế, tôi thấy mình có quyền được xem xét cho vị trí đó. Tôi sẽ vô cùng hài lòng nếu ông Kane tham gia vào Ban giám đốc dưới tư cách phó chủ tịch, nhưng hiện giờ tôi thấy mình không đủ khả năng để ủng hộ cho ông ta vào vị trí chủ tịch. Tôi hy vọng các đồng nghiệp của mình sẽ bầu cho người đã làm việc với ngân hàng này hơn hai mươi năm, hơn là cho một người lạ mặt bên ngoài, được chọn thông qua ý thích nhất thời của một ông già đã quẫn trí sau cái chết của người con trai độc nhất. Xin cảm ơn các vị.

Trong hoàn cảnh này, William cũng có phần ấn tượng với bài phát biểu, nhưng Parfitt không có được lợi thế từ lời khuyên của ông Cohen về sức mạnh trong câu cuối cùng ở một cuộc tranh luận ngang sức. William lại đứng dậy.

- Thừa Ban giám đốc, ông Parfitt đã cho thấy cá nhân tôi là người xa lạ với ông. Bởi thế, tôi không muốn bất cứ ai còn nghi ngờ về con người tôi. Như tôi đã nói, tôi là cháu nội và là con trai của hai ông chủ ngân hàng. Cả đời tôi đã làm ngân hàng và thật không trung thực nếu tôi coi mình là người

không đủ phẩm giá để giữ cương vị chủ tịch kế nhiệm của Ngân hàng Lester. Mặt khác, sau tất cả những thông tin Ban giám đốc được nghe hôm nay, nếu các vị quyết định bầu cho ông Parfitt, xin cứ bầu. Tôi sẽ trở lại Boston và vui vẻ tiếp tục phục vụ cho ngân hàng của riêng mình. Hơn thế, tôi sẽ công bố mình không hề có ý muốn trở thành chủ tịch của Ngân hàng Lester, nên sẽ không ai có thể buộc tội các vị đã không hoàn thành nhiệm vụ khi thực hiện các điều khoản trong di chúc của ông Charles Lester. Tôi không mong trở thành chủ tịch do được chỉ định, mà phải do được tất cả đồng thuận.

Tuy nhiên, không có điều kiện nào khiến tôi phải sẵn lòng giữ cương vị thành viên Ban giám đốc dưới quyền ông Parfitt. Tôi đứng trước mọi người, toàn bộ Ban giám đốc, trong thế bất lợi nghiêm trọng của “người xa lạ bên ngoài”, theo lời ông Parfitt. Tuy vậy, tôi có lợi thế khi có được sự ủng hộ của một người không thể xuất hiện hôm nay, một người đàn ông mà tất cả các vị ngồi đây đều phải tôn trọng và kính nể, một người không hề phải nhượng bộ những ý thích nhất thời hay đưa ra những quyết định khinh suất. Bởi vậy, tôi đề nghị Ban giám đốc không mất thêm thời gian để quyết định ai sẽ giữ chức vụ chủ tịch kế nhiệm của Lester nữa. Nếu có ai còn nghi ngờ về năng lực điều hành ngân hàng của tôi, xin cứ bầu cho ông Parfitt. Thừa các vị, tôi sẽ không tự bầu cho mình và tôi cho rằng ông Parfitt cũng sẽ không làm vậy.

- Ông *không thể* bầu được. - Parfitt sắc lạnh - Ông không phải thành viên của Ban giám đốc này. Tôi lại là một thành viên và tôi sẽ thực hiện quyền của mình và được bầu.

- Ông cứ bầu, ông Parfitt. Sẽ không có ai có thể nói ông không tận dụng mọi cơ hội có thể để chiếm lợi thế.

William đợi mọi người ngấm hết từng lời anh nói. Một giám đốc, William không rõ tên, trông như có vẻ sắp muốn nói, nên anh vội vàng tiếp tục:

- Tôi sẽ nhờ ông Rodgers, thư ký của Ban giám đốc, tiến hành thủ tục bầu. Khi các vị bầu xong, xin các vị chuyển lại phiếu bầu cho ông ấy.

Chiếc kính một tròng của Alfred Rodgers cứ thỉnh thoảng lại long ra trong suốt cuộc họp. Ông bồn chồn chuyển các tờ phiếu bầu qua cho các đồng nghiệp. Khi mỗi tờ giấy đều đã được viết tên của ứng viên được bầu, tất cả lại được chuyển về cho ông.

- Trong trường hợp này, thưa ông Rodgers, có thể cần phải thật cẩn trọng nếu kết quả bầu được đọc công khai, vậy cần đảm bảo không ai phạm những lỗi sơ suất để dẫn đến lần bầu chọn thứ hai.

- Chắc chắn rồi, ông Kane.

- Ông có tán thành như vậy không, ông Parfitt?

Parfitt gật đầu đồng ý, không nhìn lên.

- Cảm ơn ông. Xin ông vui lòng đọc kết quả bầu, ông Rodgers.

Hai phiếu bầu đầu tiên ông thư ký mở ra đều là bầu cho Parfitt. Quyền quyết định lúc này không ở William nữa. Số phận của ước mơ anh đã thổ lộ với Charles Lester ở tuổi mười hai nằm trong tay ông thư ký và sẽ được quyết định trong vài giây nữa.

- Kane. Parfitt. Kane.

Hai người bầu cho anh, ba người không. Phải chăng số phận anh sẽ lặp lại như trong cuộc tranh đấu với Tony Simmons?

- Kane. Kane. Parfitt.

Mỗi người được bốn phiếu bầu. Parfitt uớt đầm mồ hôi và chính ông cũng không thấy dễ chịu.

- Parfitt.

Về mặt William trở nên vô hồn. Parfitt cho phép mình nở một nụ cười. Bên năm, bên bốn.

- Kane. Kane. Kane.

Nụ cười của Parfitt biến mất.

Chỉ cần hai phiếu nữa thôi, thêm hai phiếu, William cầu mong, suýt nữa nói ra miệng.

- Parfitt. Parfitt.

Rodgers mất khá lâu để mở một tờ phiếu của ai đó đã được gặp nhiều lần.

- Kane.

William được tám phiếu ủng hộ, Parfitt được bảy. Mảnh giấy cuối cùng đang được mở. William nhìn chăm chăm vào miệng Alfred Rodgers. Ông thư ký ngẩng lên, khoanh khắc đó ông là nhân vật quan trọng nhất trong phòng.

- Kane.

Đầu Parfitt gục xuống hai tay.

- Thừa toàn Ban giám đốc, - ông thư ký tuyên bố - kết quả là chín phiếu bầu cho ông Kane, bảy phiếu bầu cho ông Parfitt. Do đó, tôi tuyên bố, ông William Kane được chính thức bầu làm Chủ tịch Ngân hàng Lester.

Không khí tĩnh lặng bao trùm căn phòng trong khi tất cả mọi người, ngoại trừ Parfitt, quay về phía William và đợi vị tân Chủ tịch có những lời đầu tiên.

William thở một hơi mạnh mẽ và lại đứng dậy, lần này anh hướng về Ban giám đốc của mình.

- Xin cảm ơn toàn thể Ban giám đốc vì đã đặt lòng tin vào tôi. Ông Charles Lester đã mong muốn tôi trở thành chủ tịch tiếp theo và tôi rất vinh dự khi Ban giám đốc đã xác nhận di nguyện của ông ấy thông qua việc bầu chọn. Tôi xin hứa sẽ toàn tâm toàn ý phục vụ ngân hàng, nhưng tôi sẽ không thể cống hiến hết mình nếu không có sự tương trợ toàn lực của Ban giám đốc. Nếu ông Parfitt vui lòng...

Parfitt ngẩng lên đầy hy vọng.

- ... cùng tôi vào phòng Chủ tịch ít phút, tôi sẽ rất biết ơn. Sau khi tôi gặp ông Parfitt, tôi mong được gặp ông Leach. Thưa Ban giám đốc, tôi hy vọng những ngày tiếp theo tôi sẽ có cơ hội được gặp riêng từng người. Cuộc họp sắp tới của Ban giám đốc, theo lịch sẽ là cuộc họp hàng tháng. Cuộc họp chung này sẽ được ngừng lại để chuyển sang họp riêng.

Các giám đốc lần lượt đứng dậy và trò chuyện với nhau. William bước nhanh ra hành lang, tránh ánh mắt của Peter Parfitt. Ted Leach vội theo anh và dẫn anh vào phòng Chủ tịch.

- Ông liệu thật đấy, - Leach nói - và ông chỉ vừa đủ phiếu để thắng. Ông sẽ làm gì nếu lỡ bị thua?

- Lái xe trở lại Boston và tiếp tục làm việc. - William nói, cố tỏ ra không lo lắng.

Leach mở cửa phòng Chủ tịch. Căn phòng gần chính xác như trong trí nhớ của William. Có thể khi còn là cậu học sinh anh đã thấy căn phòng rộng hơn một chút, anh đã bảo Charles Lester sẽ có ngày mình nắm quyền ngân hàng này. Anh nhìn lên tấm chân dung phía sau bàn làm việc và nháy mắt với vị Chủ tịch quá cố, rồi ngồi xuống chiếc ghế lớn bọc da màu đỏ và chống khuỷu tay lên mặt bàn bằng gỗ. Anh lấy ra một cuốn sách nhỏ bọc da từ túi áo vest, đặt xuống trước mặt mình và đợi. Lát sau, có tiếng gõ cửa. Một ông già bước vào, nặng nhọc chống chiếc gậy đen có tay cầm bằng bạc. Ted Leach ra ngoài.

- Tên tôi là Rupert Cork-Smith. - Ông nói bằng giọng có chút ngữ điệu Anh.

William đứng dậy chào ông. Ông là thành viên lâu năm nhất trong Ban giám đốc. Đám tóc mai dài đã bạc và chiếc đồng hồ vàng to tướng của ông thuộc về thời đại trước, nhưng danh tiếng của ông về tính liêm khiết đã trở thành huyền thoại trong giới ngân hàng. Không ai cần ký hợp đồng với Rupert Cork-Smith: Lời nói của ông vẫn luôn là khế ước. Ông nhìn William bằng ánh mắt cứng cõi.

- Tôi đã không bầu cho anh, và hiển nhiên anh có quyền mong đơn từ chức của tôi xuất hiện trên bàn của anh trong một tiếng nữa.

- Ông có thể ngồi xuống chứ? - William điềm đạm.

- Cảm ơn anh.

- Tôi nghĩ ông biết cha và ông nội tôi.

- Tôi có đặc ân ấy. Ông nội của anh và tôi cùng học Harvard, ông ấy qua đời sớm khiến tôi buồn khôn tả.

- Còn Charles Lester? - William nói.

- Là bạn thân nhất của tôi. Điều khoản của di chúc vẫn giằng vò lương tâm tôi. Ai cũng biết lựa chọn đầu tiên của tôi cho vị trí chủ tịch vốn không phải Peter Parfitt. Đúng ra tôi đã bầu cho Ted Leach vị trí đó, nhưng cả đời tôi không bao giờ bỏ phiếu trắng cho ai, nên tôi thấy mình phải bầu cho bất cứ ứng viên nào là đối thủ của anh, vì tôi thấy mình cũng không thể bầu cho một người tôi chưa bao giờ gặp.

- Tôi rất biết ơn tấm lòng thẳng thắn của ông, ông Cork-Smith, nhưng hiện giờ tôi đã nắm quyền ở ngân hàng. Lúc này, tôi cần ông hơn là ông cần tôi, nên tôi xin ông đừng từ chức.

Ông già nhìn sâu vào mắt William.

- Tôi không chắc có quyết định như vậy được không nữa, anh bạn trẻ. Tôi không thể thay đổi thái độ chỉ sau một đêm. - Cork-Smith nói, hai tay tì lên chiếc gậy.

- Cho tôi sáu tháng nhé, và nếu ông vẫn cảm thấy phải từ chức, tôi sẽ không ngăn cản.

Cork-Smith im lặng một lúc lâu rồi mới nói:

- Charles Lester đã đúng: Anh là con trai của Richard Kane.

- Ông sẽ tiếp tục cố gắng hiến cho ngân hàng này chứ?

- Tôi tiếp tục, anh bạn trẻ ạ! Không có tên gốc nào bằng tên gốc già đâu, anh không biết à?

Rupert Cork-Smith chậm chạp vịn vào cây gậy đứng dậy. William vội đến đỡ ông, nhưng ông xua tay.

- Chúc may mắn, anh bạn. Anh có thể tin tưởng vào sự hỗ trợ toàn lực của tôi.

- Cảm ơn ông.

Khi ông ta mở cửa, William nhìn thấy Peter Parfitt đứng đợi ngoài hành lang. Trong khi đợi Cork-Smith ra ngoài, hai người không nói gì với nhau.

Parfitt nói oang oang:

- Chà, tôi đã cố quá và thành ra quá cố. Một người không thể làm gì hơn, - ông ta vừa cười vừa nói - không thấy khó chịu chứ, Bill? - Ông ta đưa tay ra.

- Không khó chịu, ông Parfitt! - William nói và không mời ông ta ngồi - Ông đã đứng khi nói mình đã cố quá và thành ra quá cố. Giờ ông sẽ rời khỏi vị trí giám đốc ngân hàng này nhé.

- Tôi sẽ làm sao cơ? - Parfitt còn hoài nghi.

- Từ chức. - William nói.

- Hơi hà khắc đấy, đúng không, Bill? Hành động của tôi không phải cho riêng tôi. Đơn giản tôi thấy...

- Tôi không muốn ông ở trong ngân hàng của tôi, ông Parfitt. Tối nay ông sẽ ra khỏi đây và không bao giờ được đặt chân vào tòa nhà này nữa.

- Và nếu tôi nói tôi sẽ không đi? Tôi sở hữu nhiều cổ phần có lợi trong ngân hàng và tôi vẫn có sự ủng hộ lớn từ phía Ban giám đốc. Hơn thế, tôi có thể đưa ông ra tòa.

- Tôi xin gợi ý ông đọc nội quy của ngân hàng, ông Parfitt. - William cầm cuốn sách bìa da trên bàn lên và lật vài trang. Tìm thấy đoạn đã đánh dấu sáng nay, anh đọc to: *Chủ tịch có quyền sa thải bất cứ thành viên nào không còn được tin tưởng nữa.* Tôi đã mất hết niềm tin vào ông,

ông Parfitt, vì thế ông sẽ rời khỏi đây. Ông sẽ nhận được hai năm lương và bất cứ phúc lợi nào khác mang tên ông. Trái lại, nếu ông buộc tôi phải đuổi ông, ông sẽ rời khỏi ngân hàng mà không có gì khác ngoài cổ phần và danh tiếng của mình, dù nó đáng giá bao nhiêu đi nữa. Lựa chọn là của ông.

- Ông sẽ không cho tôi cơ hội thứ hai à?

- Tôi đã cho ông một cơ hội từ tuần trước, khi ông mời tôi đến ăn tối, ông đã lừa gạt và che giấu. Đó không phải là những đặc điểm của người phó chủ tịch tôi đang tìm kiếm. Ông sẽ xin từ chức, hay tôi sẽ phải sa thải ông, ông Parfitt?

- Kane, ông thật khốn kiếp. Tôi sẽ từ chức.

- Được. Vậy giờ ông cứ ngồi đây và viết đơn.

- Không. Tôi sẽ đưa đơn cho ông sáng mai, khi nào tiện cho tôi.

- Bây giờ, hoặc tôi sẽ đuổi ông. - William nói.

Parfitt do dự rồi ngồi sụp xuống ghế. William đưa cho ông ta tờ giấy riêng của ngân hàng và cây bút. Parfitt rút bút của mình ra và bắt đầu viết. Khi ông ta viết xong tờ đơn, William cầm lên và đọc cẩn thận từ đầu đến cuối.

- Chúc một ngày tốt lành, ông Parfitt.

Parfitt bỏ đi không nói một lời. William mỉm cười khi Ted Leach bước vào phòng.

- Ông muốn gặp tôi sao, Chủ tịch?

- Đúng vậy, - William nói - tôi muốn chỉ định ông là phó chủ tịch mới. Ông Parfitt cảm thấy mình nên từ chức.

-Ồ, tôi thấy lạ khi nghe điều đó. Tôi vốn đã nghĩ...

William chuyển cho ông ta tờ đơn. Leach đọc và nhìn William.

- Tôi rất mừng khi được trở thành phó chủ tịch. Cảm ơn ông vì đã tin tưởng tôi.

- Tốt lắm. Tôi rất biết ơn nếu ông bố trí cho tôi được gặp mọi giám đốc khác trong những ngày tiếp theo. Tôi có mặt ở phòng làm việc lúc 8 giờ sáng mai.

- Vâng, thưa Chủ tịch.

- Ông vui lòng đưa lá đơn từ chức của ông Parfitt cho thư ký Ban giám đốc nhé!

- Xin theo ý ông, thưa Chủ tịch.

- Tên tôi là William - đó lại là một lỗi sai Parfitt đã mắc phải.

Leach gượng cười.

- Tôi sẽ gặp ông sáng mai. - Ông ngập ngừng - William.

Sau khi ông ta đi khỏi, William ngồi trên chiếc ghế của Charles Lester và xoay tròn trên ghế trong niềm sung sướng vỡ òa cho đến khi chóng mặt. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn xuống Phố Wall, trong lòng hoan hỉ trước đám đông hối hả và hình ảnh những ngân hàng cùng những văn phòng môi giới hàng đầu của nước Mỹ. Đây chính là nơi anh muốn ở lại suốt đời.

- Xin hỏi ông là ai nhỉ? - Một giọng phụ nữ gặng hỏi phía sau anh.

Anh quay lại và thấy một người phụ nữ trung niên ăn mặc nghiêm nghị đang nhìn anh đầy giận dữ.

- Tôi phải hỏi bà câu đó chứ! - William nói.

- Tôi là thư ký của Chủ tịch. - Người đàn bà đáp bằng giọng cứng rắn.

- Còn tôi là Chủ tịch đây. - William nói.



William chuyển đến New York vào thứ Hai sau đó, nhưng thêm vài tuần nữa Kate và cả nhà mới được đến sum họp cùng anh. Trước tiên, anh phải tìm một căn nhà xứng đáng với vị tân Chủ tịch của Ngân hàng Lester và một ngôi trường tầm cỡ hơn để có thể đảm bảo cho Richard một chỗ đứng ở trường St. Paul trước tiên, và sau là ở Harvard.

Ba tháng sau đó, trong khi William cố gắng tách mình ra khỏi Boston cũng như tiến hành công việc ở New York, anh ước một ngày có bốn mươi tám tiếng. Anh thấy sợi dây ràng buộc khó cắt đứt hơn anh tưởng. Tony Simmons hoàn toàn thông cảm với anh và William bắt đầu hiểu tại sao Alan Lloyd lại hỗ trợ cho ông ta trở thành Chủ tịch của Kane và Cabot. Lần đầu tiên anh thấy sẵn lòng thừa nhận Alan đã đúng.

Cuộc sống của Kate ở New York sớm bận rộn tới ngày. Virginia đã có thể chấp chững đi trong phòng và tìm đường sang phòng làm việc của William trước khi Kate theo kịp con, Richard thì chỉ muốn một chiếc áo gió mới để được giống mọi cậu bé khác ở New York. Là vợ của chủ tịch một ngân hàng tại New York, mọi người mong Kate thường xuyên tổ chức các bữa tiệc rượu cocktail và những bữa tối riêng tư, khéo léo sao cho các giám đốc và các khách hàng quan trọng luôn có cơ hội được nói chuyện riêng với William, từ đó, họ có thể có được lời khuyên của anh hoặc

được trình bày ý kiến của mình. Cô xử lý những việc ấy bằng vẻ duyên dáng và tài ngoại giao tuyệt vời, còn William luôn biết ơn Ban Thanh toán của Kane và Cabot đã dành cho anh tài sản giá trị nhất.

Khi Kate cho anh biết cô sắp sinh thêm một đứa bé, anh chỉ có thể hỏi: “Anh đã từng có thời gian để ở bên em à?” Virginia thích thú với tin ấy, nhưng hoàn toàn không hiểu sao mẹ lại béo lên, Richard thì không để tâm chuyện đó.



Khi William tổ chức Đại hội cổ đông đầu tiên một tháng sau đó, vị trí chủ tịch của anh đã được xác định vững chắc. William cố không cười khi ông Cohen nhắc rằng có nhiều cổ đông sẽ không được thừa kế đồng nào nếu họ không bầu cho anh. William ngỡ ngàng khi thấy Peter Parfitt ngồi khoanh tay ở hàng ghế sau và thậm chí kinh ngạc hơn khi thấy Susan Lester ngồi cạnh ông ta. Khi đến phần bỏ phiếu, họ vẫn ngồi khoanh tay.



Kate sinh đứa con thứ ba vào cuối năm đầu tiên William làm Chủ tịch của Lester, bé gái thứ hai được đặt tên Lucy. William dạy Virginia đưa nôi cho Lucy, trong khi đó Richard tận dụng cô em mới sinh là một cơ hội để đòi cha mua cho mình một cây gậy bóng chày mới, lúc này cậu đã sắp đi học lớp một ở trường Buckley. Lucy tuy chưa biết nói ra lời đòi hỏi rõ ràng nào nhưng lại thành người phụ nữ thứ ba có thể khiến William đáp ứng mọi mong muốn.

Trong năm đầu tiên William giữ chức Chủ tịch của Ngân hàng Lester, lợi nhuận của ngân hàng đã tăng dần, anh quả quyết với các cổ đông đến dự Đại hội cổ đông lần thứ hai: Sang năm không có lý do gì để không có một bước tiến vĩ đại hơn.

Ngày 1 tháng Chín năm 1939, quân Đức đổ bộ vào Ba Lan. Một trong những phản ứng đầu tiên của William là nghĩ đến Abel Rosnovski. Khách sạn Nam Tước mới mở ở Đại lộ Park đã trở thành nguồn thu cho New York, những báo cáo hàng quý từ Thomas Cohen cho thấy Rosnovski đang ngày càng mạnh lên. Nhưng những ý tưởng gần đây của anh ta về mở rộng khách sạn sang châu Âu giờ sẽ phải hoãn lại một thời gian. Cohen vẫn không thể tìm ra mối giao kết rõ ràng giữa Rosnovski và Henry Osborne.

William chưa bao giờ nghĩ nước Mỹ lại tự nhúng tay vào một cuộc chiến khác ở châu Âu, nhưng anh vẫn duy trì chi nhánh của Ngân hàng Lester ở London để ngầm thể hiện mình đứng về phe nào và không bao giờ tính đến chuyện bán hết mười hai nghìn mẫu đất ở Hampshire và Lincolnshire. Mặt khác, Tony Simmons báo cho William biết ông định đóng cửa chi nhánh của Kane và Cabot ở London.

Từ khi không còn có bất cứ lý do nào để xem nhau như đối thủ, hai vị chủ tịch lúc này gặp nhau thường xuyên mỗi khi thuận tiện và rảnh rỗi. Mỗi người đều nhờ người kia kiểm định lại những dự định mới của mình. Như Tony đã dự đoán, Ngân hàng Kane và Cabot đã mất một số khách hàng quan trọng khi William trở thành Chủ tịch của Ngân hàng Lester, nhưng William luôn thông báo đầy đủ cho Tony mỗi khi có một khách hàng lâu năm tỏ ý muốn chuyển tài khoản, anh không bao giờ dụ dỗ bất cứ ai đi theo mình. Trong một bữa trưa như mọi tháng, khi đã ngồi cùng nhau ở một bàn trong góc tại nhà hàng Locke-Ober, Tony lại nhắc lại ý định đóng cửa chi nhánh ở London của Kane và Cabot.

- Nhưng tại sao chứ? - William hỏi.

- Lý do thứ nhất đơn giản thôi, - Tony vừa nói vừa nhấp một ngụm Burgundy nhập khẩu, không may may nghĩ về khả năng gót giày quân Đức sắp giày xéo lên đám nho ở hầu hết những vườn nho trên nước Pháp - Tôi nghĩ ngân hàng sẽ mất tiền nếu chúng ta không giảm bớt thiệt hại và thoát khỏi nước Anh.

- Đương nhiên, ông sẽ mất một số tiền nhỏ, - William nói - nhưng chúng ta phải cho người khác thấy mình ủng hộ người Anh.

- Tại sao? - Tony hỏi - Chúng ta là ngân hàng, không phải hội cứu trợ.

- Nước Anh không phải một đội bóng chày, ông Tony ạ, chúng ta nợ người dân nước ấy toàn bộ di sản của ta...

- Anh nên đi làm chính trị. - Tony nói - Tôi bắt đầu nghĩ năng lực của anh sẽ bị lãng phí khi ở ngân hàng. Tuy thế, có một lý do khác, quan trọng hơn nhiều, khiến chúng ta nên đóng cửa chi nhánh đó. Nếu quân Đức đổ bộ vào nước Anh như chúng đã làm với Ba Lan và Pháp - và theo ý kiến của Joe Kennedy, đó chính là kế hoạch của chúng - ngân hàng sẽ bị chiếm giữ và chúng ta sẽ mất từng xu có được ở London.

- Không thể có chuyện đó, - William nói - nếu Hitler dám lấn sâu vào đất Anh, nước Mỹ sẽ tham chiến ngay lập tức, dù Đại sứ của ta ở London có nói gì đi nữa.

- Không bao giờ. - Tony nói - Tổng thống Frank D. Roosevelt đã nhắc đi nhắc lại: *Viện trợ nhưng không tham chiến*. Và trong bất cứ trường hợp nào, các thành viên của Ủy ban Trọng yếu Mỹ¹ cũng sẽ cảnh báo người dân.

- Không bao giờ nghe một chính trị gia nói *không bao giờ*, - William nói - đặc biệt là Roosevelt. Khi ông ta nói *không bao giờ* thì chỉ có nghĩa là không phải hôm nay, hoặc ít nhất không phải sáng nay. Ông chỉ phải nhớ rằng Woodrow Wilson không bao giờ ngừng nói *không bao giờ* trong năm 1916.

- Khi nào anh sẽ nắm trọn Thượng viện vậy, William? - Tony cười ầm lên.

- Không bao giờ. - William mỉm cười nói.

- Tôi tôn trọng những cảm nghĩ của anh, William, nhưng tôi muốn rút lui.

¹ The America First Committee: Một tổ chức cũ của nước Mỹ, thành viên bao gồm các nhà lãnh đạo kinh doanh bảo thủ và cấp tiến phản đối việc nước Mỹ tham gia vào Thế chiến thứ hai.

- Ông là Chủ tịch. - William đáp - Nếu Ban giám đốc đồng ý với ông, ông có thể đóng cửa chi nhánh London ngay ngày mai. Tôi chưa bao giờ dùng vị thế của mình để chống lại quyết định của đa số, như ông đã rõ đấy.

- Khi anh sáp nhập Kane và Cabot với Lester, lúc ấy anh sẽ phải quyết định làm như vậy.

- Trước đây tôi đã nói với ông rồi, Tony, tôi chưa bao giờ tìm cách làm điều đó khi ông còn là Chủ tịch.

- Nhưng tôi nghĩ hai ngân hàng *nên* hợp nhất lại.

- Cái gì? - William làm đổ một ít rượu Burgundy ra khăn trải bàn, không thể tin vào những lời mình vừa được nghe - Trời ơi, Tony, tôi phải nói điều này với ông, thật không thể đoán trước được ông.

- William ạ, trong thâm tâm tôi vô cùng quan tâm đến ngân hàng, vẫn luôn như vậy. Hãy ngồi lại nghĩ về tình hình hiện tại. Hơn bao giờ hết, New York hiện là trung tâm tài chính của nước Mỹ và khi nước Anh bị Hitler xâm chiếm, New York sẽ là trung tâm tài chính của cả thế giới. Trên thực tế, sâu xa hơn nữa, tôi muốn nói rằng trong tình thế đặc biệt, đồng đô la sẽ thay thế đồng bảng ở vị trí đồng tiền hàng đầu thế giới. Đó là nơi Kane và Cabot cần có mặt. Và nếu hợp nhất, ta sẽ tạo ra một cơ sở nền tảng quy mô lớn hơn, vì những đặc điểm của chúng ta sẽ được bổ sung cho nhau. Kane và Cabot vẫn luôn tập trung vào hàng hải và công nghiệp nặng, trong khi Ngân hàng Lester chưa tiến hành được nhiều. Ngược lại, anh đã có nhiều bảo hiểm đường biển và chúng gần như chưa động đến. Chưa nói đến

một thực tế là ở nhiều thành phố châu Âu, chúng ta đang mở thêm các văn phòng, thật sự không cần thiết.

- Tony, tôi đồng ý với những điều ông vừa nói, nhưng tôi vẫn muốn mình hiện diện ở Anh.

- Điều đó càng chứng minh tôi đúng. Chi nhánh ở London của Kane và Cabot có thể sẽ đóng cửa, nhưng chúng ta vẫn có Ngân hàng Lester. Sau đó nếu London trải qua một gian đoạn gian khó thì cũng không hệ trọng lắm, vì chúng ta đã được hợp nhất nên sẽ mạnh hơn.

- Nhưng những giới hạn về ngân hàng thương mại mà Roosevelt đặt ra khiến ta chỉ có thể hoạt động ở nước ngoài. Nên công cuộc hợp nhất chỉ thành công nếu chúng ta điều hành toàn bộ quá trình hoạt động từ New York, xem Boston như một văn phòng chi nhánh.

- Tôi sẽ vẫn tương trợ cho anh, - Tony nói - anh thậm chí sẽ phải tính đến việc đưa Ngân hàng Lester vào hoạt động ngân hàng thương mại để giải quyết trọn vẹn vấn đề này.

- Không, ông Tony. Franklin D. Roosevelt không để cho một người đàn ông trung thực được làm cả hai việc đâu. Dù sao, cha tôi đã dạy rằng một người có thể phục vụ cho một số ít những người giàu có hoặc một số đông những người nghèo, nhưng không thể phục vụ cả hai, nên Ngân hàng Lester sẽ duy trì hoạt động thương mại truyền thống chừng nào tôi còn làm Chủ tịch. Nhưng nếu chúng ta quyết định hợp nhất hai ngân hàng, ông không thấy trước những khó khăn khác sao?

- Không có nhiều vấn đề chúng ta không thể vượt qua nếu hai bên đều có thiện chí. Nhưng anh sẽ phải xem xét

cẩn thận những chuyện liên quan, William ạ, vì sau khi hợp nhất anh sẽ trở thành cổ đông thiểu số và sẽ mất toàn quyền điều hành toàn bộ với ngân hàng mới. Anh dễ dàng bị kẻ khác thâm tóm quyền kiểm soát ngân hàng.

- Tôi sẽ mạo hiểm một phen, nếu quyết định đó cho tôi cơ hội trở thành chủ tịch của một thể chế tài chính lớn nhất nước Mỹ.



William trở lại New York tối hôm đó và lập tức triệu tập một cuộc họp Ban giám đốc Ngân hàng Lester để trình bày sơ qua về đề xuất của Tony Simmons. Ngay khi nhận thấy Ban giám đốc tán thành hợp nhất dựa trên các nguyên lý, anh chỉ thị cho từng Phó Chủ tịch xem xét toàn bộ các thủ tục liên quan chi tiết hơn.

Ba tháng sau, các trưởng bộ phận báo cáo lại cho Ban giám đốc kết luận tương tự: hợp nhất mang ý nghĩa chung, nhất là vì hai ngân hàng có thể bổ sung cho nhau theo nhiều cách. Hơn thế, các cổ phần của William sẽ đảm bảo cho Ngân hàng Lester được sở hữu 51% của Ngân hàng Kane và Cabot, sáp nhập chỉ đơn giản là một cuộc gắn kết đầy thuận lợi. Một vài giám đốc thắc mắc tại sao William không nghĩ đến ý tưởng này từ trước. Ted Leach cho rằng Charles Lester chắc chắn đã tính đến điều này khi ông chọn William làm người kế nghiệp.

Mất hơn một năm để hoàn thành mọi thủ tục của công tác hợp nhất hai ngân hàng trong khi các đoàn luật sư phải làm việc liên tục đến tận khuya để chuẩn bị các giấy tờ

cần thiết. Khi đổi các cổ phiếu, William lại là cổ đông lớn nhất với 8% của công ty mới và được chỉ định là Chủ tịch và Thống đốc mới của ngân hàng. Tony Simmons vẫn ở lại Boston với tư cách một Phó Chủ tịch, Ted Leach ở New York là Phó Chủ tịch thứ hai. Ngân hàng thương mại mới được đổi tên thành Lester, Kane và Công ty, nhưng vẫn thường được gọi là Ngân hàng Lester.

William tổ chức họp báo ở New York để thông báo công cuộc hợp nhất đã thành công và anh chọn thứ Hai, ngày 8 tháng Mười hai năm 1941 để công bố sơ qua với giới tài chính về tầm nhìn tương lai của mình. Cuộc họp báo đã bị hủy vì vài giờ trước đó quân Nhật đã mở cuộc tấn công vào Trân Châu Cảng. Một thông cáo báo chí được gửi đến các tờ báo vài ngày trước đó, nhưng nước Mỹ đã tuyên bố chiến tranh với Nhật Bản, tin này khiến cho những trang tài chính sáng thứ Ba chỉ dành một cột nhỏ để công bố về cuộc hợp nhất của hai ngân hàng. Tuy nhiên, bài báo thiếu thông tin này không phải mối quan tâm hàng đầu của William.

Anh không biết nên chọn thời điểm nào và bằng cách nào để cho Kate biết anh sẽ nhập ngũ.

PHẦN NĂM

1941-1948



Abel đọc kĩ mẫu tin về công tác hợp nhất của Ngân hàng Lester, Kane và Công ty trên mục tài chính của tờ *Tribune Chicago*. Trọn tờ báo dành cho tin nước Mỹ tham chiến, anh sẽ bỏ qua mẫu tin vắn tắt ấy nếu trên đó không kèm bức ảnh nhỏ của William Kane, bức ảnh chụp từ lâu nên trông anh ta như không hề thay đổi từ sau lần gặp Abel ở Boston hơn mười năm trước. Rõ ràng trông anh ta quá trẻ so với miêu tả của tờ báo là vị Chủ tịch lỗi lạc và sáng suốt của Ngân hàng Lester, Kane và Công ty mới thành lập. Bài báo còn dự đoán: *Công ty mới, hợp nhất của hai ngân hàng gia đình lâu đời, có khả năng trở thành một trong những thể chế tài chính có thanh thế nhất nước Mỹ.* Tờ *Tribune Chicago* kết luận cổ phần sẽ được chia cho khoảng hai mươi cổ đông có quan hệ hoặc hợp tác mật thiết với gia đình Lester và Kane. Các cổ đông lớn nhất sẽ là ông Kane với 8% cổ phần và con gái ông Lester với 6% cổ phần.

Abel mừng rỡ trước mẫu thông tin đặc biệt này, anh nhận ra Kane chắc hẳn đã hy sinh quyền kiểm soát toàn thể đối với ngân hàng để trở thành chủ tịch của một thể chế lớn hơn. Anh đọc lại mẫu tin và không thể phủ nhận là William Kane đã vươn lên đỉnh cao hơn trong giới từ sau lần hai người đụng độ, nhưng chính anh sau đó cũng vươn lên. Và anh vẫn có một món nợ cũ phải thanh toán với vị Chủ tịch mới được bổ nhiệm của Ngân hàng Lester.

Thời vận của Tập đoàn Nam Tước ngày một phồn thịnh trong hơn mười năm qua, Abel đã có thể trả được hết số nợ cho người giúp đỡ mình trong thời hạn mười năm như đã định, làm chủ 100% cổ phần của công ty. Anh không chỉ trả hết số nợ trước quý bốn năm 1939, mà lợi nhuận năm 1940 đã vượt quá mục tiêu nửa triệu đô. Dấu mốc này lại trùng với sự kiện khai trương hai khách sạn Nam Tước mới ở Washington và San Francisco.

Dù Abel đã trở thành người chồng ít ân cần hơn trong suốt giai đoạn này, chủ yếu là do Zaphia không muốn sánh bước cùng những hoài bão của anh, nhưng hiếm ai dám đuổi con gái như anh. Zaphia vốn mong mỗi đứa con thứ hai, cuối cùng đã giục chồng đi khám. Nhưng đến khi anh nhận ra do tình trùng của anh quá yếu, có lẽ bắt nguồn từ đau bệnh hoặc kém dinh dưỡng trong những ngày bị quân Đức và quân Nga giam cầm, Florentyna rất có thể sẽ là đứa con duy nhất của anh, anh đành từ bỏ hy vọng có một đứa con trai và dành tất cả cho cô con gái.

Danh tiếng của ông chủ khách sạn Abel nhanh chóng lan ra khắp nước Mỹ và báo chí đã gọi anh là *Nam tước*

Chicago. Anh không còn quan tâm đến những trò đùa cợt sau lưng nữa. Wladek Koskiewicz đã đến, và quan trọng hơn, anh ta đã đứng vững tại nơi này. Lợi nhuận từ mười bốn khách sạn của anh trong năm tài chính gần nhất là gần một triệu đô. Với số vốn thặng dư mới có này, anh quyết định đã đến lúc mở rộng hệ thống hơn nữa.

Rồi quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng.

Từ sau ngày 1 tháng Chín năm 1939 đáng sợ ấy, khi Đức Quốc xã đổ bộ vào Ba Lan, sau đó lại đương đầu với người Nga ở Brest - Litovsk và một lần nữa quê hương anh lại bị hai nước chia đôi, Abel đã gửi một số tiền lớn cho Hội Chữ thập đỏ nước Anh để cứu trợ cho người dân ở quê anh. Anh đã đấu tranh mãnh liệt trong đảng Dân chủ và trong báo giới để thúc đẩy một nước Mỹ đang do dự phải lao vào cuộc chiến, dù như vậy cũng có nghĩa anh đứng về phía người Nga. Cho đến lúc này, cố gắng của anh vẫn vô ích, nhưng vào một ngày Chủ nhật của tháng Mười hai, mọi đài phát thanh trên khắp cả nước đều rầm rộ tường thuật chi tiết vụ tấn công của quân Nhật vào một đất nước còn đang hoài nghi, Abel biết nước Mỹ không còn ngồi ngoài vòng chiến được nữa.

Hôm sau, anh lắng nghe Tổng thống Roosevelt công bố trước cả nước tin Mỹ đã giao chiến với Nhật, và ba ngày sau, ngày 11 tháng Mười hai, Hitler tuyên bố cho cả thế giới biết Đức và Ý đã tuyên chiến với Mỹ.

Abel đã có mọi dự tính để trợ giúp nỗ lực của phe Đồng minh, nhưng trước tiên anh có một tuyên bố riêng về cuộc

chiến anh muốn tiến hành, vì thế anh đã gọi cho Curtis Fenton ở Ngân hàng Tín dụng Continental. Nhiều năm qua, Abel ngày càng tin vào nhận định của Fenton và anh giữ ông ở lại trong Ban giám đốc của Tập đoàn Nam Tước một thời gian dài trước khi anh có được quyền điều hành toàn bộ, anh muốn duy trì mối quan hệ thân thiết với Ngân hàng Tín dụng Continental.

Fenton nhấc máy, vẫn thái độ chuẩn mực nhưng cần trọng thường ngày.

- Tôi đang có bao nhiêu tiền dư trong tài khoản dự trữ của Tập đoàn? - Abel hỏi.

Fenton rút tập hồ sơ đánh dấu “Tài khoản số 6”, ông nhớ lại những ngày mình có thể lưu toàn bộ hoạt động của Rosnovski vào một tập hồ sơ nhỏ. Ông lướt qua những con số.

- Gần hai triệu đô.

- Được rồi. - Abel nói - Tôi muốn ông bắt đầu chú ý đến một ngân hàng mang tên Lester, Kane và Công ty. Tìm ra tên của mọi cổ đông, số phần trăm họ nắm giữ, và họ sẽ sẵn lòng bán trong những điều kiện nào. Tất cả phải được thực hiện mà Chủ tịch ngân hàng đó không biết, ông ta là William Kane, và không được đề cập đến tên tôi.

Fenton thở dài nhưng không nói gì. Ông thấy mừng vì Abel không thể thấy vẻ mặt khổ sở của ông. Tại sao anh ta lại muốn bỏ tiền vào bất cứ vụ nào liên quan đến William Kane? Fenton cũng đã đọc về công cuộc sáp nhập hai ngân hàng gia đình nổi tiếng trên *The Wall Street Journal*, dù

đang có vụ Trân Châu Cảng và sinh nhật vợ ông, ông suýt nữa bỏ lỡ thông báo ấy. Yêu cầu của Rosnovski khơi gợi trí nhớ của ông - ông phải gửi một bức điện chúc mừng đến William Kane. Ông lấy bút chì ghi chép vài dòng lên phần dưới cùng của hồ sơ về Tập đoàn Nam Tước trong khi lắng nghe các chỉ thị của Abel.

- Khi có bản phân tích đầy đủ, tôi muốn ông đích thân tóm tắt lại, không phải trên giấy.

- Vâng, thưa ông Rosnovski.

- Tôi cũng muốn ông kèm thêm vào báo cáo hàng tháng của mình những chi tiết về mọi tuyên bố chính thức do Ngân hàng Lester đưa ra, và tìm hiểu xem họ đang làm ăn cùng những công ty nào.

- Nhất định rồi, ông Rosnovski.

- Cảm ơn ông Fenton. Tôi cũng báo luôn, nhóm nghiên cứu thị trường của tôi đang khuyên tôi mở một khách sạn Nam Tước mới ở Montreal.

- Ông không lo có chiến tranh sao, ông Rosnovski?

- Lạy Chúa nhân từ, không. Nếu quân Đức tiến đến Montreal, chúng ta có thể phải đóng cửa tất cả, bao gồm cả Ngân hàng Tín dụng Continental. Dù sao, lần trước chúng ta đã đánh bại bọn khốn ấy, và chúng ta sẽ đánh bại chúng lần nữa. Điểm khác biệt duy nhất là lần này tôi dự định sẽ trở thành một phần của cuộc chiến. Chúc một ngày tốt lành, ông Fenton.

Liệu có bao giờ mình biết Abel Rosnovski sắp nghĩ gì không nhỉ, Curtis Fenton tự hỏi khi gác máy. Những suy

nghĩ của ông trở lại với yêu cầu khác của Rosnovski, những chi tiết về cổ phần của Ngân hàng Lester. Ông lo nghĩ về yêu cầu này còn hơn cả quan điểm của ông với quân Đức, rõ ràng ông coi cả hai đều là kẻ thù. Dù William Kane không còn bất cứ liên quan nào với Rosnovski, Fenton vẫn sợ sẽ có ngày Rosnovski có được cổ phần trọng yếu trong ngân hàng mới kia. Ông quyết định không bày tỏ nỗi lo của mình với Rosnovski trong lúc này, sẽ có ngày một trong hai người phải giải thích mình đang làm gì.

Abel đã bắn khoan không biết nên nói cho Fenton lý do anh muốn mua cổ phần trong Ngân hàng Lester hay không, nhưng lại đi đến kết luận: Càng ít người biết càng tốt.

Anh tạm thời cho William Kane ra khỏi tâm trí và yêu cầu thư ký đi tìm George, gần đây anh đã chỉ định anh ta là Phó Chủ tịch của Tập đoàn Nam Tước, chịu trách nhiệm công tác mua các khách sạn mới. George đã thăng tiến khi ở dưới trướng của Abel và hiện là người thay thế tin cậy nhất của Abel. Ngồi trong văn phòng ở tầng 42 của khách sạn Nam Tước Chicago, Abel nhìn xuống hồ Michigan, nhưng suy nghĩ của anh lại nằm ở Ba Lan. Anh biết mình không bao giờ có thể lại được sống trên quê hương nữa, nhưng anh vẫn muốn lấy lại tòa lâu đài. Anh sợ mình sẽ không bao giờ được trông thấy lâu đài lần nữa. Nghĩ đến chuyện quân Đức hoặc quân Nga một lần nữa chiếm đóng lâu đài nguy nga của anh khiến anh muốn... Những suy nghĩ của anh bị George cắt ngang.

- Cậu muốn gặp tớ sao, Abel?

George là thành viên duy nhất trong Tập đoàn dám gọi Nam tước Chicago bằng tên riêng.

- Đúng thế, George ạ! Cậu nghĩ mình có thể quản lý các khách sạn trong vài tháng nếu tớ đi vắng không?

- đương nhiên là có. Tức là cậu sẽ đi nghỉ?

- Không. Tớ ra trận.

- Cái gì? Đi với ai?

- Sáng mai tớ sẽ bay đến New York để nhập ngũ.

- Cậu điên rồi, cậu tự đẩy mình vào chỗ chết đấy.

- Tớ không nghĩ đến điều đó. - Abel đáp - Giết vài tên Đức mới chính là dự định của tớ. Lần trước bọn khốn đó không bắt được tớ, lần này tớ cũng không có ý để bọn chúng bắt được đâu.

George tiếp tục phản đối, nước Mỹ có thể chiến thắng mà không cần Abel giúp sức. Zaphia cũng can ngăn, cô ghét mọi ý niệm về chiến tranh. Florentyna, đã gần tám tuổi, không rõ chiến tranh là gì, nhưng cô bé hiểu cha mình sẽ phải đi vắng một thời gian dài liền òa lên khóc. Bất chấp sự phản đối của mọi người, Abel đáp chuyến bay đầu tiên đến New York ngay hôm sau. Đường như cả nước Mỹ tấp nập đi lại từ khắp các ngã đường, anh nhận ra thành phố này toàn những người trẻ mặc đồ ka ki hoặc màu xanh hải quân đang tạm biệt cha mẹ, người yêu và vợ, quả quyết với những người thân - nhưng không phải luôn tin - hiện giờ nước Mỹ đã tham chiến, cuộc chiến sẽ kết thúc chỉ sau vài tuần.

Anh đến khách sạn Nam Tước New York đứng vào giờ ăn trưa. Phòng ăn đã đông kín, những cô gái mạnh bạo ôm các

chàng Lục quân, thủy thủ và phi công, ca sĩ Frank Sinatra đang ngâm nga những giai điệu của nhóm nhạc Tommy Dorsey. Khi Abel quan sát những người trẻ đang nhảy, anh tự hỏi có bao nhiêu người trong số họ sẽ có cơ hội thưởng thức một buổi tối như hôm nay thêm lần nữa. Anh không thể không nhớ những lời giải thích của Sammy về quá trình ông ta trở thành trưởng bộ phận phục vụ của khách sạn Plaza. Ba người có chức vụ cao hơn ông đã trở lại từ chiến trường miền Đông và mỗi người chỉ còn một chân. Không ai trong số những thanh niên đang khiêu vũ tối nay có thể hiểu chiến tranh thực sự ra sao. Anh không thể tham gia cuộc vui này được - nếu chiến tranh đúng như anh từng biết. Anh lên phòng mình.

Đến sáng, anh mặc bộ đồ tối màu giản dị có hai hàng khuy và trình diện phòng tuyển quân ở Quảng trường Thời Đại. Abel ký tên Wladek Koskiewicz, anh đau đớn khi biết nếu họ nhận ra chính Nam tước Chicago đang tìm cách tòng quân, anh sẽ bị loại ngay. Phòng tuyển quân có phần đông hơn buổi khiêu vũ ở khách sạn tối qua, nhưng ở đây không ai ôm người khác cả. Abel thấy những người đến ứng mộ khác đều trẻ và khỏe mạnh hơn anh. Chờ hết cả buổi sáng anh mới được đưa cho một tờ giấy và điền xong - anh ước tính một người thư ký chỉ mất mười phút để hoàn thành công việc này. Sau đó, anh lại đứng xếp hàng thêm hai tiếng nữa, đợi gặp một Trung sĩ phụ trách tuyển quân. Anh ta hỏi công việc của anh.

- Quản lý khách sạn, - Abel nói và tiếp tục trình bày với viên sĩ quan về những chuyện anh đã trải qua trong suốt

Thế chiến thứ nhất. Trong nỗi hoài nghi không nói nên lời, viên trung sĩ chăm chăm nhìn người đàn ông cao tầm một mét bảy, nặng đến 190 pound¹ đứng trước mặt mình.

- Anh sẽ phải kiểm tra thể lực vào sáng mai, - viên sĩ quan nói khi Abel kết thúc phần độc thoại, và nói thêm như thể đó là nhiệm vụ của mình - cảm ơn anh vì đã tình nguyện ghi tên, anh Koskiewicz.

Hôm sau, Abel phải đợi nhiều giờ mới đến phần kiểm tra thể lực. Bác sĩ chịu trách nhiệm khám tỏ rõ thái độ về tình trạng chung của anh. Đã nhiều năm qua anh không phải nghe những lời nhận định như vậy vì vị trí và thành công của anh, và anh sống người khi bị xếp vào loại 4F.

- Anh thừa cân, mắt anh không còn tốt và chân tập tễnh. Nói thật, anh Koskiewicz, anh thực sự không đủ tiêu chuẩn. Chúng tôi không đưa lính ra chiến trường khi họ có nguy cơ bị đột quỵ trước khi giáp mặt kẻ thù. Cũng không hẳn là chúng tôi sẽ không thể dùng đến năng lực của anh, có rất nhiều công việc quản lý cần làm trong cuộc chiến này, nếu anh quan tâm.

- Không, cảm ơn. Tôi muốn giao chiến với quân Đức chứ không muốn gửi thư cho chúng.

Tối hôm đó, anh trở lại khách sạn với nỗi tuyệt vọng, nhưng anh quyết định không chịu thua. Hôm sau, anh thử đến một phòng tuyển quân khác, nhưng anh lại suy sụp trở về khách sạn Nam Tước với kết quả cũ. Bác sĩ thứ hai này có

¹ 1 pound tương đương khoảng 0,45kg.

phần nhả nhận hơn, nhưng ông vẫn kiên quyết trước tình trạng sức khỏe của Abel, và một lần nữa anh lại bị xếp vào loại 4F. Rõ ràng Abel thấy mình sẽ không được phép đánh nhau với bất cứ ai ở tình trạng sức khỏe hiện tại.

7 giờ sáng hôm sau, anh đăng ký vào phòng tập thể hình ở Đường 57 phía Đông, tại đó anh thuê một huấn luyện viên riêng để giúp anh cải thiện tình trạng sức khỏe. Trong vòng ba tháng, anh tập luyện mỗi ngày để giảm cân và tăng cường sức lực. Anh đấm bốc, đấu vật, chạy, nhảy, nhảy dây, ép cân và nhịn đói. Khi anh giảm xuống còn 155 pound, người huấn luyện viên bảo anh sẽ không thể gọn hơn hoặc gầy hơn nữa. Abel trở lại phòng tuyển quân đầu tiên và lại điền vào tờ giấy ấy, ký tên Wladek Koskiewicz thêm lần nữa. Lần này là một Trung sĩ khác nhiệt tình hơn và nhân viên y tế đưa anh vào danh sách dự bị.

- Nhưng tôi muốn ra chiến trường bây giờ, - Abel nói - trước khi chiến tranh kết thúc.

- Chúng tôi sẽ liên lạc với anh, Koskiewicz. - Viên trung sĩ nói - Cứ giữ gìn vóc dáng đi. Không nói trước được khi nào chúng tôi sẽ cần đến anh.

Abel tức giận bỏ đi, trong khi những người trẻ hơn, gầy gò hơn được chấp nhận ngay mà không cần điều tra xem có tích cực hay không. Khi bước qua cánh cửa, anh đứng ngay phải người đàn ông cao lớn lênh khênh, mặc bộ quân phục gắt đầy huy chương và sao trên vai áo.

- Tôi xin lỗi, thưa ngài! - Abel nói.

- Ông bạn trẻ... - Vị tướng nói.

Abel đi qua, không nghĩ vị tướng có thể đang gọi anh, vì không ai còn gọi anh bằng những từ đó - anh không muốn nghĩ lại xem đã bao lâu chưa có người gọi mình như vậy, dù anh mới chỉ đang ở tuổi ba mươi lăm.

Vị tướng gọi lần nữa. - Ông bạn trẻ... - Ông ta gọi to hơn.

Lần này, Abel quay lại.

- Ngài gọi tôi ư?

- Đúng rồi, gọi ông đấy. Ông vui lòng ghé qua phòng tôi chứ, ông Rosnovski?

Chết tiệt, Abel nghĩ. Giờ thì sẽ không ai cho mình ra trận nữa.

Văn phòng tạm thời của vị tướng ở sau tòa nhà, một căn phòng nhỏ có bàn làm việc, hai chiếc ghế gỗ, tường sơn xanh đã tróc và không có cánh cửa. Nhân viên có cấp bậc thấp nhất trong khách sạn Nam Tước của Abel cũng không phải làm việc trong điều kiện như vậy.

- Ông Rosnovski, - vị tướng mở lời - tên tôi là Mark Clark và tôi chỉ huy Lục quân 5 của nước Mỹ. Tôi đến đây trong một chuyến thanh tra, nên khi đâm sầm vào ông theo đúng nghĩa đen thì quả là một bất ngờ thú vị. Tôi ngưỡng mộ ông từ rất lâu rồi. Câu chuyện của ông truyền cảm hứng cho bất cứ người Mỹ nào. Vậy hãy nói cho tôi ông đang làm gì ở một phòng tuyến quân vậy?

- Ngài nghĩ tôi làm gì? - Abel nói không cần nghĩ - Tôi xin lỗi, thưa ngài! - Anh vội sửa lại - Tôi không có ý tỏ ra thô lỗ, nhưng chỉ vì không ai muốn cho tôi tham gia vào cuộc chiến đáng nguyên rủa này.

- Ông muốn làm gì trong cuộc chiến đáng nguyên rủa này?
- Vào quân đội và đánh bọn Đức.
- Dưới tư cách một lính bộ binh ư? - Vị tướng hồ nghi hỏi.
- Đúng vậy, thưa ngài. Ngài không cần những người ngài có thể thu nạp sao?

- Chắc chắn chúng tôi luôn cần. - Tướng Clark nói - Nhưng tôi có thể dùng đến tài năng đặc biệt của ông cho công việc quan trọng hơn chứ không chỉ là một lính quen.

- Tôi sẽ làm bất cứ công tác nào. - Abel nói - Bất cứ công tác nào.

- Ngay bây giờ chứ? Bất cứ việc gì? Nếu tôi yêu cầu ông để tôi tùy ý sử dụng khách sạn của ông làm trụ sở quân đội của mình ở New York, ông sẽ phản ứng thế nào? Vì nói thật nhé, ông Rosnovski, đối với tôi, sự hiến dâng đó hữu dụng hơn nhiều so với chuyện đích thân ông cố tìm cách giết được cả tá lính Đức.

- Khách sạn Nam Tước là của ông. Giờ thì ông cho tôi ra mặt trận được chưa?

- Ông có biết vậy là điên rồ không? - Tướng Clark nói.

- Tôi là một người Ba Lan. - Abel nói, và cả hai cùng cười ầm lên - Ông chắc phải hiểu chứ, - Abel nói tiếp, giọng anh lại trở nên nghiêm túc - Tôi sinh ra ở Ba Lan. Tôi đã chứng kiến nhà mình bị quân Đức chiếm, chị mình bị quân Nga hãm hiếp. Tôi trốn khỏi một trại khổ sai của Nga và may mắn đến được với vùng đất an toàn này. Tôi không điên. Đây là đất nước duy nhất trên thế giới mà một người tay trắng có thể đến rồi gây dựng cho mình những

thành quả đó nhờ lao động chăm chỉ, bất chấp xuất thân. Bây giờ, vẫn là những tên khốn đã tìm cách bắt giữ tôi lần trước lại muốn gây chiến lần nữa. Ôi, tôi đảm bảo chúng sẽ thua cuộc.

- Chà, nếu ông tha thiết muốn vào quân đội như vậy, ông Rosnovski, tôi có thể giúp ông, nhưng không phải theo cách ông hình dung. Tướng Deniers cần người đảm trách vị trí sĩ quan hậu cần cho Lục quân 5 trong khi họ chiến đấu ở tiền tuyến. Napoleon đã đúng khi nói *Một đội quân hành quân bằng dạ dày*, nên ông có thể giữ một vị trí trọng yếu đấy. Công việc này cần một người ở cấp Thiếu tá. Đó là cách ông chắc chắn có thể trợ giúp nước Mỹ chiến thắng trong cuộc chiến này. Ông muốn nói gì không?

- Tôi xin nhận, thưa ngài.

- Cảm ơn ông, Thiếu tá Rosnovski.



Abel dành ngày nghỉ cuối tuần ở Chicago cùng Zaphia và Florentyna. Zaphia hỏi anh muốn cô xử lý sao với mười lăm bộ đồ của anh.

- Cứ giữ tất cả lại. - Anh đáp - Anh đâu có ra trận để chết.

- Em tin anh sẽ không hy sinh trong một khách sạn Nam Tước, - cô nói - em không có ý đó. Chỉ là những bộ đồ này đã quá rộng so với vóc dáng của anh rồi.

Abel cười ngất và đem tất cả số quần áo cũ đến trung tâm tị nạn của người Ba Lan. Rồi anh trở lại New York, hủy toàn bộ danh sách khách đặt trước tại khách sạn Nam Tước, mười hai ngày sau anh giao khách sạn cho Lục quân 5 của Mỹ. Báo

chí tung hô quyết định này là “nghĩa cử đầy vị tha của một người đã từng là dân tị nạn trong Thế chiến thứ nhất”.

Trong tám tháng, Abel sắp xếp trơn tru mọi hoạt động của khách sạn Nam Tước New York cho Tướng Clark và chỉ sau khi không ngừng than phiền, anh mới được cho tham gia nhiệm vụ của quân đội. Tướng Clark báo cho căn cứ quân sự Fort Benning hoàn thiện một chương trình huấn luyện cho các sĩ quan. Khi anh đã nhận được lệnh làm việc cho Tướng Daniers của Lục quân 5, nơi anh phải đến lại là một địa điểm ở Bắc Phi. Anh tự hỏi khi nào mình có thể đặt chân lên nước Đức.

Trước khi Abel ra nước ngoài một ngày, anh thảo sẵn di chúc, hướng dẫn những người thực hiện di chúc giao lại Tập đoàn Nam Tước cho ông David Maxton với giá cả đầy ưu đãi nếu anh không trở về. Anh chia số tài sản còn lại cho Zaphia và Florentyna. Đó là lần đầu tiên trong hai mươi năm qua anh nghĩ đến cái chết - không phải vì anh biết chắc mình sẽ chết trong một căng tin cấp trung đoàn.

Khi tàu chở quân ra khỏi cảng New York, Abel nhìn sang tượng Nữ thần Tự do, anh nhớ những cảm giác khi lần đầu tiên trông thấy bức tượng ấy gần hai mươi năm trước. Ngay khi tàu đi qua tượng Nữ thần, anh không nhìn lại bức tượng nữa, nhưng anh nói lớn:

- Khi con gặp lại Người, nước Mỹ đã giành chiến thắng.



Abel vượt qua Đại Tây Dương cùng hai bếp trưởng và năm nhân viên nhà bếp mới tòng quân. Con tàu cập bến

Algiers vào tháng Năm năm 1942. Abel lập tức cho trung dụng một nửa số phòng trong khách sạn hàng hoàng duy nhất ở Algiers và biến nó thành trụ sở quân sự cho Tướng Clark. Anh mất gần một năm sống trong hơi nóng, bụi và cát của vùng sa mạc này, đảm bảo cho mọi sư đoàn được chu cấp đầy đủ nhất có thể.

- Chúng tôi ăn kém lắm, nhưng tôi dám cá quân tôi chén gọn mục tiêu tốt hơn bọn Đức đấy. - Tướng Clark nhận định.

Dù biết mình đang giữ vai trò giá trị trong cuộc chiến, Abel vẫn nóng lòng muốn lao vào cuộc chiến thực sự, nhưng một viên Thiếu tá hậu cần chịu trách nhiệm cung cấp lương thực thì chỉ có việc cung cấp đầy đủ đồ ăn thức uống chứ hiếm khi được cử ra tiền tuyến.

Anh hay viết thư cho Zaphia và George, ngắm con gái yêu Florentyna lớn lên từng ngày qua những bức ảnh. Thỉnh thoảng anh nhận được thư của Curtis Fenton báo cho anh biết Tập đoàn Nam Tước đang lớn mạnh không ngừng vì mọi khách sạn ở Bờ Biển phía Đông đã kín người do quân đội và người dân thường xuyên qua lại. Abel buồn vì không được tham dự buổi khai trương khách sạn Nam Tước Montreal, George đã đại diện cho anh ở đó. Lần đầu tiên anh bỏ lỡ buổi lễ khai trương một khách sạn mới, nhưng như vậy cũng làm anh nhận ra mình đã đạt được bao nhiêu thành quả ở nước Mỹ và mong mỗi biết bao nhiêu để trở lại mảnh đất anh xem như quê hương - nhưng phải đến khi chiến tranh kết thúc.

Abel nhanh chóng thấy chán chường Phi và những bộ đồ nấu ăn, món đậu tương nướng, chăn màn và vĩ đập ruồi. Có

vài cuộc giao tranh gay gắt ở vùng sa mạc phía tây, hoặc những người lính từ chiến trường trở về quả quyết với anh như vậy, nhưng anh chưa bao giờ tận mắt trông thấy bất cứ trận đánh nào. Thậm chí, anh đã lái một cỗ xe cung cấp lương thực ra mặt trận để nghe tiếng đạn nổ, nhưng nỗi buồn chán chỉ càng thêm chất ngất.

Một hôm, anh rất sung sướng khi có lệnh ban đến, yêu cầu Lục quân 5 đến đóng quân ở Ý. Abel hy vọng chuyến hành quân này sẽ cho anh cơ hội để về lại quê nhà lần nữa.

Lục quân 5 do Tướng Clark chỉ huy đáp vào bờ biển phía nam nước Ý bằng tàu đổ bộ, có máy bay tác chiến yểm trợ. Đoàn quân gặp phải sự kháng cự rất mạnh, trước tiên ở Anzio và sau là ở Monte Cassino, nhưng Abel không bao giờ được trực tiếp giao tranh. Trên ngực anh lúc này phủ kín huy chương, chỉ để thể hiện những nơi anh đã đến, không phải những chiến công anh tạo dựng. Anh lo cuộc chiến sẽ kết thúc mà mình không được chứng kiến một trận đánh nào và vẫn được tặng huy chương vì đã phục vụ hàng triệu bữa ăn. Nhưng anh cũng không có được kế hoạch nào giúp mình ra được mặt trận. Những cơ hội của anh càng mong manh khi anh được thăng chức Trung tá và được cử sang London đợi các mệnh lệnh khác.



Sau ngày quân Đồng minh bắt đầu chiến dịch đổ bộ lên bãi biển Normandy vào tháng Sáu năm 1944, cuộc tấn công quy mô lớn qua eo biển Manche vào châu Âu được tiến hành. Abel được chuyển đến Lục quân 1 dưới

quyền Tướng Omar N. Bradley và được cử sang Sư đoàn Thiết giáp 9. Quân Đồng minh giải phóng Paris ngày 25 tháng Tám và Abel được đứng sau Tướng de Gaulle khi diễu binh cùng lính Mỹ và lính của *Pháp quốc Tự do*¹ xuống Đại lộ Champs Elysees để đón tiếp những người anh hùng. Anh quan sát tỉ mỉ thành phố lộng lẫy chưa bị tàn phá và lựa chọn địa điểm để sau này xây khách sạn Nam Tước đầu tiên ở châu Âu tại đây.

Quân Đồng minh tiến qua nước Pháp và sang biên giới nước Đức trong cuộc tấn công ác liệt cuối cùng hướng vào Berlin. Lương thực gần như không có sẵn vì những địa phương quân Đồng minh tiến vào đã bị quân đội Đức tàn phá trên đường rút lui. Bất cứ khi nào Abel đến một thị trấn mới, anh đều trưng dụng khách sạn lớn nhất và nguồn lương thực còn lại trước khi bất cứ sĩ quan hậu cần Mỹ nào khác tìm ra địa điểm để thu gom lương thực. Các sĩ quan Anh và Mỹ luôn vui sướng dùng bữa với Sư đoàn Thiết giáp 9 và tự hỏi không biết làm sao họ trưng dụng được số lương thực tươi ngon như vậy. Một lần, khi Tướng George S. Patton ăn tối cùng Tướng Bradley, Abel được giới thiệu với vị tướng giỏi này - người luôn vung khẩu súng lục ổ quay có báng bằng ngà khi dẫn quân vào cuộc chiến.

¹ Pháp quốc Tự do (tiếng Pháp: France libre) là một tổ chức chính trị lưu vong của người Pháp chống lại sự chiếm đóng của Đức Quốc xã đối với Pháp trong Thế chiến thứ hai, được thành lập tại Luân Đôn (Anh) bởi tướng de Gaulle, sau khi phát lời kêu gọi ngày 18 tháng Sáu năm 1940.

- Bữa ngon nhất tôi được ăn trong suốt cuộc chiến tranh đáng nguyên rửa này! - Patton tuyên bố.



Đến tháng Hai năm 1945, Abel đã mặc quân phục được gần ba năm và biết rõ chiến tranh tại châu Âu sẽ kết thúc trong vài tháng nữa. Tướng Bradley vẫn gửi cho anh giấy khen và những tấm huy chương vô nghĩa để tô điểm cho bộ quân phục ngày một chật thêm, nhưng tất cả vẫn không có ý nghĩa gì. Abel khẩn thiết mong được chiến đấu dù chỉ trong một trận chiến, song Bradley vẫn lờ đi.

Dù dẫn đường cho xe tiếp tế ra tiền tuyến và giám sát lương thực cho quân đội là trách nhiệm của một sĩ quan cấp thấp, Abel thường tự mình thực hiện nhiệm vụ đó. Và trong khi anh điều hành các khách sạn, anh không bao giờ cho phép bất cứ nhân viên nào biết tiếp theo anh sẽ xuất hiện ở đâu và vào lúc nào.

Lần đó là vào một buổi sáng tháng Ba, liên tục có những người lính nằm trên cáng đắp chăn kín được đưa về trại khiến Abel quyết định đích thân đến xem. Anh không thể chịu đựng thêm trước tình cảnh toàn những thân thể mất chân tay được đưa vào. Anh tập hợp một Trung úy, một trung sĩ, hai Hạ sĩ và hai mươi tám binh nhì rồi cùng tiến ra mặt trận.

Sáng hôm đó, chỉ lái xe qua đoạn đường hai mươi dặm thôi mà cũng chậm chạp hết sức. Abel lái chiếc xe dẫn đường, - anh thấy mình hơi giống Tướng Patton - trong khi đoàn hộ tống của anh dò dẫm rất lâu qua cơn mưa nặng hạt và

lớp bùn dày, anh phải tạt vào lề nhiều lần để nhường đường cho những phân đội cứu thương trở về từ mặt trận. Những người bị thương được đi trước những người mang dạ dày trống rỗng. Abel cầu mong bọn họ sẽ chỉ bị thương, nhưng chỉ thỉnh thoảng có một cái gậy đầu hoặc vẩy tay cho thấy có dấu hiệu của sự sống. Qua mỗi dặm đường đặc bùn, Abel lại thấy rõ một trận kịch chiến đang diễn ra gần Remagen, anh thấy tim mình đập nhanh hơn. Cuối cùng, khi đến được đồn chỉ huy, anh có thể nghe thấy tiếng đạn của kẻ thù từ khoảng cách gần. Anh giận dữ đâm vào chân mình khi chứng kiến người ta khiêng về thêm nhiều đồng đội đã chết và bị thương nằm trên cang. Anh thấy phát chán khi tham chiến mà luôn phải là người biết sau. Anh nghĩ bất cứ độc giả nào của *The New York Times* cũng sẽ nắm thông tin tốt hơn anh.

Abel chỉ huy đoàn hộ tống dùng chân bên một bếp ăn dã chiến rồi nhảy xuống khỏi xe, tìm chỗ trú dưới cơn mưa nặng hạt, anh thấy xấu hổ khi những người khác chỉ cách xa vài dặm còn đang trú ẩn trong cơn mưa đạn. Anh cho dỡ ra một trăm gallon¹ súp, một tấn thịt bò ướp muối, hai trăm con gà, nửa tấn bơ, ba tấn khoai tây và một trăm hộp đậu tương rang loại mười pound - kèm thêm những hộp lương thực dùng khi tham chiến thường gặp - sẵn sàng cho những người ra chiến trường hoặc từ đó quay về. Anh để các đầu bếp chuẩn bị đồ ăn và mấy anh lính liên lạc gọt khoai tây, còn anh đi thẳng đến lều của sĩ quan chỉ huy - Chuẩn tướng

¹ Gallon là đơn vị đo chất lỏng của Mỹ, tương đương khoảng 3,785 lít.

John Leonard. Trên đường đi, số lính bị thương nặng hoặc đã chết anh thấy ngày càng nhiều thêm.

Khi anh chuẩn bị bước vào lều, Tướng Leonard đã vội vã bước ra cùng với sĩ quan phụ tá. Ông vừa bước đi vừa nói chuyện với Abel.

- Tôi giúp gì được ông, ông Trung tá? - Leonard nói.

- Tôi đã bắt đầu chuẩn bị lương thực cho tiểu đoàn của ngài như lệnh yêu cầu đêm qua.

- Giờ ông không phải bận tâm đến chuyện lương thực nữa, Trung tá. Sáng sớm hôm nay, Trung úy Burrows của Lục quân 9 đã phát hiện một cây cầu sắt còn chưa bị hư hại ở phía bắc Remagen - cầu Ludendorf. Tôi đã ra lệnh phải vượt qua cây cầu đó ngay và bố trí lực lượng ở vùng đất chiếm được của địch trên bờ bên kia sông. Đến lúc này, quân Đức đã phá tan mọi cây cầu bắc qua sông Rhine trước khi chúng ta đến, quân ta không thể nhón nhơ ngồi đợi ăn trưa trước khi chúng phá nốt cây cầu này.

- Lục quân 9 đã qua cầu chưa ạ? - Abel hỏi.

- Chắc là qua rồi, - vị tướng đáp - nhưng họ vấp phải sự kháng cự mạnh từ khu rừng xa bên kia sông. Trung đội đầu tiên đã bị phục kích, chỉ Chúa mới biết ta đã mất bao nhiêu chiến sĩ. Nên tốt hơn hết ông cứ cất hết số lương thực ấy đi, vì lúc này tôi chỉ quan tâm xem tôi có thể đưa bao nhiêu quân của mình còn sống quay về để họ cùng ăn tối với ông.

- Tôi có thể giúp gì được ngài không? - Abel hỏi.

Leonard đứng lại một lát và nhìn kĩ viên Trung tá to béo gần như chưa trông thấy chiến trận bao giờ.

- Dưới quyền chỉ huy trực tiếp của ông có bao nhiêu người?
- Một Trung úy, một Trung sĩ, hai Hạ sĩ và hai mươi tám binh nhì. Bao gồm cả tôi là tổng cộng ba mươi ba người.

- Được lắm. Báo với bệnh viện dã chiến về người của ông. Họ sẽ là lính khiêng cáng, đưa số người bị thương quay về nhiều nhất có thể.

- Vâng, thưa ngài. - Abel học tốc chạy về chỗ bếp ăn, anh thấy phần lớn người của mình đang ngồi hút thuốc trong một góc lều.

- Đứng dậy, đồ lười biếng. Chúng ta có công tác khác phải làm đây.

Ba mươi hai người vội đứng nghiêm.

- Theo tôi! - Abel quát - Khẩn trương!

Anh quay lại và chạy đi, lần này tiến thẳng đến bệnh viện dã chiến. Một bác sĩ trẻ đang hướng dẫn cho mười sáu hộ lý quân y đúng lúc Abel và đơn vị không được thao luyện, không đủ sức khỏe của anh thở hồng hộc khi xuất hiện trước cửa lều.

- Tôi có thể giúp gì ngài? - Bác sĩ hỏi.

- Không, nhưng tôi hy vọng tôi có thể giúp anh. Tôi có ba mươi hai người, được Tướng Leonard cử đến để gia nhập đội của anh. - Lúc đó người của anh mới được nghe thấy chỉ thị ấy.

- Vâng, thưa ngài. - Bác sĩ kinh ngạc nhìn viên Trung tá.

- Đừng gọi tôi là *ngài*. - Abel nói - Chúng tôi đến để giúp đỡ anh.

- Vâng, thưa ngài. - Bác sĩ lặp lại.

Anh ta đưa cho Abel một chiếc hộp bằng bìa cứng đựng bằng tay chữ thập đỏ. Những đầu bếp, phục vụ bếp và mấy anh gọt khoai đeo băng lên trong khi bác sĩ thuật lại tình hình chiến sự trong khu rừng ở bờ bên kia cầu Ludendorff.

- Lục quân 9 đã thương vong rất nhiều. Những người có chuyên môn y tế của ngài sẽ lưu lại khu vực chiến sự, số còn lại sẽ dùng hết khả năng để đưa những người bị thương về càng nhiều càng tốt.

Abel rất mừng khi cuối cùng đã được giữ một vai trò tích cực trong cuộc chiến. Vị bác sĩ, lúc này được chỉ huy bốn mươi chín người, phân cho họ mười tám chiếc cáng, mỗi người lính nhận một túi cứu thương đầy đủ dụng cụ. Sau đấy, anh dẫn lực lượng hỗn tạp của mình vượt qua lớp bùn lầy và cơn mưa để tiến về cầu Ludendorff, Abel bị tụt lại phía sau vài bước. Khi đến sông Rhine, họ thấy những tấm chắn phủ kín những thân thể bất động xếp thành nhiều hàng. Họ lặng lẽ tiến qua cây cầu theo hàng một, bước qua những vết tích tàn phá quân Đức để lại khi định đánh sập cây cầu mà không thành.

Khi họ tiến sát về phía khu rừng, tiếng súng nổ vang lên dữ dội. Abel thấy mình vừa hào hứng vì đã rất gần quân địch, vừa sợ hãi trước sự xuất hiện của những vũ khí hiện đại có khả năng cướp đi đồng đội của mình. Khắp nơi đều là tiếng kêu đau đớn của đồng đội anh, lâu nay họ vẫn mong mỗi nghĩ rằng cuộc chiến đã sắp đến hồi kết. Đối với nhiều người, cuộc chiến đã kết thúc rồi.

Người bác sĩ trẻ dừng lại mỗi chỗ một lúc, cố gắng hết sức để giúp từng người anh gặp. Thịnh thoảng, anh xót xa

chấm dứt nỗi đau đớn của một người lính bị thương bằng một phát súng lục. Abel dẫn những người bị thương còn đi lại được trở về phía cầu Ludendorff và điều những người khiêng cáng đến giúp các binh sĩ không thể tự đi lại. Lúc họ đến được bờ rừng, lực lượng ban đầu giờ chỉ còn lại vị bác sĩ, một anh gọt khoai và Abel, còn những người khác đang trợ giúp đưa lính bị thương về bệnh viện dã chiến.

Trong lúc ba người tiến vào khu rừng, họ nghe tiếng súng kẻ thù rền vang trước mặt. Abel thấy bóng dáng một khẩu đại bác của quân Đức giấu trong bụi cây và vẫn hướng về phía cây cầu, nhưng bị hư hại đến mức không thể sửa chữa được. Rồi anh nghe thấy một loạt đạn nổ rất lớn đến nỗi anh hình dung quân địch chắc chắn chỉ ở cách vài trăm mét. Anh quỳ một chân xuống, mọi giác quan căng ra tột độ. Bất ngờ, một loạt đạn khác nổ ngay phía trước anh. Anh đứng bật dậy và lao về phía trước, vị bác sĩ và anh gọt khoai miễn cưỡng chạy theo. Họ chạy được thêm tầm một trăm mét thì gặp một bãi cỏ xanh um đầy những cây nghệ tây trắng và la liệt xác người.

- Thật là một vụ thảm sát! - Abel thét lên, cùng lúc anh nghe thấy tiếng đạn của quân địch khi rút lui - Bác sĩ không nói lời nào, ông đã kêu gào từ ba năm trước rồi.

- Đừng bận tâm đến người chết. - Bác sĩ chỉ nói vậy - Chỉ cần giúp đỡ những người có một nửa cơ hội sống mà ngài tìm thấy.

- Ở đây này, - Abel kêu lên, anh đang quỳ bên cạnh một Trung sĩ nằm trong đám bùn. Anh ta không thể trông thấy

Abel - hai mắt đã mất. Abel đặt những miếng gạc nhỏ lên hốc mắt và sốt ruột chờ đợi.

- Anh ta chết rồi, ông Trung tá ạ! - Bác sĩ không cần nhìn đến người kia lần thứ hai. Abel chạy đến bên những thân thể khác, nhưng không còn ai sống sót, chỉ đến khi trông thấy một đầu người bị chặt đứt dựng đứng giữa vũng bùn anh mới ngừng tìm kiếm. Anh nhắc lại một câu đã được học khi ở với ngài Nam tước: *Máu và sự phá hoại sẽ xuất hiện ở khắp nơi, những thực thể khủng khiếp sẽ quen thuộc đến nỗi các bà mẹ chỉ còn biết mỉm cười khi bế những đứa trẻ non nớt bị chết bởi bàn tay của chiến tranh.*

- Không có gì khác sao? - Anh hỏi.

- Chỉ có chiến trường thôi. - Bác sĩ đáp.

Abel xem xét ba mươi người, hoặc bốn mươi chăng? Anh lập tức quay lại chỗ bác sĩ, lúc này đang cố gắng cứu mạng một viên Đại úy, đầu anh ta được quấn trong lớp băng thấm máu, chỉ chừa lại miệng và con mắt đang nhắm.

Abel đứng nhìn một cách vô vọng bên bác sĩ, anh nhận ra cầu vai viên Đại úy mang quân hiệu Thiết giáp 9. Anh nhớ lại lời Tướng Leonard: “Chỉ Chúa mới biết chúng ta đã mất bao nhiêu người”.

- Bọn Đức khốn nạn! - Abel chửi.

- Đúng vậy, thưa ngài. - Bác sĩ nói.

- Anh ta chết rồi ư? - Abel hỏi.

- Có thể lắm. - Bác sĩ đáp máy móc - Anh ấy mất rất nhiều máu, cái chết chỉ là vấn đề thời gian thôi. - Ông ngẩng lên - Thưa Trung tá, ngài không còn nhiệm vụ nào ở đây

nữa đầu. Sao ngài không tìm cách đưa người này trở về bệnh viện dã chiến? Anh ấy may ra sẽ có cơ hội sống. Và cho chỉ huy căn cứ biết tôi dự định sẽ tiến lên tiếp, tôi cần tất cả những người ông ta không dùng đến.

Abel giúp bác sĩ đặt viên Đại úy lên cáng cẩn thận, anh cùng người gọt khoai cẩn thận bước từng bước chậm chạp ra khỏi khu rừng và quay lại cây cầu, bác sĩ đã cảnh báo với anh bất cứ chuyển động bất ngờ nào của chiếc cáng đều gây mất máu trầm trọng. Abel không để người gọt khoai được nghỉ một phút nào trong suốt hai dặm đường trở về bệnh viện. Anh muốn cho viên Đại úy này mọi cơ hội sống. Sau đấy, anh sẽ trở lại khu rừng để giúp đỡ vị bác sĩ.

Khi về đến bệnh viện, cả hai người đã kiệt sức. Trong khi chuyển chiếc cáng lại cho một nhóm y sĩ, Abel thấy hình như viên Đại úy đã chết rồi. Lúc viên Đại úy được nhẹ nhàng đẩy đi, con mắt không bị băng của anh ta mở ra, nhìn Abel chăm chú. Anh ta cố đưa tay lên. Abel đã có thể nhảy lên sung sướng khi thấy anh ta mở mắt và bàn tay chuyển động. Anh đứng chào kiểu nhà binh và cầu cho người kia được sống.

Anh tập tễnh ra khỏi bệnh viện, nóng lòng trở lại khu rừng, nhưng một sĩ quan đang trực đã giữ anh lại.

- Thừa Trung tá, - anh ta nói, - tôi đã tìm ngài khắp nơi. Có hơn ba trăm người cần được ăn uống. Lạy Chúa, ngài đã ở đâu vậy?

Abel nghĩ về người Đại úy trẻ tuổi kia trong khi uể oải quay lại khu bếp.

Đối với cả hai người, chiến tranh đã kết thúc.

Viên Đại úy được đưa vào lều và được đặt nhẹ nhàng lên bàn mổ.

William có thể thấy một y tá đang cúi xuống nhìn mình, nhưng không thể nghe được cô ấy nói gì. Anh không rõ có phải vì đầu anh bị quấn băng hay không, hay anh đã bị điếc rồi. Anh nhắm mắt và nghĩ ngợi. Anh nghĩ nhiều về quá khứ, thoáng nghĩ về tương lai, và chợt nghĩ đến tình huống mình chết. Nếu anh sống được, anh sẽ có nhiều thời gian để suy tư. Tâm trí anh lại quay về với Kate. Người y tá trông thấy một giọt lệ hiện ra ở khóe mắt anh.

Kate không biết anh đã quyết định ra trận. Anh biết cô sẽ không bao giờ hiểu được và anh sẽ không thể thanh minh với cô về lý do của mình, nên anh không cố nữa. Hình ảnh khuôn mặt đầy tuyệt vọng của cô khi họ từ biệt vẫn còn ám ảnh anh. Anh thực sự chưa bao giờ nghĩ đến cái chết - không người trẻ nào từng nghĩ đến điều đó - nhưng giờ đây anh vô cùng muốn được sống và trở về với gia đình.

William đã để Ngân hàng Lester lại cho Ted Leach và Tony Simmons cùng điều hành cho đến ngày anh trở về. Cho đến ngày anh trở về... Anh không có chỉ thị nào cho họ trong trường hợp anh không trở về. Cả hai người đều cầu xin anh đừng đi. Thêm hai người nữa không hiểu. Khi ghi tên rồi, anh không thể đối diện với các con. Richard đã lên chín, không tìm được nước mắt khi nghe cha nói cậu không thể theo cha đi đánh nhau với bọn Đức. Tạ ơn Chúa, Virginia và Lucy còn quá nhỏ để hiểu.

Trước tiên, người ta cử William đến Trường Sĩ quan Dự bị ở Vermont. Lần cuối cùng anh đến Vermont là đi trượt tuyết cùng Matthew, từ từ lên những ngọn đồi và nhanh chóng trượt xuống, cả lúc lên lẫn lúc xuống Matthew đều dẫn trước anh. Có một điều anh biết chắc, nếu Matthew còn sống, cậu ấy chắc chắn sẽ vào quân đội. Khóa huấn luyện kết thúc sau ba tháng, giờ là lúc sức khỏe anh dồi dào nhất từ sau khi rời khỏi trường Harvard.

Nhiệm vụ đầu tiên của anh là ở giữa một London toàn người Yankee, anh giữ vị trí sĩ quan liên lạc giữa quân đội Mỹ và quân đội Anh. Anh đóng quân ở khách sạn Dorchester, nơi này đã được Bộ Chiến tranh của Anh bàn giao cho Bộ Tư lệnh Mỹ. William đã đọc ở đâu đó câu chuyện Abel Rosnovski đã hiến khách sạn Nam Tước New York cũng vì mục đích ấy, anh lặng lẽ vỗ tay tán thưởng lòng hào hiệp ấy. Chuyện mất điện, côn trùng và còi báo động không kích đều nhắc anh nhận ra mình đã tham gia chiến tranh, nhưng anh thấy lạ vì mình bị tách ra khỏi những gì đang diễn ra

cách góc công viên Hyde chỉ một trăm dặm về hướng đông nam. Suốt đời mình, anh luôn nắm thế chủ động, chưa bao giờ là người ngoài cuộc. Thế chủ động của William không phải là chạy đi chạy lại giữa tổng hành dinh Bộ Tham mưu của Eisenhower ở đường St. James và phòng Tác chiến của Churchill ở Cổng Storey. Có vẻ anh sẽ không được giáp mặt một tên Đức nào trong suốt thời kì chiến tranh nếu Hitler không dẫn quân vào đường Whitehall và Quảng trường Tragalgar, lúc đó chắc hẳn ngay cả Nelson¹ cũng sẽ trèo xuống khỏi cây cột để xung trận.

Khi một sư đoàn của quân chủng Lục quân 1 được bố trí ở Scotland để tập huấn với Trung đoàn Black Watch, William được đi cùng dưới tư cách một quan sát viên. Trong suốt chuyến tàu chậm chạp mất thời gian, anh bắt đầu nhận thấy mình chỉ như một cậu lính liên lạc được đề cao và tự hỏi tại sao mình lại vào quân đội. Nhưng ngay khi đến Scotland, mọi thứ đã khác. Bầu không khí chỉ toàn thanh âm của chiến sự vì những người lính đang chuẩn bị đối mặt với kẻ thù. Khi trở về London, anh đề nghị được chuyển ngay sang Lục quân 1. Sĩ quan chỉ huy của anh chưa bao giờ muốn giữ một người ham chiến đấu ở sau bàn giấy, nên ông đã chấp thuận cho anh.

¹ Horatio Nelson (1758-1804) là một Đô đốc người Anh, nổi tiếng trong chiến tranh thời Napoleon, đặc biệt là trận chiến Trafalgar, một chiến thắng quyết định của vương quốc Anh, đồng thời cũng là nơi ông hy sinh. Công trình đáng kể nhất để tưởng niệm ông là tượng đài Nelson ở Quảng trường Trafalgar, London.

Ngay khi người ta công nhận William Kane đủ sức khỏe để đi vào tử địa, anh trở về Scotland và gia nhập trung đoàn mới ở Inveraray, ai cũng biết sắp có một cuộc xâm lược nên tất cả đều sẵn sàng. Cuộc huấn luyện rất gian khổ và nặng nhọc. Những đêm trên các ngọn đồi của Scotland tập đánh trận giả với Trung đoàn Black Watch khác hẳn những đêm viết báo cáo ở Dorchester và gấp gáp rút xuống hầm trú ẩn mỗi khi nghe tiếng còi báo không kích.

Ba tháng sau, Đại úy William Kane nhảy dù xuống miền Bắc nước Pháp để nhập vào quân của Tướng Bradley khi đội quân này tiến vào châu Âu. Hương vị chiến thắng ở khắp nơi và William muốn mình là người lính Đồng minh đầu tiên tiến vào Berlin.

Lục quân 1 tiến về sông Rhine, quyết tâm băng qua mọi cây cầu họ gặp. Đại úy Kane nhận lệnh sáng hôm đó, sư đoàn của anh vượt qua cầu Ludendorff và đánh địch ở cách Đông - Bắc Remagen một dặm, trong khu rừng bên bờ sông. Từ đỉnh một ngọn đồi, anh thấy binh đoàn Thiết giáp 9 đã vượt qua cầu, anh chỉ lo cây cầu sẽ bị nổ tung bất cứ lúc nào.

Đại úy Kane có một trăm hai mươi người dưới quyền chỉ huy của mình, phần lớn bọn họ lần đầu tiên ra trận giống như anh. Không còn là những trận diễn tập với quân đội Scotland đầy mưu mẹo, bắn nhau bằng vỏ đạn rỗng - sau đó là một bữa ăn tập thể trên thảo trường bữa bọn. Đây là những tên Đức bằng xương bằng thịt, vũ khí thật, chết thật - và chắc chắn sau đó không còn nhiều người ngồi ăn cùng nhau.

Khi William đến bìa rừng, anh và người của mình không gặp kháng cự nên họ quyết định tiến sâu vào. Anh đang nghĩ chắc chắn Lục quân 9 đã hoàn thành xong nhiệm vụ và trung đội của anh chỉ toàn theo sau họ, bất chợt tiếng đạn và súng cối từ đâu rộ lên. Dường như mọi hỏa lực lập tức dội lên họ. Những người lính cúi gập xuống, cố tìm một thân cây để ẩn nấp, nhưng hơn một nửa trung đội đã ngã xuống trong vài giây. Nếu được gọi là trận đánh thì trận này chỉ kéo dài chưa đến một phút, William thậm chí không kịp nhìn thấy một tên lính Đức nào. Khi cúi mình dưới một gốc cây trong một bụi rậm ẩm ướt, anh kinh hoàng khi thấy đợt xung phong tiếp theo của Sư đoàn 9 đang tiến vào rừng. Không cần suy nghĩ, anh từ chỗ chỗ trú ẩn lao ra khoảng đất trống để cảnh báo họ về trận phục kích.

Viên đạn đầu tiên bắn trúng một bên đầu anh, khi khuỷu gối xuống rồi anh vẫn tiếp tục ra hiệu và hét lên cảnh báo cho đồng đội đang tiến quân. Viên đạn thứ hai bắn trúng cổ anh và viên thứ ba trúng ngực. Anh nằm bất động trong đồng bùn và chờ chết, thậm chí không có dịp trông thấy quân địch - chết trong nhor nhóp, không vẻ vang.

Sau đấy, William chỉ nhớ mình được đưa đi trên cáng, nhưng anh không nghe và không thấy gì, không biết có phải là ban đêm hay không, hay anh đã bị mù? Hình như anh được đưa đi rất xa, rồi anh mở mắt chăm chú nhìn vị Trung tá chào mình trước khi ông ta tập tễnh ra khỏi lều. Ông ta có nét gì rất quen nhưng anh không thể nhớ ra. Những y sĩ đưa anh vào lều và đặt anh lên bàn mổ. Anh cố để không

thiếp đi vì sợ ngủ là sẽ không bao giờ tỉnh lại được nữa. Anh thấy rõ hai người đang cố gắng xoay người anh. Họ hết sức nhẹ nhàng lật anh nằm sấp xuống rồi một người tiêm cho anh. Anh chìm vào giấc ngủ sâu, rồi mới thấy Kate, mẹ anh, rồi thấy Matthew đang đá bóng cùng Richard, con trai anh. Anh đã ngủ.

Anh tỉnh dậy. Chắc hẳn họ đã chuyển anh sang giường khác, một tia hy vọng đã thay thế cho ý nghĩ về cái chết không thể tránh khỏi. Anh nằm bất động, con mắt lành của anh cứ trông lên mái lều bằng vải bạt, đầu anh không động đậy được. Một y tá đến xem biểu đồ và xem xét tình hình của anh. Anh ngủ.

Lại tỉnh dậy. Đã bao lâu rồi nhỉ? Một y tá khác. Lần này anh có thể nhìn thêm được vài thứ và giờ đầu anh đã cựa quậy được nếu không có những cơn đau ghê gớm. Anh cố giữ mình tỉnh táo lâu nhất có thể, anh muốn được sống. Anh lịm đi.

Tỉnh dậy. Bốn bác sĩ đang khám cho anh. Họ kết luận gì vậy? Anh không thể nghe được họ nói nên không hiểu gì. Anh lại bị chuyển đi, lần này là ra xe cứu thương. Hai cánh cửa đóng lại phía sau anh, chiếc xe cứu thương nổ máy và bắt đầu ra khỏi vùng đất ác liệt trong khi một y tá ngồi bên đang giữ anh cho khỏi rung lắc. Đi mất tầm một tiếng, nhưng anh không còn biết rõ về thời gian nữa. Chiếc xe đến một vùng đất êm ái hơn và cuối cùng dừng lại. Anh lại bị di chuyển, lần này là qua một nơi bằng phẳng và được đẩy lên một căn phòng tối. Sau một hồi chờ đợi nữa, căn phòng bắt

đầu dịch chuyển, có thể là một chiếc xe cứu thương khác. Căn phòng đã bay lên. Một y tá tiêm cho anh một mũi nữa và anh không còn biết gì cho đến khi cảm thấy máy bay đã hạ cánh và chạy trên đường băng rồi dừng lại. Họ lại chuyển anh đi thêm lần nữa. Một chiếc xe cứu thương khác, một y tá khác, mùi vị khác, thành phố khác. New York. Không giống mùi vị của New York. Chiếc xe cứu thương đang đưa anh qua một nơi bằng phẳng hơn, liên tục dừng lại rồi lại đi cho tới khi đến địa điểm đã định.

Họ đưa anh ra ngoài và lên nhiều bậc thang rồi vào một phòng nhỏ có tường sơn trắng, đặt anh lên một chiếc giường mềm mại. Anh thấy đầu mình chạm vào chiếc gối mềm xốp và lần tiếp theo tỉnh dậy, anh nghĩ chỉ còn lại mình trong phòng. Nhưng khi mắt anh rõ hơn, anh thấy Kate đứng bên cạnh mình. Anh cố đưa tay lên để chạm vào cô, cố nói nhưng không nói nổi. Cô mỉm cười, nhưng anh biết cô không thể trông thấy anh cũng cười, và khi anh tỉnh dậy lần nữa cô vẫn ở đó, chỉ mặc một bộ váy khác. Cô ấy đã đến và đi bao nhiêu lần rồi? Cô lại cười. Anh cố thử nhúc nhích đầu và thấy con trai Richard của mình. Cậu bé đã cao hơn và đẹp trai hơn. Anh muốn thấy hai cô con gái nhưng đầu anh không thể quay thêm được nữa. Hai cô bé tiến lại cho cha nhìn rõ. Virginia - chắc chắn nó không thể lớn như thế này được! Và Lucy nữa - không thể nào! Bao nhiêu năm đã qua rồi? Anh tiếp đi.

Tỉnh lại. Bây giờ anh có thể quay sang cả hai phía, một vài miếng gạch đã được gỡ ra và anh nhìn được rõ hơn. Anh

cố nói vài lời nhưng không cất lời được. Kate vẫn đang ngấm nhìn anh, mái tóc hoe vàng của cô giờ đã ngắn hơn, không buông xuống hai vai nữa, đôi mắt nâu dịu dàng và nụ cười không sao quên được, vẫn đẹp, rất đẹp. Anh gọi tên cô. Cô cười. Và anh lại ngủ.

Mở mắt ra. Người anh không còn nhiều băng quấn như lần trước. Lần này con trai anh nói:

- Con chào cha. - Nó đã vỡ giọng.

Anh nghe thấy và đáp:

- Chào Richard. - Nhưng anh không nhận ra chính giọng nói của mình. Một y tá đỡ anh ngồi dậy. Anh cảm ơn cô. Một bác sĩ đặt tay lên vai anh.

- Qua con nguy kịch rồi, ông Kane. Không lâu nữa ông sẽ có thể về nhà.

Anh mỉm cười khi Kate bước vào phòng, theo sau là Virginia và Lucy. Có rất nhiều điều anh muốn hỏi mấy mẹ con. Anh bắt đầu từ đâu đây? Có một khoảng trống trong ký ức cần phải lấp đầy. Kate nói anh đã cận kề với cái chết. Anh biết điều đó nhưng không biết đã hơn một năm trôi qua kể từ khi sư đoàn của anh bị phục kích trong khu rừng ở Remagen.

Những năm tháng vô thức kia đã trôi đi đâu, cuộc sống bị tổn hại, gần như đã chết? Richard giờ đã mười hai tuổi, chuẩn bị đi học ở trường St. Paul. Virginia lên chín và Lucy sắp bảy tuổi. Anh phải tìm hiểu tất cả lại từ đầu.

Kate thậm chí có phần xinh đẹp hơn trong trí nhớ của anh. Cô kể mình đã không chấp nhận nổi khi có tin anh hy

sinh, chuyện Richard ở trường học giỏi ra sao, và Virginia cùng Lucy đã chăm chỉ thế nào. Cô mạnh dạn cho anh biết về những vết sẹo trên mặt và ngực anh, phải mất thời gian mới lành lại. Cô tạ ơn Chúa khi các bác sĩ tin rằng trí não anh không bị ảnh hưởng, và sau này thị lực của anh sẽ hoàn toàn hồi phục. Cô chỉ muốn làm tất cả mọi việc giúp cho quá trình hồi phục đó. Khi anh có thể nói được, câu hỏi đầu tiên của anh là:

- Phe nào thắng vậy?



Mỗi thành viên trong gia đình đều góp một phần cho quá trình hồi phục của anh. Richard giúp anh đi lại cho đến khi anh không cần nạng nữa. Lucy giúp anh ăn tối lúc anh lại có thể tự cầm dao và đĩa. Virginia đọc truyện của Mark Twain cho cha nghe - William không rõ đọc sách có lợi cho con gái hay cho anh, nhưng cả hai cha con đều rất thích. Kate thức cả đêm khi anh không ngủ được. Và cuối cùng, các bác sĩ cho phép anh xuất viện vào kì Giáng sinh.

Vừa trở lại Đường 68 phía Đông, William đã bình phục nhanh hơn, các bác sĩ dự đoán anh sẽ có thể trở lại làm việc trong sáu tháng nữa. Có thêm sẹo, nhưng sống khỏe, cuối cùng anh đã được tiếp khách đến thăm. Người đầu tiên là Ted Leach, ông ta có phần ngạc nhiên trước vẻ ngoài của William - ông ta chưa hề hình dung sẽ có chuyện này. Qua ông, William được biết khi anh vắng mặt Ngân hàng Lester vẫn phát triển và những đồng nghiệp đều chào đón anh quay về. Ông cũng cho anh biết Rupert Cork-Smith đã

qua đời. Người thứ hai đến thăm là Tony Simmons, cũng đem đến tin buồn: Alan Lloyd cũng đã mất. William sẽ mất đi những cố vấn thông tuệ. Thomas Cohen gọi đến cho hay ông rất mừng khi biết William đã bình phục, ông cũng thừa nhận, như thể rất cần thiết, là đã đến lúc cho anh biết giờ ông gần như chính thức nghỉ hưu và chuyển lại hầu hết các khách hàng của mình cho con trai là Thaddeus, anh ta đã mở một văn phòng ở New York. William nhận ra hai cha con nhà Cohen đều được đặt tên theo các tông đồ của chúa Jesus.

- Tiện đây, tôi cũng có một mẩu tin tức mà anh cần biết.

William lặng lẽ lắng nghe ông luật sư già, và anh đã nổi giận, vô cùng tức giận.

Tướng Alfred Jodl ký vào bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện của quân Đức tại Rheims ngày 7 tháng Năm năm 1945. Chiến tranh tại châu Âu kết thúc. Ba tháng sau, Abel trở lại New York, lúc này thành phố đang chuẩn bị kỷ niệm chiến thắng để đánh dấu sự kết thúc của chiến tranh. Đường phố lại tấp nập những người trẻ tuổi mặc quân phục, nhưng lần này trên khuôn mặt họ toát lên niềm phấn khởi an lành, không phải sự hăng hái gượng gạo nữa. Abel buồn rầu trước hình ảnh rất nhiều người lính chỉ còn một chân, một tay, bị mù hoặc đầy những vết sẹo ghê gớm. Đối với họ, chiến tranh sẽ không bao giờ kết thúc, dù có biết bao bản tuyên bố đã được ký ở nửa bên kia của thế giới.

Anh bước vào khách sạn Nam Tước với bộ quân phục đại tá nhưng không ai nhận ra anh. Lần cuối cùng họ gặp anh trong bộ dân phục là hơn ba năm trước, hồi ấy trên khuôn mặt trẻ trung của anh không có nếp nhăn. Giờ trông

anh già hơn tuổi ba mươi chín của mình và những nếp nhăn hằn sâu trên trán chính là dấu vết của chiến tranh. Anh vào thang máy, lên văn phòng ở tầng 42, đến đó một nhân viên an ninh quả quyết anh đã lên nhầm tầng.

- George Novak đâu rồi? - Abel hỏi.

- Ông ấy ở Chicago, thưa Đại tá. - Anh lính gác đáp.

- Vậy gọi cho ông ta đi.

- Tôi sẽ bảo là ai đang gọi ông ấy ạ?

- Abel Rosnovski.

Anh nhân viên nhanh nhẹn chạy đi.

Giọng nói quen thuộc của George lạo xạo ở đầu dây bên kia. Ngay lập tức, Abel nhận ra được trở về mới tuyệt vời làm sao - và giờ anh mong về nhà biết bao. Anh quyết định không ở lại New York thêm nữa mà bay suốt tám trăm dặm trở về Chicago. Anh đem theo những bản báo cáo mới nhất của George để nghiên cứu trên máy bay. Anh đọc mọi chi tiết về sự phát triển của Tập đoàn Nam Tước trong suốt mấy năm chiến tranh, rõ ràng George đã tìm mọi cách để duy trì Tập đoàn luôn bền vững trong thời gian anh đi vắng. Nhưng nếu tất cả phải tiến lên phía trước, Abel lại thấy anh sẽ bắt đầu phải thuê nhân viên mới ngay lúc này, trước khi các đối thủ lựa chọn được những người giỏi nhất vừa trở về từ chiến trường.

Khi Abel đến Sân bay Midway, George đang đứng bên cổng đón anh. Anh ta hầu như không thay đổi mấy, chỉ béo hơn một chút và đầu hơi hói. Sau một giờ hàn huyên và cập nhật cho nhau hết những chuyện của ba năm qua,

Abel giống như chưa bao giờ đi xa. Abel luôn tạ ơn con tàu *Mũi Tên Đen* vì đã cho anh gặp Phó Chủ tịch cấp cao của mình.

George nhận xét sau thời gian Abel đi vắng, chứng tập tễnh của anh càng rõ hơn.

- Hopalong Cassidy¹ của ngành khách sạn, - anh ta chế giễu - không lâu nữa cậu sẽ chẳng còn chân mà đứng đâu.

- Chỉ một gã Ba Lan mới đùa kiểu ngớ ngẩn như vậy. - Abel đáp.

George nhăn nhở cười, trông anh như một gã thanh niên hiếu thắng bị thầy giáo mắng mỏ.

- Tạ ơn Chúa, tôi đã có một anh bạn Ba Lan gốc nghề để quán xuyến mọi việc khi tôi đi tìm bọn Đức. - Abel nói.

- Cậu có tìm được tên Đức nào không?

- Không. Chúng vừa biết tờ đến đã vội bỏ trốn.

- Chúng chắc hẳn đã thử đồ ăn cậu nấu. - George đùa.

Abel đi dạo thêm một vòng nữa quanh khách sạn Nam Tước Chicago rồi mới lái xe về nhà. Về ngoài sang trọng của khách sạn đã hao mòn do những thiếu thốn trong thời kì chiến tranh. Anh nhận thấy rất nhiều thứ cần cải tiến nếu không cần thay mới, nhưng những việc đó vẫn phải chờ, lúc này anh chỉ muốn về gặp vợ và con gái. Nhưng khi vừa về đến nhà, anh đã gặp cú sốc đầu tiên. George không thay đổi nhiều trong ba năm qua nhưng Florentyna giờ

¹ Nhân vật cao bồi nổi tiếng trong loạt truyện của tác giả Clarence E. Mulford, ông ta có một chân giả bằng gỗ nên bước đi hơi khập khiễng và mang biệt danh "hop".

đã mười một tuổi và sắp trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, trong khi Zaphia, dù mới ba mươi tám, đã béo tròn, thô kệch và sắp đến tuổi trung niên.

Lúc đầu, cô và Abel không biết phải đối xử với nhau thế nào. Chỉ sau vài tuần, Abel bắt đầu nhận thấy tình cảm của họ không bao giờ trở lại như trước được. Zaphia cũng không tỏ ra nhớ nhung chồng, và có vẻ không tự hào về những chiến công của anh. Về lãnh đạm của cô làm anh buồn bã và khi anh cố kéo cô vào cuộc sống cũng như công việc, cô từ chối thẳng thừng, nhưng hình như cô lại bằng lòng khi chỉ ở nhà và rất ít liên quan đến Tập đoàn Nam Tước. Anh bắt đầu tự hỏi mình có thể duy trì niềm tin được bao lâu nữa. Trong những lần hiếm hoi khi gần gũi nhau, anh thường nghĩ đến người phụ nữ khác. Anh nhanh chóng tìm cơ để thoát khỏi Chicago và về mặt âm thầm trách móc của Zaphia.

Trong sáu tháng đầu tiên sau khi trở về nước Mỹ, anh dành chủ yếu thời gian để đi thăm lại các khách sạn trong Tập đoàn Nam Tước như cách anh đã làm khi mới tiếp quản Tập đoàn Richmond sau khi Davis Leroy qua đời. Nếu chuyển đi rơi vào thời gian nghỉ học, Florentyna sẽ đòi đi cùng cha. Trong vòng một năm, mọi khách sạn đều trở lại với tiêu chuẩn cao như Abel đã mong muốn và anh cũng sẵn sàng để tiếp tục tiến lên phía trước. Ở cuộc họp hàng quý của Tập đoàn, anh báo cho Curtis Fenton biết một đội nghiên cứu thị trường đang khuyên anh xây dựng khách

sạn ở Mexico và một khách sạn khác ở Brazil trong khi tìm kiếm các vị trí mới để xây khách sạn.

- Thành phố Mexico và Rio de Janeiro, - Abel nói - lúc trước ai có thể tin nổi?

- Được thôi, anh phải có các quỹ tương xứng để chi trả các chi phí xây dựng. - Fenton nói - Một lượng tiền mặt nhất định đã được tích lũy trong khi anh đi vắng. Thực tế, anh gần như có thể xây dựng một khách sạn Nam Tước ở bất cứ nơi nào anh chọn. Có trời mới biết anh sẽ dừng lại ở nơi nào, Rosnovski ạ!

- Một ngày nào đó, ông Fenton, tôi sẽ xây một khách sạn Nam Tước ở Warsaw. Chỉ khi đó tôi mới tính đến chuyện dừng chân. Tôi có thể chỉ đóng góp một chút sức mọn để đánh bại bọn Đức, nhưng tôi vẫn còn một món nợ nhỏ cần thanh toán với đám người Nga nữa.

Fenton cười. Tối hôm đó, khi ông kể lại câu chuyện cho vợ nghe, bà nói: “Vậy tại sao không phải là khách sạn Nam Tước Moscow?”

- Còn vị trí của tôi đối với Ngân hàng Lester thì sao? - Abel hỏi.

Giọng điệu Abel chợt thay đổi khiến Fenton phiền lòng. Ông thấy lo khi Abel vẫn một mực buộc William Kane phải chịu trách nhiệm cho cái chết bất ngờ của ông Davis Leroy. Ông mở một tập hồ sơ không được đánh dấu và bắt đầu đọc.

- Cổ phần của Lester, Kane và Công ty được chia cho mười bốn thành viên trong gia đình Lester và sáu người

cùng làm việc từ trước đến nay. Ông William Kane là cổ đông lớn nhất, với 8% trong tài sản gia đình.

- Còn ai khác trong nhà Lester sẵn lòng bán cổ phần của mình không? - Abel hỏi.

- Có thể có đấy, nếu chúng ta trả giá hợp lý. Cô Susan Lester, con gái của ông Charles Leser quá cố, có thể cân nhắc bán đi cổ phần của mình, lý do cô ta đưa ra cũng đáng tin, và cả ông Peter Parfitt, cựu Phó Chủ tịch của Ngân hàng Lester, cũng tỏ vẻ muốn bán.

- Họ nắm bao nhiêu phần trăm?

- Susan Lester nắm 6%. Parfitt có 2% thôi.

- Bọn họ muốn bao nhiêu?

Trong khi ông Fenton kiểm tra hồ sơ, Abel liếc sang bản báo cáo thường niên mới nhất của Ngân hàng Lester. Mắt anh dừng lại ở Mục 7, đã được gạch chân. Anh cười.

- Cô Lester muốn hai triệu đô cho 6% của mình và ông Parfitt đòi một triệu đô cho 2% của ông ta.

- Ông Parfitt tham quá đấy. - Abel nói - Chúng ta sẽ đợi đến khi ông ta đói. Mua ngay cổ phần của cô Susan Lester, không cho cô ta biết ông đang đại diện cho ai và liên tục báo cho tôi mọi thay đổi từ phía Parfitt.

Curtis Fenton bật ho.

- Có điều gì làm ông thấy phiền sao, ông Fenton?

Fenton ngáp ngừng. - Không, không có gì. - Ông dè dặt đáp.

- Được rồi, tôi đang cất cử một người khác chịu trách nhiệm toàn bộ cho tài khoản đặc biệt đó, có thể ông cũng biết người ấy: Henry Osborne.

- Nghị sĩ Osborne sao?
- Đúng vậy, ông biết ông ta không?
- Chỉ biết tai tiếng thôi. - Fenton tỏ vẻ không hoàn toàn tán thành.

Abel bỏ qua lời nhận xét đầy ngụ ý ấy. Anh cũng biết quá rõ tai tiếng của Osborne, nhưng ông ta có khả năng giải quyết được thói quan liêu và có được những quyết định nhanh chóng của phía chính quyền, theo đánh giá của Abel thì cũng đáng để mạo hiểm cùng ông ta. Và hai người cũng còn có điểm chung khác: Cả hai đều căm hận William Kane.

- Tôi cũng sẽ mời ông Osborne về làm một Giám đốc của Tập đoàn Nam Tước.

- Cứ theo ý anh. - Fenton buồn bã nói, ông băn khoăn có nên bày tỏ mối quan ngại của mình về Osborne hay không.

- Cho tôi biết ngay khi ông xong việc với ông Lester.

- Vâng, anh Rosnovski. - Fenton đáp và đóng tập hồ sơ lại.

Abel trở lại khách sạn Nam Tước và thấy Henry Osborne đang đợi ngoài hành lang.

- Chào Nghị sĩ, - Abel vừa chào vừa bắt tay ông ta - ông muốn đi ăn trưa cùng tôi chứ?

- Cảm ơn Nam tước! - Osborne nói. Cả hai cùng cười và khoác tay nhau đi vào phòng ăn, họ lại ngồi một bàn trong góc. Abel phạt một người phục vụ khi anh phát hiện một chiếc cúc trên áo anh ta đã mất.

- Vợ ông khỏe không, ông Abel?

- Rất khỏe. Còn vợ ông, Henry?

- Rất tuyệt.

Cả hai đều biết người kia đang nói dối.

- Có gì vui để kể không?

- Miếng đất ông cần ở Seattle đã có người lo, - Henry nói bằng giọng kín đáo - tài liệu sẽ được chuyển qua cho hội đồng địa phương trong vài ngày tới. Ông có thể tiến hành xây dựng khách sạn Nam Tước Seattle ngay tháng sau.

- Chúng ta không làm gì quá trái pháp luật chứ?

- Đối thủ của ông không từ bất cứ trò gì. - Henry quả quyết - Tôi có thể đảm bảo điều đó.

- Tôi rất vui khi được biết điều đó, ông Henry ạ! Tôi không muốn có bất cứ rắc rối nào với pháp luật.

- Không, không! - Osborne nói - Chỉ ông và tôi biết chính xác những chuyện đang diễn ra.

- Được. Ông đã giúp tôi được rất nhiều trong những năm qua, ông Henry ạ, và tôi có một món quà nhỏ dành tặng những đóng góp của ông trước đây. Ông có muốn trở thành một giám đốc của Tập đoàn Nam Tước không?

- Thật vinh dự cho tôi, ông Abel! - Ông Nghị sĩ đáp.

- Đừng khoa trương thế, ông Henry. Rốt cuộc ông vẫn luôn săn đuổi vị trí đó mà. - Cả hai người cùng cười - Nhưng công bằng mà nói, về chuyện xin giấy phép xây dựng của thành phố và tiểu bang, người như ông quả là vô giá. Tôi thì quá bận để làm việc với các chính trị gia và đám công chức quan liêu ấy. Ông Henry ạ, dù sao họ cũng thích làm việc với một người từng học Harvard hơn, dù ông ta không rộng lượng như lúc ông ta hạ bệ họ đâu.

- Trái lại, ông vẫn luôn rất rộng lượng, ông Abel.
- Chỉ là đối với riêng ông thôi. Bây giờ, tôi cần ông giải quyết một vấn đề nan giải hơn, có liên quan đến bạn chung của hai ta ở Boston đấy.

Bức thư nằm trên bàn làm việc trong phòng khách, cạnh chỗ William ngồi. Anh cầm lên và đọc đến lần thứ ba, cố tìm ra lý do tại sao Abel Rosnovski lại mua nhiều cổ phần của Ngân hàng Lester như vậy, và tại sao anh ta lại chỉ định Henry Osborne làm một giám đốc của Tập đoàn Nam Tước. Anh quay một số điện thoại mà không cần tra danh bạ.

Khi Thaddeus Cohen đến Đường 68 phía Đông, anh không cần phải giới thiệu về mình. Anh giống cha mình như đúc, mái tóc bắt đầu hoa râm và thừa thớt ở cùng những vị trí ấy, vóc dáng cao và mảnh dẻ trong bộ đồ quen thuộc. Có thể vẫn là bộ đồ ngày trước của người cha.

- Anh không nhớ tôi đâu, anh Kane. - Ông luật sư nói.

- Đương nhiên tôi nhớ chứ. - William đứng dậy bắt tay Thaddeus - Buổi tranh biện nổi tiếng ở trường Harvard. Năm một chín hai mươi...

- Hai mươi tám. Anh đã thắng trong cuộc tranh biện ấy, nhưng đã chấp nhận mất đi quyền thành viên trong nhóm Porcellian.

- Chúng ta ở cùng một nhóm thì có lẽ sẽ hợp lý hơn. Thương hiệu chủ nghĩa xã hội của anh sẽ cho phép anh đại diện cho một gã tư bản trợ tráo. - William phá lên cười.

Trong một khoảnh khắc, cả hai người lại trở thành những sinh viên chưa tốt nghiệp.

- Anh không hề được dự bữa rượu đó ở câu lạc bộ Porcellian. Giờ anh muốn uống gì? - William mỉm cười.

Thaddeus Cohen từ chối:

- Tôi không uống rượu, - anh nói và vắn kiểu nháy mắt quen thuộc khiến người khác không thể giận được mà William còn nhớ rất rõ - và tôi e là giờ tôi cũng là một gã tư bản trợ tráo.

Hóa ra anh ta cũng có khối óc giống hệt cha mình. Chắc hẳn anh đã được cung cấp đầy đủ hồ sơ về Rosnovski và Osborne, anh có thể trả lời được mọi câu hỏi của William. William giải thích rõ ràng những gì mình yêu cầu.

- Một bản báo cáo sát sườn và một bản cập nhật thêm mỗi quý. Tính tuyệt mật là quan trọng hàng đầu. Tôi cần tìm hiểu xem tại sao Abel Rosnovski lại đang hỏi mua cổ phần của Ngân hàng Lester. Có phải anh ta vẫn thấy tôi phải chịu trách nhiệm cho cái chết của ông Davis Leroy? Anh ta sẽ còn tiếp tục tranh đấu với Kane và Cabot dù lúc này nó đã thành một phần của Ngân hàng Lester? Henry Osborne giữ vai trò gì trong tất cả chuyện này? Một cuộc gặp giữa tôi và

Rosnovski thì có giúp ích không, đặc biệt là nếu tôi nói rằng chính ngân hàng, chứ không phải tôi, đã từ chối hỗ trợ cho Tập đoàn Richmond?

Cây bút của Thaddeus Cohen lướt đi dữ dội trên giấy giống như cha mình năm xưa.

- Mọi câu hỏi này phải được giải đáp càng nhanh càng tốt, để tôi có thể quyết định nếu cần thông báo cho Ban giám đốc.

Đóng cặp tài liệu lại, Thaddeus Cohen lại cười ngượng nghịu như cha mình năm xưa.

- Tôi rất buồn khi anh gặp phải chuyện này trong khi vẫn đang dưỡng bệnh. Tôi sẽ thông báo lại ngay khi có thể xác minh mọi chuyện. - Anh dừng lại trước cửa - Tôi vô cùng khâm phục chiến công của anh ở Remagen.



Ngày 7 tháng Năm năm 1946, Abel đến New York để tổ chức lễ kỷ niệm Ngày Chiến thắng Phát xít đầu tiên. Anh bố trí bữa tối cho hơn một nghìn cựu binh Mỹ gốc Ba Lan, tổ chức tại khách sạn Nam Tước, và mời Tướng Kazimierz Sosnkowski là khách danh dự, ông là tổng chỉ huy Quân lực Ba Lan ở Pháp. Anh đã mong chờ sự kiện này trong nhiều tuần và muốn Florentyna cùng đi New York với anh, khi Zaphia tỏ rõ vẻ không muốn đi.

Trong đêm kỷ niệm ấy, phòng tiệc của khách sạn Nam Tước New York được trang trí vô cùng tráng lệ. Một trăm hai mươi bàn ăn được trang trí bằng những ngôi sao và sọc kiểu Mỹ cũng như màu đỏ và trắng trên quốc kì của Ba Lan.

Những tấm ảnh lớn của Eisenhower, Patton, Bradley, Clark, Paderewski và Sikorsky được bài trí trên tường. Abel ngồi ở trung tâm của bàn lớn nhất, vị tướng ngồi bên phải anh và Florentyna ngồi bên trái.

Sau một bữa tiệc gồm bảy món, Tướng Sosnkowski đứng dậy diễn thuyết trước buổi họp mặt. Ông tuyên bố Đại tá Rosnovski đã được bầu làm Chủ tịch trọn đời của Hội Cựu binh Ba Lan để đền đáp cho những hy sinh của anh vì chính nghĩa của những người Mỹ gốc Ba Lan và đặc biệt là để đền đáp cho món quà hào phóng mang tên Nam tước New York dành cho Lục quân Mỹ trong suốt thời kì chiến tranh. Có ai đó đã hơi quá chén hô vang từ một góc phòng:

- Chúng ta thoát được bọn Đức thì cũng có cách qua được món ăn của ngài Abel.

Hàng ngàn cựu binh cười vang, phấn khởi chúc mừng Abel bằng vodka Danzig. Nhưng tất cả bỗng im lặng khi vị tướng xúc động nói về thảm cảnh của Ba Lan sau chiến tranh và thúc giục những người xa xứ không ngừng đấu tranh giải phóng cho chủ quyền của quê hương. Như mọi người khác trong phòng, Abel tin rằng một ngày nào đó Ba Lan sẽ lại được tự do. Anh cũng mơ sẽ đến ngày lâu đài được trả lại cho mình, nhưng anh không rõ mong ước ấy có thành hiện thực được không.

Vị tướng tiếp tục nhắc nhở các vị khách: Những người Mỹ gốc Ba Lan trong chiến tranh đã hy sinh nhiều hơn bất cứ tộc người nào khác ở nước Mỹ, nếu tính theo số người.

- Có bao nhiêu người Mỹ biết Ba Lan đã mất sáu triệu người con trong khi Tiệp Khắc chỉ mất có một trăm nghìn? Vài người vẫn nói chúng ta thật ngu ngốc khi không đầu hàng vào lúc biết chắc mình đã thua. Một quốc gia đã dám tiến hành đột kích bằng kỵ binh để chống lại đoàn xe tăng hùng hậu của Đức Quốc xã, liệu có tin mình sẽ bị đánh bại không? Và xin thưa với các bạn, chúng ta sẽ không bao giờ thua.

Để kết thúc, vị tướng kể cho những người đang chăm chú lắng nghe câu chuyện Abel đã dẫn dắt nhóm người đi giải cứu đội quân thương vong trong trận Remagen. Ông kể xong, những cựu binh đứng cả dậy và nồng nhiệt chúc mừng hai người. Niềm tự hào về cha của Florentyna rạng rỡ trên nụ cười của cô bé.

Abel thấy rất lạ khi câu chuyện về anh ở chiến trường Remagen là chủ đề nóng trên các số báo sáng hôm sau, vì những thành tích của người Ba Lan rất ít khi được công bố trên bất cứ phương tiện truyền thông nào, ngoại trừ tờ *Dziennik Zwiazkowy* của người Ba Lan. Anh đắm mình trong vinh quang mới có này như một anh hùng của nước Mỹ chưa được ca tụng và phải dành gần trọn vẹn ngày hôm đó để chụp ảnh và trả lời phỏng vấn.

Đến tối, khi mặt trời đã lặn, Abel thấy lòng chùng xuống. Vị tướng đã sang Los Angeles để dự một buổi lễ khác, Florentyna đã về trường ở Lake Forest, George quay lại Chicago và Henry Osborne về Washington. Khách sạn Nam Tước New York hình như bỗng rộng lớn và trống trải, nhưng Abel không hề muốn trở về Chicago, về với Zaphia. Anh quyết định ăn tối sớm và xem qua các báo cáo hàng tuần từ những

khách sạn khác trong Tập đoàn trước khi đi nghỉ. Anh hiếm khi ăn một mình trong phòng riêng, anh thích dùng bữa ở phòng ăn hơn - như vậy anh có thể thường xuyên tương tác với các hoạt động của khách sạn. Càng mở rộng thêm nhiều khách sạn, anh càng sợ mất liên lạc với những nhân viên cấp thấp nhất.

Anh đi thang máy xuống và đến bên quầy lễ tân để hỏi về số lượng khách đã đặt phòng qua đêm, nhưng một phụ nữ lộng lẫy đang ký giấy đảm bảo đã khiến anh xao động. Anh thề là mình quen người ấy, nhưng không thể nhìn rõ khuôn mặt cô ta. Khi đã xong, cô quay sang cười với anh.

- Abel, - cô nói - thật tuyệt vì được gặp anh.

- Lay Chúa, Melanie. Anh gần như không nhận ra em đấy.

- Không ai không nhận ra anh, Abel ạ!

- Anh thậm chí không biết em đang ở New York.

- Chỉ một đêm thôi. Em đến vì công việc của tờ tạp chí.

- Em là nhà báo? - Abel hỏi.

- Không, em là cố vấn kinh tế cho một nhóm tạp chí có các trụ sở ở Dallas. Em đến đây vì một dự án khảo sát thị trường.

- Ấn tượng thật đấy.

- Cam đoan là không ấn tượng đâu. Nhưng nó giúp em tránh xa được phiền lụy.

- Liệu em có rảnh để đi ăn tối với anh không?

- Ý kiến hay đấy, Abel. Nhưng em phải tắm và thay đồ đã, nếu anh không phiền khi đợi em.

- Đương nhiên anh có thể đợi mà. Anh sẽ gặp em ở phòng ăn nhé. Sao em không đi ăn với anh khoảng một giờ nhỉ?

Cô lại mỉm cười và đi theo người phục vụ ra thang máy. Abel cảm nhận được hương thơm khi cô đi ngang qua. Anh kiểm tra lại phòng ăn để đảm bảo bàn của mình có hoa tươi rồi vào bếp chọn những món anh nghĩ cô thích nhất. Xong việc, anh ngồi ở một bàn trong góc và sốt ruột chờ đợi. Cứ vài phút anh lại liếc đồng hồ và nhìn về phía lối ra vào, mong Melanie xuất hiện. Cô đi đến hơn một tiếng, nhưng khi người trưởng phục vụ đưa cô đến bàn của anh, anh thấy thật xứng đáng để chờ đợi. Cô mặc chiếc váy dài bó sát, vừa mờ ảo vừa lấp lánh dưới những ngọn đèn trong phòng ăn với vẻ sang trọng nổi bật. Cô đẹp mê hồn. Abel đứng dậy đón cô khi người phục vụ mở một chai Krug nho.

- Chào em, Melanie! - Anh nâng ly lên - Anh rất mừng vì thấy em vẫn chọn khách sạn Nam Tước.

- Em rất mừng vì được gặp riêng Nam tước, - cô đáp - nhất là trong ngày vinh quang của anh ấy. Em đã đọc không sót dòng nào về bữa tiệc tối qua trên tờ *New York Post* và câu chuyện anh đã liều lĩnh giải cứu những người bị thương ở Remagen. Tất cả khiến anh vừa giống Audie Murphy¹, vừa giống một Chiến sĩ Vô danh.

- Toàn là cường điệu hết đấy. - Abel nói.

¹ Audie Leon Murphy (1925-1971), một quân nhân Mỹ được coi là huyền thoại trong Thế chiến thứ hai, từng tham gia nhiều trận chiến ác liệt đẩy lùi quân Đức.

- Em chưa bao giờ thấy anh khiêm nhường trong bất cứ chuyện gì, Abel ạ, nên em có thể cho rằng tất cả chắc chắn là sự thật.

- Sự thật là anh vẫn luôn hơi sợ em đấy, Melanie.

- Nam tước lại sợ ai đó ư? Em không tin đâu.

- Chà, anh không phải một quý ông miền Nam, như em đã từng biết quá rõ mà.

- Và anh chưa bao giờ thôi nhắc lại chuyện cũ. - Cô cười với vẻ châm chọc - Anh đã cưới cô gái Ba Lan xinh đẹp của mình rồi sao?

Anh rút ly sâm banh thứ hai.

- Đúng vậy.

- Cuộc sống hôn nhân thế nào?

- Không hạnh phúc lắm. Bọn anh đang nhạt dần và thực sự thì anh là người có lỗi. Thường xuyên về quá muộn.

- Ở bên người phụ nữ khác sao?

- Không. Ở lại các khách sạn khác.

Melanie cười vang và lại mỉm cười ấm áp với anh.

- Và em đã tìm cho mình một đức ông chồng rồi hả?

- Chắc chắn rồi. Em đã cưới một quý ông miền Nam thực thụ với tất cả những giấy ủy quyền.

- Rất mừng cho em.

- Em đã ly hôn năm ngoái, sau khi nhận một khoản tiền lớn.

- Ôi, anh xin lỗi! - Giọng Abel có vẻ hài lòng - Em uống thêm sâm banh nhé?

- Liệu anh có đang tìm cách quyến rũ em không đấy, Abel?

- Phải đợi em ăn xong món súp đã, Melanie. Ngay cả thể hệ người Ba Lan nhập cư đầu tiên cũng có những chuẩn mực, dù anh thừa nhận đã đến lượt anh quyền rũ em rồi đấy.

- Vậy em phải cảnh báo anh, Abel ạ, em chưa hề qua đêm với người đàn ông khác từ sau khi ly hôn. Không thiếu những người ngổ ỷ nhưng chẳng có ai thực sự xứng đáng. Những bàn tay mò mẫm quá nhiều mà tình cảm thì thiếu.

Hết món cá hồi xông khói, thịt cừu tái, kem cháy và rượu vang Mouton Rothschild, hai người đã được nhìn thấu cuộc đời của nhau từ sau lần gặp cuối cùng.

- Lên tầng thượng uống cà phê nhé, Melanie?

- Em có lựa chọn nào khác sao, sau một bữa tối thịnh soạn thế này?

Abel cười và đưa cô ra khỏi phòng ăn. Khi vào thang máy, cô bước loạng choạng trên đôi giày cao gót. Abel bấm số “42”. Melanie nhìn lên dãy số khi họ chờ thang máy lên.

- Sao không có tầng 17 vậy anh? - Cô ngây ngô hỏi. Abel không biết tìm lời nào giải thích với cô.

- Lần trước em uống cà phê ở phòng anh... - Melanie cố gắng hỏi.

- Đừng nhắc lại nữa. - Abel nói. Họ bước ra khỏi thang máy khi đến tầng 42, người phục vụ mở cửa phòng cho anh.

- Lạy Chúa! - Melanie đảo mắt quanh tầng thượng - Abel, em phải nói rằng chắc chắn anh đã học được lối tổng hòa phong cách sống của một đại triệu phú đấy. Cả đời em chưa bao giờ thấy nơi nào xa hoa hơn.

Abel đang định tiến lại gần cô thì có tiếng gõ cửa khiến anh dừng lại. Một người phục vụ trẻ tuổi đem đến một bình cà phê và một chai Remy Martin.

- Cảm ơn cậu nhé, Mike! - Abel nói - Tối nay như vậy là đủ rồi.

- Như vậy thôi? - Melanie cười.

Người phục vụ vội lùi bước.

Abel rót cà phê và rượu. Melanie từ tốn uống, ngồi vắt chéo chân trên sàn nhà. Abel ngồi xuống cạnh cô. Cô vuốt tóc anh và anh bắt đầu ngáp ngừng lướt bàn tay trên chân cô. Chúa ơi, anh còn nhớ rõ về đôi chân này. Khi họ hôn nhau, Melanie hát vang một chiếc giày và làm đổ luôn ly cà phê ra tấm thảm Ba Tư.

- Ôi, chết rồi! - Cô thốt lên - Tấm thảm tuyệt đẹp của anh.

- Không quan trọng đâu. - Abel vừa nói vừa kéo cô trở lại vòng tay anh và kéo khóa chiếc váy. Melanie cởi cúc áo cho anh và Abel cởi áo trong lúc hôn cô, nhưng vì vương khuy măng sét nên anh giúp cô cởi váy trước. Thân hình cô vẫn như trong trí nhớ anh, nhưng lúc này đầy đặn, khêu gợi hơn. Bộ ngực săn chắc và đôi chân dài yêu kiều. Anh không dùng một tay để cởi khuy măng sét nữa mà buông cô ra để cởi đồ thật nhanh, anh biết thân thể mình và thân hình tuyệt đẹp của cô khác nhau thế nào và hy vọng tất cả những điều anh đọc về phụ nữ khi bị hấp dẫn bởi những người đàn ông quyền lực đều đúng. Anh mơn trớn khuôn ngực của cô rồi tách hai chân cô ra. Tấm thảm Ba Tư mềm mại hơn bất cứ chiếc giường nào. Đến lượt cô tìm cách cởi hết đồ trong

lúc hôn, và cũng phải bỏ cuộc, đành buông anh ra để cởi tất cả đồ trên người, ngoại trừ đôi tất nylon và dây lưng treo tất - như anh yêu cầu.

Nghe tiếng cô rên rỉ, anh biết đã rất lâu rồi mình mới lại được trải qua cảm giác ngây ngất này, và cảm giác phấn khích ấy trôi qua thật nhanh. Một lúc lâu, cả hai nằm thở hổn hển, không nói với nhau lời nào. Rồi Abel cười khúc khích.

- Anh cười gì vậy? - Melanie hỏi.

- Anh chỉ đang nhớ lại những nhận định của bác sĩ Johnson về những tư thế ngộ nghĩnh và khoảnh khắc khoái lạc.

Melanie cười và ngả đầu vào vai anh. Abel ngạc nhiên khi không thấy cô hấp dẫn đến mức không thể cưỡng lại nữa. Anh đang nghĩ cách bỏ đi mà không bị coi là thô thiển thì cô nói:

- Em sợ rằng mình không thể ở lại cả đêm, Abel ạ! Em có hẹn đi ăn sáng ở khách sạn Stevens. Em không muốn trông mình như đã ngủ cả đêm trên tấm thảm Ba Tư của anh.

- Em phải đi ư? - Abel tỏ vẻ thất vọng, nhưng không phải quá thất vọng.

- Em xin lỗi, anh yêu, nhưng đúng là thế. - Cô đứng dậy và đi vào phòng tắm.

Abel ngắm cô mặc đồ và giúp cô kéo khóa. Lúc thư thái, mặc đồ dễ hơn nhiều so với việc cởi đồ lúc vội vàng. Anh lịch sự hôn tay cô khi cô đi.

- Anh hy vọng mình sẽ sớm gặp lại nhau. - Anh nói dối.

- Em cũng hy vọng như vậy. - Đó cũng không phải điều cô muốn nói ra.

Anh đóng cửa lại sau lưng cô và đến chỗ chiếc điện thoại cạnh giường.

- Cô Melanie Leroy đặt phòng nào nhỉ? - Anh hỏi.

Đầu dây bên kia ngừng lại một lát, anh sốt ruột gõ nhịp những ngón tay xuống bàn, lắng nghe tiếng lách tách lật những tấm thẻ đăng ký.

- Không có ai đăng ký dưới tên đó, thưa ngài. - Cuối cùng có tiếng đáp lại - Chỉ có bà Melanie Seaton đến từ Dallas, bang Texas, vừa đến tối nay và sáng mai trả phòng.

- Được rồi, chính là bà ấy. Tôi sẽ trả hóa đơn của bà ấy nhé.

- Vâng, thưa ngài.

Abel gác máy và tắm nước nóng rất lâu trước khi đi ngủ. Đang định tắt ngọn đèn đã soi sáng cho vụ ngoại tình đầu tiên, anh thấy vết cà phê lớn ở chính giữa tấm thảm Ba Tư.

- Con ranh vụng về. - Vừa nói anh vừa tắt đèn.



William lấy lại được khí lực và khỏe lên nhanh chóng trong nhiều tháng sau đó, những vết sẹo trên mặt và ngực mờ dần. Ban đêm, Kate vẫn ngồi lại cùng anh cho đến khi anh ngủ lúc nào không hay. Những cơn đau đầu kinh khủng và những giai đoạn mất trí nhớ giờ chỉ còn là quá khứ, cánh tay phải của anh cuối cùng đã có lại sức mạnh.

Kate không để chồng quay lại làm việc cho đến khi họ kết thúc chuyến đi biển dài ngày ở Caribbe. Trong chuyến đi này, William được nghỉ ngơi nhiều hơn bất cứ thời điểm

nào từ sau khi anh và Kate có một tháng bên nhau ở Anh. Kate thích thú khi biết trên tàu không có ngân hàng nào để anh phải làm việc, dù cô sợ nếu chuyển đi kéo dài thêm một tuần nữa anh sẽ đại diện cho Ngân hàng Lester để mua con tàu, tổ chức lại thủy thủ đoàn, hải trình và thời gian. Khi tàu cập cảng New York, cô không thể ngăn anh trở lại ngân hàng ngay sáng hôm sau.



Nhiều vết loang cà phê khác xuất hiện trên tấm thảm Ba Tư của Abel trong suốt những tháng sau đó, một số vết do những nữ phục vụ biết vâng lời, những vết khác là do những vị khách được ở lại khách sạn miễn phí, còn anh và Zaphia mỗi lúc một xa cách hơn.

Điều anh không lường trước được là vợ anh đã thuê thám tử tư để theo dõi anh và sau đó cô làm đơn ly hôn. Trong cộng đồng bạn bè Ba Lan của Abel, gần như chưa mấy ai biết đến khái niệm ly hôn. Anh cố thuyết phục vợ từ bỏ quyết định ấy vì sẽ làm tổn hại đến vị trí của anh trong cộng đồng người Ba Lan, tệ hơn là sẽ cản trở những hoài bão của anh trên con đường chính trị cũng như xã hội đã được anh nuôi dưỡng từ trước. Nhưng Zaphia kiên quyết theo đuổi vụ kiện. Abel không thể tin nổi khi người đàn bà vốn thờ ơ với những vinh quang của anh lại là một mụ phù thủy khi trả thù, như lời George đã nói.

Khi Abel hỏi luật sư của mình, bấy giờ anh mới biết đã có bao nhiêu cô phục vụ và khách trọ miễn phí vui chơi cùng anh suốt năm qua. Anh chịu thua kiện. Anh chỉ muốn

giành quyền chăm sóc Florentyna, giờ sắp mười ba tuổi, và cũng là người quan trọng nhất trong đời anh. Sau một thời gian dài tranh đấu, Zaphia chấp nhận yêu cầu của anh, nhận số tiền năm trăm nghìn đô, giấy tờ căn nhà ở Chicago và quyền được gặp Florentyna vào ngày nghỉ cuối tuần cuối cùng hàng tháng.

Abel chuyển trụ sở và nơi thường trú lên New York. George gán cho anh biệt danh “Nam tước Lưu Đà” khi anh lang thang khắp hai miền Nam, Bắc nước Mỹ để xây dựng các khách sạn mới, anh chỉ trở lại Chicago khi cần tham khảo ý kiến của Curtis Fenton.



Nhận được bản báo cáo đầu tiên từ Thaddeus Cohen, William thấy rõ Rosnovski đang tích cực tìm kiếm các cổ phần của Ngân hàng Lester, anh ta tiếp cận tất cả những người thụ hưởng khác trong di chúc của Charles Lester nhưng mới chỉ có một giao dịch thành công. Susan Lester từ chối gặp Cohen nên anh không thể tìm hiểu được vì sao cô ta lại bán đi 6% của mình. Anh chỉ biết chắc chắn cô ta không hề gặp vấn đề về tài chính để phải làm vậy.

Bản báo cáo chi tiết một cách đáng nể. Có vẻ Henry Osborne đã được chỉ định làm một giám đốc của Tập đoàn Nam Tước vào tháng Năm năm 1946, chịu trách nhiệm đặc biệt là tìm kiếm các cổ phần của Lester. Không thể tìm hiểu cách Rosnovski hoặc Osborne mua lại cổ phần của Susan. Cohen khẳng định Rosnovski sẵn lòng trả ít nhất bảy trăm năm mươi nghìn đô để được sở hữu 2% cổ phần của Peter

Parfitt. Không cần nhắc William cũng biết Rosnovski có thể tạo ra những biến động lớn khi có đủ 8% cổ phần trong Ngân hàng Lester và có thể viện dẫn đến Điều 7. Khó khăn William phải đương đầu là sự phát triển của Ngân hàng Lester không thể so với sự phát triển của Tập đoàn Nam Tước vì bên đó vừa bắt kịp các đối thủ chính là Tập đoàn Hilton và Tập đoàn Sheraton. Anh lại tự hỏi mình có nên thuật lại cho Ban giám đốc về những thông tin mới nhất này hay không, hay anh nên liên lạc trực tiếp với Rosnovski. Sau nhiều đêm thức trắng, anh nghĩ đến lời khuyên của Kate.

- Đừng làm gì cả, - cô nói - cho đến khi anh hoàn toàn chắc chắn những dự định của anh ta mang tính phá hoại như anh đã lo sợ. Có khi mọi chuyện chỉ là cơn bão trong tách trà thôi.

- Khi có Henry Osborne nhúng tay vào, chắc chắn cơn bão ấy sẽ còn làm nước tràn ra đĩa và anh không thể cứ ngồi đó rồi đợi phát hiện được kế hoạch tiếp theo của hắn ta.

- Có thể ông ta đã nguôi ngoai rồi, William ạ! Đã hơn hai mươi năm từ sau chuyện riêng giữa anh và ông ta.

William nghỉ ngơi vài ngày, cho đến lúc đọc được bản báo tiếp theo của Thaddeus Cohen.

PHẦN SÁU

1948-1952



Tổng thống Truman bất ngờ tái đắc cử nhiệm kì thứ hai ở Nhà Trắng, dù các tiêu đề trên tờ *Tribune Chicago* đã thông báo với thế giới rằng Thomas E. Dewey là Tổng thống tiếp theo của nước Mỹ. William không biết nhiều về người đàn ông kinh doanh trang phục ở Missouri ấy¹, ngoại trừ những thông tin anh đọc được trên báo, và với tư cách một người trung thành với đảng Cộng hòa, anh hy vọng đảng này sẽ tìm được người xứng đáng để dẫn dắt tất cả trong chiến dịch năm 1952².



Tập đoàn Nam Tước thu được lợi nhuận khổng lồ trong thời kì kinh tế Mỹ bùng nổ sau chiến tranh. Từ những thập niên hai mươi, chưa khi nào tạo ra lợi nhuận lớn một cách

¹ Tổng thống Truman thời trẻ từng kinh doanh trang phục cùng bạn, sau bị phá sản.

² Tổng thống Truman là người của đảng Dân chủ. Năm 1952, ứng viên đảng Cộng hòa Dwight D. Eisenhower đắc cử Tổng thống, kết thúc hai mươi năm nắm quyền của đảng Dân chủ.

nhANH chóng lại dễ dàng như vậy, và cho đến đầu thập niên năm mươi, người ta bắt đầu tin rằng thời kì này sẽ kéo dài mãi. Abel không bằng lòng khi chỉ có được thành công ở mảng tài chính. Khi nhiều tuổi hơn, anh bắt đầu nghĩ về tương lai của Ba Lan và thấy mình không thể tiếp tục là người ngoài cuộc nữa. Ông Pawel Zaleski, Lãnh sự Ba Lan ở Thổ Nhĩ Kỳ đã nói gì? *Có thể trong đời mình, anh sẽ được chứng kiến Ba Lan trỗi dậy lần nữa.*

Khi chứng kiến chính quyền cộng sản lần lượt nắm quyền lực, Abel thấy mình đã mạo hiểm cả tính mạng ở Remagen vì những điều không có thật. Anh bắt đầu vận dụng hết khả năng của mình để thuyết phục Quốc hội Mỹ cần phải có thái độ kiên quyết hơn trước quyền kiểm soát vệ tinh nhân tạo của người Nga tại Đông Âu. Anh lót tay cho các chính trị gia, hướng dẫn tỉ mỉ cho các nhà báo và tổ chức các bữa tối ở Chicago, New York và nhiều trung tâm khác trong cộng đồng người Mỹ gốc Ba Lan, cho đến khi chính nghĩa của người Ba Lan trở thành đồng nghĩa với danh xưng “Nam tước Chicago”.

Tiến sĩ Teodor Szymanowski, trước đây là giáo sư lịch sử tại Đại học Cracow, đã viết một bài xã luận cháy bỏng về vai trò của Abel trong phong trào “Đấu tranh để được thừa nhận” của Ba Lan trên nhật báo *Tự Do*, bài viết thôi thúc Abel phải liên hệ ngay với ông ta. Vốn chỉ biết về sức mạnh từ những quan điểm của giáo sư, khi Abel được đưa vào phòng làm việc của ông ở Princeton, anh sững sờ trước vẻ ồm ỷ của ông.

Szymanowski nồng hậu chào đón Abel, rót cho anh một ly vodka Danzid mà không buồn hỏi anh có muốn uống không.

- Nam tước Rosnovski, - ông đưa ly rượu cho anh - từ lâu tôi đã ngưỡng mộ anh và những cống hiến của anh cho chính nghĩa của chúng ta. Dù chúng ta chưa tiến được bao xa nhưng anh đừng bao giờ mất niềm tin nhé.

- Sao tôi mất niềm tin được? Tôi vẫn luôn tin rằng ở nước Mỹ mọi thứ đều có thể.

- Nhưng Nam tước ạ, tôi sợ rằng những người anh đang cố gây ảnh hưởng cũng chính là những kẻ lâu nay cho phép những cảnh tàn bạo diễn ra, và họ sẽ không thẳng thắn thừa nhận điều đó.

- Tôi không hiểu ý giáo sư. Tại sao họ không trợ giúp chúng ta? Sau tất cả, xét về lâu về dài, chuyện ấy chắc chắn thuộc về lợi ích của họ mà.

Giáo sư tựa lưng vào ghế.

- Nam tước, chắc chắn anh đã biết vào năm 1944, quân đội Mỹ đã nhận được những mệnh lệnh đặc biệt, buộc phải trì hoãn cuộc tiến công về phía đông và để quân Nga nắm quyền kiểm soát Trung Âu ở mọi nơi họ có thể đặt chân đến. Tướng Patton đứng ra đã có thể tiến quân vào Berlin trước quân Nga rất lâu, nhưng Eisenhower đã ra lệnh cho ông ta phải hoãn binh. Chính những nhà lãnh đạo của chúng ta ở Washington là những kẻ đã ra mệnh lệnh đó cho Eisenhower, cũng chính là những kẻ anh đang cố thuyết phục họ đưa quân đội và khí giới của người Mỹ trở lại châu Âu.

- Nhưng họ không thể biết Liên Xô sẽ trở thành một đế chế rộng lớn cỡ nào. - Abel nói - Người Nga vẫn là đồng minh của chúng ta. Tôi thừa nhận chúng ta đã quá ôn hòa với họ vào giai đoạn cuối chiến tranh, nhưng chắc chắn người Mỹ không hề phản bội người Ba Lan.

Szymanowski mệt mỏi nhắm nghiền mắt trước khi nói:

- Ước gì anh biết em trai tôi, Nam tước ạ! Tuần trước, tôi nghe nói cậu ấy đã chết từ sáu tháng trước trong một trại giam của người Nga, không khác gì trại giam anh đã trốn thoát đâu.

Abel định nói lời chia buồn nhưng Szymanowski đã giơ tay lên:

- Không, đừng nói gì cả. Bản thân anh biết rõ các trại giam ấy. Anh sẽ là người đầu tiên nhận ra lòng cảm thông không phải là giải pháp. Chúng ta phải thay đổi thế giới này trong khi những người khác còn đang ngủ yên. - Szymanowski ngừng lại - Em trai tôi bị những người Mỹ đẩy sang Nga.

Abel nhìn ông hồ nghi.

- Do người Mỹ sao? Sao có thể như thế được? Nếu ông ấy bị quân đội Nga bắt ở Ba Lan...

- Em trai tôi không bị tống giam ở Ba Lan. Cậu ấy được một trại giam tù binh chiến tranh của Đức gần Frankfurt trả tự do. Người Mỹ đã giữ cậu ta trong một trại giam tù binh trao đổi suốt một tháng trời rồi giao nộp cho quân Nga. Người Nga muốn tất cả những người Slave được hồi hương. Hồi hương để rồi họ có thể bị xét xử. Tôi có thể

chứng minh em tôi đã ở trong một quân khu của Mỹ hơn một tháng trời.

- Nhưng, - Abel nói - ông ta là trường hợp cá biệt hay còn những người khác chịu chung số phận?

- Có đến hàng trăm nghìn người. - Szymanowski thản nhiên nói - Có thể hàng triệu người. Tôi không rõ chúng ta có biết được con số chính xác hay không. Toàn bộ sự vụ ác độc này được gọi là “Công tác Kee Chanl”.

- Nhưng chắc chắn nếu người dân biết người Mỹ đã đẩy những tù nhân được trả tự do đến chỗ phải chết trên đất Nga, họ sẽ ghê tởm.

- Không có bằng chứng, không có tài liệu chính thức. Giống như Nelson, Mark Clark đã cố ý lờ đi để cho những lính Mỹ đồng tình với ông cảnh báo cho một số tù nhân trốn thoát trước khi người Mỹ chuyển họ vào các trại giam. Một trong số những người may mắn ấy đi cùng em trai tôi. - Giáo sư dừng lại - Dù sao lúc này cũng đã quá muộn để làm gì khác rồi.

- Nhưng người Mỹ cần được biết chứ. Tôi sẽ triệu tập một Ủy ban, in các tài liệu tuyên truyền, diễn thuyết. Đảm bảo Quốc hội Mỹ sẽ lắng nghe chúng ta nếu có bằng chứng rõ ràng.

- Nam tước Rosnovski, tôi nghĩ đây là một vấn đề hệ trọng, kể cả với anh. Anh phải hiểu rõ về tâm tính của những nhà lãnh đạo của thế giới. Người Mỹ bằng lòng giao nộp những linh hồn tội nghiệp ấy vì người Nga yêu cầu, giống như một phần của một kế hoạch tổng thể. Tôi dám

chắc họ không bao giờ nghĩ sẽ có những phiên tòa, những trại khổ sai. Và sẽ không có ai thừa nhận mình trực tiếp chịu trách nhiệm cho hành vi sát hại hàng nghìn người. Tôi đã từng hy vọng anh sẽ quyết định phải giữ một vai trò tuyệt đối trong giới chính trị.

- Tôi không định ra ứng cử, - Abel nói - vì như vậy, ông sẽ là sự giao hòa giữa Babe Ruth và Henry Fonda, còn tôi thì giống Hopalong Cassidy. Nhưng cũng không thể ngăn tôi công bố chuyện này, tôi nghĩ tôi biết chính xác mình phải liên hệ với ai.



Vừa về đến New York, Abel lên thẳng văn phòng của mình, nhắc máy và yêu cầu thư ký tìm một người đàn ông, người ấy đang bắt đầu gây dựng tên tuổi cho mình để không phải e sợ khi phản xử bất cứ ai.

Thư ký của Joseph McCarthy nhắc máy và hỏi ai muốn nói chuyện với Thượng nghị sĩ. - Để tôi xem ông ấy có thời gian không. - Cô gái đáp khi biết người gọi là ai.

- Ông Rosenevski! - Giọng nói của Thượng nghị sĩ không thể lẫn với ai khác. Abel tự hỏi có phải McCarthy cố ý gọi sai tên anh hay không, hay chỉ là do đường truyền kém - Ông muốn bàn với tôi chuyện hệ trọng gì vậy? - Abel do dự - Ông cứ yên tâm nói những bí mật của mình với tôi. - Anh nghe ông Thượng nghị sĩ nói vậy.

- Đương nhiên rồi! - Abel sắp xếp lại các ý nghĩ - Thưa Thượng nghị sĩ, ông vẫn luôn là người phát ngôn ngay thẳng cho những bí mật ấy của chúng tôi, những người

muốn được thấy các quốc gia Đông Âu được giải phóng thật sự.

- Tôi rất mừng vì ông đã thấu hiểu những cố gắng của tôi, ông Rosenevski ạ!

Lần này Abel biết chắc McCarthy đã cố ý phát âm sai tên anh, nhưng anh quyết định không đính chính.

- Ông đã nhận ra, - Thượng nghị sĩ tiếp tục - chỉ sau khi những kẻ phản bội bị đuổi ra khỏi chính phủ của ta thì bất cứ cuộc chiến chính nghĩa nào cũng có thể được tiến hành để giải phóng dân tộc đang bị xiềng xích của ông.

- Đó chính là điều tôi muốn trình bày với ông, thưa Thượng nghị sĩ. Ông đã có thành công vang dội khi phơi bày những hành động phản bội trong chính phủ của ta. Nhưng đến nay, một trong số những tội ác ghê gớm nhất vẫn chưa được phát giác.

- Ông Rosenevski, ông đang nghĩ đến tội ác tày đình nào vậy? Tôi đã được chứng kiến rất nhiều tội ác từ khi tôi đến Washington.

Abel vươn thẳng người hơn một chút.

- Tôi đang nhắc đến chuyện hàng nghìn người Ba Lan bị giới cầm quyền Mỹ bắt buộc hồi hương khi chiến tranh ở châu Âu chấm dứt và bị đưa vào các trại giam của người Nga, bị nô dịch và thủ tiêu.

Anh đợi câu trả lời nhưng không có. Anh nghe thấy tiếng *cạch* và nghĩ phải chăng có ai đó đã nghe lén cuộc nói chuyện của họ từ nãy đến giờ.

- Ông Rosenevski, sao ông nhận được những thông tin ấy? - Thượng nghị sĩ McCarthy hỏi, giọng ông chột trở nên hung hăng - Ông dám gọi điện cho tôi để nói rằng những quân nhân Mỹ trung thành đẩy hàng nghìn người đồng hương của ông sang đất Nga và không ai biết gì về sự kiện đó? Thậm chí một gã Ba Lan cũng không ngu ngốc như thế. Tôi cần biết hạng người nào lại chấp nhận một điều dối trá mà không cần hỏi bằng chứng. Ông mong tôi sẽ tin quân Mỹ là những kẻ bất trung à? Ông muốn thế đúng không? Ông Rosenevski, nói tôi nghe, với người của ông thì sao? Chẳng lẽ ông mù quáng đến mức không nhận ra đó là trò tuyên truyền của kẻ địch dù nó đập thẳng vào mặt ông? Ông phải làm mất thì giờ của một Thượng nghị sĩ Mỹ bận tối mắt vì một tin đồn do tờ *Prava* bịa ra chỉ nhằm gây hoang mang trong cộng đồng người nhập cư tại Mỹ?

Abel nín lặng, kinh ngạc trước cơn giận của Thượng nghị sĩ. Anh thấy mừng vì McCarthy không thể trông thấy vẻ mặt hoảng hốt của anh.

- Thưa Thượng nghị sĩ, tôi xin lỗi vì đã làm phí thời gian của ông. - Anh dịu dàng nói - Lúc trước tôi đã không nghĩ được như vậy.

- Được rồi, chuyện này giúp ông thấy được kẻ địch có thể xảo quyệt cỡ nào, - giọng McCarthy lại mềm dịu - ông luôn luôn phải cảnh giác bọn chúng. Nhân tiện, tôi cũng hy vọng giờ ông đã tỉnh táo trước những mối nguy hiểm thực sự mà người Mỹ đang phải đối mặt.

- Tôi rõ rồi, thưa Thượng nghị sĩ. Cảm ơn ông đã chiếu cố nói chuyện với tôi. Xin tạm biệt Thượng nghị sĩ.

- Tạm biệt ông, Rosenevski.

Tiếng đập máy nghe như tiếng sập cửa.

William biết mình ngày càng già đi khi Kate hay đùa ông về những sợi tóc bạc. Nếu tóc bạc chưa đủ chứng minh cho tuổi già thì đã có thêm chuyện Richard bắt đầu đưa những cô bạn gái về nhà dự tiệc trà. William hầu như luôn ưng thuận mọi lựa chọn của Richard, có thể vì những cô gái ấy đều rất giống Kate, dù theo nhận định của ông, ở tuổi trung niên bà vẫn đẹp hơn những cô gái đó. Virginia và Lucy đang độ tuổi thiếu niên, hai cô bé mang đến cho ông niềm hạnh phúc tột cùng khi cả hai lớn lên đều mang hình ảnh của mẹ giữa lúc nhịp sống hối hả bắt đầu định hình cho thế hệ của các cô.

Trong Virginia đang ươm mầm một họa sĩ tài năng, trên những bức tường của nhà bếp và phòng ngủ của trẻ con đều được dán kín các tác phẩm mới nhất của thiên tài, như lời Richard vẫn hay chế nhạo. Virginia phục thù vào hôm Richard bắt đầu học cello, hôm ấy ngay cả những người giúp việc cũng thì thào nhận xét rất gay gắt mỗi khi cây vĩ

chạm vào những sợi dây đàn. Lucy yêu thích cả hai môn đó. Không mang óc định kiến ưa phê bình, cô xem Virginia là truyền nhân của Edward Hoper¹ và Richard là Casals² tương lai.

Trong mắt Kate, cả ba người con của bà đều hoàn hảo. Richard nhanh chóng rèn luyện nâng cao khả năng chơi cello để được gia nhập dàn nhạc giao hưởng trong trường St. Paul, trong khi một bức họa của Virginia được treo trong phòng tranh. Và ai cũng nhận thấy Lucy sẽ là hoa khôi trong gia đình khi ở tuổi mười ba, cô đã nhận được rất nhiều cuộc điện thoại từ những cậu trai mà trước đó vốn chỉ yêu thích bóng chày và xe đua.



Năm 1951, Richard đỗ vào Đại học Harvard. Dù anh không giành được học bổng Toán học hàng đầu nhưng Kate đã nhanh chóng chỉ cho William thấy rằng Richard chơi được cả khúc côn cầu và cello cho trường St. Paul, trong khi chồng bà chưa từng làm được cả hai điều này. William thầm tự hào về những thành quả của Richard, nhưng lại than vãn về chuyện không quen nhiều chủ ngân hàng giỏi chơi khúc côn cầu hoặc cello.

Hoạt động ngân hàng lúc này đang bước vào thời kỳ mở rộng trong khi người Mỹ bắt đầu tin vào một nền hòa bình vĩnh cửu. William làm việc không có thời gian nghỉ ngơi, và

¹ Edward Hoper (1882-1967), là họa sĩ thiên tài của Mỹ những năm 1930.

² Pablo Casals (1876-1973), người Tây Ban Nha, là nghệ sĩ cello tiên phong xuất sắc của nửa đầu của thế kỷ 20, và là một trong những nghệ sĩ cello vĩ đại nhất mọi thời đại.

trong một gian đoạn ngắn, nỗi lo về Abel Rosnovski cũng như những vấn đề xoay quanh ông ta dần bị quên lãng. Cho đến một ngày...



Năm 1951, Cục Quản lý Hàng không Liên bang công nhận một công ty hàng không mới mang tên Interstate Airways, độc quyền các chuyến bay giữa hai bờ Đông và Tây của nước Mỹ. Hãng hàng không này tìm đến Ngân hàng Lester đề nghị cấp vốn 30 triệu đô cần thiết trong Sở Giao dịch Chứng khoán nhằm tuân theo đúng các quy định của chính phủ.

William tin ngành công nghiệp hàng không đang phát triển này đáng được hỗ trợ, và dành một khoảng thời gian đáng kể để tổ chức một cuộc bán ra công khai các cổ phiếu nhằm gây dựng vốn cho công ty Interstate Airways. Ngân hàng dùng toàn bộ nền tảng tài chính của mình để đỡ đầu cho công ty mới này, và William nhận thấy uy tín cá nhân của mình còn hay mất phụ thuộc vào việc ông có thể huy động được 30 triệu đô trên thị trường không. Chi tiết về cuộc bán ra được thông báo vào tháng Bảy, người ta đã mua rất nhiều chứng khoán chỉ trong vài ngày. William nhận được rất nhiều lời tán tụng từ khắp mọi nơi vì cách ông tiến hành dự án để có được kết quả mỹ mãn như vậy. Cho đến khi đọc trong bản báo cáo mới nhất của Thaddeus Cohen, thấy 10% cổ phần của hãng hàng không kia đã được bán cho một trong số những công ty vệ tinh của Abel Rosnovski, ông không thể nào vui sướng được nữa.

William biết đã đến lúc báo cho Ted Leach và Tony Simmons về nỗi lo sợ của ông. Ông mời Tony sang New York, tại đây ông kể cho hai vị Phó Chủ tịch toàn bộ câu chuyện về Abel Rosnovski và Henry Osborne.

- Sao trước đây ông không kể hết mọi chuyện này cho chúng tôi? - Simmons hỏi.

- Tôi đã làm việc với hàng trăm công ty có quy mô ngang với Tập đoàn Richmond khi tôi còn ở Kane và Cabot, Tony ạ, nhiều công ty trong số đó đã từng đe dọa trả thù tôi theo nhiều kiểu và tôi chưa bao giờ coi ra gì. Tôi chỉ tin chắc Rosnovski vẫn nuôi mối căm thù khi ông ta mua 6% cổ phần ngân hàng từ Susan Lester.

- Sao cô ta lại sẵn lòng bán hết số cổ phần của mình? - Simmons hỏi.

William lờ câu hỏi đó đi.

- Tôi đã không phiên đến hai ông trong thời điểm đó, nhưng khi ông ta có đủ 10% trong công ty Interstate Airways, tôi cảm thấy...

- Rất có thể ông đang phản ứng thái quá. - Leach nói
- Và nếu xảy ra trường hợp đó, báo cho những thành viên còn lại trong Ban giám đốc về những nghi ngờ của ông cũng không phải cách làm khôn ngoan. Vài ngày sau khi khởi động một công ty mới, chúng tôi không muốn khuyến khích mọi người bán hạ giá cổ phần của mình.

- Tôi đồng ý với ông Ted. - Simmons nói - Có thể đã đến lúc ông cần tiếp xúc riêng với Rosnovski, và xem mình có thể làm rõ những bất hòa của hai người không.

- Không gì làm hấn vui sướng hơn đâu. - William cúi kính - Qua đó, hấn sẽ biết chắc ngân hàng đang trong thời kì bị bủa vây.

- Sao ông không nghĩ ông ta có thể thay đổi thái độ nếu biết trước đây ông đã nhọc nhằn thế nào khi thuyết phục ngân hàng hỗ trợ cho Tập đoàn Richmond? Đừng quên rằng...

- Tôi không tin điều đó có thể thay đổi được gì.

- Vậy ông nghĩ ngân hàng phải làm sao? - Leach hỏi - Chúng ta không thể ngăn Rosnovski mua cổ phần của Ngân hàng Lester nếu ông ta có thể tìm được người sẵn lòng bán. Nếu chúng ta tiến hành mua cổ phần của chính mình hòng ngăn ông ta, chúng ta sẽ vô tình giúp ông ta thực hiện ý đồ của mình thông qua việc đẩy giá lên và tăng giá trị cổ phần của ông ta.

- Và đừng quên, - Simmons xen vào - những đảng viên đảng Dân chủ không thích gì hơn một vụ bê bối của ngành ngân hàng, trong khi vài tháng tới có một cuộc bầu cử.

- Tôi đã nghe rõ những lời của hai ông, - William nói - nhưng tôi phải cho các ông biết những ý định của Rosnovski, phòng trường hợp ông ta lại đem đến một bất ngờ khác.

- Tôi cho rằng có một khả năng rất mong manh, - Simmons nói - rằng tất cả đều vô hại, và ông ta chỉ đơn giản nghĩ rằng công ty Interstate Airways là một vụ đầu tư hấp dẫn.

- Không đáng tin đâu, Tony. Đừng quên lão cha dượng của tôi cũng có liên quan. Các ông nghĩ tại sao ngay từ đầu Rosnovski lại thuê Henry Osborne?

- Bây giờ ông không được để mình biến thành kẻ hoang tưởng, William ạ! Tôi tin chắc chúng ta sẽ tìm ra...

- Không hoang tưởng ư? - William quát lên - Đừng quên, theo như Điều lệ trong Tập đoàn, bất cứ cổ đông nào sở hữu 8% cổ phần của Tập đoàn sẽ có những quyền hạn gì - một điều khoản tôi thêm vào vốn để bảo vệ mình khỏi bị loại ra khỏi Ban giám đốc. Rosnovski vừa sở hữu 6%, và nếu như vậy chưa đủ tai hại, hẳn có thể sẽ xóa sổ công ty Interstate Airways trong một đêm, đơn giản bằng cách đưa chúng khoán của hắn lên thị trường mà không cần báo trước.

- Nhưng làm vậy ông ta đâu thu lại được gì. - Ted Leach nói - Đối lại, ông ta ở có nguy cơ mất một số tiền lớn.

- Đúng rồi, đương nhiên hắn sẽ mất tiền nếu hắn hạ giá cổ phiếu của công ty Interstate Airways, nhưng hắn đâu có bận tâm điều đó, các khách sạn của hắn làm ra những lợi nhuận kỷ lục và hắn có thể hoàn thuế. Là những lãnh đạo ngân hàng, sự tín nhiệm của chúng ta phụ thuộc vào niềm tin bất định của công chúng, giờ đây Rosnovski sẽ làm tan vỡ niềm tin ấy bất cứ khi nào hắn thấy có cơ hội.

- Bình tĩnh đi, William! - Simmons nói - Vẫn chưa đến ngày đó đâu. Giờ ta biết Rosnovski định làm gì rồi, ta có thể theo dõi ông ta sát sao hơn. Việc đầu tiên ta phải làm là đảm bảo không có ai khác bán cổ phần của Ngân hàng Lester mà không giải trình trước với ngân hàng.

- Tôi đồng ý. - Leach nói - Và tôi vẫn nghĩ ông cần nói chuyện riêng với Rosnovski. Ít nhất theo cách đó, chúng ta

sẽ tìm ra được những ý định của ông ta và ta có thể chuẩn bị đầy đủ.

- Đó cũng là ý kiến của ông sao, Tony?

- Đúng, tôi đồng ý với Ted. Tôi nghĩ ông nên liên hệ trực tiếp với Rosnovski và làm rõ mọi chuyện với ông ta.

William ngồi yên lặng một lúc.

- Nếu cả hai người đều nhìn nhận cách làm đó, tôi sẽ thử. - Cuối cùng ông kết luận - Tôi không đồng ý với hai vị, nhưng cá nhân tôi có thể đã quá rối trí nên không đưa ra được một nhận định vô tư. Cho tôi vài ngày để suy nghĩ xem sẽ xử lý thế nào.



Bốn ngày sau, William dặn thư ký không được làm phiền ông dù trong bất cứ trường hợp nào. Ông biết Abel Rosnovski đang ngồi bên bàn làm việc tại khách sạn Nam Tước New York: Ông đã bố trí một người có mặt trong hành lang của khách sạn mỗi sáng, chỉ để báo lại thời điểm Rosnovski xuất hiện. Rosnovski đã đến khách sạn lúc 7 giờ 27 phút sáng, lên thẳng văn phòng trên tầng 42 và sau đó không xuất hiện nữa. William nhắc điện thoại lên và tự quay số.

- Khách sạn Nam Tước New York xin nghe, tôi có thể giúp gì được quý khách?

- Làm ơn cho gặp ông Rosnovski! - William lo lắng đáp. Ông được nối máy với một thư ký.

- Làm ơn cho gặp ông Rosnovski! - Ông nhắc lại. Lần này giọng ông đã vững vàng hơn.

- Tôi có thể biết ai đang gọi không ạ? - Thư ký nói.

- Tôi là William Kane.

Đầu dây bên kim im lặng hồi lâu - hay chỉ lâu đối với William?

- Tôi sẽ kiểm tra xem ông ấy có ở đây không, thưa ông Kane.

Lại một hồi im lặng nữa.

- Tôi có thể giúp gì được ông đây, ông Kane? - Một giọng rất điềm tĩnh và rần rỏi vang lên.

William nhìn xuống những ghi chép trên tập giấy trước mặt. Ông có thể nghe thấy tiếng tim mình đập.

- Tôi có chút quan tâm đến các cổ phần của ông ở Ngân hàng Lester, ông Rosnovski ạ, - ông nói - và cả vị trí vững chãi ông có được tại một trong số những công ty được chúng tôi đại diện. Tôi nghĩ có thể đã đến lúc ta gặp nhau và trao đổi về những dự định của ông. Và cũng có một chuyện riêng tôi muốn làm rõ với ông.

Những lời hoàn hảo! Bên kia lại yên lặng một lúc lâu. Ông đã bị ngắt điện thoại sao?

- Không có điều kiện nào buộc tôi phải đồng ý gặp mặt ông, ông Kane. Tôi đã biết đủ về ông mà không cần phải nghe những lời bào chữa của ông về cách ông đã đối xử với Davis Leroy. Tôi khuyên ông hãy mở to mắt cả ngày lẫn đêm, như vậy ông sẽ sớm biết tôi đang dự tính điều gì, và những dự tính ấy vô cùng khác những điều ông sẽ đọc được trong Kinh Sáng thế. Một ngày nào đó, ông sẽ muốn được nhảy ra khỏi cửa sổ tầng 17 của ngân hàng, vì ông sẽ gặp rất nhiều bất ổn với Ban giám đốc của mình. Ông Kane à, đừng

quên là tôi chỉ cần thêm 2% cổ phần nữa trong ngân hàng của tôi để viện dẫn đến Điều 7 và cả hai chúng ta đều biết kết quả của chuyện đó, đúng không?

William không đáp.

- Có thể sau đó ông sẽ hiểu cảm giác của Davis Leroy và tự hỏi ngân hàng đúng ra phải quyết định thế nào về tương lai của ông ấy. Giờ ông có thể ngồi đó và tự nghĩ xem tôi sẽ quyết định thế nào về tương lai của ông ngay khi tôi có được 8% cổ phần trong Ngân hàng Lester.

Những lời của Rosnovski khiến William ớn lạnh, nhưng ông bắt mình phải bình thần đáp lại:

- Tôi có thể hiểu cảm giác của ông, ông Rosnovski, nhưng tôi vẫn nghĩ cũng đáng để hai ta ngồi lại với nhau và nói về những mối bất hòa. Còn đôi điều ông chắc chắn chưa biết rõ.

- Như chuyện ông đã lừa đảo Henry Osborne lấy 500 nghìn đô sao, ông Kane?

William lặng đi trong giây lát nhưng lại biết cách làm chủ tâm trạng ngay.

- Không, ông Rosnovski. Những chuyện tôi muốn trao đổi với ông không liên quan đến ông Osborne. Đây là chuyện riêng và chỉ liên quan đến ông. Tuy nhiên, tôi có thể đảm bảo với ông là tôi chưa bao giờ lừa của Henry Osborne dù chỉ một xu.

- Ông ấy lại không nói với tôi như vậy. Ông ấy nói ông phải chịu trách nhiệm cho cái chết của mẹ mình chỉ để không phải thanh toán nợ với ông ấy. Sau những việc ông làm với Davis Leroy, tôi thấy quá dễ để tin điều đó.

William chưa bao giờ phải gắng gượng để kiểm soát cảm xúc hơn lúc này - người này nghĩ ông là thể loại gì vậy? Một lúc sau ông mới tìm được câu trả lời:

- Tôi đề nghị thế này, chúng ta sẽ làm rõ toàn bộ chuyện hiểu lầm này bằng một cuộc gặp ở một địa điểm bình thường tùy ông chọn, không ai có thể nhận ra chúng ta, được chứ?

- Ông Kane ạ, chỉ có một nơi không ai nhận ra ông.

- Nơi nào thế?

- Thiên đường. - Abel nói và gác máy.

C ho tôi nói chuyện với ông Henry Osborne ngay lập tức. - Abel bảo thư ký.

Ông gõ nhịp ngón tay xuống bàn trong lúc cô gái mất gần mười lăm phút để tìm Nghị sĩ Osborne, ông ta vẫn đang đưa một số cử tri đi tham quan tòa nhà Capitol.

- Ông Abel, tôi có thể giúp gì ông?

- Tôi nghĩ ông sẽ muốn mình là người đầu tiên biết Kane đã nắm rõ mọi chuyện. Bây giờ cuộc chiến mới chính thức mở màn.

- Ông nói nắm rõ mọi chuyện là sao? Hẳn biết tôi có liên quan ư? - Osborne lo lắng hỏi.

- Chắc chắn hẳn biết. Hẳn ta cũng biết về những cổ phần của tôi trong Ngân hàng Lester và Công ty Interstate Airways.

- Sao hẳn có thể nắm rõ như vậy? Chỉ có tôi và ông biết thôi mà.

- Ông, tôi và ông Curtis Fenton. - Abel ngắt lời hẳn.

- Đúng rồi. Nhưng ông ấy sẽ không bao giờ kể cho Kane.

- Chắc chắn là ông ta rồi. Không còn cách nào khác để hấn ta biết rõ. Đừng quên Kane đã trực tiếp làm việc với Fenton khi tôi mua Tập đoàn Richmond từ ngân hàng của hấn. Hai người họ chắc chắn giữ mối quan hệ.

- Ôi chết tiệt!

- Ông có vẻ lo lắng, Henry.

- Nếu Kane biết mọi chuyện, đây là một tình thế khác hẳn. Tôi đang cảnh báo ông đấy, Abel, hấn không quen thất bại đâu.

- Tôi cũng vậy mà. - Abel nói - William Kane không dọa được tôi đâu, khi tôi nắm trong tay mọi quân át chủ bài. Chúng ta với Parfitt thế nào rồi?

- Chung quy lại, ông ta ra giá sáu trăm nghìn đô, nên giờ ta có thể chốt giao dịch được rồi, nếu ông muốn tôi làm việc ấy.

- Không, tôi có thể đợi. - Abel nói - Không cần vội. Parfitt và Kane không hẳn là bạn tâm giao nên ông ta sẽ không bán 2% của mình cho hấn. Hiện tại, chúng ta sẽ để Kane phải đau đầu về kế hoạch của ta. Sau cuộc nói chuyện trên điện thoại với tôi sáng nay, nói theo cách diễn đạt của một quý ông, tôi có thể đảm bảo với ông là hấn đang toát mồ hôi. Nhưng tôi sẽ cho ông biết một bí mật, Henry ạ: Tôi không đổ mồ hôi, vì tôi hiện không định có thêm động thái nào cho đến khi thuận lợi và sẵn sàng.

- Tốt thôi! - Osborne nói - Tôi sẽ cho ông biết nếu xuất hiện những vấn đề đáng lo ngại.

- Ông phải ghi nhớ cho rõ, ông Henry, *chúng ta* không phải lo ngại điều gì. Chúng ta đã nắm được ông bạn Kane rồi, và giờ tôi muốn từ từ bóp nát hắn.

- Tôi thích được chứng kiến cảnh tượng ấy. - Osborne nói có phần phấn khích hơn.

- Đôi khi tôi nghĩ ông hận Kane hơn cả tôi đấy.

- Chúc ông chuyến đi châu Âu thuận lợi. - Osborne cười vẻ lo lắng.

Abel gác máy và ngồi nhìn vào khoảng không trong khi ông xem xét bước tiến tiếp theo, những ngón tay ông tiếp tục gõ lộp cộp lên bàn. Rồi ông lại cầm điện thoại lên. - Cho tôi gặp ông Curtis Fenton ở Ngân hàng Tín dụng Continental. - Những ngón tay ông vẫn tiếp tục gõ. Lát sau, chuông điện thoại reo.

- Ông Fenton à?

- Chào buổi sáng, ông Rosnovski. Ông khỏe không?

- Tôi muốn đóng mọi tài khoản của tôi ở ngân hàng ông. Không có lời đáp lại.

- Ông nghe rõ chứ, ông Fenton?

- Vâng! - Ông chủ ngân hàng kinh ngạc đáp - Tôi có thể biết lý do không, ông Rosnovski?

- Vì Judas không bao giờ là tông đồ tôi trân trọng, ông Fenton ạ, lý do đấy. Từ thời điểm này, ông không còn trong Ban giám đốc của Tập đoàn Nam Tước nữa. Ông sẽ sớm nhận được bản xác nhận viết tay cho quyết định này và những chỉ dẫn về việc ngân hàng sẽ tiếp nhận các tài khoản của tôi.

- Nhưng tôi không hiểu, ông Rosnovski ạ! Tôi đã gây ra chuyện gì?

Abel gác máy đúng lúc con gái ông bước vào văn phòng.

- Cha ơi, cha có vẻ không được vui lắm nhỉ.

- Vốn không phải chuyện vui, nhưng không có gì liên quan đến con đâu, con gái yêu! - Giọng Abel thay đổi ngay lập tức - Con đã tìm được đủ trang phục cần cho chuyến đi chưa?

- Rồi ạ, con cảm ơn cha, nhưng con không rõ ở London và Paris người ta sẽ mặc thế nào. Con chỉ hy vọng con ăn mặc hợp thời. Con không muốn trông mình như một con bé lập dị.

- Đúng rồi, con sẽ nổi bật, con gái ạ. Bất cứ ai có phong cách của con cũng nổi bật. Con sẽ là cô gái đẹp nhất châu Âu trong nhiều năm. Người ta sẽ biết trang phục của con không phải thứ đồ phân phối. Những chàng trai trẻ sẽ chen chúc nhau tiến đến chỗ con, nhưng họ sẽ thấy còn có cha cản đường họ. - Florentyna cười - Bây giờ, ra ngoài và đi ăn trưa, rồi bàn xem chúng ta sẽ làm gì khi ở London.

Mười ngày sau đó, sau khi Florentyna dành trọn một ngày cuối tuần bên mẹ ở Chicago, hai cha con bay từ sân bay Idlewild ở New York đến sân bay Heathrow ở London. Chuyến bay kéo dài gần mười bốn tiếng và khi đến khách sạn Claridge, hai người chỉ muốn ngủ một giấc thật thoải mái.

Abel đi chuyến này vì ba lý do: Thứ nhất, để xác nhận vị trí của các khách sạn Nam Tước tại London, Paris và có khả năng cả ở Rome; thứ hai, cùng đi với Florentyna trong

chuyến du lịch châu Âu đầu tiên của cô trước khi cô đến Radcliffe học các ngoại ngữ thông dụng; thứ ba, quan trọng nhất, là thăm lại lâu đài của ông tại Ba Lan và tìm hiểu xem liệu có cơ hội mong manh nào cho ông chứng minh được quyền sở hữu với tòa lâu đài ấy hay không.

London đem đến cho hai cha con kết quả mỹ mãn. Những cố vấn của Abel đã tìm được một vị trí ở góc Công viên Hyde và ông đã chỉ thị các cố vấn lập tức bắt tay vào đàm phán khu đất và các giấy phép cần thiết trước khi một khách sạn Nam Tước có thể ra mắt tại thủ đô nước Anh.

Florentyna thấy tình cảnh khốn khổ của London thời hậu chiến thật thê thảm so với cuộc sống thoải mái của cô, nhưng con người London dường như không chịu khuất phục trước việc thành phố bị chiến tranh phá hoại, vẫn tin mình là một cường quốc trên thế giới. Cô được mời đến ăn trưa, ăn tối và những buổi khiêu vũ, cha cô đã nói đúng về sức ảnh hưởng của con gái đối với giới thượng lưu nước Anh. Mỗi tối cô đều về nhà với đôi mắt lấp lánh và câu chuyện của những người mình vừa chiêm được cảm tình - cho đến sáng hôm sau, gần như những câu chuyện ấy đều bị quên lãng, nhưng không phải tất cả: Cô không biết phải quyết định lựa chọn chàng Trung úy đã tốt nghiệp Đại học Eton đang phục vụ trong Vệ binh Hoàng gia Anh, hay một thành viên trong Thượng viện đang hộ vệ cho Đức vua. Cô không rõ nghĩa của từ “hộ vệ”, nhưng anh ta rõ ràng không hề bỏ đi đâu mỗi khi cô xuất hiện.

Ở Paris, những bước chân luôn phải hối hả. Cả hai cha con đều giỏi tiếng Pháp và cũng rất hợp với người Paris như đã hợp với người Anh. Khi Abel và Florentyna khoác tay bước xuống Đại lộ Champs Elysees, ông nhớ lại lúc mình điểu hành giữa con đường này cùng *Pháp quốc tự do*. Ông cố nghĩ xem tại sao Paris lại khác hẳn London. Chính Florentyna chỉ cho ông thấy rằng quân Đức không hề tàn phá thành phố này.

Thông thường, đến hết tuần thứ hai trong kì nghỉ là Abel thấy chán và bắt đầu đếm từng ngày cho đến lúc được trở lại với công việc. Nhưng không hề nhàm chán khi ông có Florentyna làm bạn đồng hành. Cô đã trở thành trung tâm của cuộc đời ông, cũng sẽ là người thừa kế của ông.

Đến khi phải rời Paris, hai cha con không ai muốn đi. Họ ở lại thêm vài ngày, viện cớ Abel đang đàm phán để mua một khách sạn nổi tiếng nhưng đã đang xuống cấp, nằm trên Đại lộ Raspail. Ông không thông báo cho chủ khách sạn, một ông M. Neuffe nào đó, có thể nói ông này thậm chí trông suy sụp hơn cả khách sạn đó, ông ta đã định phá hủy cả tòa nhà và làm lại từ đầu. Sau khi ông M. Neuffe ký hết các giấy tờ, Abel ra lệnh san bằng tòa nhà. Không còn lý do để lưu lại Paris nữa, ông và Florentyna miễn cưỡng lên đường sang Rome.

Sau khi niềm tin ở nước Anh và niềm vui ở nước Pháp đã trồn vện, Thành phố Bất diệt¹ ủ rũ và xơ xác làm hai cha

¹ Biệt hiệu của Rome.

con nản lòng. Người dân ở Rome cảm thấy họ không có chiến thắng nào để kỷ niệm, họ đã đặt niềm tin không đúng chỗ trong khi những nơi khác không thừa nhận thua trận. Ở Rome, Abel chỉ thấy bất ổn tài chính có chiều hướng đang tăng dần và ông quyết định từ bỏ kế hoạch xây dựng một khách sạn Nam Tước ở đây. Florentyna cảm nhận được cha mình đang ngày càng sốt ruột mong được trông thấy đất nước Ba Lan một lần nữa nên cô đề nghị rời khỏi Rome sớm hơn vài ngày.

Abel thấy việc xin thị thực để qua biên giới, bước vào một quốc gia bên trong Bức màn sắt¹ còn khó hơn một tờ giấy phép xây dựng một khách sạn 500 phòng ở London. Một người đàn ông ít kiên định hơn có thể đã bỏ cuộc. Khi có được thị thực phù hợp in rõ ràng trên hộ chiếu, Abel đã thuê một chiếc xe và hai cha con lên đường đi Slonim. Đến biên giới, hai người phải tiếp tục đợi trong nhiều giờ, lợi thế duy nhất là Abel giỏi tiếng Ba Lan. Nếu lính gác biết tại sao tiếng Ba Lan của ông lại giỏi như vậy, họ sẽ không phải băn khoăn về quyết định để ông vượt qua biên giới. Ông đổi năm trăm đô sang zloty - điều ấy ít nhất cũng làm hài lòng những người Ba Lan - và lái xe qua. Qua mỗi dặm đường,

¹ Từ cuối Thế chiến thứ hai cho đến cuối Chiến tranh lạnh, thuật ngữ Bức màn sắt được dùng để chỉ biên giới vật lý và tư tưởng giữa hai khu vực của châu Âu. Khối phía Đông (hay Khối Xôviết) bao gồm Liên Xô và các đồng minh của Liên Xô ở Trung và Đông Âu (Bulgaria, Tiệp Khắc, Đông Đức, Hungary, Ba Lan, Romania, và - đến đầu thập niên 1960 - Albania), bao gồm cả các đồng minh của Liên Xô bên ngoài Đông Âu. Khối phía Tây là các quốc gia thuộc Tây Âu, Bắc Âu và Nam Âu - cùng với Áo, Tây Đức, Liechtenstein và Thụy Sĩ - thực hiện kinh tế thị trường, chủ yếu là do chính phủ dân chủ lãnh đạo và là đồng minh với Mỹ và Canada trong NATO.

Florentyna lại thấy rõ hơn ý nghĩa lớn lao của chuyến đi này đối với cha.

- Cha à, con nhớ cha chưa từng hào hứng với bất cứ điều gì.

- Đây là nơi cha sinh ra. - Abel giải thích - Sau một thời gian dài như vậy ở Mỹ, nơi cuộc sống biến đổi theo từng ngày, có vẻ thật hão huyền khi trở lại một nơi dường như không thay đổi trong ba mươi năm qua.

Khi gần đến Slonim, những cảm xúc của Abel dâng đầy trong nỗi mong mỏi được một lần nữa trông thấy nơi mình sinh ra. Qua gần bốn mươi năm, ông vẫn như còn nghe thấy giọng nói ngây thơ của mình hỏi Nam tước về thời khắc của những dân tộc bị đọa đày ở châu Âu và liệu rằng ông có thể giữ một trọng trách nào hay không. Mất ông đắm nước khi thấy thời khắc ấy thật ngăn ngủi và vai trò ông đã nắm giữ cũng tầm thường. Hai người vòng qua khúc quanh cuối cùng trước khi đến con đường dài dẫn tới lâu đài của Nam tước. Khi Abel thấy cánh cổng sắt khổng lồ dẫn vào lâu đài, ông cười vang trong niềm phấn khởi và dừng xe lại.

- Nơi này vẫn y như trong trí nhớ của cha. - Ông khẳng định - Không thay đổi. Hãy đi thăm lại căn nhà cha đã sống năm năm đầu đời. Cha nghĩ giờ không còn ai sống ở đó nữa. Sau đó chúng ta sẽ đi thăm lâu đài.

Florentyna đi theo trong khi cha cô tự tin bước xuống con đường nhỏ dẫn vào khu rừng bạch dương và cây sồi phủ đầy rêu không hề thay đổi trong cả trăm năm. Hai mươi

phút sau, họ đến một khoảng trống nhỏ, trước mặt họ là nhà người bấy thú. Abel đứng chăm chăm nhìn. Ông đã quên mất tổ ấm đầu tiên của mình bé nhỏ thế nào, thực sự chín người có thể sống trong đó sao? Mái nhà tranh giờ đã xập xệ, những bức tường đá đã xiêu vẹo và cửa sổ đã hỏng. Vườn rau sạch trước kia đã biến mất vào lớp cây bụi um tùm. Vẫn còn có người sống ở đây sao?

Florentyna cầm tay cha và chậm rãi đưa ông đến trước cửa. Ông đứng lặng không nói nên lời, cô đành gõ cửa. Họ lặng im chờ đợi. Cô lại gõ cửa, lần này mạnh hơn, rồi họ nghe thấy tiếng người đi lại bên trong.

- Được rồi, tôi đây! - Một giọng Ba Lan cẩu kính vang lên, và lát sau cánh cửa hé ra, bên trong là một bà lão gầy gò lưng còng, mặc toàn đồ đen. Những mớ tóc bạc trắng rối bù lộ ra từ chiếc khăn đội đầu, đôi mắt mệt mỏi màu xám của bà ta đờ đẫn nhìn hai vị khách.

- Không thể nào! - Abel khẽ nói bằng tiếng Anh.

- Các vị cần gì? - Bà già hỏi bằng vẻ nghi ngờ. Bà không còn răng. Sống mũi, miệng và cái cằm lõm vào của bà tạo nên đường cong như lưỡi liềm.

- Chúng cháu có thể vào và nói chuyện với bà không ạ?
- Abel đáp bằng tiếng Ba Lan.

Đôi mắt bà lão toát lên vẻ sợ hãi khi lần lượt nhìn từng người.

- Bà già Helena này chưa hề phạm phải điều gì sai trái.
- Bà cụ rên rỉ.

- Cháu biết! - Abel dịu dàng đáp - Cháu mang tin tốt lành đến cho bà.

Còn lương lự đôi chút, bà già mở rộng cửa và để hai người bước vào một gian nhà lạnh lẽo, xơ xác, nhưng bà không mời họ ngồi. Gian phòng không thay đổi, hai chiếc ghế, một chiếc bàn và Abel nhớ lại khi ông rời khỏi đây ông vẫn không biết tấm thảm được làm từ thứ gì. Florentyna rùng mình.

- Tôi không đốt lửa được. - Bà lão khô khè nói, tay cầm cây gậy đẩy khúc củi tàn vào lò. Bà sờ soạng vô vọng quanh túi - Tôi cần giấy. - Bà nhìn Abel, lần đầu tiên thể hiện ánh mắt vẻ quan tâm - Ông có tờ giấy nào không?

Abel vững vàng nhìn thẳng vào bà.

- Mẹ không nhớ con à? - Ông hỏi.

- Tôi đâu có biết ông.

- Có đấy ạ, mẹ Helena. Con là Wladek.

- Ông biết thằng bé Wladek nhà tôi ư?

- Con là Wladek đây.

- Ôi, không! - Bà đáp dứt khoát trong nỗi buồn xa xôi - Nó rất tốt với tôi, nó mang dấu ấn của Chúa. Nam tước đã đưa nó đi để trở thành một thiên thần. Đúng rồi, ông ấy đã lấy đi đứa con bé bỏng nhất của một người mẹ...

Giọng nói già nua của bà đứt quãng và nhỏ dần. Bà ngồi xuống, nhưng hai bàn tay nhảu nheo, già cỗi khê nhúc nhích trên vật áo.

- Con đã trở về đây. - Abel quỳ xuống trước mặt bà. Bà lão không để ý đến ông, bà cứ lẩm bẩm như thể chỉ có một

mình bà trong gian nhà - Chúng giết chồng tôi rồi, ông Jasio nhà tôi và những đứa con yêu quý của tôi đều bị đưa đến trại giam, ngoại trừ con Sophia còn nhỏ. Tôi đã giấu nó và bọn chúng bỏ đi. - Giọng bà đều đều và nhấn nhạ.

- Chị Sophia đã gặp chuyện gì vậy? - Abel hỏi.

- Bọn Nga đã bắt nó trong cuộc chiến tranh kế tiếp. - Bà đờ đẫn. Abel rung mình. Bà cụ thức tỉnh khỏi những ký ức và gắng hỏi - Ông cần gì vậy? Sao ông lại hỏi tôi những câu này?

- Con muốn mẹ gặp con gái của con, Florentyna.

- Tôi đã từng có một đứa con gái tên Florentyna, nhưng giờ chỉ còn mình tôi thôi.

- Nhưng con... - Abel bắt đầu cởi từng cúc áo. Florentyna ngăn ông lại.

- Chúng cháu biết. - Cô nói và mỉm cười với bà lão.

- Sao cô có thể biết được? Chuyện ấy xảy ra từ rất lâu, trước khi cô ra đời.

- Người ta đã kể cho cha con cháu nghe khi ở trong làng.

- Florentyna nói.

- Hai người có tờ giấy nào không? - Bà hỏi - Tôi cần ít giấy để nhóm lửa.

Abel tuyệt vọng nhìn người mẹ nuôi của mình. - Không ạ! Con xin lỗi, chúng con không đem theo giấy. - Ông đáp.

- Vậy hai người muốn gì đây? - Bà lão nhắc lại với vẻ hằn học.

- Không gì cả! - Abel lúc này đành cam chịu vì bà không thể nhớ ra ông nữa - Chúng con chỉ muốn đến chào mẹ. -

Ông rút ví, lấy tất cả những tờ zloty đổi được ở biên giới và đưa cho bà.

- Cảm ơn, cảm ơn ông! - Bà vừa nói vừa cầm lấy từng tờ, đôi mắt già nua ứa lệ vui mừng. Abel cúi xuống định hôn bà nhưng bà lùi ra xa.

Florentyna khoác tay ông, đưa ông ra khỏi căn nhà và trở lại lối mòn qua khu rừng để về chỗ chiếc xe. Bà lão từ cửa sổ nhìn theo cho đến khi thấy họ đi khuất. Bà cầm tập tiền giấy, vo từng tờ thành những viên nhỏ rồi cẩn thận bỏ vào lọ. Chúng bắt lửa ngay. Bà đặt những cành cây con và củi nhỏ lên trên những tờ zloty đang cháy rồi ngồi xuống bên bếp lửa, điều tuyệt vời nhất trong nhiều tuần qua, bà xoa hai tay vào nhau và tận hưởng hơi ấm.

Abel không nói một lời nào cho đến khi cánh cổng sắt hiện ra trước mắt. Rồi ông hứa với Florentyna, ông sẽ cố gắng hết sức để quên đi căn lều nhỏ bé cùng người đàn bà đã cho ông được sống.

- Con sắp được chiêm ngưỡng lâu đài đẹp nhất thế giới.
- Cha đừng nói quá lên thế.
- Trên cả thế giới này! - Ông điềm tỉnh nhắc lại.
Florentyna cười.

- Con sẽ cho cha biết lâu đài này thế nào so với cung điện Versailles.

Họ lại leo lên xe và Abel lái xe vào cổng, ông nhớ lại chiếc xe đầu tiên ông từng ngồi khi bị áp giải đi. Khi xe chậm chậm tiến lên con đường xoáy ốc và đầy ổ gà, thêm nhiều ký ức ứa về: những ngày tháng trẻ thơ hạnh phúc bên Nam tước và

Leon, những ngày bất hạnh trong hầm tù dưới tay bọn Đức và ngày thê thảm nhất trong đời khi bị quân Nga đưa đi khỏi tòa lâu đài yêu dấu, nghĩ mình sẽ không bao giờ trông thấy quê nhà lần nữa. Nhưng giờ đây, Wladek Koskiewicz đang trở về - trở về để đòi lại những tài sản hợp pháp mình.

Khi vòng qua khúc quanh cuối cùng, bấy giờ Florentyna mới trông thấy vẻ rạng rỡ của cha. Abel dừng xe và chăm chăm nhìn tòa lâu đài của mình. Không ai nói lời nào. Biết nói gì đây? Trong cơn sững sờ lẫn nỗi hoài nghi, hai cha con trân trân nhìn những tàn tích của bức tường trong mơ sau khi bị bom phá. Họ từ từ xuống khỏi xe. Vẫn không nói một lời. Florentyna níu chặt tay cha trong khi những dòng lệ đầm đìa trên má ông. Ngoài một bức tường đứng xiêu vẹo như muốn giữ lại vẻ huy hoàng trước kia, tất cả chỉ còn đồng cỏ nát. Ông vẫn kể cho con gái nghe về những đại sảnh lớn, những chái nhà dài, những bếp ăn rộng cùng những phòng ngủ lộng lẫy.

Abel bước đến chỗ ba nắm mộ, giờ đã bằng phẳng dưới một lớp rêu xanh rất dày, đám rêu đánh dấu cho mộ của Nam tước, bạn Leon của ông và một Florentyna yêu dấu khác. Ông dừng lại trước từng nắm mộ, ông nghĩ giá như bây giờ Leon và Florentyna vẫn còn sống. Ông quỳ xuống bên họ, những hình ảnh khủng khiếp về khoảnh khắc cuối cùng của hai người hiện lên rõ rệt trước mắt ông. Con gái ông đứng phía sau, lặng lẽ đặt tay lên vai ông.

Một lúc lâu sau Abel mới đứng dậy. Hai người nắm tay nhau, nặng nề bước qua đồng cỏ nát, những phiến đá vỡ

- chứng tích của những căn phòng nguy nga đầy ắp tiếng cười. Abel vẫn không nói được lời nào. Khi đi xuống những hầm tù, Abel đứng trên nền của buồng giam nhỏ ảm thấp bên dưới tấm lưới sắt, đúng hơn là nửa tấm lưới sắt còn lại. Ông xoay đi xoay lại chiếc vòng bạc quanh cổ tay mình.

- Đây là nơi cha của con phải sống suốt bốn năm trời.

- Thật không thể tin nổi. - Florentyna nói.

- Bây giờ căn hầm còn tốt hơn lúc đó. Ít ra bây giờ còn có không khí trong lành, tiếng chim hót, ánh mặt trời và cảm giác tự do. Lúc đó chỉ có bóng tối, cái chết, mùi hôi thối của cái chết, và thê thảm hơn tất cả là hy vọng được chết.

- Thôi nào, cha ơi, ra khỏi đây đi. Ở lại chỉ gọi lên những ký ức đau thương.

Florentyna dẫn người cha còn lưỡng lự ra xe và chậm chậm lái xe xuống con đường dài. Abel không hề nhìn lại lâu dài đổ nát của mình khi đi qua cánh cổng sắt lần cuối cùng.

Trong chuyến đi đến Warsaw, Abel gần như không nói một lời. Florentyna không cố làm ông vui lên nữa. Cuối cùng, ông nói: “Trong cuộc đời cha, giờ chỉ còn lại một mục tiêu cần đạt được”. Cô gái không rõ ý cha muốn nói điều gì, nhưng cô không bắt ông giải thích. Tuy vậy, cô tìm cách xin cha dành thêm một ngày nghỉ cuối tuần nữa ở London trên đường quay về, cô hy vọng nơi ấy sẽ giúp ông quên đi người mẹ nuôi đã già lẫn và phần thừa kế còn lại của ông.



Hôm sau, họ bay sang London. Vừa đặt phòng ở khách sạn Claridge, Florentyna đã đi gặp lại những người

bạn cũ và làm quen với bạn mới. Abel lướt qua chồng báo vẫn dồn lại ở khách sạn từ lần trước hai người đến đây. Ông thấy không hài lòng khi biết cuộc sống vẫn trôi đi trong khi ông đi vắng, điều đó chỉ khiến ông thấy rõ rằng thế giới này vẫn vận hành nếu không có ông. Có một thông báo của tờ *The Times* hôm qua khiến ông chú ý. *Đã có chuyện xảy ra khi ông đi vắng. Một chiếc Vickers Viscount của hãng Interstate Airways bị rơi ngay khi vừa cất cánh từ sân bay Mexico để lên đường sang thành phố Panama. Mười bảy hành khách và phi hành đoàn tử nạn. Giới cầm quyền Mexico đang một mực đổ lỗi cho hãng Interstate Airways vì máy bay được bảo dưỡng kém, trong khi Interstate Airways lại quy lỗi cho các thợ máy người Mexico. Abel nhắc điện thoại và yêu cầu người trực tổng đài nối máy đi nước ngoài.*

Thứ Bảy. Abel nghĩ có lẽ khi ấy mình ở Chicago. Ông mở cuốn danh bạ nhỏ để tìm số điện thoại trong nước.

- Sẽ bị hoãn lại tầm ba mươi phút. - Một giọng Anh chuẩn đáp lại.

- Cám ơn! - Abel đáp rồi nằm nhoài ra giường chờ đợi trong tâm trạng sốt ruột. Hai mươi phút sau điện thoại lại reo.

- Cuộc gọi nước ngoài của ngài đang được thực hiện. - Vẫn là giọng nói ấy.

- Abel, là ông đấy à? Ông đang ở đâu?

- Đúng là tôi đây, Henry. Tôi đang ở London.

- Ngài đã nói chuyện xong chưa ạ? - Cô gái khi nãy lại nói trong điện thoại.

- Tôi thậm chí còn chưa bắt đầu nói chuyện. - Abel nói.

- Tôi xin lỗi, thưa ngài, ý tôi muốn hỏi có phải ngài đang gọi sang Mỹ không?

-Ồ, đúng rồi. Cảm ơn cô! Chúa ơi, Henry ạ, ở đây họ nói một ngôn ngữ khác.

Osborne bật cười.

- Giờ lắng nghe nhé. Ông có nghe về vụ một máy bay của hãng Interstate Airways bị tai nạn ở thủ đô của Mexico không?

- Có, tôi có nghe. Nhưng ông không phải bận tâm đâu. Chiếc máy bay ấy đã có bảo hiểm trọn vẹn nên công ty không bị thiệt hại và chúng khoán chỉ bị tụt vài cent thôi.

- Tôi không quan tâm đến bảo hiểm. - Abel nói - Đây có thể là cơ hội lý tưởng để biết được thể chế của Kane mạnh cỡ nào.

- Tôi không hiểu, ông Abel. Ông đang nói về chuyện gì?

- Nghe kĩ nhé, và tôi sẽ giải thích chính xác những điều ông muốn biết khi Sàn Giao dịch Chứng khoán mở vào sáng thứ Hai. Tôi sẽ trở lại New York trước thứ Ba để tự mình thực hiện bước tiến cuối cùng.

Osborne chăm chú lắng nghe mọi chỉ đạo của Abel. Hai mươi phút sau, Abel gác máy. Ông đã nói chuyện xong.

William nhận ra sẽ còn nhiều rắc rối nữa từ Abel Rosnovski khi ông Curtis Fenton gọi điện báo cho ông biết Nam tước Chicago đang đóng mọi tài khoản ngân hàng của Tập đoàn ở Ngân hàng Tín dụng Continental, quy kết cho Fenton tội tráo trở và cư xử vô luân.

- Tôi nghĩ mình đã làm đúng khi cho ông biết về những gì ông Rosnovski đã giành được ở Ngân hàng Lester, - ông chủ ngân hàng buồn bã nói - và kết quả là tôi bị mất một trong những khách hàng quan trọng nhất. Tôi không biết Ban giám đốc của tôi sẽ phản ứng thế nào.

Ông Fenton dụi đi đôi chút khi William hứa sẽ nói chuyện với cấp trên của ông ở Ngân hàng Tín dụng Continental. Tuy nhiên, ông còn quan tâm nhiều hơn đến bước đi tiếp theo của Rosnovski.

Mất một tháng sau ông mới có câu trả lời. William đang kiểm tra thư tín sáng hôm đó thì nhận được cuộc gọi từ

người môi giới của ông, cho biết có người đã đặt lệnh bán cả triệu đô chứng khoán của Interstate Airways trên thị trường. William bảo ông phải mua lại hết những cổ phiếu đó và lập tức nhà môi giới đặt mua. 2 giờ chiều hôm đó, lại thêm một triệu đô nữa được tung ra bán trên thị trường chứng khoán. Đến lúc Sàn Giao dịch Chứng khoán New York đóng cửa lúc 3 giờ chiều, giá cổ phiếu của Interstate Airways đã giảm đi một phần ba.

10 giờ 10 phút sáng hôm sau, William nhận được cuộc gọi từ nhà môi giới của ông, lúc này đang rất bối rối. Lại một triệu đô nữa đặt bán cổ phiếu Interstate Airways vào đầu giờ làm việc. Người môi giới cho biết việc bán tháo cổ phiếu vừa rồi đã gây ra thiệt hại cho những người bán. Những nhà môi giới ở khắp nơi gặp lệnh bán của Interstate Airways đều tranh nhau lên sàn, chứng khoán lúc này chỉ còn vài cent một cổ phiếu. Chỉ hai tư tiếng trước đó, chứng khoán Interstate Airways được định giá 4,5 đô.

William chỉ thị cho Alfred Rodgers, thư ký của công ty, triệu tập cuộc họp Ban giám đốc vào thứ Hai tới. Trước đó, ông cần xác định bên nào chịu trách nhiệm cho vụ bán hạ giá chứng khoán này, dù ông cũng đã biết rõ được phần nào. Cho đến chiều thứ Tư, ông đã phải từ bỏ cố gắng cứu vớt chứng khoán của Interstate Airways bằng cách mua lại toàn bộ cổ phiếu được đưa ra thị trường. Đến hết giờ làm việc hôm đó, Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ thông báo sẽ có công tác điều tra đối với tất cả những giao dịch của Interstate Airways.

William biết Ban giám đốc của Ngân hàng Lester giờ phải quyết định hỗ trợ cho hãng hàng không này từ ba đến sáu tháng đến khi Ủy ban nói trên hoàn thành cuộc điều tra, hoặc bỏ mặc công ty sa lầy. Cả hai phương án này đều gây thiệt hại lớn cho cả túi tiền của William lẫn thanh danh của ngân hàng.

William không thấy bất ngờ khi Thaddeus Cohen gọi điện xác nhận công ty đã bán hạ giá 3 triệu đô cổ phiếu của Interstate Airways là một trong số những công ty bình phong cho Abel Rosnovski. Sáng thứ Năm, người phát ngôn của Công ty Đầu tư Bảo hiểm đưa ra một thông cáo báo chí giải thích những lý do bán cổ phiếu của họ: Họ đã rất lo lắng về tương lai của hãng Interstate Airways sau khi có bản tuyên bố “chi tiết và đáng lưu tâm” của chính phủ Mexico về các thủ tục và bảo dưỡng phương tiện không chu đáo.

- “Chi tiết và đáng lưu tâm”, - William phẫn nộ - chính phủ Mexico chưa hề có một tuyên bố thiếu trách nhiệm nào từ khi tuyên bố Speedy Gonzales¹ sẽ chiến thắng ở cự ly một trăm mét tại Thế vận hội Mùa hè 1952 tại Helsinki.

Giới truyền thông chỉ trích kịch liệt thông cáo báo chí của Công ty Đầu tư Bảo hiểm, và vào ngày thứ Sáu, Cục Quản lý Hàng không Liên bang ngừng mọi chuyến bay của hãng Interstate Airways đến khi hoàn tất quá trình điều tra về thủ tục cũng như bảo dưỡng phương tiện của hãng. William tin

¹ Nhân vật hoạt hình của Tập đoàn Giải trí Warner Bros, có biệt danh *Chú chuột chạy nhanh nhất ở Mexico*.

Interstate Airways không sợ một cuộc thanh tra như vậy, nhưng bị đình chỉ hoạt động sẽ vô cùng bất lợi cho những ai đã đặt vé ngắn hạn. Không một công ty hàng không nào đủ khả năng bỏ mặc máy bay của mình dưới đất, máy bay chỉ có thể tạo ra lợi nhuận khi ở trên không. Đối với những vấn đề của William, những công ty được Ngân hàng Lester đại diện đều cân nhắc vị trí của họ. Báo chí nhanh chóng nhắc nhở độc giả: Ngân hàng Lester là người bảo đảm cho hãng Interstate Airways.

William chỉ ngạc nhiên khi những cổ phiếu của hãng Interstate Airways lại bắt đầu tăng giá vào cuối giờ chiều ngày thứ Sáu. Ông nhanh chóng hiểu ra lý do - một lời tiên đoán về sau được Thaddeus Cohen xác nhận. Người mua là Abel Rosnovski. Ông ta đã bán cổ phiếu Interstate Airways của mình ở mức cao nhất trên thị trường và giờ đang mua lại với số lượng nhỏ khi còn ở giá sàn. William lắc đầu trong nỗi khâm phục đầy ghen tức. Rosnovski kiếm được một khoản tiền cho bản thân trong khi làm William phá sản cả về tài chính lẫn danh tiếng ở Phố Wall. William tìm hiểu thì biết mặc dù Tập đoàn Nam Tước phải đánh liều bỏ ra hơn ba triệu đô nhưng cuối cùng vẫn thu được món lợi khổng lồ.

Khi diễn ra cuộc họp Ban giám đốc vào ngày thứ Hai, William trình bày lại toàn bộ câu chuyện về xung đột giữa ông và Rosnovski, rồi đệ đơn từ chức. Ban giám đốc không chấp nhận, cũng không tiến hành biểu quyết. Tuy nhiên, có tiếng xì xào giữa một số thành viên trẻ của Ban giám đốc và William biết nếu Rosnovski tấn công thêm lần nữa, những

đồng nghiệp của ông có thể sẽ không còn giữ thái độ khoan dung như vậy đến lần thứ hai.

Ban giám đốc tiếp tục xem xét có nên hỗ trợ tiếp cho Interstate Airways hay không. Tony Simmons thuyết phục mọi người rằng những phát hiện của Cục Quản lý Hàng không Liên bang sẽ có lợi cho hãng Interstate Airways, và Ngân hàng sẽ khôi phục được tiền. Sau cuộc họp, ông thừa nhận với William là tình thế hiện tại chỉ giúp ích cho Rosnovski trong thời gian dài nhưng ngân hàng không có lựa chọn nào khác nếu muốn giữ gìn danh tiếng.

Tính toán của Simmons đã đúng. Khi Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ công bố kết quả điều tra, Ngân hàng Lester được tuyên bố “không có lỗi”, dù có vài lời nghiêm khắc dành cho Công ty Đầu tư Bảo hiểm. Ngày hôm sau, khi thị trường bắt đầu hoạt động, William không lấy làm lạ khi thấy chứng khoán của hãng Interstate Airways lên giá đều đặn. Trong nhiều tuần, các cổ phiếu trở lại mức giá 4,5 đô. Thaddeus Cohen cho William biết người mua chính vẫn là Abel Rosnovski.

- Lúc này tôi chỉ cần có vậy. - William nói - Ông ta không chỉ có lợi lớn trong toàn bộ thương vụ, mà hiện giờ ông ta còn có thể diễn lại chiêu trò này bất cứ khi nào thấy thích hợp.

- Trên thực tế, - Thaddeus Cohen nói - đây chính là những gì ông cần.

- Ý ông là sao, Thaddeus? Tôi chưa bao giờ thấy ông nói chuyện theo lối ẩn ý.

- Rosnovski đã mắc phải lỗi nhận định đầu tiên. Ông ta đã phạm luật, nên hiện giờ đến lượt ông theo lối ông ta. Ông ta thậm chí có thể không nhận ra mình đã dính líu đến hành vi phạm pháp vì ông ta đang thực hiện mọi chuyện bằng những lý do sai trái.

- Tôi vẫn không hiểu ông đang nói về chuyện gì?

- Đơn giản thôi, - Cohen nói - bởi vì ông có nỗi ám ảnh về Rosnovski - và ông ta cũng bị ông ám ảnh - nên dường như cả hai người đều bỏ qua những thực tế: nếu ông bán cổ phiếu với ý định khiến thị trường rớt giá để tìm cách thu được chính những cổ phiếu ấy ở mức giá thấp nhất và kiếm lời, ông đang phạm phải điều luật 10b-5 của Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ và ông mắc tội lừa gạt. Tôi dám chắc kiếm lợi nhuận nhanh không phải ý định ban đầu của Rosnovski, trên thực tế, chúng ta biết rõ ông ta chỉ muốn hạ bệ ông. Nhưng ai sẽ tin nếu ông ta nói ông ta hạ giá chứng khoán chỉ vì ông ta nghĩ hãng Interstate Airways không đáng tin tưởng, rồi mua lại khi giá ở mức thấp nhất? Chắc chắn Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ cũng không tin. Tôi sẽ làm một bản tường trình viết tay chi tiết gửi lên để ông xem xét vào khoảng ngày mai, trong đó giải thích những khía cạnh pháp lý.

- Cảm ơn ông! - William nói, lúc này ông mới thấy nhẹ lòng sau nhiều tháng.

Bản tường trình của Thaddeus Cohen nằm trên bàn làm việc của William vào lúc 9 giờ sáng hôm sau, ông lập

tức xem xét các chi tiết liên quan và triệu tập một cuộc họp khẩn cấp của Ban giám đốc. Phương án hành động được các giám đốc đồng ý thực hiện, Thaddeus Cohen được chỉ thị gửi bản sao của bản tường trình ông viết đến Ban Điều tra Sai phạm trong Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ.

- Chúng ta có nên gửi một bản sao đến cho *The Wall Street Journal* không? - Simmons gợi ý.

- Không cần thiết đâu, - ông thư ký quả quyết trước Ban giám đốc - trong vòng ít phút khi bản tường trình đến được bàn làm việc của Ủy ban, các vị cứ yên tâm là thông tin sẽ rò rỉ trên *The Wall Street Journal*. Không phải tự nhiên mà báo đó được biết đến là bộ phận sàng lọc chứng khoán. - Ban giám đốc bật cười lần đầu tiên trong ngày hôm đó.

Dự đoán của Alfred Rodgers đã chính xác, vì sáng thứ Tư, *The Wall Street Journal* đã có một bài trên trang nhất, bài này sẽ không thể hữu ích hơn nếu do Thaddeus Cohen chỉ đạo viết.

Bản tường trình tiếp tục cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ trọn vẹn Điều luật 10b-5, và một người lãnh đạo của Ủy ban đã nhận định đây chính xác là dạng vụ việc thí nghiệm mà Tổng thống Truman đang muốn có. Một bức tranh biếm họa bên dưới bài báo vẽ hình Tổng thống Truman đang bắt quả tang một doanh nhân cho tay vào lọ kẹo. William mỉm cười khi đọc qua mục này, ông tin rằng đó là thông tin cuối cùng về Abel Rosnovski ông nghe được.



Abel cau mày và gõ nhịp ngón tay lên bàn khi Henry Osborne đọc bài báo đến lần thứ hai.

- Bọn nhóc con ở Washington, - Osborne nói - sẽ không thể trì hoãn việc xây dựng một quá trình điều tra tổng thể, đặc biệt là nếu có một vài lợi thế chính trị từ đây.

- Nhưng Henry ạ, ông biết rõ tôi không bán cổ phiếu của Interstate Airways để nhanh chóng giết chết thị trường mà. - Abel nói - Tôi hoàn toàn không hứng thú với tìm kiếm lợi nhuận.

- Tôi biết điều đó, - Osborne nói - nhưng vậy là ông đã cố và đã thuyết phục được Ủy ban Tài chính Thượng Nghị viện tin rằng Nam tước Chicago không quan tâm đến thu lợi tài chính, mà những gì ông ta muốn chỉ là thanh toán mối thù riêng với William Kane, và họ sẽ coi khinh ông, chính xác là tẩy chay ông khỏi Thượng viện.

- Chết tiệt! - Abel văng tục - Tôi phải làm sao bây giờ?

- Xem nào, trước tiên ông sẽ phải nằm yên cho đến khi có thời cơ trời dậy. Hãy cầu nguyện cho Tổng thống Truman gặp vài vụ bê bối lớn hơn để ông ta mãi gỡ rối, hoặc trên Washington sẽ tập trung cho cuộc bầu cử và không có thời gian để hối thúc điều tra. Ông Abel, dù ông làm gì đi nữa, cũng đừng mua bất cứ chứng khoán nào liên quan đến Ngân hàng Lester, nếu không cuối cùng ông sẽ bị một món tiền phạt rất lớn. Để tôi xem tôi có thể xoay xở thế nào với những đảng viên đảng Dân chủ ở Washington.

- Nhắc cho văn phòng Truman nhớ: Tôi đã bỏ ra 50 nghìn đô cho quỹ vận động tranh cử của ông ta trong suốt kì bầu cử trước, tôi sẽ tiếp tục bỏ ra số tiền đó cho Stevenson.

- Tôi đã nhấn rồi mà. - Henry nói - Thực ra, tôi khuyên ông cũng nên bỏ ra 50 nghìn đô cho những đảng viên đảng Cộng hòa.

- Họ đang bé xé ra to đấy. - Abel nói.

- Kane sẽ biến nhỏ thành to nếu chúng ta cho hắn một nửa cơ hội. - Osborne đáp.

Những ngón tay Abel tiếp tục gõ lên mặt bàn.

PHẦN BẢY

1952-1963



Bản báo cáo hàng quý tiếp theo của Thaddeus Cohen cho thấy Abel Rosnovski đã ngừng mua hoặc bán các chứng khoán từ bất cứ công ty liên kết nào của Ngân hàng Lester. Dường như lúc này ông ta đang tập trung tất cả nguồn lực của mình vào xây dựng các khách sạn mới ở châu Âu. Cohen cho rằng Rosnovski đang án binh bất động cho đến khi Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ đưa ra một quyết định sau quá trình điều tra hãng Interstate Airways.

Những người đại diện của Ủy ban Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán Mỹ đã đến ngân hàng gặp William rất nhiều lần. Ông đã hoàn toàn trung thực khi nói chuyện với họ nhưng họ không bao giờ cho biết quá trình điều tra đang tiến triển như thế nào. Ủy ban cuối cùng đã kết thúc cuộc điều tra và cảm ơn William vì ông đã hợp tác. Ông tự cho là mình sẽ phải đợi vài tháng trước khi họ công bố kết quả điều tra.

Trong lúc kì bầu cử đang đến gần và Truman ngày càng giống một Tổng thống “vịt què”¹ hơn, William bắt đầu sợ Rosnovski có thể thoát được nhờ chuyện này. Ông vẫn luôn cảm thấy Henry Osborne chắc chắn đã có đủ khả năng giật dây một số người trong Quốc hội và ông nhớ Cohen đã từng lưu ý về số tiền ủng hộ 50 nghìn đô từ Tập đoàn Nam Tước cho quỹ vận động tranh cử của Truman. Ông không thấy lạ khi bản báo cáo mới nhất của Cohen cho biết Rosnovski đã ủng hộ thêm 50 nghìn đô nữa cho Adlai Stevenson, ứng viên đảng Dân chủ cho chức vị Tổng thống. Nhưng ông sốc khi phát hiện ra đối thủ của mình cũng tặng 50 nghìn đô cho quỹ vận động tranh cử của Eisenhower. Cohen đã gạch chân con số thứ hai này.

Trước đó, William chưa hề tính đến phương án hỗ trợ bất cứ ai trên chính trường nếu người đó không đi bằng vé của đảng Cộng hòa. Ông muốn Eisenhower, ứng viên thỏa hiệp đã nổi bật ngay lần bỏ phiếu đầu tiên tại hội nghị ở Chicago, phải đánh bại Stevenson, dù một chính quyền Cộng hòa ít khi thúc bách một cuộc điều tra về gian lận cổ phiếu.

Khi Tướng Dwight D. Eisenhower đắc cử vị trí Tổng thống thứ 34 của nước Mỹ ngày 4 tháng Mười một năm 1952 (xem ra cả nước thực sự yêu mến Ike²). William cho rằng Rosnovski đã thoát được mọi trách nhiệm. Ông chỉ hy vọng

¹ Lame duck (vịt què) là từ lóng mà nguyên gốc được dùng để chỉ các nhà đầu tư không thể trả nợ.

² Ike là tên thân mật của Eisenhower.

những chuyện vừa qua sẽ đủ để khiến ông ta buông tha cho mọi hoạt động của Ngân hàng Lester trong tương lai.

Sau cuộc tranh cử, William có được một món bồi thường nhỏ: Henry Osborne đã mất vị trí trong Quốc hội vào tay một đảng viên đảng Cộng hòa. Hóa ra chiếc áo vest của Eisenhower có đuôi dài và các đối thủ của Osborne đã bám vào đó. Thaddeus Cohen phần nào cho rằng Osborne sẽ không còn sử dụng được trọn vẹn tầm ảnh hưởng như trước đối với Abel Rosnovski khi hiện tại hẳn ta không còn quyền lực nữa. Ở Chicago, có tin đồn Osborne bắt đầu cờ bạc trở lại và đang nợ nần khắp thành phố. William thấy thư thái hơn trước được đôi phần, mong sẽ đến thời kì thịnh vượng và bình an như Eisenhower đã hứa trong diễn văn nhậm chức của ông.



Trong suốt những tháng đầu tiên của chính quyền tân Tổng thống, William đã bỏ lại phía sau nỗi lo sợ về Rosnovski, ông tự cho mình đã có được một bài học. Ông bảo Thaddeus Cohen là ông tin chắc hai người đã được nghe những thông tin cuối cùng về Abel Rosnovski. Cohen không bình luận, nhưng khi ấy ông đâu có được hỏi.

William dồn mọi nỗ lực vào xây dựng Ngân hàng Lester cả về quy mô lẫn danh tiếng, ông biết rõ mình đang xây dựng cho cả con trai chứ không chỉ riêng mình. Bắt đầu có một vài thành viên trẻ tuổi của Ban giám đốc khi nhắc đến ông đều gọi là “ông già”.

- Cũng phải đến lúc đó chứ. - Kate nói.

- Vậy sao không ai gọi em là *bà già* nhỉ? - Ông nịnh.

- Giờ em đã biết cách anh chốt được hợp đồng với những kẻ tự phụ. - Kate cười.

- Và với một phụ nữ xinh đẹp. - William cũng cười.

Chỉ một tháng nữa là sinh nhật lần thứ hai mốt của Richard, William đọc lại các điều khoản trong chúc thư của ông. Ông dành 5 triệu đô cho Kate, mỗi cô con gái được hai triệu đô và dành phần của cải còn lại trong nhà cho Richard, ông cũng buồn bã ghi rõ một khoản được trích ra để trả thuế thừa kế dù phần đông đảng viên đảng Cộng hòa đều ở cả hai viện. Ngoài ra, ông dành một triệu đô cho trường Harvard.



Richard đã tận dụng rất tốt khoảng thời gian ở Harvard. Đến đầu năm cuối đại học, anh không chỉ tỏ ra là một sinh viên xuất sắc nhất mà còn biết chơi cả cello ở dàn giao hưởng của trường và là một cầu thủ giao bóng đứng thứ hai trong đội bóng chày. Kate thường hỏi những câu rất hoa mỹ, như có bao nhiêu sinh viên dành chiều Chủ nhật để đấu bóng chày với đội Yale và dành tối Chủ nhật để chơi cello ở phòng hòa nhạc Lowell?

Năm học cuối cùng của Richard trôi đi quá nhanh và khi rời Harvard với tấm bằng Cử nhân Toán học, với một cây cello và cây gậy đánh bóng chày, trước khi trình diện trường Kinh doanh bên kia sông Charles, những gì anh cần là một kì nghỉ lý thú. Anh bay đến Barbados với cô gái tên Mary Bigelow, cha mẹ anh không hề biết đến sự có mặt của

cô. Bigelow học âm nhạc và nhiều môn khác ở Vassar, và hai tháng sau đó khi họ trở về, Richard đưa cô về nhà gặp cha mẹ. William rất ưng cô Bigelow, dù sao cô cũng là cháu nội của Alan Lloyds.

Richard bắt đầu kì thi tốt nghiệp ở Trường Kinh doanh của Harvard vào ngày 1 tháng Mười năm 1954, sau khi đã trở lại Dinh thự Đỏ. Việc đầu tiên là anh bỏ hết những đồ dùng bằng mây đan của cha và bỏ cả những giấy dán tường có họa tiết hoa lá mà Matthew Lester đã từng thấy rất hợp thời. Chiếc ghế da của ông nội vẫn được giữ lại. Anh lắp một chiếc ti vi trong phòng khách, kê một chiếc bàn gỗ sồi trong phòng ăn, một máy rửa bát trong bếp và đôi khi có cô Bigelow trong phòng ngủ.

Abel bỏ dở chuyến đi châu Âu vào tháng Mười một năm 1952 ngay khi biết tin David Maxton qua đời vì bệnh tim. Ông đến dự đám tang ở Chicago cùng George và Florentyna, sau đó ông tuyên bố bà Maxton sẽ là khách mời ở bất cứ khách sạn Nam Tước nào trên thế giới mỗi khi bà muốn đi nghỉ. Bà không hiểu tại sao ông Rosnovski lại có một cử chỉ hào phóng như vậy.

Hôm sau, khi Abel trở lại New York, ông rất mừng khi thấy trên bàn làm việc tại văn phòng của mình ở tầng 42 có một bản báo cáo của Henry Osborne, cho biết Chính quyền Eisenhower không có ý muốn theo đuổi cuộc điều tra đối với hãng Interstate Airways, có thể vì các cổ phiếu vẫn giữ nguyên giá trị trong hơn một năm qua. Phó Tổng thống của Eisenhower, Richard M. Nixon, dường như dành hết tâm trí để truy đuổi bóng ma cộng sản mà Joe McCarthy đã bỏ lỡ.



Hai năm sau đó, Abel không ngừng qua lại giữa hai bờ Đại Tây Dương để tiếp tục xây dựng đế chế của ông ở nước ngoài. Ông chỉ ước người dân châu Âu có thể xây dựng được những khách sạn theo đúng tiến độ người Mỹ đã mặc định.

Florentyna khai trương khách sạn Nam Tước Paris vào tháng Sáu năm 1953 và khách sạn Nam Tước London vào tháng Mười hai năm 1954. Các khách sạn Nam Tước ở Brussels, Rome, Amsterdam, Geneva, Edinburgh, Cannes và Stockholm cũng đang từng bước phát triển, tất cả nằm trong kế hoạch mười năm mở rộng.

Abel có rất nhiều hạn chót cần phải hoàn thành nên ít có thời gian nghỉ về William Kane. Ông không phải cố gắng để mua thêm chứng khoán từ những công ty phụ của Ngân hàng Lester nữa, dù ông đã nắm giữ 6% cổ phần trong ngân hàng này với hy vọng sẽ có cơ hội giảng cho Kane một đòn khác để ông ta không hồi phục dễ dàng. Lần tới, Abel tự hứa với mình, ông đảm bảo sẽ không vô tình phạm luật nữa. Nếu là George, ông ấy sẽ là người đầu tiên công nhận Curtis Fenton sẽ không bao giờ để Abel phạm sai lầm ngu ngốc như vậy.

Abel đã gợi ý Florentyna nên tham gia Ban giám đốc khi cô rời trường Radcliffe vào cuối năm học này. Ông quyết định để cô chịu trách nhiệm cho toàn bộ mọi cửa hàng của khách sạn và phát triển mua sắm vì tất cả những cửa hàng ấy đang nhanh chóng hình thành một đế chế riêng. Florentyna rất hào hứng với triển vọng ấy nhưng cô cho rằng mình nhất định phải ra ngoài học hỏi thêm

trước khi chung tay cùng cha. Cô không nghĩ năng khiếu bẩm sinh của mình về thiết kế, phối màu và tổ chức có thể thay thế cho kinh nghiệm. Abel gợi ý con gái nên đi trau dồi ở Thụy Sĩ dưới sự chỉ đạo của Ngài Maurice ở trường Lausanne trứ danh, chuyên về phục vụ khách sạn. Florentyna bỏ ngoài tai ý kiến đó, cô nói mình muốn đi làm trong hai năm ở một cửa hàng tại New York trước khi quyết định có chịu trách nhiệm những cửa hiệu của Tập đoàn Nam Tước hay không. Cô kiên quyết phải có giá trị khi đi làm, “và không phải chỉ vì con là con gái của cha”. Abel hoàn toàn ủng hộ.

- Một cửa hàng ở New York sao? Cũng dễ sắp xếp thôi.
- Ông nói - Cha sẽ gọi cho Walter Hoving và con có thể bắt đầu ở cửa hiệu Tiffany.

- Đó thực sự không phải mong muốn của con. - Florentyna nói, rõ ràng cô được thừa hưởng tính nét ngang bướng của người cha - Vị trí nào tương đương với một bồi bàn học việc ở khách sạn Plaza?

- Một nữ nhân viên bán hàng ở cửa hàng bách hóa. - Abel cười.

- Vậy con sẽ xin vào vị trí đó.

Abel ngừng cười.

- Con nói nghiêm túc đấy chứ? Với tấm bằng của trường Radcliffe và những chuyến đi con đã có, con muốn làm một cô bán hàng vô danh ư?

- Ra ngoài khỏi nghiệp ở vị trí một bồi bàn vô danh tại khách sạn Plaza cũng đâu có ngăn được cha gây dựng một

trong số những Tập đoàn khách sạn thành công nhất thế giới. - Florentyna đáp.

Abel biết mình đã thua. Ông chỉ cần nhìn sâu vào đôi mắt màu xám cứng cỏi của cô con gái xinh đẹp là nhận ra cô đã quyết tâm, dù thuyết phục cách nào cũng không khiến cô đổi ý.



Sau khi Florentyna tốt nghiệp trường Radcliffe, cô dành một tháng ở châu Âu cùng cha trong khi ông đi kiểm tra tiến triển của những khách sạn Nam Tước mới nhất. Cô chính thức khai trương khách sạn Nam Tước Brussels, tại đây cô đã chiếm được cảm tình của chàng giám đốc trẻ khôi ngô, anh này bị Abel đổ tội có mùi tử trên người. Cô phải rời bỏ anh chàng ba ngày sau đó, khi vừa mới chỉ hôn nhau, nhưng cô không bao giờ thừa nhận với cha nguyên nhân là do mùi tử.

Khi cô và Abel trở lại New York, cô lập tức xin vào vị trí còn trống là trợ lý bán hàng thực tập ở cửa hàng Bloomingdale. Trong đơn xin, cô để tên mình là Jessie Kovats, cô biết sẽ không ai để cô yên nếu họ biết cô là con gái của Nam tước Chicago. Dù cha phản đối, cô đã rời khỏi căn phòng của mình ở khách sạn Nam Tước tại New York và bắt đầu tìm nơi ở mới. Một lần nữa Abel phải chịu thua và tặng cô một căn hộ nhỏ nhưng rất thanh lịch ở Đường 57 gần phía đông sông Hudson làm quà cho sinh nhật lần thứ hai mươi mốt.

Florentyna từ lâu đã kiên quyết không để bạn bè biết cô sẽ làm việc ở cửa hàng Bloomingdale. Cô sợ họ đến thăm

cô ở cửa hàng và vỏ bọc của cô sẽ bị lộ trong vài ngày, cô sẽ không còn được đối đãi như bất cứ người học việc nào khác. Khi bạn bè hỏi thăm, cô đều bảo mình đang giúp cha điều hành những cửa hàng tại các khách sạn. Không ai nghi ngờ về câu trả lời ấy.

Sau khi kết thúc thời gian thực tập ở cửa hàng, Jessie Kovats - cô phải mất một thời gian mới quen với cái tên này - bắt đầu công việc ở bộ phận mỹ phẩm. Các trợ lý cửa hàng ở Bloomingdale đều làm việc theo cặp và Florentyna lập tức biến điều này thành lợi thế bằng cách chọn làm việc với cô gái lười nhát trong bộ phận. Cách sắp xếp này tốt cho cả hai cô, như Florentyna đã lựa chọn, một cô tóc vàng tên là Maisie chỉ có hai thú vui trong đời: chiếc đồng hồ lúc 6 giờ tối và đàn ông. Thú vui đầu chỉ có một lần mỗi ngày, thú vui còn lại cả ngày đều có. Hai cô gái sớm trở thành người đồng chí hướng mà không hẳn là bạn bè. Florentyna học được rất nhiều từ Maisie về cách trốn việc mà không bị quản lý phát hiện cũng như phải làm sao để lôi cuốn một người đàn ông.

Lợi nhuận của quầy mỹ phẩm tăng lên trông thấy sau sáu tháng hai cô làm việc cùng nhau dù Maisie đã dành phần lớn thời gian để thử các sản phẩm hơn là bán. Cô có thể dành hai giờ chỉ để sơn lại móng tay. Đổi lại, Florentyna đã nhận ra thiên hướng bán hàng của mình, và một lòng yêu thích công việc ấy. Chỉ sau vài tuần, giám sát tầng đã đánh giá cô thành thạo không kém gì những người đã làm cho công ty nhiều năm qua.

Khi Florentyna được chuyển sang quầy Better Dresses, Maisie cũng bằng lòng sang cùng và dành chủ yếu thời gian để thử các loại trang phục trong khi Florentyna tập trung bán. Maisie có khả năng thu hút nam giới - kể cả những người đi cùng vợ hoặc người yêu - chỉ qua cách cô nhìn họ. Họ vừa dính bẫy, Florentyna đã xuất hiện và bán cho họ một món gì đó. Rất ít người ra về với chiếc ví còn nguyên.

Lợi nhuận trong sáu tháng tiếp theo của quầy Better Dresses tăng thêm 22%, giám sát tăng kết luận hai cô gái rõ ràng làm việc cùng nhau rất hiệu quả. Florentyna không phủ nhận điều đó. Trong khi những người bán hàng khác luôn phàn nàn vì đồng nghiệp làm được rất ít, Florentyna không ngừng khen ngợi Maisie là một đồng nghiệp lý tưởng, đã dạy cho cô rất nhiều về cách một cửa hàng lớn vận hành. Cô không đề cập đến lời khuyên hữu ích Maisie dành cho mình về cách đối phó với những khách nam quá đa tình.

Lời khen thưởng đáng giá nhất một nhân viên bán hàng có thể nhận được ở Bloomingdale là được đề nghị làm việc cho một trong số những quầy hàng trước cửa trông ra Đại lộ Lexington và cũng được ngồi giữa những gương mặt đầu tiên khách trông thấy khi họ bước vào tòa nhà. Rất hiếm có một cô gái được mời làm việc ở đây cho đến khi cô ta gắn bó với cửa hàng ít nhất năm năm. Maisie đã ở Bloomingdale từ khi cô mười bảy tuổi, được tròn năm năm, đó cũng là lúc Florentyna kết thúc năm đầu tiên. Nhưng vì doanh số bán hàng cùng nhau của họ rất ấn tượng, quản lý quyết định để cả hai thử việc ở gian

văn phòng phẩm dưới tầng trệt. Maisie không thể tìm đâu ra lợi thế riêng ở gian văn phòng phẩm, vì dù cô không quan tâm nhiều đến đọc sách, cô lại ít để ý đến viết lách. Tuy thế, vị trí mới này làm Maisie rất hài lòng vì cô có thể đắm mình trong vẻ hấp dẫn mới mà công việc đem lại. Florentyna ngờ rằng một số người đàn ông đi bộ ra phố để mua văn phòng phẩm chỉ vì muốn được tán gẫu cùng Maisie.

Abel thừa nhận với George, ngay khi ông lên đến cửa hiệu Bloomingdale và bí mật quan sát Florentyna làm việc, ông phải công nhận cô làm việc cực kì tốt. Florentyna chắc chắn là cô gái có tính cách dữ dội giống hệt cha mình và ông cũng tin cô không gặp nhiều trở ngại khi đảm đương những trách nhiệm ông định giao cho cô.



Sáu tháng cuối cùng ở cửa hiệu Bloomingdale, Florentyna chịu trách nhiệm sáu quầy hàng dưới tầng trệt, giữ chức vụ mới là Phó Giám sát. Nhiệm vụ của cô bao gồm kiểm kê, kiểm soát các ngân kéo tiền và giám sát mười tám nhân viên bán hàng. Cửa hàng Bloomingdale vừa quyết định Jessie Kovats là ứng viên sáng giá để trở thành giám sát trong tương lai.

Cô vẫn chưa cho các bạn đồng nghiệp biết mình sẽ rời khỏi đây vào cuối năm để về làm Phó Chủ tịch của Tập đoàn Nam Tước. Khi thời gian làm việc ở cửa hàng sắp kết thúc, cô bắt đầu tự hỏi Maisie tội nghiệp sẽ ra sao sau khi cô đi. Maisie vẫn tin Jessie sẽ ở lại Bloomingdale cả đời - có ai là

không tin? Florentyna thậm chí đã tính đến phương án cho cô bạn công việc ở một cửa hàng của khách sạn Nam Tước New York. Chừng nào còn ngồi sau quầy hàng mà những người đàn ông có thể tiêu tiền ở đó, Maisie còn là báu vật.

Một buổi chiều, khi Maisie đang đợi một khách hàng, - cô đang đeo găng tay, khăn quàng và mũ len - cô kéo Florentyna sang một bên và chỉ chàng trai trẻ đang thờ thẩn xem những chiếc găng tay, làm ra vẻ đang thử rất nhiều đôi.

- Cậu nghĩ sao về chàng này? - Cô cười rúc rích.

Florentyna nhìn sang mục tiêu mới nhất của Maisie bằng vẻ thờ ơ thông thường, nhưng lần này cô phải công nhận chàng trai này có phần hấp dẫn hơn.

- Đàn ông họ chỉ muốn một thứ thôi, Maisie. - Florentyna nói.

- Tôi biết, - cô nói - và anh ta có thể có nó.

- Tôi chắc anh ấy sẽ rất thích khi được nghe điều đó. - Florentyna cười khi quay lại với một khách hàng đang sốt ruột vì Maisie không để ý sự hiện diện của bà ta. Maisie tận dụng lúc Florentyna đi khỏi và lao đến phục vụ chàng trai trẻ kia. Florentyna vẫn liếc sang quan sát hai người. Cô thích thú khi thấy anh chàng kia vẫn đang hồi hộp đưa mắt về phía cô, rõ ràng anh đang xem Maisie có bị người giám sát của mình dò xét hay không. Maisie lại cười khúc khích và chàng trai quay ra với một đôi găng tay da màu xanh thẫm.

- Anh ấy có như cậu hy vọng không? - Florentyna hỏi, cô thấy có chút ghen tị với cuộc chinh phục mới nhất của Maisie.

- Anh ấy thậm chí không mời tớ đi chơi. Nhưng tớ chắc anh ấy sẽ trở lại. - Cô thêm vào một nụ cười nhảu nhỏ.

Phỏng đoán của Maisie đã chính xác vì ngay hôm sau chàng trai trở lại và ai cũng thấy anh đang thử một đôi găng tay khác, thậm chí trông anh lo lắng hơn hôm trước.

- Tớ cho rằng cậu nên đến chăm sóc anh ấy đi. - Florentyna nói.

Maisie ngoan ngoãn chạy lại. Florentyna suýt nữa cười phá lên khi vài phút sau chàng trai lại quay ra với một đôi găng tay da màu xanh thẫm nữa.

- Hai đôi! - Florentyna tuyên bố - Thay mặt cho cửa hàng Bloomingdale, tôi nghĩ mình có thể nói anh ấy xứng đáng với chị.

- Nhưng anh ấy vẫn không mời tớ đi chơi. - Maisie nói.

- Cái gì? - Florentyna làm ra vẻ hoài nghi. - Hẳn chắc là kẻ sùng bái găng tay.

- Thật đáng thất vọng, - Maisie nói - vì tớ nghĩ anh ấy phải giận dị lắm cơ.

Hôm sau, khi chàng trai đến, Maisie lại nhào đến giúp anh chọn đồ, bỏ lại một khách hàng khác đứng chùng hững. Florentyna nhanh chóng làm thay việc của bạn và một lần nữa liếc sang chỗ hai người. Lần này, vị khách và cô gái bán hàng đang nói chuyện say sưa.

- Chắc cuồng găng tay thật rồi. - Florentyna đánh bạo nói sau khi chàng trai ra về với một đôi găng tay da màu xanh thẫm khác.

- Ừ, tớ cũng nghĩ thế. - Maisie đáp - Nhưng anh ấy vẫn không ngỏ lời hẹn tớ. Nghe này, nếu ngày mai anh ấy đến,

cậu tiếp anh ấy được không? Tớ nghĩ anh ấy ngại hỏi thẳng tớ. Anh ấy sẽ thấy dễ dàng hơn khi tổ chức một buổi hẹn thông qua cậu.

- Làm Viola cho Orsino của cậu¹. - Florentyna cười vang.

- Cái gì cơ?

- Không có gì đâu. Thách thức lớn hơn là xem tớ có thể bán cho anh ấy một đôi găng tay da màu xanh nữa hay không.



Sáng hôm sau, cũng đúng giờ ấy, chàng trai bước vào cửa và lập tức tiến về phía quầy găng tay. Florentyna nghĩ anh ấy có là người thế nào thì vẫn trước sau như một.

Maisie ra hiệu cho cô. Florentyna quyết định đã đến lúc cho mình được chút thư thái.

- Chào ông.

- Ô, chào cô! - Chàng trai có vẻ bất ngờ, hoặc đơn giản là anh thấy thất vọng khi người anh gặp lại là Florentyna?

- Tôi có thể giúp gì ông không?

- Không! Ý tôi là có. Tôi muốn một đôi găng tay. - Anh lóng ngóng thêm vào.

- Vâng, thưa ông. Ông nghĩ sao về màu xanh thẫm? Bằng da? Tôi chắc chúng tôi có cỡ vừa tay ông, trừ khi chúng tôi đã bán hết rồi.

Chàng trai nhìn cô nghi ngờ khi cô đưa cho anh đôi găng. Anh thử đeo. Hơi quá rộng. Florentyna đưa cho anh đôi khác: lại hơi quá chật. Anh nhìn về phía Maisie. Cô gần

¹ Tên nhân vật trong vở kịch *Đêm thứ mười hai* của William Shakespeare. Viola là một cô gái trẻ phục vụ cho Công tước Orsino. Orsino đã nhờ cô giúp mình bày tỏ tình cảm với nữ Bá tước Olivia.

như bị bao vây bởi một biển khách nam, nhưng cô không chìm đi vì vẫn có thời gian nhìn sang và nhoẻn cười. Anh không đáp lại nụ cười ấy. Florentyna đưa cho anh ta một đôi găng nữa. Đôi này rất vừa vặn.

- Tôi nghĩ đây là đôi găng ông đang tìm. - Cô nói.

- Không, không hẳn! - Vị khách đáp, lúc này anh có vẻ bối rối rõ rệt.

Florentyna nghĩ đã đến lúc giải thoát anh chàng tội nghiệp khỏi tình cảnh này. Cô khẽ nói:

- Tôi đến giải cứu Maisie nhé. Sao ông không mời cô ấy đi chơi? Tôi chắc cô ấy sẽ đồng ý.

- Ồ không, - chàng trai vội đáp - cô ấy không phải người tôi muốn mời đi, mà là em. - Florentyna lặng người. Chàng trai dường như đang lấy hết can đảm - Tối nay em đi ăn tối cùng tôi nhé?

Cô nghe thấy mình đã nói đồng ý.

- Tôi sẽ đón em ở nhà nhé?

- Không. - Florentyna kiên quyết. Chắc chắn cô không muốn gặp nhau ở căn hộ của cô, ở đấy rõ ràng cô không còn là nhân viên bán hàng trong mắt bất cứ ai - Gặp nhau ở một nhà hàng nhé! - Cô vội nói thêm.

- Em muốn đi đâu?

Cô cố nghĩ nhanh một địa điểm không quá phô trương.

- Nhà hàng Allen, đoạn Đường 73 giao với Đại lộ 3. - Anh mạnh bạo.

- Vâng, đúng rồi ạ! - Florentyna nghĩ Maisie sẽ xử lý tình huống này tốt hơn rất nhiều.

- Tầm 8 giờ có được không em?

- Tầm 8 giờ ạ. - Florentyna đáp.

Chàng trai ra về với vẻ mặt tươi tắn. Maisie nhận ra anh đi mà không mua một đôi găng tay.



Phải rất lâu Florentyna mới chọn xong chiếc váy sẽ mặc cho buổi tối nay. Cô muốn đảm bảo sao cho trang phục không quá cầu kì và sang trọng. Cô có được một tủ quần áo nhỏ chỉ dành mặc riêng ở cửa hàng Bloomingdale, nhưng chỉ toàn dành cho công việc, cô chưa bao giờ mặc bất cứ bộ đồ nào trong bộ sưu tập này vào buổi tối. Trong cuộc hẹn này - trời ơi, cô thậm chí chưa biết tên anh ta - dù là một cô nhân viên bán hàng, cô cũng không được phép làm anh vỡ mộng. Thật ra, cô thực sự mong được gặp lại anh.

Florentyna rời khỏi căn hộ ở Đường 57 phía Đông vào lúc gần 8 giờ, nhưng mất một lúc cô mới gọi được taxi và đến nhà hàng Allen muộn mất ít phút. Cô đảo mắt tìm chàng trai trẻ kia. Anh đang đứng ở quầy rượu và vẫy tay với cô. Anh đã đổi sang chiếc quần flannel màu xám và áo khoác màu xanh dương. Có dáng thể thao quá, Florentyna nghĩ, dù Maisie miêu tả anh là “khêu gọi” thì cũng vẫn đúng.

- Em xin lỗi đã đến muộn. - Florentyna mở lời.

- Không quan trọng đâu. Quan trọng là em đã đến.

- Anh đã nghĩ em sẽ không đến ư?

- Chắc chắn là không. - Anh mỉm cười - Xin lỗi em, anh không biết tên em.

- Jessie Kovats. Còn anh?

- Richard Kane! - Chàng trai đáp và đưa tay ra.

Cô nắm lấy tay anh và anh nắm tay cô lâu hơn cô nghĩ.

- Anh sẽ làm công việc gì khi không đến Bloomingdale mua găng tay nữa? - Cô trêu chọc.

- Anh ở Trường Kinh doanh Harvard.

- Em thấy lạ khi họ không dạy anh là hầu hết con người chỉ có hai tay.

Anh bật cười và rồi mỉm cười bằng vẻ thân thiện và ôn hòa đến nỗi cô ước gì mình có thể bắt đầu lại và cho anh biết cô đã rất ngạc nhiên khi họ chưa bao giờ gặp nhau tại Cambridge khi cô ở trường Radcliffe.

- Mình ngồi nhé. - Anh cầm tay cô và dẫn cô lại một bàn.

Florentyna nhìn lên thực đơn trên tấm bảng đen.

- Bít tết Salisbury nhé? - Cô hỏi.

- Một chiếc hamburger loại nào cũng được. - Richard đáp.

Họ cùng cười như hai người bình thường vẫn cười khi chưa biết rõ về nhau và đang muốn tìm hiểu. Cô có thể thấy anh tỏ vẻ ngạc nhiên khi cô luôn nhận biết được những trích dẫn ngoài lề câu chuyện. Florentyna ít khi được đi cùng ai vui hơn lúc này. Richard tán chuyện về New York, kịch và âm nhạc - đó rõ ràng là tình yêu đầu tiên của anh - với sự uyển chuyển và lời cuốn khiến cô thấy thoải mái. Anh có thể đã nghĩ cô là một nhân viên bán hàng, nhưng anh cư xử với cô như thể cô đến từ một trong số những gia tộc lâu đời nhất ở Boston. Khi anh hỏi, cô chỉ bảo mình là

người Ba Lan, sống ở New York cùng cha mẹ và cha cô làm việc trong khách sạn. Buổi tối trôi đi, cô thấy mỗi lúc một khó khăn hơn khi nói dối. Tuy nhiên, cô nghĩ không chắc sẽ còn gặp lại anh.

Khi hai người đã uống đủ cà phê, Richard gọi thanh toán. Anh hỏi Florentyna sống ở khu nào của thành phố.

- Đường 57 phía Đông. - Cô trả lời không nghĩ ngợi gì.

- Vậy anh sẽ đi bộ cùng em về nhà. - Anh nắm lấy tay cô.

Hai người đi bên nhau lên Đại lộ 5, cùng nhìn vào cửa sổ những cửa hàng, cùng cười và trò chuyện. Khi anh hỏi về kế hoạch trong tương lai, cô chỉ đáp:

- Một ngày nào đó, em sẽ làm việc ở một cửa hàng trên Đại lộ 5.

Họ mất gần một tiếng để đi qua 16 khu nhà, Florentyna suýt nữa nói ra sự thật về mình với anh. Khi đến Đường 57, cô dừng lại bên ngoài một chung cư nhỏ, cách tòa nhà cô ở tầm một trăm mét.

- Đây là nơi ở của cha mẹ em. - Cô nói.

Richard dường như còn do dự, rồi anh buông tay cô ra.

- Anh hy vọng mình sẽ gặp lại nhau. - Anh nói.

- Em mong vậy. - Florentyna đáp lịch sự.

- Ngày mai nhé? - Richard rụt rè hỏi. - Sao mình không đến câu lạc bộ Thiên Thần Xanh và xem Bobby Short biểu diễn nhỉ? - Anh lại cầm tay cô - Lãng mạn hơn nhà hàng Allen đấy.

Florentyna sững sờ. Kế hoạch của cô dành cho Richard vốn không có bất cứ *ngày mai* nào.

- Nếu em không muốn đi thì cũng được. - Anh nói thêm trước khi cô kịp trấn tĩnh.

- Em rất muốn đi. - Cô nhẹ nhàng đáp.

- Anh sẽ ăn tối cùng cha anh, vậy anh sẽ đón em tầm 9 giờ nhé?

- Không, không. - Florentyna đáp - Em sẽ gặp anh ở đó. Chỉ cách đây có hai khu nhà thôi.

- 9 giờ tối mai nhé! - Anh cúi người về trước và nhẹ nhàng hôn lên má cô - Chúc em ngủ ngon, Jessie! - Anh nói và biến mất vào màn đêm.

Anh vừa đi khỏi, Florentyna chậm rãi bước về căn hộ, cô ước gì mình không buông ra những lời nói dối ngây ngô ấy. Tuy thế, có thể tất cả sẽ kết thúc trong vài ngày nữa, dù cô không hy vọng điều ấy.



Florentyna rời khỏi cửa hiệu Bloomingdale vào giờ đóng cửa, lần đầu tiên trong gần hai năm qua cô ra về trước Maisie. Cô tắm rất lâu, mặc bộ váy duyên dáng nhất cô nghĩ mình có thể mặc đi chơi và đi bộ đến câu lạc bộ Thiên Thần Xanh. Khi cô đến, Richard đang đợi cô bên ngoài phòng giữ đồ. Anh nắm tay cô khi họ bước vào phòng khách, ở đấy giọng ca của Bobby Short trôi bồng bềnh trong bầu không khí đầy khói thuốc: *Những lời này phải chẳng là thật - hay vẫn là lời dối nói thêm?*

Short đưa một tay lên chào Florentyna. Florentyna làm như không trông thấy. Anh ta đã từng là nghệ sĩ khách mời ở khách sạn Nam Tước trong hai hoặc ba dịp đặc biệt, cô

không bao giờ nghĩ anh ta sẽ nhớ ra cô. Richard đã thấy cử chỉ ấy và nhìn quanh xem Short đang chào ai. Khi hai người chọn được bàn trong căn phòng mờ ảo, Florentyna ngồi quay lưng về phía chiếc piano để đảm bảo chuyện khi này không lặp lại nữa. Richard gọi một chai rượu vang, tay vẫn không rời tay cô, rồi hỏi cô về ngày hôm nay. Cô không muốn nói với anh về ngày hôm nay, cô muốn nói với anh sự thật.

- Richard à, có điều này em phải...

- Chào Richard! - Một người cao lớn, bảnh bao đang đứng cạnh bàn của họ.

- Chào Steve. Xin giới thiệu: Đây là Jessie Kovats, còn đây là Steve Mellon. Steve và anh cùng học Harvard.

Florentyna lắng nghe hai người nói chuyện về câu lạc bộ Yankees New York, khả năng chơi golf của Eisenhower và tại sao đội Yale lại chơi ngày càng tệ hơn. Cuối cùng, Steve lịch sự cáo từ: "Rất vui được gặp cô, Jessie".

Thời khắc của Florentyna đã trôi qua mất.

Richard bắt đầu kể về kế hoạch của anh ngay khi anh vừa rời khỏi trường kinh doanh. Anh hy vọng được đến New York và cùng làm việc với cha mình ở Ngân hàng Lester. Trước đây, cô đã từng nghe đến tên ngân hàng ấy ở đâu đó, nhưng cô không thể nhớ ra có mối liên quan nào với mình. Vì một vài lý do, tên gọi ấy đã làm cô lo lắng.

Buổi tối hôm đó họ ở bên nhau, cười đùa, ăn uống, nói chuyện và chỉ ngồi nắm tay nhau trong khi nghe Bobby Short hát. Khi sánh đôi trên đường về nhà, Richard dừng lại

ở góc Đường 57 và lần đầu tiên anh hôn cô. Cô không thể nhớ lại lần đầu tiên cô biết đến nụ hôn. Khi anh để cô ở lại trong bóng tối của Đường 57, cô nhớ ra lần này anh không hề nói đến ngày mai. Cô thấy hơi băn khoăn về mối quan hệ không hẳn là yêu đương này.

Sáng hôm sau, Maisie rất vui khi một bó hồng lớn được chuyển đến cửa hàng, nhưng lại thất vọng khi thấy tấm thiệp đề tên Jessie Kovats kèm theo lời mời đi ăn tối cùng Richard. Cô vờ như không quan tâm. Florentyna và Richard dành gần hết ngày cuối tuần ở bên nhau: một buổi hòa nhạc, một bộ phim, ngay cả trận bóng của New York Knicks họ cũng không bỏ qua. Khi ngày nghỉ kết thúc, Florentyna day dứt khi biết cô đã nói dối anh rất nhiều về bản thân mình đến nỗi Richard chắc hẳn phải lúng túng trước rất nhiều mâu thuẫn trong câu chuyện của cô. Ngày càng khó để kể cho anh một câu chuyện hoàn toàn khác, dù đúng sự thật.

Khi Richard trở lại Harvard vào tối Chủ nhật để bắt đầu kì học mới, cô tự nhủ rằng những lời nói dối của mình không quan trọng vì mối quan hệ của họ đương nhiên phải kết thúc. Sau tất cả, anh ấy có thể gặp một cô gái trường Radcliffe xinh xắn. Nhưng ngày nào trong tuần anh cũng gọi cho cô và trở lại New York để gặp cô ngay cuối tuần đấy. Sau một tháng nữa, Florentyna biết chuyện tình này sẽ không kết thúc dễ dàng như cô đã nghĩ. Cô biết mình đã yêu anh. Ngay khi tự thừa nhận điều này, cô quyết tâm không đợi thêm nữa. Cuối tuần này, cô sẽ cho anh biết sự thật.



Richard ngồi mơ mộng suốt buổi thuyết trình sáng hôm đó.

Anh đã yêu cô gái say đắm đến nỗi anh thậm chí còn không thể tập trung vào Hệ thống Bretton Woods. Làm sao để cho cha biết mình muốn cưới một cô gái Ba Lan làm việc trong quầy khăn quàng, giặt tay và mũ len ở cửa hàng Bloomingdale? Anh không thể tìm ra lý do vì sao Jessie lại không có nhiều tham vọng khi cô rõ ràng rất thông minh, nếu cô có những cơ hội giống anh, cô sẽ không phải chịu làm ở cửa hàng Bloomingdale. Richard nghĩ cha mẹ anh sẽ phải học cách sống chung với quyết định của anh vì cuối tuần đó anh sẽ cầu hôn Jessie.

Bất cứ khi nào Richard về với cha mẹ ở New York vào tối thứ Sáu, anh luôn ra ngoài và mua vài món đồ ở cửa hàng Bloomingdale, thông thường sẽ là vài vật dụng không cần thiết, chỉ vì như vậy Jessie sẽ biết anh đã trở lại thành

phố (muối tuần qua anh đã tặng găng tay cho tất cả những người họ hàng xa, một vài người trong số đó anh đã không gặp nhiều năm). Thứ Sáu đó, anh bảo mẹ mình muốn ra ngoài mua vài lưỡi dao cạo.

- Đừng lo, con à, con có thể dùng lưỡi dao của cha mà.

- Bà nói.

- Không, không, không sao mà. Con cần đồ dùng của riêng con. Dù sao, con và cha cũng không dùng chung loại dao. - Anh uể oải nói thêm.

Anh gần như phải chạy khi băng qua tám khu nhà để đến Bloomingdale và tìm cách vào trong khi cửa hàng đang đóng cửa. Anh biết mình sẽ gặp Jessie lúc 7 rưỡi tối nhưng anh không thể cưỡng lại ý muốn được trông thấy cô. Steve Mellon đã nói tình yêu chỉ dành cho những chàng ngốc nghèo khổ và sáng nay Richard đã viết lên tấm gương đầy hơi nước khi cạo râu: "Mình phải là một kẻ kiết xác".

Nhưng tối nay không thấy Jessie đâu cả. Maisie đang ngồi trong góc sơn móng tay, Richard hỏi Jessie có còn ở đây không. Maisie ngẩng lên như thể cô vừa bị làm gián đoạn khỏi công việc quan trọng nhất trong ngày.

- Không, cô ấy vừa về nhà rồi. Cô ấy mới đi cách đây ít phút nên chưa thể đi xa đâu.

Richard chạy ra ngoài Đại lộ Lexington. Anh tìm Jessie giữa biết bao khuôn mặt đang hối hả trên đường về nhà và nhận ra cô ở lề đường bên kia, đang đi về phía Đại lộ 5. Rõ ràng cô không đi về căn hộ của mình. Khi cô đến hiệu sách Scribner ở Đường 48, anh dừng lại và nhìn thấy cô đi vào trong.

Richard bối rối. Nếu cô muốn đọc thứ gì đó, chắc chắn cô có thể mua ngay tại Bloomingdale. Anh ghé nhìn qua cửa sổ khi Jessie đang nói chuyện với một nhân viên bán hàng, người ấy bỏ đi vài phút và quay lại với hai cuốn sách. Anh có thể nhận ra tiêu đề hai cuốn ấy: *Ác mộng Đại Khủng hoảng năm 1929* của John Kanneth Galbraith và *Phía sau Bức màn* của John Gunther. Jessie ký tên để lấy sách - càng làm Richard ngạc nhiên hơn: Tại sao một cô gái bán hàng lại có tài khoản ở Scribner? - và khi cô bước ra, anh trốn sau một cây cột.

- Cô ấy là ai? - Anh thốt lên khi thấy cô bước vào cửa hiệu Bendel. Người gác cửa trịnh trọng chào cô làm cho Richard có một cảm tưởng khác biệt: Anh đã biết cô là ai. Một lần nữa Richard lại nhìn qua cửa sổ, trong khi những nhân viên bán hàng đang sợ sệt vây quanh cô với vẻ kính cẩn hơn mức bình thường. Một người đàn bà đứng tuổi xuất hiện với một gói đồ, rõ ràng Jessie vẫn mong món đồ này. Bà ta mở gói đồ, lấy ra một chiếc váy dạ tiệc giản dị nhưng rất đẹp. Jessie mỉm cười gật đầu khi người đàn bà đặt chiếc váy vào một chiếc hộp màu trắng pha nâu, miệng cô mấp máy hai chữ “cảm ơn” rồi quay ra cửa, không cần ký tên để mua mặt hàng ấy. Richard bị mê hoặc trước cảnh tượng ấy đến nỗi anh gần như không tìm cách tránh đụng mặt cô khi cô bước ra vỉa hè và lên taxi.

Anh cũng tự gọi xe, bảo tài xế đi theo xe cô. Khi đi qua căn hộ nhỏ nơi họ vẫn hay chia tay ở đó, anh bắt đầu thấy suy sụp. Đó là lý do cô không bao giờ mời anh vào nhà.

Chiếc xe chở Jessie tiếp tục đi thêm tầm một trăm mét nữa và dừng lại trước một căn nhà hiện đại và thanh lịch, có một người gác cửa mặc đồng phục bước đến cúi chào và mở cửa cho cô. Richard không còn bối rối nữa, lúc này anh đã nổi giận. Anh nhảy ra khỏi xe và bước về phía cánh cửa cô vừa bước vào.

- Hết 95 xu, thưa cậu. - Một giọng nói vang lên phía sau anh.

- Ô, tôi xin lỗi! - Richard nói và cúi 5 đô cho tài xế, không đợi lấy tiền thừa.

- Cảm ơn nhé, anh bạn! - Tài xế nói - Hôm nay chắc chắn có người hạnh phúc.

Richard lướt qua người gác cửa đang muốn ngăn anh lại và rảo bước đuổi kịp Florentyna khi cô bước vào thang máy. Cô ngẩng ra nhìn anh, không nói nên lời.

- Cô là ai? - Richard gắng hỏi khi cửa thang máy đã đóng.

- Richard, - cô lắp bắp - em định nói hết với anh, nhưng em chưa tìm được cơ hội.

- Nói hết mọi chuyện để làm quái gì chứ. - Anh theo cô ra khỏi thang máy, đến cửa một căn hộ - Lừa tôi bằng biết bao lời dối trá suốt gần ba tháng. Được rồi, giờ đã đến lúc nói sự thật.

Trước đó, Florentyna chưa bao giờ thấy Richard tức giận, cô đoán anh rất hiếm khi tức giận. Anh cục cằn lao vào nhà trước cả cô khi cô vừa mở cửa, rồi nhìn quanh căn hộ. Ở cuối hành lang là một phòng khách lớn với tấm thảm phương Đông rất đẹp và mọi vật dụng đều hợp thời. Một

chiếc đồng hồ lớn, đẹp tuyệt vời, đứng đối diện chiếc bàn có bày một bát hoa tươi. Căn phòng rất đẹp, thậm chí sánh ngang với nhà Richard.

- Làm nhân viên bán hàng mà cô tự mua được một nơi đẹp đấy. - Anh nói - Tôi không biết gã nhân tình nào đã mua nó cho cô.

Florentyna tát anh mạnh đến nỗi lòng bàn tay cô cũng đau. - Anh dám nói thế à! - Cô quát - Ra khỏi nhà tôi ngay! - Khi thốt lên những lời ấy, cô đã bắt đầu khóc. Cô không muốn anh đi, chưa bao giờ muốn. Richard ôm chặt lấy cô.

- Ôi Chúa ơi, anh xin lỗi! - Anh nói - Đó là một lời khùng khiếp. Tha lỗi cho anh nhé. Chỉ vì anh yêu em rất nhiều và anh nghĩ mình đã biết rõ về em, rồi giờ anh nhận ra mình không hề biết gì về em cả.

- Richard ơi, em cũng yêu anh, em xin lỗi vì đã tát anh. Em vốn không định nói dối anh đâu. Em không hề có người nào khác. - Giọng cô đứt đoạn.

- Anh đáng bị đánh. - Anh nói và hôn lên trán cô.

Họ không nói thêm lời nào, chỉ ôm chặt lấy nhau rồi cùng lặng yên ngồi xuống đi vắng. Anh bắt đầu dịu dàng vuốt tóc cô đến khi những giọt lệ ngừng rơi. Cô luồn ngón tay qua khe hở giữa hai chiếc cúc áo trên cùng. Richard hình như không muốn tiến thêm bước nữa.

- Anh có muốn qua đêm với em không? - Cô thản nhiên hỏi.

- Không! - Anh đáp - Anh muốn thức cùng em.

Không nói thêm nữa, họ nhẹ nhàng trút bỏ quần áo của nhau, và lần đầu tiên hai người ân ái, nhẹ nhàng và bền lễn, chỉ sợ làm đau người kia, cố cho nhau được thỏa nguyện. Cuối cùng, Florentyna gối đầu lên vai anh.

- Anh yêu em! - Richard nói - Anh đã yêu em ngay từ khoảnh khắc đầu tiên anh nhìn thấy em. Em lấy anh nhé? Anh không quan tâm em là ai, Jessie ạ, hoặc em làm công việc gì, anh chỉ biết mình sẽ phải dành cả cuộc đời còn lại bên em.

- Em cũng muốn cưới anh, Richard ạ, nhưng trước hết em phải nói với anh sự thật.

Cô kéo chiếc áo khoác của Richard phủ lên thân thể của hai người và bắt đầu kể cho anh về mình, cô kết thúc câu chuyện ở lý do cô vào làm cho Bloomingdale. Khi cô kể xong, anh không nói gì.

- Anh hết yêu em rồi sao? - Cô hỏi - Giờ anh đã biết em thật ra là ai chưa?

- Em yêu à, - Richard nói rất bình thản - anh phải nói với em điều này. Cha anh có mối thù với cha em.

- Ý anh là sao?

- Lần duy nhất anh từng được nghe nhắc đến tên cha em là hồi ở nhà, cha anh đã nổi giận, ông nói rằng mục tiêu duy nhất của cả đời Abel Rosnovski là tiêu diệt gia đình Kane.

- Cái gì? Nhưng tại sao chứ? - Florentyna bị sốc - Em chưa bao giờ nghe nói về cha anh cả. Sao hai người lại biết nhau được? Chắc anh đã nhầm.

Đến lượt Richard thuật lại cho Florentyna mọi chuyện mẹ anh đã kể với anh nhiều năm qua về mối thù giữa hai người cha.

- Ôi Chúa ơi. Đó chắc hẳn là “Judas” cha em đã nhắc đến khi ông đổi ngân hàng sau hai mươi năm. - Cô nói - Chúng ta phải làm sao đây?

- Nói sự thật với hai người. - Richard nói - Chúng ta đã tình cờ gặp nhau, yêu nhau và sẽ cưới nhau, họ không thể làm gì khiến chúng ta đổi ý.

- Hãy đợi ít ngày nhé. - Florentyna.

- Tại sao? - Richard hỏi - Em nghĩ cha em có thể cấm em lấy anh không?

- Không bao giờ, anh yêu ạ! - Cô lại gối đầu lên vai anh - Nhưng hãy xem mình có thể làm cách nào để dần dần nói với họ mà không cần phải *xem như việc đã rồi*. Dù sao, có thể hai người không thấy nặng nề như anh tưởng đâu. Rút cục, như anh nói thì chuyện về công ty hàng không kia đã qua từ nhiều năm rồi.

- Hai người vẫn coi mọi chuyện còn rất nặng nề, anh có thể cam đoan điều đó với em. Cha anh sẽ giận đến tái người nếu ông ấy thấy mình ở bên nhau, chỉ riêng chuyện mình sẽ cưới nhau thôi đấy.

- Vậy càng nên để thêm một thời gian nữa trước khi mình cho họ biết sự thật. Hai người sẽ có thời gian để quyết định cách giải quyết chuyện này tốt nhất.

- Anh yêu em, Jessie. - Anh lại hôn cô.

- Là Florentyna.

- Lại thêm một khám phá mới anh sẽ phải làm quen. -
Anh nói - Anh yêu em, Florentyna.



Trong suốt bốn tuần tiếp theo, Florentyna và Richard tìm hiểu kỹ lưỡng nhất có thể về mối thù hận giữa hai người cha: Florentyna bay sang Chicago để hỏi mẹ mình, bà sống sót trước chủ đề này, và sau đấy cô đi lục vấn cha đỡ đầu của mình với một bộ câu hỏi được trình bày rất cẩn thận, ông George thể hiện nỗi thất vọng đối với thứ ông gọi là “nỗi ám ảnh của cha con”, Richard bắt đầu từ ngăn tủ hồ sơ của cha và một cuộc chuyện trò dài với mẹ, bà đã chỉ rõ cho anh thấy hai người thù hận lẫn nhau. Sau mỗi bí mật được làm sáng tỏ, cả hai càng thấy không thể có cách nào thật nhẹ nhàng để công khai tình yêu của mình.

Richard dành hết tâm sức để kéo Florentyna ra khỏi vấn đề mà cả hai biết cuối cùng mình sẽ phải đối mặt. Họ đi xem kịch, dành một buổi chiều đi trượt băng và những ngày Chủ nhật để đi dạo trong công viên Trung tâm, kết thúc vẫn luôn là nằm bên nhau rất lâu trước khi trời tối. Florentyna cùng Richard đến xem một trận đấu của đội Yankees New York mà cô “vẫn không thể hiểu”, và đến buổi hòa nhạc của dàn nhạc New York Philharmonic cô “say mê”. Cô không tin anh có thể chơi cello cho đến khi anh tặng cô một bản độc tấu trong chính căn hộ của cô. Cô vỗ tay nồng nhiệt lúc anh chơi xong tổ khúc ưa thích của nhạc sĩ Bach.

- Chúng mình sẽ phải sớm nói chuyện với hai người cha. - Anh nói và đặt thanh vĩ xuống bàn rồi ôm cô vào lòng.

- Em biết. Em chỉ không muốn làm tổn thương cha em.

- Anh cũng vậy. - Anh nói.

- Thứ Sáu tới, cha em sẽ từ Memphis về. - Cô tránh ánh mắt của anh.

- Vậy thứ Sáu nhé! - Richard ôm cô chặt hơn đến nỗi cô khó thở.

Richard trở về Harvard vào sáng thứ Hai và hai người vẫn trò chuyện qua điện thoại hàng đêm, kiên quyết một lòng cho rằng không gì ngăn được họ lúc này.



Thứ Sáu, Richard trở lại New York sớm hơn mọi khi và dành nguyên buổi tối hôm đó cho Florentyna tại căn hộ của cô. Ở đoạn giao giữa Đại lộ Park và Đường 57, họ dừng lại trước đèn báo “Không qua đường”, khi đó Richard quay sang Florentyna và lại một lần nữa hỏi cô có bằng lòng lấy anh không. Anh lấy ra chiếc hộp da nhỏ màu đỏ từ túi áo, mở hộp và đeo chiếc nhẫn vào ngón áp út tay trái của cô, một viên đá sapphire trên một vòng kim cương, đẹp đến mức làm Florentyna rơi nước mắt. Chiếc nhẫn rất vừa vặn với ngón tay cô. Người qua đường nhìn họ một cách lạ lùng khi họ đứng trong góc đường, ôm chặt lấy nhau, quên cả đèn giao thông đã chuyển sang màu xanh. Khi hai người đã nhận ra đèn báo được phép đi, họ hôn nhau trước khi chia tay và đi về hai hướng

ngược nhau để gặp cha mình. Cả hai đều đồng ý sẽ gặp lại nhau ở căn hộ của Florentyna ngay khi cuộc thử thách này kết thúc.

Florentyna đi bộ về khách sạn Nam Tước với vẻ quá quyết, cố mỉm cười qua làn nước mắt và thỉnh thoảng lại nhìn xuống chiếc nhẫn. Trông chiếc nhẫn thật mới mẻ và lạ lẫm trên ngón tay cô, cô hình dung những đôi mắt của mọi người đi ngang qua sẽ bị cuốn hút bởi viên đá sapphire diễm lệ, chiếc nhẫn còn đẹp hơn khi ở bên chiếc nhẫn cổ cô từng yêu thích. Cô chạm vào chiếc nhẫn và nó cho cô động lực, dù Florentyna biết bước chân mình mỗi lúc một nặng nề hơn khi về gần đến khách sạn.

Khi cô đến quầy tiếp tân, nhân viên nói cha cô đang ở trên gian phòng tầng thượng cùng George Novak và người ấy gọi điện báo cô đang lên. Thang máy lên tới tầng 42 rất nhanh, Florentyna cũng do dự trước khi ra khỏi thang máy. Cô đứng một mình ngoài hành lang một lúc trước khi nhẹ nhàng gõ cửa. Abel ra mở cửa ngay.

- Florentyna, thật bất ngờ! Vào đi con gái. Cha không nghĩ hôm nay lại được gặp con.

George Novak đang đứng bên cửa sổ, nhìn xuống Đại lộ Park. Ông quay ra chào con gái đỡ đầu. Ánh mắt Florentyna van nài ông hãy rời khỏi đây. Nếu ông ở lại, cô biết mình sẽ mất hết can đảm. Đi đi cha, cha đi đi, cô nhủ thầm. George lập tức cảm nhận được vẻ hồi hộp của cô.

- Tôi phải trở lại làm việc đây, Abel. Có vị hoàng tử Ấn Độ khỉ gió nào đó đặt phòng tối nay.

- Cứ bảo ông ta buộc con voi của mình ở khách sạn Plaza nhé. - Abel cười - Giờ Florentyna đến rồi, ở lại đây và uống rượu tiếp nhé.

George nhìn Florentyna, nhưng thông điệp vừa nãy vẫn hiện rõ.

- Không, Abel ạ, tôi phải đi. Hắn ta bao trọn tầng 33. Ít ra hắn cũng sẽ mong Phó Chủ tịch chào đón mình chứ. Gặp lại con sau nhé, bé Kum! - Ông hôn lên má con gái và khẽ nắm lấy tay cô như thể ông đã biết cô cần sức mạnh. Ông vừa đi khỏi, Florentyna lại ước gì ông ở lại.

- Cửa hàng Bloomingdale thế nào rồi? - Abel hỏi, trều mếu vuốt mái tóc cô - Con có bảo họ là họ sẽ mất một phó giám sát tốt nhất trong nhiều năm qua không? Họ chắc sẽ chết đứng khi nghe nói công việc tiếp theo của Jessie Kovats là khai trương khách sạn Nam Tước Edinburgh. - Ông cười vang.

- Con sẽ lấy chồng. - Florentyna e thẹn đưa tay trái lên. Cô không biết nên nói thêm lời nào, nên cô chỉ còn đợi phản ứng của cha.

- Cũng hơi bất ngờ đấy nhỉ? - Abel chỉ hơi ngạc nhiên.

- Không hẳn, cha ạ! Con đã biết anh ấy một thời gian rồi.

- Cậu ấy là người ở đâu? Lý lịch cậu ấy thế nào? Người Ba Lan hả? Sao lâu nay con kín tiếng về cậu ấy thế, Florentyna?

- Anh ấy không phải người Ba Lan, cha ạ! Anh ấy là con trai một chủ ngân hàng.

Mặt Abel trắng bệch và ông cầm ly rượu lên, uống một hơi hết sạch. Florentyna biết chính xác ông sẽ nghĩ đến điều gì khi ông tự rót một ly nữa, nên cô vội nói ra sự thật.

- Tên anh ấy là Richard Kane.

Abel quay ngoắt lại phía cô.

- Con trai của William Kane? - Ông gắng hỏi.

- Vâng ạ!

- Con nghĩ sao khi lấy con trai của William Kane? Con có biết kẻ đó đã gây ra chuyện gì cho cha không?

- Con cũng nghĩ đến điều đó.

- Con không biết đâu. - Abel gào lên và buông ra một tràng chửi rủa tưởng chừng không có hồi kết, chỉ để cho Florentyna tin cha mình đã nổi điên. Cuối cùng, cô ngắt lời ông.

- Những điều cha nói, không còn gì con không biết.

- *Không còn gì sao?* - Ông quát lên - Mà có biết William Kane đã khiến người bạn thân nhất của tao phải chết không? Hắn khiến Davis Leroy phải tự tử và khi chưa thỏa mãn, hắn còn tìm cách hại tao phá sản. Nếu David Maxton không đến cứu tao, tay Kane ấy sẽ lấy đi khách sạn của tao và bán phăng ngay. Bây giờ tao sẽ ở đâu nếu nó đạt được mục đích? Mà thì liệu có may mắn được là một nhân viên bán hàng ở cửa hàng Bloomingdale? Mà có nghĩ về những điều đó không hả, Florentyna?

- Có, cha ạ, con đã nghĩ thêm vài chuyện khác nữa trong những tuần qua. Richard và con đều sợ hãi trước mối thù giữa cha và cha anh ấy. Anh ấy đang nói chuyện với cha mình rồi.

- Vậy à, tao có thể nói cho mày biết hắn sẽ phản ứng thế nào, - Abel nói - hắn sẽ nổi điên. Tên đó sẽ không bao giờ

để thằng con trai quý giá của mình lấy mày đầu, nên mày cũng nên quên cái ý tưởng điên rồ ấy đi. - Ông lại quát lên.

- Con không thể quên, cha ạ! - Giọng cô đều đều - Chúng con yêu nhau, và chúng con cần cha chúc phúc, không cần cha nổi giận.

- Con nghe cha này, Florentyna, - gương mặt Abel lúc này đỏ lên vì phẫn nộ - cha cấm con gặp lại nó. Con nghe rõ chưa?

- Vâng, con nghe rõ rồi. Nhưng con sẽ không rời xa Richard vì cha thù hận cha anh ấy đầu. - Cô nắm chặt ngón tay đeo nhẫn và khẽ run lên.

- Sẽ không có chuyện đó, - Abel nói, mặt ông càng đỏ hơn - tao sẽ không bao giờ đồng ý đám cưới ấy. Con gái tao lại bỏ tao vì con trai của thằng khốn Kane. Tao nói là mày sẽ không được cưới nó.

- Con sẽ không bỏ cha. Con sẽ bỏ đi cùng anh ấy nếu đúng là con từ bỏ cha, nhưng không bao giờ con có thể cưới một ai đó mà không có mặt cha. - Cô thấy giọng mình run lên - Nhưng con hơn hai mốt tuổi rồi và con sẽ cưới Richard. Làm ơn đi cha, cha sẽ không gặp anh ấy ư? Gặp rồi cha sẽ hiểu tại sao con yêu anh ấy.

- Nó sẽ không bao giờ được bước chân vào cái nhà này. Tao không muốn gặp bất cứ đứa con nào của William Kane. Không bao giờ, mày nghe chưa?

- Vậy cha không cho con lựa chọn nào khác ngoài việc lựa chọn giữa cha và anh ấy ư?

- Florentyna, nếu mày cưới thằng đó, tao sẽ cắt hết từng xu của mày. Không một xu nào, nghe chưa? - Giọng ông dịu

lại - Hãy dùng lương tri của con đi, con gái, con sẽ quên được nó thôi. Con còn trẻ, và có rất nhiều đàn ông khác sẵn sàng muốn cưới con.

- Con không muốn nhiều người khác làm gì. - Florentyna nói - Con đã gặp người đàn ông con sẽ cưới làm chồng, và anh ấy không có lỗi khi là con của cha mình. Hai đứa con đâu có chọn được cha của mình.

- Nếu gia đình này còn chưa đủ tử tế với mày, thì cứ đi đi.
- Abel gầm lên - Và tao thề tao sẽ không cho ai nhắc tên mày trước mặt tao. - Ông quay đi và nhìn chằm chằm ra cửa sổ.

- Cha ơi, chúng con sẽ cưới nhau. Dù cả hai chúng con đã qua giai đoạn cần sự ủng hộ của cha, chúng con vẫn phải xin cha ưng thuận.

Abel quay lại.

- Mày có thai rồi ư? Đó là lý do sao?

- Không phải, cha ạ!

- Mày ngủ với nó rồi sao?

Câu hỏi ấy làm Florentyna sững sờ, nhưng cô không do dự nữa.

- Vâng, - cô đáp - nhiều lần rồi.

Abel vung tay lên và tát thẳng vào mặt cô. Máu chảy xuống cằm và cô suýt ngã. Cô quay đi, chạy ra khỏi phòng và ấn nút thang máy. Cánh cửa mở và George bước ra. Cô thoáng trông thấy vẻ mặt sững sốt của ông khi cô bước nhanh vào thang máy rồi ấn đi ấn lại nút đóng cửa. Trong khi George đứng đó nhìn cô khóc, cánh cửa chậm chậm đóng lại và cô biến mất khỏi tầm mắt ông.

Florentyna bắt xe đến thẳng căn hộ của mình. Trên đường đi, cô lấy một miếng vải mỏng chấm chỗ lưới bị rách. Richard đã ở đó, ngay lối vào, anh đứng cúi đầu vói về khổ sở. Cô nhảy ra khỏi xe và chạy đến bên anh. Vừa lên tầng, cô đã mở cửa và vội vã bước vào để cảm nhận sự an toàn thư thái.

- Em yêu anh, Richard!

- Anh cũng yêu em! - Anh vừa nói vừa dịu dàng vòng tay ôm lấy cô.

- Em sẽ không hỏi về phản ứng của cha anh đâu. - Cô mạnh mẽ ôm chặt lấy anh.

- Anh chưa bao giờ thấy ông ấy nổi giận như vậy. - Richard nói - Ông ấy bảo cha em là kẻ dối trá và lừa đảo, một tên Ba Lan nhập cư ngạo mạn. Ông ấy hỏi anh tại sao không muốn cưới ai khác cùng tầng lớp với mình.

- Anh trả lời thế nào?

- Anh bảo ông ấy: Con gái của những gia đình bạn bè môn đăng hộ đối cũng không thể thay thế được người tuyệt vời như em, và ông ấy hoàn toàn mất bình tĩnh. Ông ấy dọa sẽ cắt mọi khoản tiền của anh nếu anh cưới em. - Anh tiếp tục - Khi nào họ sẽ hiểu chúng ta không quan tâm đến tiền của họ? Anh cố xin mẹ nói đỡ cho, nhưng ngay cả bà ấy cũng không thể kiểm soát được con giận của cha. Ông ấy ra lệnh cho mẹ anh ra khỏi phòng. Anh chưa bao giờ thấy ông ấy cư xử với mẹ anh như vậy. Mẹ anh khóc, như vậy chỉ khiến quyết định của anh vững vàng hơn thôi. Anh bỏ đi trong khi cha anh còn chưa nói xong. Có Chúa chứng giám,

anh hy vọng cha anh không trút lên đầu Virginia và Lucy. Khi em nói với cha thì ông bảo sao?

- Ông ấy đánh em. - Florentyna thản nhiên nói - Lần đầu tiên trong đời đấy. Em nghĩ ông sẽ giết anh nếu thấy mình ở bên nhau. Richard, anh yêu này, chúng mình phải đi khỏi đây trước khi cha em tìm ra chúng ta, ông ấy chắc chắn sẽ tìm đến căn hộ này trước tiên. Em sợ lắm.

- Không phải sợ đâu, Florentyna ạ! Chúng mình sẽ đi ngay tối nay và đi càng xa càng tốt, không cần đến hai người ấy nữa.

- Anh có thể nhanh chóng chuẩn bị hành lý không? - Florentyna hỏi.

- Không thể rồi. Giờ đây anh có thể không bao giờ quay lại nhà được nữa. Em sắp xếp ít đồ đi, rồi mình sẽ đi ngay. Anh có khoảng 100 đô trong người và cây cello của anh vẫn còn trong phòng ngủ của em. Em cảm thấy thế nào khi cưới một người đàn ông chỉ có 100 đô, công việc sắp tới sẽ là kéo đàn ở những góc phố?

- Em cho là một cô bán hàng chỉ hy vọng có vậy thôi. - Florentyna vừa nói vừa lục túi - Và mơ mình trở thành người phụ nữ được bao bọc. Chắc chắn anh mong của hồi môn. Xem nào, em có 212 đô và một thẻ Tấc hành của Mỹ. Anh nợ em 56 đô, Richard Kane ạ, nhưng em sẽ coi như anh trả mỗi năm 1 đô.

Ba mươi phút sau Florentyna xếp đồ xong. Cô ngồi xuống bàn làm việc, viết nhanh mấy dòng và để lại trên chiếc bàn cạnh giường.

Richard gọi một chiếc xe. Florentyna thấy nhẹ lòng khi trong con bĩ cực mà anh vẫn bình tâm, cô cảm thấy tự tin hơn.

- Đi Idelwild. - Anh nói, sau khi đã xếp ba va li của Florentyna và chiếc cello của mình vào sau xe.

Ở sân bay, anh đặt hai vé đi San Francisco, hai người chọn thành phố của cầu Cổng Vàng chỉ vì nhìn trên bản đồ thì địa điểm này cách xa New York nhất.

7 rưỡi tối, chiếc máy bay Super Constellation 1094 di chuyển trên đường băng và bắt đầu chuyến bay kéo dài bảy tiếng. Richard giúp Florentyna thắt dây an toàn. Cô mỉm cười với anh.

- Ông có biết tôi yêu ông nhiều thế nào không, ông Kane?

- Có, tôi nghĩ mình biết, bà Kane ạ. - Anh đáp.

Abel và George đến căn hộ của Florentyna sau khi cô và Richard lên đường ra sân bay được vài phút. Ông hối hận vì đã tát con gái mình. Ông đã không nghĩ cuộc đời sẽ ra sao khi thiếu đứa con gái độc nhất. Nếu ông có thể gặp cô trước khi quá muộn, bằng những lời thuyết phục ôn tồn, ông có thể vẫn khuyên cô không nên cưới con trai của Kane. Ông sẵn lòng cho cô bất cứ thứ gì, *bất cứ thứ gì*, để cuộc hôn nhân ấy không xảy ra.

George bấm chuông đến lần thứ hai nhưng không ai mở cửa nên Abel dùng đến chiếc chìa khóa Florentyna để lại cho ông phòng khi có chuyện khẩn cấp. Hai người tìm khắp các phòng nhưng không hy vọng tìm được cô.

- Con bé chắc vừa đi khỏi thôi. - George nói khi ông và Abel vào phòng ngủ.

- Đúng thế, nhưng đi đâu chứ? - Abel mở những ngăn kéo bàn trống trơn. Rồi ông phát hiện ra chiếc phong bì gửi cho ông trên bàn cạnh giường. Ông nhớ lại lần cũng có một

bức thư gửi cho ông cạnh một chiếc giường còn nguyên nếp không ai ngủ. Ông xé phong bì.

Cha yêu quý!

Xin hãy tha lỗi cho con vì đã bỏ đi, nhưng con yêu Richard và sẽ không rời xa anh ấy vì mối thù của cha với cha anh ấy. Chúng con sẽ cưới nhau, và hai người sẽ không thể làm gì để ngăn cản đám cưới ấy được. Nếu cha tìm cách làm hại anh ấy, cha sẽ làm hại cả con.

Chúng con đều không có ý định trở lại New York cho đến khi mối thù vô nghĩa giữa gia đình mình và gia đình Kane chấm dứt. Con yêu cha nhiều hơn cha từng biết, và con sẽ luôn biết ơn cha về tất cả những gì cha dành cho con.

Con cầu mong tình cảm cha con sẽ không kết thúc ở đây, nhưng cha phải hiểu ra rằng: “Đừng bao giờ tìm gió trên cánh đồng. Thật vô ích khi cố tìm kiếm những điều đã mất”.

Con gái yêu của cha!

Florentyna

Abel ngồi thụp xuống giường và đưa bức thư cho George. Khi George đọc, ông hỏi vô vọng:

- Tôi còn có thể làm được gì không?

- Có, George ạ! Tôi muốn con gái mình quay về, dù như vậy tức là tôi phải ngồi lại với tên khốn Kane ấy. Tôi chỉ chắc chắn một điều: Hấn cũng sẽ muốn ngăn đám cưới này dù có phải hy sinh bất cứ thứ gì. Gọi điện cho hấn đi.

George mất một lúc mới tìm được số nhà riêng của William Kane vì không nằm trong danh bạ. Nhân viên bảo

vệ đêm ở Ngân hàng Lester cuối cùng đã chịu cho ông số khi George một mực bảo đây là chuyện hệ trọng trong gia đình. Abel ngồi im lặng trên giường, lá thư của Florentyna vẫn trên tay ông, ông đọc lại lần nữa câu ngân ngữ Ba Lan ông đã dạy cô khi còn là một cô bé và giờ đây cô lại viện dẫn câu ấy với ông. Khi George gọi được đến nhà Kane, một giọng nói nghiêm trang trả lời điện thoại.

- Tôi có thể nói chuyện với ông William Kane được không? - George.

- Tôi có thể biết ai là người gọi không ạ?

- Ông Abel Rosnovski. - George nói.

- Để tôi xem ông ấy có nhà không, thưa ông.

- Tôi nghĩ đó là quản gia của Kane. Ông ta đi tìm hân rồi. - George vừa nói vừa chuyển ống nghe cho Abel. Abel đợi, những ngón tay ông lại gõ lên mặt bàn bên cạnh.

- Tôi là William Kane đây!

- Tôi là Abel Rosnovski đây.

- Thật sao? - Giọng William lạnh như băng - Và chính xác là từ khi nào ông nghĩ đến chuyện tác hợp cho con gái mình với con trai tôi? Chắc chắn đó là khi ông thấy rõ mình không tài nào phá hoại ngân hàng của tôi được.

- Đừng có nói cái giọng đó... - Abel cố kiềm chế - Tôi ngăn cản đám cưới của chúng nó giống như ông vậy. Hôm nay tôi mới biết về con trai ông. Tôi yêu con gái tôi còn nhiều hơn tôi căm ghét ông đấy, và tôi không muốn mất nó. Chúng ta không thể ngồi lại với nhau và cùng tìm ra giải pháp sao?

- Không! - William nói - Ngày trước, tôi đã hỏi ông câu hỏi đó một lần, ông Rosnovski ạ, và ông đã nói rất rõ địa điểm và thời gian chúng ta sẽ gặp nhau mà.

- Giờ còn hơi quá khứ lên để làm gì, ông Kane? Nếu ông biết chúng nó ở đâu, có thể chúng ta sẽ ngăn được chúng. Ông cũng muốn vậy mà. Hoặc ông tự kiêu đến mức sẽ đứng ngoài nhìn con trai mình cưới con gái tôi mà không thêm giúp...

Điện thoại ngắt khi ông nói đến chữ *giúp*. Abel gục mặt vào hai bàn tay và khóc. George đưa ông về khách sạn Nam Tước. Qua đêm đó và sang ngày hôm sau, Abel tận dụng toàn bộ tầm ảnh hưởng của mình và gọi cho mọi số điện thoại có thể để tìm cho ra Florentyna. Ông thậm chí gọi cả cho mẹ cô, bà rất thích thú khi cho ông biết con gái đã kể với bà tất cả về Richard Kane cách đây không lâu.

- Cậu ấy có vẻ tử tế mà. - Bà nói thêm.

- Bà biết chúng nó hiện ở đâu không? - Abel gần giọng.

- Có, tôi biết chứ.

- Ở đâu?

- Ông tự tìm đi. - Một tiếng dập máy nữa.

Trong suốt những ngày tiếp theo, Abel đăng tin trên báo, thậm chí trả tiền cho nhà đài. Ông tìm cách đưa cảnh sát vào cuộc nhưng họ chỉ đưa ra một hiệu lệnh chung vì Florentyna đã hai mốt tuổi rồi. Cuối cùng, ông đành cam chịu trước khả năng con gái mình đã cưới con trai của Kane khi ông tìm được cô.

Ông đọc lại lá thư của cô nhiều lần, ông quyết định dù thế nào cũng sẽ không bao giờ tìm cách làm tổn thương đến chàng trai kia. Nhưng còn cha cậu ta lại là chuyện khác. Abel Rosnovski gần như đã quỳ xuống cầu xin kẻ đó và hẳn thậm chí không thèm nghe. Ngay khi cơ hội đến, ông sẽ kết liễu William Kane một lần sau cùng.

George dậm sọt trước vẻ dữ dội của ông bạn lâu năm khi đưa ra quyết định. - Tôi sẽ hủy chuyến đi châu Âu của ông nhé? - Ông hỏi.

Abel gần như quên mất Florentyna đã lên kế hoạch đi cùng ông sang châu Âu khi cô kết thúc hai năm làm việc ở cửa hàng Bloomingdale vào cuối tháng này. Cô đã định khai trương hai khách sạn Nam Tước ở Edinburgh và Cannes.

- Không thể hủy được. - Ông đáp, dù lúc này ông không quan tâm ai sẽ khai trương khách sạn và hai khách sạn ấy có được khai trương hay không - George này, trong khi tôi đi vắng, tiếp tục tìm kiếm Florentyna nhé. Nhưng nếu ông tìm được nó, đừng cho nó biết. Nó chắc chắn không nghĩ tôi lại cử người theo dõi nó, con bé sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi nếu nó biết. Lợi thế duy nhất của ông có thể là Zaphia, nhưng hãy cẩn thận, vì chắc chắn bà ta sẽ tận dụng mọi chuyện vừa xảy ra.

- Ông có muốn Osborne xử lý chứng khoán của Lester không?

- Không, không làm gì lúc này cả. Bây giờ không phải thời điểm thích hợp để kết liễu Kane. Khi tôi ra tay, tôi

muốn chắc chắn hẳn không thể ngóc đầu dậy. Tạm thời để cho tên Kane ấy được yên. Lúc này, hãy tập trung tìm kiếm Florentyna.



Ba tuần sau đó, Abel khai trương khách sạn Nam Tước Edinburgh. Khách sạn trông rất lộng lẫy ở trên ngọn đồi vươn cao giữa *Athens của phương Bắc*¹. Một thời gian dài trước khi Abel khai trương một khách sạn mới, ông hay tự mình xử lý tất cả mọi chuyện vì ông biết chính những chuyện nhỏ nhặt sẽ làm phiền lòng khách hàng: Một vụ chập điện không đáng kể do những tấm thảm nylon gây ra khi ai đó chạm vào công tắc đèn, dịch vụ phòng sau bốn mươi phút mới xuất hiện hoặc là họ còn đang ngủ vùi trên gối...

Báo chí đã mong Florentyna, con gái của Nam tước Chicago, tiến hành lễ khai trương khách sạn, một nhà bình luận hay đưa tin vệt trên tờ *Sunday Express* có bóng gió nói về một vết rạn trong gia đình và cho hay Abel lâu nay không được khỏe mạnh, hoạt bát như mọi khi. Abel yếu ớt bác bỏ luận điểm đó, cho rằng mình đã hơn năm mươi tuổi - không ở tuổi còn hoạt bát nữa, một nhân viên quan hệ công chúng của ông đã khuyên ông nói như vậy. Báo giới vẫn không thỏa mãn, hôm sau tờ *Daily Mail* in tấm ảnh chụp một tấm thẻ bằng đồng khắc chữ đã bị bỏ đi và được tìm thấy trong thùng rác phía sau khách sạn, trên đó có chữ:

¹ Biệt hiệu của thành phố Edinburgh.

Khách sạn Nam Tước Edinburgh
do Florentyna Rosnovski khai trương
Ngày 17 tháng Mười năm 1956

Abel bay sang Cannes. Một khách sạn hoành tráng nữa, lần này nhìn ra Địa Trung Hải, nhưng không giúp ông quên nỗi Florentyna. Một tấm thẻ nữa bị bỏ đi, tấm này viết bằng tiếng Pháp.

Abel bắt đầu thấy sợ khi nghĩ mình có thể phải mất cả phần đời còn lại để tìm con gái. Để triệt tiêu nỗi cô đơn, ông ngủ với một số người đàn bà rất sang trọng và thậm chí cả tầm thường. Cũng không thay đổi được gì. Người duy nhất ông thật tâm lo lắng giờ đã thuộc về con trai của William Kane.

Nước Pháp không còn làm cho ông hứng thú nữa, ngay khi xong công việc, ông bay ngay sang Bonn, ở đó, ông đàm phán mua một miếng đất để xây khách sạn Nam Tước đầu tiên tại nước Đức. Ông vẫn giữ liên lạc thường xuyên với George qua điện thoại nhưng Florentyna vẫn biệt tích. Và có một vài thông tin không hay liên quan đến Henry Osborne.

- Ông ta lại nợ ngập đầu, nợ đám người cá ngựa chuyên nghiệp. - George nói.

- Lần trước tôi đã cảnh báo ông ta là tôi sẽ không bảo lãnh cho ông ta nữa. - Abel nói - Ông ta đã thành kẻ vô dụng từ khi mất ghế trong Quốc hội. Tôi sẽ xử lý khi tôi quay về.

- Ông ta còn buông lời đe dọa. - George bảo.

- Dọa thì có gì lạ lắm? Trước giờ tôi chưa từng để những lời dọa dẫm làm mình lo sợ. - Abel nói - Bảo ông ta dù ông có muốn gì đi nữa, hãy cứ đợi đến khi tôi quay về.

- Ông định khi nào về?

- Ba tuần, nhiều nhất là bốn tuần. Tôi muốn xem một vài mảnh đất ở Thổ Nhĩ Kỳ và Ai Cập. Hilton và Marriot đã bắt đầu xây dựng khách sạn ở đó và tôi cần tìm ra lý do.

Abel mất hơn ba tuần để tìm vị trí cho các khách sạn tại những quốc gia Ả Rập. Ông có rất nhiều cố vấn, phần lớn đều nhận mình mang tước hiệu Hoàng tử và đảm bảo với ông rằng họ có tầm ảnh hưởng rõ rệt dưới tư cách một người anh họ hoặc một người bạn thân giao của những vị Bộ trưởng chủ chốt. Tuy nhiên, đó luôn là vị Bộ trưởng không có thật hoặc một người họ hàng quá xa. Abel không phản đối chuyện dứt lốt, miễn là tiền đó được bỏ đúng chỗ và tiền hối lộ ở Trung Đông có vẻ được chấp nhận như một phần của văn hóa kinh doanh. Ở Mỹ, đó là chuyện tế nhị hơn, nhưng Henry Osborne thì luôn biết cần phải quan tâm đến vị quan chức nào. Sau hai mươi ba ngày ở giữa bụi, cát và mồ hôi, với một cốc soda không có whiskey, Abel đi đến kết luận vững chắc duy nhất: Nếu các cố vấn của ông dự đoán đúng về tầm quan trọng trong tương lai của trữ lượng dầu mỏ Trung Đông, các quốc gia vùng Vịnh sẽ cần rất nhiều khách sạn và Tập đoàn Nam Tước cần lên kế hoạch ngay, nếu không sẽ bị tụt hậu.

Abel bay sang Istanbul, ông lập tức tìm được vị trí đắc địa để xây dựng một khách sạn trông ra eo biển Bosphorus, chỉ cách Lãnh sự quán Anh tầm một trăm mét. Khi đứng trên mảnh đất cần cỗi mới mua được, ông nhớ lại lần trước khi ông đến đây. Ông nắm chặt chiếc vòng bạc đã cứu mạng

minh. Ông có thể nghe lại tiếng la hét của đám đông - đến giờ vẫn làm ông sợ hãi và ghê tởm dù đã hơn ba mươi năm trôi qua.

Một hôm sau những chuyến đi, Abel lại quay về New York. Trong suốt hành trình bất tận ấy, ông không nghĩ đến điều gì ngoại trừ Florentyna. Vẫn như mọi khi, George đang đợi gặp ông ngoài cổng hải quan. Về mặt ông không biểu lộ điều gì.

- Có tin tức gì không? - Abel vừa hỏi vừa vào ngồi ghế sau của chiếc Cadillac trong khi tài xế xếp đồ của ông vào thùng xe.

- Cả tin tốt lẫn tin xấu. - George nói, ông bấm một cái nút, một tấm kính trượt lên ngăn phần không gian của hành khách tách hẳn với phần của tài xế - Florentyna đã liên lạc với Zaphia. Con bé đang sống trong một căn nhà nhỏ ở San Francisco với một số người bạn cũ từ hồi ở trường Radcliffe.

- Đã làm đám cưới? - Abel hỏi.

- Đúng thế.

Hai người ngừng lại một lát.

- Còn thằng con trai nhà Kane?

- Cậu ta tìm được công việc ở ngân hàng. Hình như có rất nhiều nơi đã gây khó dễ cho cậu ta, một phần vì có tin cậu ta chưa học xong chương trình ở Trường Kinh doanh Harvard, nhưng chủ yếu là do họ sợ thuê cậu ta thì họ sẽ bất hòa với cha cậu ấy. Cuối cùng, Ngân hàng Mỹ Quốc đã thuê cậu ta về làm thủ quỹ. Với những tiêu chuẩn sẵn có, đó là vị trí thấp hơn những gì cậu ta có thể mong đợi.

- Còn Florentyna?

- Nó đang làm trợ lý điều hành cho một cửa hàng thời trang mang tên Wayout Columbus gần Công viên Cổng Vàng. Nó cũng đang vay tiền từ nhiều ngân hàng.

- Tại sao? Nó gặp khó khăn gì à? - Abel lo lắng hỏi.

- Không, nó tìm vốn để mở cửa hàng của riêng mình.

- Nó đang hỏi vay bao nhiêu?

- Nó cần 34 nghìn đô để thuê một tòa nhà nhỏ ở Đồi Nob.

Abel ngẫm nghĩ về những thông tin của George, những ngón tay ngắn của ông gõ nhịp lên cửa sổ xe.

- Làm sao để nó có tiền đi, George. Cứ làm như đó là một khoản vay ngân hàng bình thường và đảm bảo nó không thể lần ra tôi.

- Tôi sẽ làm theo ý ông, Abel.

- Nhớ liên tục thông báo cho tôi về mọi hoạt động của nó, trừ những việc không quan trọng.

- Còn cậu kia thì sao?

- Tôi không quan tâm đến nó. - Abel nói - Nào, tin xấu là gì?

- Thêm rắc rối với Henry Osborne. Có vẻ ông ta đang nợ cả thành phố này rồi. Tôi cũng phần nào nắm được nguồn thu nhập duy nhất của ông ta lúc này chính là ông. Ông ta vẫn đang đe dọa sẽ cho các nhà cầm quyền biết ông đã thực hiện nhiều vụ hối lộ trong những ngày đầu ông nắm Tập đoàn và ông ta đã bố trí một khoản tiền ngoại lệ sau vụ hỏa hoạn ở khách sạn Richmond cũ tại Chicago. Ông ta còn nói mình nắm được mọi chi tiết từ ngày ông ta

gặp ông, giờ ông ta đang giữ trong tay một tập tài liệu dày ba tấc.

- Sáng mai tôi sẽ làm việc với ông ta. - Abel nói.

Thời gian còn lại của chuyến đi, George đến Manhattan để Abel cập nhật được những công việc còn lại trong Tập đoàn. Tất cả đều như ý muốn, ngoại trừ việc khách sạn Nam Tước Lagos bị thôn tính sau một vụ đảo chính nữa. Các vụ đảo chính chưa bao giờ làm Abel lo ngại. Những người chiến thắng nhanh chóng nhận ra họ không phải những ông chủ khách sạn, họ cần những vị khách nếu họ hy vọng thu được tiền để bỏ vào túi riêng.

Sáng hôm sau, Henry Osborne đến gặp Abel. Trông lão ta già nua và xõa xượi, khuôn mặt ngày nào còn đẹp đẽ và nhẵn nhụi thì nay đã nhăn nheo đến thảm hại. Lão không đề cập đến tập tài liệu dày ba tấc kia.

- Tôi cần hỗ trợ một chút để qua khỏi thời kì khó khăn này. - Osborne nói - Vẫn hơi kém may mắn.

- Lại nữa à, Henry? Ở tuổi của ông, ông cần sáng suốt hơn đấy. Ông sinh ra đã là một kẻ thất bại trong chuyện ngựa và đàn bà. Lần này thì ông cần bao nhiêu đây?

- 10 nghìn đô sẽ cứu được tôi. - Henry nói.

- 10 nghìn! - Abel thốt lên - Ông nghĩ tôi là ai, mỗ vàng à? Lần trước chỉ có 5 nghìn thôi nhé.

- Lạm phát mà. - Henry nói và cố cười vang.

- Đây là lần cuối cùng nhé, ông hiểu ý tôi chứ? - Abel vừa nói vừa rút tập chi phiếu ra - Ông Henry, nếu ông còn đến cầu cạnh tôi một lần nữa, tôi sẽ loại ông ra khỏi Ban giám đốc và tống cổ ông đi mà không có một xu nào.

- Abel, ông quả là một người bạn chân tình. Tôi thề tôi sẽ không bao giờ xin ông thêm một xu nào nữa. Không bao giờ nữa. - Lão chộp lấy hộp xì gà hiệu *Romeo y Julieta* từ chiếc hộp hút ẩm trên bàn làm việc của Abel - Cảm ơn ông Abel. Ông sẽ không bao giờ phải hối hận về quyết định này.

Osborne ra khỏi nhà và bỏ đi. Abel đợi cho cánh cửa đóng lại rồi cho gọi George. Lát sau, ông ta xuất hiện.

- Lần này ông ta muốn bao nhiêu đấy? - George hỏi.
- 10 nghìn, - Abel nói - nhưng tôi bảo đây là lần cuối cùng.
- Ông ta sẽ trở lại đấy. - George nói - Tôi cá là như vậy.
- Sẽ không đâu. - Abel nói - Tôi hết nợ ông ta rồi. Dù trong quá khứ ông ta từng làm gì giúp tôi đi nữa, giờ cũng hết nợ rồi. Có tin gì mới về con gái tôi không?

- Nó ổn, nhưng có vẻ ông đã nói đúng về Zaphia. Bà ấy vẫn đều đặn đi Bờ Tây gặp hai đứa.

- Chết tiệt. - Abel rửa.
- Bà Kane cũng đã đến đó vài lần. - George nói thêm.
- Còn Kane?
- Ông ta không có vẻ động lòng.
- Đó là điểm chung của tôi và hắn. - Abel nói.
- Tôi vừa tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Florentyna ở Ngân hàng Quốc gia Crocker tại San Francisco. - George nói tiếp - Con bé có một cuộc gặp với nhân viên phụ trách vay nợ vào thứ Hai tới. Hợp đồng sẽ chăm sóc nó như một trong số những giao dịch vay nợ bình thường của ngân hàng, không có ưu đãi đặc biệt nào. Thực tế, người ta tính nó thêm nửa phần trăm so với thường lệ, nên nó không có

lý do gì để nghi ngờ cả. Nó sẽ không được biết khoản vay này do chính ông bảo đảm.

- Cảm ơn ông, George ạ, vậy là ổn rồi. Tôi cá với ông mười đô, nó sẽ trả hết khoản tiền đó trong vòng hai năm và không bao giờ cần vay thêm nữa.

- Tôi muốn đánh cược năm ăn một về chuyện này. - George nói - Tại sao ông không thử với Henry, ông ta giống một kẻ khờ khạo hơn đây.

Abel cười.

- George, nhớ liên tục báo cho tôi mọi bước đi của nó. Mọi bước đi!

William vẫn thấy bản khoán sau khi đọc được bản báo cáo hàng quý của Thaddeus Cohen. Tại sao Rosnovski không động tới cổ phần của ông ta ở Ngân hàng Lester? Với 2% cổ phần nữa là ông ta có thể viện dẫn Điều 7 trong nội quy của Ngân hàng Lester và giành được một vị trí trong Ban giám đốc. Ông rùng mình trước ý nghĩ ấy. Thật khó tin khi ông lại e sợ trước những quy định của Ủy ban Chứng khoán và thị trường Chứng khoán, đặc biệt là khi chính quyền Eisenhower không hề quan tâm tái điều tra vụ việc.

William như bị thôi miên khi đọc được tin Henry Osborne một lần nữa gặp rắc rối về tài chính và Rosnovski vẫn bảo lãnh cho lão ta. Ông chỉ còn biết tự hỏi chuyện đó còn kéo dài bao lâu nữa, và Osborne đã làm được gì cho Rosnovski để lão ta có thể không ngừng vùi thêm tiền. Có phải Rosnovski cũng có những vấn đề của riêng mình? Có phải con gái ông ta một mực muốn ông ta trút bỏ mối thù một lần và mãi mãi,

hoặc ông ta cũng đã cắt bỏ mọi khoản tiền của con mình? Tài liệu của Cohen cũng bao gồm một bản cập nhật về mọi hoạt động của Tập đoàn Nam Tước. Khách sạn Nam Tước London đang thất thoát tiền bạc và khách sạn Nam Tước Lagos đã mất quyền làm chủ, nếu không, cả công ty đã tiếp tục lớn mạnh, trong khi đó Rosnovski đang xây dựng tám khách sạn mới ở khắp thế giới. William đọc lại bài báo được cắt ra từ tờ *Sunday Express*, Florentyna Rosnovski không hề khai trương khách sạn Nam Tước Edinburgh. Ông nghĩ về con trai mình. Ông gập bản báo cáo lại và cất vào tủ.

William hối hận vì đã mất tự chủ trước mặt Richard. Dù ông không muốn cô con gái nhà Rosnovski trở thành vợ anh, nhưng ông mong mình đừng kiên quyết quay lưng lại với người con trai độc nhất. Kate đã xin cho Richard, và hai người tranh cãi gay gắt rất lâu, thời gian đã không giải quyết được việc này. Kate đã thử nhiều cách, từ mềm dẻo thuyết phục cho đến dùng nước mắt, nhưng không thể lay chuyển William. Virginia và Lucy thì không cần nhắc ông rằng cả hai đang rất nhớ anh trai.

- Không có ai khác phê bình tranh của con. - Virginia nói.

- Con không có ý khiếm nhã đấy chứ? - Mẹ cô hỏi.

Virginia cố mỉm cười.

Lucy đã khóa mình trong phòng tắm và bí mật viết thư cho Richard, anh có thể không bao giờ hiểu tại sao những lá thư ấy luôn bị ầm. Không cô nào dám nhắc đến tên anh trước mặt cha, và tình trạng căng thẳng tạo ra một vết rạn nứt trong gia đình.

William đã cố dành nhiều thời gian hơn ở ngân hàng, ông làm việc đến tận đêm với hy vọng công việc sẽ giúp mình nguôi ngoai. Nhưng không. Ngân hàng một lần nữa có những đòi hỏi gắt gao đối với sức lực của ông ở mọi thời điểm ông thấy mình nên giảm tải nhất. Ông đã chỉ định sáu giám đốc mới trong hai năm qua, hy vọng họ sẽ giúp ông bớt gánh nặng. Thực tế hóa ra ngược lại. Họ tạo ra thêm nhiều công việc và buộc ông phải đưa ra thêm nhiều quyết định. Người giỏi nhất trong số đó là Jake Thomas, mới tham gia vào Ban giám đốc, ông ta có vẻ sẽ là ứng viên sáng giá nhất kế nhiệm William làm Chủ tịch nếu Richard không từ bỏ con gái của Rosnovski và quay về nhà.

Dù lợi nhuận của ngân hàng liên tục tăng mỗi năm, William vẫn thấy không còn hứng thú với việc kiếm tiền vì lợi ích. Có thể bây giờ ông đang đối mặt với chính vấn đề Charles Lester từng gặp: Ông không có con trai để thừa kế tài sản và chức chủ tịch ngân hàng.



Trong năm kỷ niệm đám cưới bạc, William quyết định đưa Kate và các con gái đi nghỉ dài ngày ở châu Âu với hy vọng chuyến đi sẽ giúp mọi người quên đi Richard. Lần đầu tiên họ sang London bằng máy bay, một chiếc Boeing 707, và ở lại khách sạn Savoy, nơi này gọi lại biết bao kỷ ức về chuyến đi châu Âu đầu tiên của William cùng Kate.

Cả nhà có một chuyến đi vui vẻ đến Oxford và đến Stratford-on-Avon để xem vở *Vua Richard III* do Laurence Olivier đạo diễn. Họ ước gì vị vua mang tên khác.

Trên đường từ Stratford trở về, họ dừng lại ở nhà thờ Henley-on-Thames, nơi William và Kate đã làm đám cưới. Lần này, nhà thờ cần một cây đàn organ mới. Họ định ở lại quán trọ Quả Chuông, nhưng một lần nữa quán trọ chỉ còn lại một phòng trống. Trên xe về London, William và Kate tranh cãi vì không nhớ người đã tổ chức lễ cưới cho họ là Đức cha Tukesbury hay Đức cha Dukesbury. Họ đi đến một kết luận không mấy thỏa mãn trước khi về đến khách sạn Savoy. Cả hai chỉ đồng ý với nhau ở một chi tiết: Mái nhà mới của nhà thờ trong giáo khu thể hiện một khoản đầu tư xứng đáng.

Đêm đó, William dịu dàng hôn Kate khi lên giường ngủ.

- 500 bảng ý nghĩa nhất anh từng tiêu. - Ông nói.

Cả nhà bay sang Ý một tuần sau đó, sau khi đã đến thăm tất cả những nơi mà bất cứ du khách Mỹ giàu lòng tự tôn nào đến nước Anh đều dự định đến thăm, và thông thường những du khách ấy sẽ bỏ lỡ nhiều nơi. Ở Rome, hai cô gái uống hơi nhiều rượu vang Ý vào đêm sinh nhật Virginia và cả hai đều cảm thấy mệt, trong khi đó William ăn quá nhiều mì ống hảo hạng và tăng lên hơn ba cân. Cả nhà chắc hẳn sẽ vui hơn nếu Richard đi cùng họ, và dù hai cô gái không hề nhắc đến điều ấy với cha, nhưng họ đều mong gặp Florentyna vì chắc hẳn cô phải rất đặc biệt. Virginia khóc suốt một đêm, Kate cố gắng dỗ dành con.

- Sao không ai bảo cha còn có những thứ quan trọng hơn lòng tự trọng?

Khi trở về New York, William khỏe lại và hăng hái lao vào công việc. Ông giảm luôn ba cân trong vài tuần.

Nhiều tháng trôi qua, ông thấy cuộc sống đã bình ổn trở lại nhưng ông nhớ con trai nhiều hơn. Sự bình ổn biến mất khi Virginia vừa học xong ở trường Sweet Briar đã thông báo mình sắp cưới một sinh viên ở Đại học Luật Virginia. Tin ấy làm William bàng hoàng.

- Nó chưa đủ lớn. - Ông nói.

- Nó hai mươi hai rồi. - Kate bảo - Nó không còn là trẻ con nữa, William ạ! Anh cảm thấy sao khi sắp được lên chức ông?

- Bà nói thêm, rồi lại hối hận vì câu đó ngay khi vừa nói ra.

- Ý em là sao? - William kinh hãi - Nó mang thai rồi ư?

- Ôi trời, không đâu! - Kate nói, và bà nói bằng giọng khê khàng như thể bà vừa được lý giải. - Richard và Florentyna vừa có con.

- Sao em biết?

- Richard viết thư báo tin mừng cho em. - Kate đáp

- Và Richard đã được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch Ngân hàng Mỹ Quốc. Vẫn chưa đến lúc anh tha thứ cho nó sao, William?

- Không bao giờ. - William nói và bỏ ra khỏi phòng không nói một lời.

Kate thở dài ngao ngán. Ông ấy thậm chí không hỏi xem cháu mình là trai hay gái.



Tháng Ba năm sau, đám cưới của Virginia diễn ra tại nhà thờ Chúa Ba Ngôi ở Boston trong một chiều mùa xuân tươi đẹp. William hoàn toàn chấp nhận David Telford, chàng luật sư trẻ mà con gái ông đã chọn để ở bên cô trọn đời.

Virginia muốn Richard trở thành người đón khách và Kate cũng đã xin William cho mời anh về dự đám cưới, nhưng trước sau ông vẫn một mực không chấp thuận. Dù ngày đó là ngày hạnh phúc nhất trong đời Virginia nhưng cô lại sẵn lòng trả lại mọi món quà để được thấy cha và Richard đứng bên nhau trong tấm ảnh gia đình chụp bên ngoài nhà thờ. William đã muốn đồng ý nhưng ông biết Richard sẽ không bao giờ đồng ý quay về nếu không đi cùng cô con gái nhà Rosnovski.

Vào ngày cưới, Richard gửi cho Virginia một món quà và một bức điện. William đặt món quà chưa được mở vào ngăn hành lý trên xe của cô và không cho ai đọc bức điện trong bữa tiệc.

Abel đang ngồi bên bàn làm việc tại khách sạn Nam Tước New York, đợi gặp người gây quỹ cho chiến dịch tranh cử của Kennedy. Người ấy đến muộn mất hai mươi phút. Abel đang sốt ruột gõ nhịp ngón tay lên bàn thì thư ký của ông bước vào.

- Ông Frank Hogan đến gặp ông.

Abel bật dậy khỏi ghế.

- Mời vào, anh Hogan! - Ông vỗ lên lưng người trẻ tuổi ăn mặc theo lối thủ cựu - Anh khỏe chứ?

- Xin lỗi ông Rosnovski, tôi đến muộn. - Anh nói bằng giọng Boston chuẩn.

- Tôi không để ý đâu. - Abel nói - Anh uống gì chứ?

- Không, cảm ơn ông Rosnovski. Tôi cố để không uống khi có rất nhiều cuộc hẹn trong một ngày.

- Chuẩn mực đấy. Tôi hy vọng anh sẽ không phiền nếu tôi uống. - Abel nói - Tôi không có ý định gặp nhiều người hôm nay.

Hogan cười như thể biết rõ ngày hôm nay của mình chỉ để nghe người khác đùa vui.

- Bây giờ, tôi giúp gì được anh đây, anh Hogan? - Abel tự rót một ly whiskey.

- Chà, ông Rosnovski ạ, chúng tôi đang hy vọng đảng Dân chủ có thể phiên đến sự giúp đỡ của ông một lần nữa.

- Tôi vẫn luôn là đảng viên đảng Dân chủ, như anh biết đấy, Hogan. Tôi ủng hộ cho Franklin D. Roosevelt, Harry Truman và Adlai Stevenson, dù tôi không hiểu Stevenson đang nói gì suốt một nửa thời gian. - Cả hai lại guồng gao cười - Tôi cũng giúp một người bạn cũ là Dick Daley ở Chicago, và tôi vẫn đang hỗ trợ cho anh Ed Muskie, con trai của một người Ba Lan nhập cư mà anh cũng biết, từ khi anh ta tranh cử Thống đốc bang Maine hồi năm 1954.

- Ông vẫn luôn là người trợ giúp trung thành của đảng Dân chủ từ trước đến giờ, không ai phủ nhận được, ông Rosnovski ạ! - Hogan nói với ngụ ý: Thời gian quy định cho cuộc nói chuyện ngắn ngủi đã kết thúc - Và chúng tôi, những đảng viên đảng Dân chủ, không phải chỉ có cựu Nghị sĩ Osborne, vẫn luôn có những chiêu cố cho ông để báo đáp. Tôi không nghĩ cần đi vào mọi chi tiết liên quan đến sự việc không đáng kể ở hãng Interstate Airways.

- Chuyện đó lâu rồi, - Abel nói - và gần như tôi đã quên.

- Tôi đồng ý. - Hogan nói - Nhưng dù tôi nhận ra phần lớn những tỉ phú tay trắng làm nên sẽ không thích việc riêng của họ bị nhòm ngó thái quá, ông cũng sẽ hiểu rõ chúng ta

phải hết sức thận trọng với kì bầu cử sắp tới. Nixon sẽ mong ta có một vụ tai tiếng để ông ta có thể thoải mái tham gia vào giai đoạn này của cuộc chạy đua.

- Chúng ta hiểu rõ nhau mà, anh Hogan. Vậy là rõ rồi, giờ anh muốn tôi dành bao nhiêu cho chiến dịch này?

- Tôi cần tất cả số tiền tôi có thể chạm tay tới. - Từng lời của Hogan rõ ràng và tự tin - Nixon đang tìm sự ủng hộ trên khắp cả nước, và đó sẽ là cuộc đua rất gay go, đặc biệt là ở quê hương ông, bang Illinois.

- Xem nào, - Abel nói - tôi sẽ hỗ trợ Kennedy nếu ông ấy hỗ trợ tôi. Đơn giản vậy thôi.

- Ông ấy sẽ rất sáng suốt nếu hỗ trợ ông, ông Rosnovski. Chúng ta đều biết ông là trụ cột trong cộng đồng người Ba Lan, và Nghị sĩ Kennedy ý thức được vị trí lý tưởng của ông khi đại diện cho những người đồng hương đang sống trong trại khổ sai phía sau Bức màn sắt, chưa nói đến công lao của ông trong chiến tranh. Tôi có quyền báo cho ông biết Kennedy đã đồng ý khai trương khách sạn mới của ông ở Los Angeles trong chuyến đi vận động tranh cử tiếp theo tới California.

- Tin tốt đấy. - Abel nói.

- Nghị sĩ cũng biết rõ mong ước của ông là trông thấy Ba Lan được công nhận quy chế tối huệ quốc trong ngoại thương với Mỹ.

- Chỉ vì chúng tôi xứng đáng sau những hy sinh trong chiến tranh. - Abel nói. Ông dừng lại một chút - Còn chuyện nhỏ kia thì sao?

- Thượng nghị sĩ Kennedy đang vận động ý kiến của người Mỹ gốc Ba Lan về chuyện đó, nhưng cho đến lúc này chúng ta vẫn chưa gặp bất cứ phản đối nào. Cố nhiên ông ấy không thể đi đến quyết định trước khi đắc cử.

- Dĩ nhiên. Hai trăm năm mươi nghìn đô có giúp anh quyết định không?

Frank Hogan cười nhưng không đáp.

- Hai trăm năm mươi nghìn đô nhé. - Abel nói - Tiền sẽ đưa vào quỹ vận động tranh cử vào cuối tuần này, anh Hogan.

Công việc kết thúc, vụ thương lượng đã có kết quả. Abel rời khỏi bàn.

- Làm ơn gửi lời chúc trân trọng nhất của tôi đến Thượng nghị sĩ Kennedy nhé, và bảo ông ấy là tôi sẽ làm tất cả trong khả năng để đảm bảo cho ông ấy trở thành Tổng thống tiếp theo của nước Mỹ. Tôi không ưa Richard Nixon từ sau cách đối đãi ti tiện của ông ta với Helen Gahagan Douglas, và tôi có lý do riêng để không mong Henry Cabot Lodge trở thành Phó Tổng thống.

- Tôi rất hân hạnh được chuyển lời nhắn giúp ông. - Hogan nói - Cảm ơn ông vì đã không ngừng tương trợ cho đảng Dân chủ, và đặc biệt là tương trợ ứng viên của đảng.

- Anh ta đưa tay ra và Abel siết chặt.

- Giữ liên lạc nhé, Hogan. Tôi không bỏ ra số tiền đó mà không mong vụ đầu tư của mình được báo đáp.

- Tôi hiểu rõ mà.

Abel đi cùng anh ta ra thang máy rồi quay về văn phòng với khuôn mặt rạng rỡ. Ông nhắc điện thoại lên.

- Bảo ông Novak đến gặp tôi nhé.

Một lát sau, George từ phòng mình bên kia hành lang đi sang.

- Nếu Jack Kennedy trở thành Tổng thống, tôi nghĩ chúng ta thắng chắc rồi, George ạ!

- Chúc mừng ông, Abel, tôi rất mừng. Ông sẽ hoàn thành được một trong số những ước mơ vĩ đại nhất của mình. Florentyna sẽ rất tự hào về ông.

Abel cười khi nghe đến tên con gái.

- Ông có biết đứa con gái ngỗ ngược ấy lâu nay làm được gì không? - Ông cười - Ông có xem tờ *The Times Los Angeles* của thứ Sáu tuần trước không?

George lắc đầu và Abel đưa cho ông một tờ báo. Một bức ảnh chiếm một nửa trang được khoanh bằng mực đỏ. George đọc to tiêu đề của bức ảnh.

- *Florentyna Kane khai trương cửa hàng Florentyna thứ ba tại Los Angeles*. Một bức ảnh tuyệt vời. - George nói.

- Nó đang hy vọng mở cửa hàng thứ tư trước khi hết năm. - Abel nói - Thương hiệu Florentyna sẽ phát triển nhanh ở California như Balenciaga ở Paris vậy.

George cười khi trao lại tờ báo.

- Tôi nóng lòng mong nó mở một cửa hàng Florentyna ở New York, có thể là ngay trên Đại lộ 5. - Abel nói - Tôi cá nó sẽ làm điều đó trong vòng năm năm, lâu nhất là mười năm. Ông muốn cá cược gì vào vụ này không, George?

- Nếu ông còn nhớ, tôi đã không cá vụ đầu tiên. Nếu không, tôi đã mất mười đô.

Abel ngẩng lên, giọng ông trầm hơn.

- Ông có nghĩ nó sẽ đến xem Thượng nghị sĩ Kennedy khai trương khách sạn Nam Tước mới ở Los Angeles không, George?

- Trừ khi chồng nó cũng được mời.

- Không bao giờ. - Abel nói - Cậu ta chẳng là gì cả. Tôi đã đọc báo cáo mới nhất của ông rồi. Cậu ta đã rời khỏi Ngân hàng Mỹ Quốc để làm việc cùng Florentyna, thậm chí cậu ta chẳng thể nắm giữ một công việc ra hồn.

- Ông đang trở thành một người đọc rất biết chọn lọc đấy, Abel. Ông biết thực tế không phải vậy mà. Kane chịu trách nhiệm phần tài chính của công ty, trong khi Florentyna vận hành các cửa hàng. Đừng quên công ty Well Fargo đã đề nghị cậu ta nhận công tác điều hành ban thu mua của họ, nhưng Florentyna đã xin chồng từ chối họ và về làm cùng vợ. Abel này, ông sẽ phải đối mặt với một sự thật: Cuộc hôn nhân của hai đứa nó là một thắng lợi. Tôi biết ông khó lòng chấp nhận, nhưng tại sao ông không hạ mình một chút và đến gặp cậu chàng kia?

- Ông là người bạn thân nhất của tôi, George ạ! Không ai khác trên đời dám nói với tôi như vậy đâu. Nên không ai ngoài ông hiểu lý do tôi không thể hạ mình được, chỉ khi nào tên khốn William Kane cũng tỏ ý sẵn lòng hạ mình với tôi. Tôi sẽ không chịu quy lụy trong khi hắn ta còn sống để thích thú với việc đó.

- Thế nếu ông chết trước thì sao, Abel? Ông và ông ta đúng bằng tuổi nhau mà.

- Vậy tôi sẽ là người thua, và Florentyna sẽ thừa kế tất cả.

- Ông đã bảo tôi là con bé sẽ không lấy một xu. Ông sẽ soạn lại di chúc để trao lại mọi thứ cho cháu mình.

- Tôi không thể làm thế, George ạ! Đến khi phải ký vào di chúc, tôi không sao ký nổi. Thế quái nào đứa cháu quái quỷ ấy lại được hưởng cả hai gia tài?

Ông rút ra chiếc ví từ túi áo trong, lấy ra rất nhiều ảnh cũ của Florentyna, chọn một tấm mới hơn và đưa cho George.

- Một bé trai kháu khỉnh đấy. - George nói.

- Đúng rồi. - Abel bảo - Hình ảnh của mẹ nó đấy.

George cười âm.

- Ông không bao giờ từ bỏ nó phải không, Abel?

- Ông nghĩ chúng nó đặt tên thằng bé là gì?

- Ý ông là sao? - George hỏi - Ông biết rõ tên nó mà.

- Ý tôi là ông nghĩ chúng đặt tên thằng bé là gì?

- Sao tôi biết được? - George.

- Tìm hiểu đi. - Abel nói - Tôi muốn biết.

- Tôi tìm hiểu thế nào đây? - George bảo - Thuê ai đó đi theo chúng trong khi chúng đẩy xe nôi đi quanh Công viên Cổng Vàng à?

- Tôi chắc ông sẽ tìm ra cách, George ạ! - Abel nói - Bây giờ, ông có nghe tin tức gì mới của Peter Parfitt không?

- Có, ông ta có vẻ quan tâm hơn đến việc bán đi 2% cổ phần của mình ở Ngân hàng Lester, nhưng tôi không tin

Henry có thể thương thảo được. Với 2% đó đem bán, ai cũng được tham gia thương vụ ngoại trừ ông, vì thế có thể tôi sẽ thay mặt ông chốt giao dịch nhé?

- Đừng làm gì lúc này. - Abel nói - Tôi cảm hận Kane vô cùng, nhưng tôi không muốn có bất cứ phiền toái nào cho đến khi ta biết Kennedy có đắc cử hay không. Nếu Nixon thắng, tôi sẽ mua 2% của Parfitt ngay ngày hôm đó và tiến hành kế hoạch ta đã bàn. Và đừng lo về Henry - tôi cho ông ta ra khỏi vụ Kane rồi. Từ giờ trở đi, tôi tự lo được.

- Tôi vẫn lo. - George nói - Ông ta mắc nợ đến một nửa đám dân chơi cá ngựa ở Chicago, và tôi sẽ không thấy lạ nếu ngày nào đó ông ta xuất hiện ở New York để đi ăn xin.

- Henry sẽ không làm phiền tôi nữa. Lần trước ông ta gặp tôi, tôi thấy rõ ông ta sẽ không lấy thêm của tôi một đồng nào nữa. Nếu ông ta còn đến đây van vỉ, ông ta sẽ mất ghế trong Ban giám đốc và đó là nguồn thu nhập duy nhất của ông ta.

- Đó chính là lý do tôi lo nghĩ. - George nói - Nếu lỡ ông ta liều mạng đến tận nhà Kane để vay tiền?

- Không có chuyện đó đâu, George ạ! Henry căm thù Kane còn hơn cả tôi căm thù hắn ta.

- Sao ông biết chắc như vậy?

- Mẹ Kane là vợ hai của Henry. - Abel nói - Và khi Kane mới mười sáu tuổi, hắn ta đã tống cổ Henry ra khỏi nhà mình.

- Lạy Chúa, sao ông biết được những thông tin đó?

- Riêng vụ này, không có chuyện gì của William Kane hoặc Henry Osborne mà tôi không biết. - Abel nói - Hoàn

toàn không còn chuyện gì tôi không biết. Và tôi sẵn sàng cá nót bên chân lạnh lặn của mình: William cũng biết mọi chuyện về tôi. Vậy nên chúng ta chỉ phải kiên nhẫn trong thời gian này, nhưng Henry sẽ không còn cơ hội để làm con mồi đâu. Ông ta sẽ chết trước khi thú nhận tên thật của mình là Vittotio Togna và đã từng vào tù vì gian lận.

- Henry có nhận ra ông biết hết mọi thứ không?

- Không. Tôi đã giữ kín trong nhiều năm. George ạ, nếu ông nghĩ một kẻ có thể đe dọa ông trong tương lai, hãy chắc chắn mình biết mọi thứ về quá khứ của hắn ta. Tôi chưa bao giờ tin tưởng Henry từ ngày ông ta gợi ý tôi lừa bịp công ty Great Western trong khi họ vẫn đang trả lương cho ông ta, dù tôi phải công nhận ông ta đã giúp ích cho tôi rất nhiều trong những năm qua. Nhưng tôi cũng tự tin mà nói ông ta sẽ không thể gây khó dễ cho tôi trong tương lai. Vì thế hãy quên Henry đi và hãy quả quyết hơn. Ngày ấn định hoàn thành khách sạn Nam Tước Los Angeles là ngày nào?

- Giữa tháng Chín.

- Tuyệt. Chỉ vài tuần trước kì bầu cử. Khi Kennedy đến khai trương, khách sạn của tôi sẽ xuất hiện trên tất cả các trang nhất của mọi tờ báo Mỹ.



Khi William trở lại New York sau hội nghị của các chủ ngân hàng ở Washington, ông thấy có thư trên bàn làm việc, yêu cầu ông liên lạc với Thaddeus Cohen ngay. Người này luôn khiến ông cảm thấy sợ vì Cohen hiếm khi là người đem đến những tin tốt.

William đã không nói chuyện với ông ta một thời gian vì Abel Rosnovski đã không gây chuyện từ sau cuộc nói chuyện còn dang dở trên điện thoại vào đêm Richard và Florentyna cưới nhau từ hơn bốn năm trước. Những bản báo cáo liên tục hàng quý chỉ đơn thuần xác nhận Rosnovski không tìm cách mua hoặc bán chứng khoán của ngân hàng. Tuy vậy, William vẫn gọi vào đường dây riêng của Cohen. Ông luật sư cho biết mình đã tình cờ có được một số thông tin mà không muốn bàn bạc qua điện thoại. William mời ông đến ngân hàng ngay khi thuận tiện.

Bốn mươi phút sau đó, Cohen có mặt tại văn phòng của William. Lặng yên trong nỗi căng thẳng, William ngồi nghe ông ta nói.

Khi Cohen trình bày xong, William nói:

- Cha ông sẽ không bao giờ chấp nhận những phương pháp như vậy.

- Cha ông cũng thế thôi. - Cohen đáp - Nhưng họ không phải đối mặt với loại người như Abel Rosnovski.

- Điều gì khiến ông cho rằng kế hoạch sẽ như ý muốn?

- Nghiên cứu trường hợp của Sherman Adams. Chỉ 1.640 đô trong hóa đơn khách sạn và một chiếc áo khoác lông thú, nhưng đủ làm chính quyền xấu hổ ê chề, vì Adams là trợ lý của Tổng thống. Chúng ta biết Rosnovski đang nhắm đến mục tiêu cao hơn thế nên sẽ dễ dàng hạ bệ hắn ta hơn.

- Tôi sẽ phải tốn bao nhiêu?

- 25 nghìn đô là cao nhất, nhưng tôi sẽ tìm cách giảm bớt.

- Sao ông chắc Rosnovski không biết tôi có liên quan?
- Tôi sẽ sử dụng người thứ ba làm trung gian, người này thậm chí sẽ không biết tên ông.

- Và nếu thông tin của ông là chính xác, ông nghĩ chúng ta nên làm thế nào?

- Chúng ta sẽ gửi mọi chi tiết cần thiết đến văn phòng Thượng nghị sĩ Kennedy, rồi tiết lộ cho báo chí. Làm vậy sẽ xóa sổ mọi tham vọng của Rosnovski một lần và mãi mãi. Ngay khi danh tiếng của hắn ta bị tiêu tan, hắn sẽ là một thế lực suy kiệt và không thể viện dẫn Điều 7 trong nội quy của Ngân hàng Lester, thậm chí cả khi hắn nắm giữ 8% cổ phần.

- Có khả năng đấy, nhưng chỉ khi Kennedy trở thành Tổng thống. - William nói - Vậy nếu Nixon thắng thì sao? Ông ta đang đi trước trong những cuộc trưng cầu dân ý. Và ông có hình dung được rằng nước Mỹ sẽ đưa một người theo Công giáo La Mã vào Nhà Trắng không?

- Ai biết được? - Cohen nói. - Nhưng nếu đúng như vậy, với vụ đầu tư 25 nghìn đô, ông thật sự có cơ hội để kết liễu Rosnovski một lần và mãi mãi.

- Nhưng chỉ khi Kennedy trở thành tổng thống...

Cohen gật đầu nhưng không nói gì.

William mở ngăn kéo bàn và lấy ra một tập chi phiếu lớn có đánh dấu "Tài khoản riêng" và viết ra các con số: 2, 5, 0, 0, 0. Lần đầu tiên ông muốn một đảng viên đảng Dân chủ vào được Nhà Trắng.



Hóa ra Abel lại có phần hơi lạc quan khi dự đoán tin Kennedy khai trương khách sạn Nam Tước Los Angeles sẽ lên trang nhất của các báo Mỹ, trong khi ứng viên này đã có hàng tá những sự kiện khác ở Los Angeles vào ngày hôm đó, trước khi giáp mặt với Nixon trong một cuộc tranh luận trên truyền hình vào tối hôm sau. Tuy thế, sự kiện khai trương khách sạn lại được đưa tin rộng rãi, và Frank Hogan quả quyết với riêng Abel là Kennedy không hề quên việc nhỏ kia.

Trong khi Kennedy lên phát biểu, ông không ngừng ca ngợi Nam tước Chicago. Abel tìm con gái ông trong đám đông những người đến dự khai trương nhưng không thấy cô.

Ngay khi kết quả bầu cử ở bang Illinois được xác nhận, John F. Kennedy có vẻ chắc chắn sẽ là Tổng thống thứ 35 của nước Mỹ, Abel nâng cốc cùng Thị trưởng Daley khi ông ăn mừng ở Trụ sở Quốc gia của đảng Dân chủ tại Quảng trường Thời Đại. Mãi đến 5 giờ sáng ông mới về nhà.

- Chà chà, có rất nhiều sự kiện để ăn mừng. - Ông bảo George - Tôi sẽ là.... - Ông ngủ quên trước khi nói xong câu ấy. George mỉm cười và đưa ông vào giường.



William bình tâm quan sát kết quả bầu cử trong phòng làm việc ở Đường 68 phía Đông. Sau kết quả ở Illinois, Walter Cronkite tuyên bố kết quả bầu cử coi như đã có rồi. William nhắc máy lên và quay số nhà Thaddeus Cohen.

Ông chỉ nói được những lời này:

- Có vẻ như 25 nghìn đô đã trở thành một vụ đầu tư khôn ngoan, Thaddeus ạ! Giờ hãy làm sao để Rosnovski

không còn kì trăng mật nào nữa nhé. Thời điểm thuận lợi nhất để ta hành động sẽ là lúc hắn ta lên đường đi Thổ Nhĩ Kỳ.

William gác lại ống nghe lên giá và lên giường. Ông thất vọng khi Nixon không đánh bại nổi Kennedy và người anh họ Henry Cabot Lodge không thể trở thành Phó Tổng thống. Nhưng, ông nghĩ, đó là một cơn gió độc...



Khi Abel được mời đến dự buổi khiêu vũ kỷ niệm mừng lễ nhậm chức của Tổng thống Kennedy ở Washington, chỉ có duy nhất một người ông muốn chia sẻ vinh dự. Nhưng sau khi ông nói ra ý đồ với George, ông phải bằng lòng với sự thật là Florentyna sẽ không bao giờ đi cùng ông trừ khi mối thù của ông với cha của Richard chấm dứt. Nên ông đi một mình.

Abel hoãn lại chuyến đi châu Âu và Trung Đông. Ông không thể bỏ lỡ Lễ Nhậm chức, nhưng ông luôn có thể xếp lại lịch khai trương khách sạn Nam Tước Istanbul.

Ông đã chuẩn bị một bộ com lê màu xanh thẫm mới và có hơi hướng bảo thủ được làm riêng cho dịp này, ông chọn dây phòng của Davis Leroy tại khách sạn Nam Tước Washington vào ngày diễn ra buổi lễ. Ông đứng xem vị Tổng thống trẻ tuổi đọc diễn văn nhậm chức, tràn đầy hy vọng và hứa hẹn cho tương lai.

- Một thế hệ mới của người Mỹ, sinh ra trong thế kỷ này,
- Abel thấy có mình trong đó - trưởng thành từ chiến tranh,
- Abel chắc chắn đủ tiêu chuẩn này - được rèn luyện từ một

nền hòa bình khó khăn và cay đắng. - Abel thì quá đủ - Đừng hỏi đất nước sẽ làm gì cho các bạn, mà hãy hỏi các bạn đã làm được gì cho đất nước mình.

Cả đám đông đứng dậy hoan hô, quên cả tuyết đang rơi, tuyết cũng không thể làm mất đi sức ảnh hưởng trong bài diễn thuyết hùng hồn của tân Tổng thống.

Abel trở lại khách sạn với niềm hồ hởi. Ông đi tắm trước khi đổi sang bộ đồ mới màu trắng, cũng được may riêng cho dịp đặc biệt này. Khi ông ngắm dáng hình lụng thụng của mình trong gương, ông phải công nhận mình không phải người ăn mặc đẹp. Thợ may của ông đã cố hết sức có thể (anh ta đã may ba bộ mới và từng thiết kế đồ dạ tiệc cho Abel trong năm năm qua). Florentyna chắc sẽ phải xét nét ông tới từng phân vải thừa, và theo cô, ông phải tìm cách sửa lại. Tại sao mọi suy nghĩ của ông luôn quay về với Florentyna? Ông xem lại những huy chương. Đầu tiên, Huy chương Cựu binh Ba Lan, huy chương tiếp theo là vì cống hiến của ông trong vùng sa mạc và ở châu Âu, rồi đến những tấm huy chương ông gọi là huy chương dao kéo vì những đóng góp xuất sắc của ông trong ngành hậu cần.

Có tất cả bảy buổi khiêu vũ mừng lễ nhậm chức diễn ra ở Washington tối hôm đó. Abel được mời đến thẳng vận động trường DC Armory. Ông ngồi trong góc dành riêng cho những đảng viên đảng Dân chủ người Ba Lan đến từ New York và Chicago. Họ có nhiều sự kiện đáng ăn mừng. Edmund Muskie đã vào Thượng viện, và thêm mười đảng viên đảng Dân chủ người Ba Lan được bầu vào Quốc hội. Không ai nhắc đến hai

đảng viên đảng Cộng hòa người Ba Lan mới được bầu. Abel sung sướng cùng vài người bạn cũ ôn lại kỷ niệm, họ nằm trong số những thành viên đồng sáng lập Quốc hội Mỹ - Ba Lan của ông. Ai cũng hỏi han về Florentyna.

Bất chợt, mọi người trong phòng đứng cả dậy và bắt đầu vỗ tay tung hô. Abel đứng dậy xem vì sao mọi người náo động như vậy, và ông thấy John. F. Kennedy cùng phu nhân của ông bước vào phòng. Họ ở lại chừng mười lăm phút, trò chuyện với một số vị khách đã được chọn lựa kĩ lưỡng và quay ra. Dù Abel không được nói chuyện với Tổng thống ngay cả khi ông đã rời khỏi bàn và cố ý tiến đến lối Tổng thống đi, nhưng ông đã tìm cách thu hút được sự chú ý của Frank Hogan trong khi anh ta đi cùng đoàn tùy tùng của Kennedy.

- Ông Rosnovski, thật bất ngờ khi gặp ông ở đây.

Đúng ra Abel sẽ muốn giải thích với anh ta là mình không hề thấy bất ngờ, nhưng giờ không đúng lúc và cũng không đúng chỗ. Hogan bắt tay ông và vội kéo ông ra phía sau cây cột lớn bằng đá cẩm thạch.

- Tôi không thể nói chuyện quá nhiều lúc này, ông Rosnovski ạ, trong khi tôi phải ở kế cận ngài Tổng thống, nhưng tôi nghĩ ông có thể chờ chúng tôi gọi điện cho ông, sẽ sớm thôi. Tất nhiên, lúc này Tổng thống có nhiều cuộc hẹn cần xử lý.

- Hiển nhiên rồi. - Abel nói.

- Nhưng tôi đang hy vọng, - Hogan nói tiếp - trường hợp của ông sẽ được xác nhận vào cuối tháng Ba hoặc đầu

tháng Tư. Cho phép tôi là người đầu tiên gửi đến ông lời chúc mừng, Rosnovski ạ! Tôi tin ông sẽ phục vụ Tổng thống bằng tài năng lỗi lạc của mình.

Abel nhìn theo Hogan đang chạy vội đi để theo kịp đoàn của Kennedy, họ vừa bước ra đoàn xe đang mở cửa chờ sẵn.

- Trông ông có vẻ hài lòng về bản thân, - một người bạn Ba Lan của Abel nói trong khi ông trở lại bàn và ngồi xuống ăn ngon lành món bít tết dai nhách, món này sẽ không được phép có mặt ở một khách sạn Nam Tước - Kennedy có mời ông làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mới không?

Cả hai cùng cười.

- Vẫn chưa đâu, - Abel nói - nhưng Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có thể là sếp mới của tôi. - Ông khẽ thêm vào.

Sáng hôm sau, ông bay về New York sau khi đến Nhà thờ Đức Mẹ Czestochowa tại Điện thờ Quốc gia. Đến đó, ông lại nhớ về cả hai Florentyna.

Sân bay Quốc gia Washington rất hỗn loạn, và Abel cuối cùng cũng về được đến khách sạn Nam Tước New York dù chậm ba tiếng so với dự định. George cùng ăn tối với ông, và ông ta biết mọi chuyện chắc chắn sẽ suôn sẻ khi Abel gọi một chai Dom Perignon cỡ lớn.

- Tối nay chúng ta sẽ ăn mừng. - Abel bảo - Tôi đã gặp Hogan ở buổi tiệc, và lịch hẹn của tôi sẽ được xác nhận trong vài tuần tới. Thông báo chính thức có thể sẽ sớm được đưa ra sau khi tôi trở về từ Trung Đông.

- Chúc mừng ông, Abel. Không ai xứng đáng với vinh dự ấy hơn ông đâu.

- Cảm ơn George. Tôi dám cam đoan với ông, phần thưởng của ông sẽ không phải lời hứa suông đâu, vì khi tất cả đã chính thức rồi, tôi sẽ bổ nhiệm ông làm quyền Chủ tịch của Tập đoàn Nam Tước khi tôi vắng mặt.

George rót thêm một ly sâm banh nữa. Hai người uống hết nửa chai.

- Ông nghĩ lần này ông sẽ đi vắng bao lâu, Abel?

- Chỉ ba tuần thôi. Tôi muốn kiểm tra để không bị cướp bóc vô tội vạ khi ở Trung Đông trước khi tôi sang Thổ Nhĩ Kỳ để mở khách sạn Nam Tước Istanbul. Tôi nghĩ mình sẽ qua London và Paris trên đường đi.

George rót cho Abel một ly sâm banh nữa.



Abel ở lại nước Anh nhiều hơn ba ngày so với dự định, cố sắp xếp các vấn đề của khách sạn Nam Tước London trong khi viên quản lý của khách sạn này có vẻ đang muốn đổ lỗi cho Công đoàn nước Anh đã khiến mọi chuyện không như ý muốn. Khách sạn Nam Tước London hóa ra lại là một trong số ít những thất bại của Abel, dù ông có thể không bao giờ đặt ra câu hỏi tại sao khách sạn này thường xuyên mất tiền. Ông có thể xem xét đến việc đóng cửa nó, nhưng Tập đoàn Nam Tước phải có mặt ở thủ đô nước Anh, dù là một đầu tàu thua lỗ. Một lần nữa, ông lại sa thải viên quản lý, chỉ định một người mới và lại bay sang Paris.

Ở thủ đô nước Pháp, tình hình lại khác biệt rõ rệt. Khách sạn Nam Tước Paris ở Đại lộ Raspail là một trong số những thành công lớn nhất của Tập đoàn, ông đã từng thừa

nhận với Florentyna bằng vẻ miễn cưỡng như một bậc phụ huynh thừa nhận có một đứa con được yêu quý hơn, khách sạn đó là khách sạn ông yêu thích. Ông tìm được tất những điều mình mong muốn và chỉ ở lại đó hai ngày trước khi bay sang Trung Đông.

Abel lúc này đã có được các địa điểm tại năm quốc gia vùng vịnh Ba Tư, nhưng chỉ khách sạn Nam Tước Riyadh là đang trong quá trình xây dựng. Nếu ông trẻ hơn, ông sẽ ở lại Trung Đông đôi năm và chấn chỉnh mọi thứ. Nhưng ông không thể chịu đựng được cát hay sức nóng, hoặc khó khăn khi nhận vài ly whiskey từ những người không thể bị bắt giữ, nên ông dành phần việc ở đây cho một Phó Chủ tịch kiêm trợ lý trẻ tuổi và bay sang Thổ Nhĩ Kỳ.

Abel đã đến thăm Thổ Nhĩ Kỳ nhiều lần trong suốt vài năm qua để giám sát tiến trình của khách sạn Nam Tước Istanbul. Với ông, luôn luôn có những sự việc đặc biệt ở Constantinople như ông còn nhớ về thành phố cổ kính này. Ông mong được mở một khách sạn Nam Tước ở chính đất nước ông đã ra đi để bắt đầu cuộc đời mới trên đất Mỹ.

Trước khi kịp dỡ hành lý ra trong một Phòng Chủ tịch khác, Abel thấy có mười lăm giấy mời đang đợi mình trả lời. Luôn có chuyện như vậy quanh thời điểm một khách sạn khai trương: Một loạt những kẻ ăn chực hy vọng được mời đến bất kì bữa tiệc tối nào, những bữa tiệc như thể hiện ra bằng phép lạ. Tuy nhiên, lần này, hai trong số các giấy mời là những bất ngờ thú vị đối với Abel vì cả hai đều đến

từ những nhân vật chắc chắn không thể xếp vào loại ăn bám ăn chực, đó là những đại sứ của Mỹ và Anh. Lời mời tới Lãnh sự quán Anh cũ thì đặc biệt không thể chối từ vì ông đã không bước chân vào nơi ấy suốt bốn mươi năm qua.

Tối hôm đó, Abel được mời đến dự bữa tối của Ngài Bernard Burrows, Đại sứ của Nữ hoàng Anh ở Thổ Nhĩ Kỳ. Abel ngạc nhiên khi thấy mình được xếp cho ngồi bên phải phu nhân của Đại sứ, một vinh dự ông chưa từng có trước đây. Khi bữa tối kết thúc, ông chứng kiến một truyền thống lạ lùng của những quý bà nước Anh: rời khỏi phòng trong khi những quý ông trò chuyện về những vấn đề quan trọng bên xì gà và rượu poocto hoặc rượu mạnh.

Abel được mời đến gặp riêng ông Fletcher Warren, Đại sứ của Mỹ, trong phòng làm việc của ông Bernard. Ông Bernard trách ông Warren mời Nam tước Chicago đến ăn tối trước khi ông ta đến ăn tối tại sứ quán của ông.

- Người Anh vẫn luôn là những kẻ tự phụ, - Warren nói khi châm điếu xì gà Cuba loại to.

- Tôi sẽ nói điều này về người Mỹ nhé, - ông Bernard nói - họ không biết khi nào mình bị đánh bại.

Abel lắng nghe trò đùa của hai nhà ngoại giao, tự hỏi tại sao mình được có mặt trong một cuộc gặp gỡ riêng tư như vậy. Ông Bernard đưa cho ông một ly rượu poocto và Warren cũng nâng ly lên.

- Uống vì Abel Rosnovski.

Ông Bernard cũng nâng ly lên. - Tôi biết những lời chúc mừng cũng hợp lệ mà. - Ông nói.

Abel đỏ bừng mặt và vội vàng nhìn sang phía Warren, hy vọng ông ta sẽ gỡ rối cho mình.

- Ô, có phải tôi vừa tiết lộ bí mật không, ông Fletcher? - Ông Bernard nói - Ông bảo tôi là ai cũng đã biết về sắc lệnh bổ nhiệm đó mà, ông bạn già.

- Ai cũng biết luôn. - Warren nói - Không phải vì người Anh không biết giữ bí mật lâu đâu.

- Đó là lý do các ông mất rất nhiều thời gian mới biết chúng tôi đang giao chiến với quân Đức? - Ông Bernard cười.

- Và rồi ăn chắc chiến thắng?

- Và đoạt lấy vinh quang. - Ông Bernard nói.

Ông Đại sứ Mỹ bật cười.

- Tôi được cho hay sắc lệnh chính thức sẽ có trong vài ngày tới.

Cả hai người nhìn Abel, lúc này ông vẫn đang im lặng.

- Nếu vậy, tôi xin được là người đầu tiên chúc mừng ngài, thưa ngài, - ông Bernard nói - tôi mong ngài luôn thành công sau khi được bổ nhiệm.

Abel xúc động khi nghe thấy danh xưng ông vẫn hay thầm nhắc mỗi khi đứng trước gương cạo râu trong suốt nhiều tháng qua.

- Ông sẽ phải dần quen khi được gọi là ngài, ông biết mà, - Đại sứ Anh nói tiếp - và tất cả những điều tệ hại hơn thế. Đặc biệt là mọi buổi họp kinh khủng ông sẽ phải có mặt cả ngày lẫn đêm. Nếu lúc này ông có một vấn đề quan trọng, thì vấn đề đó chẳng là gì nếu đem so với một vấn đề ông gặp khi kết thúc nhiệm kì. Ông có thể sẽ phải sống để

mang ơn Chiến tranh lạnh. Thực phẩm ở Khối phía Đông đáng sợ đến nỗi ông có thể sẽ bị sụt cân đấy.

- Được lắm, Abel ạ, và tôi cũng xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến thành công tiếp theo của ông. Lần trước ông đến Ba Lan là khi nào? - Ông Đại sứ Mỹ cười.

- Tôi chỉ trở lại đó một lần, một chuyến đi ngắn ngày từ vài năm trước. - Abel nói - Tôi vẫn muốn được trở lại sau lần đó.

- Vậy à, ông sẽ được trở lại trong vinh quang. - Warren nói - Ông có quen với Đại sứ quán của chúng tôi ở Warsaw không?

- Tôi không quen. - Abel thú nhận.

- Không phải là một địa điểm tồi đâu, - ông Bernard nói - nên nhớ rằng những kẻ thực dân chỉ đặt chân lên châu Âu từ sau Thế chiến thứ hai. Nhưng nơi ăn ở thì thật khủng khiếp. Tôi mong ông sẽ cải thiện được, ông Rosnovski ạ! Chỉ cần xây dựng một khách sạn Nam Tước ở Warsaw thôi. Đó là điều tối thiểu người ta mong mỗi một người tha hương.

Abel ngồi nhẩn nha, cười và tận hưởng những câu trêu chọc của ông Bernard. Ông biết mình đã uống hơi nhiều, ông thấy an lạc trong lòng và trước cả thế giới. Ông muốn kể hết mọi tin vui này cho Florentyna, sẽ sớm có sắc lệnh bổ nhiệm ông chính thức. Cô sẽ rất tự hào về ông. Ông quyết định ngay khi đặt chân xuống New York, ông sẽ bay sang San Francisco và làm lành với con gái. Đây chính là ước mong của ông bấy lâu và cuối cùng ông đã có lý do để

thực hiện. Ông sẽ bắt mình phải yêu quý cậu con trai nhà Kane. Cậu ta sẽ không được coi mình là con trai của Kane trước mặt ông. Tên cậu ta là gì nhỉ - Richard à? Đúng rồi, Richard. Abel bỗng thấy nhẹ lòng hẳn khi cuối cùng đã đưa ra được quyết định.

Sau khi ba người ra gặp các quý bà trong phòng tiệc chính, Abel nói với chủ nhà:

- Tôi phải về rồi, thưa ngài!

- Về khách sạn Nam Tước hả, - ông Bernard nói - cho phép tôi đi cùng ông ra xe nhé, ông bạn thân mến.

Khi ra đến cửa, trong khi Abel nói lời chúc ngủ ngon với phu nhân của ông Đại sứ, bà mỉm cười và bảo:

- Tôi biết mình không được phép biết điều này, ông Rosnovski ạ, nhưng xin ngàn lần chúc mừng ông đã được bổ nhiệm. Ông chắc rất tự hào khi được về lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình dưới tư cách là đại diện cấp cao cho đất nước đã nuôi dưỡng mình.

- Đúng vậy. - Abel mộc mạc đáp.

Ông Bernard đi cùng ông xuống những bậc đá cẩm thạch ra chiếc xe đang đợi sẵn. Người lái xe mở cửa.

- Chúc ông ngủ ngon, ông Rosnovski. Và chúc ông may mắn ở Warsaw. Nhân đây, tôi cũng hy vọng ông sẽ thích bữa ăn đầu tiên ở Lãnh sự quán Anh.

- Tôi đã ăn tối ở đây nhiều lần rồi, thật đấy, ông Bernard.

- Ông đã từng đến đây ư? Khi chúng tôi kiểm tra sổ ghi tên khách thì đâu thấy tên ông.

- Không. - Abel nói - Lần đó tôi ngồi ăn trong nhà bếp cùng người đầu bếp. Tôi không nghĩ họ để sổ ghi tên khách dưới đó.

Abel mỉm cười khi trèo lên ghế sau của xe. Ông có thể nhận thấy ông Bernard đang nghĩ xem có nên tin lời ông hay không.

Khi đang ở trên xe quay về khách sạn Nam Tước, những ngón tay ông lại gõ nhịp lên thành cửa sổ và ông ngâm nga một mình. Ông đã muốn trở lại Mỹ ngay sáng hôm sau, nhưng ông không thể quên lời mời đến ăn tối của ông Fletcher Warren ở Đại sứ quán Mỹ vào tối mai. Ông nghe như có tiếng ông Bernard đâu đây: Một vị đại sứ tương lai sẽ luôn phải như vậy, ông bạn ạ!

Bữa tối với ông Đại sứ Mỹ lại là một dịp thú vị khác. Abel buộc phải giải thích cho những vị khách trong bữa dự tiệc về chuyện ông đã ngồi ăn dưới nhà bếp của Lãnh sự quán Anh như thế nào, và họ lắng nghe trong nỗi khâm phục lả lùng. Ông không rõ họ có tin câu chuyện ông suýt bị mất một bàn tay hay không, nhưng tất cả đều ngưỡng mộ chiếc vòng bạc và ngay tối hôm đó mọi người đã gọi ông là “ngài”.

Hôm sau, Abel dậy sớm, nóng lòng trở về Mỹ. Chiếc DC-8 đến thành phố Belgrade và ở lại suốt mười sáu tiếng. Người ta cho ông biết động cơ hạ cánh của máy bay có trục trặc. Ông ngồi trong phòng chờ trên sân bay, nhấp từng ngụm cà phê Yugoslavian rất khó uống, tìm một tờ báo bằng tiếng Anh. Sự tương phản giữa Lãnh sự quán Anh ở Istanbul và quầy đồ ăn chưa bao giờ phai mờ trong tâm trí ông. Cuối cùng, chiếc DC-8 đã cất cánh, chỉ bị hoãn lại một lần ở Amsterdam. Lần này các hành khách buộc phải đổi máy bay.

Khi đặt chân được xuống sân bay Idelwild, Abel đã đi suốt gần ba mươi tiếng đồng hồ. Ông mệt đến nỗi gần như không thể bước nổi. Khi rời khỏi khu vực hải quan, ông bỗng thấy mình bị phóng viên vây kín, những chiếc máy ảnh bấm lách tách kèm những tia sáng lóe lên. Ông mỉm cười ngay. Ông nghĩ thông báo chắc đã được ban ra. Ông đứng thẳng người như có thể và chậm chậm bước đi với

dáng vẻ đường hoàng, giấu đi chứng tập tễnh. Không thấy bóng dáng George đâu trong khi những phóng viên chen kịch liệt chỉ để gắng chụp được một bức ảnh.

Rồi ông thấy George đang đứng ngoài đám đông, trông ông giống như đang dự một đám tang hơn là đón một người bạn đang trở về trong vinh quang. Ở rào chắn, một phóng viên không hỏi cảm giác của ông khi là người Mỹ gốc Ba Lan đầu tiên trở thành Đại sứ của Mỹ ở Warsaw mà lại thốt lên:

- Ông có câu trả lời nào cho những lời cáo buộc không?

Những máy ảnh tiếp tục nháy và những câu hỏi cũng liên tục được đưa ra.

- Những lời buộc tội ấy là thật sao, ông Rosnovski?

- Thật ra ông đã trả bao nhiêu cho Nghị sĩ Osborne?

- Ông có bác bỏ những lời cáo buộc ấy không?

- Ông trở lại Mỹ để hầu tòa ư?

Ông gọi George qua đám đông:

- Đưa tôi ra khỏi đây!

George chen lên phía trước và cố len vào chỗ ông, rồi tìm đường ra khỏi đám đông và ấn ông vào ghế sau của chiếc Cadillac đang đợi. Abel cúi xuống và lấy hai tay che đầu trong khi đèn của những chiếc máy ảnh vẫn lóe lên. George ra lệnh cho người tài xế chạy ngay đi.

- Về khách sạn Nam Tước sao, ông Novak?

- Không, đến căn hộ của cô Rosnovski ở Đường 57 phía Đông.

- Tại sao lại thế? - Abel hỏi.

- Vì báo chí đang mò đến mọi khách sạn Nam Tước.

- Tôi không hiểu, - Abel nói - ở Istanbul người ta đối đãi với tôi như thể tôi là đại sứ mới được bầu, và tôi về nhà thì thấy mình là kẻ tội đồ. Chuyện quái gì đang diễn ra thế George?

- Ông muốn nghe tất cả từ tôi, hay đợi đến khi gặp được luật sư của mình?

- Luật sư của tôi? Ông thuê ai đại diện cho tôi sao?

- H. Trafford Jilks, lựa chọn chuẩn nhất đấy.

- Và đắt nhất nữa.

- Tôi không nghĩ ông nên nghĩ ngợi về tiền bạc vào lúc như thế này, Abel ạ!

- Ông nói đúng. Tôi xin lỗi. Bây giờ ông ta ở đâu?

- Tôi chia tay ông ta ở tòa án, nhưng ông ta nói sẽ đến căn hộ ngay khi xong việc.

- Tôi không đợi lâu thế được, George ạ! Vì Chúa, hãy cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra đi.

George hít một hơi dài.

- Có lệnh bắt giữ ông.

- Vì tội gì?

- Hối lộ quan chức chính phủ.

- Cả đời mình tôi chưa bao giờ hối lộ một quan chức chính phủ. - Abel quả quyết.

- Tôi biết, nhưng Henry Osborne đã hối lộ, bất cứ việc gì lão ta làm ra, giờ đây lão ta đều tuyên bố nhân danh ông, hoặc đại diện cho ông.

- Ôi Chúa ơi! - Abel nói - Đúng ra tôi không bao giờ được thuê lão già đó làm việc. Tôi đã để chuyện cả hai chúng tôi

đều căm thù Kane che mờ cả óc suy xét của mình. Nhưng tôi khó mà tin được Henry lại khai ra bất cứ điều gì, vì lão cũng đang làm liên lụy đến chính mình.

- Henry biến mất rồi. - George bảo - Và lạ nhất là những món nợ của lão đã được thanh toán hết một cách bất ngờ và đầy bí ẩn.

- William Kane! - Abel bật ra cái tên đó.

- Chúng tôi không tìm được chi tiết nào để đi đến kết luận đó. - George bảo.

- Vậy chính quyền nắm giữ mọi chi tiết bằng cách nào?

- Đường như một bưu kiện nặc danh chứa một tập tài liệu lớn được gửi thẳng đến Bộ Tư pháp ở Washington.

- Chắc chắn có đóng dấu New York. - Abel nói.

- Không! Chicago.

Abel lặng yên một lúc. - Henry không thể là kẻ gửi hồ sơ đó. - Ông nói - Không có lý nào.

- Sao ông chắc được? - George hỏi.

- Vì ông đã nói tất cả số nợ của lão đều được thanh toán. Bộ Tư pháp không thể trả tiền cho chuyện đó trừ khi họ nghĩ mình sẽ bắt được tên trùm Al Capone. Henry chắc chắn đã bán tài liệu đó cho kẻ khác. Nhưng là ai được nhỉ? Chúng ta chỉ biết rõ một điều là lão sẽ không bao giờ trực tiếp đưa bất cứ thông tin gì cho Kane.

- Trực tiếp ư? - George hỏi.

- Trực tiếp. - Abel nhắc lại. - Có thể lão không trực tiếp bán thông tin. Kane có thể bố trí một người trung gian để xử

lý toàn bộ chuyện này, nếu hẳn ta biết Henry đang nợ ngập đầu và bọn cá ngựa đang đe dọa lão ta.

- Có thể đúng đấy, Abel ạ, không cần thuê một thám tử đại tài để tìm ra hết những bê bối tài chính của Henry. Bất cứ ai ngồi trong một quán bar ở Chicago cũng đều biết những chuyện ấy. Nhưng đừng đi đến bất cứ kết luận nào trước khi ta nghe xem luật sư của ông sẽ nói gì.

Chiếc Cadillac dừng lại bên ngoài căn hộ của Florentyna, Abel vẫn chưa bán nó vì hy vọng con gái ông sẽ có ngày quay về. H. Trafford Jilks đang đợi ở tiền sảnh. Vừa vào trong an toàn, George rót ngay cho Abel một ly whiskey lớn. Ông uống một hơi hết ngay và đưa chiếc ly đã cạn lại cho George, ông bạn lại rót đầy.

- Cho tôi biết chuyện xấu nhất đi, ông Jilks. - Abel nói - Và đừng giấu giếm gì tôi.

- Tôi xin lỗi, ông Rosnovski, - ông ta bắt đầu - ông Novak đã nói với tôi về chuyện ở Warsaw.

- Đó là chuyện đã qua mà, - Abel nói - nên ta không cần lo đến cái “Thưa ngài” thêm nữa đâu. Ông hãy tin rằng nếu Frank Hogan được hỏi, có khi anh ta cũng chẳng nhớ nổi tên tôi. Thôi nào, ông Jilks, tôi đang đối mặt với thứ gì đây?

- Ông bị truy tố vì mười bảy tội mua chuộc và hối lộ quan chức chính phủ ở mười bốn bang khác nhau. Tôi đã tạm thời sắp xếp với Bộ Tư pháp để ông bị bắt giữ ngay tại căn hộ này vào sáng ngày mai, và họ sẽ chấp nhận bảo lãnh.

- Thích thật đấy. - Abel nói - Và nếu họ có thể chứng minh những lời cáo buộc ấy?

- Ôi, tôi nghĩ họ sẽ đủ khả năng để chứng minh một vài tội trạng. - H. Trafford Jilks nói với vẻ chán ngán - Nhưng chừng nào chưa tìm thấy được Henry Osborne, họ sẽ rất khó để quy tất cả tội lỗi cho ông. Nhưng tôi sợ là mối nguy hại thật sự đã xảy ra, dù ông có bị bắt hay không, ông Rosnovski ạ!

- Tôi có thể thấy quá rõ ấy chứ. - Abel nói và liếc vào tấm ảnh mình trên trang nhất tờ *Daily News* - Ông Jilks ạ, tôi muốn ông tìm hiểu kẻ khốn nạn nào đã mua tập tài liệu đó từ Henry Osborne. Hãy dùng tất cả những người ông cần để làm việc này. Tôi không quan tâm đến giá cả. Nhưng ông phải tìm, tìm thật nhanh, vì nếu chính là William Kane, tôi sẽ giải quyết hắn ta một lần và cho mãi về sau.

- Đừng tự đưa mình vào thêm bất cứ rắc rối nào nữa, ông Rosnovski. - H. Trafford Jilks nói - Ông lún đủ sâu vào vũng bùn rồi đấy.

- Đừng lo, - Abel nói - khi tôi xử lý xong tên Kane, chuyện này sẽ lại hợp pháp và rõ ràng thôi.

- Bây giờ ông nghe kĩ nhé, ông Rosnovski. Quên ngay William Kane lúc này, và bắt đầu lo về phiên tòa sắp tới, trừ khi ông không ngại mất mười năm sắp tới trong tù. Tối nay chúng ta không thể làm gì nhiều hơn được đâu. Tôi vừa cử rất nhiều người đi tìm Osborne, và tôi sẽ đưa ra một thông cáo báo chí ngắn gọn bác bỏ những lời cáo buộc kia và tuyên bố chúng ta có lời giải thích đầy đủ để giải oan cho ông trọn vẹn.

- Thật á? - George hỏi trong hy vọng.

- Không, - Jilks bảo - nhưng làm vậy tôi sẽ có thêm thời gian để tìm cách biện hộ. Khi ông Rosnovski có cơ hội rà soát lại toàn bộ danh sách những quan chức mà người ta cho là ông ta đã hối lộ, tôi sẽ không thấy lạ nếu ông ta chưa bao giờ trực tiếp liên lạc với bất cứ ai trong danh sách đó. Có khả năng Osborne luôn hoạt động như một người trung gian mà chưa từng đưa ông Rosnovski vào cuộc. Nên công việc của tôi sẽ là chứng minh Osborne đã vượt quyền lãnh đạo của mình dưới tư cách một giám đốc của Tập đoàn Nam Tước. Ông nhớ nhé, ông Rosnovski, nếu ông đã từng gặp bất cứ ai trong số những người trong danh sách, vì Chúa, xin hãy nói với tôi, vì ông hãy tin rằng Bộ Tư pháp sẽ đưa tất cả những người ấy ra làm chứng trước tòa. Nhưng lúc này, hãy lên giường và cố ngủ một chút. Ông chắc hẳn đã mệt lắm rồi. Sáng mai tôi sẽ gặp ông trước tiên.



Abel bị bắt giữ tại căn hộ của con gái lúc 8 giờ 30 sáng hôm sau, và được một cảnh sát trưởng đưa đến Tòa án Liên bang quận phía Nam của New York. Những món đồ trang trí đủ màu sắc tươi sáng của ngày lễ Tình nhân trên cửa sổ của các cửa hiệu khiến ông càng thêm cô đơn. Jilks đã mong mọi sắp xếp của mình đều kín đáo để báo giới không thể tìm hiểu được gì, nhưng khi Abel vừa đến tòa án, ông một lần nữa bị bao vây bởi những tay nhiếp ảnh và các phóng viên. Ông cố chịu đựng để đi vào phòng xử án trong khi George

ở phía trước và Jilks hộ tống phía sau. Họ ngồi lặng lẽ trong hành lang đợi đến khi được gọi.

Dù đợi suốt nhiều giờ, khi họ được gọi, quá trình tuyên án chỉ kéo dài vài phút và không khí nhảm tẻ lạ lùng. Thư ký tòa án đọc to mười bảy lời cáo buộc và H.Trafford Jilks trả lời “Vô tội” đối với mọi cáo buộc đó, nhân danh thân chủ của ông. Rồi ông yêu cầu quyền bảo lãnh. Như đã đồng ý, Chính phủ không phản đối. Jilks yêu cầu Thẩm phán Prescott cho ít nhất ba tháng để chuẩn bị quá trình biện hộ. Thẩm phán ấn định ngày xét xử lại là ngày 17 tháng Năm.

Abel lại được tự do, tự do đối mặt với báo chí và thêm nhiều câu hỏi gai góc của họ cùng những ánh chớp của máy ảnh. Người tài xế đỗ xe đợi ông dưới sân tòa án, cửa xe đã mở và xe đã nổ máy sẵn. Ông phải dùng một vài kỹ năng khéo léo để thoát khỏi đám phóng viên vẫn đang theo đuổi câu chuyện của mình. Khi chiếc xe dừng lại trên Đường 57 phía Đông, Abel quay sang George và quàng tay qua vai bạn.

- Nghe này, George, ông sẽ phải điều hành Tập đoàn trong khi tôi tìm cách biện hộ cho mình. Hãy hy vọng sau đó ông sẽ không phải tiếp tục điều hành Tập đoàn nhé. - Ông cố cười to.

- Đương nhiên sẽ không phải tôi rồi, Abel. Ông Jilks sẽ giải cứu ông, rồi ông sẽ thấy. Luôn mỉm cười nhé! - George nói và chia tay hai người trong khi họ bước vào tòa nhà.

- Tôi không biết phải làm sao nếu không có George. - Abel nói với Jilks khi hai người đã ngồi trong phòng khách

của Florentyna - Chúng tôi đi chung một con thuyền từ hơn bốn mươi năm trước, và từ sau đó chúng tôi đã trải qua đủ mọi gian truân. Bây giờ, có vẻ trước mắt chúng tôi còn phải lo thêm đủ thứ, nên phải quen thôi, ông Jilks ạ! Ông đã lần ra lão Osborne chưa?

- Chưa, nhưng tôi có sáu người đang đi tìm lão, và tôi hiểu Bộ Tư pháp có ít nhất sáu tháng nữa, nên ta có thể tin chắc một trong số chúng ta sẽ tìm được lão. Trừ khi ta muốn phe đối lập tìm được lão trước mình.

- Còn về kẻ mà Osborne đã bán tập tài liệu cho hắn? - Abel hỏi.

- Tôi đã cắt cử vài người tin cậy ở Chicago đi điều tra.

- Tốt rồi, - Abel bảo - bây giờ là lúc xem lại tập danh sách ông đưa cho tôi tối qua.

Jilks bắt đầu đọc lại bản cáo trạng và đi sâu vào từng tội trạng. Abel ngồi ghi chép.



Sau gần ba tuần liên tục gặp nhau, Jilks cuối cùng đã tin Abel không còn giấu giếm mình điều gì. Trong suốt ba tuần đó, người của Jilks cũng như Bộ Tư pháp không có đầu mối nào dẫn đến nơi ở của Henry Osborne. Không có bất cứ thông tin nào về người đã mua tập tài liệu của Henry và Jilks bắt đầu tự hỏi Abel phỏng đoán có đúng không. Họ cũng không tìm ra bất cứ mối liên quan trực tiếp nào tới William Kane.

Trong khi ngày xét xử đến gần, Abel bắt đầu đối diện với khả năng mình hiển nhiên phải vào tù. Ông đã năm mươi tư tuổi và ông thấy sợ hãi trước viễn cảnh phải sống những

năm cuối cùng của đời mình giống những năm đầu đời. Vì H. Trafford Jilks đã cho biết, nếu Chính phủ có thể chứng minh được vụ án này, tập tài liệu của Osborne có đủ bằng chứng để đẩy Abel vào tù một thời gian dài. Abel e rằng không có bất cứ hoạt động kinh doanh mới nào có thể tiến triển mà không có các loại hỗ trợ tài chính và những khoản đút lót nhỏ cho nhiều người có tên trong tài liệu của Jilks với độ chính xác đến đáng sợ. Ông cay đắng nghĩ đến khuôn mặt điềm tĩnh và thản nhiên của chàng trai trẻ William Kane ngồi trong văn phòng ở Boston bên một khối tiền được thừa hưởng, nguồn gốc đáng ngờ của số tiền ấy đã được chôn giấu kĩ lưỡng qua biết bao thế hệ những người đáng trọng.

Trong màn sương mù đầy bất hạnh quanh Abel bỗng xuất hiện những tia sáng. Florentyna viết một bức thư thống thiết kèm theo những bức ảnh về con trai cô, cô cho biết mình vẫn yêu thương và trân trọng cha cũng như tin ông vô tội.

Ba ngày trước khi đến phiên xử, Bộ Tư pháp tìm ra Henry Osborne ở New Orleans. Họ sẽ không bao giờ lần ra dấu vết của lão nếu lão không xuất hiện ở bệnh viện với hai chân bị gãy, sau khi chạy làng để trốn rất nhiều món nợ cờ bạc. Người ta không thích trò tiểu nhân đó ở New Orleans. Sau khi các y bác sĩ bó bột cho hai chân của Osborne, Bộ Tư pháp cho lão lên một chuyến bay của Eastern Airlines về New York.

Hôm sau, Henry Osborne bị buộc tội âm mưu lừa đảo và quyền bảo lãnh bị từ chối. H. Trafford Jilks xin tòa cho

phép được chất vấn lão. Thẩm phán chấp nhận yêu cầu của ông, nhưng Jilks chưa được vừa ý sau cuộc trao đổi kéo dài hàng giờ. Rõ ràng Osborne đã thỏa thuận với Chính phủ, đồng ý làm chứng để chống lại Abel hòng đối diện với bản án nhẹ hơn.

- Chắc chắn Osborne sẽ thấy những cáo buộc đối với lão là nhân từ đến ngỡ ngàng. - Ông luật sư lạnh lùng bình phẩm.

- Đó là trò của lão mà, - Abel nói - tôi sẽ bị buộc tội trong khi lão thoát tội. Bây giờ, chúng ta sẽ không bao giờ biết lão bán tập tài liệu chó chết đó cho kẻ nào.

- Không, đó chính là điều lão sẵn sàng nói đến. Lão quả quyết với tôi đó không phải là William Kane. Lão bảo lão sẽ không bao giờ bán tài liệu đó cho Kane, dù ông ta có trả giá bao nhiêu đi nữa. Một người ở Chicago tên là Harry Smith đã trả Osborne 25 nghìn đô cho tập tài liệu đó. Ông có tin không, Harry Smith hóa ra chỉ là một biệt danh thôi, có hàng tá gã Harry Smith ở Chicago và không ai giống như mô tả cả.

- Tìm kẻ đó đi. - Abel nói - Và tìm ra người này trước khi phiên tòa bắt đầu.

- Chúng tôi đang không ngừng tìm kiếm đây. - Jilks nói - Nếu anh ta vẫn ở Chicago, chúng tôi sẽ lần ra dấu vết. Osborne nói kẻ mang tên Harry Smith bảo với lão rằng anh ta chỉ muốn thông tin đó cho những mục đích riêng và không có ý định tiết lộ nội dung cho bất cứ ai trong giới cầm quyền.

- Vậy tại sao anh ta muốn có ngay tập tài liệu đó?

- Theo suy luận thì là để đe dọa tổng tiền. Đó là lý do Osborne biến mất: Lão muốn tránh xa ông. Nếu ông nghĩ kĩ, ông Rosnovski, ông sẽ thấy lão có thể nói đúng đấy. Rút cục, nội dung tập tài liệu đó đang vô cùng có hại cho lão, và lão chắc chắn đã cảnh giác không kém gì ông khi lão biết nó đang nằm trong tay Bộ Tư pháp. Không có gì lạ khi lão phải tìm cách nằm im và rồi đồng ý đứng ra làm chứng chống lại ông ngay khi họ lần ra lão ta.

- Ông biết không, - Abel nói - lý do duy nhất tôi thuê Osborne là vì lão căm hận William Kane không kém gì tôi, và giờ Kane biến điều đó thành lợi thế của hắn ta.

- Không có bằng chứng cho thấy ông Kane liên quan đến vụ này. - Jilks nói.

- Tôi không cần bằng chứng.



Phiên tòa bị hoãn lại theo yêu cầu của bên nguyên, họ cần thêm thời gian để chất vấn Henry Osborne, kẻ hiện giờ là nhân chứng chủ chốt của họ. Trafford Jilks phản đối mạnh mẽ và báo với tòa về sức khỏe của thân chủ ông, ông ta không còn trẻ nữa và đang suy sụp do căng thẳng từ những lời buộc tội vô căn cứ đối với mình. Lời thỉnh cầu không lay chuyển được Thẩm phán Prescott, ông đồng ý yêu cầu của bên nguyên và hoãn vụ án thêm bốn tuần nữa.

Về phía Abel, hai mươi tám ngày ấy trôi qua nhanh như vài giờ đồng hồ và hai ngày trước khi phiên tòa được mở,

ông đã chấp nhận mình sẽ bị kết tội và đối diện với một án tù lâu năm. Rồi điều tra viên của Jilks ở Chicago tìm được một người tên Harry Smith. Người này là thám tử tư ở địa phương, đã dùng tên giả theo những chỉ thị nghiêm ngặt từ khách hàng của ông ta, một công ty luật sư ở New York. Jilks tốn một nghìn đô và mất thêm hai mươi tư tiếng trước khi “Harry Smith” cho biết công ty có liên quan ấy là Cohen và Yablons.

- Thaddeus Cohen là luật sư riêng của William Kane. Họ học cùng nhau ở Harvard. - Abel nói - Và ngày trước, khi tôi mua Tập đoàn khách sạn từ ngân hàng của Kane, có vài công việc liên quan đến giấy tờ do một người tên Thomas Cohen thực hiện. Vì một vài lý do, ngân hàng đã dùng đến hai luật sư cho giao dịch đó.

- Ông muốn tôi xử lý chuyện này thế nào? - George hỏi Abel.

- Không cần. - Trafford Jilks xen vào - Chúng ta không cần thêm rắc rối trước khi tòa xét xử. Ông hiểu chứ, Rosnovski?

- Vâng. - Abel đáp - Tôi sẽ xử lý tên Kane ngay khi phiên tòa kết thúc. Giờ nghe nhé, ông Jilks, nghe kĩ nhé. Ông phải quay lại gặp Osborne ngay và cho lão ta biết tập tài liệu đó đã được “Harry Smith” chuyển thẳng đến cho William Kane, và Kane đang dùng nó để tìm cách trả thù cả hai chúng tôi, nhấn mạnh vào cụm từ “cả hai chúng tôi”. Tôi đảm bảo với ông, khi Osborne nghe thấy, lão sẽ không mở miệng làm chứng trước tòa đâu, dù lão đã hứa hẹn gì với Bộ Tư pháp. Trên đời này, Henry Osborne là kẻ căm thù Kane hơn cả tôi.

- Nếu đó là chỉ thị của ông, - Jilks rõ ràng vẫn chưa tin
- thì tôi sẽ thực hiện, nhưng tôi phải cảnh báo ông, ông Rosnovski, Osborne đổ hết trách nhiệm lên đầu ông và cho đến giờ lão ta chưa hề giúp đỡ phe ta chút nào.

- Chuyện này ông có thể tin tôi, ông Jilks. Thái độ của lão ta sẽ thay đổi vào lúc ông cho lão biết có Kane liên quan đến vụ này.

H. Trafford Jilks được phép dành thêm mười phút cùng Henry Osborne trong xà lim. Osborne lắng nghe nhưng không nói lời nào. Đối với Jilks, dường như tin tức của ông không làm lão thấy rung động nhưng ông quyết định sẽ đợi đến buổi sáng hôm sau, trước khi báo cho Abel. Ông muốn thân chủ của mình được ngủ ngon trước phiên tòa vào ngày hôm sau.

Bốn tiếng trước khi phiên tòa bắt đầu, lính gác đem bữa sáng đến và phát hiện Henry Osborne đã treo cổ trong xà lim.

Lão dùng một chiếc cà vạt của Harvard.



Phiên tòa mở ra trong khi Chính phủ không có nhân chứng, và luật sư của bên khởi tố xin thẩm phán cho thêm thời hạn. Sau phiên tòa, thêm một lời thỉnh cầu thống thiết khác của H. Trafford Jilks về tình trạng sức khỏe của thân chủ, Thẩm phán Prescott bác bỏ.

Công chúng theo dõi từng chi tiết về Phiên xử Nam tước Chicago trên truyền hình và báo chí - và Abel đã mất hết tinh thần khi Zaphia ngồi hàng ghế đầu trong phòng xử,

thần nhiên chiêm ngưỡng mọi khoảng khắc khổ sở của ông. Sau chín ngày hầu tòa, bên khởi tố biết vụ án này có chiều không thỏa đáng và họ đề nghị thỏa thuận. Trong suốt quá trình tạm nghỉ, Jilks nói qua cho Abel về đề nghị của họ.

- Họ sẽ bỏ những lời buộc tội chính về tội hối lộ nếu ông thừa nhận hành vi phi pháp tại hai điểm nhỏ về tội âm mưu gây ảnh hưởng trái phép đến một quan chức.

- Ông đánh giá cơ hội thoát tội hoàn toàn của tôi là bao nhiêu nếu tôi không nhận tội nào hết?

- 50-50, tôi ước đoán vậy. - Jilks nói.

- Và nếu tôi không thoát tội?

- Prescott rần lăm đấy. Án tù phải sáu năm, không giảm một ngày.

- Và nếu tôi đồng ý và nhận hai tội kia thì sao?

- Chịu phạt nặng thôi. Có gì khác thì tôi mới thấy lạ.

Abel ngồi yên lặng một lúc, cân nhắc hai lựa chọn.

- Tôi sẽ nhận tội. Hãy kết thúc chuyện thối tha này đi.



Người đại diện cho Chính phủ trước tòa cho thẩm phán biết họ đang hủy bỏ mười lăm tội trạng của Abel Rosnovski. H. Trafford Jilks đứng dậy trình với tòa về việc thân chủ của ông muốn thay đổi lời nhận tội sang hai tội nhẹ còn lại. Bồi thẩm đoàn giải tán. Thẩm phán Prescott không bằng lòng với kết luận đó, ông quả quyết với Abel rằng quyền thực hiện hoạt động kinh doanh không bao gồm quyền hối lộ công chức. Hối lộ là một tội, và là một tội nặng hơn khi một người tài năng và có quyền hành lại vi phạm, người này

không nên tự hạ thấp mình như vậy. Ở các quốc gia khác, hối lộ có thể được chấp nhận như một lối sống, nhưng ở Mỹ thì không có trường hợp nào như vậy, lời mĩa mai này khiến Abel một lần nữa cảm thấy mình là một kẻ nhập cư đại dột. Thảm phán tuyên Abel sáu tháng án treo và phạt hai mươi lăm nghìn đô, cộng với các khoản chi phí khác.

George đưa Abel trở về khách sạn Nam Tước và họ ngồi trên tầng thượng uống whiskey suốt hơn một tiếng hồ, bây giờ Abel mới chịu nói chuyện.

- George à, tôi muốn ông liên lạc với Peter Parfitt và trả cho ông ta số tiền ông ta muốn đổi với 2% cổ phần ở Ngân hàng Lester. Khi tôi có trong tay 8% của ngân hàng đó, tôi sẽ viện dẫn Điều 7 và bắt tên William Kane phải quỳ xuống trong chính phòng họp của hắn.

George buồn bã gật đầu, ông biết một trận chiến vừa kết thúc thì trận chiến khác sẽ bắt đầu ngay.



Ít ngày sau, Bộ Ngoại giao thông báo Ba Lan đã được công nhận quy chế tối huệ quốc trong ngoại thương với Mỹ và Đại sứ của Mỹ tại Warsaw sẽ là John Moors Cabot.

Vào một buổi tối tháng Hai rét buốt, William Kane ngồi xuống ghế và đọc lại bản báo cáo của Thaddeus Cohen.

Henry Osborne đã giao nộp tập tài liệu chứa đựng tất cả những thông tin ông cần để đánh bại Abel Rosnovski, lấy của ông hai mươi lăm nghìn đô và biến mất. Đúng bản chất lão ta, William vừa nghĩ vừa đặt lại bản sao tập tài liệu ấy vào tủ sắt. Bản gốc đã được Thaddeus Cohen gửi đến Bộ Tư pháp ở Washington.

Ngay khi Rosnovski từ Thổ Nhĩ Kỳ trở về và bị bắt giữ, William đã đợi ông ta trả thù mình, ông đoán đối thủ sẽ tung hết chứng khoán Interstate Airways của mình ra thị trường ngay lập tức. Lần này, ông đã chuẩn bị sẵn. Ông đã cảnh báo người môi giới của mình: Chứng khoán Interstate Airways sẽ ra thị trường với số lượng lớn, và chỉ thị của ông đã rõ ràng. Chứng khoán sẽ được mua ngay để không bị hạ giá. Ông đã sẵn sàng bỏ tiền trong tài khoản ra như một

biện pháp ngắn hạn để tránh bất cứ chuyện hiểu lầm nào ở ngân hàng. Ông cũng cho lưu hành một bản điều lệ cho các cổ đông của Ngân hàng Lester, yêu cầu họ không được bán bất của cổ phiếu nào của Interstate Airways mà không hỏi ý kiến ông trước.

Nhiều tuần trôi qua và không thấy phía Rosnovski có động tĩnh, William bắt đầu tin rằng Thaddeus Cohen đã đúng khi đoán sẽ không có manh mối nào để họ lần ra ông. Rosnovski chắc hẳn đổ mọi tội lên đầu Osborne.

Cohen đã đoán khi Osborne trở thành nhân chứng quan trọng nhất, Rosnovski sẽ phải ở sau chấn song một thời gian dài, không thể nào viện dẫn được Điều 7 và trở thành mối đe dọa cho ngân hàng hay William nữa. William hy vọng một lời kết án cũng sẽ khiến Richard hiểu ông và quay về nhà. Chắc chắn những tiết lộ về cha của cô gái kia có thể chỉ khiến anh xấu hổ và nhận ra cha để mình vẫn luôn đúng. Một cuộc ly hôn sẽ là minh chứng cuối cùng của William.

William sẽ sung sướng đón Richard quay về. Có hai vị trí còn trống trong Ban giám đốc của Ngân hàng Lester, Tony Simmons nghỉ hưu và Ted Leach mới qua đời. Thaddeus Cohen cũng cho biết Richard đã có một loạt thành quả đáng nể khi đại diện cho Florentyna, nhưng chắc chắn cơ hội để anh trở thành chủ tịch kế tiếp của Ngân hàng Lester sẽ có ý nghĩa hơn so với làm việc ở cửa hàng quần áo.

Còn có chuyện thúc giục William đó là ông không quan tâm nhiều đến thế hệ những giám đốc mới đang làm việc

cho Ngân hàng. Jake Thomas, Phó Chủ tịch, vẫn là người được tín nhiệm để kế thừa vị trí Chủ tịch của William. Ông ta có lẽ được đào tạo ở Princeton và tốt nghiệp loại xuất sắc, nhưng ông ta hay khoe mẽ - quá phô trương - William nghĩ, và quá tham vọng, hoàn toàn không hợp để trở thành chủ tịch kế tiếp của Ngân hàng Lester. William sẽ phải tiếp tục làm việc cho đến sinh nhật thứ 65, là mười một năm nữa, ông hy vọng mình có thể thuyết phục Richard quay về New York và cùng làm việc với ông ở ngân hàng một thời gian dài trước khi ông nghỉ hưu. Ông biết Kate sẽ mong Richard quay về với bất cứ điều kiện gì, nhưng trong những năm qua ông thấy thật khó để từ bỏ cách nhận định đúng đắn hơn của mình. Ôn trời, cuộc hôn nhân của Virginia đã viên mãn, và giờ cô đã có bầu. Nếu Richard không chịu từ bỏ con gái của Rosnovski và về nhà, William sẽ để lại tất cả cho Virginia - nếu cô có con trai.



William gặp cơn đau tim đầu tiên khi ông đang ngồi bên bàn làm việc ở ngân hàng. Cơn đau đó không nghiêm trọng, và bác sĩ bảo ông có thể sống thêm hai mươi năm nữa nếu ông chịu sống chậm lại.

William dưỡng bệnh ở nhà, miễn cưỡng cho phép Jake Thomas chịu toàn bộ trách nhiệm cho những quyết định của ngân hàng trong khi ông vắng mặt. Nhưng không thể ngồi yên quá lâu, ông bất tuân mọi mệnh lệnh của bác sĩ và trở lại làm việc. Ông nhanh chóng xác lập lại vị trí Chủ tịch của mình, ông sợ Thomas sẽ lạm quyền khi ông đi vắng.

Thỉnh thoảng bà Kate vẫn mạnh dạn đề nghị ông nên đến gặp trực tiếp Richard, song William vẫn sắt đá.

- Nó biết nó có thể về nhà bất cứ khi nào nó muốn mà. Nó chỉ cần chấm dứt quan hệ với con bé đó.



Ngày Henry Osborne tự sát, William lên cơn đau tim thứ hai. Kate ngồi bên giường ông suốt đêm, và bằng cách nào đó, nỗi ám ảnh của ông về phiên xử Abel Rosnovski sắp tới đã giúp ông sống được. Ông theo dõi tiến trình vụ án trên những bài viết của tờ *The New York Times* dù ông biết cái chết của Henry Osborne sẽ đặt Rosnovski vào một vị trí vững vàng hơn.

Khi Rosnovski thoát tội chỉ với sáu tháng án treo và hai mươi lăm nghìn đô, William buồn bã tới mức Kate sợ ông sẽ bị thêm một cơn đau tim nữa. Không khó để hiểu ra Chính phủ chắc chắn đã thỏa hiệp với luật sư của Rosnovski. Nhưng trong nhiều ngày, William cũng bất ngờ khi chính ông cảm thấy có chút tội lỗi, và ông thấy nhẹ lòng khi Rosnovski không phải ngồi tù.

Ngay khi phiên xử kết thúc, William không quan tâm Rosnovski có tung chứng khoán của Interstate Airways ra thị trường nữa hay không. Lần này ông đã chờ sẵn rồi. Nhưng vẫn không có chuyện gì xảy ra, và trong khi nhiều tuần qua đi, William bắt đầu không còn quan tâm đến Nam tước Chicago mà chỉ nghĩ về Richard, lúc này ông tha thiết muốn được gặp lại anh. “Tuổi già và nỗi sợ chết sẽ gây ra

những biến đổi bất chợt trong tim”, có lần ông đã đọc được câu đó.

Một buổi sáng tháng Chín, ông bảo Kate mình đã đổi ý. Bà không hỏi ông thêm, William cuối cùng đã muốn được đoàn tụ với con trai, với bà như vậy là đủ.

- Em sẽ gọi cho nó ngay và bảo cả hai đưa về New York.

- Bà nói và thấy bất ngờ đầy thú vị khi cụm từ *cả hai đưa* không khiến chồng bà phật ý.

- Được rồi! - William điềm tĩnh nói - Nhớ bảo Richard là anh muốn gặp lại nó trước khi anh chết.

- Đừng nói đại thế chứ anh yêu. Bác sĩ đã nói nếu anh sống chậm lại anh sẽ sống thêm hai mươi năm nữa.

- Anh chỉ muốn hoàn tất nhiệm kỳ chủ tịch của mình và được thấy Richard thay thế anh. Như vậy là khá đủ rồi. Tại sao em không bay sang bên đó lần nữa và bảo Richard anh rất muốn gặp nó... - ông do dự trước khi nói thêm - cả hai đưa nó.

- Anh nói *lần nữa* là sao? - Kate lo lắng hỏi.

- Anh biết em đã đi San Francisco nhiều lần trong những năm qua, em yêu ạ! Bất cứ khi nào anh đi công tác lâu hơn một tuần, em luôn lấy cớ đi thăm mẹ mình. Khi bà cụ mất năm ngoái, lý do ấy càng không đúng. Em vẫn đáng yêu như ngày đầu chúng ta gặp nhau, nhưng anh tin, ở tuổi năm mươi tư, em không thể có thêm người tình nữa. Nên không hề khó chút nào để đoán ra em đã đi thăm Richard. - William cười.

- Tại sao trước đó anh không nói đến chuyện này?

- Trong lòng anh rất vui, - William nói - anh ghét khi nghĩ đến cảnh hai chúng mình đều mất liên lạc với đứa con trai độc nhất. Nó thế nào rồi em?

- Cả hai đứa đều ổn và anh đã có một cháu gái và một cháu trai.

- Một cô cháu gái. - William nhắc lại.

- Vâng, tên nó là Annabel. - Kate nói.

- Còn đứa bé trai? - William hỏi.

Khi Kate nói tên đứa bé, ông đã phải mỉm cười. Chỉ có một nửa là sự thật.

- Tốt rồi. - William nói - Xem nào, hãy hy vọng Richard không ngốc như anh và sẽ đồng ý gặp anh. Bảo nó là anh yêu nó.

Ông đã một lần nghe thấy một người khác nói câu đó khi ông ta được biết mình sẽ mất đứa con trai.

Trong nhiều năm qua, đây là lúc Kate hạnh phúc nhất. Bà gọi cho Richard tối hôm đó để báo bà sẽ sớm bay sang thăm vợ chồng anh và lần này bà mang theo những tin mừng.



Ba tuần sau, Kate bay về New York, bà cho William biết Richard và Florentyna đã đồng ý về thăm hai người vào dịp năm mới. Bà chỉ kể về thành công của họ, cháu trai của William giống ông nội như thế nào, cháu gái Annabel xinh đẹp ra sao, và Richard mong mỗi biết bao được trở về New York thăm cha và giới thiệu vợ mình với ông. William thích thú trước mọi điều được nghe về Florentyna. Ông bắt đầu lo

sợ nếu Richard không trở về nhà sớm, Richard sẽ không bao giờ về sớm, thì chức chủ tịch của ngân hàng sẽ rơi vào tay Jake Thomas. William không buồn nghĩ đến điều đó nữa. Khi William lắng nghe vợ kể chuyện, ông thấy hạnh phúc và lòng bình an nhất trong suốt nhiều năm qua.



William trở lại làm việc vào thứ Năm của tuần sau đó, ông đã hồi phục nhanh hơn sau lần đau tim thứ hai này, giờ ông cảm thấy có thêm lẽ sống. Trở lại ngân hàng, người gác cửa chào đón ông và cho ông biết Jake Thomas đang đợi ông. William cảm ơn người làm công lâu năm của ngân hàng - người duy nhất đã phục vụ cho Ngân hàng Lester lâu hơn cả ông.

- Không có gì quan trọng đến mức không thể đợi, Harry ạ! - Ông đáp.

- Không có, thưa ngài!

William chậm rãi đi qua hành lang vào phòng Chủ tịch. Khi mở cửa, ông thấy Jake Thomas đang ngồi trên ghế của ông.

- Tôi đi vắng có lâu không? - William cười - Tôi không còn là Chủ tịch của Ban giám đốc nữa sao?

- Đương nhiên vẫn còn. - Thomas đứng dậy khỏi ghế Chủ tịch - Mừng ông trở lại, William.

William không tài nào quen được với cách thế hệ trẻ hơn hay vô tình gọi tên thật của ông. Ông và Thomas biết nhau mới chỉ ít năm và người này chưa thể quá bốn mươi tuổi.

- Có vấn đề gì vậy? - William hỏi.

- Abel Rosnovski. - Thomas thản nhiên đáp.

- Lần này ông ta muốn gì vậy? - Ông mệt mỏi hỏi. - Ông ta sẽ không cho tôi bình yên sống nốt những ngày tháng còn lại à?

- Ông ta định viện dẫn Điều 7 trong nội quy của ngân hàng và tổ chức một cuộc họp ủy nhiệm với mục đích duy nhất là loại bỏ ông khỏi ghế Chủ tịch.

- Không thể. Ông ta không sở hữu đủ 8% cổ phần cần thiết và nội quy của ngân hàng đã xác định rõ ràng Chủ tịch phải được thông báo ngay lập tức nếu bất cứ người nào ngoài Ngân hàng sở hữu đủ 8% cổ phần của Ngân hàng.

- Ông ta nói ông ta sẽ có thêm 2% nữa trước khi kết thúc giờ làm việc hôm nay.

- Không thể nào, - William nói - tôi vẫn luôn kiểm soát chặt chẽ tình hình cổ phần. Không ai nghĩ đến bán cổ phần cho Rosnovski cả. Không một ai.

- Còn Peter Parfitt thì sao?

- Tôi đã mua cổ phần của ông ta từ một năm trước thông qua một bên thứ ba. - William mỉm cười đắc thắng.

Jake Thomas có vẻ sốc, và một lúc lâu hai người không nói với nhau câu nào. Lần đầu tiên William nhận ra tham vọng trở thành Chủ tịch tiếp theo của Ngân hàng Lester ở Thomas.

- Xem nào, - Thomas nói ngay khi bình tâm lại - sự thật là Rosnovski đã tuyên bố mình sẽ có 8% vào tối nay, như vậy ông ta sẽ có quyền bầu chọn ba giám đốc vào Ban giám đốc và đưa ra bất cứ quyết sách lớn nào trong ít nhất

ba tháng - đó cũng là những điều khoản ông đã đưa vào điều lệ của công ty để bảo vệ vị trí lâu dài của mình. Ông ta cũng có ý tổ chức một buổi họp báo vào sáng thứ Hai tới để trình bày sơ qua về kế hoạch của mình cho tương lai của ngân hàng. Để an chắc hơn, ông ta đe dọa sẽ tiến hành đặt giá tiếp quản ngược đối với công ty nếu ông ta gặp bất cứ sự phản đối nào. Ông ta tuyên bố chỉ có duy nhất một điều khiến ông ta đổi ý.

- Điều gì? - William hỏi.

- Ông đệ đơn từ chức Chủ tịch.

- Tổng tiền thì có! - William gần như quát lên.

- Có thể lắm. Nhưng nếu ông không từ chức trước trưa thứ Hai tới, ông ta sẽ viết thư cho mọi cổ đông để yêu cầu ông từ chức. Và ông ta vừa đăng ký trước với 40 tờ báo và tạp chí để đăng bài.

- Ông ta điên rồi ư? - William cau mày và rút chiếc khăn tay từ túi áo ngực ra.

- Không hẳn đâu, - Thomas nói tiếp - ông ta cũng yêu cầu không cho người mang họ Kane được thay thế ông trong Ban giám đốc trong vòng mười năm tới, và việc ông từ chức sẽ không được viện cớ bệnh tật hoặc bất cứ lý do nào để ra đi.

Thomas đưa cho William một tập tài liệu dày có phần tiêu đề của Tập đoàn Nam Tước.

- Điên rồi! - William nhắc lại ngay khi ông lướt qua nội dung.

- Tuy thế, tôi đã triệu tập một cuộc họp Ban giám đốc vào lúc 10 giờ sáng mai. - Thomas nói - Chúng ta không thể

tiếp tục né tránh bàn về những yêu cầu của ông ta thêm nữa. - Không nói thêm, ông ta rời khỏi phòng, nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Không một ai làm phiền William suốt cả ngày hôm đó. Ông ngồi một mình bên bàn làm việc, cố gắng liên lạc với một số giám đốc không trực tiếp điều hành, nhưng ông chỉ nói chuyện được với một hoặc hai người trong số đó, và ông sớm nhận ra mình không còn tin vào sự ủng hộ của họ nữa trong khi cuộc họp ngày mai sẽ rất gấp gáp. Ông xem lại danh sách các cổ đông, và vẫn tự tin khi không ai bán đi cổ phần của mình. Ông cười vang một mình. Rosnovski sẽ ngã gục ngay rào cản đầu tiên.

Chiều hôm đó, William về nhà sớm và vào phòng làm việc để xem xét chiến thuật đánh bại Abel Rosnovski lần cuối cùng. Mãi đến 3 giờ sáng ông mới đi ngủ, lúc đó ông đã biết chính xác mình phải làm gì.

56

William đến cuộc họp Ban giám đốc với tâm thế sẵn sàng và ngồi trong văn phòng của mình để xem lại các ghi chép. Ông tự tin kế hoạch của mình đã bao trùm mọi tình huống có thể. Vào lúc 10 giờ kém 5, người thư ký gọi ông.

- Một người tên Rosnovski gọi điện cho ông, thưa Chủ tịch.

- Cái gì?

- Ông Rosnovski.

- Ông Rosnovski à? - William còn hồ nghi khi nhắc lại tên ấy - Nói máy cho ông ta. - Giọng ông hơi run rẩy.

- Chào ông!

- Ông Kane đấy ư? - Giọng nói nhẹ nhàng ấy William không bao giờ có thể quên được.

- Vâng. Lần này ông đang cố giành lấy thứ gì vậy? - Ông uể oải hỏi.

- Theo nội quy của ngân hàng, tôi phải báo cho ông biết tôi đang sở hữu 8% cổ phần trong Ngân hàng Lester, và tôi sẽ viện dẫn Điều 7 trong nội quy của ngân hàng trừ khi những yêu cầu của tôi được đáp ứng trước trưa thứ Hai.

- Ông đã có được 2% còn lại từ ai? - William lấp bắp.

Điện thoại ngắt. William nhìn lại danh sách những cổ đông, cố tìm ra kẻ nào đã phản bội ông. Ông vẫn còn run khi điện thoại rung lần nữa.

- Các thành viên trong Ban giám đốc đang đợi ông, thưa ông.



William bước vào phòng họp vào lúc 10 giờ 3 phút. Trong khi ông nhìn quanh bàn họp, ông nhận ra mình biết rất ít giám đốc trẻ. Nhưng trong lần cuối cùng ông phải tranh đấu để trở thành Chủ tịch, ông gần như không biết ai trong số họ và ông vẫn chiến thắng. Ông mỉm cười, có phần tự tin mình có thể lật tẩy trò lừa bịp của Rosnovski. Khi ông đứng dậy phát biểu trước Ban giám đốc, bài phát biểu của ông cũng đã được chuẩn bị kỹ lưỡng.

- Thưa các vị, cuộc họp này được triệu tập vì ngân hàng đã nhận được yêu cầu từ ông Abel Rosnovski của Tập đoàn Nam Tước, một tội phạm đã bị kết án, người đã trơ tráo đưa ra lời đe dọa trực tiếp với tôi, đó là ông ta sẽ dùng 8% cổ phần trong ngân hàng của tôi để gây khó khăn cho chúng ta. Nếu thủ đoạn đó thất bại, ông ta sẽ thực hiện đặt giá tiếp quản ngược, trừ khi tôi từ chức chủ tịch của Ban

giám đốc mà không cần giải thích. Tôi chỉ có chín năm còn lại để phục vụ dưới tư cách Chủ tịch, nếu tôi phải ra đi trước thời điểm đó, sự ra đi của tôi sẽ bị hiểu sai hoàn toàn ở Phố Wall.

Ông liếc xuống những ghi chép.

- Thưa các vị, tôi sẵn lòng đặt toàn bộ cổ phần của mình trong ngân hàng và thêm mười triệu đô từ tài sản riêng để ngân hàng tùy ý sử dụng nhằm đáp trả mọi hành vi của ông Rosnovski, như vậy cũng đảm bảo cho Ngân hàng Lester đương đầu với mọi thất thoát về tài chính. Thưa các vị, tôi hy vọng mình có thể tin cậy vào sự ủng hộ tuyệt đối của các vị. Tôi tin các vị sẽ không bỏ qua âm mưu trơ trẽn của Rosnovski nhằm tống tiền.

Cả phòng im lặng. William thấy mình chắc chắn đã thắng cho đến khi Jake Thomas hỏi Ban giám đốc có chất vấn về mối quan hệ giữa ông và Rosnovski hay không. Câu hỏi ấy làm ông ngỡ ngàng, nhưng ông đồng ý không do dự. Jake Thomas không hề khiến ông e sợ.

- Mối thâm thù giữ ông và ông Rosnovski, - Thomas nói - đã diễn ra suốt ba mươi năm qua. Ông có tin rằng nếu chúng tôi chấp nhận đề xuất của ông, mối thù đó sẽ chấm dứt không?

- Ông ta có thể làm gì thêm nữa? Ông ta có thể thù hằn gì nữa nào? - William run rẩy, nhìn quanh phòng họp để tìm trợ giúp.

- Chúng tôi không thể hình dung bước đi tiếp theo của ông ta. - Thomas nói.

- Và với 8% cổ phần trong ngân hàng, ông ta có thể ra điều kiện để buộc chúng ta phải tuân theo. - Hamilton thêm vào, đó là thư ký mới của công ty, William không hề lựa chọn ông ta, ông ta nói quá nhiều - Tất cả chúng ta chỉ biết cả hai người các ông dường như đều không sẵn lòng chấm dứt mối thù. Dù ông đã đề nghị mười triệu đô từ tiền riêng của mình để bảo vệ vị trí tài chính của ngân hàng, nếu Rosnovski liên tục đưa ra những quyết sách, triệu tập những cuộc họp ủy quyền và tổ chức đặt giá tiếp quản trong khi hoàn toàn không quan tâm đến lợi nhuận dài hạn của Ngân hàng, thì hành vi ấy vẫn có thể gây hoang mang giữa những nhà đầu tư của chúng ta và các đối thủ của ta sẽ chiếm được lợi thế. Ngân hàng và những công ty phụ mà chúng ta được ủy thác nhiệm vụ dưới tư cách những giám đốc sẽ bị gây trở ngại nhiều nhất và trường hợp xấu nhất là có thể sụp đổ.

- Không, không! - William nói - Với sự trợ giúp của riêng tôi, chúng ta có thể đương đầu với ông ta.

- Quyết định của chúng tôi hôm nay, - người thư ký có vẻ cũng đã chuẩn bị sẵn giống như William - là có hay không có những trường hợp mà Ban giám đốc phải đối đầu với ông Rosnovski, nếu chuyện đối đầu khiến chúng ta chịu thất bại về lâu về dài.

- Không có, nếu tôi đứng ra chịu trả giá bằng chính tiền của mình. - William nói.

- Không phải vấn đề tiền bạc. - Thomas nói - Bây giờ ông Rosnovski có thể viện dẫn Điều 7, ngân hàng có thể sẽ

phải dành trọn thời gian để tìm cách lường trước bước đi kế tiếp của ông ta.

Thomas đợi cho tác dụng từ lời nói của mình thấm vào người khác trước khi ông ta tiếp tục.

- Bây giờ, tôi phải hỏi ông một câu hỏi riêng hết sức nghiêm túc, thưa ông Chủ tịch, câu hỏi này liên quan đến tất cả những người ngồi quanh bàn họp này. Tôi hy vọng ông sẽ thẳng thắn trả lời, dù có khó chịu đến đâu đi nữa.

William ngẩng lên, không rõ câu hỏi ấy như thế nào. Họ đã bàn luận những gì sau lưng ông?

- Tôi sẽ trả lời bất cứ câu hỏi nào Ban giám đốc yêu cầu.
- William nói - Tôi không che giấu điều gì và không phải e sợ ai. - Ông nhìn Thomas bằng vẻ mỉa mai.

- Cảm ơn ông! - Thomas không nao núng - Ông Chủ tịch, ông có liên quan hay không đến việc gửi một tập tài liệu cho Bộ Tư pháp ở Washington khiến ông Rosnovski bị bắt giữ và kết tội gian lận, khi cùng lúc đó ông biết ông ta là cổ đông lớn của ngân hàng mình?

- Ông ta nói với ông như vậy sao? - William gắng hỏi.
- Vâng. Ông ấy khẳng định ông là lý do duy nhất khiến ông ấy bị bắt giữ.

William mất một lúc để cân nhắc câu trả lời. Ông không bao giờ nói dối trước Ban giám đốc trong hơn hai mươi ba năm qua, và giờ đây ông cũng không có ý định nói dối.

- Vâng, đúng là như vậy. - Ông phá vỡ sự im lặng - Khi những thông tin đó đến tay tôi, tôi xem như mình có nhiệm vụ phải chuyển chúng đến cho Bộ Tư pháp.

- Tại sao ông lại có được những thông tin ấy?

William không đáp.

- Tôi nghĩ tất cả chúng tôi biết câu trả lời của câu hỏi ấy, thưa ông Chủ tịch. - Thomas nói - Hơn thế, ông đã quyết định hành vi ấy mà không thông qua Ban giám đốc, đẩy tất cả chúng tôi vào tình thế hiểm nghèo. Danh tiếng, sự nghiệp của chúng tôi, những gì Ngân hàng này đại diện - chỉ vì một mối thù riêng.

- Nhưng Rosnovski đang tìm cách phá tôi! - William biết mình đang quá lên.

- Do vậy, để phá lại ông ta, ông đã mạo hiểm cả thanh danh và sự ổn định lâu bền của Ngân hàng.

- Đây là Ngân hàng của tôi. - William nói.

- Đây không phải Ngân hàng của ông. - Thomas cứng rắn - Ông sở hữu 8% cổ phần, Rosnovski cũng vậy. Ông có thể là Chủ tịch tại thời điểm này, nhưng Ngân hàng không phải của ông để ông dùng vào ý thích riêng mà không cần hỏi đến những giám đốc khác.

- Vậy tôi sẽ phải nhờ Ban giám đốc bỏ phiếu tín nhiệm.

- William nói - Tôi sẽ nhờ các vị hỗ trợ tôi chống lại Abel Rosnovski.

- Đó đâu phải mục đích của bỏ phiếu tín nhiệm. - Ông thư ký nói - Đây là bỏ phiếu để xem ông có còn là người xứng đáng để tiếp tục điều hành Ngân hàng trong tình huống hiện giờ hay không. Ông không hiểu sao, ông Chủ tịch?

- Được thôi. - William nói - Ban giám đốc phải quyết định chấm dứt sự nghiệp của tôi trong nhục nhã sau gần

một phần tư thế kỷ phục vụ, hoặc chịu thua trước những lời đe dọa của một tên tội phạm đã bị kết án.

Jake Thomas gật đầu với ông thư ký và những tờ phiếu được chuyển cho những thành viên của Ban giám đốc. Đối với William, mọi chuyện bắt đầu có vẻ như đã được lên kế hoạch từ rất lâu trước khi buổi họp diễn ra. Ông liếc nhìn quanh chiếc bàn họp có hai mươi chín người ngồi kín. Nhiều người do chính ông lựa chọn. Một số chắc chắn không để cho Rosnovski loại bỏ ông khỏi phòng họp này. Không phải lúc này. Không phải theo cách này.

Ông quan sát các thành viên trong Ban giám đốc chuyển những lá phiếu về cho ông thư ký. Ngay khi tất cả số phiếu được giao lại, Hamilton bắt đầu chậm rãi mở chúng ra, tỉ mỉ ghi chép những kết quả “đồng ý” và “không đồng ý” vào hai cột trên một mảnh giấy trước mặt ông. William có thể thấy một bên dài hơn bên kia rất nhiều, nhưng ông không thể xác định đó là “đồng ý” hay “không đồng ý”. Cuối cùng, thư ký thông báo kết quả bỏ phiếu đã có. Rồi ông ta trình trọng tuyên bố William đã không được tín nhiệm của Ban giám đốc, mười bảy người không đồng ý và mười hai người đồng ý.

William không thể tin vào những gì vừa nghe. Abel Rosnovski đã đánh bại ông trong chính phòng họp của ông. Ông chống ba toong tìm cách đứng dậy, nhưng không ai nói lời nào khi ông rời khỏi phòng. Ông về văn phòng của mình và lấy áo khoác, chỉ dừng lại để nhìn lên chân dung Charles Lester lần cuối cùng trước khi chậm chạp bước xuống hành lang và tiến ra cửa trước.

Harry mở cửa cho ông và nói:

- Rất vui được gặp lại ông, ông Chủ tịch. Hẹn gặp ông ngày mai nhé.

William biết mình sẽ không bao giờ gặp lại Harry. Ông quay lại và bắt tay người đã dẫn ông lên phòng họp của Ban giám đốc hai mươi ba năm trước. Harry thấy lạ.

- Chúc ông ngủ ngon! - Harry nói và nhìn theo William leo lên ghế sau trên xe của ông và lái xe đưa ông về nhà.

Trong lúc bước ra khỏi chiếc xe ở Đường 68 phía Đông, William đã sụp xuống vỉa hè trước cửa nhà. Người lái xe và Kate phải đỡ ông đi lên từng bậc để vào nhà. Kate thấy ông đang khóc khi bà ôm ông.

- Chuyện gì vậy, William? Chuyện gì đã xảy ra?

- Anh vừa bị đuổi ra khỏi ngân hàng. - Ông khóc - Ban giám đốc của anh không còn tin anh nữa. Khi cần, họ lại ủng hộ Rosnovski.

Kate gắng đưa ông lên giường và ngồi bên ông suốt đêm đó. Ông không nói thêm lời nào. Cũng không ngủ được.



Sáng thứ Hai sau đó, *The Wall Street Journal* có một thông báo ngắn gọn: *William Lowell Kane, Chủ tịch Ngân hàng Lester, đã từ chức trong buổi họp của Ban giám đốc vào thứ Sáu tuần trước.* Không có lời giải thích cho sự ra đi đột ngột ấy và không có ý kiến về chuyện con trai ông sẽ thay thế vị trí của ông trong Ban giám đốc. William ngồi trên giường, ông biết những tin đồn đang lan đi khắp Phố

Wall sáng nay, và những điều xấu xa nhất sẽ được người ta xem là thật. Ông không còn đoái hoài đến thế giới này nữa.

Sau khi Abel Rosnovski cũng đọc được thông báo ấy, ông nhấc máy, quay số của Ngân hàng Lester và yêu cầu được nối máy với vị Chủ tịch mới. Lát sau, Jake Thomas nghe máy.

- Chào buổi sáng, ông Rosnovski.

- Chào buổi sáng, ông Thomas. Tôi chỉ gọi để chúng thực mình sẽ bán các cổ phiếu của Interstate Airways cho ngân hàng theo giá thị trường ngay sáng nay và tôi tặng riêng ông hai triệu đô trong 8% cổ phần của tôi ở Ngân hàng Lester.

- Cảm ơn ông, ông Rosnovski, ông thật vô cùng hào phóng.

- Không cần cảm ơn tôi đâu, ông Chủ tịch. - Abel nói - Chỉ là chúng ta đã thỏa thuận khi ông bán 2% cổ phần của mình cho tôi thôi.

PHẦN TÁM

1963-1967



Abel ngạc nhiên khi chiến thắng chung cuộc không khiến ông thỏa mãn như ông tưởng. Một chiến thắng phải trả giá đắt. George cố thuyết phục ông đi du lịch Warsaw và xem vài khu đất khả thi để xây khách sạn mới, nhưng ông không có hứng. Càng về già, ông càng sợ phải chết ở nơi xứ người mà không bao giờ được gặp lại Florentyna, và trong nhiều tháng, ông ít khi để tâm đến công việc của Tập đoàn.

Khi Tổng thống John F. Kennedy bị ám sát vào ngày 22 tháng Mười một năm 1963, Abel càng chán nản hơn, ông bắt đầu thấy sợ đất nước này. Cuối cùng, George đã thuyết phục được ông, một chuyến đi nước ngoài có thể có lợi cho ông và ông sẽ lấy lại được sinh lực.

Abel nghe lời George khuyên và bay thẳng sang Warsaw, suốt đời ông chưa bao giờ nghĩ mình sẽ có một chuyến bay như vậy. Khả năng thành thạo về ngôn ngữ và giai đoạn dài đấu tranh cho Ba Lan được ghi nhận đã giúp ông thắt chặt thêm một thỏa thuận bảo mật từ Chính phủ

để xây dựng khách sạn Nam Tước đầu tiên trên một quốc gia cộng sản. Ông rất hài lòng khi vượt được Conrad Hilton và Charles Forte để trở thành chủ khách sạn quốc tế đầu tiên phía sau Bức màn sắt. Nhưng ông không thể không nghĩ ngợi... Và nghĩ cũng chẳng giúp ích được khi Lyndon Johnson chỉ định John Gronowski trở thành đại sứ của người Mỹ gốc Ba Lan. Nhưng dường như không có điều gì cho ông cảm giác thực sự thỏa mãn nữa. Ông có thể đánh bại William Kane, nhưng ông đã mất con gái, ông ngờ rằng Kane cũng đang có chung vấn đề này với người con trai.

Sau khi thỏa thuận ở Warsaw được ký, ông dạo chơi khắp thế giới, ở lại trong những khách sạn mình đang sở hữu, ngắm nhìn những khách sạn mới đang được xây và lựa chọn những khu đất cho những khách sạn ông có thể sẽ không còn sống để được trông thấy. Ở Cape Town, ông khai trương khách sạn Nam Tước đầu tiên tại Nam Phi, rồi ông bay sang Đức để khai trương một khách sạn nữa ở Düsseldorf. Ông nấn ná suốt sáu tháng ở khách sạn Nam Tước mình ưa thích tại Paris, đi dạo trên khắp các đường phố suốt cả ngày và đi nghe opera, xem kịch buổi tối, hy vọng làm sống lại những ký ức tươi đẹp về ngày tháng ông cùng Florentyna đến đây.

Sau cùng, ông rời Paris và trở về Mỹ. Trong khi bước xuống cầu thang sắt của chiếc Air France 707 tại Sân bay Quốc tế Kennedy, ông khom lưng xuống và một chiếc mũ đen che kín cái đầu hói của ông nên không ai nhận ra ông. George, vẫn như mọi khi, đã ở đó đón ông, chung thủy và chân thành, trông George đã già hơn trước ít nhiều.

Trên đường về Manhattan, George báo lại cho ông những tin tức mới nhất của Tập đoàn. Lợi nhuận tiếp tục tăng lên khi những lãnh đạo trẻ cừ khôi đang hăng hái hướng về mọi quốc gia lớn mạnh trên thế giới. Bẩy mươi hai khách sạn với hai mươi hai nghìn nhân viên. Abel hình như không lắng nghe. Ông chỉ muốn biết tin của Florentyna.

- Con bé ổn mà. - George bảo - Nó sẽ về New York ngay năm sau thôi.

- Tại sao? - Abel bắt chợt sôi nổi.

- Nó sẽ mở một cửa hàng ở Đại lộ 5.

- Đại lộ 5? May là ông không cá cược với tôi, George ạ!

- Cửa hàng Florentyna thứ mười một. - George cười.

- Ông đã gặp nó chưa, George?

- Rồi.

- Nó khỏe chứ, nó có hạnh phúc không?

- Cả hai đứa đều khỏe và hạnh phúc, rất thành đạt. Abel này, ông sẽ phải tự hào về chúng. Cháu trai của ông rất khéo, và cháu gái - nó giống hệt Florentyna khi ở tuổi ấy.

- Con bé sẽ gặp tôi chứ?

- Ông sẽ bằng lòng gặp chồng nó chứ?

- Không, George ạ! Tôi không bao giờ có thể gặp cậu ta, không thể gặp khi cha cậu ta còn sống.

- Thế nếu ông chết trước thì sao?

- Ông không được tin vào những gì đọc trong Kinh thánh. - Abel nói. Hai người lặng lẽ quay về khách sạn và tối hôm đó Abel ăn tối một mình trong phòng.

Trong sáu tháng tiếp theo, ông gần như không rời khỏi tầng thượng ấy.

Khi Florentyna Kane khai trương cửa hàng mới ở Đại lộ 5 vào tháng Ba năm 1967, mọi người dân New York dường như đều có mặt để dự lễ khai trương, ngoại trừ William Kane và Abel Rosnovski.

Kate đắp thêm chắn cho William rồi để ông nằm cầu nhàu một mình trong khi bà cùng Virginia và Lucy đến dự buổi khai trương. George để Abel lại một mình trên tầng thượng và sang Đại lộ 5. Ông đã tìm cách khuyên bạn đi cùng mình. Abel lâu lâu bảo con gái ông đã dám mở mười cửa hàng mà không cần có ông, vậy thêm một cửa hàng nữa thì cũng đâu có khác gì. George bảo ông là ông già ngốc ngoan cố rồi đi sang Đại lộ 5 một mình. Abel biết bạn mình đã đúng.

George đến nơi và thấy đó là một cửa hàng thời trang hiện đại bậc nhất với những tấm thảm dày và đồ dùng của Thụy Điển loại mới nhất - ông nhớ ra lối làm việc của Abel ngày trước. Florentyna đang mặc chiếc áo dài màu xanh lục, trên cổ áo có hai chữ F lúc này đã nổi tiếng. Cô mời

George một ly rượu sâm banh và giới thiệu ông với Kate và Lucy Kane, hai người đang nói chuyện với Zaphia. Kate và Lucy thực sự rất vui sướng, Virginia khiến George bất ngờ khi cô hỏi về ông Rosnovski.

- Tôi bảo ông ấy là một ông già ngốc ngoan cố nên mới bỏ lỡ một bữa tiệc tuyệt vời như vậy. Ông Kane có đến không? - Ông hỏi.

- Không, - Kate nói - tôi e ông ấy cũng là một ông già ngốc ngoan cố nữa.

William vẫn còn đang lảo đảo khi trên *The New York Times* có tin Johnson chưa tung hết lực lượng tấn công ở Việt Nam, ông gấp tờ báo lại và ra khỏi giường. Ông chậm chạp mặc đồ, rất chậm, trước khi soi gương. Trông ông giống một chủ tịch ngân hàng. Mặt ông cau lại. Trông ông sẽ còn thế nào nữa? Ông chậm chậm đi xuống cầu thang. Ông mặc chiếc áo khoác màu đen nặng trĩu và đội chiếc mũ Homburg cũ - chiếc mũ Rupert Cork-Smith để lại cho ông - và nặng nhọc lê bước ra phố. Lần đầu tiên trong gần trọn ba năm qua ông ra ngoài một mình. Người nữ phục vụ thấy lạ khi thấy ông Kane rời khỏi nhà mà không có ai đi cùng.

Đó là một buổi tối mùa đông ấm áp lạ thường, nhưng William vẫn thấy lạnh vì ông đã ở trong nhà khá lâu. Ông mất một lúc lâu để đi bộ sang Đại lộ 5 và Đường 56, mỗi bước chân lại chậm hơn và cuối cùng ông cũng đã thấy được một đám đông từ trong cửa hàng Florentyna đang đổ ra vỉa hè. Ông thấy mình không đủ sức để chen qua nên ông đứng trên hè phố và quan sát. Những người trẻ tuổi, vui

sương và sôi nổi, đang chen chúc nhau để vào cửa hàng thời trang của Florentyna Kane. Một vài cô gái mặc váy ngắn kiểu mới của London. Điều gì tiếp theo đây, William nghĩ. Rồi ông nhận ra Richard đang nói chuyện với Kate. Anh đã trở thành người đàn ông bảnh bao, cao lớn, tự tin và thư thái, ở anh có dáng vẻ của nhà lãnh đạo khiến William nhớ về cha mình. Nhưng trong số đám người đang hối hả và nô nức vào cửa hàng, ông không sao nhìn ra ai là Florentyna. Ông đứng đó gần một tiếng để thích thú ngắm nhìn những người đến và đi, ông thấy hối hận về những năm tháng sống cố chấp đã trôi qua.

Những cơn gió tháng Ba bắt đầu đuổi nhau trên Đại lộ 5. Ông đã quên gió lạnh thế nào rồi. Ông dựng cổ áo lên. Ông phải về nhà vì cả nhà sẽ về ăn tối hôm nay và lần đầu tiên ông sẽ được gặp Florentyna và các cháu ông, và sẽ được đoàn tụ với đứa con trai yêu dấu. Ông đã bảo Kate lâu nay mình là lão ngốc và xin bà tha lỗi. Bà chỉ nói: “Em luôn luôn yêu anh”. Florentyna đã viết thư cho ông. Một bức thư ân cần và đầy độ lượng. Cô đã hiểu rõ mọi chuyện ngày trước và kết lại bằng câu: “Con mong được gặp cha”.

Ông phải về nhà thôi. Kate sẽ giận ông nếu bà biết ông đã ra ngoài một mình giữa trời gió lạnh như vậy. Cả nhà sẽ kể cho ông nghe về buổi khai trương trong bữa tối. Ông sẽ không cho họ biết ông đã đến đó - điều ấy sẽ luôn là bí mật của ông.

Khi ông quay lại để ra về, ông trông thấy một ông già đứng cách mình vài mét, ông ta mặc chiếc áo khoác đen, mũ kéo xuống che kín đầu và quàng khăn. Trời tối không

dành cho người già, William vừa nghĩ vừa đi về phía ông ta. Và ông thấy chiếc vòng bạc ấy trên cổ tay người kia. Trong thoáng chốc, mọi hình ảnh cũ quay về với ông và đến bây giờ ông đã hiểu ra tất cả. Tại tiệc trà ở khách sạn Plaza, sau đó là trong văn phòng của ông ở Boston, rồi trên chiến trường ở Đức, và bây giờ ở Đại lộ 5. Người kia chắc hẳn đã đứng ở đó lâu rồi, vì khuôn mặt ông ta đã đỏ ửng và lạnh căm do gió đông. Ông ta chăm chú nhìn William bằng đôi mắt xanh quen thuộc. Hai người lúc này chỉ cách nhau vài bước chân. Khi William đi ngang qua, ông nâng mũ lên chào ông già ấy. Ông ta cũng khẽ nâng mũ đáp lại và hai người tiếp tục lặng lẽ đi theo hai lối khác nhau.



Mình phải về nhà trước mọi người, William nghĩ. Niềm vui được trông thấy Richard và các cháu khiến cho tất cả đều thật ý nghĩa. Ông phải làm quen với Florentyna, xin cô tha thứ và ông tin cô sẽ hiểu được đôi điều chính ông không tự hiểu được. Thật là một người phụ nữ thiện lương, ai cũng nói với ông như vậy.

Khi đến Đường 68 phía Đông, ông lóng ngóng cầm chìa khóa mở cửa chính. - Bật hết đèn lên nào, - ông bảo người nữ giúp việc - và đốt lò sưởi lên để mọi người thấy được chào đón. - Ông thấy toại nguyện và cũng rất mệt - Kéo hết rèm ra và thấp nến trên bàn ăn nhé. Có rất nhiều sự kiện đáng ăn mừng.

Ông nóng lòng mong cả nhà trở về. Ông ngồi trên chiếc ghế da cũ màu hạt dẻ cạnh lò sưởi và sung sướng nghĩ về

buổi tối ông sắp có. Các cháu sẽ vây quanh ông, những tháng năm ông đã bỏ lỡ. Khi nào thì đưa cháu trai bé nhỏ của ông học đếm nhỉ? Sau cùng, William thấy mình đã có cơ hội để quên đi quá khứ và có được sự tha thứ trong tương lai. Căn phòng rất đẹp và ấm cúng sau những cơn gió lạnh...

Ít phút sau, tầng dưới có tiếng người rộn ràng sôi nổi và bà giúp việc bước vào để báo cho Kane biết con trai ông vừa về đến nơi. Anh đang ở ngoài hành lang với bà Kane cùng vợ mình và hai đứa trẻ đáng yêu nhất mà bà giúp việc từng gặp. Rồi bà chạy đi để chuẩn bị bữa tối cho đúng giờ. Ông muốn tối nay tất cả phải thật hoàn hảo.

Richard bước vào phòng, Florentyna đi bên cạnh anh. Cô đẹp rạng ngời.

- Cha à, - anh gọi - con đưa vợ con về gặp cha.

Lẽ ra William Lowell Kane sẽ đứng dậy đón con dâu, nhưng giờ ông không thể. Ông đã qua đời.

Abel đặt chiếc phong bì lên bàn cạnh giường. Ông vẫn chưa thay quần áo. Những ngày này, hầu như quá trưa ông mới dậy. Ông cố đặt khay đồ ăn sáng xuống sàn nhà nhưng động tác ấy đòi hỏi thân thể già nua cứng nhắc của ông phải rất khéo léo mới thực hiện được. Trước sau gì ông cũng đành buông mạnh chiếc khay xuống sàn. Hôm nay cũng vậy. Ông cũng không buồn bận tâm nữa. Ông cầm chiếc phong bì lên lần nữa và đọc lại ghi chú bên ngoài lần thứ hai.

- Chúng tôi được ông Curtis Fenton - đã qua đời - nguyên là quản lý của Ngân hàng Tín dụng Continental ở phố LaSalle tại Chicago, yêu cầu gửi đến ông lá thư này khi xảy ra những trường hợp nhất định. Phiên ông ký tên lên bản sao lá thư được gửi kèm và gửi lại cho chúng tôi bằng phong bì đã đề địa chỉ và dán tem được cung cấp sẵn.

- Bọn luật sư chết tiệt. - Abel xé phong bì ra.

Ông Rosnovski thân mến!

Bức thư này được luật sư của tôi cất giữ cho đến tận hôm nay vì nhiều lý do, ông sẽ được sáng tỏ khi đọc.

Vào năm 1951, ông đã đóng các tài khoản của mình ở Ngân hàng Tín dụng Continental sau hơn 20 năm làm việc cùng ngân hàng, hiển nhiên tôi rất buồn bã và lo lắng. Tôi không lo bị mất một trong số những khách hàng giá trị nhất của ngân hàng, dù có buồn, mà vì chính ông đã nghĩ tôi là kẻ giả trò hèn hạ. Ông không biết tại thời điểm đó tôi đã nhận những chỉ thị đặc biệt từ người trợ giúp ông để không cho ông biết một số sự việc cụ thể.

Khi ông đến gặp tôi lần đầu ở ngân hàng vào năm 1929, ông đã yêu cầu trợ giúp tài chính để xóa nợ cho ông Davis Leroy và để ông có thể giành quyền sở hữu các khách sạn, là nền tảng hình thành nên Tập đoàn Nam Tước. Cá nhân tôi quan tâm đến trường hợp của ông, vì tôi tin ông có sự tinh nhạy khác thường trong sự nghiệp ông đã chọn. Khi đã già, tôi vô cùng hài lòng khi chúng kiến niềm tin của mình được đặt đúng chỗ. Nhưng thực ra, tôi không thể tìm được người hỗ trợ cho ông, dù đã tiếp cận nhiều nhà tư bản hàng đầu. Có thể nói rằng, tôi cũng cảm thấy có chút trách nhiệm đối với tình trạng khó khăn của ông, tôi đã khuyên ông mua 25% trong Tập đoàn Richmond từ khách hàng của tôi, bà Amy Leroy, khi tôi không hề hay biết những khó khăn tài chính ông Leroy đang đối mặt thời điểm ấy. Tôi đã lạc đề mất rồi.

Tôi đã chịu từ bỏ hy vọng tìm kiếm người trợ giúp cho ông khi ông đến gặp tôi vào buổi sáng thứ Hai đó. Tôi tự hỏi ông có nhớ được rõ ngày hôm đó như tôi không? Chỉ ba mươi phút trước giờ hẹn tôi mới nhận được cuộc gọi từ một nhà tư bản tài chính sẵn lòng đưa ra số tiền ông cần. Giống tôi, ông ấy vô cùng tin tưởng vào khả năng của ông. Quy định duy nhất của ông ta, như tôi đã nói với ông lần đó, là ông ta nhất định sẽ giấu tên vì một xung đột tiềm tàng giữa những lợi ích cá nhân và nghề nghiệp. Những điều khoản ông ấy đưa ra, để cuối cùng ông có được quyền điều hành Tập đoàn Richmond, theo tôi thấy là vô cùng rộng lượng, và ông có quyền tận dụng tất cả. Quả thực, người trợ giúp ông đã rất sáng suốt khi ông có thể trả hết được số tiền đầu tư ban đầu kèm theo tiền lãi cho ông ta khi tự mình làm việc miệt mài gian khổ.

Tôi đã mất liên lạc với cả hai người từ sau năm 1951, nhưng ngay sau khi nghỉ hưu, tôi đã đọc được một câu chuyện buồn trên báo về người giúp đỡ ông, câu chuyện đã thôi thúc tôi viết lá thư này, phòng khi tôi qua đời trước một trong hai ông.

Tôi viết thư không để chứng tỏ những mục đích tốt đẹp của mình trong chuyện này, mà để ông không còn tiếp tục sống trong lầm tưởng, cho rằng ân nhân của mình là ông David Maxton - chủ khách sạn Stevens. Ông Maxton là người vô cùng khâm phục ông, nhưng ông ấy không hề đến Ngân hàng với tư cách người trợ giúp ông. Người đã tin tưởng ông và tin vào tương lai của Tập đoàn

Nam Tước chính là William Lowell Kane, cựu Chủ tịch của Ngân hàng Lester ở New York.

Tôi đã khẩn xin ông Kane cho ông biết về sự góp sức của cá nhân ông ấy, nhưng ông ấy đã từ chối, không muốn phá vỡ một điều khoản trong chứng thư tín thác, trong đó quy định người thụ hưởng không được giữ bí mật về mọi khoản đầu tư từ tiền của gia đình, vì có thể gây ra xung đột ở ngân hàng. Sau khi ông trả xong số nợ đó và ông ấy biết Henry Osborne có giao thiệp với Tập đoàn Nam Tước, ông ấy thậm chí còn kiên quyết không để ông biết mọi chuyện.

Tôi đã dặn lại, lá thư này sẽ bị tiêu hủy nếu ông qua đời trước ông Kane. Trong trường hợp đó, ông ấy sẽ nhận được một lá thư tương tự giải thích vì sao ông hoàn toàn không biết đến tấm lòng quảng đại của cá nhân ông ta.

Dù ai trong hai người nhận được thư của tôi, tôi cũng đã có được đặc ân phục vụ cho cả hai người.

Tôi vẫn luôn là người giúp việc trung thành của ông.

Curtis Fenton

Abel cầm máy điện thoại cạnh giường lên.

- Tìm ông George cho tôi nhé! - Ông nói - Tôi cần thay đồ.

Bà nội Kane hẳn sẽ hài lòng với danh sách những người có mặt trong đám tang của William Lowell Kane. Ba Thượng nghị sĩ, năm Nghị sĩ, hai Giám mục, phần lớn những chủ tịch ngân hàng hàng đầu và Chủ báo *The Wall Street Journal* đều có mặt đầy đủ. Jake Thomas và mọi giám đốc của Ban giám đốc Lester cũng đến cúi đầu cầu nguyện trước vị Chúa mà William chưa bao giờ sùng bái. Richard và Florentyna đứng cạnh Kate, Virginia và Lucy đứng phía bên kia bà.

Rất ít người trong đám tang nhận ra hai ông già cũng đứng cúi đầu ở phía trong cùng nhà thờ, giống như họ không liên quan đến đoàn người đưa tang. Họ đến muộn ít phút và nhanh chóng ra về khi đám tang kết thúc. Florentyna nhận ra dáng đi tập tễnh khi ông già thấp hơn vội vã bỏ đi, cô nói với Richard. Nhưng hai người không báo với Kate. Kate viết thư cảm ơn hai ông già ấy ngay hôm sau. Bà không cần ai báo với mình về hai người đó.

Ít ngày sau, ông già cao lớn hơn trong hai ông già ấy đến gặp Florentyna ở cửa hàng trên Đại lộ 5. Ông đã nghe nói cô sắp trở về San Francisco và ông muốn gặp cô trước khi cô đi. Cô chăm chú lắng nghe những điều ông muốn nói và vui vẻ đồng ý với đề nghị của ông.

Chiều hôm sau, Richard và Florentyna Kane đến khách sạn Nam Tước. George Novak đang đợi ngoài hành lang để đưa họ lên tầng 42.

Sau mười năm, Florentyna gần như không nhận ra cha mình. Ông ngồi trên giường, đeo đôi kính hình bán nguyệt ở đầu mũi, vẫn không cần đến những chiếc gối, nhưng mỉm cười buồn bã. Hai người trò chuyện về những ngày hạnh phúc. Cả hai đều cười rất ít mà khóc nhiều.

- Con phải tha lỗi cho cha nhé, Richard! - Abel nói - Người Ba Lan là một tộc người đa cảm.

- Con biết. Các bé nhà con cũng có một nửa dòng máu Ba Lan. - Richard nói.

Tối hôm đó, cả nhà ăn tối cùng nhau - món thịt bê quay tuyệt hảo, Abel nói như vậy xứng đáng với sự trở về của cô con gái thích tiêu tiền. Ông nói về hiện tại, né tránh quá khứ và cho cô biết mình đã thấy tương lai của Tập đoàn ra sao.

- Chúng ta nên có một cửa hàng của con ở mọi khách sạn. - Ông nói với Florentyna. Cô bật cười và đồng ý.

Ông giải bày nỗi buồn của mình với Richard về mối thù hận lâu năm với cha anh, ông cũng chưa bao giờ may nghĩ ra William Kane có thể là ân nhân của ông và

ông đã mong có một cơ hội, chỉ một cơ hội, để đích thân tạ ơn ông ấy.

- Ông ấy sẽ hiểu mà. - Richard nói.

- Con biết không, cha con và ta đã gặp nhau đúng ngày ông ấy qua đời. - Abel nói.

Florentyna và Richard nhìn ông sững sờ.

-Ồ, đúng mà. - Abel nói - Chúng ta đi ngang qua nhau ở Đại lộ 5. Ông ấy đến để xem buổi khai trương cửa hàng mới của các con. Ông ấy nâng mũ chào ta. Như vậy là đủ, đủ rồi.

Abel chỉ có duy nhất một yêu cầu cho Florentyna: Vài tháng tới, cô và Richard sẽ đi cùng ông sang Warsaw để khai trương khách sạn Nam Tước mới nhất.

- Các con có hình dung được không, - ông sôi nổi trở lại, những ngón tay lại gõ nhịp lên bàn - khách sạn Nam Tước Warsaw! Chỉ Chủ tịch Tập đoàn Nam Tước mới có thể khai trương được khách sạn này.



Trong suốt những tháng tiếp theo, gia đình Kane thường xuyên đến thăm Abel và một lần nữa Florentyna lại được sống bên cha mình.

Abel khâm phục Richard vì lương tri của anh đã giúp kiềm chế bớt tham vọng của con gái ông. Ông yêu quý cháu trai của mình. Và cả Annabel bé nhỏ cũng sẽ thành đạt - về mặt vô cùng hiện đại đó biểu lộ điều gì nào? Trong đời Abel rất ít khi được hạnh phúc hơn lúc này, ông bắt đầu lên kế hoạch tỉ mỉ cho cuộc hồi hương đầy vinh quang về Ba Lan để khai trương khách sạn Nam Tước Warsaw.



Chủ tịch Tập đoàn Nam Tước khai trương khách sạn Nam Tước Warsaw muộn hơn sáu tháng so với dự kiến ban đầu. Những hợp đồng xây dựng ở Warsaw cũng chậm chạp như mọi nơi trên thế giới.

Trong bài diễn văn đầu tiên ở cương vị Chủ tịch Tập đoàn, Florentyna Kane cho các vị khách biết niềm tự hào của cô về khách sạn tráng lệ này đã hòa cùng với nỗi đau buồn khi cha cô không thể có mặt để đích thân khai trương khách sạn Nam Tước Warsaw.

Trong di chúc, Abel để lại toàn bộ tài sản cho Florentyna, ngoại trừ một di vật nhỏ. Bộ phận kiểm kê tài sản đã xác định món quà này là một vòng tay bằng bạc có chạm khắc, loại hiếm gặp và chưa thể xác định được giá trị, chiếc vòng gắn với huyền thoại về “Nam tước Abel Rosnovski”.

Người thừa kế chiếc vòng ấy là cháu ngoại của ông, William Abel Kane.

HAI SỐ PHẬN - KANE & ABEL

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Địa chỉ: 18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781
Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.com.vn

E-mail: info@nxbvanhoc.com.vn

* **Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh**

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

* **Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236 3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: **Nguyễn Anh Vũ**

Chế bản: **Ảnh Vững**

Sửa bản in: **Hải Yến**

Vẽ bìa: **Reiko Miori**

Thiết kế bìa: **Quang Vinh**



LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ HUY HOÀNG

110D Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (0243) 736.5859 - 736.6075 Fax: 0243.7367783
Email: info@huyhoangbook.vn

CHI NHÁNH PHÍA NAM

357A Lê Văn Sỹ, P1, Q. Tân Bình, TP. HCM
Tel: (0283) 991 3636 - 991 2472 Fax: (0283) 991 2482
Email: cnsaigon@huyhoangbook.vn
www.huyhoangbook.vn

Mã sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-307-350-8
In 1.500 cuốn, khổ 13.5 x 20.5 cm tại: Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Địa chỉ: 22/3 ngõ 89 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Số đăng ký KHXB: 3591-2020/CXBIPH/01-143/VH, ngày 09/09/2020
Số QĐ của NXB Văn học: 838/QĐ-VH, ngày 11/09/2020
In xong nộp lưu chiểu năm 2020

Cảm ơn bạn đã chọn sách của Huy Hoàng!
Mọi góp ý xin gửi về: rights@huyhoangbook.vn

“Số phận chi tương trợ người can đảm.”

“Đừng bao giờ tìm gió trên cánh đồng.
Thật vô ích khi cố kiếm tìm những điều
đã mất.”



Mời các bạn ghé thăm
HUYHOANGBOOKSTORE tại:

Mail: rights@huyhoangbook.vn
Fanpage: fb.com/huyhoangbookstore
Mua sách online tại: huyhoangbook.vn



ai người đàn ông sinh cùng một ngày ở hai nửa của thế giới, một người có tất cả và một người không có gì. Mang đầy hoài bão, cả hai bị cuốn vào cuộc chiến khốc liệt khi xây dựng đế chế của riêng mình. Định mệnh đã khiến họ gặp nhau. Những nỗi bất hạnh, những mâu thuẫn của thế giới tư bản, biết bao biến cố của nhân loại và những bài học xương máu... Mối thù giữa Kane và Abel cứ lớn dần lên trong suốt cuộc tranh đấu tưởng như không có hồi kết...

"Một người kể chuyện sánh ngang với Alexandre Dumas... khiến người đọc luôn háo hức muốn biết những sự kiện tiếp theo."

THE WASHINGTON POST



huyhoangbook.vn



Giá: 155.000VNĐ